

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT (2021-2025)
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) + (6)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Công trình, dự án cấp quốc gia trên địa bàn thành phố						
A.1	Đất quốc phòng	CQP					
1	Xây dựng sở chỉ huy quân sự	CQP	1,50		1,50	Huyện Ba Vì	2021
2	Xây dựng trường bắn và thao trường huấn luyện tại thôn Nam Sơn xã Nam Phương Tiến	CQP	0,87		0,87	Huyện Chương Mỹ	2022
3	Mở rộng Sư đoàn 308 - Quân Đoàn I	CQP	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2022
4	Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng	CQP	1,70		1,70	Huyện Chương Mỹ	2022
5	Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng	CQP	5,29		5,29	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
6	Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng	CQP	23,00		23,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
7	Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng	CQP	2,90		2,90	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
8	Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng	CQP	291,08		291,08	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
9	Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng	CQP	1,18		1,18	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
10	Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng	CQP	37,80		37,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
11	Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng	CQP	94,10		94,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
12	Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng	CQP	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
13	Hỗ trợ GPMB khu đất xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện, khu căn cứ chiến đấu trong khu vực phòng thủ	CQP				Huyện Đan Phượng	2024-2025
14	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Bắc Hồng	CQP	0,17		0,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
15	Xây dựng ban chỉ huy quân sự xã Dục Tú	CQP	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
16	Xây dựng trụ sở Quân sự xã Hải Bối	CQP	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
17	Xây dựng trụ sở Quân sự xã Mai Lâm	CQP	0,12		0,12	Huyện Đông Anh	2021-2025
18	Xây dựng ban chỉ huy quân sự xã Thụy Lâm	CQP	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
19	Bộ tư lệnh thủ đô Hà Nội điểm 1	CQP	2,05		2,05	Huyện Đông Anh	2025
20	Xây dựng trụ sở quân sự xã Uy Nỗ	CQP	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
21	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Canh	CQP	0,15		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
22	Khu nghiên cứu khoa học, huấn luyện đào tạo của Học viện Kỹ thuật Quân sự tại xã Kim Nỗ và xã Kim Chung	CQP	2,86		2,86	Huyện Đông Anh	2021
23	D64/e236/f361 (DB)	CQP	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
24	SCHd172/f361 (DB)	CQP	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
25	Cụm 1e218b/f361 (CT)	CQP	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
26	Ban chỉ huy quân sự huyện Gia Lâm	CQP	1,01			Huyện Gia Lâm	2022
27	Xây dựng doanh trại và thao trường huấn luyện trung đoàn BB692	CQP	48,00	48,00		Huyện Hoài Đức	2022
28	Xây mới Ban Chỉ huy quân sự và chỉnh trang khuôn viên UBND xã An Thượng	CQP	0,04			Huyện Hoài Đức	2022
29	Xây dựng doanh trại và thao trường huấn luyện trung đoàn BB692	CQP	48,00			Huyện Hoài Đức	2022
30	Xây dựng bến Hạ thủy phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn	CQP	6,00			Huyện Mê Linh	2022
31	Xây dựng thao trường huấn luyện ban chỉ huy quân sự huyện Mỹ Đức	CQP	1,25			Huyện Mỹ Đức	2021
32	Kho quân sự	CQP	10,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
33	Khu phòng thủ dự phòng	CQP	74,68			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
34	Mở rộng trung tâm huấn luyện Miếu Môn	CQP	29,23			Huyện Mỹ Đức	2021
35	Khu phòng thủ dự phòng	CQP	32,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
36	Công trình quốc phòng bộ tư lệnh Thủ đô (Điểm 2)	CQP	3,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
37	Xây dựng kho hậu cần BQP (thôn An Đà)	CQP	3,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
38	Xây dựng thao trường	CQP	9,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
39	Căn cứ hậu phương phòng thủ tại xã Văn Hoàng	CQP	9,00		9,00	Huyện Phú Xuyên	2025
40	Xây dựng mới trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Xuyên	CQP	2,50		2,50	Huyện Phú Xuyên	2021
41	Khu vực phòng thủ huyện	CQP	5,00		5,00	Huyện Phú Xuyên	2023
42	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Chuyên Mỹ	CQP	0,19		0,19	Huyện Phú Xuyên	2023
43	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hồng Minh	CQP	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
44	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hồng Thái	CQP	0,37		0,37	Huyện Phú Xuyên	2022
45	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Nam Tiến	CQP	0,28		0,28	Huyện Phú Xuyên	2022
46	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Nam Triều	CQP	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
47	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự TT Phú Minh	CQP	0,06		0,06	Huyện Phú Xuyên	2022
48	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Quang Lãng	CQP	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2022
49	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Sơn Hà	CQP	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
50	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tân Dân	CQP	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
51	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tri Trung	CQP	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2025
52	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Vân Từ	CQP	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
53	Điểm 1 - BC Tăng - Thiết Giáp	CQP	5,00		5,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
54	Bộ TL TD Hà Nội	CQP	5,00		5,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
55	SCHe218b/f361 (DB)	CQP	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
56	Xây dựng vị trí đóng quân của trường bắn Hòa Thạch/BTL Thủ đô Hà Nội (giải quyết chồng lấn)	CQP	35,00		35,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
57	Điểm 26 (Xây dựng công trình phòng thủ điểm cao 51,8)	CQP	2,00		2,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
58	Điểm 27 (Xây dựng công trình phòng thủ điểm cao 81,5)	CQP	2,80		2,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
59	Xây dựng công trình phòng thủ thôn Vĩnh Phú xã Liệp Tuyết	CQP	25,20		25,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
60	d76/e257/f361 (DB)	CQP	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
61	Điểm 25 (Mở rộng trường bắn của LLVT huyện)	CQP	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
62	Mở rộng khuôn viên Ban chỉ huy quân sự Huyện	CQP	0,53	0,48	0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
63	Nhà máy Z125	CQP	9,20		9,20	Huyện Sóc Sơn	2022
64	Mở rộng Doanh trại Trung đoàn 141	CQP	6,63		6,63	Huyện Sóc Sơn	2022
65	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Nhà máy Z117	CQP	7,72			Huyện Sóc Sơn	2022
66	Dự án đầu tư công trình STN.O1	CQP	2,00			Huyện Sóc Sơn	2022
67	Dự án GPMB thành lập vành đai an toàn PCCC kho xăng dầu PK95	CQP	7,40			Huyện Sóc Sơn	2022
68	Di chuyển Trung đoàn 165/Sư đoàn 3 12/Quân đoàn 1 (nơi chuyển đến)	CQP	101,60		101,6	Huyện Sóc Sơn	2022
69	Điểm 2	CQP	49,50		38,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
70	Điểm 6 (mở rộng kho)	CQP	0,10		0,10	Huyện Sóc Sơn	2024
71	Mở rộng Doanh trại	CQP	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2022
72	Đảm bảo đủ điều kiện về độ dốc, thông tin và bắn đạn nước mới, xa khu dân cư và thuận tiện giao thông	CQP	5,00		5,00	Huyện Sóc Sơn	2025
73	Mở rộng khu nhà, xưởng sản xuất	CQP	9,21		9,21	Huyện Sóc Sơn	2022
74	Làm thao trường HL	CQP	2,05		2,05	Huyện Sóc Sơn	2021
75	Làm thao trường HL	CQP	2,05		2,05	Huyện Sóc Sơn	2021
76	Đường vào TB Xuân Bàng	CQP	1,40		1,40	Huyện Sóc Sơn	2021
77	Mở rộng vị trí đóng quân	CQP	10,10		10,10	Huyện Sóc Sơn	2021
78	Kho quân trang, kho vật chất trang bị phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn (liền kề ban CHQS huyện)	CQP	0,05			Huyện Thạch Thất	2021-2025
79	Nhà làm việc quân sự xã Cẩm Yên	CQP	0,09		0,09	Huyện Thạch Thất	2021-2025
80	Điểm 14 - Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội (Xây dựng trụ sở làm việc Ban CHQS huyện)	CQP	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2023
81	Trụ sở quân sự xã Chàng Sơn	CQP	0,07		0,07	Huyện Thạch Thất	2025
82	Điểm 10 - BC Công Binh (Xây dựng công trình phòng thủ Khu vực núi Hàng Xanh)	CQP	4,00		4,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
83	DD64/f361 (DB)	CQP	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
84	Kho K5- Bộ tư lệnh Pháo binh	CQP	2,29		2,29	Huyện Thạch Thất	2021-2025
85	Xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang (02 Dự án)	CQP	24,00		13,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
86	Trung tâm 72	CQP	3,50		3,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
87	Trụ sở quân sự xã Bình Yên	CQP	0,15		0,15	Huyện Thạch Thất	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
88	Điểm 1 - Tổng cục CNQP	CQP	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
89	Xây dựng trụ sở quân sự xã Hạ Bằng	CQP	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2022
90	Điểm 2 - Tổng cục CNQP	CQP	12,50		12,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
91	Căn cứ chiến đấu hậu phương 1	CQP	7,00		7,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
92	Xây dựng quy hoạch thể trận quân sự KVPT huyện Thạch Thất (Điểm 3)	CQP	80,00		80,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
93	Xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện (khu vực núi Voi)	CQP	10,00			Huyện Thạch Thất	2021-2025
94	Xây dựng trụ sở quân sự xã Yên Bình	CQP	0,22		0,22	Huyện Thạch Thất	2023-2025
95	Trường bắn, thao trường	CQP	10,00			Huyện Thạch Thất	2021-2025
96	Trụ sở quân sự xã Đồng Trúc	CQP	0,16		0,16	Huyện Thạch Thất	2021-2025
97	Trụ sở quân sự xã Tiến Xuân	CQP	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
98	Trụ sở quân sự xã Thạch Xá	CQP	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
99	Trụ sở quân sự xã Tân Xã	CQP	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
100	Trụ sở quân sự xã Yên Trung	CQP	0,15		0,15	Huyện Thạch Thất	2021-2025
101	Trụ sở quân sự xã Phú Kim	CQP	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
102	Thao trường huấn luyện diễn tập lực lượng vũ trang huyện Thanh Oai	CQP	7,00		7,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
103	Căn cứ chiến đấu	CQP	5,20		5,20	Huyện Thanh Oai	2024
104	Quy hoạch đất quốc phòng	CQP	4,50		4,50	Huyện Thanh Oai	2024
105	Khu tưởng niệm hiến xác cho y học (Học viên quân y)	CQP	0,05		0,05	Huyện Thanh Oai	2024
106	c23/e218/f361 (DB)	CQP	2,00		2,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
107	d78/e257/f361 (DB)	CQP	4,50		4,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
108	Tổng cục chính trị (Điểm 1) (Nhà máy in quân đội)	CQP	5,00		5,00	Huyện Thường Tín	2022
109	Thao trường huấn luyện quân sự	CQP	19,20		19,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
110	Thao trường huấn luyện	CQP	8,00		8,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
111	Nhà máy In Quân Đội	CQP	5,00	5,00		Huyện Thường Tín	2021
112	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Ứng Hòa	CQP	2,00	2,00		Huyện Ứng Hòa	2022
113	Thao trường, bãi tập cho LLVT Huyện	CQP	3,00		3,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
114	d64/e236/f361 (DB)	CQP	5,00		5,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
115	Bộ tư lệnh thủ đô Hà Nội (Điểm 5)	CQP	2,00		2,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
116	Trụ sở BCHQS quận Ba Đình	CQP	0,08			Quận Ba Đình	2021-2025
117	Mở rộng Nhà tang lễ Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108	CQP	2,16	1,05	1,11	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
118	Mở rộng sở chỉ huy Tổng cục II (G. đoạn 2)	CQP	1,18	0,73	0,45	Quận Nam Từ Liêm	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
119	Đất quốc phòng - Trong Nhóm Nhà ở Tây Nam Mễ Trì (Điểm 3)	CQP	0,48		0,48	Quận Nam Từ Liêm	2021
120	Đất quốc phòng (Điểm 4)	CQP	0,05		0,05	Quận Nam Từ Liêm	2024
121	Trung tâm thể thao quân đội - khu liên hợp thể thao quốc gia	CQP	20,00		20,00	Quận Nam Từ Liêm	2021
122	Xây dựng Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam & di chuyển các đơn vị quân sự thuộc Bộ quốc phòng khỏi thành cổ Hà Nội	CQP	35,71			Quận Nam Từ Liêm	2021
123	Điểm 1	CQP	0,03			Quận Thanh Xuân	2025
124	Mở rộng Trường bắn tại khu vực đập Cây Xanh thôn Thủ Trung, xã Thanh Mỹ	CQP	3,50		3,50	Thị xã Sơn Tây	2022
125	Trụ sở Viện Khoa học và công nghệ Quân sự - Bộ Quốc Phòng	CQP	0,50		0,50	Quận Cầu Giấy	2021
126	Dự án Xây dựng công, tường rào bảo vệ và hạ tầng của Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga (Bộ quốc phòng)	CQP	0,01		0,01	Quận Cầu Giấy	2021
127	Trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Phúc Thọ	CQP	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
128	Công trình chiến đấu, phòng thủ huyện Phúc Thọ	CQP	4,50		4,50	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
129	Mở rộng Nhà tang lễ Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108	CQP	2,16	1,05	1,11	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
A.2	Đất an ninh	CAN					
1	Xây dựng trụ sở làm việc công an thị trấn Tây Đằng	CAN	0,25		0,25	Huyện Ba Vì	2021
2	Xây dựng Kho vật chứng phía Bắc	CAN			2,80	Huyện Chương Mỹ	2022
3	Đồn Công An số 14	CAN			0,35	Huyện Chương Mỹ	2022
4	Mở rộng Trường Trung cấp Cảnh sát vũ trang tại Khu Núi Rùa, thôn Xuân Thù, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ	CAN			2,00	Huyện Chương Mỹ	2022
5	Đồn công an 36, khu Công nghiệp Phú Nghĩa	CAN	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
6	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,20		0,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
7	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,20		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
8	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	7,76		7,96	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
9	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
10	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
11	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
12	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
13	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
14	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,11		0,11	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
15	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,11		0,11	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
16	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
17	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
18	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,11		0,11	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
19	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
20	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
21	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
22	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,11		0,11	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
23	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
24	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
25	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
26	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,11		0,11	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
27	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
28	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
29	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,12		-	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
30	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
31	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,13		0,13	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
32	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
33	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
34	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
35	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	1,23		1,23	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
36	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
37	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,11		0,11	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
38	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
39	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,16		0,16	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
40	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
41	Nhu cầu sử dụng đất an ninh	CAN	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
42	Xây dựng trụ sở công an xã Bắc Hồng	CAN	0,13		0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
43	Xây dựng trụ sở công an xã Cổ Loa	CAN	0,13		0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
44	Xây dựng trụ sở công an xã Đại Mạch	CAN	0,13		0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
45	Xây dựng trụ sở công an xã Dục Tú	CAN	0,16		0,16	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
46	Xây dựng trụ sở công an xã Hải Bối	CAN	0,65		0,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
47	Xây dựng trụ sở công an xã Nguyên Khê	CAN	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
48	Xây dựng trụ sở công an xã Thụy Lâm	CAN	0,13		0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
49	Xây dựng trụ sở công an xã Vân Nội	CAN	0,11		0,11	Huyện Đông Anh	2021-2025
50	Xây dựng trụ sở công an xã Xuân Canh	CAN	0,19		0,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
51	Đội CAPTX về ANTT	CAN	0,15		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
52	Trụ sở các đội cảnh sát PCCC (Đông Anh 3, KCN, Đông Anh 2, Đông Anh)	CAN	2,72		2,72	Huyện Đông Anh	2021-2025
53	Các đồn CA khu vực (Nam Đông Anh, Kim Chung, Bắc Thăng Long, Nam Hồng)	CAN	1,18		1,18	Huyện Đông Anh	2021-2025
54	Trụ sở Đội tuần tra dẫn đoàn - Phòng cảnh sát giao thông	CAN	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
55	Trụ sở Tiểu đoàn 4 - Trung đoàn cảnh sát cơ động	CAN	0,99		0,99	Huyện Đông Anh	2021-2025
56	Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 3- Phòng cảnh sát PCCC&CNCH	CAN	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
57	Trạm CSGT Cửa ô QL3	CAN	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
58	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Cổ Bi	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
59	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Dương Quang, huyện Gia Lâm	CAN	0,19		0,19	Huyện Gia Lâm	2023-2024
60	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	CAN	0,20		0,20	Huyện Gia Lâm	2023-2024
61	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Đông Dư, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
62	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Bát Trảng, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
63	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Văn Đức, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
64	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm	CAN	0,30		0,30	Huyện Gia Lâm	2023-2024
65	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	CAN	0,12		0,12	Huyện Gia Lâm	2023-2024
66	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
67	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
68	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
69	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
70	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Trung Mậu, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
71	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
72	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
73	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
74	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Kim Lan, huyện Gia Lâm	CAN	0,06		0,06	Huyện Gia Lâm	2023-2024

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
75	Trụ sở công an xã La Phù	CAN	0,10			Huyện Hoài Đức	2022
76	Trụ sở công an xã Kim Chung	CAN	0,10			Huyện Hoài Đức	2022
77	Trụ sở công an xã Minh Khai	CAN	0,10			Huyện Hoài Đức	2022
78	Trụ sở công an xã Cát Quế	CAN	0,16			Huyện Hoài Đức	2022
79	Trụ sở công an xã Đức Giang	CAN	0,10			Huyện Hoài Đức	2022
80	Trụ sở công an xã Đức Thượng	CAN	0,10			Huyện Hoài Đức	2022
81	Trụ sở công an xã Đắc Sở	CAN	0,16			Huyện Hoài Đức	2022
82	Trụ sở công an xã An Thượng	CAN	0,10			Huyện Hoài Đức	2022
83	Trụ sở công an xã Song Phương	CAN	0,09			Huyện Hoài Đức	2022
84	Công an xã Vân Côn	CAN	0,06		0,06	Huyện Hoài Đức	2022
85	Xây dựng, mở rộng cơ sở làm việc ứng trực và nhà tạm giữ công an huyện Hoài Đức	CAN				Huyện Hoài Đức	2023-2024
86	Trụ sở công an xã Thạch Đà	CAN	0,12			Huyện Mê Linh	2022
87	Đồn Công an thị trấn Chi Đông	CAN	0,20			Huyện Mê Linh	2022
88	Trụ sở Công an thành phố Hà Nội (KCN Quang Minh)	CAN	0,20			Huyện Mê Linh	2022
89	Đồn Công an thị trấn Quang Minh	CAN	0,20			Huyện Mê Linh	2022
90	Trụ sở công an xã Văn Khê	CAN	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2022
91	Trụ sở công an xã Tam Đồng	CAN	0,10		0,10	Huyện Mê Linh	2022
92	Trụ sở công an xã Tráng Việt	CAN	0,10			Huyện Mê Linh	2022
93	Trụ sở công an xã Tiên Thắng	CAN	0,10			Huyện Mê Linh	2022
94	Trụ sở công an xã Tiên Thịnh	CAN	0,10			Huyện Mê Linh	2022
95	Đất xây dựng trụ sở công an	CAN	2,99			Huyện Mỹ Đức	2021-2022
96	Kho lưu giữ tang vật CA huyện Mỹ Đức	CAN	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
97	QH trụ sở công an xã Bạch Hạ	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
98	QH trụ sở công an xã Chuyên Mỹ	CAN	0,19		0,19	Huyện Phú Xuyên	2022
99	QH trụ sở công an xã Hồng Minh	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
100	QH trụ sở công an xã Nam Phong	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2023
101	QH trụ sở công an xã Nam Triều	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
102	QH trụ sở công an xã Quang Trung	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2023
103	QH trụ sở công an xã Sơn Hà	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
104	QH trụ sở công an xã Tri Trung	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2025
105	QH trụ sở công an thị trấn Phú Minh	CAN	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2022
106	QH trụ sở công an xã Vân Từ	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
107	Trụ sở công an xã Đông Yên	CAN	0,17		0,17	Huyện Quốc Oai	2021-2025
108	XD trụ sở công an xã Đông Xuân	CAN	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
109	Trụ sở công an xã Hòa Thạch	CAN	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
110	Trụ sở nhà làm việc công an xã Cấn Hữu	CAN	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
111	Trụ sở nhà làm việc công an xã Nghĩa Hương	CAN	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
112	Trụ sở công an xã Tuyết Nghĩa	CAN	0,07		0,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
113	Trụ sở công an xã Cộng Hòa	CAN	0,22		0,22	Huyện Quốc Oai	2021-2025
114	Trụ sở nhà làm việc công an xã Tân Phú	CAN	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
115	Trụ sở làm việc công an xã Tân Hòa	CAN	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
116	Xây dựng trụ sở công an xã Đại Thành	CAN	0,11		0,11	Huyện Quốc Oai	2021-2025
117	Xây dựng trụ sở công an xã Đồng Quang	CAN	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
118	Xây mới trụ sở công an xã Liệp Tuyết	CAN	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
119	Xây mới trụ sở công an xã Ngọc Liệp	CAN	0,13		0,13	Huyện Quốc Oai	2021-2025
120	Xây dựng trụ sở công an xã Ngọc Mỹ	CAN	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
121	Xây mới trụ sở công an xã Thạch Thán	CAN	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
122	Xây mới trụ sở công an xã Yên Sơn	CAN	0,13		0,13	Huyện Quốc Oai	2021-2025
123	Xây mới trụ sở công an xã Phượng Cách	CAN	0,23		0,23	Huyện Quốc Oai	2021-2025
124	Xây mới trụ sở công an xã Sài Sơn	CAN	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
125	Trụ sở nhà làm việc công an xã Phú Cát	CAN	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
126	Trụ sở công an xã Phú Mãn	CAN	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
127	Mở rộng khuôn viên công an Huyện	CAN	1,30	0,76	0,54	Huyện Quốc Oai	2021-2025
128	Trụ sở đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	CAN	0,54		0,54	Huyện Quốc Oai	2021-2025
129	Trụ sở làm việc công an Thành phố	CAN	0,34		0,34	Huyện Quốc Oai	2021-2025
130	XD MR và nâng cấp Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I	CAN	7,73			Huyện Sóc Sơn	2022
131	Dự án đầu tư Xây dựng Đồn Công an KCN Nội Bài	CAN	0,40			Huyện Sóc Sơn	2022
132	Xây dựng trụ sở công an xã Bắc Sơn	CAN	0,17			Huyện Sóc Sơn	2022
133	Xây dựng trụ sở công an xã Hiền Ninh	CAN	0,15			Huyện Sóc Sơn	2022
134	Xây dựng trụ sở công an xã Mai Đình	CAN	0,20			Huyện Sóc Sơn	2022
135	Xây dựng trụ sở công an xã Phù Linh	CAN	0,20			Huyện Sóc Sơn	2022
136	Xây dựng trụ sở công an xã Quang Tiến	CAN	0,12			Huyện Sóc Sơn	2022
137	Xây dựng trụ sở công an xã Tân Hưng	CAN	0,18			Huyện Sóc Sơn	2022
138	Xây dựng trụ sở công an xã Minh Phú	CAN	0,20			Huyện Sóc Sơn	2022
139	Xây dựng trụ sở công an xã Minh Trí	CAN	0,20			Huyện Sóc Sơn	2022
140	Đại đội CSCĐ Thạch Thất	CAN	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
141	Kho tang vật	CAN	0,04		0,04	Huyện Thạch Thất	2021-2025
142	Xây dựng trụ sở công an, quân sự xã Đại Đồng	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2022
143	Xây dựng trụ sở công an xã Cẩm Yên	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2023-2025
144	Xây dựng trụ sở công an xã Đồng Trúc	CAN	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2022
145	Xây dựng trụ sở công an xã Lại Thượng	CAN	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2023-2025
146	Xây dựng trụ sở công an xã Kim Quan	CAN	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2023-2025
147	Xây dựng trụ sở công an xã Hương Ngải	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2022
148	Xây dựng trụ sở công an xã Canh Nậu	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
149	Trụ sở công an, quân sự xã Dị Nậu	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
150	Đầu tư công trình TB/09 - Bộ Công an	CAN	65,23		45,23	Huyện Thạch Thất	2021-2022
151	Xây dựng trụ sở công an xã Thạch Xá	CAN	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2023-2025
152	Xây dựng trụ sở công an xã Chàng Sơn	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2023-2025
153	Xây dựng trụ sở công an xã Bình Phú	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2023-2025
154	Xây dựng trụ sở công an xã Hữu Bằng	CAN	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2023-2025
155	Đồn công an Quang Trung	CAN	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2022
156	Xây dựng Trụ sở công an, quân sự xã Phùng Xá	CAN	0,06		0,06	Huyện Thạch Thất	2022
157	Xây dựng trụ sở công an xã Cấn Kiệm	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2022
158	Trường CCCA (Bình Yên)	CAN	5,00			Huyện Thạch Thất	2021-2025
159	Học viện chính trị công an nhân dân	CAN	10,00		10,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
160	Trường Cao đẳng cảnh sát nhân dân TW 1	CAN	15,00		15,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
161	Xây dựng kho trung tâm dự trữ, cấp phát tổng hợp và cơ sở hạ tầng lực lượng vận tải (Cục kho vận)	CAN	3,00			Huyện Thạch Thất	2021-2025
162	Xây dựng Trụ sở công an xã Bình Yên	CAN	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2021-2025
163	Xây dựng trụ sở công an xã Tân Xã	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2023-2025
164	Xây dựng trụ sở công an xã Hạ Bằng	CAN	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2022
165	Đồn công an Khu công nghệ cao Hòa Lạc	CAN	0,15			Huyện Thạch Thất	2022
166	Đội CSGT số 11	CAN	0,30			Huyện Thạch Thất	2021-2025
167	Xây dựng trụ sở công an xã Thạch Hòa	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
168	Xây dựng trụ sở công an xã Tiến Xuân	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2023-2025
169	Xây dựng trụ sở công an xã Yên Bình	CAN	0,22		0,22	Huyện Thạch Thất	2023-2025
170	Xây dựng trụ sở công an xã Yên Trung	CAN	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2023-2025
171	Xây dựng trụ sở công an, quân sự xã Phú Kim	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
172	Trụ sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy huyện Thanh Oai	CAN	0,47		0,47	Huyện Thanh Oai	2024
173	Mở rộng trụ sở làm việc công an huyện	CAN	1,99		1,99	Huyện Thanh Oai	2024
174	Trụ sở Tiểu đoàn 3 - Trung đoàn cảnh sát cơ động	CAN	0,20		0,20	Huyện Thanh Oai	2024
175	Xây dựng trụ sở làm việc công an các xã, thị trấn	CAN	3,42	0,13	3,29	Huyện Thanh Oai	2024
176	Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Xuân Dương	CAN	0,20		0,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
177	Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Thanh Văn	CAN	0,20		0,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
178	Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Thanh Thủy	CAN	0,10		0,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
179	Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Tân Ước	CAN	0,13		0,13	Huyện Thanh Oai	2021-2022
180	Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Phương Trung	CAN	0,10		0,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
181	Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Liên Châu	CAN	0,10	0,03	0,07	Huyện Thanh Oai	2021-2022
182	Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Kim Thư	CAN	0,15		0,15	Huyện Thanh Oai	2021-2022
183	Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Đỗ Động	CAN	0,10		0,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
184	Trụ sở đồn công an Dân Hòa	CAN	0,16		0,16	Huyện Thanh Oai	2021-2022
185	Đồn công an thị trấn (TT Kim Bài)	CAN	0,25		0,25	Huyện Thanh Oai	2021-2022
186	Mở rộng trụ sở làm việc công an huyện	CAN	1,99		1,99	Huyện Thanh Oai	2021-2022
187	Mở rộng trung tâm huấn luyện nghiệp vụ bộ công an	CAN	7,21	2,21	5,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
188	Nhà để xe, tang vật vi phạm của công an huyện	CAN	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
189	Phòng cảnh sát PCCC số 12 (Phòng Thường Tín)	CAN	0,53			Huyện Thường Tín	2022-2025
190	Trụ sở công an các xã	CAN	4,05		4,05	Huyện Thường Tín	2022-2025
191	Trụ sở công an Thị trấn Thường Tín	CAN	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
192	Trụ sở công an TT Thường Tín	CAN	0,20	0,20		Huyện Thường Tín	2021
193	Kho vật chứng, bãi để xe vi phạm của công an huyện tại khu đất CQ.04 tại khu K2	CAN	0,44	0,44	0,44	Huyện Thường Tín	2021
194	Trung tâm huấn luyện V26 Bộ Công An	CAN	5,00		5,00	Huyện Thường Tín	2021
195	Xây dựng mở rộng Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc cục C10	CAN	5,00	0,67		Huyện Thường Tín	2022
196	Đồn công an Viên An	CAN	0,06			Huyện Ứng Hòa	2022
197	Trụ sở công an các xã, thị trấn	CAN	1,20	-	1,20	Huyện Ứng Hòa	2023
198	Mở rộng công an Huyện	CAN	0,12		0,18	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
199	Phòng cảnh sát PCCC số 15 (mở rộng)	CAN	0,25		0,25	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
200	Đội cảnh sát cơ động huyện Ứng Hòa (mở rộng)	CAN	0,60	0,40	0,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
201	Trụ sở công an các xã, thị trấn	CAN	4,30		4,30	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
202	Nơi đóng quân cho Trung đoàn 312-Bộ Tư lệnh Cảnh vệ	CAN	1,00		1,00	Quận Ba Đình	2021-2025
203	Dự án xây dựng trụ sở Công an phường Đội Cấn	CAN	0,02		0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
204	Mở rộng trụ sở Công an quận Ba Đình	CAN	0,06		0,06	Quận Ba Đình	2021-2025
205	Xây dựng trụ sở Công an phường Vĩnh Phúc	CAN	0,07		0,07	Quận Ba Đình	2021-2025
206	Dự án xây dựng trụ sở Công an phường Điện Biên	CAN	0,05		0,05	Quận Ba Đình	2021-2025
207	Trụ sở công an phường Yên Nghĩa	CAN	0,30		0,30	Quận Hà Đông	2021-2022
208	Trụ sở công an phường Văn Quán	CAN	0,09		0,09	Quận Hà Đông	2021-2022
209	Trụ sở công an Phú Lãm (Khu Ao Bà Cai Tổ 2)	CAN	0,11		0,11	Quận Hà Đông	2021
210	Trụ sở công an phường Quỳnh Mai	CAN	0,03		0,03	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
211	Trụ sở công an phường Thanh Lương	CAN	0,04		0,04	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
212	Trụ sở công an phường Lê Đại Hành	CAN	0,05		0,05	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
213	Trạm cấp xăng dầu của Tổng cục An ninh	CAN	0,04		0,04	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
214	Mở rộng trụ sở Công an TP HN	CAN	0,02		0,02	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
215	Dự án tại khu đất Công ty vật liệu xây dựng Nam Thắng	CAN	0,67		0,67	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
216	Xây dựng trụ sở Công an phường Lý Thái Tổ	CAN	0,02	0,02		Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
217	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc cho Cục cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường	CAN	2,98	2,98	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
218	Trung tâm chỉ huy huấn luyện các công trình nghiệp vụ phụ trợ kết hợp trụ sở làm việc của cục B61-Tổng cục V	CAN	2,64		2,64	Quận Nam Từ Liêm	2023
219	Dự án Xây dựng Bộ tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam	CAN	7,43	7,43	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
220	Viện khoa học và công nghệ	CAN	0,80		0,80	Quận Nam Từ Liêm	2022
221	Trụ sở đồn công an phường Tây Mỗ	CAN	0,10	0,10	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
222	Trụ sở Công an phường Phương Canh	CAN	0,32		0,32	Quận Nam Từ Liêm	2024
223	Trụ sở Công an phường Đại Mỗ	CAN	0,11		0,11	Quận Nam Từ Liêm	2024
224	Trụ sở Công an phường Mỹ Đình 2	CAN	0,10		0,10	Quận Nam Từ Liêm	2024
225	Trụ sở Công an phường Xuân Phương	CAN	0,12		0,12	Quận Nam Từ Liêm	2024
226	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC quận Nam Từ Liêm	CAN	0,31		0,31	Quận Nam Từ Liêm	2024
227	Xây dựng Doanh trại Trung đoàn Bộ và Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 22, Cục cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp, Tổng cục cảnh sát (nay là Doanh trại Trung đoàn Bộ và Tiểu đoàn 1/E22)	CAN	9,65		9,65	Quận Nam Từ Liêm	2021
228	Trụ sở đồn công an phường	CAN	0,20		-	Quận Nam Từ Liêm	2021
229	Trung tâm chỉ huy tác chiến và nhà ở cho lãnh đạo chỉ huy, cán bộ chiến sỹ cục B32 (Tổng cục V - Bộ công an)	CAN	4,96			Quận Nam Từ Liêm	2022
230	Xây dựng cơ sở làm việc Công an phường Thanh Xuân Trung	CAN	0,03		-	Quận Thanh Xuân	2022
231	Kho vật chứng Công an quận Thanh Xuân	CAN	0,12			Quận Thanh Xuân	2022
232	Quy hoạch trụ sở Công an phường tại 314, 316, 318 Nguyễn Trãi	CAN	0,03			Quận Thanh Xuân	2021
233	Trụ sở làm việc công an phường Đại Kim, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội	CAN	0,33		0,33	Quận Hoàng Mai	2021
234	Trụ sở làm việc công an phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội	CAN	0,47		0,47	Quận Hoàng Mai	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
235	Trụ sở làm việc công an phường Yên Sở, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội	CAN	0,28		0,28	Quận Hoàng Mai	2021
236	Trụ sở làm việc công an phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội	CAN	0,07		0,07	Quận Hoàng Mai	2021
237	Trụ sở làm việc công an phường Mai Động, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội	CAN	0,05		0,05	Quận Hoàng Mai	2021
238	Quy hoạch trụ sở công an phường Cát Linh	CAN	0,04		0,04	Quận Đống Đa	2021
240	Xây dựng Trụ sở Cục an ninh điều tra - Bộ công an	CAN	0,39		0,39	Quận Cầu Giấy	2023-2025
241	Đội PCCC công an huyện Phúc Thọ	CAN	0,80		0,80	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
242	Xây dựng cơ sở làm việc CA thị trấn Phúc Thọ	CAN	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
243	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Vân Hà	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2022
244	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Hát Môn	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
245	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Hiệp Thuận	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
246	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Liên Hiệp	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
247	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Long Xuyên	CAN	0,15		0,15	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
248	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Ngọc Tảo	CAN	0,15		0,15	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
249	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Phúc Hòa	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
250	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Phụng Thượng	CAN	0,15		0,15	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
251	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Sen Phương	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
252	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Tam Hiệp	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
253	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Tam Thuận	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
254	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Thanh Đa	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
255	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Thọ Lộc	CAN	0,14		0,14	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
256	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Thượng Cốc	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
257	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Tích Giang	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
258	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Trạch Mỹ Lộc	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
259	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Vân Nam	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
260	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Vân Phúc	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
261	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Vông Xuyên	CAN	0,15		0,15	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
262	Xây dựng cơ sở làm việc CAX Xuân Đình	CAN	0,35		0,35	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
A.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
1	Khu công nghiệp Ba Vì	SKK	310,00		310,00	Huyện Ba Vì	2021
2	Mở rộng cụm công nghiệp Đồng Giai	SKK	41,64		41,64	Huyện Ba Vì	2021
3	Mở rộng Cụm công nghiệp Cam Thượng	SKK	2,50		2,50	Huyện Ba Vì	2021
4	Khu công nghiệp Đông Anh (trong đó đất công nghiệp 311,14 ha)	SKK	726,00		726,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
5	Khu Công nghiệp Phú Xuyên	SKK	116,32		116,32	Huyện Phú Xuyên	2022
6	Khu công nghiệp sạch Sóc Sơn	SKK	296,65		296,65	Huyện Sóc Sơn	2022
7	Dự án khu công nghệ cao Hòa Lạc (phần Mở rộng)	SKK	38,60		-	Huyện Thạch Thất	2021-2022
8	Khu công nghiệp Xuân Dương	SKK	118,00		118,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
9	Khu công nghiệp Thanh Văn -Tân Ước	SKK	350,00		350,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
10	Khu công nghiệp Phụng Hiệp	SKK	174,88		174,88	Huyện Thường Tín	2022-2025
11	Khu công nghiệp Bắc Thường Tín	SKK	112,00		112,00	Huyện Thường Tín	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
12	Khu công nghiệp HaBeCo	SKK	85,00		85,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
A.3	Đất giao thông	DGT					
1	Dự án đường Vành đai IV	DGT	778,43		778,43	Hoài Đức; Đan Phượng; Mê Linh; Sóc Sơn; Thoanh Oai; Hà Đông; Thường Tín	2024-2025
2	Xây dựng đường vành đai V	DGT	87,35	-	87,35	Thị xã Sơn Tây; Huyện Ba Vì	2026-2030
II	Các công trình cấp thành phố						
1	Công trình, dự án đã xác định						
B.1	Đất khu công nghiệp	SKK					
1	Nhà máy sản xuất cơ khí và linh kiện điện tử Quang Minh tại khu công nghiệp Quang Minh	SKK	1,30			Huyện Mê Linh	2022
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng.	SKK	42,33			Huyện Mê Linh	2022
B.2	Đất cụm công nghiệp	SKN					
1	Cụm CN Đông Phú Yên	SKN	41,47		41,47	Huyện Chương Mỹ	2022
2	Cụm Công nghiệp Đan Phượng - giai đoạn 2	SKN	6,80		6,80	Huyện Đan Phượng	2022
3	Cụm công nghiệp Hồng Hà	SKN	6,00		6,00	Huyện Đan Phượng	2022
4	Cụm công nghiệp Song Phượng	SKN	6,69		6,69	Huyện Đan Phượng	2022
5	Dự án xây dựng hạ tầng khu đầu giá quyền sử dụng đất phát triển làng nghề Thượng Thôn, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	SKN	9,60		9,60	Huyện Đan Phượng	2022
6	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu đầu giá quyền sử dụng đất phát triển làng nghề thôn Hạ, xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	SKN	9,10		9,10	Huyện Đan Phượng	2022
7	Cụm công nghiệp xã Dục Tú	SKN	15,00		15,00	Huyện Đông Anh	2021
8	Cụm công nghiệp Liên Hà 2, huyện Đông Anh	SKN	21,99		21,99	Huyện Đông Anh	2021
9	Xây dựng cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung xã Liên Hà, huyện Đông Anh (Cụm công nghiệp Liên Hà)	SKN	3,02		3,02	Huyện Đông Anh	2021-2025
10	Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	SKN	17,00		17,00	Huyện Đông Anh	2021
11	Cụm Công Nghiệp Thiết Bình xã Vân Hà	SKN	20,98		20,98	Huyện Đông Anh	2021
12	Xây dựng hạ tầng Cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Vân Hà huyện Đông Anh	SKN	10,12		10,12	Huyện Đông Anh	2021-2025
13	Đầu tư xây dựng HTKT và quản lý cụm công nghiệp vừa và nhỏ tại xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	SKN	77,57		77,57	Huyện Đông Anh	2021
14	Giải phóng mặt bằng để xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp vừa và nhỏ Lâm Giang, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	SKN	23,67			Huyện Gia Lâm	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
15	Cụm công nghiệp Đình Xuyên	SKN	7,81			Huyện Gia Lâm	2022
16	Cụm công nghiệp Phú Thị - Giai đoạn 2	SKN	32,57			Huyện Gia Lâm	2022
17	Cụm công nghiệp Dương Liễu - GĐ2	SKN	17,00		17,00	Huyện Hoài Đức	2022
18	Cụm công nghiệp Đông La	SKN	8,00		8,00	Huyện Hoài Đức	2022
19	Cụm công nghiệp xã Phúc Lâm	SKN	55,00			Huyện Mỹ Đức	2021-2025
20	Cụm công nghiệp Phù Lưu Tế - Xuy Xá	SKN	65,00			Huyện Mỹ Đức	2021-2025
21	Cụm công nghiệp làng nghề xã Phùng Xá	SKN	50,00			Huyện Mỹ Đức	2021-2025
22	Cụm công nghiệp Đại Nghĩa	SKN	60,00			Huyện Mỹ Đức	2021-2025
23	Cụm công nghiệp Vạn Kim	SKN	50,00			Huyện Mỹ Đức	2021-2025
24	Cụm công nghiệp Đốc Tín	SKN	50,00			Huyện Mỹ Đức	2021-2025
25	Cụm công nghiệp Hợp Thanh	SKN	38,00			Huyện Mỹ Đức	2021-2025
26	Cụm công nghiệp làng nghề Châu Can	SKN	20,00		20,00	Huyện Phú Xuyên	2025
27	Cụm công nghiệp làng nghề thôn Trung xã Chuyên Mỹ	SKN	38,00		38,00	Huyện Phú Xuyên	2022
28	Cụm công nghiệp làng nghề Đại Thắng gđ2	SKN	25,63		25,63	Huyện Phú Xuyên	2022
29	Cụm công nghiệp làng nghề Hoàng Long	SKN	29,50		29,50	Huyện Phú Xuyên	2024
30	Cụm công nghiệp làng nghề Hồng Minh	SKN	51,90		51,90	Huyện Phú Xuyên	2022
31	Cụm công nghiệp làng nghề Khai Thái	SKN	24,00		24,00	Huyện Phú Xuyên	2024
32	Cụm công nghiệp làng nghề Phú Yên giai đoạn 1	SKN	10,50		10,50	Huyện Phú Xuyên	2021
33	Cụm công nghiệp làng nghề Phú Yên giai đoạn 2	SKN	13,00		13,00	Huyện Phú Xuyên	2023
34	Cụm công nghiệp làng nghề Thượng Yên xã Phú Yên	SKN	20,00		20,00	Huyện Phú Xuyên	2023
35	Cụm công nghiệp Phú Xuyên	SKN	74,60		74,60	Huyện Phú Xuyên	2022
36	Cụm công nghiệp Phú Xuyên	SKN	36,80		36,80	Huyện Phú Xuyên	2022
37	Cụm công nghiệp Phú Xuyên	SKN	37,80		37,80	Huyện Phú Xuyên	2022
38	Cụm công nghiệp Phú Xuyên 2	SKN	58,00		58,00	Huyện Phú Xuyên	2022
39	Cụm công nghiệp làng nghề Phượng Dực	SKN	71,10		71,10	Huyện Phú Xuyên	2022
40	Cụm công nghiệp làng nghề Đại Nghiệp xã Tân Dân	SKN	33,00		33,00	Huyện Phú Xuyên	2022
41	Cụm công nghiệp làng nghề Tri Trung	SKN	25,00		25,00	Huyện Phú Xuyên	2025
42	Cụm công nghiệp làng nghề Phú Yên	SKN	10,50		10,50	Huyện Phú Xuyên	2022
43	Cụm công nghiệp làng nghề Phú Túc	SKN	5,94		5,94	Huyện Phú Xuyên	2022
44	Cụm công nghiệp Vân Từ	SKN	7,00		7,00	Huyện Phú Xuyên	2022
45	Cụm công nghiệp làng nghề thôn Thượng xã Chuyên Mỹ	SKN	6,00		6,00	Huyện Phú Xuyên	2022
46	Cụm CN làng nghề Phú Túc gđ 2	SKN	8,89		8,89	Huyện Phú Xuyên	2022
47	Cụm công nghiệp làng nghề Sơn Hà	SKN	7,00		7,00	Huyện Phú Xuyên	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
48	Cụm công nghiệp làng nghề Văn Hoàng	SKN	12,00		12,00	Huyện Phú Xuyên	2022
49	Cụm công nghiệp làng nghề xã Vân Từ	SKN	7,00		7,00	Huyện Phú Xuyên	2021
50	Cụm công nghiệp làng nghề Đại Thắng	SKN	7,37		7,37	Huyện Phú Xuyên	2022
51	Cụm công nghiệp Đông Yên	SKN	35,00		35,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
52	Cụm công nghiệp Cấn Hữu	SKN	20,00		20,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
53	Cụm công nghiệp Nghĩa Hương	SKN	24,00		24,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
54	Cụm công nghiệp Tuyết Nghĩa	SKN	20,00		20,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
55	Cụm công nghiệp Cộng Hòa	SKN	15,00		15,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
56	Cụm công nghiệp làng nghề Tân Hòa	SKN	28,00		28,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
57	Cụm công nghiệp Liệp Tuyết	SKN	35,00		35,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
58	Cụm công nghiệp làng nghề Ngọc Mỹ - Thạch Thán	SKN	23,53		23,53	Huyện Quốc Oai	2021-2025
59	Cụm công nghiệp Ngọc Liệp (mở rộng)	SKN	37,78	22,00	15,78	Huyện Quốc Oai	2021-2025
60	Cụm công nghiệp CN2	SKN	50,44		50,44	Huyện Sóc Sơn	2022
61	Cụm công nghiệp Xuân Thu	SKN	20,00		20,00	Huyện Sóc Sơn	2022
62	Cụm công nghiệp CN3 thuộc cụm công nghiệp tập trung	SKN	100,90		1,66	Huyện Sóc Sơn	2022
63	Cụm công nghiệp làng nghề Hương Ngải	SKN	10,00	1,40	8,60	Huyện Thạch Thất	2021-2025
64	Mở rộng cụm công nghiệp làng nghề Canh Nậu	SKN	28,00	10,00	18,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
65	Cụm công nghiệp làng nghề Dị Nậu	SKN	10,69		10,69	Huyện Thạch Thất	2021-2022
66	Cụm công nghiệp làng nghề Thạch Xá	SKN	10,00		10,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
67	Cụm công nghiệp làng nghề Chàng Sơn (giai đoạn 2)	SKN	16,36		16,36	Huyện Thạch Thất	2021-2022
68	Cụm công nghiệp Bình Phú I - Giai đoạn 2	SKN	15,73		15,73	Huyện Thạch Thất	2021-2022
69	Cụm công nghiệp làng nghề Hữu Bằng	SKN	30,27		30,27	Huyện Thạch Thất	2021-2022
70	Cụm công nghiệp Phùng Xá	SKN	63,07		63,07	Huyện Thạch Thất	2021-2025
71	Cụm công nghiệp Cấn Kiệm	SKN	45,00		45,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
72	Cụm công nghiệp làng nghề xã Lại Thượng	SKN	25,00		25,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
73	Mở rộng cụm công nghiệp Thanh Thủy	SKN	20,00		20,00	Huyện Thanh Oai	2023
74	Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy (giai đoạn 2)	SKN	7,70		7,70	Huyện Thanh Oai	2021-2022
75	Cụm công nghiệp Thanh Văn - Tân Ước	SKN	52,05		52,05	Huyện Thanh Oai	2021-2022
76	Cụm công nghiệp Phương Trung	SKN	9,56		9,56	Huyện Thanh Oai	2021-2022
77	Cụm công nghiệp Hồng Dương	SKN	11,22		11,22	Huyện Thanh Oai	2021-2022
78	Cụm công nghiệp Dân Hòa	SKN	20,00		20,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
79	Cụm công nghiệp Bình Minh- Cao Viên	SKN	48,86		48,86	Huyện Thanh Oai	2021-2022
80	Cụm công nghiệp Kim Bài	SKN	48,86		48,86	Huyện Thanh Oai	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
81	Mở rộng Cụm công nghiệp Phương Trung	SKN	37,00		37,00	Huyện Thanh Oai	2023
82	Mở rộng Cụm công nghiệp Hồng Dương	SKN	52,00		52,00	Huyện Thanh Oai	2023
83	Cụm công nghiệp Văn Tự	SKN	13,75	7,75	6,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
84	Cụm công nghiệp Ninh Sở	SKN	12,86	5,00	7,86	Huyện Thường Tín	2022-2025
85	Cụm công nghiệp Hòa Bình	SKN	30,00		30,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
86	Cụm công nghiệp Hiền Giang	SKN	40,00		40,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
87	Cụm công nghiệp Tiền Phong	SKN	15,64	7,54	8,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
88	Cụm công nghiệp Thăng Lợi	SKN	72,00	8,80	63,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
89	Cụm công nghiệp Nghiêm Xuyên	SKN	36,00		36,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
90	Cụm công nghiệp Quất Động 2 (phần mở rộng)	SKN	47,51	43,46	4,05	Huyện Thường Tín	2022-2025
91	Cụm công nghiệp Lê Lợi	SKN	16,50		16,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
92	Cụm công nghiệp Chương Dương	SKN	20,00		20,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
93	Cụm công nghiệp Nguyễn Trãi	SKN	23,70		23,70	Huyện Thường Tín	2022-2025
94	Cụm công nghiệp Dũng Tiến	SKN	31,00		31,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
95	Cụm Công nghiệp Văn Bình	SKN	18,50		18,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
96	Cụm công nghiệp Hiền Giang 2	SKN	25,00		25,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
97	Cụm công nghiệp Tín An	SKN	74,00		74,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
98	Cụm công nghiệp Thống Nhất	SKN	65,00		65,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
99	Cụm công nghiệp Nhất Hiệu	SKN	34,00		34,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
100	Cụm công nghiệp Văn Ninh	SKN	45,00		45,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
101	Cụm công nghiệp Vân Tảo	SKN	5,00		5,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
102	Cụm công nghiệp Thăng Lợi	SKN	8,80	8,20	8,80	Huyện Thường Tín	2021
103	Cụm công nghiệp Tiền Phong - GD2	SKN	8,10	8,00	8,10	Huyện Thường Tín	2021
104	Cụm công nghiệp Ninh Sở - GD2	SKN	7,70	6,93	7,70	Huyện Thường Tín	2021
105	Khu hỗn hợp - Làng nghề Vạn Điểm	SKN	9,00	9,00		Huyện Thường Tín	2021
106	Cụm công nghiệp Nghiêm Xuyên (giai đoạn 1)	SKN	5,16	1,15	5,16	Huyện Thường Tín	2022
107	Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2	SKN	7,92		7,92	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
108	Cụm công nghiệp khu Cháy (giai đoạn 1)	SKN	75,00		75,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
109	Cụm công nghiệp Bắc Vân Đình	SKN	60,00		60,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
110	Cụm công nghiệp Hoa Sơn	SKN	11,00		11,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
111	Cụm công nghiệp Minh Đức	SKN	10,00		10,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
112	Mở rộng cụm công nghiệp Xà Cầu	SKN	20,00	2,00	18,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
113	Mở rộng cụm công nghiệp Cầu Bàu	SKN	20,00	1,38	18,62	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
114	Cụm công nghiệp Sơn Đông	SKN	75,00	12,73	62,27	Thị xã Sơn Tây	2022
115	Cụm công nghiệp Nam Phúc Thọ - Giai đoạn 1	SKN	41,70		41,70	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
116	Cụm công nghiệp Liên Hiệp - Giai đoạn 2	SKN	12,22		12,22	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
117	Cụm công nghiệp Long Xuyên	SKN	5,97		5,97	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
118	Cụm công nghiệp Tam Hiệp	SKN	20,99		20,99	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
119	Cụm công nghiệp Thanh Đa	SKN	8,30		8,30	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
120	Cụm công nghiệp Long Xuyên Giai đoạn 2	SKN	12,00		12,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
121	Cụm công nghiệp Võng Xuyên	SKN	5,92		5,92	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
122	Cụm công nghiệp Tích Giang	SKN	18,41		18,41	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
123	Cụm Công nghiệp Sen Chiêu - Giai đoạn 1	SKN	12,00		12,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
124	Cụm công nghiệp Võng Xuyên 2	SKN	8,70		8,70	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
125	Cụm công nghiệp Phúc Thọ	SKN	14,00		14,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
126	Cụm công nghiệp Hát Môn	SKN	24,00		24,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
127	Cụm công nghiệp Liên Hiệp Giai đoạn 1	SKN	8,00		8,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
128	Cụm Công nghiệp Sen Chiêu - Giai đoạn 2	SKN	30,00		30,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
129	Mở rộng Cụm công nghiệp Liên Hiệp Giai đoạn 1	SKN	15,00		15,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
130	Cụm công nghiệp Liên Hiệp giai đoạn 3	SKN	64,00		64,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
131	Cụm công nghiệp Tam Hiệp Giai đoạn 2	SKN	63,00		63,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
B.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD					
1	Khu thương mại và dịch vụ tổng hợp	TMD	5,00		5,00	Huyện Ba Vì	2021
2	Dự án sinh thái hồ Hạnh Tiên	TMD	169,80		169,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
3	Dự án khu sinh thái Hồ Miếu	TMD	112,90		112,90	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
4	Nhu cầu đất sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	17,76		17,76	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
5	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch huyện Chương Mỹ và các vùng lân cận sử dụng nguồn nước sạch Sông Đà	TMD	2,48		2,48	Huyện Chương Mỹ	2022
6	Nhu cầu đất sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	11,30		11,30	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
7	Trạm trung chuyển nước sạch của các xã, thị trấn	TMD	1,95		1,95	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
8	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	1,10		1,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
9	Xây dựng hệ thống cấp nước Xuân Mai - Hợp phần tuyến ống truyền tải nước sạch và trạm bơm tăng áp	TMD	4,27		4,27	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Khu sinh thái thẳng long đồng đô	TMD	16,16		16,16	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
11	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	5,60		5,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
12	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
13	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
14	Đất kinh doanh dịch vụ CT TNHH Văn Sơn	TMD	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
15	Dự án đất dịch vụ khu Đầm Tiếu, thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa	TMD	6,53		6,53	Huyện Chương Mỹ	2022
16	Văn phòng làm việc, khu lắp ráp và kho chứa hàng	TMD	0,34		0,34	Huyện Chương Mỹ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
17	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	24,29		24,29	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
18	Dự án khu du lịch, nhà sinh thái, tham quan trò mạo hiểm (hồ Văn Sơn)	TMD	120,00		120,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
19	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	5,75		5,75	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
20	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	1,10		1,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
21	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	0,70		0,70	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
22	TT thương mại Miếu Môn	TMD	5,00		5,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
23	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	3,60		3,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
24	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	0,36		0,36	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
25	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	3,00		3,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
26	Đầu giá đất chưa sử dụng cho thuê làm bãi chứa, trung chuyển VLXD	TMD	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2022
27	Dự án cửa hàng xăng dầu Đan Phượng	TMD	0,16		0,16	Huyện Đan Phượng	2022
28	Dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu tại xã Tân Lập, huyện Đan Phượng	TMD	0,25		0,25	Huyện Đan Phượng	2022
29	Dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu tại xã Thọ An, huyện Đan Phượng	TMD	0,24		0,24	Huyện Đan Phượng	2022
30	Đầu tư xây dựng Trung tâm tiếp vận Bắc Hồng	TMD	10,00		10,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
31	Cửa hàng xăng dầu Đại Mạch	TMD	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021
32	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Đông Hội	TMD	0,31		0,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
33	Cửa hàng xăng dầu Hồng Anh	TMD	0,77		0,77	Huyện Đông Anh	2021-2025
34	Điểm giết mổ gia súc xã Hải Bối	TMD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
35	Xây dựng cửa hàng Xăng dầu, bãi đỗ xe và các dịch vụ phụ trợ tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh	TMD	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
36	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Kim Chung	TMD	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
37	Khu dịch vụ công cộng Kim Chung tại xã Kim Chung	TMD	1,14		1,14	Huyện Đông Anh	2021-2025
38	Khu dịch vụ thương mại và văn phòng tại xã Kim Chung	TMD	3,81		3,81	Huyện Đông Anh	2021
39	Đầu tư Trung tâm thương mại tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	TMD	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
40	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp tại xã Kim Nỗ	TMD	2,08		2,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
41	Xây dựng công trình công cộng phục vụ chung cho khu vực ký hiệu A-CC	TMD	0,32		0,32	Huyện Đông Anh	2021
42	Mở rộng khách sạn, văn phòng, thương mại, tổ chức sự kiện và vui chơi thể thao tại thôn Địa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh	TMD	0,74		0,74	Huyện Đông Anh	2021-2025
43	Xây dựng khu Dịch vụ công cộng ký hiệu III-C.1	TMD	0,41		0,41	Huyện Đông Anh	2021
44	Xây dựng siêu thị ký hiệu VI-G.1	TMD	0,95		0,95	Huyện Đông Anh	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
45	Đầu tư xây dựng điểm dịch vụ thôn Biều Khê, xã Thụy Lâm	TMD	0,86		0,86	Huyện Đông Anh	2021-2025
46	Xây dựng khu dịch vụ thương mại, cây xanh và đỗ xe phía Tây thôn Tiên Kha	TMD	0,70		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
47	Khu kinh doanh ô tô, xe máy và dịch vụ kỹ thuật	TMD	0,62		0,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
48	Trung tâm thương mại dịch vụ văn phòng cho thuê	TMD	1,69		1,69	Huyện Đông Anh	2021
49	Khu hỗn hợp thương mại và dịch vụ công cộng	TMD	4,08		4,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
50	Nhà hàng sinh thái kết hợp công viên cây xanh	TMD	1,03		1,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
51	Văn phòng, siêu thị, khách sạn, căn hộ và khu nghỉ dưỡng sinh thái	TMD	15,00		15,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
52	Xây dựng khu dịch vụ thương mại kết hợp văn phòng tại xã Uy Nỗ	TMD	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
53	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tổng hợp Uy Nỗ	TMD	2,16		2,16	Huyện Đông Anh	2021-2025
54	Xây dựng công viên thể dục thể thao	TMD	170,70		170,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
55	Dự án Cửa hàng xăng dầu Văn Hà, tại xã Văn Hà, huyện Đông Anh	TMD	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
56	Xây dựng siêu thị tại thôn Ngọc Chi, xã Vĩnh Ngọc	TMD	0,85		0,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
57	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ hỗn hợp tại xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh	TMD	1,65		1,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
58	Khu thương mại dịch vụ Vĩnh Ngọc	TMD	1,98		1,98	Huyện Đông Anh	2021-2025
59	Quy hoạch bãi chứa, trung chuyển Vật liệu xây dựng trên địa bàn xã Đại Mạch	TMD	3,40		3,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
60	Các dự án đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất phi nông nghiệp để làm "Bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng tại ven sông Hồng, xã Hải Bối, huyện Đông Anh (điểm CHB-1, CHB -6)	TMD	3,40		3,40	Huyện Đông Anh	2021
61	Các dự án đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất phi nông nghiệp để làm "Bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng tại ven sông Hồng, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	TMD	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021
62	Xây dựng bãi tập kết nguyên vật liệu thôn Thiết Bình, xã Văn Hà	TMD	0,06		0,06	Huyện Đông Anh	2021-2025
63	Xây dựng bãi tập kết nguyên vật liệu thôn Văn Diêm, xã Văn Hà	TMD	2,95		2,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
64	Các dự án đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất phi nông nghiệp để làm "Bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng tại ven sông Hồng, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh (điểm CPT1-1, CNG-2)	TMD	3,19		3,19	Huyện Đông Anh	2021
65	Các dự án đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất phi nông nghiệp để làm "Bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng tại ven sông Hồng, thôn Đại Độ, xã Vồng La, huyện Đông Anh (điểm VL1, VL2,VL3,VL4)	TMD	4,80		4,80	Huyện Đông Anh	2021
66	Bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng tại ven sông Hồng 1, thôn Đại Độ, xã Vồng La, huyện Đông Anh	TMD	1,70		1,70	Huyện Đông Anh	2021
67	Cửa hàng dịch vụ, siêu thị, câu lạc bộ thể dục thể thao	TMD	9,80		9,80	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
68	Dự án theo quy hoạch tại xã Nguyên Khê và xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	TMD	9,90		9,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
69	Trung tâm hội chợ triển lãm Quốc gia mới tại huyện Đông Anh	TMD	92,35		92,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
70	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C1, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	TMD	0,84			Huyện Gia Lâm	2022
71	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C2, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	TMD	0,46			Huyện Gia Lâm	2022
72	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO3+CX8 và CC10 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179	TMD	2,11			Huyện Gia Lâm	2022
73	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất CCCX, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	TMD	4,72			Huyện Gia Lâm	2022
74	Dự án đầu tư xây dựng sân Golf Vinpearl Hà Nội	TMD	182,30			Huyện Gia Lâm	2022
75	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất khu đất CCKO1-8 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường Dốc Hội - Đại học nông nghiệp I và chỉnh trang đô thị tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	TMD	1,68			Huyện Gia Lâm	2022
76	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng các khu đất thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường Dốc Hội - Đại học nông nghiệp I và quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179 và chỉnh trang đô thị tại xã Kiêu Kỵ, Cổ Bi và thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	TMD	1,84			Huyện Gia Lâm	2022
77	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất khu đất CCKO2, BDX4 theo quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179 và chỉnh trang đô thị tại xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	TMD	2,76			Huyện Gia Lâm	2022
78	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C8-C9, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	TMD	0,90			Huyện Gia Lâm	2022
79	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình công cộng, phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C14, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	TMD	4,20			Huyện Gia Lâm	2022
80	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C16, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	TMD	3,43			Huyện Gia Lâm	2022
81	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C19, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	TMD	0,76			Huyện Gia Lâm	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
82	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C15, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	TMD	3,82			Huyện Gia Lâm	2022
83	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C18, xã Kiều Kỵ, huyện Gia Lâm	TMD	3,66			Huyện Gia Lâm	2022
84	Trung tâm thương mại tại xã Đa Tốn	TMD	9,34			Huyện Gia Lâm	2022
85	Dự án khu thương mại và dịch vụ Phú Thị	TMD	0,80			Huyện Gia Lâm	2022
86	Dự án khu thương mại và dịch vụ phụ trợ Phú Thị	TMD	0,85			Huyện Gia Lâm	2022
87	Khu dịch vụ thương mại công cộng Hòa Bình	TMD	0,16			Huyện Gia Lâm	2022
88	Dự án Khu thương mại, dịch vụ công cộng kết hợp bãi đỗ xe	TMD	1,33			Huyện Gia Lâm	2022
89	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất C6, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	TMD	2,14			Huyện Gia Lâm	2022
90	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại ô đất ký hiệu C3, C4, C5, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	TMD	10,15			Huyện Gia Lâm	2022
91	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị khu đất C6, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	TMD	2,00			Huyện Gia Lâm	2022
92	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất A1, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	TMD	1,49			Huyện Gia Lâm	2022
93	Dự án khu sinh thái, dịch vụ, văn hóa, thể thao và nhà ở tại xã Đình Xuyên và xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	TMD	46,78			Huyện Gia Lâm	2022
94	Dự án: Xây dựng trụ sở Văn phòng làm việc và cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại khu Cửa Vườn, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	TMD	1,70			Huyện Gia Lâm	2022
95	Xây dựng trụ sở Công ty cổ phần GL Group kết hợp cho thuê văn phòng	TMD	0,23			Huyện Gia Lâm	2022
96	Xây dựng khu đất dịch vụ X9 xã An Khánh	TMD	6,06			Huyện Hoài Đức	2022
97	Xây dựng khu đất dịch vụ X11 xã An Khánh	TMD	12,13			Huyện Hoài Đức	2022
98	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Di Trạch - vị trí X5	TMD	1,96			Huyện Hoài Đức	2022
99	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Di Trạch - vị trí X6	TMD	3,17			Huyện Hoài Đức	2022
100	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Lại Yên	TMD	1,62			Huyện Hoài Đức	2022
101	Hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ xã An Thượng (vị trí X1)	TMD	3,20			Huyện Hoài Đức	2022
102	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Vân Canh (vị trí X3 khu đồng Nhĩ, cầu Nội thôn Kim Hoàng)	TMD	4,60			Huyện Hoài Đức	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
103	Xây dựng khu đất dịch vụ X1-X7 xã An Khánh	TMD	8,39			Huyện Hoài Đức	2022
104	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Lại Yên	TMD	3,02			Huyện Hoài Đức	2022
105	Hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ bổ sung xã An Thượng	TMD	1,40			Huyện Hoài Đức	2022
106	Hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ xã An Thượng (vị trí XI)	TMD	7,76			Huyện Hoài Đức	2022
107	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ bổ sung trên địa bàn xã Vân Canh - Vị trí XI	TMD	1,78			Huyện Hoài Đức	2022
108	Khu đất dịch vụ X1 Song Phương	TMD	1,30			Huyện Hoài Đức	2022
109	Khu đất dịch vụ X2 Song Phương	TMD	12,04			Huyện Hoài Đức	2022
110	Xây dựng HTKT đất dịch vụ xã La Phù - Khu Đồng Giường	TMD	3,80			Huyện Hoài Đức	2022
111	Xây dựng HTKT đất dịch vụ và đất đấu giá khu Chéo Đường Tàu, xã La Phù	TMD	4,70			Huyện Hoài Đức	2022
112	Đất dịch vụ Vân Canh (Đô thị Đại học Vân Canh và Đô thị Bắc An Khánh)	TMD	25,20			Huyện Hoài Đức	2022
113	Đất dịch vụ Vân Canh thuộc dự án Vườn Cam	TMD	4,59			Huyện Hoài Đức	2022
114	Đất dịch vụ Vân Canh thuộc dự án Đô thị mới Vân Canh HUD	TMD	6,90			Huyện Hoài Đức	2022
115	Đất dịch vụ xã Lại Yên	TMD	17,06			Huyện Hoài Đức	2022
116	Đất dịch vụ xã Kim Chung (Dịch vụ thuộc đô thị mới Kim Chung- Di Trạch)	TMD	14,50			Huyện Hoài Đức	2022
117	Đất dịch vụ xã Kim Chung (Đất dịch vụ Cụm công nghiệp Lai Xá- xã Kim Chung)	TMD	3,25			Huyện Hoài Đức	2022
118	Đất dịch vụ xã Kim Chung (Khu lô 6 cụm CN)	TMD	2,16			Huyện Hoài Đức	2022
119	Đất dịch vụ xã Di Trạch (Dịch vụ thuộc khu đô thị mới Vân Canh)	TMD	3,76			Huyện Hoài Đức	2022
120	Đất dịch vụ xã Di Trạch (Dịch vụ thuộc Đô thị mới Kim Chung Di Trạch)	TMD	16,10			Huyện Hoài Đức	2022
121	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Vân Canh (vị trí XI Khu Tầm Bể, Trùng Bàu)	TMD	1,10			Huyện Hoài Đức	2022
122	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ thị trấn Tràm Trôi vị trí X1	TMD	2,23			Huyện Hoài Đức	2022
123	Tổ hợp Trung tâm thương mại, Showroom trưng bày và Trung tâm bảo hành xe ô tô tại Thị trấn Tràm Trôi	TMD	5,60			Huyện Hoài Đức	2022
124	Khu dịch vụ thương mại Hoài Đức	TMD	3,31			Huyện Hoài Đức	2022
125	Đất dịch vụ Thị trấn Tràm Trôi	TMD	5,50		5,50	Huyện Hoài Đức	2022
126	Đất dịch vụ	TMD	6,80			Huyện Mê Linh	2022
127	Xây dựng Cửa hàng xăng dầu tại vị trí X2, trên đường 35, huyện Mê Linh	TMD	0,30			Huyện Mê Linh	2022
128	Xây dựng kho tàng công nghiệp tại thôn Bạch Đa, xã Kim Hoa	TMD	9,60			Huyện Mê Linh	2022
129	Xây dựng cửa hàng xăng dầu tại Km5+100, phía bên phải tuyến trục chính đô thị Mê Linh (theo hướng từ sông Cà Lồ đi đường Võ Văn Kết), thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng	TMD	0,18			Huyện Mê Linh	2022
130	Khu thương mại dịch vụ Thạch Đà - DA LAND	TMD	2,21		2,21	Huyện Mê Linh	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
131	Xây dựng khu công viên mặt nước và dịch vụ	TMD	1,23			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
132	Khu trung tâm thương mại, dịch vụ	TMD	3,28			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
133	Khu thương mại dịch vụ	TMD	6,26			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
134	Khu giết mổ tập trung	TMD	2,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
135	Khu thương mại dịch vụ	TMD	5,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
136	Khu giết mổ tập trung	TMD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
137	Điểm kinh doanh dịch vụ	TMD	2,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
138	Đất du lịch sinh thái	TMD	1,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
139	Đấu giá cho thuê QSD đất để thực hiện dự án "Sản xuất nông nghiệp kết hợp giáo dục trải nghiệm và du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Tuy Lai"	TMD	26,50			Huyện Mỹ Đức	2021
140	Thương mại dịch vụ	TMD	5,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
141	Điểm giết mổ tập trung khu Đồng Sung + Đồng Mo	TMD	4,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
142	Bể bơi thôn Khâm Lâm	TMD	0,18			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
143	Bể bơi thôn Phúc Lâm	TMD	0,35			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
144	Cửa hàng xăng dầu Mỹ Thành	TMD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2021
145	Khu thương mại dịch vụ	TMD	3,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
146	Trung tâm thương mại	TMD	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
147	Công trình DV quảng bá sản phẩm và văn hóa DL	TMD	1,39			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
148	Khu kinh doanh dịch vụ thôn Trung	TMD	0,47			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
149	Khu đất kinh doanh dịch vụ HTX NN	TMD	0,46			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
150	Khu thương mại dịch vụ	TMD	3,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
151	Cây xăng	TMD	0,25			Huyện Mỹ Đức	2021
152	Khu bể bơi	TMD	0,73			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
153	Cây xăng	TMD	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
154	Dự án đào tạo nghề và thương mại dịch vụ khu Bờ Le	TMD	2,50			Huyện Mỹ Đức	2021
155	Dự án xây dựng xưởng dệt may, hoàn thiện sản phẩm và KDDV).	TMD	0,50			Huyện Mỹ Đức	2021
156	Khu thương mại dịch vụ	TMD	2,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
157	Khu thương mại dịch vụ	TMD	2,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
158	Bãi tập kết vật liệu xây dựng	TMD	0,66			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
159	Khu thương mại dịch vụ	TMD	2,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
160	Khu dịch vụ thương mại thôn Yển Vỹ	TMD	2,00			Huyện Mỹ Đức	2021
161	Bến xe Bãi Lương và dịch vụ	TMD	1,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
162	Khu dịch vụ du lịch Tiên Mai	TMD	4,87			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
163	Cây Xăng Tiên Mai	TMD	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
164	Cây Xăng Hang Vò	TMD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
165	Cửa hàng xăng dầu xã Hợp Tiến	TMD	0,12			Huyện Mỹ Đức	2021
166	Khu thương mại dịch vụ	TMD	2,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
167	Cây xăng dầu	TMD	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
168	Khu thương mại dịch vụ	TMD	2,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
169	Bể bơi khu trung tâm	TMD	0,64			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
170	Trung tâm thương mại dịch vụ	TMD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
171	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (xã Phúc Tiến)	TMD	32,00		32,00	Huyện Phú Xuyên	2022
172	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (xã Khai Thái)	TMD	17,00		17,00	Huyện Phú Xuyên	2022
173	Dự án xây dựng trạm bơm cấp nước, bể chứa hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn huyện Phú Xuyên	TMD	5,00		5,00	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
174	Bãi trung chuyển vật liệu xã Hồng Thái	TMD	1,06		1,06	Huyện Phú Xuyên	2022
175	Bãi trung chuyển vật liệu xã Hồng Thái	TMD	1,15		1,15	Huyện Phú Xuyên	2022
176	Bãi trung chuyển vật liệu xã Quang Lãng	TMD	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
177	Xây dựng cửa hàng xăng dầu, kết hợp thương mại dịch vụ giới thiệu sản phẩm làng nghề, nông sản, thực phẩm của Hà Nội trên địa bàn huyện Phú Xuyên	TMD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
178	QH nhà điều hành công ty điện lực Phú Xuyên	TMD	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2022
179	QH Quỹ tín dụng xã	TMD	0,05		0,05	Huyện Phú Xuyên	2022
180	Bãi đỗ xe và cửa hàng xăng dầu tại xã Hoàng Long	TMD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
181	QH khu giết mổ tập trung	TMD	2,40		2,40	Huyện Phú Xuyên	2023
182	Xây dựng cửa hàng xăng dầu, kết hợp thương mại dịch vụ giới thiệu sản phẩm làng nghề, nông sản, thực phẩm của Hà Nội trên địa bàn huyện Phú Xuyên (xã Hồng Minh)	TMD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
183	Bãi trung chuyển VLXD (Hồng Thái)	TMD	1,06		1,06	Huyện Phú Xuyên	2022
184	Bãi trung chuyển VLXD (Hồng Thái)	TMD	1,15		1,15	Huyện Phú Xuyên	2022
185	Bãi trung chuyển VLXD xã Khai Thái	TMD	0,60		0,60	Huyện Phú Xuyên	2022
186	Bãi trung chuyển VLXD xã Khai Thái	TMD	1,44		1,44	Huyện Phú Xuyên	2022
187	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (xã Nam Triều)	TMD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
188	Xây dựng cửa hàng xăng dầu, kết hợp thương mại dịch vụ giới thiệu sản phẩm làng nghề, nông sản, thực phẩm của Hà Nội trên địa bàn huyện Phú Xuyên (xã Phú Túc)	TMD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
189	Dự án dịch vụ, sản xuất, thương mại khu cửa xe thôn Đồng Tiến	TMD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
190	Bãi trung chuyển VLXD	TMD	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
191	Khu liên hợp giết mổ gia súc tập trung và chế biến thực phẩm kỹ thuật cao	TMD	4,30		4,30	Huyện Phú Xuyên	2023
192	QH trụ sở HTX nông nghiệp tại ao giáp UBND xã	TMD	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2022
193	Khu TMDV và giới thiệu sản phẩm làng nghề Tân Dân	TMD	3,00		3,00	Huyện Phú Xuyên	2022
194	Trung tâm thương mại dịch vụ và giới thiệu sản phẩm làng nghề Phú Xuyên	TMD	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
195	Quỹ tín dụng thị trấn Phú Xuyên	TMD	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2022
196	Xây dựng cửa hàng xăng dầu, kết hợp thương mại dịch vụ giới thiệu sản phẩm làng nghề, nông sản, thực phẩm Hà Nội	TMD	2,47		2,47	Huyện Phú Xuyên	2022
197	Xây dựng cửa hàng xăng dầu, kết hợp thương mại dịch vụ giới thiệu sản phẩm làng nghề, nông sản, thực phẩm Hà Nội	TMD	1,18		1,18	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
198	Xây dựng cửa hàng xăng dầu, kết hợp thương mại dịch vụ giới thiệu sản phẩm làng nghề, nông sản, thực phẩm Hà Nội	TMD	1,16		1,16	Huyện Phú Xuyên	2022
199	Xây dựng cây xăng	TMD	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
200	Cây Xăng Tân Hoà	TMD	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
201	Cây xăng Yên Sơn (cây xăng Quảng Yên)	TMD	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
202	Cây xăng xã Sài Sơn	TMD	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
203	Xây dựng cửa hàng xăng dầu	TMD	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
204	Cửa hàng xăng dầu	TMD	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
205	TTTT Long Phú	TMD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
206	Xây dựng trung tâm thương mại thị trấn Quốc Oai	TMD	0,75		0,75	Huyện Quốc Oai	2021-2025
207	TTTT đô thị Tây Quốc Oai (Westgate)	TMD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
208	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí Tuần Châu	TMD	198,64	42,10	156,54	Huyện Quốc Oai	2021-2025
209	Giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng TỔ hợp vui chơi giải trí đa năng trường đua ngựa tại huyện Sóc Sơn	TMD	124,10		124,10	Huyện Sóc Sơn	2022
210	Dự án Khu III - Khu công cộng và làng du lịch tại huyện Sóc Sơn	TMD	31,50		7,50	Huyện Sóc Sơn	2022
211	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Thanh Xuân	TMD	0,89		0,89	Huyện Sóc Sơn	2022
212	Đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu Thanh Tùng	TMD	0,13			Huyện Sóc Sơn	2022
213	Chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ (hộ bà Đặng Thị Bích Hòa)	TMD	2,00			Huyện Sóc Sơn	2022
214	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp Nội Bài	TMD	12.30			Huyện Sóc Sơn	2022
215	Nhận chuyển nhượng quyền SU' dụng đất để thực hiện dự- án I rung tâm thương mại và dịch vụ văn phòng	TMD	0.46			Huyện Sóc Sơn	2022
216	Trung tâm mua sắm cấp vùng	TMD	50,00		50,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
217	ĐT XD Cửa hàng xăng dầu xã Đại Đồng	TMD	0,28		0,28	Huyện Thạch Thất	2021-2022
218	Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ Hương Ngải	TMD	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2021-2022
219	Bãi tập kết vật liệu, bãi đỗ xe tập trung Hương Ngải	TMD	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2024-2025
220	Xây dựng điểm tập kết vật liệu 4 thôn 1+2+3+4 xã Canh Nậu	TMD	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2025
221	Xây dựng trung tâm thương mại xã Dị Nậu	TMD	2,69		2,69	Huyện Thạch Thất	2025
222	Bãi tập kết vật liệu XD tại Vở Đầm và đồng Sóc xã Chàng Sơn	TMD	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2024
223	Bãi vật liệu xây dựng khu TT xã	TMD	1,69		1,69	Huyện Thạch Thất	2024
224	Bãi tập kết vật liệu tập trung Bình Phú	TMD	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2024-2025
225	Bãi tập kết vật liệu xã Phùng Xá	TMD	1,10		1,10	Huyện Thạch Thất	2024-2025
226	dự án trồng cây dược liệu lâu năm kết hợp đường lão (Đồi cao thiên)	TMD	24,00		24,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
227	Xây dựng trung tâm thương mại xã Thạch Hòa	TMD	0,32		0,32	Huyện Thạch Thất	2023-2024

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
228	Khu du lịch sinh thái Thác Bạc - suối Sao xã Yên Trung, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	TMD	233,00	60,00	173,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
229	Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ Yên Trung	TMD	0,64		0,64	Huyện Thạch Thất	2021-2022
230	Khu dịch vụ tổng hợp xã Thanh Văn	TMD	20,50		20,50	Huyện Thanh Oai	2023
231	Kho bãi Logistic	TMD	19,63		19,63	Huyện Thanh Oai	2023
232	Đất thương mại dịch vụ xã Thanh Thủy	TMD	5,00		5,00	Huyện Thanh Oai	2023
233	Đất thương mại dịch vụ xã Dân Hòa	TMD	5,00		5,00	Huyện Thanh Oai	2023
234	Trung tâm thương mại TT. Kim Bài (bao gồm siêu thị)	TMD	2,80		2,80	Huyện Thanh Oai	2023
235	Đất thương mại dịch vụ thôn Cát Động	TMD	4,00		4,00	Huyện Thanh Oai	2023
236	Trung tâm thương mại dịch vụ xã Bình Minh	TMD	2,50		2,50	Huyện Thanh Oai	2023
237	Cửa hàng xăng dầu Pimex	TMD	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
238	Cửa hàng xăng dầu Tân Ước	TMD	0,54		0,54	Huyện Thanh Oai	2021-2022
239	Cửa hàng xăng dầu Cụ Khê	TMD	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
240	Xây dựng cửa hàng Xăng tại Km3+500 Quốc lộ 21B	TMD	0,40		0,40	Huyện Thanh Oai	2021-2022
241	Khu du lịch sinh thái đầm Thượng Thanh	TMD	158,18		158,18	Huyện Thanh Oai	2021-2022
242	Khu thương mại dịch vụ xã Thanh Văn	TMD	27,00		27,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
243	Khu thương mại dịch vụ xã Liên Châu	TMD	15,00		15,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
244	Khu thương mại dịch vụ xã Tân Ước	TMD	19,22		19,22	Huyện Thanh Oai	2021-2022
245	Cụm trung tâm phát triển thương mại, dịch vụ xã Tân Ước	TMD	25,00		25,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
246	Khu nuôi trồng và trưng bày sản phẩm đông trùng hạ thảo	TMD	10,00		10,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
247	Khu trung tâm thương mại tại xã Bích Hòa	TMD	28,50		28,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
248	Khu trung tâm thương mại tại xã Thanh Văn	TMD	19,00		19,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
249	Đất thương mại dịch vụ tại xã Xuân Dương	TMD	1,40		1,40	Huyện Thanh Oai	2021-2022
250	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm làng nghề	TMD	0,05		0,05	Huyện Thanh Oai	2021-2022
251	Trụ sở HTX dịch vụ nông nghiệp	TMD	0,05		0,05	Huyện Thanh Oai	2021-2022
252	Đất thương mại dịch vụ xã Tam Hưng	TMD	25,00		25,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
253	Trạm dừng nghỉ, kho bãi xã Tam Hưng	TMD	0,90		0,90	Huyện Thanh Oai	2021-2022
254	Đất thương mại dịch vụ xã Phương Trung	TMD	4,84		4,84	Huyện Thanh Oai	2021-2022
255	Quỹ tín dụng xã Liên Châu	TMD	0,10		0,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
256	Đất thương mại dịch vụ xã Liên Châu	TMD	2,05		2,05	Huyện Thanh Oai	2021-2022
257	Trụ sở hợp tác xã	TMD	0,15		0,15	Huyện Thanh Oai	2021-2022
258	Nhà máy nước sạch miền Khê Tang	TMD	0,13		0,13	Huyện Thanh Oai	2021-2022
259	Nhà máy nước sạch Cự Đà	TMD	0,05		0,05	Huyện Thanh Oai	2021-2022
260	Khu thương mại, dịch vụ xã Cao Viên	TMD	0,10		0,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
261	Đất thương mại dịch vụ xã Cao Dương	TMD	12,44		12,44	Huyện Thanh Oai	2021-2022
262	Trụ sở điện lực	TMD	1,30		1,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
263	Xây dựng cửa hàng xăng dầu trên địa bàn xã	TMD	5,16		5,16	Huyện Thanh Oai	2021-2022
264	Xây dựng bãi tập kết VLXD các xã	TMD	12,45	0,11	12,34	Huyện Thanh Oai	2025
265	Kho vận hàng hóa, dịch vụ phụ trợ cho cụm công nghiệp Duyên Thái và khu vực phía Nam Hà Nội	TMD	6,60		6,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
266	Đất thương mại dịch vụ thị trấn Thường Tín	TMD	2,00		2,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
267	Khu dịch vụ thương mại kết hợp bãi đỗ xe tỉnh	TMD	0,86		0,86	Huyện Thường Tín	2022-2025
268	Khu thương mại dịch vụ Bắc Vân Tảo	TMD	0,16		0,16	Huyện Thường Tín	2022-2025
269	Khu thương mại dịch vụ giáp đường 427	TMD	0,15		0,15	Huyện Thường Tín	2022-2025
270	Khu thương mại dịch vụ Thống Nhất	TMD	0,82		0,82	Huyện Thường Tín	2022-2025
271	Bãi tập kết, trung chuyển kinh doanh VLXD	TMD	25,43	-	25,43	Huyện Thường Tín	2022-2025
272	GPMB tạo quỹ đất sạch để Đấu giá QSD đất khu thương mại Sơn Nam, thị trấn Thường Tín	TMD	0,55	0,55	0,55	Huyện Thường Tín	2021
273	Đấu giá quyền sử dụng đất khu thương mại tại ô đất HH.01 tại khu K2	TMD	0,53	0,53	0,53	Huyện Thường Tín	2021
274	Đấu giá QSD đất khu thương mại - dịch vụ Bách Nghệ Vinh ô đất CCĐT.01 tại khu K2, thị trấn Thường Tín	TMD	0,45	0,45	0,45	Huyện Thường Tín	2021
275	Cửa hàng xăng dầu xã Văn Phú	TMD	0,02	0,02		Huyện Thường Tín	2022
276	Trụ sở văn phòng làm việc kết hợp trưng bày giới thiệu sản phẩm	TMD	0,52	0,52		Huyện Thường Tín	2022
277	Xây dựng cửa hàng xăng dầu kết hợp Dịch vụ hỗ trợ đường bộ tại Đồng Vối, thôn Kim Bông, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa	TMD	0,50	0,50		Huyện Ứng Hòa	2022-2025
278	Khu vui chơi, giải trí và dịch vụ thương mại	TMD	2,14		2,14	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
279	Trung tâm thương mại và đất ở khu 1	TMD	3,52		3,52	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
280	Trung tâm thương mại và đất ở khu 2	TMD	1,02		1,02	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
281	Trung tâm thương mại và đất ở khu 3	TMD	1,05		1,05	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
282	Nhà điều hành sản xuất, văn phòng cho thuê, chung cư và Trung tâm thương mại tại khu đất số 31 Láng Hạ, phường Thành Công	TMD	1,00		0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
283	Xây dựng tổ hợp trung tâm dịch vụ, văn hóa, nhà ở	TMD	6,83			Quận Ba Đình	2021-2025
284	Tiền Bộ plaza	TMD	3,16			Quận Ba Đình	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
285	Dự án Khu phức hợp Giảng Võ tại 15-17 Ngọc Khánh	TMD	1,26			Quận Ba Đình	2021-2025
286	Dự án khách sạn Amiana Hotel Thành Công tại số 15 phố Thành Công	TMD	0,15			Quận Ba Đình	2021-2025
287	Tòa nhà văn phòng cho thuê và trung tâm thương mại	TMD	0,07			Quận Ba Đình	2021-2025
288	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ Đồng Bo, Đồng Chúc, Cửa Cầu, Đồng Men (Khu A) thôn Trinh Lương, Phú Lương	TMD	6,95	0,45	6,50	Quận Hà Đông	2021-2022
289	Điểm kinh doanh xăng dầu QL 21B Phường Phú Lâm	TMD	0,30		0,30	Quận Hà Đông	2021-2022
290	Tổ hợp TTTM và dịch vụ hỗn hợp Dương Nội, Hà Đông	TMD	1,40		1,40	Quận Hà Đông	2021-2023
291	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ thôn Mậu Lương (xứ đồng Ma Tre, Bò Đa, Hàng Bè). Phần thu hồi bổ sung	TMD	0,23		0,23	Quận Hà Đông	2021-2022
292	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ thôn Văn Nội thuộc các xứ đồng Gùng, Ma Lề, Ma Chằm phường Phú Lương	TMD	6,95	6,50	0,45	Quận Hà Đông	2021
293	Cây xăng X2 đường Lê Trọng Tấn	TMD	0,20		0,20	Quận Hà Đông	2021-2022
294	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần thương mại Xi Măng	TMD	1,51		1,51	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
295	Dự án tại điểm đất Công ty Dệt Minh Khai	TMD	1,82		1,82	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
296	Dự án tại điểm đất Công ty cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	TMD	1,46		1,46	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
297	Dự án tại khu đất công ty Vải sợi Miền Bắc	TMD	0,82		0,82	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
298	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Nhật Anh	TMD	0,56		0,56	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
299	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần dệt 10/10	TMD	0,33		0,33	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
300	Dự án tại các khu đất sản xuất kinh doanh ngõ 325 Kim Ngưu	TMD	0,69		0,69	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
301	Các ô quy hoạch G4/CCTP1, G4/CCTP2, G4/CCTP3, G4/NO3, G.4/P1, G5/CCTP1, G5/CCTP2, G5/NO3, G5/NO4, G5/NO5, G5/NO15, G5/CC1 để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	TMD	15,86			Quận Long Biên	2022
302	Ô đất G.2/P5, G.2/CCKO phường Thạch Bàn (đấu giá xây dựng bãi đỗ xe, công trình công cộng, thương mại, dịch vụ)	TMD	0,60			Quận Long Biên	2022
303	Xây dựng HTKT các ô đất thuộc khu quy hoạch C14 (gồm C14/NO4, C14/NO5, C14/NO6, C14/CC1, C14/CC2, C14/CX3, C14/TH1, C14/THCS1, C14/NT3) và các tuyến đường phụ cận phục vụ công tác đấu giá QSD đất tại phường Phúc Đồng, quận Long Biên	TMD	3,50			Quận Long Biên	2022
304	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô quy hoạch B.2/HH5 và số 374, 376, 378 ô đất thuộc ô quy hoạch C.2/HH4, C.2/LX4, ô đất thuộc ô quy hoạch B.1/CQ3, phường Đức Giang	TMD	0,80			Quận Long Biên	2022
305	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch D.5/CC3, phụ cận tuyến đường quy hoạch 30m, phường Sài Đồng	TMD	0,53			Quận Long Biên	2022
306	Xây dựng cửa hàng xăng dầu tại đường Cổ Linh tại ô G2.P4	TMD	0,43			Quận Long Biên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
307	Ô đất C2-1/CCDVO3 (E.3/CC4) phường Bồ Đề (Đầu giá đất công cộng, thương mại, dịch vụ)	TMD	0,28			Quận Long Biên	2022
308	Ô đất A.2/CC2 phường Thượng Thanh (Đầu giá đất công cộng, thương mại, dịch vụ)	TMD	0,26			Quận Long Biên	2022
309	Ô đất B.4/CC phường Thượng Thanh (Đầu giá đất công cộng, thương mại, dịch vụ)	TMD	0,20			Quận Long Biên	2022
310	Xây dựng xưởng in, sản xuất bao bì các mặt hàng về giấy tại phường Việt Hưng	TMD	0,38			Quận Long Biên	2022
311	Công trình hỗn hợp văn phòng, thương mại dịch vụ và khách sạn	TMD	1,67			Quận Long Biên	2022
312	Ô đất C2-1/CCDVO2 (E.3/CC3) phường Bồ Đề (đầu giá đất công cộng, thương mại, dịch vụ)	TMD	0,13			Quận Long Biên	2022
313	Xây dựng công trình siêu thị, dịch vụ thương mại tại phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội	TMD	0,96			Quận Long Biên	2022
314	Khu Dịch vụ tổng hợp	TMD	7,35			Quận Long Biên	2022
315	Văn phòng, trung tâm giao dịch giới thiệu sản phẩm và công trình thương mại dịch vụ	TMD	1,93			Quận Long Biên	2022
316	Dự án đầu tư xây dựng khách sạn, văn phòng tại ô đất G4/CCKO, phường Thạch Bàn, quận Long Biên	TMD	4,30			Quận Long Biên	2022
317	Dự án Thành phố công nghệ Xanh Hà Nội	TMD	55,04		55,04	Quận Nam Từ Liêm	2022
318	Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ, thương mại và chăm sóc sức khỏe cộng đồng EMICO tại phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm	TMD	1,18		1,18	Quận Nam Từ Liêm	2021
319	Khu chức năng hành chính cây xanh, hồ điều hòa, công cộng kết hợp nhà ở Vinhomes paradise tại phường Mỹ Trì (giai đoạn 2)	TMD	4,72		4,72	Quận Nam Từ Liêm	2021
320	Công viên giải trí, trường học và Tổ hợp nhà ở, thương mại, dịch vụ Golden Palace A	TMD	0,74		0,74	Quận Nam Từ Liêm	2021
321	Khu văn hóa thể thao và dịch vụ Nam Từ Liêm	TMD	3,19		3,19	Quận Nam Từ Liêm	2021
322	Xây dựng bãi đỗ xe tại ô đất ký hiệu D24 khu đô thị mới Cầu Giấy	TMD	0,79		0,79	Quận Nam Từ Liêm	2021
323	Tòa nhà hỗn hợp - trụ sở công ty tại ô đất ký hiệu D14, khu đô thị Cầu Giấy	TMD	0,53		0,53	Quận Nam Từ Liêm	2021
324	Công trình hỗn hợp thương mại, dịch vụ, nhà ở tại ô đất K4-1/CCĐT1	TMD	3,50		3,50	Quận Nam Từ Liêm	2021
325	Xây dựng Trung tâm thể thao Pháp Việt	TMD	2,30		2,30	Quận Nam Từ Liêm	2021
326	Công viên tri thức QMS	TMD	2,36		2,36	Quận Nam Từ Liêm	2021
327	Tòa nhà hỗn hợp, trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê	TMD	0,48		0,48	Quận Nam Từ Liêm	2021
328	Nhóm nhà ở Đông Nam đường Tố Hữu	TMD	5,30		5,30	Quận Nam Từ Liêm	2021
329	Dự án công trình hỗn hợp nhà trẻ khách sạn, căn hộ thương mại tại lô HH Ngõ Cầu Trại	TMD	0,52		0,52	Quận Nam Từ Liêm	2021
330	Xây dựng công trình Khu nhà ở để bán khu vực Ngõ Cầu Trại tại phường Trung Văn quận Nam Từ Liêm	TMD	12,65		12,65	Quận Nam Từ Liêm	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
331	Dự án xây dựng trung tâm văn hóa bồi dưỡng giáo viên và đổi mới phương pháp dạy học Mason	TMD	2,23		-	Quận Nam Từ Liêm	2021
332	GPMB và xây dựng hàng rào chống lấn chiếm tại Ao Thủy Dương, phường Quảng An	TMD	0,44		0,44	Quận Tây Hồ	2021
333	Dự án xây dựng khu cây xanh, kết hợp sân thể thao và công trình dịch vụ công cộng có tính chất kinh doanh	TMD	0,38		0,01	Quận Tây Hồ	2021
334	Tổ hợp văn phòng, khách sạn, thương mại dịch vụ và nhà ở tại ô đất ký hiệu D3 - HH12 phường Xuân La, quận Tây Hồ và phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy.	TMD	0,82		0,82	Quận Tây Hồ	2021
335	Công trình đỗ xe, showroom ô tô và phụ trợ	TMD	0,60		0,60	Quận Tây Hồ	2021
336	Dự án đầu tư xây dựng Trường THCS tư thực Chùa khóa vàng	TMD	0,42		0,42	Quận Tây Hồ	2021
337	Dự án xây dựng gara ô tô tại khu vực hồ Bụng Cá	TMD	1,04		1,04	Quận Tây Hồ	2021
338	Đầu giá cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp thuộc quỹ đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	TMD	55,71		55,71	Quận Tây Hồ	2021
339	Dự án tòa nhà Nam Đại Việt tại lô đất B1-CQ3 đường Phú Thượng phường Phú Thượng, quận Tây Hồ theo hình thức thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.	TMD	0,82		0,82	Quận Tây Hồ	2021
340	Đầu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án xây dựng công trình tổ hợp công viên vui chơi giải trí và phụ trợ	TMD	0,27		0,27	Quận Tây Hồ	2022
341	Dự án xây dựng Trường THCS tư thực Chùa khóa vàng	TMD	0,42		0,42	Quận Tây Hồ	2022
342	Dự án đầu tư Công viên sinh thái (Tập đoàn Hanaka)	TMD	1,30		1,30	Quận Tây Hồ	2024
343	Trung tâm Thương mại dịch vụ Hạ Đình	TMD	0,98		0,98	Quận Thanh Xuân	2022
344	Tòa nhà hỗn hợp thương mại dịch vụ và văn phòng	TMD	0,45		-	Quận Thanh Xuân	2022
345	Khách sạn TSG Cửu Long (Amachi Hotel)	TMD	0,20		-	Quận Thanh Xuân	2022
346	Trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê	TMD	0,16		0,04	Quận Thanh Xuân	2022
347	Quy hoạch khu thương mại - dịch vụ tại công ty XNK Hồng Hà	TMD	0,25			Quận Thanh Xuân	2023
348	Quy hoạch đất TM - DV trong khu hỗn hợp tại Công ty cơ điện Trần Phú	TMD	0,83			Quận Thanh Xuân	2024
349	Trung tâm TMDV Khương Đình (chợ KĐ)	TMD	0,64			Quận Thanh Xuân	2022
350	Quy hoạch Trung tâm thương mại tổng hợp (tại chợ Thượng Đình)	TMD	0,20			Quận Thanh Xuân	2024
351	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ trong khu đô thị hỗn hợp tại Công ty cao su Sao Vàng	TMD	1,80			Quận Thanh Xuân	2025
352	Quy hoạch đất TM-DV, Văn phòng cho thuê trong khu đất hỗn hợp tại Công ty Bóng đèn phích nước Rạng đông	TMD	0,46			Quận Thanh Xuân	2022
353	Quy hoạch đất TM-DV, Văn phòng cho thuê trong khu đất hỗn hợp tại Công ty Giấy vải Thượng Đình	TMD	2,76			Quận Thanh Xuân	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
354	Quy hoạch đất TM-DV, Văn phòng cho thuê trong khu đất hỗn hợp tại Công ty thủy tinh Hà Nội	TMD	1,30			Quận Thanh Xuân	2021
355	Quy hoạch đất TM-DV, Văn phòng trong khu đất hỗn hợp tại nhà máy nhựa giấy	TMD	0,57			Quận Thanh Xuân	2024
356	Dự án Tổ hợp chung cư, văn phòng kết hợp căn hộ cho thuê VIWASEEN	TMD	1,26			Quận Thanh Xuân	2022
357	Xây dựng Khu thương mại dịch vụ và siêu thị Lan chi tại thị xã Sơn Tây	TMD	2,20	-	2,20	Thị xã Sơn Tây	2022
358	Chợ và các dịch vụ thương mại Đại Từ	TMD	0,25		0,25	Quận Hoàng Mai	2022
359	Chợ và các dịch vụ thương mại Vĩnh Hưng	TMD	0,70		0,70	Quận Hoàng Mai	2022
360	Chợ và các dịch vụ thương mại Vĩnh Tuy	TMD	0,12		0,12	Quận Hoàng Mai	2022
361	Kho bãi Xứ Đồng (Dự án bãi đỗ xe, trung tâm thương mại Aeonmall Hoàng Mai - Giáp Bát)	TMD	6,10			Quận Hoàng Mai	2021
362	Tòa nhà văn phòng và giới thiệu sản phẩm Cầu Tiên	TMD	0,10			Quận Hoàng Mai	2021
363	Dự án đầu tư xây dựng văn phòng cửa hàng kinh doanh giới thiệu sản phẩm	TMD	0,05			Quận Hoàng Mai	2022
364	Dự án siêu thị METRO Hà Nội II	TMD	1,69			Quận Hoàng Mai	2022
365	Văn phòng làm việc, cho thuê và cửa hàng giới thiệu sản phẩm	TMD	0,25	0,25		Quận Đống Đa	2021-2025
366	Dự án tòa nhà văn phòng Tổng công ty V1WASEEN	TMD	0,13	0,13		Quận Đống Đa	2021-2025
367	Tòa nhà TMDV Hỗn Hợp	TMD	0,52	0,52		Quận Đống Đa	2021-2025
368	Quỹ đất phát triển Dịch Vụ	TMD	5,00			Quận Đống Đa	2021-2025
373	<i>Đất sử dụng hỗn hợp</i>	<i>TMD</i>	<i>0,54</i>		<i>0,54</i>	<i>Quận Cầu Giấy</i>	2021
374	Tòa nhà thương mại dịch vụ kết hợp văn phòng làm việc và cho thuê	TMD	0,06		0,06	Quận Cầu Giấy	2021
375	Tòa nhà văn phòng và dịch vụ thương mại tại Lô đất 17 - E5 khu đô thị mới Cầu Giấy	TMD	0,42		0,42	Quận Cầu Giấy	2021
376	Trụ sở văn phòng tại Lô đất 19 - E5 khu đô thị mới Cầu Giấy	TMD	0,45		0,45	Quận Cầu Giấy	2021
377	Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê	TMD	0,12		0,12	Quận Cầu Giấy	2021
378	Toà nhà hỗn hợp văn phòng, dịch vụ thương mại và nhà ở	TMD	0,55		0,55	Quận Cầu Giấy	2021
379	Chợ dân sinh Hợp Nhất	TMD	0,01		0,01	Quận Cầu Giấy	2023-2025
380	Trung tâm dịch vụ thể thao và võ thuật, khách sạn và văn phòng	TMD	0,65		0,65	Quận Cầu Giấy	2023-2025
381	Tòa nhà thương mại , dịch vụ và văn phòng	TMD	0,19		0,19	Quận Cầu Giấy	2023-2025
382	Công trình toà nhà hỗn hợp siêu thị, dịch vụ thương mại và căn hộ để bán (ô đất C3/HH)	TMD	0,57		0,57	Quận Cầu Giấy	2023-2025
383	Công trình Tổ hợp thương mại, dịch vụ công cộng hàng ngày, phòng khám đa khoa và bãi đỗ xe (ô đất B9/CC1 và B9/CC3)	TMD	0,91		0,91	Quận Cầu Giấy	2023-2025
384	Dự án: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc.	TMD	0,38		0,38	Quận Cầu Giấy	2023-2025
385	Tổng công ty điện tử và tin học Việt Nam	TMD	0,43		0,43	Quận Cầu Giấy	2023-2025
386	Công ty cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk)	TMD	0,38		0,38	Quận Cầu Giấy	2023-2025
387	Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam	TMD	0,42		0,42	Quận Cầu Giấy	2023-2025
388	Dự án: Trụ sở văn phòng CĐT: Tổng công ty máy và thiết bị công nghiệp	TMD	0,45		0,45	Quận Cầu Giấy	2023-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
389	Công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	TMD	0,42		0,42	Quận Cầu Giấy	2023-2025
390	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	TMD	1,02		1,02	Quận Cầu Giấy	2023-2025
391	Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp – kinh doanh tổng hợp Hợp Nhất	TMD	0,32		0,32	Quận Cầu Giấy	2023-2025
392	Dự án: Xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc Tranconsin.	TMD	0,21		0,21	Quận Cầu Giấy	2023-2025
393	Dự án: Xây dựng trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê	TMD	0,19		0,19	Quận Cầu Giấy	2023-2025
394	Dự án: Xây dựng trụ sở, văn phòng giao dịch, trung tâm dịch vụ khách hàng.	TMD	0,19		0,19	Quận Cầu Giấy	2023-2025
395	Dự án: Xây dựng trung tâm bán giới thiệu xe ô tô Honda và các loại xe khác.	TMD	0,53		0,53	Quận Cầu Giấy	2023-2025
396	Dự án: Xây dựng khu văn phòng, dịch vụ và dạy nghề.	TMD	0,76		0,76	Quận Cầu Giấy	2023-2025
397	GPMB 59,5 m2 (còn lại) của dự án: Xây dựng TTTM, VP và nhà CCCT để bán và cho thuê tại 302 CG	TMD	0,01		0,01	Quận Cầu Giấy	2023-2025
398	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,49		0,49	Quận Cầu Giấy	2023-2025
399	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,63		0,63	Quận Cầu Giấy	2023-2025
400	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,02		0,02	Quận Cầu Giấy	2023-2025
401	Đất sử dụng hỗn hợp	TMD	1,46		1,46	Quận Cầu Giấy	2023-2025
402	Cửa hàng xăng dầu xã Hiệp Thuận	TMD	0,38		0,38	Huyện Phúc Thọ	2021
403	Xây dựng cửa hàng xăng dầu Phúc Hòa	TMD	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2021
404	Cửa hàng xăng dầu đường Phụng Thượng - Hương Ngải	TMD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
405	Đại lý Honda ô tô, xe máy tại cụm CN Tích Giang	TMD	2,50		2,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
B.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC					
1	Khu sơ chế thủy sản	SKC	6,40		6,40	Huyện Ba Vì	2021
2	Khu giết mổ gia súc gia cầm	SKC	2,50		2,50	Huyện Ba Vì	2021
3	Khu điều dưỡng nước khoáng nóng	SKC	16,98		16,98	Huyện Ba Vì	2021
4	Làng nghề miền dong Minh Hồng	SKC	1,50		1,50	Huyện Ba Vì	2021
5	Xây dựng nhà máy, hệ thống cấp nước sạch nông thôn huyện Ba Vì, Hà Nội	SKC	5,50		5,50	Huyện Ba Vì	2021
6	Xây dựng lò mổ gia súc gia cầm tập trung tại Khu Bình Sơn, thị trấn Chúc Sơn	SKC	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc tập trung tại xã Tốt Động	SKC	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2022
8	Dự án xây dựng cơ sở giết mổ Vũ Văn Khương	SKC	0,23		0,23	Huyện Chương Mỹ	2022
9	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	7,60		7,60	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Xây dựng xưởng sản xuất dây và cáp điện	SKC	0,48		0,48	Huyện Chương Mỹ	2022
11	Dự án xây dựng cơ sở giết mổ	SKC	0,13		0,13	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Trung tâm nguyên phụ liệu dệt may da giày	SKC	1,97		1,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
13	Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất Tên cũ: Mở rộng mặt bằng sản xuất của công ty cổ phần in sách giáo khoa	SKC	0,76		0,76	Huyện Đông Anh	2021-2025
14	Xưởng chế biến nông sản	SKC	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
15	Xây dựng nhà xưởng sản xuất, văn phòng giao dịch, cửa hàng giới thiệu sản phẩm	SKC	2,62		2,62	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
16	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền thuê đất tại khu Ga Phú Thụy, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	SKC	11,20			Huyện Gia Lâm	2022
17	Mở rộng quy mô dự án Nhà máy sản xuất	SKC	3,71			Huyện Gia Lâm	2022
18	Xây dựng nhà máy thiết bị giáo dục	SKC	1,52			Huyện Gia Lâm	2022
19	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179	SKC	1,53			Huyện Gia Lâm	2022
20	Xây dựng văn phòng và nhà xưởng sản xuất	SKC	2,27			Huyện Gia Lâm	2022
21	Mở rộng Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam	SKC	2,24			Huyện Gia Lâm	2022
22	Cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	1,87			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
23	Cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	8,03			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
24	Cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	5,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
25	Cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	5,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
26	Cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	5,67			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
27	Khu tiêu thụ công nghiệp	SKC	6,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
28	Dự án chuyển mục đích sử dụng đất sang đất sản xuất kinh doanh của hộ bà Nguyễn Thị Lương tại xã Phú Túc	SKC	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2022
29	Khu liên hợp giết mổ gia súc tập trung và chế biến thực phẩm kỹ thuật cao xã Quang Lăng	SKC	4,30		4,30	Huyện Phú Xuyên	2022
30	Thực hiện dự án mở rộng Trung tâm nghiên cứu vẹt Đại Xuyên	SKC	7,12		7,12	Huyện Phú Xuyên	2022
31	QH trạm tăng áp tại xã Nam Tiến (dự án nước sạch)	SKC	2,30		2,30	Huyện Phú Xuyên	2022
32	QH đất sản xuất kinh doanh xã Phú Túc	SKC	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2021
33	QH đất sản xuất kinh doanh xã Phúc Tiến	SKC	0,99		0,99	Huyện Phú Xuyên	2022
34	QH trạm tăng áp tại xã Phúc Tiến (dự án nước sạch)	SKC	1,30		1,30	Huyện Phú Xuyên	2022
35	QH trạm tăng áp tại xã Quang Trung (dự án nước sạch)	SKC	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2022
36	QH trạm tăng áp tại xã Vân Từ (dự án nước sạch)	SKC	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2022
37	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH Cường Lập tại khu vực Á Hè, Đồng Tròn	SKC	2,02			Huyện Sóc Sơn	2022
38	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH Thương mại Toàn Năng	SKC	0,74			Huyện Sóc Sơn	2022
39	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH trà Hoàng Long	SKC	0,81			Huyện Sóc Sơn	2022
40	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đại Thành	SKC	0,96			Huyện Sóc Sơn	2022
41	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH chè Thành Vinh	SKC	0,35			Huyện Sóc Sơn	2022
42	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH chè Thái Hòa	SKC	0,54			Huyện Sóc Sơn	2022
43	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH sản xuất Thương mại trà Thăng Long 1	SKC	1,80			Huyện Sóc Sơn	2022
44	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH Cường Lập tại khối 13	SKC	1,06			Huyện Sóc Sơn	2022
45	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH Thép An Khánh	SKC	1,19			Huyện Sóc Sơn	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
46	Dự án thủ tục thuê đất của công ty cổ phần công nghệ Tin Tin	SKC	1,78			Huyện Sóc Sơn	2022
47	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH chè Long Dương	SKC	0,54			Huyện Sóc Sơn	2022
48	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện Dự án xây dựng nhà máy sản xuất Gạch Tuynel công nghệ hiện đại	SKC	2,42			Huyện Sóc Sơn	2022
49	Đấu giá cho thuê QSD đất xây dựng HTKT cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Bình Minh, huyện Thanh Oai	SKC	4,30			Huyện Thanh Oai	2021-2022
50	Đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất tại cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy giai đoạn 3 (Lô C) xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai	SKC	1,48			Huyện Thanh Oai	2021-2022
51	Cụm công nghiệp làng nghề điêu khắc	SKC	4,00		4,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
52	Điểm giết mổ xã Tân Ước	SKC	0,65		0,65	Huyện Thanh Oai	2021-2022
53	Cụm làng nghề xã Tân Ước	SKC	4,00		4,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
54	Đất sản xuất phi nông nghiệp xã Tam Hưng	SKC	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
55	Khu làng nghề xã Liên Châu	SKC	8,60		8,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
56	Cơ sở chế biến nông sản	SKC	0,20		0,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
57	Đất sản xuất phi nông nghiệp xã Hồng Dương	SKC	13,97		13,97	Huyện Thanh Oai	2021-2022
58	Đất tiểu thủ công nghiệp, kho bãi xã Cự Khê	SKC	0,96		0,96	Huyện Thanh Oai	2021-2022
59	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xã Cao Viên	SKC	3,48		3,48	Huyện Thanh Oai	2021-2022
60	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xã Cao Dương	SKC	3,00		3,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
61	Xưởng sản xuất đồng trùng hạ thảo	SKC	0,40		0,40	Huyện Thanh Oai	2021-2022
62	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	9,69		9,69	Huyện Thanh Oai	2021-2022
63	Xây dựng nhà máy may xã Vân Tảo, huyện Thường Tín	SKC	3,00	3,00		Huyện Thường Tín	2021
64	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC				Huyện Ứng Hòa	2022-2025
65	Xây dựng văn phòng công ty	SKC	0,03		0,03	Quận Ba Đình	2021-2025
66	Đấu giá cho thuê đất Khu HTX-02 điểm tiểu thủ công nghiệp làng nghề dệt lụa Vạn Phúc	SKC	0,30	0,30	-	Quận Hà Đông	2021
67	Xây dựng nhà điều hành quản lý điện chiếu sáng Công ty TNHH MTV chiếu sáng và thiết bị đô thị	SKC	0,25			Quận Long Biên	2022
68	Xây dựng nhà máy sản xuất hóa chất Silica	SKC	5,00			Quận Long Biên	2022
69	Dự án: Đầu tư xây dựng xưởng lắp ráp thiết bị điện tử. □	SKC	0,50		0,50	Quận Cầu Giấy	2023-2025
70	Xây dựng nhà máy xử lý nước sạch	SKC	4,00		4,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
71	Xây dựng nhà máy nước sạch Long Xuyên - Thượng Cốc	SKC	0,52		0,52	Huyện Phúc Thọ	2021
72	Xây dựng công trình cấp nước sạch liên xã Vân Phúc, Xuân Phú, Vân Nam	SKC	0,32		0,32	Huyện Phúc Thọ	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
73	Dự án: Tiếp nhận, đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước sạch xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	SKC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2021
74	Trạm nước sạch Bảo Lộc	SKC	0,05		0,05	Huyện Phúc Thọ	2021
B.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
1	Mỏ Kiều Mộc	SKS	13,23		13,23	Huyện Ba Vì	2021
2	Mỏ Phú Châu	SKS	103,58		103,58	Huyện Ba Vì	2021
3	Mỏ đất Phú Sơn	SKS	70,00		70,00	Huyện Ba Vì	2021
4	Mỏ đất Khánh Thượng	SKS	50,00		50,00	Huyện Ba Vì	2021
5	Mỏ cát Châu Sơn	SKS	16,98		16,98	Huyện Ba Vì	2021
6	Mỏ Cam Thượng	SKS	8,95		8,95	Huyện Ba Vì	2021
7	Mỏ Cổ đô- Phú Cường	SKS	156,62		156,62	Huyện Ba Vì	2021
8	Mỏ cát Hồng Vân	SKS	4,00		4,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
B.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
1	Đầu tư thăm dò, khai thác cát tại xã Đại Mạch	SKX	7,80	6,20	1,60	Huyện Đông Anh	2021
2	Khu sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	2,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
B.7	Đất giao thông	DGT					
1	Đường giao thông liên xã Tây Đằng- Vật Lại	DGT	8,00		8,00	Huyện Ba Vì	2021
2	Đường nối từ cầu Văn Lang đến TL411B đến xã Đồng Thái	DGT	4,00		4,00	Huyện Ba Vì	2021
3	Đường trục thôn Tri Lai, xã Đồng Thái	DGT	1,50		1,50	Huyện Ba Vì	2021
4	Đường trục thôn Đồng Bàng (từ TL411 đến trường Mầm non Đồng Bàng	DGT	0,80		0,80	Huyện Ba Vì	2021
5	Đường nối QL 32 - Nghĩa trang Yên Kỳ - Hồ Suối Hai	DGT	19,20		19,20	Huyện Ba Vì	2021
6	Xây dựng tuyến đường kéo đầu đường cầu Văn Lang nối đường QL32-Yên Kỳ- Suối Hai	DGT	7,60		7,60	Huyện Ba Vì	2021
7	Mở mới, nâng cấp các tuyến đường toàn xã	DGT	4,35		4,35	Huyện Ba Vì	2021
8	Đường tây yên kỳ đoạn tổng бат- phú nhiên-QL32	DGT	0,20		0,20	Huyện Ba Vì	2021
9	Đường liên thôn Vật lại 1,2,3	DGT	2,30		2,30	Huyện Ba Vì	2021
10	Gia cố chống sạt lở bờ sông tại xã Chu Minh - Đông Quang	DGT	2,15		2,15	Huyện Ba Vì	2021
11	Đường Cẩm Lĩnh - Ba Trại	DGT	1,35		1,35	Huyện Ba Vì	2021
12	Đường Sơn Đà - Thuận Mỹ	DGT	0,94		0,94	Huyện Ba Vì	2021
13	Đường giao thông liên xã thị trấn Tây Đằng-Tiên Phong	DGT	0,60		0,60	Huyện Ba Vì	2021
14	Đường gom đầu nối QL32 (Thôn Thịnh Thôn - xã Cam Thượng đến Ngã ba Vật Phụ - xã Vật Lại)	DGT	6,00		6,00	Huyện Ba Vì	2021
15	Đường Sơn Đà - Thuận Mỹ	DGT	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2021
16	Cải tạo, nâng cấp đường TL414C đi xã Thuận Mỹ (nối khu du lịch Suối Hai với khu du lịch nước khoáng nóng Thuận Mỹ)	DGT	15,00		15,00	Huyện Ba Vì	2022
17	Đường nối TL414(87A cũ) đi Vân hòa	DGT	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2021
18	Đường trục xã Vân Hòa đi Tân Lĩnh	DGT	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2021
19	Đường trục xã Vân Hòa đi Tân Lĩnh	DGT	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2021
20	Xây dựng tuyến đường nối từ đường TL Tân Lĩnh-Yên Bái- Khoang xanh đi các khu du lịch sườn đồi núi Ba vì	DGT	7,56		7,56	Huyện Ba Vì	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
21	Dự án Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đà và hữu Hồng huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	DGT	40,04		40,04	Huyện Ba Vì	2021
22	Đường từ trung tâm hành chính II đi cụm công nghiệp Đồng Giai	DGT	7,00		7,00	Huyện Ba Vì	2021
23	Dự án đường tránh Quốc lộ 32	DGT	50,64		50,64	Huyện Ba Vì	2021
24	Đường tỉnh lộ 411	DGT	10,00		10,00	Huyện Ba Vì	2021
25	Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32, đoạn Sơn Tây đến cầu Trung Hà (từ Km 55+200 - Km 62+500), huyện Ba Vì	DGT	30,02		30,02	Huyện Ba Vì	2022
26	Đường nối QL 32 - Nghĩa trang Yên Kỳ - Hồ Suối Hai	DGT	37,40		37,40	Huyện Ba Vì	2021
27	Đường giao thông liên xã Tiên Phong - Thụy An nối QL32 và TL 413 (giai đoạn 2)	DGT	1,87		1,87	Huyện Ba Vì	2021
28	Xây dựng tuyến đường Tây nghĩa trang Yên kỳ mở rộng	DGT	3,60		3,60	Huyện Ba Vì	2021
29	Đường liên xã Tòng Bạt- Cẩm Lĩnh (đoạn qua xã Tòng Bạt)	DGT	1,71		1,71	Huyện Ba Vì	2021
30	Đường HCM đoạn qua xã Tòng Bạt (đi qua Yên Bài, Tân Lĩnh, Vân Hòa, Ba Trại, Sơn Đà ,Tòng Bạt)	DGT	216,00		216,00	Huyện Ba Vì	2021
31	Cải tạo, nâng cấp đường từ Tỉnh lộ 414 đi vườn quốc gia Ba Vì, huyện Ba Vì	DGT	12,00		12,00	Huyện Ba Vì	2022
32	Đường giao thông liên xã Tây Đằng- Vật Lại	DGT	3,70		3,70	Huyện Ba Vì	2021
33	Dự án ĐTXD công trình cầu Bến Cốc	DGT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
34	Dự án ĐTXD đường vào đất dịch vụ đồng Trà	DGT	4,54		4,54	Huyện Chương Mỹ	2022
35	Đường giao thông liên Xã Nam Phương Tiến đi xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn (Hòa Bình)	DGT	2,35		2,35	Huyện Chương Mỹ	2022
36	Đường Gom khu dân cư xã Tiên Phương - Quốc Lộ 6	DGT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
37	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	DGT	9,50		9,50	Huyện Chương Mỹ	2022
38	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	DGT	3,10		3,10	Huyện Chương Mỹ	2022
39	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	DGT	3,20		3,20	Huyện Chương Mỹ	2022
40	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	DGT	3,20		3,20	Huyện Chương Mỹ	2022
41	Đường nối trục phát triển kinh tế đến khu công nghiệp Phú Nghĩa	DGT	1,80		1,80	Huyện Chương Mỹ	2022
42	Đường Phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7 (đoạn từ Thụy Hương - Hoàng Diệu)	DGT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
43	Đường Phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7 (đoạn từ Chợ Cống - Thụy Hương)	DGT	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2022
44	Đường từ xã Phụng Châu đi xã Tân Hòa (Quốc Oai)	DGT	2,60		2,60	Huyện Chương Mỹ	2022
45	Mở rộng nút giao thông đường tránh Chúc Sơn; Hạng mục: Xây dựng, mở rộng nền, mặt đường, rãnh thoát nước, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng	DGT	0,08		0,08	Huyện Chương Mỹ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
46	Nâng cấp cải tạo đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Thị trấn Chúc Sơn tới đường Hồ Chí Minh	DGT	7,70		7,70	Huyện Chương Mỹ	2022
47	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 419	DGT	4,00		4,00	Huyện Chương Mỹ	2022
48	Nút giao thông đường Chúc Sơn - Lam Điền nối quốc lộ 6	DGT	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2022
49	Tuyến đường vào khu xử lý rác thải tập trung của Thành phố	DGT	1,90		1,90	Huyện Chương Mỹ	2022
50	Xây dựng tuyến đường gom phía Nam KCN Phú Nghĩa ra Quốc lộ 6, huyện Chương Mỹ (Đoạn qua điểm công nghiệp Tiên Phương và điểm công nghiệp Phú Nghĩa cũ)	DGT	1,04		1,04	Huyện Chương Mỹ	2022
51	Đường Hòa Chính - Thượng Vực	DGT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
52	Đường Hòa Chính - Thượng Vực	DGT	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
53	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7 (đoạn từ xã Hoàng Diệu - xã Thượng Vực)	DGT	5,80		5,80	Huyện Chương Mỹ	2022
54	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7 (đoạn từ xã Hoàng Diệu - xã Thượng Vực)	DGT	2,80		2,80	Huyện Chương Mỹ	2022
55	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7 (đoạn từ xã Hoàng Diệu - xã Thượng Vực)	DGT	3,00		3,00	Huyện Chương Mỹ	2022
56	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Bị đi xã Thượng Vực	DGT	5,90		5,90	Huyện Chương Mỹ	2022
57	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Bị đi xã Thượng Vực	DGT	2,90		2,90	Huyện Chương Mỹ	2022
58	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Bị đi xã Thượng Vực	DGT	3,00		3,00	Huyện Chương Mỹ	2022
59	Đường từ chợ Sê xã Hồng Phong đi xã Đồng Lạc, tỉnh lộ 429	DGT	13,50		13,50	Huyện Chương Mỹ	2022
60	Đường từ tỉnh lộ 419 đi cầu gổm xã Mỹ Lương	DGT	4,30		4,30	Huyện Chương Mỹ	2022
61	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường du lịch Chùa Trầm	DGT	13,00		13,00	Huyện Chương Mỹ	2022
62	Đường từ tỉnh lộ 419 đi trạm bơm tiêu An Vọng, xã Hoàng Diệu	DGT	3,90		3,90	Huyện Chương Mỹ	2022
63	Dự án đầu tư xây dựng Công trình đường Phân luồng giao thông kết hợp với cứng hóa mặt đê máng 7	DGT	1,31		1,31	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
64	Dự án đầu tư xây dựng Công trình cầu Hạ Dục, xã Đồng Phú và xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	DGT	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
65	Dự án đầu tư xây dựng Công trình cầu Đầm Mờ, xã Hồng Phong và xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ	DGT	1,74		1,74	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
66	Dự án ĐTXD đường vào đất dịch vụ đồng Trà	DGT	4,54		4,54	Huyện Chương Mỹ	2022
67	Tuyến đường vào khu xử lý rác thải tập trung của Thành phố	DGT	1,90		1,90	Huyện Chương Mỹ	2022
68	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh vào nhà máy xử lý rác thải Núi Thoang	DGT	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2022
69	Dự án đường Hòa Chính Thượng Vực	DGT	2,28		2,28	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
70	Dự án ĐTXD đường Tân Tiến-CK2	DGT	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
71	Dự án ĐTXD đường Tân Tiến-Thủy Xuân Tiên	DGT	0,17		0,17	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
72	Dự án ĐTXD đường Trần Phú-Mỹ Lương	DGT	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
73	Giao thông đô thị Chúc Sơn	DGT	52,58		52,58	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
74	Đất giao thông đơn vị ở đô thị Chúc Sơn	DGT	39,09		39,09	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
75	Đất giao thông đối ngoại đô thị Chúc Sơn	DGT	21,51		21,51	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
76	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Quốc lộ 6	DGT	15,00		15,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
77	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh vào nhà máy xử lý rác thải Núi Thoong	DGT	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2022
78	Đường giao thông liên xã Nam Phương Tiến đi xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn (Hòa Bình)	DGT	1,60		1,60	Huyện Chương Mỹ	2022
79	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường từ huyện ủy đi chi cục thống kê huyện Chương Mỹ	DGT	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2022
80	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai	DGT	89,09		89,09	Huyện Chương Mỹ	2022
81	Cải tạo, sửa chữa đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ cầu Zét đến đường vào UBND xã Tốt Động	DGT	0,65		0,65	Huyện Chương Mỹ	2022
82	Mở rộng nút giao ngã ba đường tránh chợ Chúc Sơn	DGT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
83	Cải tạo hệ thống thoát nước và đường giao thông từ đường Chúc Sơn - Lam Điền đến Trung tâm y tế huyện Chương Mỹ	DGT	0,05		0,05	Huyện Chương Mỹ	2022
84	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Phú - Chợ Ròng	DGT	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
85	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thị trấn Chúc Sơn (Từ An Phú đi TL 419)	DGT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
86	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7	DGT	4,50		4,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
87	Dự án ĐTXD công trình cầu Bến Cốc	DGT	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
88	Xây dựng tuyến đường gom phía Nam KCN Phú Nghĩa ra Quốc lộ 6, huyện Chương Mỹ (Đoạn qua điểm công nghiệp Tiên Phương và điểm công nghiệp Phú Nghĩa cũ)	DGT	1,04		1,04	Huyện Chương Mỹ	2022
89	Dự án chỉnh tranh cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 419 trên địa bàn huyện Chương Mỹ	DGT	1,02		1,02	Huyện Chương Mỹ	2022
90	Dự án chỉnh tranh cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ thị trấn Chúc Sơn đến đường Hồ Chí Minh	DGT	0,85		0,85	Huyện Chương Mỹ	2022
91	Đường từ xã Phụng Châu đi xã Tân Hòa (Quốc Oai)	DGT	2,60		2,60	Huyện Chương Mỹ	2022
92	Cải tạo, nâng cấp đường từ Tỉnh lộ 419 đi đường Tránh đoạn qua thôn Chúc Lý, xã Ngọc Hòa	DGT	0,24		0,24	Huyện Chương Mỹ	2022
93	Đường Hoàng Diệu - Hợp Đồng	DGT	0,72		0,72	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
94	Đường Chúc Sơn - Hòa Chính (Trục đường liên kết Bắc Nam huyện)	DGT	37,20		37,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
95	Đường Đông Phương Yên - Đồng Lạc (Trục đường liên kết Bắc Nam huyện)	DGT	18,84		18,84	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
96	Đường Nguyễn Văn Trỗi - Đê Đáy	DGT	6,60		6,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
97	Cầu Mụ	DGT	0,21		0,21	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
98	Đường Tổ Hữu kéo dài	DGT	52,80		52,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
99	Cầu Trí Thủy	DGT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
100	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	DGT	9,00			Huyện Chương Mỹ	2021-2025
101	Giao thông nông thôn, giao thông nội đồng	DGT	1,50		1,50	Huyện Chương Mỹ	2022
102	Cải tạo nâng cấp đường Trần Phú đi Hồng Phong	DGT	1,50		1,50	Huyện Chương Mỹ	2022
103	Đường trục Xuân Mai - Hoàng Văn Thụ	DGT	30,00		30,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
104	Đường từ Quán Đoài Khê đến đường N12	DGT	0,02		0,02	Huyện Đan Phượng	2022
105	Dự án xây dựng hệ thống tiêu thoát nước kết hợp đường giao thông ao ông Đắc xã Liên Trung	DGT	0,08		0,08	Huyện Đan Phượng	2022
106	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Tháp 2. xã Đồng Tháp, từ trường mầm non Đồng Tháp đi xã Song Phượng	DGT	1,90		1,90	Huyện Đan Phượng	2022
107	Đường giao thông nối đường N4 với N1 từ Phương Đình đến Trung Châu	DGT	2,50		2,50	Huyện Đan Phượng	2022
108	Đường vào đền Văn Hiến	DGT	0,31		0,31	Huyện Đan Phượng	2022
109	Dự án xây dựng đường giao thông tuyến N1 đoạn từ đê Tiên Tân đến đường N4	DGT	10,00		10,00	Huyện Đan Phượng	2022
110	Đường nối đê Hữu Hồng đến đê quai Liên Trì (Đường 11 m, khu Đồng Quán)	DGT	0,30		0,30	Huyện Đan Phượng	2022
111	Đường giao thông từ chân cầu Phùng đến UBND xã Đồng Tháp	DGT	0,30		0,30	Huyện Đan Phượng	2022
112	Cải tạo đường giao thông từ Trường mầm non Đồng Tháp đến đường trục thôn Bãi Thuy, xã Đồng Tháp	DGT	0,40		0,40	Huyện Đan Phượng	2022
113	Đường vào trường THCS xã Tân Hội	DGT	0,35		0,35	Huyện Đan Phượng	2022
114	Chỉnh trang đường giao thông Đan Phượng - Tân Hội (qua trung tâm xã Tân Hội), huyện Đan Phượng	DGT	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2022
115	Đường giao thông nối đường 422 vào cụm công nghiệp làng nghề xã Liên Hà	DGT	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2022
116	Cải tạo, nâng cấp đường từ TL 417 đến điểm Thọ Vực, xã Thọ An	DGT	0,73		0,73	Huyện Đan Phượng	2022
117	Cải tạo, nâng cấp đường từ ông Thọ Sự cụm 7 đến giáp cụm 9 (đường Trung Dương Đông) xã Thọ An	DGT	0,29		0,29	Huyện Đan Phượng	2022
118	Đường giao thông từ đê Tiên Tân đến đường nối đường N4 đi N1	DGT	0,50		0,50	Huyện Đan Phượng	2022
119	Đường giao thông từ đường Tân Thành đi mương Tiên Tân xã Thượng Mỗ	DGT	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2022
120	Tuyến đường 20,5m từ trường mầm non Tân Hội đến đường liên khu vực xã Tân Hội	DGT	1,30		1,30	Huyện Đan Phượng	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
121	Đường giao thông N19 đoạn từ đường N12 đi về Tiên Tân xã Thượng Mỗ	DGT	1,80		1,80	Huyện Đan Phượng	2022
122	Đường giao thông từ đê Tiên Tân đi nhà ông Tám thôn Tiến Bộ, xã Thượng Mỗ	DGT	0,70		0,70	Huyện Đan Phượng	2022
123	Xây dựng đường giao thông tuyến N14 (nối đường chân cầu Phùng với đường N6)	DGT	4,00		4,00	Huyện Đan Phượng	2022
124	Xây dựng đường giao thông tuyến N14 đi đường tỉnh lộ 417	DGT	1,00		1,00	Huyện Đan Phượng	2022
125	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ đường 20m đến giáp xã Liên Hồng	DGT	2,00		2,00	Huyện Đan Phượng	2022
126	Nâng cấp đóc, đường đê Đại Phùng đi đường 417, xã Đan Phượng	DGT	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2022
127	Nâng cấp, cải tạo đường từ tỉnh lộ 422 đi trường THCS (đường xóm chùa cụm 11) xã Tân Lập	DGT	0,09		0,09	Huyện Đan Phượng	2022
128	Đường từ 417 đi đường N12, huyện Đan Phượng	DGT	4,84		4,84	Huyện Đan Phượng	2022
129	Dự án Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường tỉnh 417 (Tỉnh lộ 83 cũ) đoạn Km0 + 00 đến Km3 +700, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	DGT	6,20		6,20	Huyện Đan Phượng	2022
130	Dự án Xây dựng tuyến đường N17 từ đường N4 đến đê Trung Châu	DGT	1,70		1,70	Huyện Đan Phượng	2022
131	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ ngã ba Quán La đường Nguyễn Đăng Phi thôn La Thạch đi đường Phạm Bạch Hồ, thôn Phương Mạc, xã Phương Đình	DGT	0,36		0,36	Huyện Đan Phượng	2022
132	Đường giao thông kết hợp mương tiêu T2 đoạn từ khu đất đầu giá Cây Sung Trong xã Song Phượng đến đường N6	DGT	0,25		0,25	Huyện Đan Phượng	2022
133	Đường giao thông kết hợp mương tiêu T2 đoạn từ mương Đan Hoài đến khu đất đầu giá khu Cây Sung Trong xã Song Phượng	DGT	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2022
134	Đường từ Trường THCS Thượng Mỗ đến đường N12	DGT	0,32		0,32	Huyện Đan Phượng	2022
135	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 422 đoạn từ đóc Liên Hà đến Quốc lộ 32, huyện Đan Phượng	DGT	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2022
136	Dự án Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 417 (TL 83 cũ) đoạn từ Km3+700 đến Km6+200, huyện Đan Phượng	DGT	4,00		4,00	Huyện Đan Phượng	2022
137	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường từ chợ Thương Bình đến đường Đông Bắc, xã Đan Phượng	DGT	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2022
138	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Phạm Bạch Hồ xã Phương Đình	DGT	0,21		0,21	Huyện Đan Phượng	2022
139	Cải tạo, nâng cấp đường Liên Minh thôn Dịch Trung	DGT	0,01		0,01	Huyện Đan Phượng	2022
140	Đường nối đê Tiên Tân với đê Hữu Hồng huyện	DGT	2,50	1,75	0,75	Huyện Đan Phượng	2023
141	Mở rộng đường từ ngã ba chợ Tân Lập đi trường THCS Tân Lập	DGT	0,13		0,75	Huyện Đan Phượng	2024-2025
142	Mở rộng đường từ nhà văn hóa cụm 10 đi khu đô thị Tân Tây Đô, xã Tân Lập	DGT	0,75		0,75	Huyện Đan Phượng	2024-2025
143	Mở thông đường từ trường THCS sang xóm Cối thôn Thu Quế, xã Song Phượng	DGT	0,13		0,13	Huyện Đan Phượng	2024-2025
144	Xây dựng đường giao thông tuyến N6 từ đê Tả đáy đến quốc lộ 32, huyện Đan Phượng	DGT	3,10		3,10	Huyện Đan Phượng	2023-2024

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
145	Đường giao thông nối đường N4 với đê La Thạch	DGT				Huyện Đan Phượng	2023
146	Đường từ tỉnh lộ 417 đi Điểm Vực, xã Thọ An	DGT	0,73		0,73	Huyện Đan Phượng	2023-2024
147	Đường trước cửa chùa Hạ đến nhà văn hóa thôn Hạ, xã Liên Trung	DGT	0,43		0,43	Huyện Đan Phượng	2023-2024
148	Đường từ ngã ba công Đồn đi trụ sở UBND xã mới xã Tân Lập	DGT	0,28			Huyện Đan Phượng	2023-2024
149	Mở rộng ngõ 182 kết nối đường chợ Phùng đi quốc lộ 32 mới	DGT	0,41		0,41	Huyện Đan Phượng	2025
150	Mở rộng, nâng cấp ngõ 182 và ngõ 117 phố Phùng Hưng thị trấn Phùng	DGT	0,14		0,14	Huyện Đan Phượng	2024-2025
151	Nâng cấp dốc, đường đê Đại Phùng đi đường 417, xã Đan Phượng	DGT	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
152	Cải tạo, nâng cấp đường từ chợ Thương Binh đến đường Đông Bắc, xã Đan Phượng	DGT	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2023-2024
153	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Tháp 2, xã Đồng Tháp, từ trường mầm non Đồng Tháp đi xã Song Phượng	DGT	1,90		1,90	Huyện Đan Phượng	2023-2024
154	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Phạm Bạch Hồ xã Phương Đình	DGT	0,21		0,21	Huyện Đan Phượng	2023-2024
155	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Thành Công xã Phương Đình	DGT	0,47		0,47	Huyện Đan Phượng	2024-2025
156	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ ngã ba Quán La đường Nguyễn Đăng Phi thôn La Thạch đi đường Phạm Bạch Hồ, thôn Phương Mạc, xã Phương Đình	DGT	0,36		0,36	Huyện Đan Phượng	2024-2025
157	Nâng cấp, cải tạo đường ven hồ từ tỉnh lộ 417 đi đường Liên Minh thôn Dịch Trung, xã Phương Đình	DGT	0,64		0,64	Huyện Đan Phượng	2024-2025
158	Cải tạo, nâng cấp đường từ dốc đê Cổ Hạ đến công Cầu thôn Cổ Hạ, xã Phương Đình	DGT	0,28		0,28	Huyện Đan Phượng	2024-2025
159	Nâng cấp, cải tạo đường từ dốc đê Cổ Hạ đến công Cầu thôn Cổ Hạ, xã Phương Đình	DGT	0,34		0,34	Huyện Đan Phượng	2024-2025
160	Nâng cấp, cải tạo đường từ nhà ông Miến thôn Phương Mạc đi đường Quán La thôn La Thạch, xã Phương Đình	DGT	0,16		0,16	Huyện Đan Phượng	2024-2025
161	Đường giao thông đi nghĩa trang nhân dân Miền B xã Trung Châu	DGT	0,29		0,29	Huyện Đan Phượng	2024-2025
162	Cải tạo nâng cấp đường từ ông Thọ Sự cụm 7 đến giáp cụm 9, xã Thọ An	DGT	0,29		0,29	Huyện Đan Phượng	2024-2025
163	Mở rộng, nâng cấp đường từ đường Hạ Hội đi Cầu Khoát (đoạn từ ngã ba Công Đồn đi Cầu Khoát)	DGT	0,50		0,50	Huyện Đan Phượng	2023-2024
164	Đường giao thông từ đường N1 đi Cầu Cá và UBND xã Hạ Mỗ	DGT	0,69		0,69	Huyện Đan Phượng	2023-2024
165	Cải tạo, nâng cấp đường từ đê Tân Tiên đến nhà ông Tám thôn Tiến Bộ, xã Thượng Mỗ	DGT	0,35		0,35	Huyện Đan Phượng	2024-2025
166	Đường từ Trường THCS Thượng Mỗ đến đường N12	DGT	0,32		0,32	Huyện Đan Phượng	2024-2025
167	Đường giao thông từ đường Tân Thành đi mương Tiên Tân xã Thượng Mỗ	DGT	1,10			Huyện Đan Phượng	2024-2025
168	Cải tạo, nâng cấp đường từ đường 20m đến đường liên thôn Bá Nội-Tiên tân (đường Đồng Tiến 3) xã Hồng Hà	DGT	0,16			Huyện Đan Phượng	2023-2024

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
169	Cải tạo, nâng cấp đường từ đường 20m đến đường liên thôn Bá Nội-Tiên tân (đường Đồng Tiến 2) xã Hồng Hà	DGT	0,05		0,05	Huyện Đan Phượng	2023-2024
170	Đường từ N1 đến đường N4 (điểm đầu cụm 1 Hạ Mỗ, điểm cuối N4, thôn Cổ Ngựa, xã Phương Đình)	DGT	4,00			Huyện Đan Phượng	2024-2025
171	Đường từ cây xăng xã Thọ Xuân đến đê La Thạch	DGT	1,69			Huyện Đan Phượng	2024-2025
172	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục trung tâm xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	DGT	3,26		3,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
173	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 1, thôn Bến Trung, xã Bắc Hồng	DGT	0,81	0,60	0,21	Huyện Đông Anh	2021-2025
174	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Mỹ Nội, xã Bắc Hồng	DGT	4,15	3,11	1,04	Huyện Đông Anh	2021-2025
175	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Thượng Phúc xã Bắc Hồng	DGT	0,96	0,72	0,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
176	Tuyến đường bao phía Đông Bắc và Đông Nam thôn Cầu Cả, xã Cổ Loa theo quy hoạch	DGT	1,33		1,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
177	Trồng cây xanh, bãi đỗ xe tại Làn Bà Đà thôn Đại Đồng, Đại Mạch	DGT	0,33		0,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
178	ĐT XD tuyến đường bao phía Nam và Đông Nam thôn Mai Châu, xã Đại Mạch theo quy hoạch	DGT	2,10		2,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
179	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc và Tây Bắc thôn Mai Châu, xã Đại Mạch theo quy hoạch	DGT	1,35		1,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
180	ĐT XD tuyến đường bao phía Tây Bắc thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch theo quy hoạch	DGT	1,07		1,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
181	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Đại Đồng	DGT	2,75	2,06	0,69	Huyện Đông Anh	2021-2025
182	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Mạch Lũng	DGT	7,38	5,54	1,84	Huyện Đông Anh	2021-2025
183	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Mai Châu	DGT	2,47	1,85	0,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
184	Xây dựng tuyến đường phía Tây thôn Hội Phụ nối với đường chính khu tái định cư Đông Hội đến thôn Lê Xá	DGT	2,07		2,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
185	Xây dựng tuyến đường xung quanh thôn Lại Đà theo quy hoạch	DGT	1,65		1,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
186	Xây dựng tuyến đường số 4 từ Đình đến xóm Trại Dưới thôn Đông Ngàn; số 3 từ đê đến khu giãn dân thôn Đông Ngàn	DGT	1,80		1,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
187	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường: số 3 từ trường mầm non đến khu vui chơi đầu làng; số 4 từ đường trục chính đến đường quy hoạch thôn Lại Đà	DGT	1,29	0,97	0,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
188	Xây mới tuyến đường số 2 từ QL3 đến khu sau Nhà văn hóa thôn Tiên Hội	DGT	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
189	Nâng cấp mở rộng tuyến đường số 2 từ đường Đông Hội đến khu Đình Khiến thôn Trung Thôn	DGT	0,77	0,58	0,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
190	Nâng cấp mở rộng tuyến đường số 1 từ đường Đông Hội đến khu đầu giá thôn Hội Phụ	DGT	0,88	0,66	0,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
191	Xây dựng tuyến đường số 5 từ chợ đến ao xóm 15 thôn Lại Đà	DGT	1,43		1,43	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
192	Xây dựng mở rộng tuyến đường số 2 từ nghĩa trang đến chùa thôn Đông Ngàn	DGT	1,65	1,24	0,41	Huyện Đông Anh	2021-2025
193	Xây mới tuyến đường số 1 từ QL3 khu Sau Nối thôn Tiên Hội nối với trục tâm linh Tây Hồ - Cổ Loa	DGT	2,40		2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
194	Xây mới tuyến đường số 3 từ Hồ Đình thôn Tiên Hội nối với trục tâm linh Tây Hồ - Cổ Loa	DGT	1,80		1,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
195	Xây dựng mới tuyến đường số 3 từ đường Đông Hội đến Ao C4 thôn Trung Thôn	DGT	1,05		1,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
196	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường số 5 từ chợ đến ao xóm 15 thôn Lại Đà	DGT	1,43	1,07	0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
197	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	DGT	0,37	0,07	0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
198	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường LK53 (ven sông Ngũ Huyện Khê) đến hết thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú, huyện Đông Anh theo quy hoạch	DGT	2,90		2,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
199	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc thôn Dục Tú nối từ đường Gia Lương đến trường mầm non Dục Tú	DGT	1,34		1,34	Huyện Đông Anh	2021-2025
200	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trạm xử lý nước thải qua thôn Cổ Diển lên đê sông Hồng, xã Hải Bối theo quy hoạch	DGT	1,30		1,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
201	Dự án GPMB làm đường vào dự án xây dựng Trung tâm kỹ thuật bảo vệ an ninh Quốc gia	DGT	0,38		0,38	Huyện Đông Anh	2021-2025
202	Xây dựng tuyến đường chân đê tả sông Hồng đoạn từ Cầu Nhật Tân đến cầu Thượng Cát	DGT	6,62		6,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
203	Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Hoàng Sa qua thôn Cổ Diển đến đê tả sông Hồng, huyện Đông Anh	DGT	3,92		3,92	Huyện Đông Anh	2021-2025
204	Xây dựng tuyến đường nam, bắc làng Hải Bối	DGT	8,00		8,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
205	Xây dựng tuyến đường từ khu dân cư Bắc Thăng Long xã Hải Bối đến đê tả sông Hồng, huyện Đông Anh	DGT	1,53		1,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
206	ĐT XD tuyến đường nối từ đường 6km đến khu tái định cư Hải Bối theo quy hoạch	DGT	0,74		0,74	Huyện Đông Anh	2021-2025
207	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Cổ Diển, xã Hải Bối	DGT	5,03		0,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
208	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường khu dân cư Thăng Long, xã Hải Bối	DGT	4,20	3,15	1,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
209	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Hải Bối	DGT	4,46		2,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
210	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Yên Hà	DGT	6,18		6,18	Huyện Đông Anh	2021-2025
211	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Cổ Diển, xã Hải Bối	DGT	5,39	4,04	1,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
212	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 16 thôn Hải Bối, xã Hải Bối	DGT	0,56	0,42	0,14	Huyện Đông Anh	2021-2025
213	Đầu tư xây dựng công trình Cầu thôn Cổ Diển, xã Hải Bối, huyện Đông Anh	DGT	0,14	0,11	0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
214	Bãi đỗ xe buýt và trạm trung chuyển đa phương tiện	DGT	3,30		3,30	Huyện Đông Anh	2021
215	Trạm trung chuyển đa phương thức	DGT	14,77		14,77	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
216	Xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường: số 1, 2, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 phía Đông thôn Bầu, xã Kim Chung	DGT	2,49	1,87	0,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
217	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường: số 01, 05, 06, 07 phía Tây thôn Bầu, xã Kim Chung	DGT	1,09	0,82	0,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
218	Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc phía Đông kênh Giữa đoạn từ đường trục thôn Hậu Dường đến đường trục chính A	DGT	1,75		1,75	Huyện Đông Anh	2021-2025
219	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường đôi A-B đến đường trục thôn Hậu Dường, xã Kim Chung theo quy hoạch	DGT	0,46		0,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
220	Xây dựng tuyến đường ven thôn Bầu vào trường tiểu học Kim Chung 2	DGT	3,17		3,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
221	ĐTXD tuyến đường phía Tây Bắc chợ Mun theo quy hoạch	DGT	0,44		0,44	Huyện Đông Anh	2021-2025
222	ĐTXD tuyến đường phía Đông Bắc Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương và nhánh kết nối ra đường Võ Văn Kiệt theo quy hoạch	DGT	1,23		1,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
223	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	DGT	0,18	0,02	0,16	Huyện Đông Anh	2021-2025
224	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Hậu Dường, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	DGT	0,24	0,04	0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
225	Xây dựng hạ tầng, trồng cây xanh, bãi đỗ xe phía Nam xóm trại đụn Thôn Thọ Đa; phía Nam Thôn Thọ Đa	DGT	0,74		0,74	Huyện Đông Anh	2021-2025
226	Cải tạo nâng cấp, mở rộng đường, hệ thống thoát nước thôn Thọ Đa	DGT	3,49	2,62	0,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
227	Cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường, hệ thống thoát nước thôn Đoài	DGT	1,98	1,49	0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
228	Cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường, hệ thống thoát nước thôn Bắc	DGT	1,52	1,14	0,38	Huyện Đông Anh	2021-2025
229	Cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường, hệ thống thoát nước thôn Đông	DGT	1,06	0,80	0,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
230	Cửa hàng xăng dầu, bãi đỗ xe và các dịch vụ phụ trợ tại xã Kim Nỗ	DGT	1,31		1,31	Huyện Đông Anh	2021
231	Xây dựng HTKT khu đất công cộng phía Đông Nam thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh	DGT	13,90		13,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
232	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Kim Nỗ - Kim Chung đến đường gom dọc đường sắt Hà Nội - Lào Cai, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	DGT	1,52		1,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
233	Đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe: số 1, thôn Đại Vĩ; số 1, thôn Giao Tác; số 1, thôn Hà Hương; số 1, thôn Hà Phong; số 1, thôn Lỗ Khê; số 1, thôn Thủ Lỗ; số 2, thôn Lỗ Khê, xã Liên Hà	DGT	3,61		3,61	Huyện Đông Anh	2021-2025
234	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Châu Phong	DGT	1,21	0,91	0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
235	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Đại Vĩ	DGT	1,89	1,42	0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
236	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Giao Tác	DGT	1,33	1,00	0,33	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
237	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Hà Hương, xã Liên Hà	DGT	0,95	0,71	0,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
238	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Hà Lỗ, xã Liên Hà	DGT	1,28	0,96	0,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
239	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Hà Phong, xã Liên Hà	DGT	0,81	0,61	0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
240	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Lỗ Khê	DGT	0,73	0,55	0,18	Huyện Đông Anh	2021-2025
241	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Thù Lỗ, xã Liên Hà	DGT	0,34	0,26	0,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
242	Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Nam Hà đến đường trục kinh tế Miền Đông, xã Liên Hà	DGT	3,70		3,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
243	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Liên Hà đến đường gom Quốc lộ 3 (mới)	DGT	4,59		4,59	Huyện Đông Anh	2021-2025
244	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Châu Phong	DGT	2,69		2,69	Huyện Đông Anh	2021-2025
245	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Châu Phong, xã Liên Hà	DGT	1,61	1,21	0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
246	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Đại Vĩ	DGT	2,63		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
247	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Đại Vĩ	DGT	1,87	1,40	0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
248	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Giao Tác	DGT	2,02		1,09	Huyện Đông Anh	2021-2025
249	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng thôn Giao Tác	DGT	0,80	0,60	0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
250	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Hà Hương	DGT	1,49		1,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
251	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng thôn Hà Hương	DGT	3,14	2,36	0,78	Huyện Đông Anh	2021-2025
252	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Hà Lỗ	DGT	1,23		1,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
253	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng thôn Hà Lỗ	DGT	1,04	0,78	0,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
254	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Hà Phong	DGT	1,14		0,54	Huyện Đông Anh	2021-2025
255	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng thôn Hà Phong	DGT	1,46	1,10	0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
256	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Lỗ Khê	DGT	1,68		1,68	Huyện Đông Anh	2021-2025
257	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng thôn Lỗ Khê	DGT	1,90	1,43	0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
258	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Thù Lỗ	DGT	1,04		1,04	Huyện Đông Anh	2021-2025
259	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng thôn Liên Hà	DGT	0,75	0,56	0,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
260	Làm đường vào nhà máy Z133	DGT	0,57		0,57	Huyện Đông Anh	2021-2025
261	Xây dựng hạ tầng trồng cây xanh: khu đất giáp đường quốc lộ 3 mới thôn Đại Vĩ; khu đất giáp đường quốc lộ 3 mới thôn Giao Tác	DGT	0,75		0,75	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
262	Đầu tư xây dựng Bãi đỗ xe Nam Hồng	DGT	24,50		24,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
263	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N3-01) từ Trạm biến áp Vân Trì đến hết thôn Vệ xã Nam Hồng	DGT	5,45		5,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
264	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N3-02) từ Đường 23 qua trục chính đô thị Mê Linh đến đường VĐ3	DGT	7,48		7,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
265	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-03) từ chân cầu Vượt Nam Hồng đi đường trục đô thị Mê Linh	DGT	4,21		4,21	Huyện Đông Anh	2021-2025
266	Xây dựng bãi đỗ xe tập trung tại xã Nguyên Khê	DGT	0,37		0,37	Huyện Đông Anh	2021
267	Xây dựng bãi đỗ xe phía đông tây xóm Đường Khê Nữ	DGT	0,24		0,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
268	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lâm Tiên đến nhà văn hóa thôn Lâm Tiên theo quy hoạch	DGT	1,68		1,68	Huyện Đông Anh	2021-2025
269	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Nguyên Khê qua phía Đông thôn Cán Khê và xóm Núi đến đường gom sông Đào Nguyên Khê	DGT	2,30		2,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
270	ĐT XD tuyến đường nối từ Khu đấu giá quyền sử dụng đất Nguyên Khê đến phía Đông thôn Khê Nữ, xã Nguyên Khê theo quy hoạch	DGT	0,82		0,82	Huyện Đông Anh	2021-2025
271	ĐT XD tuyến đường từ Cụm công nghiệp Nguyên Khê qua khu X2 Nguyên Khê đến đường gom sông Đào, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh Tên cũ: Đầu tư xây dựng tuyến đường nối đường từ chợ Lấp Ghép đi Khu đô thị Nguyên Khê đến đường gom sông đào Nguyên Khê	DGT	0,93		0,93	Huyện Đông Anh	2021-2025
272	ĐT XD tuyến đường gom dọc đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên (đoạn từ đường Lâm Tiên đến khu đấu giá Đông Nguyên Khê theo quy hoạch)	DGT	1,71		1,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
273	ĐT XD tuyến đường gom dọc đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên (đoạn từ đường Nguyên Khê đến đê sông Cà Lồ theo quy hoạch)	DGT	2,48		2,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
274	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 1 thôn Cán Khê, xã Nguyên Khê	DGT	1,71		1,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
275	Nâng cấp mở rộng tuyến đường số 5 thôn Cán Khê, xã Nguyên Khê	DGT	0,46	0,35	0,11	Huyện Đông Anh	2021-2025
276	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Đại Bằng, xã Nguyên Khê	DGT	0,62	0,47	0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
277	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Lâm Tiên, xã Nguyên Khê	DGT	2,58		2,58	Huyện Đông Anh	2021-2025
278	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Nguyên Khê	DGT	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
279	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Nguyên Khê	DGT	0,51	0,38	0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
280	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Tiên Hùng	DGT	1,12		1,12	Huyện Đông Anh	2021-2025
281	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Tiên Hùng	DGT	0,85	0,64	0,21	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
282	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Khê Nữ	DGT	1,60	1,20	0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
283	Bãi đỗ xe tỉnh thôn Đoài; thôn Đông, xã Tầm Xá	DGT	0,18		0,18	Huyện Đông Anh	2021-2025
284	Xây dựng hạ tầng hai bên và cải tạo đê cụt xã Tầm Xá huyện Đông Anh kết hợp làm đường giao thông (Ô đất ký hiệu P)	DGT	4,03		4,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
285	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Đông	DGT	2,84	2,13	0,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
286	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Đoài	DGT	1,74	1,31	0,43	Huyện Đông Anh	2021-2025
287	Đầu tư xây dựng khu cây xanh, các điểm đỗ xe: khu Bà Trọng thôn Hà Lâm 1; thôn Cổ Miếu; khu Chùa thôn Hà Lâm 2; thôn Đào Thục xã Thụy Lâm	DGT	3,28		1,29	Huyện Đông Anh	2021-2025
288	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Biều Khê	DGT	1,69	1,27	0,42	Huyện Đông Anh	2021-2025
289	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Cổ Miếu	DGT	4,06	3,05	1,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
290	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Đào Thục	DGT	2,92	2,19	0,73	Huyện Đông Anh	2021-2025
291	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Hà Lâm 1	DGT	2,85	2,14	0,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
292	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Hà Lâm 2	DGT	3,28	2,46	0,82	Huyện Đông Anh	2021-2025
293	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Hà Lâm 3	DGT	2,12	1,59	0,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
294	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Hương Tràm	DGT	4,67	3,50	1,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
295	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm khu 5 thôn Thụy Lợi	DGT	1,79	1,34	0,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
296	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm khu 6 thôn Thụy Lợi	DGT	3,57	2,68	0,89	Huyện Đông Anh	2021-2025
297	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm khu 7 thôn Thụy Lợi	DGT	2,60	1,95	0,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
298	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Mạnh Tân	DGT	5,28	3,96	1,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
299	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Thụy Lôi	DGT	1,81	1,36	0,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
300	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Cầu Nhội đến đền Sái, xã Thụy Lâm	DGT	2,70		2,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
301	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ đê sông Cà Lồ đến đường gom Quốc lộ 3 (mới) đoạn qua khu di tích Đền Sái	DGT	1,86		1,86	Huyện Đông Anh	2021-2025
302	Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc phía Tây Nam kênh dẫn trạm bơm Mạnh Tân đoạn từ đê sông Cà Lồ đến cầu Nhội Tên cũ: Đầu tư xây dựng tuyến dọc phía Tây Nam kênh dẫn Trạm bơm Mạnh Tân đoạn từ đê sông Cà Lồ đến cầu Nhội	DGT	0,63		0,63	Huyện Đông Anh	2021-2025
303	Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc phía Đông Bắc kênh dẫn Trạm bơm Mạnh Tân đoạn từ đê sông Cà Lồ đến đường gom Quốc lộ 3 (mới)	DGT	2,60		2,60	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
304	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Thụ Lâm đến chân cầu vượt qua tuyến Quốc lộ 3 (mới) và nhánh kết nối dọc phía Nam thôn Khu 5 ra đường gom Quốc lộ 3 (mới)	DGT	3,23		3,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
305	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ thôn Cổ Miếu lên đê sông Cà Lồ xã Thụ Lâm theo quy hoạch Tên cũ: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ thôn Cổ Miếu lên đê sông Cà Lồ, xã Thụ Lâm	DGT	2,55		2,55	Huyện Đông Anh	2021-2025
306	Xây dựng tuyến đường từ thôn Đào Thục đến Đền Sái xã Thụ Lâm	DGT	4,90		4,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
307	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Biều Khê, xã Thụ Lâm, huyện Đông Anh	DGT	0,12	0,02	0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
308	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Hà Lâm 1, xã Thụ Lâm, huyện Đông Anh	DGT	0,12	0,02	0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
309	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Miếu, xã Thụ Lâm, huyện Đông Anh	DGT	0,17	0,02	0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
310	Cải tạo, nâng cấp cầu khu 5, xã Thụ Lâm	DGT	0,12	0,02	0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
311	Xây dựng các khu cây xanh, bãi đỗ xe: phía đông thôn Lê Pháp; phía bắc thôn Lê Pháp; phía nam thôn Tuân Lê (giáp khu nhà ở xã hội); phía tây nam thôn Lê Pháp	DGT	1,09		1,09	Huyện Đông Anh	2021-2025
312	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe đường 23B, huyện Đông Anh	DGT	1,87		1,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
313	Xây dựng tuyến đường nối đường 23B đến thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	DGT	2,95		2,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
314	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc và phía Tây thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương theo quy hoạch	DGT	1,12		1,12	Huyện Đông Anh	2021-2025
315	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N7-01) từ Công viên Kim Quy đến đường 23B	DGT	6,59		6,59	Huyện Đông Anh	2021-2025
316	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Cổ Dương	DGT	1,62	1,22	0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
317	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 2 thôn Cổ Dương	DGT	0,62		0,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
318	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Lương Nỗ	DGT	5,43	4,07	1,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
319	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Lương Nỗ	DGT	2,77		2,77	Huyện Đông Anh	2021-2025
320	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Tiên Kha	DGT	0,91		0,91	Huyện Đông Anh	2021-2025
321	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Tiên Kha	DGT	1,61	1,21	0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
322	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Trung Oai	DGT	3,17	2,38	0,79	Huyện Đông Anh	2021-2025
323	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Tuân Lê	DGT	0,75	0,56	0,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
324	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Lê Pháp	DGT	0,95	0,71	0,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
325	Xây dựng bãi đỗ xe	DGT	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
326	Hoàn thiện tuyến đường phía Đông khu đô thị Uy Nỗ, huyện Đông Anh (đoạn từ Nhà tang lễ Đông Anh đến khu TĐC Bắc sông Thiếp)	DGT	1,08		1,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
327	Xây dựng tuyến đường từ chợ trung tâm đến đường Phúc Lộc, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	DGT	0,85		0,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
328	Xây dựng tuyến đường nối đường Vành đai 3 đến đường Cao Lỗ, huyện Đông Anh	DGT	3,50		3,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
329	Xây dựng tuyến đường từ Quốc Lộ 3 (cũ) đến Khu nhà ở (319) tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. Đang thực hiện lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Tên cũ: Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc Lộ 3 đến đường Liên khu vực TD8	DGT	7,90		7,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
330	Xây dựng bến xe khách Đông Anh	DGT	5,30		5,30	Huyện Đông Anh	2021
331	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc thôn Kinh Nỗ, xã Uy Nỗ và nhánh qua phía Tây thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn theo quy hoạch	DGT	2,21		2,21	Huyện Đông Anh	2021-2025
332	ĐT XD tuyến đường qua phía Nam thôn Kinh Nỗ kết nối đường Uy Nỗ đến đường bệnh viện Đông Anh - Đền Sái theo quy hoạch	DGT	1,35		1,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
333	ĐT XD tuyến đường bao quanh khu vực dân cư thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ theo quy hoạch	DGT	1,93		1,93	Huyện Đông Anh	2021-2025
334	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N7-04) từ Trung tâm Văn hóa huyện Đông Anh đến đường Vành đai 3	DGT	2,53		2,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
335	Kè sông Thiếp theo quy hoạch đoạn từ cầu Đồi đến cầu Đồi Bi, huyện Đông Anh	DGT	3,00	0,60	2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
336	Xây dựng bãi đỗ xe kết hợp trồng cây xanh tại thôn Hà Khê; khu ao đầu làng thôn Vân Diêm, xã Vân Hà	DGT	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
337	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường thôn Hà Khê số 6 thôn Hà Khê, xã Vân Hà	DGT	1,65	1,24	0,41	Huyện Đông Anh	2021-2025
338	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường thôn Thiết Bình	DGT	1,96	1,47	0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
339	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường thôn Thiết Ứng	DGT	0,65	0,49	0,16	Huyện Đông Anh	2021-2025
340	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường thôn Vân Diêm	DGT	1,84	1,38	0,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
341	Xây dựng tuyến đường từ đường gom Quốc lộ 3 (mới) qua Ủy ban nhân dân xã Vân Hà đến hết địa phận huyện Đông Anh (theo quy hoạch) (tên cũ: Chỉnh trang tuyến đường từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Vân Hà đến hết địa phận Đông Anh (theo Quy hoạch)	DGT	7,36		7,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
342	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Cổ Châu	DGT	1,17	0,88	0,29	Huyện Đông Anh	2021-2025
343	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 4 thôn Cổ Châu, xã Vân Hà	DGT	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
344	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Hà Khê	DGT	0,96	0,72	0,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
345	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Hà Khê	DGT	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
346	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Thiết Bình	DGT	2,10	1,58	0,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
347	Đầu tư, xây dựng tuyến đường số 3 thôn Thiết Bình, xã Vân Hà	DGT	1,29		1,29	Huyện Đông Anh	2021-2025
348	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Thiết Ứng	DGT	0,24	0,18	0,06	Huyện Đông Anh	2021-2025
349	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Thiết Ứng	DGT	0,38		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
350	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Văn Diêm	DGT	2,95	2,21	0,74	Huyện Đông Anh	2021-2025
351	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ Ngã tư UBND xã đến Ngã ba Thiết Bình đi Văn Diêm	DGT	0,51	0,38	0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
352	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Văn Trì đến thôn Ba Chữ, xã Văn Nội theo quy hoạch	DGT	0,84		0,84	Huyện Đông Anh	2021-2025
353	ĐT XD tuyến đường từ thôn Ba Chữ qua phía Nam thôn Nhì đến đường 23B theo quy hoạch	DGT	1,58		1,58	Huyện Đông Anh	2021-2025
354	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc xóm Đầm và phía Tây xóm Tây xã Văn Nội theo quy hoạch	DGT	1,33		1,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
355	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường thôn Phương Trạch	DGT	1,25	0,94	0,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
356	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường thôn Vĩnh Thanh	DGT	0,70	0,53	0,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
357	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Ngọc Chi	DGT	2,13	1,60	0,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
358	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng tuyến số 2 (đường bao phía Nam) thôn Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc Từ nhà Tuyên Hằng đến nhà Văn Diên	DGT	0,46		0,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
359	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Vĩnh Thanh	DGT	1,30	0,98	0,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
360	Xây dựng bãi đỗ xe, phía Tây Bắc thôn Sáp Mai, xã Võng La, huyện Đông Anh	DGT	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
361	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 2)	DGT	14,50		14,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
362	ĐT XD tuyến đường vào trường THCS Võng La theo quy hoạch	DGT	0,70		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
363	Xây dựng các bãi đỗ xe: 1 tại thôn Văn Thượng; tại thôn Xuân Canh; 1 tại thôn Vạn Lộc; 2 tại thôn Vạn Lộc; tại Quốc lộ 3 tại thôn Văn Thượng; thôn Văn Tĩnh; thôn Xuân Trạch; 3 tại thôn Vạn Lộc, xã Xuân Canh	DGT	3,79		3,79	Huyện Đông Anh	2021-2025
364	Xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn xã Xuân Canh	DGT	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
365	Xây dựng bãi đỗ xe, trồng cây xanh: phía Tây thôn Đường Yên; Phía Tây Đình thôn Xuân Nộn; trước nhà văn hóa thôn Xuân Nộn; trước làng thôn Đường Nhạn	DGT	3,55		3,55	Huyện Đông Anh	2021-2025
366	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường, RTN khu Chợ Kim, tổ 49, 50	DGT	2,16	1,62	0,54	Huyện Đông Anh	2021-2025
367	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường ngõ xóm thôn Đình Trung	DGT	7,48	5,61	1,87	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
368	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường ngõ xóm thôn Đường Nhạn	DGT	6,21	4,66	1,55	Huyện Đông Anh	2021-2025
369	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường ngõ xóm thôn Đường Yên	DGT	4,11	3,08	1,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
370	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường ngõ xóm thôn Kim Tiên	DGT	3,47	2,60	0,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
371	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường ngõ xóm thôn Lương Quy	DGT	9,88	7,41	2,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
372	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường ngõ xóm thôn Xuân Nộn	DGT	7,50	5,63	1,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
373	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã 3 chợ Kim lên đê sông Cà Lồ theo quy hoạch	DGT	3,96		3,96	Huyện Đông Anh	2021-2025
374	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục làng phía Bắc thôn Đường Nhạn	DGT	0,46	0,35	0,11	Huyện Đông Anh	2021-2025
375	Cải tạo, mở rộng đường bo làng từ xóm 1; sau xóm 2 Kim Tiên lên đê	DGT	1,43	1,07	0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
376	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Lương Quy	DGT	1,45	1,09	0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
377	Cải tạo, nâng cấp mở rộng tuyến đường Phía Bắc thôn Xuân Nộn	DGT	0,38	0,29	0,09	Huyện Đông Anh	2021-2025
378	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đê sông Cà Lồ qua trục chính thôn Xuân Nộn và qua trục chính thôn Đường Nhạn theo quy hoạch	DGT	2,22		2,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
379	Xây dựng tuyến đường từ đê sông Cà Lồ qua thôn Xuân Nộn đến đường LK50 và nhánh kết nối ra đường từ Ngã 3 Lương Quy-Đê sông Cà Lồ	DGT	2,15		2,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
380	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ thôn Kim Tiên, xã Xuân Nộn đến đê sông Cà Lồ	DGT	1,27		1,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
381	ĐTXD tuyến đường bao phía Tây thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn và đoạn nối từ chùa Kim Quy đến TTMN xã Xuân Nộn. Tên cũ: ĐTXD tuyến đường bao phía Tây thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn (đoạn nối từ đường Nguyên Khê đến đường vào chùa Kim) theo quy hoạch.	DGT	2,66		2,66	Huyện Đông Anh	2021-2025
382	Xây dựng mới tuyến đường bo làng nối với đường liên xã Phía Đông thôn Lương Quy	DGT	2,56		2,56	Huyện Đông Anh	2021-2025
383	Cải tạo mở rộng tuyến đường qua công Đàm Sấn, huyện Đông Anh	DGT	0,72	0,22	0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
384	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Hải Bối đi Kim Nỗ (đọc đường sắt)	DGT	3,32		3,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
385	Cải tạo, nâng cấp đường Nam Hà, huyện Đông Anh	DGT	6,68		6,68	Huyện Đông Anh	2021-2025
386	Tên điều chỉnh: Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 3, đoạn từ cầu Lộc Hà đến dốc Vân, huyện Đông Anh Tên cũ: Cải tạo, nâng cấp QL3, đoạn từ cây xăng Đông Hội đến dốc Vân, huyện Đông Anh	DGT	9,25		9,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
387	Dự án cải tạo, nâng cấp đường 23B (Hà Nội - Nghĩa trang Thanh Tước)	DGT	31,30		31,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
388	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường gom, vỉa hè phía đông đường quốc lộ 3, huyện Đông Anh (Đoạn từ ngã tư Nguyên Khê đến cầu Phù Lỗ)	DGT	2,20		2,20	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
389	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường gom, vỉa hè phía Đông đường Quốc lộ 3, huyện Đông Anh (đoạn từ nút giao thông đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến ngã tư Nguyên Khê)	DGT	3,80		3,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
390	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường gom, vỉa hè phía Đông đường Quốc lộ 3, huyện Đông Anh (đoạn từ ngã ba đường 6km đến nút giao đường sắt Hà Nội - Lào Cai)	DGT	4,60		4,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
391	CTNC đường giao thông từ ngã tư Nguyên Khê nối với đường Bệnh viện Đông Anh đi đền Sái tại ngã ba Kim, huyện Đông Anh	DGT	10,05		10,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
392	Xây dựng tuyến đường gom và kè sông Đào Nguyên Khê đoạn từ cầu Đồi đến đường sắt Hà Nội - Lào Cai , huyện Đông Anh	DGT	9,26		9,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
393	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh chợ trung tâm huyện Đông Anh theo quy hoạch	DGT	0,28		0,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
394	Xây dựng tuyến đường từ Khu tái định cư phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cầu Nhật Tân, đường 5 kéo dài và các dự án phát triển đô thị đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	15,28		15,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
395	Xây dựng tuyến đường nối từ đường vành đai III (đoạn qua Đông Anh) đến đường Quốc lộ 5 kéo dài (đường Hoàng Sa)	DGT	22,40		22,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
396	Xây dựng tuyến đường vành đai 3 đoạn từ Quốc lộ 3 mới đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	94,50		94,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
397	Xây dựng tuyến đường TD7 đoạn từ cầu Lộc Hà đến đường 23B, huyện Đông Anh Tách thành 02 dự án: 1. Xây dựng tuyến đường từ cầu Lộc Hà đến Khu tái định cư Cỏ Loa (22ha) 2. Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 (cũ) đến đường 23B (25.2ha)	DGT	47,20		47,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
398	Xây dựng tuyến đường LK51-đoạn từ Quốc lộ 3 (mới) đến đường Uy Nỗ Tên theo QĐ giao nhiệm vụ: Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 (mới) đến đường Uy Nỗ Tên cũ: Xây dựng tuyến đường LK51 từ quốc lộ 3 mới đến đường Uy Nỗ và đoạn kéo dài quốc lộ 3 (cũ), huyện Đông Anh	DGT	27,60		27,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
399	Xây dựng tuyến đường từ thôn Lễ Pháp, xã Tiên Dương đến Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, huyện Đông Anh Tên cũ: Xây dựng tuyến đường LK48 từ đường TD7 đến cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, huyện Đông Anh	DGT	14,80		14,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
400	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 23B đến đường Liên khu vực TD7 và kết nối với Quốc lộ 3 cũ	DGT	11,10		11,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
401	Xây dựng tuyến đường LK53 đoạn từ đường kinh tế miền Đông (bốt cầu Tây) đến hết địa phận huyện Đông Anh theo quy hoạch	DGT	4,27		4,27	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
402	Xây dựng tuyến đường TD8 đoạn từ đường Hoàng Sa đến Khu Công Nghiệp Đông Anh, huyện Đông Anh Tách thành 02 dự án: 1. Xây dựng tuyến đường từ đường Trường Sa đến đường sắt Hà Nội - Lào Cai (Tên trong QĐ giao nhiệm vụ: Xây dựng tuyến đường từ đường Hoàng Sa đến đường sắt Hà Nội - Lào Cai) (14.88ha) 2. Xây dựng tuyến đường từ đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến Khu công nghiệp Đông Anh (14.4ha)	DGT	29,28		29,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
403	Xây dựng tuyến đường từ Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê đến thôn Phù Liễn, xã Bắc Hồng	DGT	15,20		15,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
404	Đường vào KCN Đông Anh	DGT	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
405	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Cao Lỗ đến nhà tang lễ huyện Đông Anh	DGT	38,95		38,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
406	Đường Bắc Làng và TT Văn hóa thể thao	DGT	4,32		4,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
407	Mở rộng cơ đường từ đường trục kinh tế Miền đông xã Liên Hà đi đường bệnh viện Đông Anh - Đến Sái (qua thôn Hương Trâm, xã Thụy Lâm)	DGT	25,75	19,31	6,44	Huyện Đông Anh	2021-2025
408	Dự án thu hồi đất bổ sung Quốc lộ 5 kéo dài	DGT	2,07		2,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
409	Hoàn trả tuyến đường Dự án đường nối cầu Nhật Tân - sân bay Nội Bài	DGT	0,07		0,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
410	Trung tâm vận tải liên hợp sắt - bộ	DGT	10,00		10,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
411	ĐT XD tuyến đường từ đê sông Cà Lồ đến thôn Kim Tiên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	DGT	15,00		15,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
412	Đầu tư xây dựng tuyến đường TD7, đoạn từ Quốc lộ 3 (cũ) đến đê sông Đuống	DGT	13,51		13,51	Huyện Đông Anh	2021-2025
413	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK38 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh	DGT	5,52		5,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
414	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK39, đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến hết địa bàn huyện Đông Anh	DGT	17,25		17,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
415	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK45 từ xã Hải Bối đến xã Nam Hồng	DGT	25,81		25,81	Huyện Đông Anh	2021-2025
416	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK46 và nhánh kết nối, đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến đường Hoàng Sa	DGT	25,45		25,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
417	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK48, đoạn từ đường Lê Hữu Tựu đến thôn Cán Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	DGT	3,10		3,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
418	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK50, đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	16,44		16,44	Huyện Đông Anh	2021-2025
419	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK50, đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến Quốc Lộ 3(cũ)	DGT	7,12		7,12	Huyện Đông Anh	2021-2025
420	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK50, đoạn từ Quốc Lộ 3 (cũ) đến đường Thư Lâm	DGT	23,48		23,48	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
421	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK50, đoạn từ đường Thụ Lâm đến hết Cụm công nghiệp Liên Hà 2	DGT	16,85		16,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
422	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-04) từ Nam thôn Đoài đi qua đường trục đô thị Mê Linh	DGT	4,47		4,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
423	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-05) từ đường Võ Văn Kiệt đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	1,96		1,96	Huyện Đông Anh	2021-2025
424	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-06) từ Bắc thôn Đoài đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	1,35		1,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
425	Đầu tư xây dựng tuyến đường phía Đông thôn Địa (N3-07) từ đường 23B đến UBND xã Nam Hồng	DGT	2,31		2,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
426	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N4-01) từ đường Võ Văn Kiệt đến Quốc lộ 5 (kéo dài)	DGT	10,31		10,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
427	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N4-02) từ Kku đầu giá quyền sử dụng đất X2 Kim Chung đến thôn Mạch Lũng xã Đại Mạch	DGT	7,62		7,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
428	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N4-03) từ Khu nhà ở xã hội Đại Mạch đến thôn Mai Châu	DGT	3,08		3,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
429	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N4-04) từ thôn Bầu đến thôn Nhuế	DGT	1,54		1,54	Huyện Đông Anh	2021-2025
430	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N4-05) phía Tây Đường sắt Hà Nội -Lào Cai đoạn qua địa bàn xã Kim Chung, Kim Nỗ	DGT	6,25		6,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
431	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N4-06) từ đường Hoàng Sa đến UBND xã Kim Nỗ	DGT	3,23		3,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
432	Đầu tư xây dựng tuyến đường qua thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	DGT	2,51		2,51	Huyện Đông Anh	2021-2025
433	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-09) từ đường liên khu vực LK46 đến thôn Thọ Đa	DGT	2,73		2,73	Huyện Đông Anh	2021-2025
434	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-10) từ thôn Cầu Thăng Long đi thôn Bắc đến Đầm Vân Trì	DGT	2,53		2,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
435	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-11) từ phía Nam thôn Đoài, xã Kim Nỗ đến đầm Vân Trì	DGT	1,83		1,83	Huyện Đông Anh	2021-2025
436	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-12) từ thôn Nhuế đến thôn Bầu, xã Kim Chung	DGT	1,36		1,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
437	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-13) từ Khu đầu giá quyền sử dụng đất X2 Kim Chung đến thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch	DGT	1,82		1,82	Huyện Đông Anh	2021-2025
438	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-14) từ Nhà máy nước Bắc Thăng Long đến Khu đầu giá quyền sử dụng đất X2, xã Kim Chung	DGT	3,69		3,69	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
439	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N5-12) từ Khu đất dịch vụ X2 Nguyễn Khê đến Khu đấu giá Nguyễn Khê	DGT	0,86		0,86	Huyện Đông Anh	2021-2025
440	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N5-13) từ đường gom Kênh đào đến đường Võ Nguyên Giáp	DGT	4,22		4,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
441	Chỉnh trang, mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N5-14) phía Đông thôn Khê Nữ	DGT	1,63	1,22	0,41	Huyện Đông Anh	2021-2025
442	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N7-07) từ đường 23 đến hết thôn Thổ Bảo	DGT	1,68		1,68	Huyện Đông Anh	2021-2025
443	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N7-08) từ Công viên Kim Quy đến đường VĐ3	DGT	7,23		7,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
444	Chỉnh trang mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N7-10) từ đường 23B đến xóm Cờn thôn Trung Oai xã Tiên Dương	DGT	1,51	1,13	0,38	Huyện Đông Anh	2021-2025
445	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-11) từ Đường 23B đến đường Võ Nguyên Giáp	DGT	4,70		4,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
446	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-12) từ thôn Tiên Kha đến thôn Lương Nỗ	DGT	1,96		1,96	Huyện Đông Anh	2021-2025
447	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-13) từ khu đấu giá Đông Nam Cổ Dương đến Khu đấu giá A4, xã Tiên Dương	DGT	1,23		1,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
448	Chỉnh trang, mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N7-16) từ đường Dân Dị đến đường Cổ Loa	DGT	1,87	1,40	0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
449	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-18) từ Việt Hùng đến nhà máy gạch Vigracera	DGT	2,86		2,86	Huyện Đông Anh	2021-2025
450	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N8-01) dọc sông Thiếp, đoạn từ đường Trường Sa đến Quốc Lộ 3 (cũ)	DGT	10,08		10,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
451	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N8-02) từ đường Trường Sa đến đường ven sông Thiếp	DGT	1,52		1,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
452	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N8-03) từ đường Trường Sa qua thôn Văn Thượng, Vạn Lộc	DGT	5,83		5,83	Huyện Đông Anh	2021-2025
453	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N8-04) qua phía Tây Bắc thôn Vạn Lộc, xã Xuân Canh	DGT	0,99		0,99	Huyện Đông Anh	2021-2025
454	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N8-05) từ đường Hoàng Sa qua phía Đông thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc đến đê sông Hồng	DGT	4,96		4,96	Huyện Đông Anh	2021-2025
455	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (GN-01) từ Khu đô thị mới Đông Anh đến đường Dục Tú	DGT	4,62		4,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
456	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (GN-02) từ đường Gia Lương đến đường nối cầu Tứ Liên	DGT	3,73		3,73	Huyện Đông Anh	2021-2025
457	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (GN-03) kết nối từ thôn Phúc Hậu đến đường Vành đai 3	DGT	9,21		9,21	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
458	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-04) phía Đông thôn Đông xã Việt Hùng	DGT	2,19		2,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
459	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-07) phía Đông Bắc sông Thiếp đoạn từ Cỗ Loa đến thôn Đài Bì, xã Uy Nỗ	DGT	11,15		11,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
460	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-08) phía Tây Bắc thôn Tăng Mỹ xã Nam Hồng	DGT	3,50		3,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
461	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-09) từ thôn Mỹ Nội đến khu sinh thái Mefrimex	DGT	2,10		2,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
462	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-11) phía Đông thôn Quan Âm đến hết thôn Bến Trung	DGT	3,19		3,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
463	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-12) phía Đông Đàm Sơn Du	DGT	1,97		1,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
464	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-15) phía Đông Bắc thôn Mạch Lũng	DGT	3,36		3,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
465	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực N(A)-02 từ đê sông Đuống đến Khu đô thị mới Đông Anh	DGT	2,65		2,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
466	Đầu tư xây dựng 02 tuyến đường chính khu vực N(A)-03 từ Khu đô thị mới Đông Anh đến đường trục đô thị TD-7	DGT	5,08		5,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
467	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N(A)-4) từ thôn Tiên Hội đến xóm mới Trung Thôn	DGT	2,22		2,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
468	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N(A)-5) từ Trường THPT Cỗ Loa đến khu đô thị mới Đông Anh	DGT	1,48		1,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
469	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N(A)-4) phía Nam thôn Xuân Trạch lên đê sông Đuống	DGT	0,45		0,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
470	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (NB-2) từ thôn Lỗ Giao xã Việt Hùng đến đường trục chính đô thị TD8	DGT	2,79		2,79	Huyện Đông Anh	2021-2025
471	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (NB-3) phía Đông thôn Lỗ Giao xã Việt Hùng	DGT	1,27		1,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
472	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (NB-4) phía Bắc thôn Lỗ Giao đi Liên Hà	DGT	1,78		1,78	Huyện Đông Anh	2021-2025
473	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-1) phía Bắc thôn Cán Khê đi thôn Tiên Hùng đến đường gom đường sắt Hà Nội-Thái Nguyên	DGT	4,21		4,21	Huyện Đông Anh	2021-2025
474	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-2) thôn Xuân Nộn đến thôn Đình Trung xã Xuân Nộn	DGT	3,35		3,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
475	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-3) phía Nam thôn Đào Thục xã Thụy Lâm	DGT	1,01		1,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
476	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-4) phía Đông thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm	DGT	1,72		1,72	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
477	Xây dựng tuyến đường qua địa phận xã Hải Bối (LK45)-đoạn từ đê Sông Hồng đến đường Hoàng Sa, huyện Đông Anh Tên trong QĐ giao nhiệm vụ: Đầu tư xây dựng tuyến đường qua địa phận xã Hải Bối, từ đê sông Hồng đến đường Hoàng Sa, huyện Đông Anh.	DGT	6,40		6,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
478	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê tả sông Hồng đoạn từ ngã 3 đường Hải Bối đến hết địa phận huyện Đông Anh đi Mê Linh	DGT	10,70		10,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
479	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 1)	DGT	4,87		4,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
480	Xây dựng các tuyến đường xung quanh thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	DGT	4,57		4,57	Huyện Đông Anh	2021-2025
481	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê sông Đuống đoạn từ Quốc lộ 3 (cũ) đến ngã 3 đường Xuân Canh	DGT	11,96		11,96	Huyện Đông Anh	2021-2025
482	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường 23B đến đường trục trung tâm xã Bắc Hồng	DGT	1,86		1,86	Huyện Đông Anh	2021-2025
483	Xây dựng tuyến đường gom và kè sông Đào Nguyên Khê đoạn từ đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến Cầu Phù Lỗ, huyện Đông Anh	DGT	14,57		14,57	Huyện Đông Anh	2021-2025
484	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê sông Cà Lồ từ Quốc lộ 3 (cũ) đến thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm	DGT	5,71		5,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
485	Xây dựng tuyến đường từ quốc lộ 3 đến hết Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, huyện Đông Anh	DGT	3,84		3,84	Huyện Đông Anh	2021-2025
486	Xây dựng các tuyến đường xung quanh hồ cạnh trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Đông Anh	DGT	0,62		0,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
487	Xây dựng 02 tuyến đường gom dọc theo Quốc lộ 3 mới (đoạn từ nút giao giữa đường Vành Đai 3 với đường Quốc lộ 3 mới) đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	24,20		24,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
488	Xây dựng đường QL 3 Mới Hà Nội - Thái Nguyên, huyện Đông Anh	DGT	0,29		0,29	Huyện Đông Anh	2021-2025
489	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N7-03) từ Đầm Vân Trì đến trục đường trục UBND xã Tiên Dương	DGT	7,98		7,98	Huyện Đông Anh	2021-2025
490	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N7-05) từ Bệnh viện TH đến đường gom kênh đào QL3	DGT	4,40		4,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
491	Xây dựng tuyến đường nối trục từ đường Quốc lộ 3 (cũ) đến tuyến đường Võ Nguyên Giáp, huyện Đông Anh	DGT	7,75		7,75	Huyện Đông Anh	2021-2025
492	Chỉnh trang tuyến đường 23B, đoạn từ ngã tư Biên Thế đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	33,20		33,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
493	Xây dựng tuyến đường từ Ngã tư biển thể đến đường Võ Nguyên Giáp, huyện Đông Anh Tên cũ: Xây dựng tuyến đường LK53 từ quốc lộ 3 (cũ) đến đầm Vân Trì, huyện Đông Anh	DGT	15,20		15,20	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
494	Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 (mới) đến đường Dân Di	DGT	19,80		19,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
495	Xây dựng tuyến đường từ QL3 cũ qua thôn Phan Xá đến đường Dân Di, huyện Đông Anh	DGT	2,39		2,39	Huyện Đông Anh	2021-2025
496	Chỉnh trang tuyến đường Cao lộ đoạn từ UBND xã Uy Nỗ đến đường sắt Hà Nội Thái Nguyên, huyện Đông Anh (theo Quy hoạch)	DGT	3,08		3,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
497	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối đường Văn Nội - Kim Chung đến đường Hoàng Sa	DGT	2,40		2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
498	Xây dựng tuyến đường Nam Hồng - Tiên Dương-LK47 (đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt) Tên trong QĐ giao nhiệm vụ: Xây dựng tuyến đường Nam Hồng - Tiên Dương (đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt).	DGT	11,25		11,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
499	Xây dựng tuyến đường từ đường Dục Nội, xã Việt Hùng đến tuyến đường Võ Nguyên Giáp, huyện Đông Anh	DGT	18,12		18,12	Huyện Đông Anh	2021-2025
500	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 3)	DGT	4,70		4,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
501	GPMB dự án: Xây dựng QL 3 mới đoạn Hà Nội - Thái Nguyên, địa phận huyện Đông Anh (10 hộ thổ cư và thu hồi bổ sung).	DGT	0,29		0,29	Huyện Đông Anh	2021-2025
502	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê tả sông Hồng đoạn từ ngã 3 vào UBND xã Xuân Canh đến ngã 3 vào UBND xã Hải Bối	DGT	18,00		18,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
503	Xây dựng đường đê tả Đuống đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phù Đổng, huyện Gia Lâm	DGT	21,11			Huyện Gia Lâm	2022
504	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 24,5m từ đê Đuống đến đường Dốc Lã Ninh Hiệp,	DGT	5,30			Huyện Gia Lâm	2022
505	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Trâu Quỳ qua đường Dương Xá - Đông Dư đến ga Phú Thị, huyện Gia Lâm	DGT	5,55			Huyện Gia Lâm	2022
506	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm	DGT	11,27			Huyện Gia Lâm	2022
507	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	DGT	2,25			Huyện Gia Lâm	2022
508	Xây dựng hoàn chỉnh, khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm	DGT	10,35			Huyện Gia Lâm	2022
509	Xây dựng tuyến đường gom từ cầu Thanh Trì đến cầu vượt Phú Thị, huyện Gia Lâm	DGT	9,73			Huyện Gia Lâm	2022
510	Xây dựng công trình dự án xây dựng tuyến đường gom từ Khu công nghiệp Đài tư - Sài Đồng A ra Quốc lộ 5	DGT	3,30			Huyện Gia Lâm	2022
511	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch 17,5m nối từ ô đất TQ5 ra đường Đông Dư Dương Xá	DGT	0,42			Huyện Gia Lâm	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
512	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường liên thôn trực chính: Thôn Thuận Tiến (khu vườn hoa), Dương Đình, xã Dương Xá	DGT	0,35			Huyện Gia Lâm	2022
513	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Đình Xuyên qua khu đầu giá X1 đến đường Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	DGT	1,33			Huyện Gia Lâm	2022
514	Xây dựng tuyến đường từ đường Đặng Phúc Thông vào khu đầu giá X5 thôn Quy Mông và thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	DGT	1,92			Huyện Gia Lâm	2022
515	Cải tạo, chỉnh trang ao Bầu xã Phú Thị	DGT	1,30			Huyện Gia Lâm	2022
516	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường và ao, hồ trên địa bàn xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	DGT	1,50			Huyện Gia Lâm	2022
517	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trung tâm văn hóa thể thao xã Kim Sơn (Ao Lò Gạch Thôn Kim Sơn)	DGT	3,67			Huyện Gia Lâm	2022
518	Xây dựng tuyến đường 13m theo quy hoạch từ đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến đường quy hoạch B=30m. huyện Gia Lâm	DGT	0,43			Huyện Gia Lâm	2022
519	Xây dựng tuyến đường khớp nối từ khu đô thị Đặng Xá đến trường tiểu học Trung Thành. huyện Gia Lâm	DGT	1,50			Huyện Gia Lâm	2022
520	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đề tá Đuống qua thôn Phù Đồng 3 đến đường liên xã Ninh Hiệp - Phù Đồng - Trung Mầu. huyện Gia Lâm	DGT	1,30			Huyện Gia Lâm	2022
521	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ khu đầu giá B116 đến đường 179 và tuyến đường cạnh khu đầu giá B116, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	DGT	1,10			Huyện Gia Lâm	2022
522	Xây dựng tuyến đường đề Đá theo quy hoạch, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	DGT	3,30			Huyện Gia Lâm	2022
523	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch tại các ô quy hoạch: CCK02, BĐX4 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên đường 179; các ô đất CCKO5, CCKO7, CCKO8 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên đường Dốc Hội - Đại học Nông Nghiệp, huyện Gia Lâm	DGT	1,70			Huyện Gia Lâm	2022
524	Xây dựng tuyến đường từ đường quy hoạch B=30m đến đường trục chính thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	DGT	0,52			Huyện Gia Lâm	2022
525	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường và ao, hồ trên địa bàn xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	DGT	2,50			Huyện Gia Lâm	2022
526	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính các thôn: Thuận Tiến (khu vườn hoa), Dương Đình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	DGT	0,34			Huyện Gia Lâm	2022
527	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối từ QL5 vào khu công nghiệp Hapro (giai đoạn 1)	DGT	15,20			Huyện Gia Lâm	2022
528	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường từ công ty Điện lực Gia Lâm đến đường Nguyễn Đức Thuận, huyện Gia Lâm	DGT	0,69			Huyện Gia Lâm	2022
529	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường trục chính thôn Đồng Xuyên, thôn Hoàng Long, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm (giai đoạn 2)	DGT	0,04			Huyện Gia Lâm	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
530	Xây dựng tuyến đường và hạ tầng kỹ thuật cụm làng nghề tập trung xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm	DGT	0,46			Huyện Gia Lâm	2022
531	Xây dựng tuyến đường từ đường 179 vào khu đầu giá đất thôn Trung Dương, xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm	DGT	0,57			Huyện Gia Lâm	2022
532	Xây dựng đoạn đường nối từ đường quy hoạch 28m ra đường Yên Thường, huyện Gia Lâm	DGT	1,49			Huyện Gia Lâm	2022
533	Xây dựng tuyến đường nối QL5 vào khu công nghiệp Hapro (giai đoạn 1)	DGT	0,26			Huyện Gia Lâm	2022
534	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường trục chính thôn Hoàng Long, xã Đặng Xá qua đình Tô Khê, xã Phú Thị đến đê hữu Đuống	DGT	1,40			Huyện Gia Lâm	2024-2025
535	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường tỉnh lộ 179 đến thôn Lờ, thôn Đặng, thôn Cự Đà, xã Đặng Xá	DGT	3,00			Huyện Gia Lâm	2024-2025
536	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Ý Lan qua sông Thiên Đức đến hết thôn Đề Trụ 7, xã Dương Xá, Dương Quang	DGT	2,40			Huyện Gia Lâm	2024-2025
537	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch chạy dọc sông Thiên Đức từ đường 181 đến đường Nguyễn Bình, xã Dương Xá	DGT	3,90			Huyện Gia Lâm	2024-2025
538	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường đê hữu Đuống qua khu tái định cư xã Kim Sơn đến đường Kênh dài	DGT	2,60			Huyện Gia Lâm	2024-2025
539	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ khu đầu giá X1 Yên Thường đến đường Phan Đăng Lưu - Yên Thường	DGT	2,40			Huyện Gia Lâm	2024-2025
540	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Yên Thường đến đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, xã Yên Thường	DGT	1,50			Huyện Gia Lâm	2024-2025
541	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường và ao, hồ trên địa bàn xã Kiêu Ky	DGT	1,50		1,50	Huyện Gia Lâm	2023-2024
542	Cải tạo ao, hồ tạo cảnh quan, môi trường trên địa bàn xã Đặng Xá	DGT	1,28			Huyện Gia Lâm	2023-2024
543	Cải tạo ao, hồ thôn Thuận Tốn, thôn Khoan Tế; xây dựng bãi đỗ xe thôn Khoan Tế (diện tích 0,40 ha), xã Đa Tốn	DGT	10,88			Huyện Gia Lâm	2024-2025
544	Nạo vét, chỉnh trang, làm đường dạo, sân chơi Ao Linh, Ao Làng thôn Giao Tất A, Ao Lò Gạch thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn	DGT	1,25			Huyện Gia Lâm	2023-2024
545	Cải tạo ao, hồ tạo cảnh quan, môi trường trên địa bàn xã Dương Xá	DGT	9,50			Huyện Gia Lâm	2024-2025
546	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ trường THCS Yên Thường qua khu đầu giá X1 Yên Thường đến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, huyện Gia Lâm	DGT	5,70			Huyện Gia Lâm	2024-2025
547	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ thôn Cam, xã Cổ Bi đến đường Ý Lan, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	DGT	4,70			Huyện Gia Lâm	2024-2025
548	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê hữu Đuống qua thôn Sen Hồ đến đường Kênh dài, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm	DGT	4,35			Huyện Gia Lâm	2024-2025
549	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Nguyễn Đức Thuận đến khu đô thị Đặng Xá, huyện Gia Lâm	DGT	6,56			Huyện Gia Lâm	2024-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
550	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường đê tả Đuống qua khu công nghiệp Đình Xuyên đến đường Dốc Lã - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	DGT	4,40			Huyện Gia Lâm	2024-2025
551	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê tả Đuống đến đường 40m Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đồng, huyện Gia Lâm	DGT	1,74			Huyện Gia Lâm	2024-2025
552	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp qua đường Dương Hà đến hết thôn Trung xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	DGT	4,28			Huyện Gia Lâm	2024-2025
553	Dự án xây dựng một phần tuyến đường 70 (đoạn từ cầu Ngà đến hết ranh giới dự án Làng giáo dục Quốc tế) và đường bao quanh Làng giáo dục Quốc tế	DGT	0,11		0,11	Huyện Hoài Đức	2022
554	Đường giao thông liên xã Cát Quế - Dương Liễu	DGT	1,35			Huyện Hoài Đức	2022
555	Tuyến đường nối QL32-thôn Lai Xá đến khu đấu giá QSD đất (khớp nối đường Hoàng Quốc Việt kéo dài theo quy hoạch)	DGT	1,50			Huyện Hoài Đức	2022
556	Đường Vành Đai 3,5 (Giai đoạn II)	DGT	22,60			Huyện Hoài Đức	2022
557	Đường từ QL32 qua khu đô thị Cienco 5 khớp nối đường HQV kéo dài	DGT	1,00			Huyện Hoài Đức	2022
558	Đường Vành Đai 3,5 giai đoạn 1	DGT	6,84			Huyện Hoài Đức	2022
559	Đường trục chính xã Kim Chung	DGT	1,25			Huyện Hoài Đức	2022
560	Đường ĐH 04 từ Tiền Yên đến Đại lộ Thăng Long	DGT	2,28			Huyện Hoài Đức	2022
561	Xây dựng tuyến đường ĐH 03 huyện Hoài Đức	DGT	6,76			Huyện Hoài Đức	2022
562	Tuyến đường ĐH 02 huyện Hoài Đức	DGT	5,00			Huyện Hoài Đức	2022
563	Tuyến đường liên khu vực 8 (Từ tỉnh lộ 423 đến Đại lộ Thăng Long)	DGT	12,00			Huyện Hoài Đức	2022
564	Tuyến đường liên khu vực 1 - từ Đức Thượng đến Song Phương	DGT	27,00			Huyện Hoài Đức	2022
565	Đường liên xã Đức Giang - Đức Thượng	DGT	0,64			Huyện Hoài Đức	2022
566	Đường vào trường Mầm non La Phù 2 xã La Phù huyện Hoài Đức	DGT	0,50			Huyện Hoài Đức	2022
567	Đường nối từ QL32 tới khu đấu giá QSD đất xã Đức Thượng	DGT	1,30			Huyện Hoài Đức	2022
568	Đường bờ trái kênh Đan Hoài giai đoạn 3 (đoạn từ đường liên xã Minh Khai-Đức Thượng đến hết địa phận huyện Hoài Đức)	DGT	0,35			Huyện Hoài Đức	2022
569	Đường giao thông nông thôn xã Đắc Sở tuyến 1, 2	DGT	0,38			Huyện Hoài Đức	2022
570	Tuyến đường dọc kênh Đan Hoài phía bờ trái từ Tiền Yên đến Song Phương	DGT	0,60			Huyện Hoài Đức	2022
571	Xây dựng hệ thống thoát nước thải kết hợp giao thông nông thôn xã Dương Liễu - Cát Quế	DGT	0,30			Huyện Hoài Đức	2022
572	Tuyến đường Lại Yên - Vân Canh (Từ liên khu vực 2 đến đường vành đai 3,5) huyện Hoài Đức	DGT	13,53			Huyện Hoài Đức	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
573	Đường bờ trái kênh Đan Hoài giai đoạn 2 (Đoạn từ cầu qua kênh Đan Hoài vào trường THCS Dương Liễu đến đường liên xã Minh Khai - Đức Thượng)	DGT	2,27			Huyện Hoài Đức	2022
574	Xây dựng hệ thống thoát nước thải kết hợp cải tạo trục đường giao thông tuyến từ Đê Tả Đáy đi thôn 8, thôn 9, thôn Cát Ngòi đến đường ĐH04	DGT	0,13			Huyện Hoài Đức	2022
575	Tuyến đường bao khu dân cư và trường THCS Đắc Sở	DGT	0,60			Huyện Hoài Đức	2022
576	Đường trục chính khu trung tâm xã Cát Quế	DGT	0,34			Huyện Hoài Đức	2022
577	Đường liên khu vực 6 (từ đường liên khu vực 1 đến đường vành đai 3,5 huyện Hoài Đức.)	DGT	15,00			Huyện Hoài Đức	2022
578	Đường Vành đai xã Dương Liễu- Cát Quế (đoạn từ thôn Quê đi đường DH05)	DGT	0,50			Huyện Hoài Đức	2022
579	Chỉnh trang, nâng cấp kết hợp làm mới đường vào trụ sở công an và Trạm Y tế xã Đức Thượng	DGT	0,20			Huyện Hoài Đức	2022
580	Vườn hoa, cây xanh, bãi đỗ xe và các HMPT khu di tích Quán Giã xã Yên Sở	DGT	3,10			Huyện Hoài Đức	2022
581	Khu nhà ở biệt thự Hoa Phượng xã An Khánh (Đầu tư xây dựng tuyến đường khu nhà ở biệt thự Hoa Phượng)	DGT	8,45			Huyện Hoài Đức	2022
582	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ đường TL 423 đi thôn Cù Sơn	DGT	0,70			Huyện Hoài Đức	2022
583	Tuyến đường dọc kênh Đan Hoài phía bờ trái từ Minh Khai đến Tiền Yên	DGT	4,54			Huyện Hoài Đức	2022
584	Đường ĐH 04 từ Đại Lộ Thăng Long đến đường tỉnh 423	DGT	3,83			Huyện Hoài Đức	2022
585	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường dọc kênh Đan Hoài từ Minh Khai đến cầu Cát Quế	DGT	0,40			Huyện Hoài Đức	2022
586	Cảng Nội địa (ICD) Mỹ Đình	DGT	17,74			Huyện Hoài Đức	2022
587	Đường vành đai xã Sơn Đồng	DGT	1,40		1,40	Huyện Hoài Đức	2022
588	Xây dựng tuyến đường Tiền Phong - Tự Lập, huyện Mê Linh (Giai đoạn 1)	DGT	29,76		29,76	Huyện Mê Linh	2022
589	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 23B đi cảng Chu Phan, huyện Mê Linh	DGT	21,60		21,60	Huyện Mê Linh	2022
590	Cải tạo nâng cấp tuyến đường 35 huyện Mê Linh (đoạn từ Đại Thịnh đến thị trấn Quang Minh)	DGT	18,26		0,25	Huyện Mê Linh	2022
591	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 35 đến đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, huyện Mê Linh (Giai đoạn 1)	DGT	5,03		0,39	Huyện Mê Linh	2022
592	Xây dựng tuyến đường từ khu trung tâm hành chính huyện Mê Linh đến Trung tâm văn hóa thể thao huyện Mê Linh (Giai đoạn 1)	DGT	9,04		0,05	Huyện Mê Linh	2022
593	Xây dựng tuyến đường gom Bắc Thăng Long - Nội Bài, đoạn qua Khu công nghiệp Quang Minh I	DGT	7,44		2,74	Huyện Mê Linh	2022
594	Cải tạo nâng cấp đường 23B (Hà Nội - Nghĩa Trang Thanh Tróc)	DGT	31,30		31,30	Huyện Mê Linh	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
595	Cải tạo nâng cấp đường giao thông vào cổng chính phục vụ công tác phòng chống cháy nổ của Trung tâm Bảo hiểm tài liệu lưu trữ Quốc Gia	DGT	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2022
596	Xây dựng tuyến đường 48 m đoạn từ Yên Vinh đến đường 36 khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh	DGT	11,45		11,45	Huyện Mê Linh	2022
597	Xây dựng tuyến đường nối đường 100 Trục trung tâm đô thị Mê Linh qua bệnh viện Đa khoa huyện đến đường đê tả sông Hồng, huyện Mê Linh	DGT	5,52		5,52	Huyện Mê Linh	2022
598	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vạn Yên - Thạch Đà	DGT	7,37		7,37	Huyện Mê Linh	2022
599	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Đồng - Tiến Thắng	DGT	4,10		4,10	Huyện Mê Linh	2022
600	Xây dựng tuyến đường từ đường Tam Đồng - Tiến Thắng đến đường Tiến Thắng - Tự Lập (đường đê sông Cà Lồ)	DGT	3,40		3,40	Huyện Mê Linh	2022
601	Nâng cấp tuyến đường từ đường TL 308 đi Đê tả Sông Hồng (đường đê Thất Xá), xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	DGT	11,10		11,10	Huyện Mê Linh	2022
602	Cải tạo nâng cấp đường Chi Đông-Kim Hoa huyện Mê Linh	DGT	7,61			Huyện Mê Linh	2022
603	Cải tạo nâng cấp đường 23B (Hà Nội - Nghĩa Trang Thanh Trú)	DGT	31,30	21,02	10,28	Huyện Mê Linh	2023-2025
604	Đường vành đai 3,5 đoạn từ Quang Minh đi cầu Thượng Cát	DGT	40,78		40,78	Huyện Mê Linh	2023-2025
605	Xây dựng tuyến đường Ấp Tre - Tiên Phong - Yên Nhân	DGT	28,31		28,31	Huyện Mê Linh	2023-2025
606	Xây dựng tuyến đường Thanh Lâm - Ấp Tre	DGT	13,05		13,05	Huyện Mê Linh	2023-2025
607	Xây dựng tuyến đường từ đường 23 B đi cảng Chu Phan	DGT	22,46		22,46	Huyện Mê Linh	2023-2025
608	Xây dựng tuyến đường từ đường Thanh Trú - Lâm Hộ - Kim Hoa tới đường 35 Chi Đông	DGT	9,20		9,20	Huyện Mê Linh	2023-2025
609	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 312, huyện Mê Linh	DGT	14,70	7,00	7,70	Huyện Mê Linh	2023-2025
610	Đường trục Quang Minh (Vành đai 3) - Chi Đông - Vành đai 4	DGT	42,16		42,16	Huyện Mê Linh	2023-2025
611	Xây dựng tuyến đường gom Bắc Thăng Long - Nội Bài, đoạn qua Khu công nghiệp Quang Minh I	DGT	7,44	4,70	2,74	Huyện Mê Linh	2023-2025
612	Xây dựng đường từ trung tâm hành chính huyện Mê Linh đi thị trấn Chi Đông (Giai đoạn I)	DGT	7,75	7,75		Huyện Mê Linh	2023-2025
613	Xây dựng tuyến đường nối đường 100 Trục trung tâm đô thị Mê Linh qua bệnh viện Đa khoa huyện đến đường đê tả sông Hồng, huyện Mê Linh	DGT	5,59		5,59	Huyện Mê Linh	2023-2025
614	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Đồng - Tiến Thắng	DGT	4,10		4,10	Huyện Mê Linh	2023-2025
615	Xây dựng tuyến đường từ đường Tam Đồng - Tiến Thắng đến đường Tiến Thắng - Tự Lập (Đường đê sông Cà Lồ)	DGT	3,40		3,40	Huyện Mê Linh	2023-2025
616	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ đường 35 đi cầu Yên Vinh, xã Thanh Lâm	DGT	9,30		9,30	Huyện Mê Linh	2023-2025
617	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vạn Yên - Thạch Đà	DGT	7,40		7,40	Huyện Mê Linh	2023-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
618	Cải tạo, nâng cấp, tuyến đường từ đường 50 huyện Mê Linh (đoạn còn lại: từ đường QL 23 đi trường THCS Mê Linh) và tuyến đường Kéo Quân vào đền thờ Hai Bà Trưng	DGT	2,60	1,82	0,78	Huyện Mê Linh	2023-2025
619	Đường từ Tiên Phong - Tự Lập (Giai đoạn 1)	DGT	29,76		29,76	Huyện Mê Linh	2023-2025
620	Đường từ Trung tâm hành chính đi trung tâm văn hóa thể thao huyện Mê Linh	DGT	6,97		6,97	Huyện Mê Linh	2023-2025
621	Xây dựng hoàn thiện tuyến đường trục 48 đoạn từ cầu Yên Minh đến đường 36 khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh	DGT	30,60	1,01	29,58	Huyện Mê Linh	2023-2025
622	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng mặt đê Tả Sông Hồng kết hợp làm đường hành lang chân đê, huyện Mê Linh	DGT	36,74		36,74	Huyện Mê Linh	2023-2025
623	Xây dựng hoàn thiện các đoạn còn lại tuyến đường Thanh Lâm - Tiên Phong	DGT	13,83		13,83	Huyện Mê Linh	2023-2025
624	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 308, huyện Mê Linh	DGT	17,25	9,36	7,89	Huyện Mê Linh	2023-2025
625	Cải tạo, mở rộng theo mặt cắt quy hoạch tuyến đường Tiên Phong - Đại Mạch trên địa bàn huyện Mê Linh	DGT	9,12		9,12	Huyện Mê Linh	2023-2025
626	Xây dựng tuyến đường Tiên Phong - Kim Nỗ - Hải Bối trên địa bàn huyện Mê Linh	DGT	9,00		9,00	Huyện Mê Linh	2023-2025
627	Xây dựng tuyến đường Tiên Phong - Tự Lập (các đoạn tuyến còn lại)	DGT	32,66		32,66	Huyện Mê Linh	2023-2025
628	Nâng cấp tuyến đường từ đường TL 308 đi Đê tả Sông Hồng (đường đê Thất Xã), xã Tiên Thịnh, huyện Mê Linh	DGT	11,10		11,10	Huyện Mê Linh	2023-2025
629	Xây dựng tuyến đường nối đường trục phía Nam với đường Bái Đình – Ba Sao đoạn qua địa phận huyện Mỹ Đức (nối tiếp với đoạn qua địa phận huyện Ứng Hòa), thành phố Hà Nội	DGT	15,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
630	Mở rộng Đường Hồ Chí Minh	DGT	8,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
631	Mở rộng tỉnh lộ 419	DGT	20,77			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
632	Mở rộng tỉnh lộ 429	DGT	6,90			Huyện Mỹ Đức	2021
633	Nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 424	DGT	5,68			Huyện Mỹ Đức	2021
634	Làm mới tuyến Miếu Môn - Hương Sơn	DGT	59,14			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
635	Làm mới tuyến Đỗ Xá - Quan Sơn	DGT	9,65			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
636	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Phúc Lâm – Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	DGT	3,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
637	Đường trục phát triển phía bắc huyện Mỹ Đức từ TL 419 xã An Mỹ đi Tuy Lai đến TL 429 xã Đồng Tâm (GD2)	DGT	1,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
638	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Phùng Xá - Phù Lưu Tế (điểm đầu từ trục đường xã Phùng Xá, điểm cuối nối với đường trục xã Phù Lưu Tế), huyện Mỹ Đức	DGT	3,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
639	Đường tránh tỉnh lộ 419 đi khu du lịch chùa Hương đoạn từ cầu Đông Bình đến bến xe Hội xá huyện Mỹ Đức	DGT	4,75			Huyện Mỹ Đức	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
640	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Hợp Tiến – Hợp Thanh (điểm đầu nối với xã Thanh Cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, điểm cuối nối với đường trục xã Hợp Thanh), huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	DGT	3,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
641	Mở mới đường ngang đê Đáy - TL419	DGT	5,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
642	Mở rộng đường Đê Đáy	DGT	1,22			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
643	Đường vào bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Đức	DGT	0,36			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
644	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông đê Đáy từ cầu Tế Tiêu đến giáp xã Đại Hưng, thị trấn Đại Nghĩa	DGT	1,82			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
645	Đường vành đai nối đường 424 đến đường trục phát triển Văn Giang (Giáp nghĩa trang cũ TDP Tế Tiêu)	DGT	2,80			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
646	Đường giao thông từ xã Hợp Thanh đi đường Đỗ Xá - Quan Sơn	DGT	3,58			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
647	Đường giao thông kết hợp kè mương tiêu đoạn từ TL419 đi xứ đồng Điền Thanh thuộc TDP Tế Tiêu	DGT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
648	Đường vành đai nối đường Đại Thanh đến đường Chạm Lũ (Giáp công viên và Công an huyện Mỹ Đức đến đường Đại Nghĩa An Tiến)	DGT	1,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
649	Đường vành đai nối đường Đại Thanh đến đường trục phát triển Văn Giang (Giáp chợ Tế Tiêu)	DGT	0,60			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
650	Đường vành đai nối đường Ma đến đường trục phát triển Thọ Sơn (Giáp khu liên hiệp thể thao huyện)	DGT	1,44			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
651	Đường quy hoạch (Đường Ngay) giáp đình trung TDP Tế Tiêu đến quảng trường huyện	DGT	0,18			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
652	Nâng cấp mở rộng đường liên thôn từ Cửa Mương lên đường TL-429	DGT	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
653	Nâng cấp mở rộng đường liên thôn từ Công làng Hoàn hạ qua NVH thôn Hoàn hạ lên đường TL-429	DGT	0,08			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
654	Nâng cấp cải tạo đường giao thông trục huyện từ xã Phúc Lâm đến xã Đồng Tâm và Thượng Lâm (Đoạn nối từ TL 419 đến TL 429) huyện Mỹ Đức	DGT	0,85			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
655	Bến xe tỉnh	DGT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
656	Giao thông nội đồng	DGT	5,80			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
657	Làm mới Đường Đồng Tâm đi Tuy Lai (đoạn Đồng Rì, Bờ Vả đi Đồng Dư)	DGT	4,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
658	Bến xe tỉnh	DGT	0,78			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
659	Làm mới tuyến Đồng Dư - Sau chùa	DGT	0,40			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
660	Làm mới Đường liên thôn	DGT	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
661	Xây dựng bến xe	DGT	0,66			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
662	Cảng Ba Thá	DGT	2,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
663	Mở rộng đường ven đê Đáy qua xã	DGT	0,38			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
664	Mở rộng đường từ đường 419 (ngã 3 đường 419 và Miếu Môn - Hương Sơn) đến đường Đê Hồ thôn Bình Lạng	DGT	0,27			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
665	Bến, bãi đỗ xe trung tâm xã	DGT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
666	Cầu Lê Thanh vượt sông Đáy qua huyện Mỹ Đức, Ứng Hòa và đường giao thông hai bên cầu, huyện Mỹ Đức	DGT	4,08			Huyện Mỹ Đức	2021
667	Mở rộng đường trước UBND xã	DGT	0,13			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
668	Mở rộng đường giao thông từ nhà ông Bắc đi Cửa Khâu	DGT	0,90			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
669	Mở rộng đường giao thông từ cầu Phùng Xá đi đường ven Đáy	DGT	0,64			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
670	Mở rộng đường giao thông từ đầu đội 1 đi đường cầu Phùng Xá	DGT	0,84			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
671	Mở rộng tuyến 24	DGT	1,65			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
672	Bãi đỗ xe	DGT	0,15			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
673	Tuyến Đàng Cái đi Dộc Bún	DGT	0,21			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
674	Bãi đỗ xe Kim Bôi	DGT	0,91			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
675	Tuyến đường từ TL 419 đi nghĩa trang, Đồng Dâu thôn Kim Bôi	DGT	1,80			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
676	Cầu Vạn Kim	DGT	0,65			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
677	Mở rộng đường từ đình Vạn Phúc ra đường 419	DGT	0,40			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
678	Mở rộng đường từ ngã 3 Đốc Tín đi Vạn Kim (Ven Đáy)	DGT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
679	Mở rộng đường Phi Lao	DGT	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
680	Mở rộng bãi đỗ xe Tuyết Sơn	DGT	0,70			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
681	Mở rộng bến xe thôn Đục Khê	DGT	1,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
682	Cải tạo mở rộng bến xe đường số 1 Hương Sơn	DGT	1,77			Huyện Mỹ Đức	2021
683	Mở rộng tuyến Từ TL 419 - bến xe Tiên Mai - đền Đức Thánh Cả - Giáp xã Tân Sơn huyện Kim Bảng	DGT	3,48			Huyện Mỹ Đức	2021
684	Dự án tuyến cáp treo Hương Bình tại xã Hương Sơn huyện Mỹ Đức và xã Phú Lão huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình	DGT	17,86			Huyện Mỹ Đức	2021
685	Mở rộng bến đò hang vò + cải tạo suối Long Vân	DGT	10,38			Huyện Mỹ Đức	2021
686	Đường giao thông kết hợp thoát nước khu du lịch chùa Hương	DGT	1,40			Huyện Mỹ Đức	2021
687	Mở rộng bến đò tuyến Tuyết Sơn	DGT	10,10			Huyện Mỹ Đức	2021
688	Đường từ tỉnh lộ 419 đi tỉnh lộ 425 (thuộc quần thể khu du lịch thắng cảnh Hương Sơn với khu di tích Tam Chúc-Khả Phong tỉnh	DGT	20,88			Huyện Mỹ Đức	2021
689	Tuyến tránh tỉnh lộ 419 đi đền trình và xây dựng cảnh quan tuyến phố đi bộ tại bến yển khu du lịch chùa hương	DGT	4,60			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
690	Mở mới bến xe	DGT	0,84			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
691	Bãi Đỗ xe Nhầu 3	DGT	2,40			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
692	Mở rộng bến đò Yên Vĩ	DGT	14,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
693	Đường từ ngã ba UBND đến Đầm ải	DGT	0,14			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
694	Xây dựng đường từ UBND xã An Tiến đi đường trục phát triển huyện Mỹ Đức	DGT	2,80			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
695	Cầu đập tràn Quan Sơn	DGT	1,44			Huyện Mỹ Đức	2021
696	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ xã An Phú đi TT. Đại Nghĩa	DGT	2,12			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
697	Đường giao thông nông thôn từ trường Tiểu học B đến đường Sắt Nỏ, xã Hợp Thanh	DGT	1,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
698	Mở rộng đường từ trạm điện đến hồ ải	DGT	1,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
699	Bến xe, bãi đỗ xe	DGT	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
700	Đường Tránh sông Thọ	DGT	7,80			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
701	Mở đường vào trường Mầm Non	DGT	1,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
702	Mở rộng, làm mới tuyến UBND xã - thôn Thanh Hà	DGT	0,54			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
703	Đường trục chính đi khu chuyển đổi thôn Nam Hưng	DGT	0,25			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
704	Xây dựng nâng cấp đường giao thông xã An Phú và 3 cầu: Phú Thanh, Thoáng, Đồng Gạch	DGT	0,70			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
705	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã An Phú đoạn Núi Dải xã An Phú	DGT	0,70			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
706	Đường trục chính đi khu chuyển đổi thôn Thanh Hà	DGT	0,15			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
707	Cải tạo, nâng cấp đường Thanh Hà xã An Phú (Giai đoạn 2)	DGT	0,27			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
708	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã An Phú - đoạn từ thôn Đồng Chiêm đến đường liên xã	DGT	0,40			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
709	Làm mới tuyến Đầu Thung Cắm - Cầu Đá Giải	DGT	1,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
710	Dự án Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây (cũ)	DGT	41,76		41,76	Huyện Phú Xuyên	2022
711	Đường giao thông trục phát triển phía Đông huyện Phú Xuyên (nối từ tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429)	DGT	18,70		18,70	Huyện Phú Xuyên	2022
712	Dự án Nâng cấp đường Tỉnh Lộ 428 (từ Ngã ba Hoàng Nguyên đến Cầu Lương, xã Minh Tân)	DGT	10,30		10,30	Huyện Phú Xuyên	2022
713	Dự án Nâng cấp đường Tỉnh Lộ 429 (đoạn qua các xã: Phú Túc, Hồng Minh, Phương Dực)	DGT	15,10		15,10	Huyện Phú Xuyên	2022
714	Đường Giao thông Phương Dực- Đại Thắng	DGT	3,00		3,00	Huyện Phú Xuyên	2022
715	Cải tạo, nâng cấp đường Truyền Thống huyện Phú Xuyên (đoạn từ QL1A đến đường gom cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ)	DGT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2022
716	Đường trục xã Quang Lãng (nối từ Tỉnh lộ 428 đi chùa Viên Minh)	DGT	2,70		2,70	Huyện Phú Xuyên	2022
717	Đường trục xã Tri Thủy (nối từ Tỉnh lộ 428 đi thôn vĩnh Ninh-thôn Nhân Sơn, thôn Tri Thủy)	DGT	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2022
718	Đường gom Cầu Giẽ-Phú Yên-Vân Từ	DGT	10,50		10,50	Huyện Phú Xuyên	2022
719	Cầu Nam Hồng	DGT	0,01		0,01	Huyện Phú Xuyên	2022
720	Đường QL1A (từ phòng TCKH) đến đường gom cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ	DGT	1,70		1,70	Huyện Phú Xuyên	2022
721	Đường từ Trụ sở Công an huyện đi đường gom cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ	DGT	4,00		4,00	Huyện Phú Xuyên	2022
722	Đường gom phía đông cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	10,00		10,00	Huyện Phú Xuyên	2022
723	Nâng cấp Tỉnh lộ 428A, từ Cầu Cồng Thẩn đến QL1A, huyện Phú Xuyên	DGT	4,50		4,50	Huyện Phú Xuyên	2022
724	Nâng cấp mặt đê sông Hồng, huyện Phú Xuyên	DGT	14,00		14,00	Huyện Phú Xuyên	2022
725	Đường Phú Túc - Hoàng Long (đoạn nối từ tỉnh lộ 429 đến đê sông Nhuệ)	DGT	7,50		7,50	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
726	Cải tạo, nâng cấp đường Truyền Thống huyện Phú Xuyên (đoạn từ cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ đến đê sông Hồng)	DGT	9,60		9,60	Huyện Phú Xuyên	2022
727	Đường Giao thông liên xã Văn Hoàng - Hoàng Long - Phú Túc (nối từ cầu Nội Cói đến đường trục xã Phú Túc)	DGT	13,50		13,50	Huyện Phú Xuyên	2022
728	Đường Giao thông liên xã Tri Thủy - Khai Thái - Nam Triều	DGT	6,70		6,70	Huyện Phú Xuyên	2022
729	Đường trục phát triển kinh tế Văn Hoàng-Phượng Dực (nối từ TL 429 - đê sông Nhuệ)	DGT	10,00		10,00	Huyện Phú Xuyên	2022
730	Đường giao thông liên xã Hồng Minh - Tri Trung (tuyến 1: L = 1,1km từ thôn Tri Chi kết nối với đường trục phát triển phía Nam; tuyến 2: L=500m; từ tuyến số 1 nối với đường trục Tri Trung - Hoàng Long - Ứng Hòa)	DGT	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
731	Đường trục xã từ 428b(ông Đầu) đến điểm cuối đầu với đường Quang Lăng-Minh Tân	DGT	2,70		2,70	Huyện Phú Xuyên	2022
732	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào khu xử lý rác thải Châu Can	DGT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
733	Đường giao thông Bạch Hạ-Minh Tân (GDD2)	DGT	1,80		1,80	Huyện Phú Xuyên	2022
734	Nâng cấp mở rộng đường Thao Chính-Tân Dân	DGT	7,00		7,00	Huyện Phú Xuyên	2022
735	Đường trục kết nối từ TL428 đến đường Thao Chính - Nam Triều	DGT	5,20		5,20	Huyện Phú Xuyên	2022
736	Cải tạo, nâng cấp đường Nội Hợp-Thụy Phú	DGT	8,00		8,00	Huyện Phú Xuyên	2022
737	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào Cụm công nghiệp Phú Yên	DGT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
738	Xây dựng mới tuyến đường Đỗ Xá - Quan Sơn theo hướng Đông - Tây, mặt cắt 62m	DGT	10,00		10,00	Huyện Phú Xuyên	2024
739	Xây dựng mới đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên dọc theo phía Tây khu quy hoạch, mặt cắt 40m	DGT	11,00		11,00	Huyện Phú Xuyên	2024
740	Đường giao thông trục phát triển phía Đông huyện Phú Xuyên (nối từ tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429) gđ 1	DGT	3,00		3,00	Huyện Phú Xuyên	2021
741	Đường giao thông trục phát triển phía Đông huyện Phú Xuyên (nối từ tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429) gđ 2	DGT	3,00		3,00	Huyện Phú Xuyên	2021
742	Mở rộng đường trong khu dự án Bưởi Thồ	DGT	0,77		0,77	Huyện Phú Xuyên	2022
743	Cầu Lễ Thượng xã Châu Can	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2022
744	Xây dựng HTKT ngoài hàng rào dự án xử lý rác thải Châu Can	DGT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2024
745	Cầu Quân sự nối Châu Can -Phú Yên	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2022
746	Dự án ĐTXD công trình cầu Ngọ	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021
747	Dự án XD nâng cấp mở rộng đường nhánh nối quốc lộ 1A với đường cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ, đoạn qua KCN hỗ trợ Nam Hà Nội	DGT	3,25		3,25	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
748	Đầu tư xây dựng vượt nổi phạm vi cuối tuyến, dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
749	Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà Nội - Vinh, tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn thành phố	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2022
750	Cầu An Tri, đường Bạch Hạ đi đường 428	DGT	0,07		0,07	Huyện Phú Xuyên	2022
751	Cầu Song Bạch	DGT	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2025
752	QH điểm xe buýt tại Thùng Lò, thôn Hoàng Đông	DGT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
753	Mở rộng đường Hoàng Long - Phú Túc (đoạn nối từ TL429 đến đê sông Nhuệ)	DGT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
754	Đường Tri Trung-Hồng Minh-Đồng Quan	DGT	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2021
755	Cầu Nam Hồng (máng 7)	DGT	0,01		0,01	Huyện Phú Xuyên	2021
756	Đường liên xã Nam Phong- Nam Triều	DGT	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2021
757	Tuyến đường huyện Thao Chính - Nam Triều - Hồng Thái dài 2800m, mở rộng tuyến với rộng mặt 18m, rộng nền 24m	DGT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2024
758	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ Quốc lộ 1A đi Minh Tân, Quang Lăng), huyện Phú Xuyên	DGT	15,75		15,75	Huyện Phú Xuyên	2022
759	Đường giao thông liên xã Phượng Dực - Đại Thắng	DGT	0,90		0,90	Huyện Phú Xuyên	2022
760	Đường trục xã từ 428b(ông Đầu) đến điểm cuối đầu với đường liên xã Quang Lăng-Minh Tân	DGT	0,80		0,80	Huyện Phú Xuyên	2022
761	Đường trục xã Quang Lăng nối từ tỉnh lộ 428B đi chùa Viên Minh	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2022
762	QH tuyến đường từ nhà Văn Hóa thông Thao Ngoại đến đường Thao Chính tân Dân (Dài 135m, rộng 7m)	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2022
763	QH tuyến đường từ nhà Văn Hóa thông Thao Ngoại đến đường Thao Chính tân Dân (Dài 150m, rộng 7m)	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2023
764	Bến xe thôn Đại Nghiệp	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2024
765	Quy hoạch đường trục xã	DGT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
766	Cải tạo, chỉnh trang đoạn đường Quốc lộ 1A (đoạn Km207+250 - Km208) và hạ tầng trung tâm hành chính huyện Phú Xuyên	DGT	2,10		2,10	Huyện Phú Xuyên	2022
767	Dự án đường giao thông từ trụ sở Công an huyện đi đường gom Cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	0,80		0,80	Huyện Phú Xuyên	2022
768	Dự án đường giao thông từ phòng Tài chính Kế hoạch đi đường gom Cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
769	Đầu tư xây dựng đường gom Cầu Giẽ - Phú Yên – Văn Từ (phía Tây đường sắt)	DGT	10,50		10,50	Huyện Phú Xuyên	2022
770	Dự án xây dựng cầu Nội Cói	DGT	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
771	Đường Tân Dân-Đại Thắng-Văn Hoàng (gđ2)	DGT	0,80		0,80	Huyện Phú Xuyên	2022
772	Đường trục xã Vân Từ	DGT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
773	Dự án ĐTXD công trình cầu Vân Từ	DGT	0,18		0,18	Huyện Phú Xuyên	2021
774	Đường trục xã Phú Túc	DGT	2,70		2,70	Huyện Phú Xuyên	2022
775	Xây dựng cơ sở hạ tầng xã Châu Can	DGT	3,90		3,90	Huyện Phú Xuyên	2022
776	Cải tạo, nâng cấp đường từ đường ĐT421B đi thôn Yên Thái và thôn Việt Yên xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	DGT	1,65		1,65	Huyện Quốc Oai	2021-2025
777	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 421B (đoạn từ Thạch Thán đi Xuân Mai)	DGT	41,54	11,87	29,67	Huyện Quốc Oai	2021-2025
778	Đường Hồ Chí Minh giai đoạn 2	DGT	70,26		70,26	Huyện Quốc Oai	2021-2025
779	Đường giao thông ven hồ Đồng Bò, xã Đông Xuân	DGT	0,13		0,13	Huyện Quốc Oai	2021-2025
780	Xây dựng đường vành đai khu công nghiệp Bắc Phú Cát (nay là khu công nghệ cao Hòa Lạc)	DGT	21,97	3,00	18,97	Huyện Quốc Oai	2021-2025
781	Đường trục phát triển các xã vùng bán sơn địa huyện Quốc Oai (tuyến ĐH09 Phú Cát-Hòa Thạch-Đông Yên)	DGT	14,58	5,43	9,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
782	Xây dựng mở rộng đường ĐH10	DGT	7,80		7,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
783	Đường trại cá - Tuyết Nghĩa - Phú Cát giai đoạn II	DGT	1,29	1,07	0,22	Huyện Quốc Oai	2021-2025
784	Nâng cấp mở rộng đường ĐH07B (đoạn từ cầu Văn Quang đến đường 421B)	DGT	1,92		1,92	Huyện Quốc Oai	2021-2025
785	Mở rộng đường giao thông nông thôn xã Cấn Hữu	DGT	0,90	0,54	0,36	Huyện Quốc Oai	2021-2025
786	Nâng cấp mở rộng đường đê Tả Tích đoạn qua địa phận Quốc Oai	DGT	15,90		15,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
787	Xây dựng mở rộng đường ĐH07	DGT	3,45		3,45	Huyện Quốc Oai	2021-2025
788	Đường giao thông từ đê Tả Tích (thôn Cấn Hạ, Cấn Hữu) kết nối với đường Bắc Nam	DGT	14,70		14,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
789	Đường liên xã Tuyết Nghĩa - Cấn Hữu từ ĐH02-ĐH07	DGT	4,30	3,49	0,81	Huyện Quốc Oai	2021-2025
790	Đường giao thông liên xã Ngọc Liệp - Cấn Hữu (tuyến giao với đường gom Đại Lộ Thăng Long đến đường Quốc Oai - Hòa Thạch tại trạm bơm Cấn Hữu)	DGT	2,62	2,18	0,44	Huyện Quốc Oai	2021-2025
791	Xây dựng tuyến đường giao thông nối từ đường ĐH01 đi đường ĐH02, xã Nghĩa Hương và xã Liệp Tuyết (ĐH 05)	DGT	4,37		4,37	Huyện Quốc Oai	2021-2025
792	Xây dựng, mở rộng tuyến đường ĐH02 (Đoạn từ đê Tả Tích đến cầu Phú Cát)	DGT	2,04		2,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
793	Xây dựng tuyến đường phát triển phía Tây Nam huyện Quốc Oai từ đường tỉnh 421B đi đường tỉnh 419 nối với đường tỉnh 423 hiện trạng	DGT	15,76		15,76	Huyện Quốc Oai	2021-2025
794	Cầu 72 -II	DGT	3,00		3,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
795	Đường trung tâm xã Tân Phú	DGT	2,80		2,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
796	Đầu tư cầu Tân Phú bắc quan sông Đáy	DGT	1,06		1,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025
797	Mở rộng tuyến ĐH03 (đoạn cầu Tân Phú đi Đại Thành)	DGT	3,20	2,50	0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
798	Nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421A & 421B qua địa phận huyện Quốc Oai (từ cầu vượt Sài Sơn đi Chùa Thầy đến đường 421A giáp huyện Phúc Thọ)	DGT	19,87		19,87	Huyện Quốc Oai	2021-2025
799	Xây dựng đường Bắc Nam Hà Tây từ Quốc Oai đến Chương Mỹ	DGT	37,95		37,95	Huyện Quốc Oai	2021-2025
800	Xây dựng đường ĐH04 (Đường Yên Sơn - Đồng Quang)	DGT	4,16		4,16	Huyện Quốc Oai	2021-2025
801	Xây dựng tuyến đường huyện ĐH 02 (đoạn từ đường ĐT421B đến đê Tả Tích) huyện Quốc Oai,	DGT	7,05	1,05	6,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
802	Đường trục chính Bắc – Nam đô thị Quốc Oai kéo dài đoạn từ Km4+340,24 đến Km7+315	DGT	13,20		13,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
803	Xây dựng dự án đường liên khu vực thị trấn Quốc Oai, đoạn Ngọc Liệp-Ngọc Mỹ- Yên Sơn	DGT	20,80		20,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
804	Xây dựng các tuyến đường giao thông khu vực tiếp cận dự án Bệnh viện Trung ương cơ sở 2, Bệnh viện nhi Trung ương cơ sở 2, huyện Quốc Oai	DGT	11,43		11,43	Huyện Quốc Oai	2021-2025
805	Xây dựng đường tỉnh 421B (ĐT 81 cũ) đoạn Thạch Thán đến Xuân Mai (Km 5+196 - Km 17)	DGT	17,75		17,75	Huyện Quốc Oai	2021-2025
806	Đường 421B nối tiếp từ cầu vượt Sài Sơn qua khu hành chính huyện kết nối với tỉnh lộ 421B đoạn Thạch Thán – Xuân Mai	DGT	15,03		15,03	Huyện Quốc Oai	2021-2025
807	Đường Thị trấn Quốc Oai (tuyến từ sau chợ phủ đi Ngõ Sài)	DGT	0,44		0,44	Huyện Quốc Oai	2021-2025
808	Cải tạo chỉnh trang đường Tỉnh lộ 419 đoạn Thị trấn Quốc Oai đi đường Quốc lộ 21 (đường Hồ Chí Minh) huyện Quốc Oai	DGT	2,00		2,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
809	Xây dựng đường ĐH04B	DGT	1,92		1,92	Huyện Quốc Oai	2021-2025
810	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421A & 421B, đoạn đi qua địa phận huyện Quốc Oai (đoạn từ cầu vượt Sài Sơn đi Chùa Thầy đến 421A, giáp ranh huyện Phúc Thọ), huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	DGT	3,60		3,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
811	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường từ đường từ đại lộ Thăng Long đi UBND xã Yên Sơn	DGT	0,87	0,26	0,61	Huyện Quốc Oai	2021-2025
812	Xây dựng đường GT Phụng cách (tuyến từ ĐT421B đi ĐT 421A)	DGT	4,34		4,34	Huyện Quốc Oai	2021-2025
813	Xây dựng đường ĐH08 kết nối tỉnh lộ 422 đi thôn Năm Trại xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGT	2,07		2,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
814	Xây dựng, mở rộng đường 421C (đoạn từ trạm y tế xã Sài Sơn đến ĐT 421A)	DGT	1,05	0,65	0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
815	Xây dựng đường trục 42m kết nối từ đường vành đai du lịch Tuần Châu, huyện Quốc Oai đến đường tỉnh 419 (tỉnh lộ 80 cũ), huyện Thạch Thất	DGT	6,96		6,96	Huyện Quốc Oai	2021-2025
816	Xây dựng đường ĐH02 đoạn từ đường ĐH09 đến Đường vành đai khu CNC Hòa Lạc	DGT	2,00		2,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
817	Xây dựng mới tỉnh lộ 446 đoạn từ đường HCM đến đường vành đai CNC Hòa Lạc	DGT	11,44		11,44	Huyện Quốc Oai	2021-2025
818	Cầu Nông Lâm	DGT	0,18		0,18	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
819	Xây dựng mới tỉnh lộ 446 đoạn qua đô thị vệ tinh Hòa Lạc (từ đường HCM đến ranh giới huyện Thạch Thất)	DGT	21,36		21,36	Huyện Quốc Oai	2021-2025
820	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Cấn Hạ, từ đê Tả Tích kết nối với tuyến đường Bắc-Nam Hà Tây cũ	DGT	3,00		3,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
821	Xây dựng đường hầm trong căn cứ hậu phương theo thể trận phòng thủ huyện Quốc Oai	DGT	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
822	Cầu Ngọc Than	DGT	0,01		0,01	Huyện Quốc Oai	2021-2025
823	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng giao thông khu vực các dự án của Bộ Y tế, huyện Quốc Oai	DGT	10,00		10,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
824	Xây dựng tuyến đường từ thôn Đình Tú qua bãi tập kết rác đến đường ĐH07B xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	DGT	1,45		1,45	Huyện Quốc Oai	2021-2025
825	Xây dựng tuyến đường nối đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp huyện Sóc Sơn	DGT	32,24		22,24	Huyện Sóc Sơn	2022
826	Cải tạo nâng cấp một số tuyến đường trục chính xã Xuân Thu	DGT	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
827	Cải tạo nâng cấp một số tuyến đường trục chính xã Việt Long	DGT	2,36		2,36	Huyện Sóc Sơn	2022
828	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính liên thôn xã Minh Trí	DGT	1,10		1,10	Huyện Sóc Sơn	2022
829	Dự án đầu tư xây dựng cầu Ngọc Hà vượt sông Cà Lồ	DGT	0,30		0,30	Huyện Sóc Sơn	2022
830	Dự án đầu tư xây dựng đường vào khu công nghiệp sạch Sóc Sơn	DGT	17,30		17,30	Huyện Sóc Sơn	2022
831	Dầu tư xây dựng công trình đường vành đai IV (Hà Nội) địa phận tỉnh Bắc Giang (Phần diện tích thuộc địa bàn huyện Sóc Sơn)	DGT	1,10		0,90	Huyện Sóc Sơn	2022
832	Dự án Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn 1) sử dụng vốn vay ODA Hàn Quốc	DGT	0,28		0,28	Huyện Sóc Sơn	2022
833	Cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 3 - Kim Sơn -đường 35	DGT	1,30		1,30	Huyện Sóc Sơn	2022
834	Cải tạo, nâng cấp đường 35 - Vũih Hà - hồ Đồng Quan	DGT	2,50		2,50	Huyện Sóc Sơn	2022
835	Đường vành đai thị trấn Sóc Sơn	DGT	6,76		1,76	Huyện Sóc Sơn	2022
836	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3- Cụm công nghiệp tập trung	DGT	1,60		0,10	Huyện Sóc Sơn	2022
837	Xây dựng đường néi khu CN2 - CN3, huyện Sóc Sơn	DGT	1,48		1,48	Huyện Sóc Sơn	2022
838	Cải tạo, nâng cấp đường 35 - Nam Sơn - Bắc Sơn (Phía tây khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn)	DGT	7,80		7,80	Huyện Sóc Sơn	2022
839	Cải tạo, nâng cấp đường QL3 đi chùa Dược Thượng	DGT	0,40		0,40	Huyện Sóc Sơn	2022
840	Xây dựng đường nối từ QL3 đến đường Núi Đồi - Bắc Phú	DGT	2,18		2,18	Huyện Sóc Sơn	2022
841	Xây dựng trục đường quy hoạch khu đầu giá Cửa Kho thôn Bình An, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn	DGT	2,60		2,60	Huyện Sóc Sơn	2022
842	Xây dựng đường nối từ đường Quốc lộ 3 - Lương Châu - Khu đầu giá Tò 1 - Đường Núi Đồi	DGT	2,10		2,10	Huyện Sóc Sơn	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
843	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang thôn Mai Nội phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng tuyến đường nối đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp huyện Sóc Sơn	DGT	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2022
844	Xây dựng tuyến đường kết nối cầu vượt sông Cầu (cầu Xuân cốm) đến nút giao Bắc Phú của tuyến Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên	DGT	9,38		9,38	Huyện Sóc Sơn	2022
845	Đường nối tỉnh lộ 131 - Đồng Giá -Hiền Lương (nhánh đi Nam c ương)	DGT	1.7		1,70	Huyện Sóc Sơn	2022
846	Cải tạo. nâng cấp đường 35 - Phú Hạ - Thanh Sơn	DGT	3.4		3,40	Huyện Sóc Sơn	2022
847	Cải tạo. xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - 1 lòng Kỳ - Đô Tân	DGT	9.7		9.7	Huyện Sóc Sơn	2022
848	Cải tạo. nâng cấp trục đường Tân Hưng - Bắc Phú - Việt Long đến đê Lương Phúc	DGT	10		10	Huyện Sóc Sơn	2022
849	Dự án cải tạo. nâng cấp tuyến đường 35 đoạn giữa tuyến (từ Km4 + 469 đến km 12+733,35)	DGT	26.5		13.5	Huyện Sóc Sơn	2022
850	Đường nối tỉnh lộ 131 - Đồng Giá - Hiền Lương (nhánh đi Nam Cương)	DGT	0,40		0,40	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
851	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 420 đoạn từ Km0+00 đến Km7+428 (Ngã ba Hòa Lạc - Ngã ba thị trấn Liên Quan)	DGT	17,30	13,20	4,10	Huyện Thạch Thất	2021-2022
852	Xây dựng mới đường giao thông khu hành chính mới thị trấn Liên Quan	DGT	6,00		6,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
853	Nâng cấp, cải tạo, xây mới đường từ TL419 đi thôn Tây Trong đến thôn Hương Lam xã Đại Đồng	DGT	1,05	0,35	0,70	Huyện Thạch Thất	2024-2025
854	Cải tạo, mở rộng đường ĐH07: TL419 Cẩm Yên - Lại Thượng - TL420 Bình Yên (cây đa còng)	DGT	10,17	2,21	7,96	Huyện Thạch Thất	2022
855	Cải tạo nâng cấp trục chính khu Tam cảnh xã Đồng Trúc	DGT	1,80	1,71	0,09	Huyện Thạch Thất	2021-2022
856	Xây dựng mới đường ĐH08 (Đại lộ Thăng Long - ĐH.10)	DGT	13,07		13,07	Huyện Thạch Thất	2022
857	Xây dựng đường từ đường E Khu công nghệ cao Hòa Lạc đi Đại Lộ Thăng Long	DGT	8,50	3,50	5,00	Huyện Thạch Thất	2022
858	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thoát nước khu vực Trúc Động, Đồng Kho, Đồng Táng xã Đồng Trúc	DGT	0,57		0,57	Huyện Thạch Thất	2022
859	Xây dựng cầu Gấu xã Lại Thượng	DGT	0,60		0,60	Huyện Thạch Thất	2021-2022
860	Đường GTNT xã Lại Thượng (đường Xóm Chôm Lại Thượng đi Nội Vôi Phú Kim; đoạn Phú Thụ đi Gò huyện; Gò Bông Thanh Cầu đi Đại Đồng; cầu Đồng Mô thôn Phú Thụ; cầu Đồng Mô thôn Lại Khánh; GT rãnh thoát nước thôn Thanh Cầu)	DGT	1,10		1,10	Huyện Thạch Thất	2025
861	Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc Nam đoạn qua huyện Thạch Thất giai đoạn 2 từ Km10+770-km14+200 (Nghĩa trang Thạch Xá đến TL420)	DGT	25,80		25,80	Huyện Thạch Thất	2022
862	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ gốc Đa thôn Nội xã Phú Kim đi TL419	DGT	0,56	0,36	0,20	Huyện Thạch Thất	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
863	Đường từ ĐT 419 – Cần Kiệm – Kim Quan – ĐT 420 (Đoạn từ ĐT 419 – Tân Xã đi ĐT 420), huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.	DGT	4,00	3,39	0,61	Huyện Thạch Thất	2021-2022
864	Đường TL 419-Cần Kiệm-Kim Quan-ĐT 420 (đoạn Km 0+000 đến Km1+35)- ĐH 11	DGT	3,00	0,39	2,61	Huyện Thạch Thất	2021-2022
865	Nâng cấp mở rộng đường ĐH06 (đoạn Kim Quan - Cần Kiệm)	DGT	3,06	1,80	1,26	Huyện Thạch Thất	2025
866	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh từ khu đầu giá trung tâm đi trường mầm non trung tâm xã Hương Ngải	DGT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
867	Xây dựng đường Cửa Ngái đi cầu Đồng Ngà xã Hương Ngải	DGT	2,55		2,55	Huyện Thạch Thất	2024-2025
868	Cải tạo cấp đường ĐH22 đoạn từ khu đầu giá trung tâm Hương Ngải đi Tam Hiệp	DGT	3,00	1,00	2,00	Huyện Thạch Thất	2024-2025
869	Cải tạo ao đầu làng thôn 4 xã Hương Ngải	DGT	0,50		5,00	Huyện Thạch Thất	2022
870	Tuyến 28: Canh Nậu-Hiệp Thuận	DGT	5,44	2,24	3,20	Huyện Thạch Thất	2021-2022
871	Đường từ trường trung học cơ sở Dị Nậu đi Hiệp Thuận	DGT	4,34	1,78	2,56	Huyện Thạch Thất	2021-2022
872	Đường giao thông từ thôn 3 xã Canh Nậu đi xã Dị Nậu	DGT	0,71		0,71	Huyện Thạch Thất	2021-2022
873	Đường trục TT xã Thạch Xá (từ ĐT 419 - trung tâm xã Thạch Xá)	DGT	6,20	6,16	0,04	Huyện Thạch Thất	2021-2022
874	Đường từ chùa Bảo Quang đi Khu đầu giá Mã Cồ xã Thạch Xá	DGT	0,44		0,44	Huyện Thạch Thất	2021-2022
875	Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc Nam đoạn qua huyện Thạch Thất giai đoạn 1 từ Km14 + 200-Km18 + 500 (đường TL419 cầu Liêu đến Đại lộ Thăng Long)	DGT	23,50		14,72	Huyện Thạch Thất	2022-2023
876	Cải tạo, nâng cấp ĐH13 đoạn TL419 đi chùa Tây Phương	DGT	0,45		0,45	Huyện Thạch Thất	2024-2025
877	Đường ĐH04 (TL419 -Chàng sơn - ĐH28)	DGT	6,58	0,22	6,36	Huyện Thạch Thất	2023
878	Đường từ TL419-Trung tâm xã Chàng Sơn	DGT	2,38	2,10	0,28	Huyện Thạch Thất	2024-2025
879	Đường H14: Đoạn từ Cụm công nghiệp xã Bình Phú - Cầu Phú Lễ xã Cần Kiệm (Tuyến số 39 cũ)	DGT	5,27		5,27	Huyện Thạch Thất	2021-2022
880	Xây dựng đường trục 42m kết nối từ đường vành đai du lịch Tuần Châu, huyện Quốc Oai đến đường tỉnh 419 (tỉnh lộ 80 cũ), huyện Thạch Thất	DGT	4,20		4,20	Huyện Thạch Thất	2022
881	Đường ĐH17: Đoạn từ Hữu Bằng - Phùng Xá - Tuần Châu Quốc Oai	DGT	2,04		2,04	Huyện Thạch Thất	2021-2025
882	Xây mới tuyến đường ĐH18, đoạn từ TL419 cống Bùng đầu nối ĐH17	DGT	3,74	1,32	2,42	Huyện Thạch Thất	2022
883	Cải tạo, nâng cấp đường từ tỉnh lộ 419 vào sân vật xã Phùng Xá	DGT	2,90	2,00	0,90	Huyện Thạch Thất	2021-2022
884	ĐT XD Cầu Cần Kiệm	DGT	0,86		0,86	Huyện Thạch Thất	2021-2022
885	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.11 (Đoạn ĐH.06 đi cầu Cao Thiên) xã Cần Kiệm.	DGT	1,50	0,70	0,80	Huyện Thạch Thất	2021-2022
886	Đầu tư xây dựng cầu Cao Thiên	DGT	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
887	Xây dựng mới đường ĐH11 (đoạn từ ĐH10 Tân Xã đi 420 Bình Yên)	DGT	4,93		4,93	Huyện Thạch Thất	2021-2022
888	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL21 đi khu tái định cư đại học Quốc Gia (từ ngã ba Hòa Lạc xã Bình Yên đi khu tái định cư ĐHQG xã Thạch Hòa)	DGT	2,53	1,21	1,32	Huyện Thạch Thất	2021-2025
889	Xây dựng tuyến đường dân sinh vòng chánh Trung đoàn pháo binh 452	DGT	0,41		0,41	Huyện Thạch Thất	2022
890	Đường GT, thoát nước thôn Hòa Lạc, thôn Linh Sơn, thôn Sen Tri xã Bình Yên	DGT	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2022
891	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Tân Xã (đoạn từ đường ĐH11 đi thôn Cầu Sông)	DGT	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2025
892	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Tân Xã (Đoạn từ đường liên xã Cẩm Yên - Đồng Trúc đi thôn 8 Tân Xã)	DGT	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2022
893	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH10 từ TL420 đi Tân Xã	DGT	11,22	9,90	1,32	Huyện Thạch Thất	2022
894	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Tân Xã (đoạn từ đường liên xã Cẩm Yên - Đồng Trúc đi thôn 8 Tân Xã)	DGT	1,06	0,76	0,30	Huyện Thạch Thất	2022
895	Đường H 14: đoạn Cấn Kiệm đi Hạ Bằng (CNC Hòa Lạc)	DGT	5,95	3,15	2,80	Huyện Thạch Thất	2022
896	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông , thoát nước xã Hạ Bằng đầu nối vành đai CNC (đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ huyện đi đầm cầu xa; đoạn thôn 5 đi đường 9 CNC)	DGT	0,32	0,20	0,12	Huyện Thạch Thất	2022-2023
897	Đường giao thông của Trung tâm phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc (Nút giao thông số 5 đầu nối tuyến số 01 với cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình)	DGT	1,87		1,87	Huyện Thạch Thất	2022
898	Đường giao thông, thoát nước từ 446 đi thôn Chùa 2 xã Tiến Xuân	DGT	2,50		2,50	Huyện Thạch Thất	2022
899	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ chợ Cò đi cầu Đá Mài xã Yên Bình	DGT	3,06	1,26	1,80	Huyện Thạch Thất	2023-2024
900	Đường giao thông đoạn từ trường Tiểu học đến đường Hòa Lạc - Hòa Bình xã Yên Trung	DGT	1,14		1,14	Huyện Thạch Thất	2025
901	Dự án đường Láng Hòa Lạc - Hòa Bình (BOT) (phần bổ sung)	DGT	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2022
902	Xử lý sạt trượt mái ta lỵ dương đoạn Km11+480 - Km11+780 đường Hòa Lạc - Hòa Bình	DGT	0,60		0,60	Huyện Thạch Thất	2021-2022
903	ĐTXD cầu Phú Kim xã Phú Kim	DGT	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2022
904	Dự án tuyến đường vào Khu tái định cư Đại học Quốc gia Hà Nội	DGT	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2022
905	Xây dựng tuyến đường cao tốc đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội- Hoà Bình	DGT	104,31		104,31	Huyện Thạch Thất	2021-2025
906	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH24 đi thôn 2 và thôn 5 đi CNC xã Hạ Bằng	DGT	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2022
907	Đường giao thông kết nối từ Tỉnh lộ 427 (tại vị trí cuối đường Địa Muối) đến đường trục phát triển phía Nam	DGT	1,87		1,87	Huyện Thanh Oai	2023
908	Đường liên xã Bình Minh - Mỹ Hưng (đoạn từ đường trục phát triển đến Đình Minh Kha)	DGT	1,97		1,97	Huyện Thanh Oai	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
909	Đường Bình Minh-Mỹ Hưng (giai đoạn 2)	DGT	1,60		1,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
910	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Kim Thư - Đỗ Động - Thanh Văn	DGT	4,05	2,00	2,05	Huyện Thanh Oai	2023
911	Nâng cấp mở rộng đường Tân Ước - Trục phát triển phía Nam Thanh Thùy	DGT	4,41	3,00	1,41	Huyện Thanh Oai	2023
912	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Ước Liên Châu đi huyện Thường Tín	DGT	3,60	2,00	1,60	Huyện Thanh Oai	2023
913	Đường Bình Minh - Tam Hưng trên kênh N5A	DGT	0,90		0,90	Huyện Thanh Oai	2023
914	Tuyến trục phát triển phía Nam đi cầu Văn Phương	DGT	3,00		3,00	Huyện Thanh Oai	2023
915	Nâng cấp mở rộng tuyến Bích Hòa Cự Khê (2 bên)	DGT	4,00	2,00	2,00	Huyện Thanh Oai	2023
916	Nâng cấp, cải tạo đường Kim An - Đỗ Động	DGT	5,00	5,00	-	Huyện Thanh Oai	2023
917	Đường trục giao thông xã Hồng Dương đi đường tỉnh lộ 429	DGT	2,80		2,80	Huyện Thanh Oai	2023
918	Cầu Tri Lễ	DGT	0,01		-	Huyện Thanh Oai	2024
919	Cầu Địa Muối	DGT	0,01		-	Huyện Thanh Oai	2024
920	Đường Xuân Dương-Cao Dương-Hồng Dương-Liên Châu (Giai đoạn 1)	DGT	1,43		1,43	Huyện Thanh Oai	2021-2022
921	Cải tạo chỉnh trang đường tỉnh lộ 427, đoạn từ QL21B-đường trục phía Nam-Quốc lộ 1A trên địa bàn huyện Thanh Oai	DGT	7,80		7,80	Huyện Thanh Oai	2021-2022
922	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Tri Lễ	DGT	0,01		0,01	Huyện Thanh Oai	2021-2022
923	Đường Kim An - Đỗ Động (Đoạn từ Kim An đi QL 21B)	DGT	3,33	0,20	1,08	Huyện Thanh Oai	2021-2022
924	Nâng cấp, mở rộng QL21B đoạn từ đầu đường Tỉnh lộ 427 tới thị trấn Kim Bài	DGT	9,45		9,45	Huyện Thanh Oai	2021-2022
925	Dự án nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 21B đoạn qua thị trấn Kim Bài (Km10+350-Km13+200) kết hợp xây dựng quảng trường, công viên cây xanh	DGT	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
926	Tuyến đường nối từ QL 21B với đường trục phát triển phía Nam (tỉnh Hà Tây cũ) đoạn qua địa phận xã Bích Hòa	DGT	2,21		2,21	Huyện Thanh Oai	2021-2022
927	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Kim Bài tới nút giao ngã tư Vác	DGT	11,80	5,70	11,80	Huyện Thanh Oai	2021-2022
928	Đường trục phát triển kinh tế huyện Thanh Oai	DGT	20,97		20,97	Huyện Thanh Oai	2021-2022
929	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Ước - Liên Châu đi huyện Thường Tín	DGT	4,80	4,80	4,80	Huyện Thanh Oai	2021-2022
930	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Thạch Bích đến nút giao đường tỉnh 427 và đoạn từ nút giao Ngã tư Vác đến hết địa phận huyện Thanh Oai	DGT	14,00		7,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
931	Đường Bích Hòa - Bình Minh đi đường tỉnh lộ 427	DGT	3,72		3,72	Huyện Thanh Oai	2021-2022
932	Nâng cấp, mở rộng đường Kim Thư - Đỗ Động - Thanh Văn	DGT	4,10		4,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
933	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Ước - Trục phát triển phía nam - Thanh Thùy	DGT	6,00	6,00	6,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
934	Đường giao thông kết nối từ đường tỉnh lộ 427 (tại vị trí cuối đường Địa Muối) đến đường trục phát triển phía Nam	DGT	1,89		1,89	Huyện Thanh Oai	2021-2022
935	Đường Xuân Dương - Cao Dương - Hồng Dương - Liên Châu (Giai đoạn II)	DGT	2,35		2,35	Huyện Thanh Oai	2021-2022
936	Tuyến đường Vành Đai 3,5	DGT	4,50		4,50	Huyện Thanh Oai	2024
937	Tuyến Hà Đông - Xuân Mai	DGT	14,20		14,20	Huyện Thanh Oai	2024
938	Mở rộng Quốc lộ 21B	DGT	5,00		5,00	Huyện Thanh Oai	2024
939	Mở rộng tuyến đường trục phát triển kinh tế phía nam	DGT	64,00		64,50	Huyện Thanh Oai	2024
940	Đường phát triển kinh tế huyện Thanh Oai	DGT	15,65		15,65	Huyện Thanh Oai	2024
941	Tuyến đường Kênh Yên Cốc	DGT	67,50	60,00	7,50	Huyện Thanh Oai	2024
942	Tuyến Bích Hòa - Bình Minh	DGT	3,70		3,70	Huyện Thanh Oai	2024
943	Đường Quốc lộ 21B từ ngã ba Thạch Bích đi Chương Mỹ	DGT	1,04		1,04	Huyện Thanh Oai	2024
944	Mở rộng tuyến đường Địa Muối	DGT	1,30		1,30	Huyện Thanh Oai	2024
945	Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Thanh Cao - Cao Viên	DGT	3,06		3,06	Huyện Thanh Oai	2024
946	Làm mới tuyến từ CCN Tam Hưng (từ đường trục kinh tế Thanh Oai) đến CCN Tân Ước	DGT	17,50		17,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
947	Làm mới tuyến từ CCN Thanh Văn Tân Ước đi Thường Tín	DGT	3,45		3,45	Huyện Thanh Oai	2021-2022
948	Làm mới tuyến từ Cụm đổi mới Tân Ước qua CCN Thanh Văn Tân Ước đi Thường Tín	DGT	3,85		3,85	Huyện Thanh Oai	2021-2022
949	Mở rộng đường liên huyện kết nối từ đường Hà Nội - Xuân Mai qua các xã Cao Viên, Thanh Cao, Thanh Mai, Kim An, Phương Trung, Xuân Dương đi huyện Chương Mỹ	DGT	26,31	15,79	10,52	Huyện Thanh Oai	2021-2022
950	Làm mới tuyến liên huyện từ trung tâm hành chính huyện Thanh Oai đi huyện Thường Tín	DGT	7,93		7,93	Huyện Thanh Oai	2021-2022
951	Mở rộng tuyến từ xã Cao Viên đi Thanh Cao, Thanh Mai, TT. Kim Bài	DGT	6,75	3,75	3,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
952	Làm mới tuyến từ TT. Kim Bài qua các xã Đỗ Động, Dân Hòa, Hồng Dương đi Ứng Hòa	DGT	8,05		8,05	Huyện Thanh Oai	2021-2022
953	Trục phát triển Đỗ Động, Kim Thư, Phương Trung, Dân Hòa	DGT	5,78	2,00	3,78	Huyện Thanh Oai	2021-2022
954	Trục phát triển các xã Dân Hòa, Hồng Dương, Liên Châu nối QL 21B đi trục đường phát triển kinh tế phía Nam	DGT	5,10	1,00	4,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
955	Tuyến trục phát triển Bình Minh đi TT. Kim Bài	DGT	6,25	2,00	4,25	Huyện Thanh Oai	2021-2022
956	Làm mới các tuyến kết nối khu đô thị mới Bích Hòa, Bình Minh, Thanh Thùy tới đường vành đai 4	DGT	6,25		6,25	Huyện Thanh Oai	2021-2022
957	Làm mới tuyến từ Vành đai 4 qua khu đô thị mới Thanh Thùy đi huyện Phú Xuyên	DGT	9,05		9,05	Huyện Thanh Oai	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
958	Làm mới tuyến từ CCN Thanh Văn Tân Ước đi huyện Phú Xuyên	DGT	8,75		8,75	Huyện Thanh Oai	2021-2022
959	Tuyến từ xã Đỗ Động đi Thanh Văn kết nối đi huyện Thường Tín	DGT	3,31		3,31	Huyện Thanh Oai	2021-2022
960	Tuyến từ xã Tân Ước đi Dân Hòa, Cao Dương, Xuân Dương	DGT	6,16		6,16	Huyện Thanh Oai	2021-2022
961	Tuyến từ xã Xuân Dương đi Ứng Hòa	DGT	1,26		1,26	Huyện Thanh Oai	2021-2022
962	Tuyến từ xã Tân Ước qua xã Liên Châu đi Phú Xuyên	DGT	1,60		1,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
963	Tuyến đường từ QL 21B đi kênh Yên Cốc	DGT	3,52	0,80	2,72	Huyện Thanh Oai	2021-2022
964	Làm mới trục chính khu đô thị mới Bích Hòa, Bình Minh	DGT	11,10		11,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
965	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã Xuân Dương, Cao Dương, Hồng Dương, Liên Châu	DGT	23,10	10,00	13,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
966	Đường giao thông liên xã Tam Hưng - Mỹ Hưng (đoạn dọc kênh Thạch Nham đến đê sông Nhuệ)	DGT	1,32		1,32	Huyện Thanh Oai	2021-2022
967	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429A đoạn từ ngã tư Vác đến nhà lưu niệm Bác Hồ, huyện Thanh Oai	DGT	6,00		6,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
968	Đường 21B đi khu giết mổ	DGT	1,50	1,00	0,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
969	Mở rộng tuyến Cao Viên - Bích Hòa	DGT	1,30	0,70	0,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
970	Đường Cao Viên - Bình Minh	DGT	1,10		1,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
971	Mở rộng, cải tạo đường giáp ranh hai xã Viên An - xã Xuân Dương (đoạn từ TL 429 đến đường mương La Khê)	DGT	0,78		0,78	Huyện Thanh Oai	2021-2022
972	Làm mới tuyến đường liên xã Xuân Dương - Cao Dương (dọc theo mặt tuyến mương La Khê)	DGT	2,20	0,90	1,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
973	Mở rộng tuyến đường xã Tân Ước từ thôn Phúc Thụy đầu nối với trục phát triển kinh tế phía nam đi huyện Thường Tín	DGT	2,80		2,80	Huyện Thanh Oai	2021-2022
974	Làm mới tuyến đường từ làng Hưng Giáo ra đường TL427	DGT	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
975	Làm mới đường từ cổng thôn Văn Khê đi ra Tỉnh lộ 427	DGT	0,73	0,73	-	Huyện Thanh Oai	2021-2022
976	Làm mới đường ngã tư Cầu Chuôm Phương Trung - Đỗ Động	DGT	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
977	Làm mới đường nối từ đê xuống khu Đồng Đám khu chuyển đổi	DGT	0,40		0,40	Huyện Thanh Oai	2021-2022
978	Làm mới đường nối từ khu dịch vụ X4 đi đường trục phát triển	DGT	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
979	Làm mới đường bờ kè ao công trong khu dân cư	DGT	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
980	Đường vào khu trụ sở công an và quân sự xã Hồng Dương	DGT	0,10		0,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
981	Làm mới đường nối từ Cầu Côn thôn Đồng xã Cao Viên đi nhà văn hóa thôn Mùi, xã Bích Hòa	DGT	1,00	0,50	0,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
982	Làm mới đường xóm 4 nối ra kênh La Khê	DGT	0,06		0,06	Huyện Thanh Oai	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
983	Làm mới đoạn đường từ xóm Thái Bình lên kênh La Khê	DGT	0,04		0,04	Huyện Thanh Oai	2021-2022
984	Đường làng nghề xã Dân Hoà	DGT	0,80		0,80	Huyện Thanh Oai	2021-2022
985	Đường vào ban chỉ huy quân sự xã Kim An	DGT	0,08		0,08	Huyện Thanh Oai	2021-2022
986	Làm mới và mở rộng các tuyến giao thông trong khu dân cư kết nối với đường Tỉnh lộ 429	DGT	2,20	1,00	1,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
987	Cầu Mụ	DGT	0,20		0,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
988	Các bãi đỗ xe tĩnh trên địa bàn các xã	DGT	19,14	0,07	19,07	Huyện Thanh Oai	2021-2022
989	Bến xe trung chuyển giáp tuyến QL 21B	DGT	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
990	Bến xe trung tâm TT.Kim Bài	DGT	1,00	0,20	0,80	Huyện Thanh Oai	2021-2022
991	Đường sắt cao tốc Bắc - Nam và nhà ga (đoạn qua huyện Thường Tín)	DGT	52,97	-	52,97	Huyện Thường Tín	2022-2025
992	Dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến số 1, giai đoạn 1 trên địa bàn huyện Thường Tín	DGT	1,30		1,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
993	Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà Nội - Vinh, tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn Thành phố Hà Nội	DGT	7,55	5,68	1,87	Huyện Thường Tín	2022-2025
994	Ga Phú Xuyên	DGT	10,00		10,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
995	Mở rộng quốc lộ 1A	DGT	86,63	60,55	26,08	Huyện Thường Tín	2022-2025
996	Mở rộng đường Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	173,00	173,00		Huyện Thường Tín	2022-2025
997	Đường tỉnh 427 đoạn qua huyện Thường Tín (trong đó có cầu vượt Dương Trục Nguyên)	DGT	33,69	25,75	7,94	Huyện Thường Tín	2022-2025
998	Đường tỉnh 429	DGT	8,91	4,86	4,05	Huyện Thường Tín	2022-2025
999	Đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên	DGT	97,47	-	97,47	Huyện Thường Tín	2022-2025
1000	Đường Đỗ Xá - Quan Sơn	DGT	12,55	3,12	9,43	Huyện Thường Tín	2022-2025
1001	Đường trục Đông Tây huyện Thường Tín	DGT	45,00		45,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1002	Cảng Nội địa quốc tế Logistic Hồng Vân và Cảng phụ Vạn Điểm	DGT	40,50		40,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1003	Bến xe Thường Tín	DGT	10,00		10,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1004	Đường trục khu đô thị vệ tinh Phú Xuyên	DGT	22,75		22,75	Huyện Thường Tín	2022-2025
1005	Đường trục phân khu đô thị S5	DGT	4,00		4,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1006	Đường kết nối khu vực phía Nam phân khu đô thị GS(A)	DGT	15,90		15,90	Huyện Thường Tín	2022-2025
1007	Cải tạo, mở rộng, mở mới các tuyến đường trên địa bàn TT Thường Tín	DGT	18,16	-	18,16	Huyện Thường Tín	2022-2025
1008	Xây dựng, mở rộng đường vành đai thị trấn	DGT	1,10		1,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
1009	Xây dựng Đường Nguyễn Vĩnh Tích	DGT	0,68		0,68	Huyện Thường Tín	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1010	Đường Lê Công Hành	DGT	0,55		0,55	Huyện Thường Tín	2022-2025
1011	Đường Từ Giấy	DGT	0,26		0,26	Huyện Thường Tín	2022-2025
1012	Đường Nguyễn Thị Tuyết	DGT	0,52		0,52	Huyện Thường Tín	2022-2025
1013	Đường Nguyễn Trãi	DGT	8,50		8,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1014	Đường bao phía Nam thị trấn Thường Tín	DGT	0,35		0,35	Huyện Thường Tín	2022-2025
1015	Đường Danh Hương	DGT	2,60		2,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
1016	Đường Lê Tông Quang, huyện Thường Tín	DGT	0,60		0,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
1017	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Nhị Khê - Khánh Hà	DGT	1,76	1,22	0,54	Huyện Thường Tín	2022-2025
1018	Dự án xây dựng Cầu Chiềc và đường dẫn	DGT	2,48		2,48	Huyện Thường Tín	2022-2025
1019	Xây dựng tuyến đường nối khu công nghiệp Bắc Thường Tín với tỉnh lộ 427	DGT	7,20		7,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
1020	Đường Nguyễn Vĩnh Tích kéo dài nối sang xã Văn Phú	DGT	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
1021	Tuyến đường liên xã Hồng Vân - Tự Nhiên - Chương Dương	DGT	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
1022	Đường trục xã Thư Phú (đoạn từ TL.427 đi Thư Dương - Phú Mỹ)	DGT	1,07	0,77	0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
1023	Đường liên xã Nguyễn Trãi - Tân Minh	DGT	1,73		1,73	Huyện Thường Tín	2022-2025
1024	Đường trục xã Quất Động	DGT	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
1025	Dự án ĐTXD công trình cầu Là	DGT	0,05		0,05	Huyện Thường Tín	2022-2025
1026	Đường liên xã Thống Nhất - Lê Lợi	DGT	0,34	0,24	0,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
1027	Đường trục phía Đông xã Thắng Lợi (GD2)	DGT	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1028	Đường giao thông liên xã Một Thượng - Dũng Tiến - Nghiêm Xuyên	DGT	5,13	3,66	1,47	Huyện Thường Tín	2022-2025
1029	Đường liên xã Lê Lợi - Tô Hiệu	DGT	0,79	0,56	0,23	Huyện Thường Tín	2022-2025
1030	Đường gom phía Đông đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	43,89		43,89	Huyện Thường Tín	2022-2025
1031	Đường Đỗ Đăng (đoạn từ Cổng chui đường cao tốc đến thôn Đặng xá)	DGT	1,80		1,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
1032	Đường Đỗ Vạn (đoạn từ đường gom dân sinh đến đất nông nghiệp thôn Vạn Điểm)	DGT	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
1033	Dự án xây dựng Cầu Chiềc	DGT	2,48		2,48	Huyện Thường Tín	2021
1034	Đường liên xã Lê Lợi - Tô Hiệu	DGT	0,79		0,23	Huyện Thường Tín	2021
1035	Đường liên xã Thống Nhất - Lê Lợi	DGT	0,34		0,10	Huyện Thường Tín	2021
1036	Đường giao thông liên xã Một Thượng - Dũng Tiến - Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	DGT	5,13		1,47	Huyện Thường Tín	2021
1037	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Nhị Khê - Khánh Hà (Đoạn Cầu Vân - Cầu Đen)	DGT	1,76		0,50	Huyện Thường Tín	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1038	Đường trục xã Quất Động (đoạn từ thôn Đô Quan đi thôn Nguyên Bì)	DGT	0,32		0,32	Huyện Thường Tín	2021
1039	Mở rộng QL1A đoạn từ Km 189 đến Km 194 (GD1)	DGT	16,79		2,73	Huyện Thường Tín	2021
1040	Dự án cải tạo chính trang đường Tỉnh lộ 427, đoạn từ QL21B đến nút giao Khê Hối (Đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín	DGT	3,70		3,70	Huyện Thường Tín	2021
1041	Đường Nguyễn Du kéo dài (đoạn từ đường Nguyễn Toàn đến đường Nguyễn Phi Khanh)	DGT	0,46		0,46	Huyện Thường Tín	2021
1042	Đường GT nội đồng thôn Thụy Ứng	DGT	0,21		0,21	Huyện Thường Tín	2021
1043	Đường GT nội đồng thôn Quân Hiền	DGT	0,15		0,15	Huyện Thường Tín	2021
1044	Đường GT liên thôn Dường Hiền - Phụng Công	DGT	0,80		0,80	Huyện Thường Tín	2021
1045	Đường Danh Hương (GD2) đoạn từ đường 427 đến đường Dương Chính.	DGT	1,30		1,30	Huyện Thường Tín	2021
1046	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Từ Giấy đến đường tỉnh lộ 427), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	DGT	1,98		0,79	Huyện Thường Tín	2021
1047	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Từ Giấy đến đường Nguyễn Toàn), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	DGT	1,70		1,07	Huyện Thường Tín	2021
1048	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Nguyễn Toàn đến đường Nguyễn Phi Khanh), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	DGT	1,52		0,97	Huyện Thường Tín	2021
1049	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Trung Thành đến đường Dương Chính	DGT	3,30		3,30	Huyện Thường Tín	2021
1050	Xây dựng tuyến đường Danh Hương (GD 3), huyện Thường Tín, TP. Hà Nội.	DGT	1,00		1,00	Huyện Thường Tín	2021
1051	Đường Đỗ Vạn (đoạn từ đường gom dân sinh đến đất nông nghiệp thôn Vạn Diêm), huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGT	0,35		0,35	Huyện Thường Tín	2021
1052	Đường Đỗ Đặng (đoạn từ cổng chui đường cao tốc đến thôn Đặng Xá), huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGT	1,80		1,80	Huyện Thường Tín	2021
1053	Dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến số 1, giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Thường Tín	DGT	1,30		1,30	Huyện Thường Tín	2021
1054	Đường liên xã Thăng Lợi - Tô Hiệu (từ cụm công nghiệp đi đường 429), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	3,00	1,50	3,00	Huyện Thường Tín	2021
1055	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường tỉnh lộ 427 đến đường ngang trạm điện 500kV) huyện Thường Tín	DGT	5,20		2,83	Huyện Thường Tín	2022
1056	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nguyễn Trãi - Dũng Tiến (Đoạn từ Chùa Đậu đến chợ Ba Láng)	DGT	9,60		9,60	Huyện Thường Tín	2022
1057	Nâng cấp, cải tạo đường trục xã Liên Phương (Đoạn từ thôn Bạch Liên, đi đường gom Cao tốc - Pháp Vân), huyện Thường Tín	DGT	0,38		0,38	Huyện Thường Tín	2022
1058	Đường trục xã Văn Bình (đoạn từ vành đai 4 đến trung tâm văn hóa xã), huyện Thường Tín	DGT	0,80		0,80	Huyện Thường Tín	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1059	Đường trục liên xã Nghiêm Xuyên - Dũng Tiến (đoạn từ UBND xã Nghiêm Xuyên đi sân bóng Nghiêm Xá), huyện Thường Tín	DGT	1,60		1,60	Huyện Thường Tín	2022
1060	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL1A đến kênh Tây trên địa bàn xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín	DGT	0,70		0,70	Huyện Thường Tín	2022
1061	Cải tạo nâng cấp mở rộng QL 1A đoạn từ Km 189 đến Km 191 +700 và Km 193+300 đến Km 194 (1/2 mặt cắt còn lại từ 15-23m)	DGT	7,2	1,20	7,2	Huyện Thường Tín	2022
1062	Đầu tư xây dựng QL 1A đoạn từ Km 194 đến Km 206+985,5	DGT	38,94	1,50	38,94	Huyện Thường Tín	2022
1063	Nâng cấp tuyến đường tỉnh 427 theo quy hoạch trên địa bàn huyện (đoạn từ Cầu Chiềc Km8+500 đến Cầu vượt Dương Trục Nguyên Km11+566)-Ngã ba ga-Cầu dừa	DGT	4,00	1,00	4,00	Huyện Thường Tín	2022
1064	Cầu vượt nút giao đường tỉnh lộ 427 với đường sắt Bắc - Nam và Quốc lộ 1A (Cầu Dương Trục Nguyên), huyện Thường Tín	DGT	1,00		1,00	Huyện Thường Tín	2022
1065	Đường Quốc lộ 1A đoạn K191+700 đến Km193+300 qua địa bàn Thị trấn Thường Tín	DGT	2,10		2,10	Huyện Thường Tín	2022
1066	Đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên đoạn qua địa phận huyện Thường Tín	DGT	43,20	36,00	43,20	Huyện Thường Tín	2022
1067	Cải tạo, chỉnh trang đường trước khu vực cụm công nghiệp Ninh Sở	DGT	0,13		0,13	Huyện Thường Tín	2022
1068	Đường giao thông nội bộ điểm dân cư xã Tô Hiệu (đoạn đi qua phòng khám đa khoa Tô Hiệu), huyện Thường Tín	DGT	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2022
1069	Đường trục kết nối từ QL1A qua KCN HABECO đến đường gom cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	3,50		3,50	Huyện Thường Tín	2022
1070	Đường trục liên xã Nghiêm Xuyên - Dũng Tiến (đoạn từ UBND xã Nghiêm Xuyên đi sân bóng Nghiêm Xá), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	2,50		2,50	Huyện Thường Tín	2022
1071	Đường trục xã Khánh Hà (hướng tuyến mới), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	2,50		2,50	Huyện Thường Tín	2022
1072	Cầu vượt nút giao đường tỉnh lộ 427 với đường sắt Bắc Nam và quốc lộ 1A (cầu vượt Dương Trục Nguyên)	DGT	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2022
1073	Đường từ cổng trường cấp 2 xã Chương Dương đến đường liên xã Chương Dương-Lê Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	0,18		0,18	Huyện Thường Tín	2022
1074	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường phía Nam CCN Ninh Sở kết nối với đường liên xã Vân Tảo - Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	1,10		1,10	Huyện Thường Tín	2022
1075	Đường trục xã Thắng Lợi (đoạn QL1A đi đường liên xã Thắng Lợi - Lê Lợi) huyện Thường Tín, TP Hà Nội	DGT	3,00		3,00	Huyện Thường Tín	2022
1076	Đường liên xã đoạn từ đường xã Dũng Tiến huyện Thường Tín đến xã Liên Châu huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội	DGT	2,50		2,50	Huyện Thường Tín	2022
1077	Đường liên xã Tân Minh - Tiên Phong, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGT	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1078	Đường trục tỉnh lộ 427 đến đường Đình Tổ đi Chùa Đậu, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	DGT	2,60		2,60	Huyện Thường Tín	2022
1079	Đường giao thông nội bộ điểm dân cư xã Tô Hiệu (đoạn đi qua phòng khám đa khoa Tô Hiệu), huyện Thường Tín	DGT	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
1080	Đường trục kết nối từ QL1A qua KCN HABECO đến đường gom cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	3,50		3,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1081	Đường trục xã Khánh Hà (hướng tuyến mới), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	2,50		2,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1082	Cầu vượt nút giao đường tỉnh lộ 427 với đường sắt Bắc Nam và quốc lộ 1A (cầu vượt Dương Trục Nguyên)	DGT	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
1083	Đường từ cổng trường cấp 2 xã Chương Dương đến đường liên xã Chương Dương-Lê Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	0,18		0,18	Huyện Thường Tín	2022-2025
1084	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường phía Nam CCN Ninh Sở kết nối với đường liên xã Vân Tảo - Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	1,10		1,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
1085	Đường trục xã Thắng Lợi (đoạn QL1A đi đường liên xã Thắng Lợi - Lê Lợi) huyện Thường Tín, TP Hà Nội	DGT	3,00		3,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1086	Đường liên xã đoạn từ đường xã Dũng Tiến huyện Thường Tín đến xã Liên Châu huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội	DGT	2,50		2,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1087	Đường liên xã Tân Minh - Tiền Phong, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGT	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1088	Đường trục tỉnh lộ 427 đến đường Đình Tổ đi Chùa Đậu, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	DGT	2,60		2,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
1089	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dải cây xanh cách ly giữa khu đô thị số 1 (Khu L27), khu đô thị số 7	DGT	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2021
1090	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ trạm bơm Ngõ Xá đến kênh Tân Phương, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	0,65		0,65	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1091	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km6+585 - Km14+885(tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ cầu Quảng Tái xã Trung Tú đến Cổng Thần xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	DGT	3,37		3,37	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1092	Đường giao thông liên xã từ QL 21B (Liên Bạt) đi cầu Ngõ Xá lên đê tả Đáy thôn Ngõ Xá, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Gia đoạn 2)	DGT	1,50		1,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1093	Nâng cấp mở rộng đường trục kinh tế phát triển phía Nam huyện Ứng Hòa (Cần Thơ - Xuân Quang), GD1	DGT	15,20		15,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1094	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ trạm bơm Xuân Quang xã Đội Bình đi xã Đại Hùng, Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	1,60	0,50	1,60	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1095	Nâng cấp cải tạo TL 429C đoạn từ cầu Bàu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	8,40		8,40	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1096	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km0 - Km6+585(tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ Quốc lộ 21B thị trấn Vân Đình đến cầu Quảng Tái xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa	DGT	3,37		3,37	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1097	Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển phía nam Thủ đô Hà Nội	DGT	4,50	2,00	4,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1098	Đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 21B đi qua các xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú đi tỉnh lộ 426, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	5,10	3,00	5,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1099	Đường từ trục kinh tế phía nam Thành phố Hà Nội đi Quốc lộ 38 tỉnh Hà Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	2,00	1,30	2,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1100	Nâng cấp, mở rộng đường Cần Thơ - Xuân Quang đi Đông Lỗ (giai đoạn 3), huyện Ứng Hòa	DGT	2,00	0,60	0,60	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1101	Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Ba Sao Bái Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	1,25	0,75	1,25	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1102	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Hòa Lâm - Trung Tú (từ đường Cần Thơ - Xuân Quang đi huyện Phú Xuyên)	DGT	2,31	1,16	2,31	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1103	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	7,20	3,40	7,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1104	Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cường đi Trục kinh tế phía Nam Huyện Ứng Hòa	DGT	2,20	2,20	2,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1105	Đường trục xã từ I2-14 đến UBND xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	1,70		1,70	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1106	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Vân Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa	DGT	13,49	1,35	13,49	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1107	Đường nối từ TL429A đến TL429B huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	6,60	6,60	6,60	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1108	Đường trục nội đồng Bình Thịnh - Thu Hóa đi ra Tỉnh lộ 428, thôn Ngọc Động, xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	1,49	0,89	1,49	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1109	Đường giao thông liên xã Kim Đường - Trầm Lộng (từ đường Minh Đức - Ngãm thôn Cung Thuê đi Kiện Vũ, Trầm Lộng), huyện Ứng Hoà, TP.Hà Nội	DGT	0,60	0,60	0,60	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1110	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Đội Bình đi Đại Hùng (từ Xuân Quang đi Du Đồng), huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	DGT	1,32	1,32	1,32	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1111	Đường trục chính nội đồng thôn Đông Dương, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa (từ cổng làng Đông Dương đi trạm bơm Phúc Quan, Hòa Lâm), huyện Ứng Hoà, TP.Hà Nội	DGT	0,46	0,46	0,46	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1112	Đường GTLX thị trấn Vân Đình đi Liên Bát đi Tỉnh lộ 429A Quảng Phú Cầu huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	1,20	1,20	1,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1113	Đường Đỗ Xá - Quan Sơn (từ quốc lộ 21B đến Đường trục kinh tế phía Nam) thuộc địa bàn huyện Ứng Hòa	DGT	8,58	4,29	8,58	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1114	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 429A từ Ba Thá xã Viên An huyện Ứng Hòa đi huyện Thanh Oai	DGT	3,63	0,50	3,63	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1115	Đường tránh quốc lộ 21B huyện Ứng Hòa	DGT	17,88	8,20	17,88	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1116	Xây dựng đường tỉnh lộ 429B kéo dài về phía Tây (đoạn từ quốc lộ 21B đến đê tả Đáy) huyện Ứng Hòa	DGT	12,24	8,00	12,24	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1117	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam) huyện Ứng Hòa	DGT	3,34	3,34	3,34	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1118	Đường I2-14B liên xã Minh Đức - Trầm Lộng (điểm đầu từ đường 426 đến điểm cuối Minh Đức - Ngãm, huyện Ứng Hòa	DGT	1,10	0,33	1,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1119	Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh I2-VĐ9 từ cầu bệnh viện Vân Đình đến cầu Xuân Quang, huyện Ứng Hòa	DGT	2,20	1,65	2,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1120	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Tảo Dương Văn, Phương Tú, Trung Tú từ đường Cản Thờ - Xuân Quang ra tỉnh lộ 428, huyện Ứng Hòa	DGT	2,40	1,08	2,40	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1121	Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích chùa Hương, huyện Ứng Hòa	DGT	3,50		3,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1122	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quán Xá đến Thái Bằng huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	8,00		8,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1123	Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây (cũ) đoạn từ Km19+900-Km41+500 qua địa bàn huyện Ứng Hòa	DGT	73,40		73,40	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1124	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Vạn Thái - Hòa Nam, huyện Ứng Hòa	DGT				Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1125	Đường giao thông liên xã từ Minh Đức đi Kim Đường, Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Điểm đầu TL 428 tại thôn Thần, xã Minh Đức, Điểm cuối thôn Nhân Trai, xã Đông Lỗ)	DGT				Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1126	Dự án Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ km0 đến km6+585(tỉnh lộ 75 cũ), đoạn từ Quốc lộ 21B thị trấn Vân Đình đến Cầu Quảng Tái, xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa (giai đoạn 1)	DGT	15,58	14,36	1,22	Huyện Ứng Hòa	2022
1127	Dự án Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ km6+585 đến km14+780(tỉnh lộ 75 cũ), đoạn từ Cầu Quảng Tái, xã Trung Tú đến cầu Cống Thần xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa (giai đoạn 2)	DGT	12,24	11,39	#####	Huyện Ứng Hòa	2022
1128	Dự án Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 429C đoạn từ cầu Bàu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa.	DGT	14,19	13,82	#####	Huyện Ứng Hòa	2022
1129	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường trục phát triển kinh tế phía Nam huyện Ứng Hòa (Cản Thờ – Xuân Quang).	DGT	23,60	22,79	#####	Huyện Ứng Hòa	2022
1130	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ trạm bơm Ngõ Xá đến kênh Tân Phương	DGT	1,50	1,45	#####	Huyện Ứng Hòa	2022
1131	Dự án: Đường giao thông liên xã từ QL21B đi cầu Ngõ Xá lên đê Tả Đáy thôn Ngõ Xá (giai đoạn 2)	DGT	1,11	1,10	0,01	Huyện Ứng Hòa	2022
1132	Dự án Nạo vét, cứng hóa bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hòa	DGT	3,90	3,36	#####	Huyện Ứng Hòa	2022
1133	Dự án Đường điện 500/220KV Nho quan-Phủ Lý- Thường Tín (giai đoạn 1 + 2)	DGT	1,00	0,92	#####	Huyện Ứng Hòa	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1134	Dự án Xây dựng trạm mới 110KV Mỹ Đức và nhánh rẽ	DGT	0,14	0,11	0,03	Huyện Ứng Hòa	2022
1135	Dự án Nâng cấp, mở rộng QL 21B đoạn từ thị trấn Vân Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa	DGT	20,91	-	20,91	Huyện Ứng Hòa	2022
1136	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Cần Thơ - Xuân Quang đi Đông Lỗ (Giai đoạn 3), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	5,63	0,50	5,13	Huyện Ứng Hòa	2022
1137	Dự án đường trục kinh tế phía Nam đi Quốc Lộ 38	DGT	2,54	-	2,54	Huyện Ứng Hòa	2022
1138	Dự án Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển phía Nam thủ đô	DGT	5,67	-	5,67	Huyện Ứng Hòa	2022
1139	Đường trục giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cường đi Trục kinh tế phía Nam, huyện Ứng Hòa	DGT	5,12	-	5,12	Huyện Ứng Hòa	2022
1140	Mở rộng Quốc Lộ 21B	DGT	76,65	32,85	43,80	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1141	Đường Cao tốc Tây Bắc- QL.5B	DGT	77,64	-	77,64	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1142	Đường kinh tế phía Nam	DGT	29,31	-	29,31	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1143	Đường Trục PTKT Bắc Nam	DGT	78,30	-	78,30	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1144	Đường trục PTKT Bắc Nam điều chỉnh	DGT	28,29	-	28,29	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1145	Đường Đỗ Xá -Quan Sơn	DGT	22,07	-	22,07	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1146	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng các tuyến đường tỉnh 429A, 429B, 429C, 428, 426, 425, 424 thuộc huyện Ứng Hòa	DGT	112,92	70,58	42,35	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1147	Nâng cấp mở rộng đường Cần Thơ - Xuân Quang đi Đông Lỗ	DGT	38,88	16,20	22,68	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1148	Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường Ba Sao-Bái Đình	DGT	7,50		7,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1149	Mở rộng, nâng cấp đường GT phía nam nối với trục kinh tế phía nam	DGT	0,80		0,80	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1150	Xây dựng các cầu: Ba Thá, Hòa Viên, Quảng Tái, Bàu, Mỹ Hòa trên địa bàn huyện Ứng Hòa (5 dự án).	DGT	1,82		1,82	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1151	Bến xe huyện Ứng Hòa	DGT	5,00		5,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1152	Xây dựng nhà Ga ngầm S9 thuộc tuyến đường sắt đô thị thí điểm Hà Nội	DGT	1,50		1,00	Quận Ba Đình	2021-2025
1153	Cải tạo. nâng cấp tuyến phố Thanh Báo (thu hồi diện tích nhỏ lẻ không đủ điều kiện mặt bằng xây dựng, hợp thửa. hợp khối)	DGT	0,01		0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
1154	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn Vạn Bảo đến nút Núi Trúc). GĐ 2	DGT	0,05		0,05	Quận Ba Đình	2021-2025
1155	Cổng hóa và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây	DGT	1,00		1,00	Quận Ba Đình	2021-2025
1156	Giải phóng mặt bằng, mở thông ngõ 12 phố Đào Tấn	DGT	0,05		0,05	Quận Ba Đình	2021-2025
1157	Tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội (hạng mục ga ngầm C5. C7. C8)	DGT	2,00		2,00	Quận Ba Đình	2021-2025
1158	Dự án Mở rộng đường Phan Kế Bính theo quy hoạch	DGT	1,36		1,36	Quận Ba Đình	2021-2025
1159	Hoàn thiện và khớp nối Hạ tầng kỹ thuật khu 7.2ha Vĩnh Phúc	DGT	0,58		0,58	Quận Ba Đình	2021-2025
1160	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Hoàng Hoa Thám cắt qua phố Đội Cấn đến phố Vạn Phúc	DGT	1,35		1,35	Quận Ba Đình	2021-2025
1161	Dự xây dựng đường vành đai 1 đoạn từ Hoàng Cầu - Voi Phục.	DGT	6,67		6,67	Quận Ba Đình	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1162	Xây dựng đường giao thông nội bộ và khớp nối HTKT tại điểm đất tổ dân phố số 12C và 14 phường Vĩnh Phúc	DGT	0,11		0,11	Quận Ba Đình	2021-2025
1163	Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội đoạn Nhôn-Ga Hà Nội-tuyến số 3 (đoạn Thủ Lệ quận Ba Đình từ ngã 3 Voi Phục - phố Nguyễn Văn Ngọc)	DGT	2,10		2,10	Quận Ba Đình	2021-2025
1164	Xây dựng Bãi đỗ xe tự động P(H1-3) tại đoạn công hóa nương Nguyên Hồng. phường Thành Công và phường Láng Hạ. quận Đống Đa. kết nối IPARKING của Thành phố	DGT	0,51			Quận Ba Đình	2021-2025
1165	Cải tạo, nâng cấp đường, hè và rãnh thoát nước đường Lý Thường Kiệt, tổ dân phố số 4, phường Phú La, quận Hà Đông	DGT	0,08		0,08	Quận Hà Đông	2021-2022-2023
1166	Các tuyến đường kết nối khu đất dịch vụ LK21, LK26, HT5 phường La Khê	DGT	1,37		1,37	Quận Hà Đông	2021-2022
1167	Dự án xây dựng đường kết nối khu đất dịch vụ thôn Nhân Trạch, thôn Bắc Lãm (Nam Ninh, khu Xê), phường Phú Lương, quận Hà Đông	DGT	2,46		2,46	Quận Hà Đông	2021-2022
1168	Dự án nút giao thông giữa tuyến đường số 1 thuộc dự án xây dựng đường giao thông bao quanh khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An với tuyến đường 70	DGT				Quận Hà Đông	2021
1169	Đường đầu nối từ khu đất dịch vụ 4 Văn Phú đến phố Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội	DGT	0,25		0,25	Quận Hà Đông	2021-2022
1170	Đầu nối đường tổ 5 ra đường Phùng Hưng	DGT	0,06		0,06	Quận Hà Đông	2021-2022
1171	Đầu nối giao thông giáp ranh khu dân cư Ngô Thị Nhậm, quận Hà Đông.	DGT	0,09		0,09	Quận Hà Đông	2022
1172	Khu đô thị mới Dương Nội (Phần thu hồi bổ sung)	DGT	0,38		0,38	Quận Hà Đông	2022
1173	Đường kết nối khu đất dịch vụ 3 với khu đất dịch vụ 4 phường Đồng Mai	DGT	1,55		1,55	Quận Hà Đông	2021-2022
1174	Đầu tư xây dựng công trình đường Ngô Quyền giai đoạn I (đoạn từ cầu Am đến chùa Ngòi) (Đã thu hồi đất xong, bổ sung đề cương chế thực hiện dự án)	DGT	0,70		0,70	Quận Hà Đông	2022-2023
1175	Khu đô thị mới Văn Phú (04 hộ dân chưa GPMB xung quanh đường đầu nối)	DGT	0,05		0,05	Quận Hà Đông	2021-2022
1176	Xây dựng đường nối từ đường 18.5m vào khu đất dịch vụ Đào Đất - Hàng Bè	DGT	0,30	0,10	0,20	Quận Hà Đông	2021-2022
1177	Đường kết nối khu trung tâm hành chính với ngã tư Hà Trì - Văn Phú, Phúc La	DGT	2,01	1,95	0,06	Quận Hà Đông	2021-2023
1178	Xây dựng tuyến đường tiếp giáp khu đất dịch vụ Đào đất- Hàng Bè nối với đường 18,5m phường Kiến Hưng, quận Hà Đông	DGT	0,48		0,48	Quận Hà Đông	2021-2022
1179	Đầu tư xây dựng kết cấu HTKT khu Trung tâm hành chính mới quận Hà Đông (Đường N1, đường K8, phần thu hồi bổ sung)	DGT	0,25		0,25	Quận Hà Đông	2021-2022
1180	Hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ LK27, C13a, C13b, LK28, HT10, TTCN phường Dương Nội, quận Hà Đông (phần thu hồi bổ sung)	DGT	0,30		0,30	Quận Hà Đông	2021-2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1181	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh dự án xây dựng Bệnh viện và Trung tâm thương mại tại phường Dương Nội (đã thu hồi xong 5,25 ha, trình xin QĐ giao 5,56 ha)	DGT	5,56	5,25	0,31	Quận Hà Đông	2021-2022-2023
1182	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Ý La	DGT	0,10		0,10	Quận Hà Đông	2021
1183	Mở rộng đường vào Nhà văn hóa Rạng Đông □	DGT	0,02		0,02	Quận Hà Đông	2021
1184	Đường từ QL21B đi đình Động Lâm Phường Phú Lương (Dự án thuộc 35 dự án tồn tại năm 2008 - dân sinh bức xúc).	DGT	1,30		1,30	Quận Hà Đông	2021
1185	Hoàn thiện khớp nối hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Dương Nội và các dự án lân cận, quận Hà Đông, Hà Nội (Tổng dự án có diện tích là 5,86 ha)	DGT				Quận Hà Đông	2021
1186	Đường vành đai 3.5	DGT	15,16		15,16	Quận Hà Đông	2021-2030
1187	Xây dựng cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2	DGT	42,00		42,00	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1188	Dự án cải tạo, chỉnh trang tuyến đường nối giữa ngõ 55 phố Lê Đại Hành và phố Nguyễn Đình Chiểu	DGT	0,04		0,04	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
1189	Xây dựng đường nối ngõ 61 Lạc Trung và ngõ 423 Minh Khai	DGT	0,07		0,07	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1190	Khớp nối ngõ 61 Lạc Trung - Mạc Thị Bưởi	DGT	0,32		0,32	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1191	Kết nối đường qua công ty xe bus với dự án 423 Minh Khai.	DGT	0,57		0,57	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1192	Đất giao thông tại điểm đất ngõ 349 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy (Đường vào nghĩa trang Hợp Thiện)	DGT	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1193	Tuyến đường nối Phố Ngõ Thị Nhậm - Trần Khát Chân	DGT	0,43		0,43	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1194	Xây dựng Hè Đường	DGT	0,05		0,05	Quận Hai Bà Trưng	2022
1195	Mở rộng ngõ 191 - Minh Khai (giải tỏa nút cổ chai)	DGT	0,03		0,03	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1196	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần thương mại Xi Măng	DGT	0,49		0,49	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
1197	Dự án tại điểm đất Công ty Dệt Minh Khai	DGT	0,31		0,31	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
1198	Dự án tại điểm đất Công ty cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	DGT	0,19		0,19	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
1199	Dự án tại điểm đất Công ty cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	DGT	0,39		0,39	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
1200	Dự án tại khu đất công ty Thực phẩm Miền Bắc (sát nhập với công ty thực phẩm và dịch vụ tổng hợp)	DGT	0,10		0,10	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
1201	Dự án tại các khu đất sản xuất kinh doanh ngõ 325 Kim Ngưu	DGT	0,37		0,37	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
1202	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật phố Chương Dương Độ	DGT	0,46		0,46	Quận Hoàn Kiếm	2021
1203	Xây dựng ga C10, tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo (Tuyến số 2)	DGT	0,03		0,03	Quận Hoàn Kiếm	2021
1204	Xây dựng ga S12 (Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhòn - Ga Hà Nội) - Tuyến số 3	DGT	0,60		0,60	Quận Hoàn Kiếm	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1205	Dự án xây dựng tuyến đường nối từ phố Chương Dương Độ đến phố Cầu Đất (giai đoạn 1)	DGT	0,15		0,15	Quận Hoàn Kiếm	2021
1206	Xây dựng hầm đường bộ có kết hợp cho người đi bộ nối từ phố Trần Nguyên Hãn sang phố Chương Dương Độ, quận Hoàn Kiếm	DGT	0,03		0,03	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
1207	Dự án chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật phố Chương Dương Độ, quận Hoàn Kiếm (đoạn từ nút giao phố Bạch Đằng đến bờ ven sông Hồng)	DGT	0,36		0,36	Quận Hoàn Kiếm	2022
1208	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật phố Chương Dương Độ, quận Hoàn Kiếm (đoạn từ nút giao phố Bạch Đằng đến bờ ven sông Hồng).	DGT	0,32	0,32		Quận Hoàn Kiếm	2021
1209	GPMB, cải tạo hạ tầng kỹ thuật khu vực xung quanh Đền Bà Kiệu, quận Hoàn Kiếm)	DGT	0,02			Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
1210	Xây dựng công trình bãi đỗ xe ngầm tại vườn hoa Đường Thành - Phùng Hưng	DGT	0,25		0,25	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
1211	Xây dựng bãi đỗ xe ngầm tại vườn hoa Cửa Nam	DGT	0,05		0,05	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
1212	Xây dựng cầu Vĩnh Tuy - Giai đoạn 2	DGT	42,00			Quận Long Biên	2022
1213	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ phố cầu Báy đến kho 205 (Tổng cục Hậu Cần), phường Sài Đồng.	DGT	0,40			Quận Long Biên	2022
1214	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ đường 21m đến hành lang chân đê Đuống - Phù Đồng (ngõ 279 Phúc Lợi), phường Phúc Lợi.	DGT	0,40			Quận Long Biên	2022
1215	Xây dựng tuyến đường từ khu TĐC đến trường THCS Cự Khối	DGT	0,40			Quận Long Biên	2022
1216	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 13,5m từ đường Nguyễn Văn Linh đến ngã ba sông Cầu Báy	DGT	1,00			Quận Long Biên	2022
1217	Xây dựng: Tuyến đường từ đê sông Hồng đến đường gom cầu Thanh Trì (Đường 25m Vinaconex)	DGT	3,00			Quận Long Biên	2022
1218	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tuyến đường từ ngõ 94 Thượng Thanh đến ngõ 99 Đức Giang	DGT	1,25			Quận Long Biên	2022
1219	Chỉnh trang HTKT ô đất tại ô quy hoạch E.5/P1 phụ cận tuyến đường Cổ Linh, tuyến đường quy hoạch 17,5m.	DGT	1,68			Quận Long Biên	2022
1220	Xây dựng tuyến đường 40m nối từ đường Nguyễn Văn Cừ đến hết khu tái định cư phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	DGT	6,06			Quận Long Biên	2022
1221	Cải tạo, xây dựng HTKT khu Đẩu và vườn Hồ phường Cự Khối	DGT	0,08			Quận Long Biên	2022
1222	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch 13,5m qua nhà văn hóa tổ 5, 6 phường Long Biên, quận Long Biên.	DGT	0,08			Quận Long Biên	2022
1223	Xây dựng tuyến đường nối từ QL1B vào khu đô thị mới Việt Hưng (bao gồm cả HTKT hai bên đường)- Phân bổ sung	DGT	0,30			Quận Long Biên	2022
1224	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ đường 25m đến ngõ Hòa Bình phường Cự Khối, quận Long Biên	DGT	0,25			Quận Long Biên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1225	Cải tạo, nâng cấp ngõ 66 Thanh Am, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	0,50			Quận Long Biên	2022
1226	Xây dựng tuyến đường 17,5m theo quy hoạch từ đường Lý Sơn đến phố Đức Giang (giáp chợ Đức Hòa), phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	1,50			Quận Long Biên	2022
1227	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch đoạn từ ngõ Hòa Bình đến phố Xuân Đỗ, phường Cự Khối, quận Long Biên	DGT	0,17			Quận Long Biên	2022
1228	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 13,5m dọc mương từ đường 40m đến đường hành lang chân đê, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	2,20			Quận Long Biên	2022
1229	Xây dựng đường hành lang chân đê, chỉnh trang mái đê tuyến đê hữu Đuống, đoạn từ đình Hội Xá đến cầu Phù Đồng phường Phúc Lợi, quận Long Biên.	DGT	3,50			Quận Long Biên	2022
1230	Xây dựng đường hành lang chân đê, chỉnh trang mái đê tuyến đê hữu Đuống, đoạn từ cầu Đuống đến đình Hội Xá phường Đức Giang và Giang Biên, quận Long Biên.	DGT	4,20			Quận Long Biên	2022
1231	Cải tạo hệ thống giao thông, thoát nước dọc tuyến mương Gia Quát, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	DGT	0,45			Quận Long Biên	2022
1232	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ ngõ Hạnh Phúc đến đường gom cầu Thanh Trì, phường Cự Khối, quận Long Biên	DGT	0,60			Quận Long Biên	2022
1233	Xây dựng tuyến đường 15,5m theo quy hoạch từ đường 21m đến hành lang chân đê Đuống - Phù Đồng (giáp UBND phường Phúc Lợi), phường Phúc Lợi, quận Long Biên.	DGT	0,70			Quận Long Biên	2022
1234	Xây dựng tuyến đường từ ô quy hoạch G.7/CC5 đến đường 25m phường Cự Khối, quận Long Biên (GD2)	DGT	0,25			Quận Long Biên	2022
1235	Xây dựng tuyến đường 40m&48m nối từ khu đô thị Việt Hưng ra đường Ngô Gia Tự, quận Long Biên	DGT	3,50			Quận Long Biên	2022
1236	Đầu tư, cải tạo nâng cấp các tuyến đường xung quanh chợ Gia Lâm	DGT	0,50			Quận Long Biên	2022
1237	Mở rộng tuyến đường ngõ 94 phố Thượng Thanh (đoạn từ trường Lý Thường Kiệt đến cuối nhà văn hóa tổ 8,9,15 phường Thượng Thanh	DGT	0,25			Quận Long Biên	2022
1238	Xây dựng tuyến đường 25m từ khu TTTM Gia Thụy đến đường 40m khu đô thị mới Việt Hưng	DGT	1,40			Quận Long Biên	2022
1239	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 13,5m dọc đường tàu từ đường Lý Sơn đến đường 40m quy hoạch, phường Thượng Thanh, Đức Giang	DGT	2,00			Quận Long Biên	2022
1240	Xây dựng tuyến đường gom từ cầu Thanh Trì đến cầu vượt Phú Thị. huyện Gia Lâm	DGT	12,37			Quận Long Biên	2022
1241	Xây dựng tuyến đường theo QH dọc mương Gia Thụy - Cầu Bấy từ khu đầu giá thạch bản đến hầm chui đường vành đai 3	DGT	1,80			Quận Long Biên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1242	Xây dựng 3 tuyến đường theo quy hoạch (01 tuyến đường 13.0m nối từ đường đề tá Hồng hữu Đuống đến đường 40m Ngọc Thụy. 01 tuyến từ ngõ 66 Ngọc Thụy đến đường 40m Ngọc Thụy và 01 tuyến 13.5m từ ngõ 140 Ngọc Thụy đến hết ô A.8/NT2)	DGT	1,80			Quận Long Biên	2022
1243	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ công ty may X20 đến khu công viên công nghệ thông tin. phường Phúc Đồng	DGT	1,00			Quận Long Biên	2022
1244	Đầu tư xây dựng 03 tuyến đường B=17.5m (L=1050m); B=22m (L=356m). B=40m (L=830m) từ Ngõ Gia tự đến khu đô thị Thượng Thanh. quận Long Biên	DGT	7,00			Quận Long Biên	2022
1245	Xây dựng tuyến đường 13.5m theo quy hoạch từ ngõ 640 Nguyễn Văn Cừ qua trường Mầm non Gia Thụy đến ngõ 720 Nguyễn Văn Cừ. phường Gia Thụy. quận Long Biên.	DGT	0,85			Quận Long Biên	2022
1246	Đầu tư điều chỉnh nút giao giữa dự án cầu Thanh Trì với Quốc lộ 5	DGT	0,20			Quận Long Biên	2022
1247	Xây dựng tuyến đường 13,0m theo quy hoạch dọc mương thoát nước (giáp khu công nghiệp Đái Từ), phường Phúc Lợi	DGT	1,70			Quận Long Biên	2022
1248	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ ngõ 99 Đức Giang đến bảo tàng vũ khí, phường Thượng Thanh	DGT	0,20			Quận Long Biên	2022
1249	Xây dựng tuyến đường 13,5m từ ao ngõ 53 Vũ Xuân Thiều đến ngõ 42 Sài Đồng, phường Sài Đồng	DGT	0,30			Quận Long Biên	2022
1250	Xây dựng 02 tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ đường Nguyễn Sơn đến đường 22m phường Bồ Đề	DGT	0,80			Quận Long Biên	2022
1251	Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật 02 tuyến đường 25m, 30m phụ cận ô đất B.2/CCKO theo quy hoạch, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	1,20			Quận Long Biên	2022
1252	Xây dựng tuyến đường 16,25m theo quy hoạch từ đường 21m đến hành lang chân đề Đuống - Phù Đồng, phường Phúc Lợi, quận Long Biên	DGT	0,90			Quận Long Biên	2022
1253	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ ngõ 564 Nguyễn Văn Cừ đến ngõ 640 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên.	DGT	0,15			Quận Long Biên	2022
1254	Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất G.4/P3 phường Thạch Bàn, quận Long Biên	DGT	0,72			Quận Long Biên	2022
1255	Xây dựng tuyến đường 22m, 17,5m theo QH từ đường QH 40m đến khu tái định cư Thượng Thanh, quận Long Biên.	DGT	0,80			Quận Long Biên	2022
1256	Xây dựng tuyến đường 22m theo quy hoạch từ ô B.2/LX1 đến phố Đức Giang, phường Đức Giang, Thượng Thanh, quận Long Biên.	DGT	2,00			Quận Long Biên	2022
1257	Nâng cấp, cải tạo tuyến phố Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên.	DGT	2,10			Quận Long Biên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1258	Xây dựng tuyến đường 17,5m theo quy hoạch từ phố Đức Giang đến đường QH 40m và 02 tuyến đường 17.0m từ đường 17,5m đến hành lang chân đê Nam Đuống, phường Thượng Thanh, quận Long Biên.	DGT	1,50			Quận Long Biên	2022
1259	Xây dựng tuyến đường 17,5m theo QH từ ô QH A4/NO2 đến Trường THCS Ngọc Thụy, quận Long Biên.	DGT	0,60			Quận Long Biên	2022
1260	Xây dựng tuyến đường 22m theo quy hoạch từ phố Hoàng Như Tiếp đến phố Lâm Hạ và tuyến đường 17,5m theo quy hoạch từ phố Hoàng Như Tiếp đến phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên.	DGT	2,00			Quận Long Biên	2022
1261	Hoàn chỉnh HTKT các ô đất A.4/CCKO1, A.4/P2 và tuyến đường 17,5m phụ cận tuyến đường 40m phường Ngọc Thụy, quận Long Biên.	DGT	1,40			Quận Long Biên	2022
1262	Mở rộng tuyến đường Vũ Xuân Thiều, phường Sài Đồng, Phúc Lợi, quận Long Biên;	DGT	2,50			Quận Long Biên	2022
1263	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Huỳnh Tấn Phát đến đường Thạch Bàn, quận Long Biên	DGT	1,10			Quận Long Biên	2022
1264	Xây dựng tuyến đường 17,5m theo quy hoạch từ ô quy hoạch A.2/HH1 đến ô quy hoạch A.2/HH2 và từ đường 40m đến ô quy hoạch A.2/CX1 phường Ngọc Thụy, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	1,70			Quận Long Biên	2022
1265	Xây dựng các tuyến đường 17,5m, 22m khớp nối với khu đô thị Thạch Bàn và khu đầu giá Thạch Bàn, phường Thạch Bàn	DGT	5,20			Quận Long Biên	2022
1266	Xây dựng các tuyến đường theo quy hoạch có mặt cắt: 20,5m tiếp giáp ô đất A.4/HH4, A.4/CCKO, A.5/LX7 và 17,5m giáp ô đất A.4/THPT, phường Thượng Thanh, Ngọc Thụy, quận Long Biên	DGT	1,80			Quận Long Biên	2022
1267	Xây dựng đường 5 kéo dài và các ô quy hoạch hai bên đường	DGT	0,60			Quận Long Biên	2022
1268	Dự án xây dựng tuyến đường từ đê Ngọc Thụy đến khu đô thị mới Thượng Thanh, quận Long Biên theo hình thức hợp đồng BT (dự án BT)	DGT	3,97			Quận Long Biên	2022
1269	Ô đất C.9/P3-2 phường Việt Hưng (đầu giá xây dựng bãi đỗ xe)	DGT	0,75			Quận Long Biên	2022
1270	Các ô đất DX04; DX-04A và DX-04B trong khu đô thị mới Việt Hưng (đầu giá xây dựng bãi đỗ xe).	DGT	4,50			Quận Long Biên	2022
1271	Ô đất DX04 dọc đường tàu (đầu giá xây dựng bãi đỗ xe).	DGT	0,25			Quận Long Biên	2022
1272	Chỉnh trang HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch A.4/LX1, A.4/P1 phường Ngọc Thụy	DGT	0,51			Quận Long Biên	2022
1273	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật các ô quy hoạch C.6/CC1, C.6/CC2, C.6/CC3, C.6/P1, C.6/P2 phường Giang Biên và D.2/LX1 phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	DGT	1,96			Quận Long Biên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1274	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ đường Nguyễn Văn Cừ đến giao với ngách 564/32 (ngõ 564 Nguyễn Văn Cừ), phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.	DGT	1,04			Quận Long Biên	2022
1275	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ đường Cổ Linh đến ô quy hoạch G.4/THPT và G.4/P2 phường Thạch Bàn, quận Long Biên	DGT	1,15			Quận Long Biên	2022
1276	Dự án nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (cầu đường sắt Đuống)	DGT	1,70			Quận Long Biên	2022
1277	Giải phóng mặt bằng, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô quy hoạch E.1/CC4, E.1/P2 phường Gia Thụy, quận Long Biên	DGT	0,70			Quận Long Biên	2022
1278	Cải tạo, xây dựng kè kết hợp tuyến đường giao thông hai bên bờ ngòi Tùng Khê, quận Nam Từ Liêm	DGT	10,20		10,20	Quận Nam Từ Liêm	2023
1279	Dự án xây dựng bãi đỗ xe tự động kết nối IPARKING của Thành phố tại ô đất có ký hiệu DX tiếp giáp lô đất 11-E6 đường Phạm Hùng	DGT	0,12	0,12	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
1280	Giải phóng mặt bằng để chỉnh trang đô thị và thực hiện đầu tư giai đoạn 1 dự án công viên cây xanh tại ô đất ký hiệu CXĐT thuộc ô K2-7 quy hoạch phân khu đô thị H2-2	DGT	3,00		3,00	Quận Nam Từ Liêm	2021
1281	Xây dựng tuyến đường Mễ Trì Hạ kéo dài đến đường Đỗ Đức Dục	DGT	0,45		0,45	Quận Nam Từ Liêm	2021
1282	Xây dựng tuyến đường từ đường Vũ Quỳnh kéo dài đến dự án C46	DGT	0,40		0,40	Quận Nam Từ Liêm	2022
1283	Xây dựng tuyến đường vào khu đấu giá ĐG1 phường Mỹ Đình 2	DGT	0,29	0,24	0,05	Quận Nam Từ Liêm	2021
1284	Xây dựng và đấu nối HTKT ô đất E2 khu đô thị mới Cầu Giấy (tuyến 1 và tuyến 3)	DGT	0,08		0,08	Quận Nam Từ Liêm	2021
1285	Xây dựng Đoạn đường từ Làng Giáo dục Quốc tế ra đường ven sông cầu Ngà (dự án tuyến đường từ Trạm bơm cầu Ngà qua đường 70 đến hết địa phận Nam Từ Liêm)	DGT	0,65		0,65	Quận Nam Từ Liêm	2023
1286	Xây dựng điểm vui chơi tổ dân phố số 3 trước cửa đình Thị Cẩm, phường Xuân Phương	DGT	0,20		0,20	Quận Nam Từ Liêm	2021
1287	Xây dựng tuyến đường từ chợ Canh (đường Phương Canh) đến khu đô thị Xuân Phương (Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương)	DGT	0,78		0,78	Quận Nam Từ Liêm	2023
1288	Cổng hóa thành murong kín Murong dọc cạnh đường Phương Canh (sát tường rào liên đoàn địa chất Xạ hiểm)	DGT	0,25		0,25	Quận Nam Từ Liêm	2023
1289	Xây dựng tuyến đường nối từ trường THCS Nam Từ Liêm đi Quốc Lộ 32 (đoạn hết địa phận quận Nam Từ Liêm)	DGT	4,28		4,28	Quận Nam Từ Liêm	2021
1290	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Lê Đức Thọ đến khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70)	DGT	18,10	17,10	1,00	Quận Nam Từ Liêm	2021
1291	Đầu tư, nâng cấp mở rộng đường 70 (đoạn từ Trịnh Văn Bô đến hết địa phận quận Nam Từ Liêm)	DGT	24,20		24,20	Quận Nam Từ Liêm	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1292	Xây dựng đường từ đường Tổ Hữu đến đường 70 kéo dài (đoạn từ làng Vạn Phúc, quận Hà Đông đến TDP Thấp, phường Đại Mỗ)	DGT	6,20		6,20	Quận Nam Từ Liêm	2021
1293	Xây dựng tuyến đường để khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố 13 tới đường K2 sang tổ dân phố 15, phường Cầu Diễn	DGT	0,79		0,79	Quận Nam Từ Liêm	2021
1294	Dự án xây dựng cầu qua Sông Nhuệ trên tuyến đường Dịch Vọng - Phú Mỹ - Cầu Diễn và đường nối ra Quốc lộ 32	DGT	3,19		3,19	Quận Nam Từ Liêm	2021
1295	Cải tạo, mở rộng đường Nguyễn Đồng Chi và đường từ khu Liên Cơ qua đường Nguyễn Đồng Chi đến Khu đô thị Thành phố Xanh, quận Nam Từ Liêm	DGT	0,95		-	Quận Nam Từ Liêm	2021
1296	Xây dựng tuyến đường từ trung tâm VHTT phường Đại Mỗ đến đường 70 kéo dài	DGT	0,65		-	Quận Nam Từ Liêm	2021
1297	Dự án xây dựng hạ tầng xã hội và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật thuộc khu chức năng đô thị Tây Nam đường 70, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm	DGT	2,70		-	Quận Nam Từ Liêm	2021
1298	Khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Dương Nội	DGT	1,80		-	Quận Nam Từ Liêm	2021
1299	Đầu tư, XD tuyến đường Lê Quang Đạo kéo dài (đoạn từ Đại Lộ Thăng Long, Q. Nam Từ Liêm đến vị trí ranh giới với KĐT Dương Nội Q. Hà Đông)	DGT	15,10		15,10	Quận Nam Từ Liêm	2022
1300	Xây dựng tuyến đường Xuân Diệu đến đường Âu cơ tiếp giáp ô 16/P1-15HT1 (theo quy hoạch)	DGT	0,25		0,25	Quận Tây Hồ	2021
1301	Xây dựng tuyến đường đoạn từ ngõ 409 An Dương Vương đến ngõ 343 An Dương Vương	DGT	0,90		0,90	Quận Tây Hồ	2021
1302	Xây dựng tuyến đường 17,5m Phú Thượng	DGT	5,25		5,25	Quận Tây Hồ	2021
1303	Cải tạo, sửa chữa mặt đường tuyến phố Vông Thị, phường Bưởi	DGT	0,40		0,40	Quận Tây Hồ	2021
1304	Mở rộng tuyến đường Tô Ngọc Vân theo QH	DGT	0,56		0,56	Quận Tây Hồ	2021
1305	Xây dựng mở rộng tuyến đường giáp ao Sen Công Đoàn	DGT	0,70		0,70	Quận Tây Hồ	2021
1306	Cải tạo, nâng cấp đường Xuân Diệu	DGT	2,76		2,46	Quận Tây Hồ	2021
1307	Xây dựng tuyến đường ngõ 254 Thụy Khuê	DGT	0,12		0,12	Quận Tây Hồ	2021
1308	Xây dựng tuyến ngõ 343 An Dương Vương	DGT	0,51		0,51	Quận Tây Hồ	2021
1309	Xây dựng tuyến đường ngõ 52 Tô Ngọc Vân, phường Quảng An	DGT	0,35		0,21	Quận Tây Hồ	2021
1310	Xây dựng tuyến đường Đặng Thai Mai - Giai đoạn 1	DGT	6,50		6,50	Quận Tây Hồ	2021
1311	Mở rộng tuyến đường từ phố Tây Hồ đến phố Quảng Bá	DGT	0,30		0,30	Quận Tây Hồ	2021
1312	Xây dựng vườn hoa, cây xanh xung quanh khu vực Hồ Thủy Sứ dưới	DGT	0,80		0,80	Quận Tây Hồ	2021
1313	Xây dựng tuyến đường từ số nhà 552 Lạc Long Quân đến Công viên nước Hồ Tây (Theo quy hoạch 13,5).	DGT	0,22		0,22	Quận Tây Hồ	2021
1314	Mở rộng tuyến đường đoạn từ đường rừng nhân đến đầm Bầy, quận Tây Hồ	DGT	0,58		0,34	Quận Tây Hồ	2021
1315	Đầu tư xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	DGT	4,73		4,01	Quận Tây Hồ	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1316	Xây dựng tuyến đường từ Xuân Diệu đến đường Âu Cơ tiếp giáp ô 15/HT1, 16/HT1 theo quy hoạch	DGT	0,25		0,25	Quận Tây Hồ	2021
1317	Xây dựng tuyến đường từ ngõ 38 Xuân La đến Võ Chí Công	DGT	0,40		0,40	Quận Tây Hồ	2021
1318	Xây dựng tuyến đường từ ngõ 38 Xuân La đến đường Nguyễn Hoàng Tôn và Võ Chí Công (02 nhánh)	DGT	0,62		0,62	Quận Tây Hồ	2021
1319	Xây dựng tuyến đường đoạn từ ngõ 343 An Dương Vương đến phố Phú Gia	DGT	1,10		1,10	Quận Tây Hồ	2021
1320	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng khớp nối tuyến ngõ 175 Lạc Long Quân	DGT	0,10		0,10	Quận Tây Hồ	2021
1321	Xây dựng tuyến đường A4, khu A5 (Khu trung tâm đô thị THT)	DGT	7,78		5,98	Quận Tây Hồ	2021
1322	Xây dựng nhà ga ngầm C6, C7 - Thụy Khuê (Dự án tuyến đường sắt đô thị Hà Nội số 2 đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo)	DGT	1,47		1,47	Quận Tây Hồ	2021
1323	XD đường giao thông và sân Nhà thờ An Thái	DGT	0,22		0,22	Quận Tây Hồ	2021
1324	Dự án ĐTXD tuyến ĐSĐT TP Hà Nội. Đoạn chuyển tiếp sau ga C3; Ga ngầm C5	DGT	2,29		2,29	Quận Tây Hồ	2021
1325	Xây dựng 03 tuyến đường khung và quảng trường trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây	DGT	8,10		8,10	Quận Tây Hồ	2021
1326	Xây dựng tuyến đường ngõ 124 Âu Cơ	DGT	1,07		1,07	Quận Tây Hồ	2021
1327	Xây dựng tuyến đường ngõ 612 Lạc Long Quân	DGT	0,64		0,64	Quận Tây Hồ	2021
1328	Xây dựng tuyến đường ngõ 45 Võng Thị	DGT	0,34		0,34	Quận Tây Hồ	2021
1329	Đầu tư xây dựng hạ tầng KT xung quanh Hồ Rê Quạt	DGT	1,68		1,49	Quận Thanh Xuân	2022
1330	ĐTXD ngách 168/21 và hẻm 168/21/2 Nguyễn Xiển	DGT	0,21		0,07	Quận Thanh Xuân	2022
1331	Cải tạo mở rộng theo quy hoạch phố Nguyễn Tuấn	DGT	1,51		1,37	Quận Thanh Xuân	2022
1332	Xây dựng tuyến đường vào cụm 3 Trường Thanh Xuân Nam	DGT	0,63		0,47	Quận Thanh Xuân	2022
1333	XD sân chơi và bố trí trạm tuần tra tại các thửa đất sau GPMB trên địa bàn p. Hạ Đình	DGT	0,06		0,06	Quận Thanh Xuân	2022
1334	Đầu tư xây dựng ngõ 140 Khuất Duy Tiến ra đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, quận Thanh Xuân	DGT	0,05		0,05	Quận Thanh Xuân	2022
1335	XD đoạn tuyến đường từ KĐT Royal City đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng	DGT	0,23		0,06	Quận Thanh Xuân	2022
1336	Bãi đỗ xe công cộng Hồ Đàm chuối	DGT	0,26		-	Quận Thanh Xuân	2022
1337	Quy hoạch đường từ Nguyễn Trãi qua Thanh Xuân Nam đi Thanh Trì, rộng 35m dài 0,12km	DGT	0,42			Quận Thanh Xuân	2022
1338	Đường Tôn Thất Tùng kéo dài (từ Lê Trọng Tấn đến đường Vành đai 3)	DGT	7,00			Quận Thanh Xuân	2023
1339	Cải tạo mở rộng đường Nguyễn Tuấn theo quy hoạch	DGT	1,72			Quận Thanh Xuân	2021
1340	Quy hoạch mở rộng đường Quan Nhân, rộng 20 m, dài 0,97 km	DGT	1,36			Quận Thanh Xuân	2024

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1341	Quy hoạch kéo dài và mở rộng phố Hạ Đình từ Nguyễn Trãi qua Công ty giấy vải Thượng Đình, Bồng đèn phích nước Rạng Đông, Xi nghiệp giao thông đến đường bên sông Tô Lịch, rộng 18 m, dài 1,0 km	DGT	0,53			Quận Thanh Xuân	2022
1342	Quy hoạch đường Hoàng Văn Thái kéo dài đoạn từ phố Tô Vĩnh Diện đến đường bờ sông Tô Lịch, rộng 17 m, dài 0,18 km.	DGT	0,31			Quận Thanh Xuân	2023
1343	Quy hoạch mở rộng đường Vương Thừa Vũ, rộng 17m, dài 0,42 km.	DGT	0,34			Quận Thanh Xuân	2024
1344	Quy hoạch đường Vương Thừa Vũ kéo dài từ vành đai 2,5 qua phường Khương Đình, Hạ Đình đến đường Vành Đai 3, rộng 24m, dài 1,57 km	DGT	2,11			Quận Thanh Xuân	2025
1345	Dự án tuyên cáp 22 kv Mộ Lao- Thanh Xuân	DGT	0,20			Quận Thanh Xuân	2021
1346	Quy hoạch mở rộng đường Nguyễn Ngọc Nại, rộng 13m, dài 0,59 km.	DGT	0,18			Quận Thanh Xuân	2025
1347	Quy hoạch mở rộng đường Cù Chính Lan, rộng 14m, dài 0,6 km.	DGT	0,30			Quận Thanh Xuân	2023
1348	Quy hoạch đường Cù Chính Lan kéo dài, rộng 14m, dài 0,2 km.	DGT	0,28			Quận Thanh Xuân	2025
1349	Dự án ĐTXD ngách 168/21 và hẻm 168/21/2 Nguyễn Xiển	DGT	0,21			Quận Thanh Xuân	2021
1350	Mở đường từ ngõ 12 Khuất Duy Tiến ra đường Nguyễn Trãi	DGT	0,31			Quận Thanh Xuân	2021
1351	Đầu tư xây dựng theo quy hoạch tuyến phố Lê Văn Thiêm	DGT	1,05			Quận Thanh Xuân	2021
1352	Bãi đỗ xe, nhà điều hành	DGT	0,13			Quận Thanh Xuân	2021
1353	Đầu tư xây dựng tuyến phố Ngụy Như Kon Tum	DGT	2,00			Quận Thanh Xuân	2021
1354	Đầu tư xây dựng ngõ 140 Khuất Duy Tiến ra đường Khuất Duy Tiến	DGT	0,05			Quận Thanh Xuân	2021
1355	XD đoạn tuyến đường từ KĐT Royal City đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng	DGT	0,23			Quận Thanh Xuân	2021
1356	Quy hoạch đất giao thông trong khu đô thị hỗn hợp tại phường Thượng Đình	DGT	2,80			Quận Thanh Xuân	2025
1357	Đất giao thông trong Khu đô thị hỗn hợp tại phường Phương Liệt	DGT	2,00			Quận Thanh Xuân	2024
1358	Đường vào cụm 3 Trường Thanh Xuân Nam	DGT	0,64			Quận Thanh Xuân	2021
1359	04 Bãi đỗ xe ngầm dưới công viên cây xanh tại các KĐT quận Cầu Giấy và Thanh Xuân	DGT	0,26		-	Quận Thanh Xuân	2022
1360	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh Hồ Rê Quạt	DGT	1,90			Quận Thanh Xuân	2021
1361	Nâng cấp tuyến đê Hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.	DGT	2,77		2,77	Thị xã Sơn Tây	2022
1362	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 414 (đoạn từ ngã ba Vĩ Thủy đi Xuân Khanh), thị xã Sơn Tây, Hà Nội.	DGT	13,50	5,81	7,69	Thị xã Sơn Tây	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1363	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh Tân Lĩnh – Yên Bái đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414), huyện Ba Vì, thị xã Sơn Tây.	DGT	2,00		2,00	Thị xã Sơn Tây	2022
1364	Cải tạo nâng cấp tuyến phố Quang Trung	DGT	0,01		0,01	Thị xã Sơn Tây	2023
1365	Đường từ phố Quang Trung đi Đền và phường Trung Hưng	DGT	0,38	-	0,38	Thị xã Sơn Tây	2023
1366	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vỹ (tỉnh lộ 414 đoạn qua nội thị dài 3 km) thị xã Sơn Tây	DGT	10,50	8,67	1,83	Thị xã Sơn Tây	2022
1367	Nâng cấp cải tạo tuyến tỉnh lộ 418 đoạn KM 0 + KM 3 thị xã Sơn Tây	DGT	1,12	-	1,12	Thị xã Sơn Tây	2022
1368	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 413 đoạn từ Km0 đến Km5+900, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.	DGT	17,70		17,70	Thị xã Sơn Tây	2022
1369	Dự án đầu tư xây dựng cầu Ái Mộ Km1+690 Quốc lộ 21 thị xã Sơn Tây	DGT	0,89	0,89		Thị xã Sơn Tây	2022
1370	Đầu tư xây dựng công trình đường trục phát triển thị xã Sơn Tây, lý trình KM13+740,6 đến KM14+704	DGT	1,18	1,18	0,00	Thị xã Sơn Tây	2022
1371	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Cộng bắc qua sông Tích, thị xã Sơn Tây	DGT	0,20	-	0,20	Thị xã Sơn Tây	2022
1372	Cải tạo nâng cấp đường từ ngã 5 cổng Ô đi Phù Sa, Viên Sơn	DGT	0,44		0,44	Thị xã Sơn Tây	2022
1373	Xây dựng tuyến đường từ QL21 (tuyến đường tránh QL32) đi xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.	DGT	12,60		12,60	Thị xã Sơn Tây	2022
1374	Cải tạo, nâng cấp đường, rãnh thoát nước tuyến đường từ tỉnh lộ 418 thôn Đại Quang qua cống Chương đi xã Cổ Đông và đường trục thôn Vạn An xã Sơn Đông	DGT	0,84		0,84	Thị xã Sơn Tây	2022
1375	Đường từ đường tránh QL 32 qua UBND xã Thanh Mỹ đi TL 414	DGT	4,80		4,80	Thị xã Sơn Tây	2023
1376	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vỹ (tỉnh lộ 414 đoạn qua thị xã Sơn Tây dài 3km) thị xã Sơn Tây.	DGT				Thị xã Sơn Tây	2022
1377	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ đường tránh QL32 đến tỉnh lộ 413 thuộc địa bàn thị xã Sơn Tây	DGT	8,90	8,90	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1378	Đường nối từ tỉnh lộ 414 (điểm ngã ba Vị Thủy) đi tỉnh lộ 416	DGT	15,30	2,55	(12,75)	Thị xã Sơn Tây	2023
1379	Xây dựng trường THCS Viên Sơn	DGT	0,97	0,97	-	Thị xã Sơn Tây	2022
1380	Xây dựng trường tiểu học Trung Sơn Trầm	DGT	1,19	1,19	-	Thị xã Sơn Tây	2022
1381	Xây dựng đường từ cầu Cộng đi đường tránh QL 32	DGT				Thị xã Sơn Tây	2025
1382	Xây dựng đường giao thông từ TL 413 tại vị trí thôn Xuân Khanh nối với đường từ QL 21 đi Cam Thượng	DGT	3,60	3,60	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1383	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ chợ Xuân Khanh đi tỉnh lộ 413, xã Xuân Sơn	DGT	1,40	1,40	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1384	Xây dựng tuyến đường từ dốc Cái Cao thôn Cổ Liễn đi TL 418 xã Cổ Đông	DGT	2,52	2,52	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1385	Cải tạo nâng cấp đường từ QL 21 đi trường mầm non Sơn Đông khu Tân Phú	DGT	1,10	1,10	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1386	Xây dựng cầu Cam Lâm, xã Đường Lâm	DGT	1,00	1,00	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1387	Xây dựng bến xe tỉnh xã Đường Lâm	DGT	0,60	0,60	-	Thị xã Sơn Tây	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1388	Đầu tư xây dựng cầu Trì bắc qua sông Tích	DGT	0,50	0,50	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1389	Xây dựng đường giao thông kết hợp thoát nước phục vụ làng nghề Phú Nhi và khu dân cư phường Phú Thịnh	DGT	0,55	0,55	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1390	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ chợ Xuân Khanh đi tỉnh lộ 413, xã Xuân Sơn	DGT	2,07	2,07	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1391	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước xã Đường Lâm (Hạng mục : Khu vực thôn Đồng Sàng), thị xã Sơn Tây	DGT	1,02	1,02	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1392	Dự án xây dựng đường Tam Trinh	DGT	11,37		11,37	Quận Hoàng Mai	2022
1393	Dự án MR tuyến QL Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	1,26		1,26	Quận Hoàng Mai	2022
1394	Dự án Xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường Vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (Quốc Lộ 1A)	DGT	3,00		3,00	Quận Hoàng Mai	2022
1395	Giải phóng mặt bằng tuyến đường B=21,5m (dài khoảng 85m) nằm ngoài ranh giới dự án Khu thương mại dịch vụ, công cộng, nhà ở chung cư cao tầng, cây xanh, bãi đỗ xe và nhà trẻ - Panorama Hà Nội	DGT	0,17		0,17	Quận Hoàng Mai	2022
1396	Mở rộng tuyến đường đoạn cạnh chùa Tứ Kỳ, phường Hoàng Liệt	DGT	0,22		0,22	Quận Hoàng Mai	2021
1397	Đường vào trường tiểu học Hoàng Liệt khu Tứ Kỳ	DGT	0,45		0,45	Quận Hoàng Mai	2021
1398	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ nút giao thông đường Tam Trinh đến điểm giao cắt với tuyến đường Minh Khai - Vĩnh Tuy - Yên Duyên	DGT	2,10		2,10	Quận Hoàng Mai	2021
1399	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Lĩnh Nam	DGT	9,83		9,83	Quận Hoàng Mai	2021
1400	Dự án xây dựng 1/2 cầu Đền Lừ và tuyến đường 2,5 phía bắc khu công nghiệp Vĩnh Tuy	DGT	2,11		2,11	Quận Hoàng Mai	2021
1401	Bãi đỗ xe công cộng tại ô đất C11/P2 phường Yên Sở	DGT	1,16		1,16	Quận Hoàng Mai	2021
1402	Dự án xây dựng tuyến đường từ 2,5 đến UBND phường Hoàng Văn Thụ	DGT	1,57		1,57	Quận Hoàng Mai	2021
1403	Bãi đỗ xe thông minh tại khu Đền Lừ III (B3/P2)	DGT	0,16		0,16	Quận Hoàng Mai	2021
1404	Dự án xây dựng tuyến đường vào chợ dân sinh Lĩnh Nam	DGT	0,34		0,34	Quận Hoàng Mai	2021
1405	Dự án xây dựng tuyến đường vào trường tiểu học chất lượng cao Yên Sở	DGT	0,35		0,35	Quận Hoàng Mai	2021
1406	Dự án xây dựng tuyến đường từ Sông Gạo đến đê Sông Hồng	DGT	6,50		6,50	Quận Hoàng Mai	2021
1407	Bãi đỗ xe tại ô đất có quy hoạch D3/P1 thuộc QHPK H2-4 phía đông bắc tiếp giáp với nghĩa trang Yên Duyên, phía Tây giáp dự án khu phối hợp thương mại, nhà cao tầng	DGT	0,57		0,57	Quận Hoàng Mai	2021
1408	Dự án xây dựng tuyến đường nối tiếp đường từ phía đông khu hành chính quận Hoàng Mai đến đường Tam Trinh (đoạn từ khu đô thị Đồng Tàu đến đường Tam Trinh)	DGT	5,90		5,90	Quận Hoàng Mai	2021
1409	Dự án xây dựng các tuyến đường vào trường THCS Tiểu Học, Mầm Non Định Công theo quy hoạch	DGT	0,90		0,90	Quận Hoàng Mai	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1410	Xây dựng các tuyến đường xung quanh bãi đỗ xe và trung tâm thương mại Aeonmall Hoàng Mai, quận Hoàng Mai.	DGT	5,95		5,95	Quận Hoàng Mai	2021
1411	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối đường Pháp Vân-Cầu Giẽ với đường Vành đai 3	DGT	14,84		14,84	Quận Hoàng Mai	2022
1412	GPMB và xây dựng hạ tầng ô đất đầu giá G1/ODK2, phường Thanh Trì	DGT	1,44		1,44	Quận Hoàng Mai	2021
1413	Xây dựng đường vào cảng Khuyến Lương	DGT	14,67		14,67	Quận Hoàng Mai	2022
1414	Dự án xây dựng tuyến đường Minh khai - Vĩnh Tuy - Yên Duyên nối tiếp đoạn từ đường Vành đai 2,5 đến đường Vành đai 3	DGT	8,40		8,40	Quận Hoàng Mai	2022
1415	Dự án xây dựng tuyến đường giao thông vào trường mầm non Hoàng Liệt ô đất F6/NT1	DGT	0,35		0,35	Quận Hoàng Mai	2022
1416	Dự án xây dựng tuyến đường vào trường tiểu học Lĩnh Nam tại ô quy hoạch G2/TH1	DGT	1,20		1,20	Quận Hoàng Mai	2022
1417	Dự án xây dựng tuyến đường từ ngách 95/15 phố Nam Dư đến cuối ngõ 47 phố Nam Dư theo quy hoạch	DGT	0,75		0,75	Quận Hoàng Mai	2022
1418	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường theo quy hoạch (từ dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại - ECO LAKE VIEW đến khu đô thị mới Đại Kim)	DGT	0,24		0,24	Quận Hoàng Mai	2021
1419	Bãi đỗ xe tại ô đất D1/P1	DGT	0,26			Quận Hoàng Mai	2022
1420	Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường quy hoạch mặt cắt 17,5m đi qua phần diện tích 3.236m ² đất do trường ĐH Thăng Long đang quản lý để khớp nối hạ tầng kỹ thuật KĐT mới Đại Kim quận Hoàng Mai	DGT	0,32			Quận Hoàng Mai	2022
1421	Xây dựng mở rộng tuyến Lương Đình Của ra Trường Chinh	DGT	0,24		0,24	Quận Đống Đa	2021
1422	Dự án đầu tư XD đường vành đai I (Hoàng Cầu - Voi Phục)	DGT	#####	0,66	#####	Quận Đống Đa	2021
1423	Đường Phương Mai - Sông Lũ	DGT	0,56		0,56	Quận Đống Đa	2021
1424	Dự án Xây dựng đường Cát Linh - La Thành - Yên Lãng (đoạn La Thành - Thái Hà - Láng)	DGT	0,03		0,03	Quận Đống Đa	2021
1425	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Linh Quang	DGT	0,02		0,02	Quận Đống Đa	2021
1426	Xây dựng tuyến đường từ nút Bộ lư lệnh Thống tin trên đường Cát Linh - La Thành đến đường Tôn Đức Thắng (thuộc tuyến đường Ga Hà Nội - Tôn Đức Thắng - Hào Nam - Núi Trúc)	DGT	#####	0,51	0,81	Quận Đống Đa	2021
1427	Dự án xây dựng cải tạo hạ tầng xung quang hồ Kim Liên (Hồ lớn - nhỏ)	DGT	0,14	0,03	0,11	Quận Đống Đa	2021
1428	Xây dựng hoàn thiện nút giao thông Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao thông lư Học Viện Ngân Hàng đến công trường ĐH Công Đoàn	DGT	0,98	0,05	0,93	Quận Đống Đa	2021
1429	Dự án đầu tư XD đường vành đai I (ô Chợ Dừa - Hoàng cầu- Đan Xã Tắc)	DGT	0,03		0,03	Quận Đống Đa	2021
1430	Cầu Sông Lũ	DGT	0,10	0,10		Quận Đống Đa	2021
1431	Cầu Yên Hòa (Cầu 381)	DGT	0,01	0,01		Quận Đống Đa	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1443	Đường Xuyên Thủy cạnh HITC đến cổng Ma Khay (Thu hồi đợt 2, phần mở hòng đường đầu tuyến)	DGT	0,06		0,06	Quận Cầu Giấy	2021
1444	Dự án xây dựng tuyến đường nối từ đường Cầu Giấy đến khu đô thị mới Dịch Vọng	DGT	2,15		2,15	Quận Cầu Giấy	2021
1445	Cải tạo đoạn đường nối từ đường Trung Yên 6 ra đường Nguyễn Khang	DGT	0,13		0,13	Quận Cầu Giấy	2021
1446	Xây dựng đường nối từ phố Trần Quốc Hoàn đến phố Nghĩa Tân	DGT	0,51		0,51	Quận Cầu Giấy	2021
1447	Dự án cải tạo, mở rộng ngõ 381 Nguyễn Khang (Từ phố Thành Thái đến phố Nguyễn Khang)	DGT	0,73		0,73	Quận Cầu Giấy	2021
1448	Cầu Yên Hòa (cầu 381)	DGT	0,13		0,13	Quận Cầu Giấy	2021
1449	Xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt - đường Nguyễn Văn Huyền và hoàn thiện đường Nguyễn Văn Huyền theo quy hoạch	DGT	0,90		0,90	Quận Cầu Giấy	2021
1450	XD và đầu nối HTKT ô đất D27 khu ĐTM Cầu Giấy	DGT	0,21		0,21	Quận Cầu Giấy	2021
1451	Xây dựng đường tiếp giáp xí nghiệp Thương Binh Hà Nội	DGT	0,25		0,25	Quận Cầu Giấy	2021
1452	Tuyến đường số 2 vào khu đô thị Tây Hồ Tây	DGT	1,05		1,05	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1453	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phần còn lại khu đô thị mới Cầu Giấy (Bao gồm nhiều tiểu dự án)	DGT	0,82		0,82	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1454	Dự án Xây dựng tuyến đường 17,5m (đoạn từ khu nhà ở phòng cảnh sát phòng chống ma túy đến khu tập thể Đại học Tài chính)	DGT	0,24		0,24	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1455	Dự án xây dựng tuyến đường 17,5m (Mở rộng Đường Trần Quốc Vượng) và đường nối từ đường Trần Quốc Vượng đến ngõ 86 Duy Tân	DGT	0,38		0,38	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1456	Mở rộng phố Nguyễn Phong Sắc đoạn từ phố Nghĩa Tân đến đường Hoàng Quốc Việt (tuyến đường số 65), quận Cầu Giấy	DGT	1,21		1,21	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1457	Đường 13,5m đi vào Trường Mầm non Ngã Đò	DGT	0,20		0,20	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1458	Xây dựng đoạn đường nối từ Trường Cao đẳng cơ điện Hà Nội đến đường Hoàng Quốc Việt kéo dài	DGT	0,16		0,16	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1459	Đường giáp QH nhà hát Thăng Long (thuộc phường Nghĩa Đô)	DGT	0,14		0,14	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1460	Đường Hoàng Quốc Việt kéo dài	DGT	4,78		4,78	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1461	Đầu tư phát triển HTKT Khu ĐTM Yên Hòa (Tuyến đường 1.3 & 4.4)	DGT	0,73		0,73	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1462	Đường nối từ phố Dịch Vọng đến đường Trần Đăng Ninh kéo dài	DGT	0,17		0,17	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1463	Cải tạo nâng cấp quốc lộ 32 đoạn qua khu dân cư Km 38+400 đến Km 41+00 qua địa phận thị trấn Phúc Thọ, xã Thọ Lộc, Tích Giang, huyện Phúc Thọ	DGT	7,50	2,00	5,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
1464	Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 417 từ Km8+100 đến Km16+600, huyện Phúc Thọ	DGT	11,50	8,50	3,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
1465	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tỉnh lộ 421, đoạn qua địa phận huyện Phúc Thọ	DGT	1,72		1,72	Huyện Phúc Thọ	2024-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1466	Đường Tây Thăng Long đi qua địa phận huyện Phúc Thọ	DGT	52,00	25,00	27,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
1467	Đường nối quốc lộ 32 vào các xã Thọ Lộc, Vồng Xuyên, Phương Độ lên Đê Hữu Hồng	DGT	3,00	1,50	1,50	Huyện Phúc Thọ	2021
1468	Đường nối từ Quốc lộ 32 với quốc lộ 21A thuộc địa bàn huyện Phúc Thọ và thị xã Sơn Tây, tỉnh lộ 416	DGT	7,25		7,25	Huyện Phúc Thọ	2022
1469	Mở rộng đường nối Quốc lộ 32 với tỉnh lộ 417 đi qua khu di tích đền Hát Môn	DGT	15,00	7,50	7,50	Huyện Phúc Thọ	2022
1470	Xây dựng đường nối Quốc lộ 32 đi trực Tây Thăng Long	DGT	27,10	20,00	7,10	Huyện Phúc Thọ	2022
1471	Xây dựng đường nối Quốc lộ 32 đi đường Rặng Nhân tới Tỉnh lộ 421 qua khu Túi Mật sang xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức	DGT	6,40	2,00	4,40	Huyện Phúc Thọ	2022
1472	Dự án đường trục phát triển kinh tế Bắc Nam và cầu Vân Phúc đoạn qua địa phận huyện Phúc Thọ	DGT	11,00	1,00	10,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
1473	Đường nối Tỉnh lộ 419 đi Tỉnh lộ 416 (đường vành đai thị trấn)	DGT	8,00	3,00	5,00	Huyện Phúc Thọ	2022
1474	Đường Tam Hiệp, Hiệp Thuận, Liên Hiệp đi tỉnh lộ 420	DGT	20,00	10,00	10,00	Huyện Phúc Thọ	2022
1475	Đường liên xã Tam Hiệp - Hiệp Thuận	DGT	7,00	5,00	2,00	Huyện Phúc Thọ	2022
1476	Xây dựng đường Tỉnh lộ 421 đi trực Tây Thăng Long	DGT	3,50		3,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
1477	Xây dựng đường nối Tỉnh lộ 417 đi đền Hát Môn	DGT	9,60	2,00	7,60	Huyện Phúc Thọ	2022
1478	Đường tỉnh 416 từ quốc lộ 32 đi Vồng xuyên	DGT	5,00	2,00	3,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
1479	Đường liên xã Ngọc Tảo đi Thượng Cốc	DGT	4,20		4,20	Huyện Phúc Thọ	2022
1480	Nâng cấp đường Ngọc Tảo - Tam Thuận - Thanh Đa	DGT	2,80	0,80	2,00	Huyện Phúc Thọ	2022
1481	Nâng cấp, cải tạo đường Thượng Cốc - Long Xuyên	DGT	1,24		1,24	Huyện Phúc Thọ	2022
1482	Nâng cấp đường Thượng Cốc - Hát Môn	DGT	1,20		1,20	Huyện Phúc Thọ	2022
1483	Xây dựng đường vào các cụm công nghiệp	DGT	5,00		5,00	Huyện Phúc Thọ	2022
1484	Làm mới đường Giao thông từ UBND xã đến chùa Bảo Lâm	DGT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
1485	Nâng cấp đường liên xã Hát Môn (Phúc Thọ) đi Thọ An (Đan Phượng)	DGT	1,00	0,30	0,70	Huyện Phúc Thọ	2022
1486	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ tỉnh lộ 421 qua ao Sen đến trường mầm non khu B, xã Hiệp Thuận	DGT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2022
1487	Nâng cấp, cải tạo ao trung tâm thôn 4 và tuyến đường đi nhà văn hóa thôn 6 xã Liên Hiệp	DGT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2022
1488	Mở rộng giao thông xã Liên Hiệp	DGT	0,79		0,79	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
1489	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ TBA I đến kênh Tây Ninh II xã Liên Hiệp	DGT	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2022
1490	Nâng cấp, cải tạo đường nối từ đường Phúc Hòa - Long Xuyên đi thôn Bảo Vệ	DGT	1,20		1,20	Huyện Phúc Thọ	2022
1491	Đường nối từ đường Phúc Hòa - Long Xuyên đi thôn Bảo Lộc	DGT	0,40		0,40	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
1492	Nâng cấp cải tạo đường từ cầu H8 đến đền Hai Bà Trưng	DGT	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1493	Nâng cấp, cải tạo nền mặt đường, hệ thống rãnh thoát nước ngõ xóm thôn 5, 7 và đường Giếng to đi Quốc lộ 32 thôn 1 xã Phúc Hòa	DGT	2,09		2,09	Huyện Phúc Thọ	2022
1494	Đường liên xã, trục thôn	DGT	1,01		1,01	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
1495	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Hồ thôn Đông đi Man Rộm xã Phụng Thượng	DGT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2022
1496	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 32 đi Chùa Nguyễn xã Phụng Thượng	DGT	0,30	0,20	0,10	Huyện Phúc Thọ	2022
1497	Nâng cấp đường liên thôn từ Tỉnh lộ 417 đến đồng Cặng	DGT	2,00		2,00	Huyện Phúc Thọ	2022
1498	Mở rộng đường vào làng nghề xã Tam Hiệp	DGT	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2021
1499	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường trục thôn 1,2,3,4 xã Tam Hiệp	DGT	0,50	0,40	0,10	Huyện Phúc Thọ	2022
1500	Mở rộng đường liên xã Ngọc Tảo - Hát Môn - Thanh Đa (đoạn qua UBND xã Thanh Đa)	DGT	1,10	1,00	0,10	Huyện Phúc Thọ	2022
1501	Cải tạo, mở rộng đường giao thông từ cổng Bàu thôn Dum đến cầu mới kênh tưới Phù Sa	DGT	0,42		0,42	Huyện Phúc Thọ	2022
1502	Nâng cấp cải tạo đường Tích Giang - Trung Sơn Trầm	DGT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2022
1503	Nâng cấp cải tạo tuyến đường từ QL32 đi đình Tường Phiêu xã Tích Giang	DGT	2,90		2,90	Huyện Phúc Thọ	2022
1504	Đường tỉnh 418	DGT	1,80		1,80	Huyện Phúc Thọ	2021
1505	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Vân Lôi - Mỹ Giang	DGT	0,12		0,12	Huyện Phúc Thọ	2022
1506	Đường liên xã Võng Xuyên - Sen Phương - Long Xuyên xã Võng Xuyên	DGT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
1507	Nâng cấp đường liên xã Long Xuyên - Xuân Đình	DGT	1,80	1,00	0,80	Huyện Phúc Thọ	2022
1508	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông và rãnh nước trong khu dân cư 6 thôn , xã Xuân Đình	DGT	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2022
1509	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Phan Đăng Lưu đến Yên Thường, huyện Gia Lâm	DGT	7,38			Huyện Gia Lâm	2022
1510	Xây dựng tuyến đường đê hữu Đuống đoạn từ Dốc Lôi - Đặng Xá đến xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	DGT	44,50			Huyện Gia Lâm	2022
1511	Xây dựng tuyến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	DGT	6,60			Huyện Gia Lâm	2022
1512	Dự án xây dựng tuyến đường 2,5 (Đoạn từ Đàm Hồng đến Quốc lộ 1A)	DGT	3,65		3,65	Quận Hoàng Mai	2021
1513	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính đội 8A thôn Đào Xuyên và xây dựng tuyến đường từ Đình Đào Xuyên đến Nghè Lê Xá, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	DGT	0,10			Huyện Gia Lâm	2022
1514	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường 40m quy hoạch qua thôn Lại Hoàng đến đường gom quốc lộ 3 mới, huyện Gia Lâm		8,20			Huyện Gia Lâm	2024-2025
B.8	Đất thủy lợi	DTL					
1	Dự án Xử lý cấp bách sạt lở bờ sông hữu Đà đoạn từ trạm bơm đồng cống đến phía cầu Trung Hà, xã Thái Hòa, huyện Ba Vì	DTL	0,95		0,95	Huyện Ba Vì	2021
2	Gia cố chống sạt lở bờ sông tại xã Chu Minh - Đông Quang	DTL	2,15		2,15	Huyện Ba Vì	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
3	Cải tạo sửa chữa hồ chứa nước Suối Hai	DTL	0,82		0,82	Huyện Ba Vì	2022
4	Cải tạo sửa chữa hồ chứa nước Mèo Gù	DTL	1,93		1,93	Huyện Ba Vì	2022
5	Dự án gia cố kè sạt lở bờ hữu Sông Đà	DTL	0,26		0,26	Huyện Ba Vì	2021
6	Dự án kè Suối Víp đi cống Mộc	DTL	1,50		1,50	Huyện Ba Vì	2021
7	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực xã Minh Quang, huyện Ba Vì	DTL	0,46		0,46	Huyện Ba Vì	2021
8	Cải tạo nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	DTL	15,10		15,10	Huyện Chương Mỹ	2022
9	Cải tạo kênh tưới đồng Ké và cứng hóa hệ thống thủy lợi nội đồng	DTL	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Cải tạo hồ thủy lợi trung Tiến	DTL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
11	Kiên cố hóa kênh tiêu chính Thập Cừu, trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Xử lý cấp bách sự cố bờ tả sông Bùi đoạn từ cầu sắt đến trạm bơm Đồng Cò thuộc khu vực Đồng Vai, thị trấn Xuân Mai	DTL	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Kiên cố hóa kênh tiêu chính Thập Cừu, trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,31		0,31	Huyện Chương Mỹ	2022
14	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
15	Kiên cố hóa kênh tiêu chính Thập Cừu, trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,31		0,31	Huyện Chương Mỹ	2022
16	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
17	Cải tạo nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	DTL	4,00		4,00	Huyện Chương Mỹ	2022
18	Cải tạo nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	DTL	3,81		3,81	Huyện Chương Mỹ	2022
19	Xử lý sạt lở đê sông Đáy qua địa bàn xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ	DTL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
20	Kiên cố hóa kênh tiêu chính Thập Cừu, trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,31		0,31	Huyện Chương Mỹ	2022
21	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
22	Xử lý sạt lở đê sông Đáy qua địa bàn xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ	DTL	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
23	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Văn Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	DTL	0,83		0,83	Huyện Chương Mỹ	2022
24	Cứng hóa kênh tưới kết hợp giao thông từ trạm bơm Nhân Lý đến gò Đồng Rậm, xã Nam Phương Tiến	DTL	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
25	Dự án đầu tư nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,29		0,29	Huyện Chương Mỹ	2022
26	Xử lý sạt lở bờ sông Đáy thuộc xã Văn Võ và Phú Nam An	DTL	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
27	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Phụ Chính	DTL	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
28	Cải tạo nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	DTL	1,29		1,29	Huyện Chương Mỹ	2022
29	Kiên cố hóa kênh tiêu chính Thập Cừu, trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,31		0,31	Huyện Chương Mỹ	2022
30	Xử lý sạt lở bờ sông Bùi đoạn qua thôn 5, xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ	DTL	0,52		0,52	Huyện Chương Mỹ	2022
31	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Phụ Chính	DTL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
32	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Phụ Chính	DTL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
33	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Phụ Chính	DTL	0,32		0,32	Huyện Chương Mỹ	2022
34	Dự án đầu tư nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
35	Xử lý sạt lở khu dân cư xóm 8, xóm 9 đê sông Đáy	DTL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
36	Xử lý sạt lở khu dân cư đê sông Đáy	DTL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
37	Dự án đầu tư xây dựng Công trình: Tu bổ, nâng cấp đê bao hữu Bùi, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	DTL	5,00		5,00	Huyện Chương Mỹ	2022
38	Cải tạo nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	DTL	4,72		4,72	Huyện Chương Mỹ	2022
39	Dự án đầu tư nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2022
40	Xử lý sạt lở bờ sông Đáy thuộc xã Văn Võ và Phú Nam An	DTL	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
41	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1B và hệ thống kênh tiêu Hát Môn (gồm kênh tiêu Hát Môn. B1. B2. B3) huyện Phúc Thọ. thành phố Hà Nội	DTL	0,50		0,50	Huyện Đan Phượng	2022
42	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu T0-5-2 (từ thôn 9 Nại Sa, xã Trung Châu qua thôn Dịch Trong, xã Phương Đình ra kênh tiêu T0)	DTL	0,40		0,40	Huyện Đan Phượng	2022
43	Các tuyến ống dẫn nước phục vụ Nhà máy nước mặt sông Hồng	DTL	20,50		20,50	Huyện Đan Phượng	2022
44	Trạm xử lý nước thải Cổ Loa, xã Cổ Loa (công suất 75.000 m3/ngđ)	DTL	7,80		7,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
45	Cải tạo, nâng cấp kè ao khu vực hồ đền thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch	DTL	0,09		0,09	Huyện Đông Anh	2021-2025
46	Trạm xử lý nước thải Dục Tú, xã Dục Tú (công suất 55.000 m3/ngđ)	DTL	6,50		6,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
47	Nạo vét, kè ao Hồ Lò ông Thực, phía Tây thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú	DTL	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
48	Nạo vét, kè ao khu X1 cửa làng thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú	DTL	0,85		0,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
49	Xây dựng kè bờ sông tả sông Đuống đoạn thượng lưu và hạ lưu cầu Đuống, huyện Đông Anh và huyện Gia Lâm	DTL	0,48		0,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
50	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe và trạm xử lý nước thải cục bộ thôn Tiên Kha	DTL	0,23		0,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
51	Nhà máy xử lý nước thải Sơn Du, xã Tiên Dương (công suất 100.000 m3/ngđ)	DTL	12,80		12,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
52	Trạm bơm Vĩnh Thanh (dự án Hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm tiêu Vĩnh Thanh)	DTL	30,60		30,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
53	Xây dựng trạm bơm Phương Trách 1 (dự án Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trách, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội)	DTL	21,00		21,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
54	Trạm xử lý nước thải Xuân Nộn, xã Xuân Nộn (công suất 2.500 m3/ngđ)	DTL	3,00		3,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
55	Cải tạo hành lang chân đê Tả Hồng	DTL	0,07		0,07	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
56	Xây dựng hạ tầng hai bên và cải tạo đê cụt (nâng cấp)	DTL	3,85		3,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
57	Cải tạo, nâng cấp sông Cầu Bấy, huyện Gia Lâm	DTL	24,87			Huyện Gia Lâm	2022
58	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho 14 xã và 01 thị trấn (Trạm bơm tăng áp số 2)	DTL	0,20			Huyện Hoài Đức	2022
59	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho 14 xã và 01 thị trấn (Trạm bơm tăng áp số 1)	DTL	0,25			Huyện Hoài Đức	2022
60	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diêm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diêm kết hợp làm đường giao thông	DTL	10,00		8,32	Huyện Mê Linh	2022
61	Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng trên địa bàn huyện Mê Linh	DTL	9,83		6,33	Huyện Mê Linh	2022
62	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh Thanh Phú	DTL	6,70		6,70	Huyện Mê Linh	2022
63	Cải tạo, nâng cấp trục kênh chính (tưới tiêu) Thanh Phú, huyện Mê Linh	DTL	64,52	64,52		Huyện Mê Linh	2023-2025
64	Cải tạo, nâng cấp trục kênh chính Tam Bảo, huyện Mê Linh	DTL	31,30	31,30		Huyện Mê Linh	2023-2025
65	Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng trên địa bàn huyện Mê Linh	DTL	9,83	3,50	6,33	Huyện Mê Linh	2023-2025
66	Cải tạo, nâng cấp đê tả sông Mỹ Hà	DTL	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
67	Cải tạo, nâng cấp đê hữu sông Mỹ Hà	DTL	0,75			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
68	Trạm cấp nước sạch	DTL	1,13			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
69	Trạm tăng áp Khu Quán Thá	DTL	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
70	Thủy lợi nội đồng (do dồn điền)	DTL	1,40			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
71	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
72	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
73	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
74	Cải tạo nâng cấp đê Hồ Quan Sơn đi Cổng Hồ 2	DTL				Huyện Mỹ Đức	2022-2025
75	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
76	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
77	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
78	Cải tạo, nâng cấp Trạm Bơm tưới tiêu An Mỹ I	DTL	0,70			Huyện Mỹ Đức	2021
79	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
80	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
81	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
82	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
83	Xây dựng kè sông Đáy đoạn đầu cầu Phùng Xã	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
84	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
85	Trạm tăng Áp nước sạch khu Trạm Xá cũ	DTL	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
86	Xây dựng kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn thôn Kim Bôi	DTL	0,60			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
87	Mương từ trạm bơm đến trạm Y tế (đổ ra sông Đáy)	DTL	0,15			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
88	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
89	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
90	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,09			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
91	Công trình thay thế nhiệm vụ tưới hồ Quan Sơn	DTL	15,42			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
92	Nhà máy nước sạch xã Hợp Tiến	DTL	1,43			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
93	Trạm tăng áp cấp nước sạch	DTL	0,03			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
94	Nhà máy nước sạch 583 đời dưng	DTL	1,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
95	Di chuyển, xây mới trạm bơm An Bình	DTL	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2023
96	Di chuyển, xây mới trạm bơm Duyên Yết, Duyên Trang	DTL	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2023
97	Xây mới trạm bơm Chí Minh, xã Phú Túc	DTL	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2023
98	Xây mới trạm bơm khu Áo Nái xã Phú Túc	DTL	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2023
99	Kênh tiêu Đông Yên kết hợp giao thông	DTL	2,30		2,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
100	Nâng cấp cải tạo bờ hữu sông Tích Đông Yên	DTL	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
101	Hồ chứa nước Đồng Bò. xã Đông Xuân. Quốc Oai	DTL	7,60		7,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
102	Nâng cấp, mở rộng đường đê Tả Tích đoạn từ ĐH 02 đến giáp huyện Chương Mỹ	DTL	2,37		2,37	Huyện Quốc Oai	2021-2025
103	Cải tạo hệ thống thoát nước và cảnh quan môi trường Rê Ngòi xã Nghĩa Hương	DTL	4,00		4,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
104	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Ngọc Mỹ - Nghĩa Hương - Ngọc Liệp - Liệp Tuyết huyện Quốc Oai	DTL	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
105	Củng cố tuyến đê bồi hiện có kết hợp giao thông từ thôn Cổ Hiền đến trường PTTH Minh Khai	DTL	2,00		2,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
106	Trạm bơm tiêu Tân Phú- Đại Thành và hệ thống kênh	DTL	4,40		4,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
107	Xây dựng mới trạm bơm và hoàn thiện hệ thống tiêu Yên Sơn, huyện Quốc Oai	DTL	7,32		5,28	Huyện Quốc Oai	2021-2025
108	Trạm Bơm tiêu Đông Yên	DTL	2,50		2,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
109	Cải tạo nạo vét lòng ngòi Thạch Thán, kè bờ kết hợp đường giao thông và cảnh quan đoạn từ kênh Đồng Mô đến thôn Ngọc Than (xã Ngọc Mỹ), xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai.	DTL	0,40		0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
110	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước trực chính trên địa bàn một số xã vùng trũng	DTL	0,13		0,13	Huyện Sóc Sơn	2022
111	Xây dựng hệ thống thoát nước dân sinh Thá -Lai Cách - Tiên Tảo xã Xuân Giang và xã Việt Long	DTL	1,45		1,45	Huyện Sóc Sơn	2022
112	Cải tạo. nâng cấp công trình đầu mối và kênh tưới hồ Hoa Sơn. xã Nam Sơn	DTL	0,35		0,35	Huyện Sóc Sơn	2022
113	Dự án hoàn uả hệ thống tưới tiêu nước tại thôn 6, thôn 8, xã Hồng Kỳ phục vụ GPMB sân Gofl quốc tế và KDL Sóc Sơn	DTL	0,60		0,60	Huyện Sóc Sơn	2022
114	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trực chính xã Nam Sơn	DTL	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2022
115	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trực chính xã Bắc Sơn	DTL	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2022
116	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trực chính xã Hồng Kỳ	DTL	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2022
117	Nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình và trạm bơm Đình Thông, huyện Sóc Sơn	DTL	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
118	Đầu tư xây dựng Trạm bơm, tuyến đường ống cấp nước thô từ sông Công về Nhà máy điện rác Sóc Sơn	DTL	0,06		0,06	Huyện Sóc Sơn	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
119	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho các xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ trong vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLC T Sóc Sơn (vùng bán kính 500- 1000m từ hàng rào khu I.HXLCT Sóc Sơn)	DTL	0,23		0,04	Huyện Sóc Sơn	2022
120	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Sần (Phần Kênh và các công trình trên kênh) (QLDA)	DTL	14,50	14,26	0,24	Huyện Thạch Thất	2021-2022
121	Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú, xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	DTL	1,20		1,20	Huyện Thạch Thất	2021-2022
122	Xây dựng mới trạm bơm tiêu Lại Thượng thay thế Nhiệm vụ trạm bơm tiêu Lại Thượng 1 và 2, huyện Thạch Thất	DTL	5,35	0,95	4,40	Huyện Thạch Thất	2021-2022
123	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Tây Ninh - Ngòi Núc huyện Thạch Thất	DTL	12,80	8,96	3,84	Huyện Thạch Thất	2025
124	Dự án nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú	DTL	8,82	3,82	5,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
125	Nạo vét, cải tạo bờ ao Ủy ban, ao Cửa Chùa, ao Đình Yên, ao Muống, ao Đồng Sóng, ao Cá xã Thạch Xá	DTL	0,06		0,06	Huyện Thạch Thất	2022
126	Nạo vét, kè ao cá Bắc Hồ thôn Yên Lỗ xã Cẩm Yên	DTL	3,15		3,15	Huyện Thạch Thất	2022
127	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới tiêu trạm bơm Phương Nhị	DTL	1,60		-	Huyện Thanh Oai	2021-2022
128	Dự án cải tạo nâng cấp và xây dựng mới cụm công trình đầu mối trạm bơm Bộ Đầu, huyện Thường Tín	DTL	27,07	17,87	9,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
129	Trạm xử lý nước thải tại các xã Liên Phương, Lê Lợi, Tô Hiệu, Văn Tự, Vạn Diêm, Nhị Khê, Hòa Bình, Duyên Thái	DTL	3,74	0,05	3,69	Huyện Thường Tín	2022-2025
130	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đê sông Hồng, sông Nhuệ, và các sông, kênh mương trên địa bàn huyện Thường Tín	DTL	3,00		3,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
131	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thải xã Văn Phú, huyện Thường Tín	DTL	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2021
132	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cụm công trình đầu mối trạm bơm Bộ Đầu, huyện Thường Tín	DTL	6,56	6,56	6,56	Huyện Thường Tín	2022
133	Cải tạo, nâng cấp đê Sông Nhuệ trên địa bàn các xã: Khánh Hà, Hòa Bình, Hiền Giang, Tân Minh và Nghiêm Xuyên	DTL	1,04	0,50	1,04	Huyện Thường Tín	2022
134	Khôi thông dòng chảy, kè, nâng cấp mặt đê tọa cảnh quan, bộ hành 2 bờ sông Tô Lịch dài 7km trên địa bàn huyện	DTL	1,40		1,40	Huyện Thường Tín	2022
135	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thoát nước phía Bắc đường Nguyễn Toàn, đường Nguyễn Vĩnh Tích	DTL	0,31		0,31	Huyện Thường Tín	2021
136	Trạm xử lý nước thải Văn Đình	DTL	1,20		1,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
137	Dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	DTL	16,70		16,70	Quận Hà Đông	2021-2022
138	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường, rãnh thoát nước, vỉa hè khu tập thể Bưu Điện - Tổ dân phố 3 Phú La	DTL	0,16		0,16	Quận Hà Đông	2021-2022
139	Cải tạo nâng cấp hệ thống đường rãnh thoát nước còn lại tổ 3	DTL	0,01		0,01	Quận Hà Đông	2021-2022
140	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cụm công nghiệp Biên Giang, quận Hà Đông	DTL	0,03		0,03	Quận Hà Đông	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
141	Dự án Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường, hệ thống thoát nước và tường rào phố Tiểu Công Nghệ (giai đoạn 2)	DTL	0,01		0,01	Quận Hà Đông	2021
142	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp sông Cầu Bấy, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	DTL	0,97			Quận Long Biên	2022
143	Phục hồi, cải tạo Trạm cấp nước Sài Đồng công suất 5.000 m3/ngđ	DTL	0,14			Quận Long Biên	2022
144	Cống hóa mương thoát nước sau trường tiểu học Xuân La (đoạn từ Võ Chí Công đến ngõ 34 Xuân La)	DTL	0,20		0,20	Quận Tây Hồ	2021
145	Xây dựng HTKT xung quanh hồ Đàm Bấy	DTL	1,74		0,54	Quận Tây Hồ	2021
146	Cải tạo Môi trường hồ Tứ Liên	DTL	2,74		2,74	Quận Tây Hồ	2021
147	Cống hóa mương thoát nước liên phường trên địa bàn phường Tứ Liên (đoạn ngõ 238 Âu Cơ đến ngõ 124 Âu Cơ)	DTL	1,00		1,00	Quận Tây Hồ	2021
148	Mặt bằng chiếm đất tuyến cống xã và cống dẫn trạm bơm Phú Thượng	DTL	1,03		1,03	Quận Tây Hồ	2021
149	Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh mương thoát nước Thụy Khuê đoạn dốc La Pho đến Cổng Đờ	DTL	1,77		1,77	Quận Tây Hồ	2021
150	XD HTKT xung quanh hồ Quảng Bá, Hồ Đàm Bấy (phần còn lại của gói thầu 23 thuộc dự án HTKT xung quanh Hồ Tây	DTL	1,74		0,54	Quận Tây Hồ	2022
151	Gia cố kè để hữu sông Hồng từ K26 + 580 - K32 + 000 thành phố Hà Nội	DTL	5,40	3,75	1,65	Thị xã Sơn Tây	2022
152	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1 đoạn qua địa bàn thị xã Sơn Tây.	DTL	0,51	-	0,51	Thị xã Sơn Tây	2022
153	Cải tạo nạo vét hồ Lớn và làm đường dạo ven hồ, phường Phú Thịnh	DTL	1,00		1,00	Thị xã Sơn Tây	2022
154	Dự án: Cải tạo, nâng cấp và phát huy giá trị đầm Đượng (khu vực thôn Lê Khê – Kỳ Sơn) xã Xuân Sơn	DTL	2,00		2,00	Thị xã Sơn Tây	2022
155	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh từ Vai Đá đi sông Hang, xã Kim Sơn	DTL	0,35		0,35	Thị xã Sơn Tây	2022
156	Cải tạo ao Cổng làng Đông Sàng, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây	DTL	0,04	0,04	-	Thị xã Sơn Tây	2023
157	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước xã Đường Lâm (Hạng mục : Khu vực thôn Đông Sàng), thị xã Sơn Tây	DTL	0,90	0,90	-	Thị xã Sơn Tây	2023
158	Nâng cấp, cải tạo các tuyến kênh mương xã Đường Lâm	DTL	3,50	3,50	-	Thị xã Sơn Tây	2023
159	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh từ Nghĩa Sơn đi Vai Đá xã Kim Sơn	DTL	3,50	3,50	-	Thị xã Sơn Tây	2023
160	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu trạm bơm Phú Thụ tại các huyện Phúc Thọ, Thạch Thất và Thị xã Sơn Tây	DTL	4,96	3,96	2,00	Huyện Phúc Thọ	2021
161	Xây dựng trạm bơm Cẩm Đình, Phương Độ, Thuấn Trung và Đồng Tụ	DTL	2,50		2,50	Huyện Phúc Thọ	2021
162	Cải tạo, nâng cấp đê Tả Tích đoạn qua địa phận huyện Phúc Thọ	DTL	3,00	2,00	1,00	Huyện Phúc Thọ	2022
163	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1B và hệ thống kênh tiêu Hát Môn (gồm kênh tiêu Hát Môn. B1. B2. B3)	DTL	4,10	1,70	2,40	Huyện Phúc Thọ	2022
164	Cải tạo nâng cấp đê Hữu Hồng, đê Ngọc Tảo kết hợp giao thông	DTL	15,00	9,00	3,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
165	Xây dựng tuyến mương Việt Hưng - Cầu Báy và hồ điều hòa cự khối, phường Thạch Bàn - Cự Khối, quận Long Biên	DTL	47,00			Quận Long Biên	2022
166	Xây dựng trạm bơm Cự Khối và tuyến mương xả ngoài đê tả sông Hồng, phường Thạch Bàn - Cự Khối, quận Long Biên	DTL	15,00			Quận Long Biên	2022
B.9	Đất cơ sở văn hóa	DVH					
1	Nhà Văn hóa thôn Yên Thành, Việt Long	DVH	0,39		0,39	Huyện Ba Vì	2021
2	Trung tâm văn hóa	DVH	8,00		8,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
3	Cơ sở văn hóa các xã	DVH	45,00	-	45,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
4	Nhà văn hóa Tiên Sơn	DVH	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2022
5	Nhà văn hóa thôn Phụ Chính, xã Hòa Chính	DVH	0,37		0,37	Huyện Chương Mỹ	2022
6	Nhà văn hóa Hưng Thịnh xã trần Phú	DVH	0,36		0,36	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Nhà văn hóa trung tâm xã Trần Phú	DVH	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
8	Nhà văn hóa trung tâm xã	DVH	0,08		0,08	Huyện Chương Mỹ	2022
9	Nhà văn hóa trung tâm xã Trần Phú	DVH	0,41		0,41	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Nhà văn hóa khu Tân Mai, TT Xuân Mai	DVH	0,23		0,23	Huyện Chương Mỹ	2022
11	Nhà văn hóa thôn 3, xã Đại Yên	DVH	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Nhà văn hóa thôn 4, xã Đại Yên	DVH	0,27		0,27	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Nhà văn hóa thôn An Hiền, xã Hoàng Diệu	DVH	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2022
14	Nhà văn hóa Thôn An Sơn, xã Đông Sơn	DVH	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
15	Nhà văn hóa thôn Đồi Ngai xã Nam Phương Tiến	DVH	0,27		0,27	Huyện Chương Mỹ	2022
16	Nhà Văn hóa Thôn Hồng Thái xã Trần Phú	DVH	0,32		0,32	Huyện Chương Mỹ	2022
17	Nhà văn hóa thôn Khê Than, xã Phú Nghĩa	DVH	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
18	Nhà văn hóa Thôn Lũng Vĩ, xã Đông phương Yên	DVH	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2022
19	Nhà văn hóa thôn Lương Sơn, xã Đông Sơn	DVH	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
20	Nhà văn hóa thôn Mỗ Xá, xã Phú Nam An	DVH	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
21	Nhà văn hóa Thôn Mới xã Hồng Phong	DVH	0,08		0,08	Huyện Chương Mỹ	2022
22	Nhà văn hóa thôn Nghĩa Hào, xã Phú Nghĩa	DVH	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2022
23	Nhà văn hóa thôn Nhân Lý xã Nam Phương Tiến	DVH	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
24	Nhà văn hóa thôn Non Nông, xã Ngọc Hòa	DVH	0,22		0,22	Huyện Chương Mỹ	2022
25	Nhà văn hóa thôn Phú Bến, xã Thụy Hương	DVH	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
26	Nhà văn hóa thôn Phụng Luật, xã Đồng Lạc	DVH	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
27	Nhà văn hóa thôn Quyết Hạ, xã Đông Sơn	DVH	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2022
28	Nhà văn hóa thôn Quyết Thượng, xã Đông Sơn	DVH	0,19		0,19	Huyện Chương Mỹ	2022
29	Nhà văn hóa thôn Tân An, xã Thụy Hương	DVH	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
30	Nhà Văn hóa Thôn Tân Hội xã Trần Phú	DVH	0,11		0,11	Huyện Chương Mỹ	2022
31	Nhà văn hóa thôn Tân Hợp, xã Văn Võ	DVH	0,28		0,28	Huyện Chương Mỹ	2022
32	Nhà văn hóa Thôn Thượng xã Hồng Phong	DVH	0,08		0,08	Huyện Chương Mỹ	2022
33	Nhà văn hóa thôn thuróp, xã Trần Phú	DVH	0,31		0,31	Huyện Chương Mỹ	2022
34	Nhà văn hóa Thôn Tiến Ân, xã Thủy Xuân Tiên	DVH	0,16		0,16	Huyện Chương Mỹ	2022
35	Nhà văn hóa Thôn Tiên Trượng, xã Thủy Xuân Tiên	DVH	0,23		0,23	Huyện Chương Mỹ	2022
36	Nhà văn hóa thôn Tiến Văn, xã Hoàng Văn Thụ	DVH	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
37	Nhà văn hóa thôn Tinh Mỹ, xã Trung Hòa	DVH	0,19		0,19	Huyện Chương Mỹ	2022
38	Nhà văn hóa thôn Trung Cao, xã Trung Hòa	DVH	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2022
39	Nhà Văn hóa Thôn trung tiến xã Trần Phú	DVH	0,32		0,32	Huyện Chương Mỹ	2022
40	Nhà văn hóa Thôn Xuân Linh, xã Thủy Xuân Tiên	DVH	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
41	Nhà văn hóa Thôn Yên Kiện, xã Đông phương Yên	DVH	0,13		0,13	Huyện Chương Mỹ	2022
42	Nhà văn hóa thôn Yên Lạc, xã Đồng Lạc	DVH	0,11		0,11	Huyện Chương Mỹ	2022
43	Nhà văn hóa thôn Yên Trường 2, xã Trường Yên	DVH	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2022
44	Nhà văn hóa Xóm 4, xã Thủy Xuân Tiên	DVH	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
45	Nhà văn Thôn 5, xã Quảng Bị	DVH	0,19		0,19	Huyện Chương Mỹ	2022
46	Nhà văn Thôn Liên Hợp, xã Quảng Bị	DVH	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2022
47	Nhà văn hoá thôn Tiến Bộ	DVH	0,07		0,07	Huyện Đan Phượng	2022
48	Nhà văn hoá phố Nguyễn Thái Học	DVH	0,07		0,07	Huyện Đan Phượng	2022
49	Dự án tu bổ, tôn tạo Đài tưởng niệm 09 dũng sỹ - liệt sỹ bảo vệ đập phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	DVH	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2022
50	Trung tâm văn hóa thể thao xã Thượng Mỗ; hạng mục: Sân nền, kè đá, công tường rào	DVH	1,45		1,45	Huyện Đan Phượng	2022
51	Dự án Nhà văn hoá thôn Tổ	DVH	0,08	0,08		Huyện Đan Phượng	2021
52	Trung tâm văn hóa thể thao xã Hạ Mỗ	DVH				Huyện Đan Phượng	2024-2025
53	Xây mới NVH tổ 24 thị trấn Đông Anh (Khu vực Công ty ô tô 01/5)	DVH	0,72		0,72	Huyện Đông Anh	2021-2025
54	Xây dựng đền thờ Ngô Quyền tại khu di tích thành Cổ Loa, huyện Đông Anh	DVH	4,34		4,34	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
55	Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa thôn Mạch Lũng	DVH	0,36		0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
56	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch	DVH	1,44		1,44	Huyện Đông Anh	2021-2025
57	Trồng cây xanh kết hợp điểm sinh hoạt cộng đồng tại các điểm: trường cấp 1,2 cũ thôn Mạch Lũng; khu Ao Đình thôn Mạch Lũng; khu Đầm Sen thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch (giai đoạn 1); khu Đầm Sen thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch (giai đoạn 2); khu phía Bắc miếu Lũng Đông, thôn Mạch Lũng; khu Đầm Am thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch	DVH	13,93		13,93	Huyện Đông Anh	2021-2025
58	Xây dựng khu sinh hoạt văn hóa cộng đồng thôn Lại Đà	DVH	10,20		10,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
59	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lại Đà tại khu giáp trường Mầm non thôn Lại Đà, xã Đông Hội	DVH	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
60	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng phía Đông thôn Đồng Dầu; thôn Đồng Dầu; khu E7 thôn Dục Tú 2; phía Nam thôn Ngọc Lôi	DVH	2,51		2,51	Huyện Đông Anh	2021-2025
61	Xây dựng trung tâm văn hóa khu dân cư Thăng Long	DVH	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
62	Xây dựng trung tâm văn hóa thôn Hải Bối	DVH	3,00		3,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
63	Mở rộng khuôn viên phía Nam nhà Văn Hóa thôn Yên Hà, xã Hải Bối	DVH	0,11		0,11	Huyện Đông Anh	2021-2025
64	Kè ao, điểm sinh hoạt cộng đồng, bãi rác, bãi VLXD khu Đồng Bướm thôn Hải Bối, xã Hải Bối	DVH	0,70		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
65	XD điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp cây xanh, bãi đỗ xe: phía Đông xóm Đồng một; phía Nam điểm Đầu giá X2 Thôn Bắc; phía Đông xóm 1 Bắc, 2 Bắc	DVH	2,68		2,68	Huyện Đông Anh	2021-2025
66	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cầu Thăng Long	DVH	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021
67	XD các điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp cây xanh: phía Nam khu hồ Địa Vệt Thôn Thọ Đa; Ao trường học thôn Bắc; khu gò Bãi Đình Thôn Thọ Đa; phía Tây hộ ông Chuyên Thôn Thọ Đa; phía Nam xóm Bàng (trước cửa nhà ông bà Hòa Tuyết); giáp điểm X4 Khu Cột cờ thôn Đoài	DVH	2,40		2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
68	Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa xóm Mới thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm	DVH	0,27		0,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
69	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lê Xá, xã Mai Lâm	DVH	0,33		0,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
70	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lộc Hà	DVH	0,33		0,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
71	Trồng cây xanh kết hợp bãi đỗ xe và điểm sinh hoạt cộng đồng khu nhà văn hóa cũ thôn Đồng; các điểm đất công trên địa bàn xã;	DVH	1,28		1,28	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
72	Xây dựng các nhà văn hóa, khu sinh hoạt cộng đồng, cây xanh: khu đô thị Nguyên Khê ;trước và sau khu nhà thờ thôn Đại Bần; theo quy hoạch tại Xóm Ngõ; kè ao theo quy hoạch sau làng thôn Sơn Du; phía nam cầu xóm 6 Nguyên Khê; phía Bắc cầu xóm 6 Nguyên Khê; xóm đường	DVH	5,71		5,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
73	Xây dựng vườn hoa trung tâm và đài tưởng niệm liệt sỹ Tầm Xá	DVH	0,36		0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
74	Xây dựng điểm vui chơi, sinh hoạt cộng đồng tại khu hồ trạm y tế cũ; thôn Đoài, xã Tầm Xá	DVH	0,09		0,09	Huyện Đông Anh	2021-2025
75	Xây dựng trung tâm văn hóa xã kết hợp nhà thi đấu đa năng xã Tầm Xá	DVH	0,64		0,64	Huyện Đông Anh	2021-2025
76	Đầu tư xây dựng điểm đỗ xe, điểm sinh hoạt cộng đồng khu đầu cầu thôn Cổ Miếu, xã Thụy Lâm	DVH	0,15		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
77	Đầu tư xây dựng Nhà Văn hóa khu 5 xã Thụy Lâm (khu phen ngói)	DVH	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
78	Đầu tư xây dựng Nhà Văn hóa khu 7, xã Thụy Lâm	DVH	0,99		0,99	Huyện Đông Anh	2021-2025
79	Mở rộng khuôn viên nhà VH thôn Trung Oai	DVH	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
80	Xây dựng nhà VH, điểm SH CD phía nam thôn Tuấn Lễ (giáp khu nhà ở xã hội)	DVH	0,55		0,55	Huyện Đông Anh	2021-2025
81	Xây dựng các điểm sinh hoạt cộng đồng: khu vực sân bóng xóm Còi thôn Trung Oai; trước cổng đình thôn Lễ Pháp; thôn Lương Nỗ; Tây Nam thôn Tiên Kha xã Tiên Dương	DVH	1,67		0,82	Huyện Đông Anh	2021-2025
82	Xây dựng Nhà văn hóa huyện Đông Anh	DVH	7,01	2,49	4,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
83	Xây dựng khu vui chơi sinh hoạt cộng đồng kết hợp cây xanh và bãi đỗ xe thôn Hà Khê 1; thôn Hà Khê 2, xã Vân Hà	DVH	1,52		1,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
84	Mở rộng mới trung tâm văn hóa xã Vân Hà	DVH	0,90		0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
85	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cổ Châu, xã Vân Hà	DVH	0,27		0,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
86	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thiết Bình, xã Vân Hà	DVH	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
87	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng tại các thôn: Hà Khê; thôn Thiết Bình, xã Vân Hà	DVH	0,79		0,79	Huyện Đông Anh	2021-2025
88	Trồng cây xanh kết hợp bãi đỗ xe điểm sinh hoạt cộng đồng tại khu cổng Hàu (Ma lê) thôn Trung	DVH	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
89	Xây dựng điểm vui chơi Ao dài kết hợp khu nhà văn hóa thôn Đoài, xã Việt Hùng	DVH	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
90	Xây dựng khu sinh hoạt cộng đồng khu Đông, xã Việt Hùng	DVH	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
91	Xây dựng nhà văn hóa cụm dân cư số 3, cụm dân cư số 4 thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc	DVH	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
92	Trồng cây xanh, bãi đỗ xe điểm sinh hoạt cộng đồng xóm mới thôn Vồng La.	DVH	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
93	Xây dựng Khu cây xanh sinh hoạt cộng đồng xóm Ấp, thôn Sáp Mai, xã Vồng La, huyện Đông Anh	DVH	0,34		0,34	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
94	Xây dựng khuôn viên nhà văn hóa, sân vận động kết hợp bãi đỗ xe và điểm sinh hoạt cộng đồng thôn Xuân Trạch	DVH	0,15		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
95	Dự án xây dựng khuôn viên Nhà văn hoá thôn Xuân Trạch	DVH	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
96	Trồng cây xanh, kè ao, điểm sinh hoạt cộng đồng tại khu vực ao Dộc trong thôn Văn Thượng; thôn Vạn Lộc, xã Xuân Canh	DVH	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
97	Trồng cây xanh, bãi đỗ xe kết hợp điểm sinh hoạt cộng đồng ao Phía Nam xóm 1 thôn Kim Tiên	DVH	3,27		3,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
98	Trồng cây xanh, điểm sinh hoạt cộng đồng Phía tây Bắc thôn Đường Nhạn	DVH	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
99	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể dục thể thao xã Đông Hội, huyện Đông Anh	DVH	2,31		2,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
100	Xây dựng nhà văn hóa các tổ dân phố thị trấn Đông Anh	DVH	0,47		0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
101	Xây dựng vườn hoa, cây xanh tổ dân phố Kiền Thành, thị trấn Trâu Quỳ huyện Gia Lâm	DVH	1,70			Huyện Gia Lâm	2022
102	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Đa Tốn, giai đoạn II	DVH	2,30			Huyện Gia Lâm	2022
103	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Dương Hà	DVH	1,10			Huyện Gia Lâm	2022
104	Xây dựng trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện Gia Lâm	DVH	5,00			Huyện Gia Lâm	2022
105	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã Dương Xá	DVH	2,00		2,00	Huyện Gia Lâm	2024-2025
106	Mở rộng Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Gia Lâm	DVH				Huyện Gia Lâm	2024-2025
107	Mở rộng nhà văn hóa Huyện Gia Lâm	DVH	1,20		1,20	Huyện Gia Lâm	2024-2025
108	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Đình Xuyên	DVH	1,50		1,50	Huyện Gia Lâm	2024-2025
109	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Đình Xuyên - GD 2	DVH	0,50		0,50	Huyện Gia Lâm	2024-2025
110	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Kiều Kỵ	DVH	1,10		1,10	Huyện Gia Lâm	2024-2025
111	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trung tâm văn hóa thể thao xã Kim Sơn (Ao Lò Gạch Thôn Kim Sơn)	DVH	1,30		1,30	Huyện Gia Lâm	2024-2025
112	Xây dựng Trung tâm văn hoá thể thao xã Đặng Xá	DVH	1,50		1,50	Huyện Gia Lâm	2024-2025
113	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trùng Quán, xã Yên Thường	DVH	0,07		0,07	Huyện Gia Lâm	2023-2024
114	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng	DVH	0,05		0,05	Huyện Gia Lâm	2023-2024
115	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5+6 xã Đình Xuyên	DVH	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
116	Xây dựng nhà văn hóa thôn 8, xã Đình Xuyên	DVH	0,05		0,05	Huyện Gia Lâm	2023-2024
117	Xây dựng nhà văn hoá thôn 1 Giang Cao, xã Bát Tràng	DVH	0,21			Huyện Gia Lâm	2023-2024
118	Xây dựng nhà văn hoá thôn 3 Giang Cao, xã Bát Tràng	DVH	0,22			Huyện Gia Lâm	2023-2024
119	Xây dựng nhà văn hoá các thôn: Nhân Lễ, An Đà; xã Đặng Xá	DVH	0,16		0,16	Huyện Gia Lâm	2023-2024
120	Xây dựng HTKT và nhà văn hóa trung tâm xã Kim Chung	DVH	1,70			Huyện Hoài Đức	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
121	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm kết hợp khu cây xanh công cộng xã Minh Khai	DVH	1,30			Huyện Hoài Đức	2022
122	Xây dựng nhà văn hóa tổ 4 thị trấn Quang Minh	DVH	0,50		0,50	Huyện Mê Linh	2022
123	Nhà văn hóa thôn Đại Bái, xã Đại Thịnh	DVH	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2022
124	Nhà văn hóa thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh	DVH	0,17		0,17	Huyện Mê Linh	2022
125	Nhà văn hoá thôn Thượng, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2022
126	Nhà văn hóa thôn Thọ Lão	DVH	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2022
127	Nhà văn hóa thôn Trung Hà	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2022
128	Nhà văn hóa thôn Văn Quán 2, xã Văn Khê	DVH	0,18		0,18	Huyện Mê Linh	2022
129	Nhà văn hóa thôn Khê Ngoại 3, xã Văn Khê	DVH	0,18		0,18	Huyện Mê Linh	2022
130	Nhà văn hóa thôn Khê Ngoại 5, xã Văn Khê	DVH	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2022
131	Nhà văn hóa thôn 1 Hạ Lôi, xã Mê Linh	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2022
132	Nhà văn hóa thôn 2 Hạ Lôi, xã Mê Linh	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2022
133	Nhà văn hóa thôn 4 Hạ Lôi, xã Mê Linh	DVH	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2022
134	Nhà văn hóa thôn Thanh Vân, xã Thanh Lâm	DVH	0,25		0,25	Huyện Mê Linh	2022
135	Nhà sinh hoạt cộng đồng Văn hóa - Thể dục thể thao tổ dân phố số 1, thị trấn Quang Minh	DVH	0,24		0,24	Huyện Mê Linh	2022
136	Nhà văn hóa thôn Đông Cao, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh	DVH	0,13		0,13	Huyện Mê Linh	2022
137	Nhà văn hóa tổ dân phố số 2 thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh	DVH	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2022
138	Nhà sinh hoạt cộng đồng Văn hóa - Thể dục thể thao tổ dân phố số 2, thị trấn Quang Minh	DVH	0,24		0,24	Huyện Mê Linh	2022
139	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thanh Diềm; Yên Thị; Kỳ Đồng; Chu Trần; Yên Giáp.	DVH	0,50			Huyện Mê Linh	2022
140	Nhà văn hóa thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm	DVH	0,33			Huyện Mê Linh	2022
141	Nhà văn hóa TDP số 8, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh	DVH	0,30			Huyện Mê Linh	2022
142	Nhà văn hóa thôn Bạch Đa	DVH	0,19			Huyện Mê Linh	2022
143	Nhà văn hóa thôn Kim Tiền	DVH	0,11			Huyện Mê Linh	2022
144	Nhà văn hóa thôn Yên Phú	DVH	0,15			Huyện Mê Linh	2022
145	Nhà văn hóa thôn Bến Già	DVH	0,10			Huyện Mê Linh	2022
146	Nhà văn hóa thôn Ngọc Trì	DVH	0,19			Huyện Mê Linh	2022
147	Nhà văn hóa thôn Phù Trì	DVH	0,20			Huyện Mê Linh	2022
148	Xây dựng nhà văn hóa tổ 7 thị trấn Quang Minh	DVH	0,50			Huyện Mê Linh	2022
149	Nhà văn hóa Tân Châu, Chu Phan, Nại Châu, Mạch Từ,	DVH	1,10			Huyện Mê Linh	2022
150	Xây dựng cổng, tường rào, sân vườn và hệ thống chiếu sáng nhà văn hóa thôn Yên Thị, thôn Yên Giáp, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	DVH	0,07		0,07	Huyện Mê Linh	2022
151	Xây dựng nhà văn hóa thôn Khê Ngoại 2, xã Văn Khê, huyện Mê Linh	DVH	0,49		0,49	Huyện Mê Linh	2023-2025
152	Nhà văn hóa thôn Khê Ngoại 5, xã Văn Khê	DVH	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2023-2025
153	Nhà văn hóa thôn Văn Quán 2, xã Văn Khê	DVH	0,18		0,18	Huyện Mê Linh	2023-2025
154	Nhà văn hóa thôn Khê Ngoại 3, xã Văn Khê	DVH	0,18		0,18	Huyện Mê Linh	2023-2025
155	Nhà văn hóa thôn Khê Ngoại I, xã Văn Khê	DVH	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2023-2025
156	Nhà văn hoá thôn Thượng, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2023-2025
157	Nhà văn hóa thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh	DVH	0,17		0,17	Huyện Mê Linh	2023-2025
158	Nhà văn hóa thôn 4 Hạ Lôi, xã Mê Linh	DVH	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2023-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
159	Nhà văn hóa thôn 2 Hạ Lôi, xã Mê Linh	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2023-2025
160	Nhà văn hóa tổ 2 tại khu đồng Sau	DVH	0,25		0,25	Huyện Mê Linh	2023-2025
161	Nhà văn hóa thôn Thọ Lão	DVH	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2023-2025
162	QH Nhà văn hóa thôn Trung Hà	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2023-2025
163	Nhà văn hóa thôn Thanh Vân, xã Thanh Lâm	DVH	0,25		0,25	Huyện Mê Linh	2023-2025
164	QH Nhà văn hóa thôn Tráng Việt (đồng Vịt Thượng)	DVH	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2023-2025
165	Nhà văn hóa thôn 1 Hạ Lôi, xã Mê Linh	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2023-2025
166	Công viên Thủy Đình (cá diêm rồi nước)	DVH	1,58			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
167	Tượng đài mỹ thuật	DVH	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
168	Xây mới NVH Tổ dân phố Tế Tiêu	DVH	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
169	Xây nhà văn hóa xã	DVH	1,45			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
170	Nhà văn hóa thôn Trung	DVH	0,32			Huyện Mỹ Đức	2021
171	Xây mới Nhà văn hóa trung tâm	DVH	0,11			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
172	Nhà văn hóa thôn Trê	DVH	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
173	Nhà văn hóa thôn Giữa Quýt 1	DVH	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
174	Nhà văn hóa thôn Giữa Quýt 2	DVH	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
175	Nhà văn hóa xã	DVH	0,35			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
176	Nhà văn hóa thôn Khâm Lâm	DVH	0,16			Huyện Mỹ Đức	2021
177	Nhà văn hóa thôn Chân Chim	DVH	0,10			Huyện Mỹ Đức	2021
178	Nhà văn hóa thôn Phúc Lâm Thượng	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2021
179	Nhà VH thôn Phúc Lâm Hạ	DVH	0,30			Huyện Mỹ Đức	2021
180	Nhà Văn hóa thôn Phúc Lâm Trung	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2021
181	Nhà Văn Hóa thôn Phù Yên	DVH	0,07			Huyện Mỹ Đức	2021
182	Nhà Văn hóa xã	DVH	0,25			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
183	Xây mới nhà văn hóa thôn Vĩnh Lạc	DVH	0,31			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
184	Xây mới nhà văn hóa thôn Vĩnh xương Trung	DVH	0,21			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
185	Xây mới nhà văn hóa thôn Vĩnh xương Thượng	DVH	0,34			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
186	Xây mới nhà văn hóa trung tâm xã	DVH	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
187	Xây mới nhà văn hóa xã	DVH	0,36			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
188	Xây dựng NVH thôn Phúc Khê	DVH	0,10			Huyện Mỹ Đức	2021-2022
189	Nhà Văn Hóa xã	DVH	0,25			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
190	Nhà văn hóa thôn Đoàn Nữ	DVH	0,37			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
191	Nhà văn hóa thôn Thượng	DVH	0,10			Huyện Mỹ Đức	2021
192	Nhà văn hóa thôn Vĩnh An	DVH	0,19			Huyện Mỹ Đức	2021
193	Nhà văn hóa xã	DVH	0,25			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
194	Nhà văn hóa thôn Trung	DVH	0,26			Huyện Mỹ Đức	2021
195	Nhà văn hóa thôn Bình Lạng	DVH	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
196	Nhà văn hóa thôn Đặng	DVH	0,25			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
197	Trung Tâm văn hóa xã	DVH	0,74			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
198	Nhà Văn hóa thôn Áng Hạ	DVH	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
199	Nhà Văn hóa thôn Lê Xá	DVH	0,25			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
200	Nhà Văn hóa thôn Áng Thượng	DVH	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
201	Nhà văn hóa trung tâm xã	DVH	0,28			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
202	Nhà Văn hóa thôn Tân Độ	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
203	Nhà văn hóa xã	DVH	0,60			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
204	Nhà văn hóa thôn Thượng 1	DVH	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
205	Nhà văn hoá xóm Mới	DVH	0,15			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
206	Xây mới nhà văn hóa thôn 4	DVH	0,15			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
207	Quy hoạch NVH thôn 10	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
208	Nhà văn hoá xã	DVH	0,37			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
209	Nhà văn hóa xã	DVH	0,35			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
210	Nhà văn hóa thôn Kim Bôi	DVH	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
211	Nhà văn hóa xã	DVH	0,25			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
212	Mở rộng nhà văn hóa và khu thể thao Vạn Phúc	DVH	0,46			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
213	Nhà văn hóa xóm 6	DVH	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
214	Nhà văn hóa xóm 4	DVH	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
215	Nhà văn hóa xóm 3	DVH	0,07			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
216	Nhà văn hóa xóm 7	DVH	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
217	Nhà văn hóa xã	DVH	0,18			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
218	Nhà văn hóa xã	DVH	2,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
219	Nhà văn hóa thôn Nông Khê	DVH	0,26			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
220	Nhà Văn Hóa thôn Vạn Thắng	DVH	0,21			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
221	Nhà Văn Hóa thôn Hiền Lương	DVH	0,15			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
222	Nhà văn hóa xã An Tiến	DVH	0,17			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
223	Trung tâm sinh hoạt cộng đồng	DVH	0,13			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
224	Khu sinh hoạt cộng đồng Cửa Quan	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
225	Khu sinh hoạt cộng đồng Cửa Kho	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
226	Nhà văn hoá xã	DVH	0,56			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
227	Nhà văn hóa thôn Ái	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
228	Nhà văn hóa thôn Vài	DVH	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
229	Nhà văn hóa thôn Phú Hiền	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2021
230	Nhà văn hóa thôn Đồng Chiêm	DVH	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
231	Nhà văn hóa thôn Ái Nàng	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
232	Nhà Văn hóa thôn Đức Dương	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
233	Nhà văn hóa thôn Đồng Văn	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
234	Nhà văn hóa thôn Phú Thanh	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
235	Nhà văn hóa thôn Đồi Dừng	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
236	Nhà văn hóa thôn Nam Hưng	DVH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
237	Nhà văn hóa trung tâm	DVH	0,64			Huyện Mỹ Đức	2021
238	Dự án Trung tâm văn hóa thể thao xã Đại Thắng	DVH	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2022
239	Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện	DVH	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
240	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Tri Trung	DVH	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
241	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Hồng Minh	DVH	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
242	Nhà Văn hóa thôn An Bình, xã Bạch Hạ	DVH	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021
243	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Châu Can	DVH	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2023
244	Nhà Văn hóa thôn Trung, xã Châu Can	DVH	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021
245	Nhà Văn hóa thôn Mỹ Văn, xã Chuyên Mỹ	DVH	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021
246	Nhà Văn hóa thôn Hạ, xã Chuyên Mỹ	DVH	0,11		0,11	Huyện Phú Xuyên	2021
247	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Chuyên Mỹ	DVH	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2025
248	Nhà văn hóa thôn Bối Khê	DVH	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
249	Trung tâm văn hóa thể thao xã Đại Thắng	DVH	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
250	Nhà văn hóa thôn Kiều Đông	DVH	0,12		0,12	Huyện Phú Xuyên	2023
251	Tượng đài chiến thắng Cầu Giẽ	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2025
252	Nhà văn hóa thôn Kim Long Thượng, xã Hoàng Long	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021
253	Nhà văn hóa thôn Hoàng Đông	DVH	0,07		0,07	Huyện Phú Xuyên	2021
254	Nhà Văn hóa thôn Thanh Xuyên	DVH	0,09		0,09	Huyện Phú Xuyên	2022
255	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Hồng Minh	DVH	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2023
256	Nhà Văn hóa thôn An Cốc xã Hồng Minh	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
257	Nhà văn hóa thôn Phù Bật xã Hồng Minh	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2023
258	Nhà văn hóa thôn Giữa, xã Hồng Minh	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2024
259	Nhà Văn hóa thôn Lát Dương, xã Hồng Thái	DVH	0,26		0,26	Huyện Phú Xuyên	2021
260	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Hồng Thái	DVH	0,95		0,95	Huyện Phú Xuyên	2023
261	Nhà Văn hóa thôn Thành Lập 1, xã Minh Tân	DVH	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021
262	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Nam Phong	DVH	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2023
263	Nhà văn hóa thôn Chanh Thôn, xã Nam Tiến	DVH	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021
264	QH nhà văn hóa thôn Văn Minh	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
265	Trung tâm văn hóa thể thao xã Nam Tiến	DVH	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2024
266	Nhà văn hóa xã Nam Triều	DVH	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2024
267	Trung tâm văn hóa- thể thao xã Nam Triều	DVH	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2023
268	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Phú Túc	DVH	3,20		3,20	Huyện Phú Xuyên	2022
269	Nhà văn hóa thôn Phú Túc xã Phú Túc	DVH	0,09		0,09	Huyện Phú Xuyên	2022
270	Nhà văn hóa thôn Đường La	DVH	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021
271	QH Nhà văn hóa thôn Lưu Xá khu vực Ô 1 Ao Đen	DVH	0,19		0,19	Huyện Phú Xuyên	2021
272	Nhà văn hóa thôn Tư Sản	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
273	Nhà Văn hóa thôn Thủy Phú, xã Phú Yên	DVH	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2021
274	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Phú Yên	DVH	3,30		3,30	Huyện Phú Xuyên	2022
275	Nhà Văn hóa thôn Khả Liễu, xã Phúc Tiến	DVH	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2021
276	QH nhà văn hóa Thôn Phượng Vũ	DVH	0,11		0,11	Huyện Phú Xuyên	2022
277	Trung tâm Văn Hoá- Thể Thao xã Quang Lăng	DVH	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2023
278	Nhà Văn hóa thôn Sơn Thanh, xã Sơn Hà	DVH	0,23		0,23	Huyện Phú Xuyên	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
279	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Tân Dân	DVH	1,40		1,40	Huyện Phú Xuyên	2023
280	Nhà Văn hóa thôn Lễ Nhuế, xã Tân Dân	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
281	Nhà Văn hóa thôn Hoàng Nguyên xã Tri Thủy	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2023
282	Nhà văn hóa thôn Tri Thủy, xã Tri Thủy	DVH	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2021
283	Nhà Văn hóa thôn Vĩnh Ninh, xã Tri Thủy	DVH	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021
284	Nhà Văn hóa thôn Tri Chi xã Tri Trung	DVH	0,89		0,89	Huyện Phú Xuyên	2022
285	Nhà Văn hóa tiểu khu Đường, thị trấn Phú Minh	DVH	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2021
286	Nhà văn hóa tiểu khu Phú Thịnh	DVH	0,19		0,19	Huyện Phú Xuyên	2022
287	Trung tâm VH thể thao huyện Phú Xuyên	DVH	7,00		7,00	Huyện Phú Xuyên	2024
288	Xây danh bia liệt sỹ	DVH	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2022
289	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Văn Hoàng	DVH	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
290	Nhà văn hóa thôn Hội, xã Văn Hoàng	DVH	0,21		0,21	Huyện Phú Xuyên	2021
291	Nhà Văn hóa thôn Nội xã Văn Hoàng	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
292	Nhà Văn Hóa thôn Từ Thuận, xã Văn Từ	DVH	0,12		0,12	Huyện Phú Xuyên	2021
293	Nhà Văn hóa thôn Chung, xã Văn Từ	DVH	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021
294	Nhà văn hóa thôn Chung Chấn	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
295	Nhà văn hóa thôn Ứng Cừ	DVH	0,36		0,36	Huyện Phú Xuyên	2022
296	Nhà văn hóa thôn Đông Hạ, Trại Vàng	DVH	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
297	Nhà văn hóa thôn Đồng Âm	DVH	0,19		0,19	Huyện Quốc Oai	2021-2025
298	Nhà văn hóa thôn Đồng Chằm	DVH	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
299	Nhà văn hóa thôn Thắng Đầu (giai đoạn I)	DVH	0,23	0,23	-	Huyện Quốc Oai	2021-2025
300	Nhà văn hóa thôn Thái Khê	DVH	0,14		0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
301	Nhà văn hóa Bến Vôi	DVH	0,33		0,33	Huyện Quốc Oai	2021-2025
302	Xây dựng Trung tâm Văn hóa xã Nghĩa Hương, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	0,74		0,74	Huyện Quốc Oai	2021-2025
303	Nhà văn hóa thôn Đồng Sơn	DVH	0,19		0,19	Huyện Quốc Oai	2021-2025
304	Nhà văn hóa thôn Liên Trì	DVH	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
305	Mở rộng nhà văn hóa thôn Muôn	DVH	0,14	0,10	0,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
306	Mở rộng nhà văn hóa Cổ Hiền	DVH	0,24	0,10	0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
307	QH mới nhà văn hóa và sân thể thao cụm dân cư số 1-Cộng Hòa	DVH	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
308	QH mới nhà văn hóa và sân thể thao cụm dân cư số 2-Cộng Hòa	DVH	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
309	QH mới nhà văn hóa và sân thể thao cụm dân cư số 6-Cộng Hòa	DVH	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
310	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Tân Hòa, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	1,04		1,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
311	Nhà văn hóa thôn Tình Lam	DVH	0,19		0,19	Huyện Quốc Oai	2021-2025
312	Xây dựng bảo tàng thiên nhiên Việt Nam	DVH	38,30		38,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
313	XD mới NVH thôn Đồng Bụt	DVH	0,09		0,09	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
314	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Ngọc Liệp, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	0,35		0,35	Huyện Quốc Oai	2021-2025
315	Xây dựng Trung tâm Văn hóa xã Ngọc Mỹ, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
316	XD nhà văn hóa thôn 1	DVH	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
317	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao xã Thạch Thán, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
318	Nâng cấp cải tạo nhà văn hoá thôn 3, thôn 4 xã Thạch Thán	DVH	0,90		0,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
319	Nhà văn hóa thôn Quảng Yên	DVH	0,03		0,03	Huyện Quốc Oai	2021-2025
320	Nhà văn hoá, kết hợp sân thể thao thôn 4	DVH	0,14		0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
321	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Sài Sơn, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	0,77		0,77	Huyện Quốc Oai	2021-2025
322	Nhà văn hóa thôn 3	DVH	0,60		0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
323	Xây dựng công trình hoàn trả Nhà văn hoá thôn 6 xã Phú Cát	DVH	0,60		0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
324	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Phú Cát, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	2,90	2,90		Huyện Quốc Oai	2021-2025
325	Xây mới nhà văn hóa thôn Cổ Rùa, xã Phú Mãn	DVH	0,14	0,14	-	Huyện Quốc Oai	2021-2025
326	Nhà văn hóa trung tâm xã Phú Mãn	DVH	1,24	0,19	1,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
327	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hoa Vôi	DVH	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
328	Dự án đầu tư xây dựng Trường quay ngoài trời	DVH	66,00		66,00	Huyện Sóc Sơn	2022
329	Dự án bảo tồn khu IV - Khu du lịch văn hóa nghi ngơi cuối tuần thuộc khu du lịch văn hóa huyện Sóc Sơn	DVH	65,10		65,10	Huyện Sóc Sơn	2022
330	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2, xã Hồng Kỳ	DVH	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
331	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Tiên Tao, xã Việt Long	DVH	0,21		0,21	Huyện Sóc Sơn	2022
332	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2, xã Hồng Kỳ	DVH	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
333	Nhà văn hoá xã Hiền Ninh	DVH	0,66		0,60	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
334	Nhà văn hoá khu dân cư đường 3	DVH	0,10		-	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
335	Nhà văn hoá thôn Tây Đoài	DVH	0,09		0,08	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
336	Nhà văn hoá khu dân cư Ba Hàng	DVH	0,51		0,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
337	Nhà văn hoá thôn Điện Quy	DVH	0,37		0,36	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
338	Nhà văn hoá thôn Ninh Kiều	DVH	0,25		0,25	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
339	Xây dựng nhà văn hóa TDP thị trấn Liên Quan (xây dựng NVH TDP Chi Quan 1)	DVH	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2021-2025
340	Xây dựng cổng, tường bao, cải tạo khuôn viên đền thờ Liệt sỹ huyện	DVH	0,36	0,19	0,17	Huyện Thạch Thất	2021-2022
341	Xây dựng nhà văn hóa khu phố (Đồng Cao, Phố Sắn)	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2022
342	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm thị trấn Liên Quan	DVH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2024-2025
343	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Đại Đồng	DVH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
344	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1, thôn 2, thôn 4, thôn 5 (Ngọc lâu), thôn 6	DVH	0,75		0,75	Huyện Thạch Thất	2021-2025
345	Đài tưởng niệm mồ chôn giặc Pháp	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
346	Cải tạo 3 nhà văn hóa thôn xã Cẩm Yên	DVH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
347	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân thể thao xã Cẩm Yên	DVH	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
348	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cẩm Bào	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
349	Xây dựng nhà văn hóa, sân thể thao thôn Yên Lỗ	DVH	0,25		0,25	Huyện Thạch Thất	2021-2025
350	Xây dựng nhà văn hóa, mở rộng sân thể thao thôn Minh Nghĩa	DVH	0,70	0,15	0,55	Huyện Thạch Thất	2021-2025
351	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Đồng Trúc	DVH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2022
352	Xây dựng tường bao, sân chơi và hạ tầng nhà văn hóa thôn Đồng Táng và khu Ba, thôn Tam Cảnh và cải tạo trường Mầm non Trúc Động thành nhà văn hóa thôn Trúc Động; khu Đồng Kho, Hòa Bình, Châm Muộn, Trúc voi và Chiến Thắng.	DVH	0,40	0,30	0,10	Huyện Thạch Thất	2022
353	XD nhà văn hóa thôn 3B xã Canh Nậu, thôn Phú Thụ xã Lại Thượng	DVH	0,16		0,16	Huyện Thạch Thất	2021-2022
354	Cải tạo nhà văn hóa thôn xã Hương Ngải; Xây dựng NVH thôn Thanh Câu xã Lại Thượng	DVH	0,15		0,15	Huyện Thạch Thất	2022
355	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Lại Thượng	DVH	0,75		0,75	Huyện Thạch Thất	2021-2025
356	Xây dựng nhà văn hóa thôn Bách Kim, Nội thôn xã Phú Kim	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2022
357	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Phú Kim	DVH	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
358	XD nhà văn hóa thôn 2 xã Kim Quan	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
359	XD nhà văn hóa thôn 84 xã Kim Quan	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
360	XD nhà văn hóa thôn 4 xã Kim Quan	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
361	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Kim Quan	DVH	0,39		0,39	Huyện Thạch Thất	2024-2025
362	Xây dựng mới nhà văn hóa trung tâm và cải tạo sân thể thao xã Hương Ngải	DVH	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2022
363	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Đồng Trúc	DVH	0,07		0,07	Huyện Thạch Thất	2022-2025
364	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Canh Nậu	DVH	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
365	Xây dựng trụ sở văn hóa thôn 2B xã Canh Nậu	DVH	0,08		0,08	Huyện Thạch Thất	2021-2022
366	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Dị Nậu	DVH	0,39		0,39	Huyện Thạch Thất	2022
367	Nhà văn hóa thôn 7 xã Thạch Xá (thôn Cầu Liều)	DVH	0,27		0,27	Huyện Thạch Thất	2021-2022
368	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Thạch Xá	DVH	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2024-2025
369	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Chàng Sơn	DVH	0,35		0,35	Huyện Thạch Thất	2021-2025
370	Nhà văn hóa thôn Đầu làng	DVH	0,06	0,04	0,02	Huyện Thạch Thất	2021-2022
371	Xây dựng nhà văn hóa thôn Bình Xá, thôn Cuối Chùa xã Bình Phú	DVH	0,13		0,13	Huyện Thạch Thất	2021-2022
372	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân thể thao xã Bình Phú	DVH	1,47		1,47	Huyện Thạch Thất	2021-2025
373	Xây dựng nhà văn hóa các thôn xã Hữu Bằng (Ba mát, Giếng, Sen)	DVH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2022
374	Xd nhà văn hóa thôn Bò	DVH	0,07		0,07	Huyện Thạch Thất	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
375	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Phùng Xá	DVH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2022
376	Quảng trường Bác Hồ	DVH	2,10		2,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
377	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Cần Kiệm	DVH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2024-2025
378	Các nhà văn hóa thôn Đồi Sen, Vân Lôi, Thái Bình, Linh Sơn, Hòa Lạc, Yên Mỹ, Thái Bình xã Bình Yên.	DVH	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
379	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Bình Yên	DVH	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2023-2024
380	Xây dựng nhà văn hóa thôn xã Tân Xã (xây mới thôn 4, cải tạo thôn 5)	DVH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
381	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Tân Xã	DVH	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2022
382	Xây dựng nhà văn hóa thôn Kim Bông	DVH	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
383	Mở rộng nhà văn hóa thôn 6	DVH	0,17	0,07	0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
384	Nhà bia tưởng niệm xã Thạch Hòa	DVH	0,18		0,18	Huyện Thạch Thất	2021-2025
385	Nhà văn hóa thôn 3	DVH	0,14		0,14	Huyện Thạch Thất	2021-2025
386	Nhà văn hóa thôn 2	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
387	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1	DVH	0,19		0,19	Huyện Thạch Thất	2021-2025
388	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Tiến Xuân	DVH	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
389	XD nhà văn hóa thôn 6, Tiến Xuân	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
390	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Yên Trung	DVH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2022
391	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đàm Bối	DVH	0,18		0,18	Huyện Thạch Thất	2021-2025
392	Nhà văn hóa trung tâm xã Yên Bình	DVH	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
393	Xây dựng nhà văn hóa thôn 3	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
394	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
395	Dự án làng văn hoá - du lịch các dân tộc Việt Nam	DVH	0,86		0,86	Huyện Thạch Thất	2021-2025
396	Xây dựng trung tâm văn hóa huyện Thanh Oai	DVH	0,88	0,88	0,88	Huyện Thanh Oai	2021-2022
397	Trung tâm văn hóa xã Xuân Dương	DVH	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2023
398	Trung tâm văn hóa - thể thao trung tâm xã Thanh Cao; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	1,52		1,52	Huyện Thanh Oai	2023
399	Nhà văn hóa trung tâm xã Tân Ước	DVH	1,15		1,15	Huyện Thanh Oai	2023
400	Nhà văn hóa xã Kim Thụ; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	0,57		0,57	Huyện Thanh Oai	2023
401	Nhà văn hóa xã Kim An; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	0,68		0,68	Huyện Thanh Oai	2023
402	Trung tâm văn hóa thể thao xã Cao Viên; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	4,31		4,31	Huyện Thanh Oai	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
403	Nhà văn hóa xã Bích Hòa	DVH	0,71		0,71	Huyện Thanh Oai	2023
404	Nhà văn hóa thôn Dụ Tiền, xã Thanh Thủy	DVH	0,15		0,15	Huyện Thanh Oai	2021-2022
405	Nhà văn hóa thôn Thượng Thanh 2, xã Thanh Cao	DVH	0,40		0,40	Huyện Thanh Oai	2021-2022
406	Nhà văn hóa thôn Tân Tiến, xã Phương Trung	DVH	0,13		0,13	Huyện Thanh Oai	2021-2022
407	Nhà văn hóa thôn Bãi 2, xã Cao Viên	DVH	0,25		0,25	Huyện Thanh Oai	2021-2022
408	Nhà văn hóa thôn Đồng, xã Cao Viên	DVH	0,13		0,13	Huyện Thanh Oai	2021-2022
409	Nhà văn hóa thôn My Thượng xã Thanh Mai	DVH	0,16	0,16	0,16	Huyện Thanh Oai	2021-2022
410	Quảng trường Lạc Long Quân	DVH	8,50		8,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
411	Nhà đa năng + Nhà văn hóa xã Thanh Thủy; Các nhà văn hoá thôn xóm	DVH	0,62		0,62	Huyện Thanh Oai	2021-2022
412	Nhà văn hóa trung tâm xã Thanh Mai; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	0,93		0,93	Huyện Thanh Oai	2021-2022
413	Nhà văn hóa trung tâm xã Tam Hưng; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	0,95		0,95	Huyện Thanh Oai	2021-2022
414	Trung tâm văn hoá, thể thao xã Phương Trung; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	2,23		2,23	Huyện Thanh Oai	2021-2022
415	Nhà văn hoá xã Hồng Dương; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	0,68		0,68	Huyện Thanh Oai	2021-2022
416	Trung tâm văn hóa, thể thao xã Đỗ Động	DVH	3,80		3,80	Huyện Thanh Oai	2021-2022
417	Nhà văn hóa trung tâm xã Dân Hoà; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	1,62		1,62	Huyện Thanh Oai	2021-2022
418	Trung tâm văn hoá thể thao xã Cự Khê	DVH	0,36		0,36	Huyện Thanh Oai	2021-2022
419	Nhà văn hóa xã Cao Dương; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	0,51		0,51	Huyện Thanh Oai	2021-2022
420	Nhà văn hóa Châu Mai mới xã Liên Châu	DVH	0,30		0,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
421	Các nhà văn hoá thôn xóm xã Thanh Văn	DVH	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
422	Nhà văn hóa trung tâm xã Bình Minh; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
423	Nhà đa năng xã Bích Hòa	DVH	0,78		0,78	Huyện Thanh Oai	2021-2022
424	Nhà bia lưu niệm Bác Hồ	DVH	0,20		0,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
425	Nhà văn hoá các thôn, xóm trên địa bàn các xã, thị trấn	DVH	6,32			Huyện Thanh Oai	2021-2022
426	Khu lưu niệm anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi tại xã Nhị Khê	DVH	2,75		2,75	Huyện Thường Tín	2022-2025
427	Quy hoạch nhà văn hóa Thụy Ứng	DVH	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
428	Quy hoạch nhà văn hóa Mai Sao	DVH	0,05		0,05	Huyện Thường Tín	2022-2025
429	Quy hoạch nhà văn hóa Lộc Dư	DVH	0,06		0,06	Huyện Thường Tín	2022-2025
430	Quy hoạch nhà văn hóa thôn Gia Khánh	DVH	0,10		0,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
431	Quy hoạch nhà văn hóa Kỳ Dương	DVH	0,26		0,26	Huyện Thường Tín	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
432	Trung tâm văn hóa thị trấn	DVH	0,45		0,45	Huyện Thường Tín	2022-2025
433	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Thường Tín	DVH	8,66		0,80	Huyện Thường Tín	2021
434	Xây dựng trung tâm văn hóa thị trấn	DVH	0,45	0,45	0,45	Huyện Thường Tín	2021
435	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	DVH	0,44	0,44	0,44	Huyện Thường Tín	2022
436	Nhà văn hóa thôn Mộ Vĩnh	DVH	0,09		0,09	Huyện Thường Tín	2022
437	Xây dựng HTKT khu nhà văn hóa phố Hoàng Văn Thụ	DVH	0,12		0,12	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
438	Dự án nhà văn hóa thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm	DVH	0,53		0,53	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
439	Nhà văn hóa thôn Vĩnh Thượng	DVH	0,15	0,15	0,15	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
440	Nhà văn hóa thôn Văn Ông	DVH	0,12		0,12	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
441	Nhà văn hóa thôn Quan Châm, xã Minh Đức	DVH	0,10		0,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
442	Nhà văn hóa thôn Đặng Giang	DVH	0,35		0,35	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
443	Nhà văn hóa thôn Chấn Kỳ	DVH	0,20		0,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
444	Nhà văn hóa thôn Quảng Tái	DVH	0,25		0,25	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
445	Làm hạ tầng (san nền, đường) xây dựng nhà văn hóa Nguyễn Thượng Hiền, thị trấn Vân Đình	DVH	0,25		0,25	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
446	Nhà văn hóa thôn Phú Điền, xã Trầm Lộng	DVH	0,15		0,15	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
447	Nhà Văn hóa thôn An Hòa, xã Hòa Xá	DVH	0,11	0,11	0,11	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
448	Trung tâm văn hóa huyện	DVH	0,37		0,37	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
449	Nhà văn hóa các tổ dân phố TT Vân Đình	DVH	0,70		0,70	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
450	Nhà văn hóa phường Vĩnh Phúc	DVH	0,06		0,06	Quận Ba Đình	2021-2025
451	Xây dựng nhà văn hoá phường Phúc Xá	DVH	0,13		0,13	Quận Ba Đình	2021-2025
452	GPMB đối với diện tích nhà, đất của Cung thể thao tổng hợp Quần Ngựa theo QĐ số 4808/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của UBND TP Hà Nội	DVH	5,18		0,46	Quận Ba Đình	2021-2025
453	Nhà văn hóa tổ 2, 3, 17	DVH	0,45		0,45	Quận Hà Đông	2021
454	Xây dựng Quảng trường, cây xanh phường Vạn Phúc. (CMĐ từ đất PNN khác)	DVH	0,20		0,20	Quận Hà Đông	2021
455	Nhà Văn hóa, sân thể thao Bắc Lãm 9 (Dự án thuộc 35 dự án tồn tại năm 2008 - dân sinh bức xúc).	DVH	1,30		1,30	Quận Hà Đông	2021
456	Nhà văn hóa Động Lâm (Dự án thuộc 35 dự án tồn tại năm 2008)	DVH	0,37		0,37	Quận Hà Đông	2021
457	Nhà Truyền thống làng nghề Đa Sỹ	DVH	0,08		0,08	Quận Hà Đông	2021
458	Xây dựng nhà văn hóa phường Trương Định	DVH	0,09		0,09	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
459	Cụm công trình văn hóa, thể thao và sinh hoạt cộng đồng phường Vĩnh Tuy	DVH	0,21		0,21	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
460	Dự án xây dựng Trung tâm văn hóa đa năng quận Hoàn Kiếm tại địa điểm 46 Hàng Cót, phường Hàng Mã	DVH	0,08			Quận Hoàn Kiếm	2022
461	Xây dựng trung tâm văn hoá đa năng quận Hoàn Kiếm	DVH	0,08		0,08	Quận Hoàn Kiếm	2021
462	Xây dựng trung tâm văn hóa phố cũ	DVH	0,09		0,09	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
463	GPMB 01 hộ dân tại Hội Quán Quảng Đông	DVH	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
464	Cải tạo, chỉnh trang điểm vui chơi, vườn hoa, cây xanh trên địa bàn phường Cầu Diễn (Khu đất vườn hoa TDP số 5; Vườn hoa A,B,C,D,E,F khu đô thị Mỹ Đình I)	DVH	0,20			Quận Nam Từ Liêm	2025
465	Xây dựng điểm vui chơi trên địa bàn phường Đại Mỗ	DVH	0,10		0,10	Quận Nam Từ Liêm	2024
466	Xây dựng điểm vui chơi trên địa bàn phường Mễ Trì	DVH	0,10	0,10	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
467	Giải phóng mặt bằng để chỉnh trang đô thị và thực hiện đầu tư giai đoạn 1 dự án công viên cây xanh tại ô đất ký hiệu CXDDT thuộc ô K2-7 quy hoạch phân khu đô thị H2-2	DVH	3,03		3,03	Quận Nam Từ Liêm	2021
468	Công viên, vườn hoa phục vụ lợi ích cộng đồng tại khu đất nông nghiệp xen kẹt giáp đường Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm (Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời kết hợp vườn hoa, cây xanh tại khu đất xen kẹt phường Mỹ Đình 2	DVH	0,17		0,17	Quận Nam Từ Liêm	2021
469	Công viên CV1 khu đô thị Cầu Giấy (phần diện tích 1,364,1m2 giao GPMB bổ sung)	DVH	0,14		0,14	Quận Nam Từ Liêm	2021
470	Cải tạo, chỉnh trang điểm vui chơi, vườn hoa, cây xanh sau tòa nhà CT5, ĐN2 và CT5, ĐN3 - Khu đô thị Mỹ Đình II, phường Mỹ Đình 2	DVH	0,50		0,50	Quận Nam Từ Liêm	2024
471	Công viên, vườn hoa phục vụ lợi ích cộng đồng tại khu đất nông nghiệp xen kẹt giáp đường Nguyễn Hoàng thuộc phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	DVH	0,17		0,17	Quận Nam Từ Liêm	2023
472	Xây dựng vườn hoa cây xanh tổ dân phố số 4 Hòe Thị phường Phương Canh	DVH	0,48		0,48	Quận Nam Từ Liêm	2021
473	Xây dựng điểm vui chơi kết hợp vườn hoa cây xanh trước cửa đình Tu Hoàng, phường Phương Canh	DVH	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2023
474	Xây dựng điểm vui chơi, vườn hoa cây xanh kết hợp kề ao chuôm Đồng Nám, phường Phương Canh	DVH	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2023
475	Dự án công viên hồ điều hòa Trung Văn	DVH	17,52		17,52	Quận Nam Từ Liêm	2021
476	Cải tạo, chỉnh trang xây dựng điểm vui chơi trên địa bàn phường Trung Văn (điểm vui chơi Ao Lão; điểm vui chơi Ao Chuôm Xanh; Điểm vui chơi Cổng Đông,...)	DVH	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2023
477	Xây dựng trung tâm văn hóa quận Nam Từ Liêm	DVH	2,60		2,60	Quận Nam Từ Liêm	2021
478	Xây dựng điểm vui chơi trên địa bàn phường Xuân Phương	DVH	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2021
479	Cải tạo, chỉnh trang xây dựng điểm vui chơi trên địa bàn phường Xuân Phương (điểm vui chơi ngoài trời kết hợp vườn hoa, cây xanh tại Ao Gạch + ao Dải (giáp nhà ông cả Chè....)	DVH	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2023
480	Xây dựng cung thiếu nhi Hà Nội	DVH	3,96			Quận Nam Từ Liêm	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
481	Đầu tư xây dựng Nhà sinh hoạt số 11 phường Xuân La, quận Tây Hồ	DVH	0,03		0,03	Quận Tây Hồ	2022
482	Dự án Khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng	DVH	18,40		18,40	Quận Tây Hồ	2022
483	Quy hoạch công viên - giải trí, TDTT khu vực hồ Đầm Chuối	DVH	3,20			Quận Thanh Xuân	2024
484	Quy hoạch công viên cây xanh, tại công ty Cổ phần thiết bị thương mại.	DVH	0,20			Quận Thanh Xuân	2025
485	Quy hoạch đất cây xanh tại khu đất Công ty cơ điện Trần Phú	DVH	0,43			Quận Thanh Xuân	2024
486	Quy hoạch đất cây xanh trong khu đô thị chức năng Lô 01	DVH	0,67			Quận Thanh Xuân	2023
487	QH đất cây xanh tại khu đất Công ty Cao su Sao Vàng	DVH	0,70			Quận Thanh Xuân	2025
488	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây	DVH	0,30	0,30		Thị xã Sơn Tây	2022
489	Xây dựng Trung tâm văn hóa xã Cổ Đông	DVH	0,25		0,25	Thị xã Sơn Tây	2022
490	Cải tạo, mở rộng Nhà văn hoá phường Dịch Vọng Hậu (số 4, phố Trần Quốc Hoàn)	DVH	0,08		0,08	Quận Cầu Giấy	2021
491	Xây dựng nhà bia tường niệm liệt sỹ phường Quan Hoa (giai đoạn 2)	DVH	0,03		0,03	Quận Cầu Giấy	2023-2025
492	Nhà hát Thăng Long (thuộc phường Nghĩa Đô)	DVH	1,90		1,90	Quận Cầu Giấy	2023-2025
493	Mở rộng nhà văn hoá Dịch Vọng	DVH	0,19		0,19	Quận Cầu Giấy	2023-2025
494	Nhà văn hóa - khu thể thao TDP số 2	DVH	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
495	Nhà văn hóa tổ dân phố số 3	DVH	0,36		0,36	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
496	Nâng cấp Trung tâm văn hóa - thông tin và thể thao huyện Phúc Thọ	DVH	4,10	0,84	3,26	Huyện Phúc Thọ	2022
497	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 3	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2022
498	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 7	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2022
499	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 8	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
500	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Hát Môn	DVH	2,10		2,10	Huyện Phúc Thọ	2022
501	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Hiệp Lộc 1 xã Hiệp Thuận	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
502	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Hiệp Lộc 3	DVH	0,05		0,05	Huyện Phúc Thọ	2022
503	Xây dựng vườn hoa, cây xanh, gắn biển tại địa điểm lưu niệm sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và làm việc tại công trường đắp đê Ngọc Tảo xã Hiệp Thuận và Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội	DVH	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2021
504	Mở rộng Nhà văn hóa thôn Yên Dục	DVH	0,05		0,05	Huyện Phúc Thọ	2022
505	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 4	DVH	0,14		0,14	Huyện Phúc Thọ	2022
506	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 8	DVH	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2022
507	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 6	DVH	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2022
508	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Phù Long 3	DVH	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2022
509	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Triệu Xuyên 2	DVH	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2022
510	Nhà văn hóa khu thể thao thôn Bảo Vệ 1	DVH	0,52		0,52	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
511	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Bảo Vệ 2	DVH	0,52		0,52	Huyện Phúc Thọ	2022
512	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 6	DVH	0,21		0,21	Huyện Phúc Thọ	2022
513	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 10	DVH	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2022
514	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 7	DVH	0,08		0,08	Huyện Phúc Thọ	2022
515	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 1	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
516	Xây mới nhà văn hóa khu thể thao thôn 7	DVH	0,05		0,05	Huyện Phúc Thọ	2022
517	Xây mới nhà văn hóa khu thể thao thôn 3	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2022
518	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 8	DVH	0,09		0,09	Huyện Phúc Thọ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
519	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn 5 và thôn 9	DVH	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2022
520	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 6	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2022
521	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 3	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
522	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 4	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
523	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 8	DVH	0,27		0,27	Huyện Phúc Thọ	2022
524	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 9	DVH	0,11		0,11	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
525	Nhà văn hóa- khu thể thao thôn Mỹ Giang	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
526	Mở rộng nhà văn hóa thôn 3	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2021
527	Trung tâm văn hóa xã Tam Hiệp	DVH	0,76		0,76	Huyện Phúc Thọ	2021
528	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Táo 1	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
529	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Bướm	DVH	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
530	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Dum	DVH	0,05		0,05	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
531	Trung tâm văn hóa TDTT xã Thọ Lộc	DVH	2,45		2,45	Huyện Phúc Thọ	2022
532	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Thượng Cốc	DVH	0,26		0,26	Huyện Phúc Thọ	2022
533	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Kim Lũ	DVH	0,13		0,13	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
534	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Thu Vi	DVH	0,08		0,08	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
535	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Tích Giang	DVH	2,00		2,00	Huyện Phúc Thọ	2022
536	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 6	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
537	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Trạch Lôi	DVH	0,70		0,70	Huyện Phúc Thọ	2022
538	Trung tâm văn hóa thể thao xã Trạch Mỹ Lộc	DVH	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2022
539	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bãi Đồn	DVH	0,32		0,32	Huyện Phúc Thọ	2022
540	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bãi Cháy	DVH	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2022
541	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Vân Hà	DVH	0,84		0,84	Huyện Phúc Thọ	2022
542	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 1	DVH	0,13		0,13	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
543	Mở rộng nhà văn hóa thôn 5	DVH	0,29		0,29	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
544	Nhà văn hóa thôn 6	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2022
545	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn 2	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
546	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5 xã Vân Phúc	DVH	0,09		0,09	Huyện Phúc Thọ	2022
547	Trung tâm văn hóa - TT xã Vân Phúc	DVH	1,52		1,52	Huyện Phúc Thọ	2022
548	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bảo Lộc 3	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
549	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bảo Lộc 4	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
550	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bảo Lộc 5	DVH	0,28		0,28	Huyện Phúc Thọ	2022
551	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bắc Vông Ngoại	DVH	0,39		0,39	Huyện Phúc Thọ	2022
552	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn Nam Vông Ngoại	DVH	0,36		0,36	Huyện Phúc Thọ	2022
553	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn Phúc Xuyên	DVH	0,13		0,13	Huyện Phúc Thọ	2022
554	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Vông Nội	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
555	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Bảo Lộc 1	DVH	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2022
556	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Bảo Lộc 2	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
557	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Lục Xuân	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
558	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Phúc Trạch	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022
559	Trung tâm văn hóa thể thao xã Vông Xuyên	DVH	1,77		1,77	Huyện Phúc Thọ	2022
560	Xây dựng NVH, khu thể thao Cẩm Đình	DVH	0,16		0,16	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
561	Nhà văn hóa thôn Yên Đình xã Xuân Đình	DVH	0,08		0,08	Huyện Phúc Thọ	2022
562	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Vân Đình	DVH	0,11		0,11	Huyện Phúc Thọ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
563	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Cựu Đình	DVH	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2022
B.10	Đất cơ sở y tế	DYT					
1	Xây mới phòng khám TT Tây Đằng và trạm y tế	DYT	1,90		1,90	Huyện Ba Vì	2021
2	Xây dựng trạm y tế xã Phú Phương	DYT	0,20		0,20	Huyện Ba Vì	2021
3	Xây mới bệnh viện đa khoa Miền Núi Ba Vì thôn 7	DYT	5,00		5,00	Huyện Ba Vì	2021
4	Trạm y tế Đồng Phú	DYT	0,19		0,19	Huyện Chương Mỹ	2022
5	Dự án Tổ hợp Sơn Hà	DYT	9,21		9,21	Huyện Đan Phượng	2022
6	Bệnh viện đa khoa tại xã Kim Chung	DYT	3,30		3,30	Huyện Đông Anh	2021
7	Khu dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi kết hợp cây xanh, hồ điều hòa	DYT	7,24		7,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
8	Xây dựng Trạm y tế xã Thụy Lâm	DYT	0,27		0,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
9	Bệnh viện đa khoa tại xã Tiên Dương	DYT	2,90		2,90	Huyện Đông Anh	2021
10	Dự án GPMB xây dựng Tổ hợp y tế - Chăm sóc sức khỏe công nghệ cao tại Hà Nội	DYT	40,70		40,70	Huyện Đông Anh	2021
11	Khu liên hợp Bệnh viện tại xã Tiên Dương	DYT	10,06		10,06	Huyện Đông Anh	2021
12	Xây dựng Trạm y tế xã Tiên Dương	DYT	0,23	-	0,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
13	Xây dựng trạm y tế xã Uy Nỗ	DYT	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
14	Xây dựng Trạm y tế xã Vân Hà	DYT	0,52		0,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
15	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Gia Lâm	DYT	0,60			Huyện Gia Lâm	2022
16	Xây dựng Trạm y tế xã Cổ Bi kết hợp phòng khám đa khoa khu vực Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	DYT	0,22		0,22	Huyện Gia Lâm	2024-2025
17	Trạm y tế xã Song Phương	DYT	0,30			Huyện Hoài Đức	2022
18	Trạm y tế xã Đắc Sở	DYT	0,11		0,11	Huyện Hoài Đức	2022
19	Xây dựng trạm y tế xã Mê Linh	DYT	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2022
20	Xây dựng trạm y tế xã	DYT	0,05			Huyện Mỹ Đức	2021
21	Xây dựng trạm y tế xã	DYT	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
22	Mở rộng trạm y tế xã	DYT	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
23	Xây dựng trạm y tế xã	DYT	0,14			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
24	Xây dựng trạm y tế xã	DYT	0,14			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
25	Xây dựng trạm y tế xã	DYT	0,23			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
26	Mở rộng trạm y tế xã	DYT	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
27	Mở rộng trạm y tế xã	DYT	0,29			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
28	Mở rộng trạm y tế xã	DYT	0,11			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
29	Xây dựng trạm y tế xã	DYT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2021
30	Xây dựng trạm y tế xã	DYT	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
31	Mở rộng trạm y tế xã	DYT	0,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
32	Mở rộng trạm y tế xã	DYT	0,31			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
33	Xây mới Trạm Y tế xã Vân Từ	DYT	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
34	Xây mới Trạm Y tế thị trấn Phú Minh	DYT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
35	Trạm y tế xã Chuyên Mỹ	DYT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2024
36	Trạm y tế xã Đại Thắng	DYT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
37	Trạm y tế xã Đại Xuyên	DYT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2024
38	Trạm y tế xã Hoàng Long	DYT	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2023
39	Trạm y tế xã Nam Phong	DYT	0,16		0,16	Huyện Phú Xuyên	2022
40	Trạm y tế xã Phú Yên	DYT	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021
41	Trạm y tế xã Trí Trung	DYT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
42	Trạm y tế xã Văn Từ	DYT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
43	Xây mới Trạm y tế xã Đông Yên	DYT	0,25		0,25	Huyện Quốc Oai	2021-2025
44	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Đông Xuân	DYT	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
45	Xây mới Trạm y tế xã Đại Thành	DYT	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
46	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Đồng Quang	DYT	0,11		0,11	Huyện Quốc Oai	2021-2025
47	Xây mới Trạm y tế xã Liệp Tuyết	DYT	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
48	Trạm y tế xã Ngọc Liệp, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DYT	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
49	Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2	DYT	6,50	6,20	0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
50	Bệnh viện phụ sản Trung ương cơ sở 2	DYT	6,67	6,27	0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
51	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Thạch Thán, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DYT	0,23		0,23	Huyện Quốc Oai	2021-2025
52	Xây mới Trung tâm Y tế Huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DYT	0,56		0,56	Huyện Quốc Oai	2021-2025
53	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Yên Sơn	DYT	0,18		0,18	Huyện Quốc Oai	2021-2025
54	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Phương Cách	DYT	0,06		0,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025
55	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Sài Sơn	DYT	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
56	Trạm Y tế xã Phú Mãn, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DYT	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
57	Mở rộng Trạm y tế Tân Hòa	DYT	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
58	Xây mới trạm y tế xã Phú Minh	DYT	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
59	Xây dựng mới trạm y tế thị trấn Liên Quan	DYT	0,15		0,15	Huyện Thạch Thất	2024
60	Xây dựng, mở rộng trạm y tế xã Cẩm Yên	DYT	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2022
61	Xây dựng mới trạm y tế xã Phú Kim	DYT	0,80		0,80	Huyện Thạch Thất	2024
62	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	DYT	3,96	1,13	2,83	Huyện Thạch Thất	2022
63	Xây dựng, mở rộng trạm y tế xã Canh Nậu	DYT	0,25	0,10	0,15	Huyện Thạch Thất	2023
64	Mở rộng, xây dựng trạm y tế xã Thạch Xá	DYT	0,20	0,10	0,10	Huyện Thạch Thất	2023
65	Bệnh viện Xanh Pôn (cơ sở 2)	DYT	5,00		5,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
66	Bệnh viện tim Hà Nội (cơ sở 2)	DYT	3,00		3,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
67	Xây dựng mới khu nhà 3 tầng trung tâm y tế huyện	DYT	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2022
68	Xây dựng mới trạm y tế xã Hữu Bằng	DYT	0,15		0,15	Huyện Thạch Thất	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
69	Xây dựng trạm y tế xã Cần Kiệm (điểm mới)	DYT	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2024
70	XD mới trạm y tế xã Bình Yên	DYT	1,25	0,83	0,42	Huyện Thạch Thất	2024
71	Xây dựng mới trạm y tế Tân Xã	DYT	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2023
72	Xây dựng trường Đại học chuyên về y khoa của Thủ đô	DYT	5,00			Huyện Thạch Thất	2021-2025
73	Xây dựng, mở rộng trạm y tế xã Tiến Xuân	DYT	0,20	0,03	0,17	Huyện Thạch Thất	2022
74	Cải tạo, mở rộng Trạm Y tế Yên Bình (5 phòng chức năng)	DYT	0,26	0,10	0,16	Huyện Thạch Thất	2021-2025
75	Xây dựng trạm y tế xã Chàng Sơn	DYT	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
76	Xây dựng trạm y tế xã Yên Trung	DYT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
77	Bệnh viện Việt Âu	DYT	2,20		2,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
78	Bệnh viện đa khoa trường đào tạo cán bộ điều dưỡng kết hợp khu nghỉ dưỡng	DYT	6,78		6,78	Huyện Thanh Oai	2021-2022
79	Trạm y tế xã Cao Viên	DYT	0,47		0,47	Huyện Thanh Oai	2021-2022
80	Trạm y tế xã Liên Châu	DYT	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
81	Mở rộng bệnh viện đa khoa huyện Thanh Oai	DYT	6,60		6,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
82	Cụm bệnh viện phía Nam	DYT	20,00		20,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
83	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín	DYT	2,28		2,28	Huyện Thường Tín	2022-2025
84	Xây dựng trạm Y tế Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DYT	0,13	0,13	0,13	Huyện Thường Tín	2021
85	Trạm y tế xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín	DYT	0,07		0,07	Huyện Thường Tín	2022
86	Trạm y tế xã Đại Cường	DYT	0,10		0,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
87	Trạm y tế xã Sơn Công , huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DYT	0,04		0,04	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
88	Xây dựng mới trạm y tế xã Cao Thành	DYT				Huyện Ứng Hòa	2022-2025
89	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Ứng Hòa	DYT				Huyện Ứng Hòa	2022-2025
90	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Kim Đường	DYT				Huyện Ứng Hòa	2022-2025
91	Xây dựng mới trạm y tế xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa	DYT				Huyện Ứng Hòa	2022-2025
92	Trạm y tế xã Sơn Công	DYT	0,04	-	-	Huyện Ứng Hòa	2022
93	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa trạm y tế Cao Thành	DYT	0,20	-	-	Huyện Ứng Hòa	2025
94	Mở rộng bệnh viện Đa khoa Vân Đình	DYT	4,00		4,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
95	Trạm y tế phường	DYT	0,03		0,03	Quận Hà Đông	2021
96	Phòng khám đa khoa và khu chăm sóc sức khỏe cộng đồng Deteck	DYT	1,19		1,19	Quận Nam Từ Liêm	2021
97	Trung tâm Doping và Y học thể thao	DYT	0,83		0,83	Quận Nam Từ Liêm	2021
98	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm chăm sóc sức khỏe y tế cộng đồng	DYT	1,00		1,00	Quận Nam Từ Liêm	2021
99	Bệnh viện đa khoa Thanh Xuân	DYT	1,55			Quận Thanh Xuân	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
100	Xây dựng mới Viện Pháp y Quốc gia	DYT	3,00		3,00	Quận Hoàng Mai	2022
101	Phòng khám đa khoa Linh Nam (G2/CCKV2)	DYT	0,41		0,41	Quận Hoàng Mai	2021
102	Dự án xây dựng trạm y tế phường Hoàng Văn Thụ	DYT	0,13		0,13	Quận Hoàng Mai	2022
103	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn cơ sở 2 (F3/CC1)	DYT	3,52			Quận Hoàng Mai	2021
104	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện tư nhân chuyên khoa mắt Hà Nội	DYT	0,01			Quận Hoàng Mai	2022
105	Trạm y tế phường Dịch Vọng Hậu	DYT	0,17		0,17	Quận Cầu Giấy	2021
106	Xây dựng trạm y tế phường	DYT	0,10		0,10	Quận Cầu Giấy	2023-2025
107	Xây dựng mới Trạm y tế xã Thượng Cốc	DYT	0,13		0,13	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
108	Mở rộng trạm y tế xã Tích Giang	DYT	0,13		0,13	Huyện Phúc Thọ	2022
109	Mở rộng trạm y tế Xuân Phú	DYT	0,17		0,17	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
B.11	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD					
1	Trường THCS Tây Đằng (giai đoạn 2)	DGD	0,90		0,90	Huyện Ba Vì	2022
2	Trường mầm non Phú Cường	DGD	0,30		0,30	Huyện Ba Vì	2022
3	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Ngô Quyền	DGD	0,70		0,70	Huyện Ba Vì	2021
4	Trường mầm non Thái Hòa	DGD	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2022
5	Xây dựng trung tâm dạy nghề huyện Ba Vì	DGD	3,60		3,60	Huyện Ba Vì	2021
6	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Phú Sơn	DGD	1,75		1,75	Huyện Ba Vì	2022
7	Trường tiểu học Đông Quang	DGD	0,50		0,50	Huyện Ba Vì	2022
8	Mầm non Thụy An	DGD	1,23		1,23	Huyện Ba Vì	2021
9	Trường Mầm non xã Phú Nghĩa - khu B	DGD	0,61		0,61	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Trường Mầm non Hoàng Diệu - khu Cốc Thượng	DGD	0,42		0,42	Huyện Chương Mỹ	2022
11	Mở rộng, nâng cấp trường Mầm non trung tâm Ngọc Hòa	DGD	0,61		0,61	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Trường MN trung tâm xã Tốt Động	DGD	0,83		0,83	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	5,85		5,85	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
14	Xây dựng trường Tiểu học Chúc Sơn B	DGD	1,05		1,05	Huyện Chương Mỹ	2022
15	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	37,30		37,30	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
16	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	6,60		6,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
17	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	3,67		3,67	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
18	Xây dựng trường Tiểu học Xuân Mai A	DGD	0,99		0,99	Huyện Chương Mỹ	2022
19	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	27,39		27,39	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
20	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	25,13		25,13	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
21	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,22		0,22	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
22	Trường THCS Đại Yên	DGD	0,19		0,19	Huyện Chương Mỹ	2022
23	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
24	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
25	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,20		1,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
26	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,80		1,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
27	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
28	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
29	Trường Tiểu Học Hòa Chính	DGD	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
30	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
31	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
32	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,60		1,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
33	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
34	Trường Mầm non khu B xã Hợp Đồng	DGD	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
35	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,80		1,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
36	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
37	Xây dựng mới Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	DGD	5,00		5,00	Huyện Chương Mỹ	2022
38	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,70		0,70	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
39	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
40	Trường Mầm non Nam Phương Tiến B	DGD	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2022
41	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT (Trường THCS)	DGD	0,90		0,90	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
42	Trường mầm non Phú Nam An	DGD	0,37		0,37	Huyện Chương Mỹ	2022
43	Trường tiểu học Phú Nam An	DGD	0,24		0,24	Huyện Chương Mỹ	2022
44	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT (Trường mầm non, trường tiểu học)	DGD	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
45	Trường mầm non Phụng Châu	DGD	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2022
46	Trường tiểu học Phụng Châu	DGD	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022
47	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
48	Trường mầm non Tân Tiến	DGD	0,90		0,90	Huyện Chương Mỹ	2022
49	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT (Trường mầm non, trường tiểu học)	DGD	1,50		1,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
50	Trường mầm non Trung tâm thượng Vực	DGD	0,46		0,46	Huyện Chương Mỹ	2022
51	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT (Trường tiểu học)	DGD	1,46		1,46	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
52	Trường THCS Thủy Xuân Tiên	DGD	0,98		0,98	Huyện Chương Mỹ	2022
53	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,55		0,55	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
54	Cải tạo nâng cấp trường THPT Chúc Động, huyện Chương Mỹ	DGD	1,90		1,90	Huyện Chương Mỹ	2022
55	Trường trung học cơ sở Trung Hòa	DGD	1,75		1,75	Huyện Chương Mỹ	2022
56	Trường MN trung tâm xã Tốt Động	DGD	0,34		0,34	Huyện Chương Mỹ	2022
57	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT (Trường tiểu học Tốt Động)	DGD	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
58	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	5,20		5,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
59	Trường Mầm non khu B xã Trần Phú	DGD	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
60	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
61	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,42		1,42	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
62	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
63	Trường THCS Thọ Xuân, hạng mục: Sân nền, kê đá, cổng, tường rào	DGD	0,40		0,40	Huyện Đan Phượng	2022
64	Trường Mầm non Phương Đình (khu B) thôn La Thạch	DGD	0,70		0,70	Huyện Đan Phượng	2022
65	Trường Tiểu học Phương Đình A	DGD	0,60		0,60	Huyện Đan Phượng	2022
66	Mở rộng Trường THCS Lương Thế Vinh	DGD	1,50		1,50	Huyện Đan Phượng	2022
67	Trường Tiểu học Thọ Xuân hạng mục: Nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	DGD	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2022
68	Trường Mầm non Thọ Xuân (khu Trung tâm)	DGD	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2022
69	Trường Tiểu học Liên Hồng	DGD	1,60		1,60	Huyện Đan Phượng	2022
70	Trường Mầm non Thượng Mỗ (miền đồng)	DGD	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2022
71	Trường THCS Phương Đình	DGD	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2022
72	Trường THCS Đan Phượng	DGD	0,60		0,60	Huyện Đan Phượng	2022
73	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đan Phượng	DGD	0,60		0,60	Huyện Đan Phượng	2022
74	Trường THCS Tân Lập	DGD	0,22		0,22	Huyện Đan Phượng	2022
75	Trường Tiểu học Tô Hiến Thành (HM: Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ)	DGD	0,31		0,31	Huyện Đan Phượng	2022
76	Dự án Trường THCS Thượng Mỗ, hạng mục Nhà thể chất	DGD	0,12		0,12	Huyện Đan Phượng	2022
77	Trường mầm non Phương Đình khu B thôn La Thạch, hạng mục: Nhà hiệu bộ 3 tầng, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	DGD	0,25		0,25	Huyện Đan Phượng	2022
78	Trường tiểu học Trung Châu B, hạng mục: Nhà giáo dục thể chất	DGD	0,05		0,05	Huyện Đan Phượng	2022
79	Trường mầm non Tân Lập	DGD	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2022
80	Trường THCS Tân Hội	DGD	0,18		0,18	Huyện Đan Phượng	2022
81	Trường mầm non Hồng Hà (Khu Bồng Lai)	DGD	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
82	Trường Tiểu học Đồng Tháp, hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng học và các hạng mục phụ trợ	DGD	0,05		0,05	Huyện Đan Phượng	2023
83	Trường mầm non Thọ An	DGD	0,11		0,11	Huyện Đan Phượng	2023
84	Trường Tiểu học Tô Hiến Thành (giai đoạn 2)	DGD	0,07		0,07	Huyện Đan Phượng	2023
85	Trường mầm non thị trấn Phùng khu B	DGD	1,10		1,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
86	Trường mầm non Phương Đình (Khu Dịch Đình)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đan Phượng	2024-2025
87	Trường tiểu học Đan Phượng B	DGD	1,43		1,43	Huyện Đan Phượng	2024-2025
88	Mở rộng trường mầm non Thọ Xuân (khu Chiến Thắng)	DGD	1,10	0,40	0,70	Huyện Đan Phượng	2024-2025
89	Mở rộng trường Mầm non Liên Trung	DGD	0,70	0,40	0,30	Huyện Đan Phượng	2024-2025
90	Mở rộng trường THCS Liên Trung	DGD	0,53	0,46	0,07	Huyện Đan Phượng	2024-2025
91	Đầu tư xây dựng hoàn thiện trường Tiểu học Bắc Hồng theo quy hoạch	DGD	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
92	THPT Bắc Hồng thôn Thụy Hà (PK GN)	DGD	2,50		2,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
93	Xây dựng trường mầm non thôn Cầu Cá Tên cũ: Xây dựng điểm trường mầm non Thành Loa	DGD	0,45		0,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
94	Tiểu học Cổ Loa 2 TĐC Cổ Loa (PK N7)	DGD	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
95	Xây dựng trường tiểu học Đại Mạch 2	DGD	1,53		1,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
96	Xây dựng Trường Cao đẳng nghề Trần Hưng Đạo	DGD	4,52		4,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
97	Xây dựng trường mầm non Đại Mạch 2	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
98	Mầm non Toàn Cầu thôn Mai Châu	DGD	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
99	Xây dựng trường mầm non Đông Hội	DGD	1,22		1,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
100	Xây dựng trường mầm non Đông Hội tại ô đất 5.E-NT khu Tái định cư Đông Hội	DGD	0,73		0,73	Huyện Đông Anh	2021
101	Xây dựng trường tiểu học Đông Hội 2	DGD	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
102	Mầm non Đông Hội thôn Tiên Hội (PK GN-A)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
103	Mầm non Đông Hội A thôn Đông Trù - khu TĐC, PK N9	DGD	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
104	Trung tâm mầm non Đông Hội 2 thôn Lại Đà (PK N9)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
105	trường THCS Đông Hội thôn Đông Trù - khu TĐC	DGD	2,00	2,00	-	Huyện Đông Anh	2021-2025
106	Xây dựng trường mầm non Dục Tú (GĐ 2)	DGD	1,59	0,34	1,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
107	Xây dựng trường tiểu học Dục Tú 2	DGD	2,05		2,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
108	Mầm non Dục Tú thôn Dục Tú (PK GN)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
109	Trường THPT Dục Tú (xã Dục Tú)	DGD	2,46		2,46	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
110	Xây dựng trường mầm non thôn Cổ Điền Tên cũ: Xây dựng trường mầm non thôn Hải Bối	DGD	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
111	Xây dựng Trường tiểu học Hải Bối 2	DGD	3,23		3,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
112	Trường THCS Hải Bối 2	DGD	1,25		1,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
113	Xây dựng trung tâm mầm non Hải Bối 2	DGD	0,90		0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
114	Mầm non Hải Bối thôn Hải Bối (Khu trung tâm văn hóa thôn Hải Bối)	DGD	0,80		0,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
115	Mầm non Hồng Ngọc thôn Cổ Điền	DGD	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
116	Mầm non Hương Dương thôn Cổ Điền	DGD	0,22		0,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
117	Xây dựng trung tâm mầm non thôn Nhuế, xã Kim Chung	DGD	1,11		1,11	Huyện Đông Anh	2021-2025
118	Xây dựng Trường THCS Kim Chung 2	DGD	1,69		1,69	Huyện Đông Anh	2021-2025
119	Xây dựng trường tiểu học thôn Hậu Dường	DGD	1,86		1,86	Huyện Đông Anh	2021-2025
120	Xây dựng trường THCS tại thôn Hậu Dường, xã Kim Chung	DGD	1,22		1,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
121	Xây dựng trường Mầm non thôn Hậu Dường	DGD	0,90		0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
122	Mầm non Kim Chung B ĐTM Kim Chung (PK N4)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
123	Mầm non Kim Chung thôn Bầu	DGD	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
124	Tiểu học Kim Chung 2 ĐTM Kim Chung (PK N4)	DGD	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
125	Xây dựng trường THCS Kim Nỗ	DGD	1,76		1,76	Huyện Đông Anh	2021-2025
126	Xây dựng trường tiểu học Kim Nỗ 2	DGD	1,25		1,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
127	Xây dựng trường Mầm non Ban Mai	DGD	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
128	Xây dựng trung tâm mầm non xã Kim Nỗ	DGD	1,10		1,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
129	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Ngô Tất Tố	DGD	0,76		0,76	Huyện Đông Anh	2021-2025
130	Cải tạo, mở rộng trường THCS Mai Lâm	DGD	2,40		2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
131	Đầu tư các hạng mục hoàn thiện trường mầm non Hoa Lâm, xã Mai Lâm	DGD	1,15		1,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
132	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Nam Hồng	DGD	1,60		1,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
133	Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng 2	DGD	1,46		1,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
134	Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng B	DGD	1,66		1,66	Huyện Đông Anh	2021-2025
135	Xây dựng trường THCS Nam Hồng 2	DGD	1,65		1,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
136	Xây dựng trung tâm mầm non thôn Nguyên Khê	DGD	1,02	0,12	0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
137	Xây dựng trường mầm non Sơn Du, xã Nguyên Khê	DGD	0,74		0,74	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
138	Trường mầm non khu X2 thôn Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB	DGD	0,53		0,53	Huyện Đông Anh	2021
139	Xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo ký hiệu V-E-MG2	DGD	0,45		0,45	Huyện Đông Anh	2021
140	Xây dựng trường THPT Nguyên Khê	DGD	2,64		2,64	Huyện Đông Anh	2021-2025
141	Xây dựng Trường THCS Nguyên Khê	DGD	1,71		1,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
142	Mở rộng trường tiểu học Tầm Xá	DGD	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
143	Xây dựng trường THCS Tầm Xá	DGD	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
144	THCS Tầm Xá TĐC Xuân Canh - Tầm Xá (N8)	DGD	1,50	1,50	-	Huyện Đông Anh	2021-2025
145	Mở rộng, cải tạo nâng cấp trường tiểu học Thụy Lâm A	DGD	1,23		1,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
146	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Thụy Lâm	DGD	0,17		0,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
147	Xây dựng trường mầm non Thụ Lâm	DGD	0,97		0,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
148	Xây dựng trường mầm non Thụy Lâm 2	DGD	0,83		0,83	Huyện Đông Anh	2021-2025
149	Mầm non Hoà My thôn Hà Lâm 3	DGD	0,22		0,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
150	Xây dựng trường mầm non Ánh Dương	DGD	1,32		1,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
151	Xây dựng trường THCS Tiên Dương	DGD	1,68		1,68	Huyện Đông Anh	2021-2025
152	Xây dựng Trung tâm mầm non, mẫu giáo ký hiệu I-C1	DGD	0,72		0,72	Huyện Đông Anh	2021-2025
153	Xây dựng trường tiểu học Tiên Dương 2	DGD	1,77		1,77	Huyện Đông Anh	2021-2025
154	Tiểu học Tiên Dương 2 Khu đấu giá I-F2	DGD	1,28		1,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
155	THCS Tiên Dương 2 Khu đấu giá I-F1	DGD	1,28		1,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
156	Mầm non Thị Trấn tổ 11 thị trấn Đông Anh	DGD	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
157	Mầm non Hoà My tổ 48 thị trấn Đông Anh	DGD	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
158	Mầm non Bông Hồng tổ 47 thị trấn Đông Anh	DGD	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
159	Mầm non Xây lắp điện IV tổ 27 thị trấn Đông Anh	DGD	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
160	Xây dựng trường tiểu học Uy Nỗ 2 (chất lượng cao)	DGD	1,70		1,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
161	Xây dựng trường THPT Uy Nỗ, huyện Đông Anh	DGD	2,36		2,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
162	Xây dựng trường tiểu học Cổ Loa 2	DGD	2,60		2,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
163	Xây dựng trường chuyên biệt Bình Minh, huyện Đông Anh	DGD	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
164	Xây dựng trường THCS Cổ Loa 2	DGD	1,33		1,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
165	Xây dựng trường tiểu học chất lượng cao huyện Đông Anh	DGD	1,85		1,85	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
166	Xây dựng trường THCS chất lượng cao huyện Đông Anh	DGD	2,10		2,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
167	Xây mới điểm trường mầm non thôn Kính Nỗ	DGD	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
168	Xây dựng trường phổ thông liên cấp chất lượng cao Đông Anh	DGD	11,40		11,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
169	Mầm non A plus xóm Hậu	DGD	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
170	Tiểu học Uy Nỗ 3 xóm Trong (PK N7)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
171	Trường THPT Uy Nỗ (Tại ô đất quy hoạch chức năng trường THPT thuộc Quy hoạch phân khu đô thị N7	DGD	2,40		2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
172	Cải tạo, mở rộng trường Tiểu học Vân Hà	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
173	Cải tạo, mở rộng trường THCS Vân Hà	DGD	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
174	Xây dựng trường tiểu học Vân Hà 2	DGD	1,24		1,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
175	Xây dựng trường THCS Vân Nội	DGD	1,87		1,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
176	Xây dựng trường THPT Việt Hùng, huyện Đông Anh	DGD	2,95		2,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
177	Xây dựng trường tiểu học Việt Hùng 2	DGD	1,67		1,67	Huyện Đông Anh	2021-2025
178	Xây dựng trường THCS Việt Hùng 2	DGD	1,60		1,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
179	Mầm non Hoa Sen khu Trung (PK GN)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
180	Xây dựng trường tiểu học Vĩnh Ngọc	DGD	2,39		2,39	Huyện Đông Anh	2021-2025
181	Xây dựng trường mầm non Hòa My	DGD	1,07		1,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
182	Xây dựng trường mầm non xã Vĩnh Ngọc	DGD	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
183	Xây dựng trường tiểu học Vĩnh Ngọc 2	DGD	1,64		1,64	Huyện Đông Anh	2021-2025
184	Mầm non Vĩnh Ngọc 1 thôn Ngọc Chi (PK N8; Nhật Tân - Nội Bài)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
185	THCS Vĩnh Ngọc 2 thôn Ngọc Chi (PK N8; Nhật Tân - Nội Bài)	DGD	2,20		2,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
186	Xây dựng trường mầm non thôn Vông La, xã Vông La	DGD	1,42		1,42	Huyện Đông Anh	2021-2025
187	Xây dựng trường tiểu học thôn Đại Độ, xã Vông La	DGD	1,22		1,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
188	Xây dựng nhà học trường THCS Vông La, xã Vông La	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
189	Xây dựng trung tâm mầm non xã Vông La	DGD	0,89		0,89	Huyện Đông Anh	2021-2025
190	Xây dựng trường mầm non Xuân Canh khu vực Vạn Lộc và Văn Thượng	DGD	0,66		0,66	Huyện Đông Anh	2021-2025
191	Xây dựng mới trường mầm non Xuân Canh tại thôn Lực Canh, xã Xuân Canh,	DGD	0,15		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
192	Mầm non Xuân Canh thôn Văn Tinh (PK GN-A)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
193	THCS Xuân Canh thôn Văn Tinh (PK GN-A)	DGD	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
194	Mầm non Sen Việt thôn Đại Độ	DGD	0,15		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
195	Dự án GPMB xây dựng Trung tâm mầm non xã Vân Hà	DGD	0,98		0,98	Huyện Đông Anh	2021-2025
196	Xây dựng trường mầm non Thị trấn 1	DGD	0,97		0,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
197	Xây dựng trường mầm non thị trấn 2	DGD	0,97	-	0,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
198	Xây dựng trường THCS Thị trấn 2	DGD	1,59		1,59	Huyện Đông Anh	2021-2025
199	Xây dựng trường tiểu học Thị trấn B	DGD	1,10		1,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
200	Mở rộng cơ sở vật chất Học viện Tòa án tại xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	DGD	5,00			Huyện Gia Lâm	2022
201	Xây dựng trường THCS Cổ Bi	DGD	1,63			Huyện Gia Lâm	2022
202	Xây dựng trường PTTH Cao Bá Quát	DGD	1,80			Huyện Gia Lâm	2022
203	Cải tạo mở rộng trường mầm non cổ bi, huyện Gia Lâm	DGD	0,38			Huyện Gia Lâm	2022
204	Xây dựng Trường mầm non mới, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	DGD	0,37			Huyện Gia Lâm	2022
205	Xây dựng Trường mầm non Trung Mầu, huyện Gia Lâm	DGD	0,70			Huyện Gia Lâm	2022
206	Xây dựng trường mầm non Hoa Sữa, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	DGD	0,50			Huyện Gia Lâm	2022
207	Xây dựng trường tiểu học Kim Sơn, huyện Gia Lâm	DGD	0,23			Huyện Gia Lâm	2022
208	Xây dựng trường THCS Kim Sơn	DGD	0,04			Huyện Gia Lâm	2022
209	Xây dựng trường THCS Vietschool Đặng Xá	DGD	0,83			Huyện Gia Lâm	2022
210	Xây dựng trường tiểu học Vietschool Đặng Xá	DGD	0,70			Huyện Gia Lâm	2022
211	Xây dựng Trường Tiểu học chất lượng cao tại khu TQ5, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia lâm	DGD	1,60			Huyện Gia Lâm	2022
212	Xây dựng trường tiểu học Kim Sơn, huyện Gia Lâm	DGD	0,80			Huyện Gia Lâm	2022
213	Mở rộng cơ sở đào tạo Học viện Phụ nữ Việt Nam	DGD	3,57			Huyện Gia Lâm	2022
214	Xây dựng trường THCS Bát Tràng	DGD	0,66			Huyện Gia Lâm	2023-2024
215	Xây dựng trường tiểu học Kiều Kỵ	DGD	2,78			Huyện Gia Lâm	2023-2024
216	Xây dựng trường tiểu học Kim Lan	DGD	1,03			Huyện Gia Lâm	2023-2024
217	Xây dựng trường THCS xã Yên Viên	DGD	0,44			Huyện Gia Lâm	2023-2024
218	Mở rộng trường THCS Văn Đức (làm sân thể thao)	DGD	0,31			Huyện Gia Lâm	2023-2024
219	Xây dựng trường THCS TT Trâu Quỳ	DGD	1,27			Huyện Gia Lâm	2023-2024
220	Xây dựng trường THCS thị trấn Yên Viên	DGD	2,96			Huyện Gia Lâm	2023-2024
221	Xây dựng trường mầm non Phù Đồng, điểm trường thôn Đồng Viên	DGD	0,50			Huyện Gia Lâm	2023-2024
222	Xây dựng trường tiểu học Dương Xá	DGD	1,13			Huyện Gia Lâm	2023-2024
223	Xây dựng trường Tiểu học xã Đa Tốn	DGD	0,73			Huyện Gia Lâm	2023-2024
224	Cải tạo, mở rộng trường mầm non Cổ Bi	DGD	0,38			Huyện Gia Lâm	2023-2024
225	Xây dựng trường mầm non Kim Lan	DGD	0,92			Huyện Gia Lâm	2023-2024
226	Xây dựng Trường Mầm non Hoa Hồng, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường	DGD	0,30			Huyện Gia Lâm	2023-2024
227	Xây dựng trường THCS Đặng Xá	DGD	0,10			Huyện Gia Lâm	2023-2024
228	Xây dựng trường THCS Kiều Kỵ	DGD	0,70			Huyện Gia Lâm	2023-2024
229	Xây dựng trường tiểu học Đặng Xá	DGD	0,83			Huyện Gia Lâm	2023-2024

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
230	Xây dựng trường tiểu học Đa Tốn 2	DGD	1,80			Huyện Gia Lâm	2023-2024
231	Xây dựng trường THCS Phú Thị	DGD	1,00			Huyện Gia Lâm	2023-2024
232	Xây dựng trường THCS Ninh Hiệp - Giai đoạn 1: Xây dựng 31 phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	DGD	0,50			Huyện Gia Lâm	2023-2024
233	Xây dựng Trường Tiểu học chất lượng cao tại khu TQ5, thị trấn Trâu Quỳ	DGD	2,00			Huyện Gia Lâm	2023-2024
234	Xây dựng trường Mầm non Kim Sơn	DGD	2,00			Huyện Gia Lâm	2023-2024
235	Xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp, GDTX tại xã Đa Tốn	DGD	0,80			Huyện Gia Lâm	2023-2024
236	Xây dựng trường mầm non Đa Tốn tại thôn Ngọc Động	DGD	1,00			Huyện Gia Lâm	2023-2024
237	Xây dựng Trường tiểu học Dương Xá tại vị trí mới	DGD	1,20			Huyện Gia Lâm	2023-2024
238	Xây dựng trường tiểu học Đông Dư	DGD	1,20			Huyện Gia Lâm	2023-2024
239	Xây dựng trường tiểu học Dương Hà	DGD				Huyện Gia Lâm	2023-2024
240	Xây dựng trường THCS Chất lượng cao TQ5, thị trấn Trâu Quỳ	DGD	1,40			Huyện Gia Lâm	2023-2024
241	Xây dựng trường mầm non Đình Xuyên - Giai đoạn 2	DGD	0,49			Huyện Gia Lâm	2023-2024
242	Trường mầm non Cát Quế C	DGD	1,00			Huyện Hoài Đức	2022
243	Trường mầm non Di Trạch 2	DGD	0,79			Huyện Hoài Đức	2022
244	Mở rộng Trường tiểu học An Thượng A	DGD	0,70			Huyện Hoài Đức	2022
245	Trường tiểu học Đức Giang	DGD	1,50			Huyện Hoài Đức	2022
246	Nâng cấp, mở rộng trường THCS An Thượng	DGD	1,06			Huyện Hoài Đức	2022
247	Xây dựng, mở rộng trường tiểu học An Thượng B	DGD	0,70			Huyện Hoài Đức	2022
248	Cải tạo, mở rộng Trường THCS Cát Quế A	DGD	0,50			Huyện Hoài Đức	2022
249	Mở rộng, xây mới nhà lớp học và các HMPT Trường Mầm non Đắc Sở	DGD	0,30			Huyện Hoài Đức	2022
250	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng, nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ trường THCS Minh Khai	DGD	0,40			Huyện Hoài Đức	2022
251	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Song Phương	DGD	0,86			Huyện Hoài Đức	2022
252	Trường Tiểu học thị trấn Trạm Trôi B	DGD	0,85			Huyện Hoài Đức	2022
253	Trường Mầm non Đông La I xã Đông La, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội	DGD	1,39			Huyện Hoài Đức	2022
254	Xây mới Trường Tiểu học Đức Thượng	DGD	1,52		1,52	Huyện Hoài Đức	2022
255	Trường mầm non Kim Chung (điểm trường Lai Xá)	DGD	0,39		0,39	Huyện Hoài Đức	2022
256	Trường Mầm non La Phù 2	DGD	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2022
257	Mở rộng trường THCS Dương Liễu	DGD	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2022
258	Trường mầm non An Thượng A (mở rộng)	DGD	0,82		0,82	Huyện Hoài Đức	2022
259	Trường Tiểu học Kim Chung B	DGD	0,93		0,93	Huyện Hoài Đức	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
260	Xây dựng trường Tiểu học Đắc Sở	DGD	0,90		0,90	Huyện Hoài Đức	2022
261	Xây dựng Trường Mầm non xã Tiền Yên (khu Yên Thái)	DGD	0,70		0,70	Huyện Hoài Đức	2022
262	Xây dựng trường THPT Hoài Đức C	DGD	1,92		1,92	Huyện Hoài Đức	2022
263	Xây dựng Trường Mầm non xã Sơn Đồng	DGD	1,36		1,36	Huyện Hoài Đức	2023-2024
264	Mở rộng trường THCS Tiền Yên, xã Tiền Yên	DGD	0,30		0,30	Huyện Hoài Đức	2023-2024
265	Trường mầm non xã Lại Yên	DGD	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2023-2024
266	Trường Tiểu học xã Vân Côn, Hạng mục: Nhà lớp học, nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	DGD	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2023-2024
267	Trường mầm non Vân Côn A (khu Quyết Tiến)	DGD	1,20		1,20	Huyện Hoài Đức	2023-2024
268	Xây dựng trường THCS Vân Côn, Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	DGD	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2024-2025
269	Xây dựng trường THCS Di Trạch	DGD	2,60		2,60	Huyện Hoài Đức	2024-2025
270	Xây dựng trường tiểu học La Phù 2	DGD	1,01		1,01	Huyện Hoài Đức	2024-2025
271	Xây dựng trường THCS An Khánh B xã An Khánh	DGD	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2024-2025
272	Trường Mầm non Đức Giang B	DGD	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2024-2025
273	Xây dựng trường mầm non Vân Canh B	DGD	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2024-2025
274	Mở rộng trường THCS Đức Thượng - Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng, nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	DGD	1,11		1,11	Huyện Hoài Đức	2024-2025
275	Xây mới và Cải tạo nâng cấp trường tiểu học An Khánh B - Khu A	DGD				Huyện Hoài Đức	2024
276	Xây dựng Nhà lớp học 3 tầng Trường Tiểu học Cát Quế A	DGD				Huyện Hoài Đức	2024
277	Nhà lớp học 3 tầng và các HMPT Trường Tiểu học Thi trấn Tràm Trôi	DGD				Huyện Hoài Đức	2024
278	Mở rộng, xây mới nhà giáo dục thể chất và các HMPT trường Tiểu học Minh Khai	DGD				Huyện Hoài Đức	2024
279	Trường mầm non An Khánh B (khu B)	DGD				Huyện Hoài Đức	2024
280	Xây dựng trường THCS Đông La (hạng mục: Nhà lớp học 4 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ)	DGD				Huyện Hoài Đức	2024
281	Nâng cấp, mở rộng và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học Quang Minh B, thị trấn Quang Minh	DGD	0,23		0,11	Huyện Mê Linh	2022
282	Trường THCS Tiên Thịnh, xã Tiên Thịnh, huyện Mê Linh	DGD	0,40		0,15	Huyện Mê Linh	2022
283	Xây dựng trường Tiểu học Đại Thịnh A. xã Đại Thịnh. huyện Mê Linh	DGD	1,66		1,66	Huyện Mê Linh	2022
284	Cải tạo. mở rộng trường Tiểu học Tráng Việt B. xã Tráng Việt. huyện Mê Linh	DGD	0,97		0,97	Huyện Mê Linh	2022
285	Xây dựng trường Mầm non xã Tiên Thắng. huyện Mê Linh (khu Bạch Trữ).	DGD	1,00		1,00	Huyện Mê Linh	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
286	Mở rộng, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường THCS Thanh Lâm A, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	DGD	0,40		0,40	Huyện Mê Linh	2022
287	Xây dựng trường mầm non Đại Thịnh (khu vực Thường Lệ) xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	DGD	0,98		0,98	Huyện Mê Linh	2022
288	Xây dựng trường mầm non Tam Đồng , xã Tam Đồng, huyện Mê Linh (Khu Nam Cường)	DGD	0,70		0,70	Huyện Mê Linh	2022
289	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường mầm non Thạch Đà A	DGD	0,50		0,50	Huyện Mê Linh	2022
290	Mở rộng, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học Đại Thịnh B, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	DGD	1,05		1,05	Huyện Mê Linh	2022
291	Xây dựng trường tiểu học Thạch Đà B, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh	DGD	1,26		1,26	Huyện Mê Linh	2022
292	Xây dựng trường mầm non Mê Linh, xã Mê Linh (khu trung tâm)	DGD	0,60			Huyện Mê Linh	2022
293	Trường tiểu học Thanh Lâm B, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	DGD	0,10			Huyện Mê Linh	2022
294	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội tại xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	DGD	11,10			Huyện Mê Linh	2022
295	Xây dựng trường mầm non Tiến Thịnh (Khu trung tâm)	DGD	0,35			Huyện Mê Linh	2022
296	Trường mầm non Quang Minh B, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh (khu trung tâm)	DGD	0,45			Huyện Mê Linh	2022
297	Trường THCS Tam Đồng, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	DGD	1,36			Huyện Mê Linh	2022
298	Xây dựng điểm trường mầm non Tiến Thắng (thôn Bạch Trữ), xã Tiến Thắng	DGD	0,70			Huyện Mê Linh	2022
299	Trường Tiểu học Chu Phan A, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	DGD	0,25			Huyện Mê Linh	2022
300	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tự Lập, huyện Mê Linh	DGD	0,11		0,11	Huyện Mê Linh	2022
301	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường THCS Phạm Hồng Thái, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh	DGD	0,04		0,04	Huyện Mê Linh	2022
302	Xây dựng trường Tiểu học Đại Thịnh A. xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	DGD	1,66		1,66	Huyện Mê Linh	2023-2025
303	Xây dựng trường mầm non Đại Thịnh (khu vực Thường Lệ), xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	DGD	0,83		0,83	Huyện Mê Linh	2023-2025
304	Xây dựng trường mầm non chu Phan, xã Chu Phan	DGD	1,00		1,00	Huyện Mê Linh	2023-2025
305	Xây dựng mầm non Liên Mạc, xã Liên Mạc	DGD	1,00		1,00	Huyện Mê Linh	2023-2025
306	Trường THCS Thanh Lâm A, huyện Mê Linh (giai đoạn 2)	DGD	0,95	0,55	0,40	Huyện Mê Linh	2023-2025
307	Xây dựng trường mầm non Tráng Việt (khu TT)	DGD	1,50	0,58	0,92	Huyện Mê Linh	2023-2025
308	Xây dựng trường Mầm non Tam Đồng, tại khu Nam Cường, xã Tam Đồng,	DGD	0,70		0,70	Huyện Mê Linh	2023-2025
309	Mở rộng trường cấp 1 Tế Tiêu	DGD	0,08			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
310	Xây dựng mới trường THPT Mỹ Đức A	DGD	5,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
311	Xây mới trường mầm non Đại Nghĩa	DGD	2,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
312	Mở rộng, nâng cấp trường mầm non	DGD	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
313	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non xã Đồng Tâm	DGD	0,06			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
314	Nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng bộ môn khu hiệu bộ - chức năng, thiết bị trường THCS Đồng Tâm	DGD	0,60			Huyện Mỹ Đức	2021
315	Mở rộng trường Tiểu học Đồng Tâm	DGD	0,80			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
316	Mở rộng trường tiểu học xã Thượng Lâm	DGD	0,43			Huyện Mỹ Đức	2021
317	Mở rộng Trường THCS Thượng Lâm	DGD	0,55			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
318	Xây mới trường Mầm non xã Thượng Lâm	DGD	1,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
319	Trường mầm non A	DGD	0,75			Huyện Mỹ Đức	2021
320	Trường mầm non B	DGD	0,57			Huyện Mỹ Đức	2021
321	Mở rộng trường Mầm non Phúc Lâm	DGD	0,27			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
322	Mở rộng trường Tiểu học Phúc Lâm	DGD	0,38			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
323	Mở rộng Trường mầm non	DGD	0,15			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
324	Xây mới Mầm non trung tâm xã Bột Xuyên	DGD	0,60			Huyện Mỹ Đức	2021
325	Trường THPT Mỹ Đức B	DGD	5,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
326	Trường THCS xã Hồng sơn (Giai đoạn 2)	DGD	0,15			Huyện Mỹ Đức	2021
327	Mở rộng trường Mầm non Hồng Sơn	DGD	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
328	Trường Mầm non Lê Thanh B	DGD	0,55			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
329	Trường Tiểu học Lê Thanh A	DGD	1,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
330	Mở rộng trường Mầm non thôn Tân Độ	DGD	0,07			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
331	Trung tâm giáo dục cộng đồng	DGD	0,67			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
332	Mở rộng trường mầm non	DGD	0,04			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
333	Trường mầm non khu A	DGD	0,04			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
334	Mở rộng trường Mầm non Đại Hưng	DGD	0,66			Huyện Mỹ Đức	2021
335	Xây dựng trường Tiểu học Đại Hưng	DGD	1,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
336	Xây dựng trường Mầm non Vạn Kim	DGD	0,61			Huyện Mỹ Đức	2021
337	Xây dựng trường Tiểu học Vạn Kim	DGD	0,74			Huyện Mỹ Đức	2021
338	Mở rộng trường Mầm non Đốc Tín	DGD	0,15			Huyện Mỹ Đức	2021
339	Xây mới trường tiểu học Hương Sơn A	DGD	0,57			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
340	Mở rộng trường THCS Hương Sơn	DGD	0,70			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
341	Xây dựng trường Mầm non Nông Khê	DGD	0,52			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
342	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non trung tâm xã Hùng Tiến	DGD	0,68			Huyện Mỹ Đức	2021
343	Điểm trường mầm non B thôn La Đồng	DGD	0,57			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
344	Trường Mầm Non xã Hợp Tiến	DGD	1,50			Huyện Mỹ Đức	2021
345	Xây mới trường tiểu học + THCS	DGD	1,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
346	Trường THCS	DGD	0,18			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
347	Trường Mầm tư thực	DGD	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
348	Mở rộng trường Tiểu học B	DGD	0,12			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
349	Mở rộng trường Tiểu học A	DGD	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
350	Xây dựng mới trường Mầm non khu A	DGD	1,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
351	Điểm trường Mầm non	DGD	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
352	Trường Mầm non Khu B	DGD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
353	Trường tiểu học Thanh Hà	DGD	0,52			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
354	Trường mầm non phân khu A	DGD	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
355	Trường Mầm Nom A	DGD	1,07			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
356	Trường Mầm Non B	DGD	0,18			Huyện Mỹ Đức	2021
357	Mở rộng trường THCS	DGD	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
358	Trường THCS Trần Phú	DGD	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2022
359	Trường Tiểu học Nam Phong	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
360	Trường THCS Nam Phong	DGD	0,90		0,90	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
361	Trường Mầm non Khai Thái	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2022
362	Trường Tiểu học Đại Xuyên	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
363	Trường THCS Phú Yên	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
364	Trường Mầm non Vân Từ	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
365	Trường Mầm non thị trấn Phú Xuyên (điểm trường Đại Đồng)	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
366	Trường Mầm non trung tâm huyện	DGD	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2022
367	Trường Mầm non Tri Thủy	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
368	Trường Tiểu học Minh Tân B	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
369	Trường Mầm non Nam Tiến A	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
370	Trường Tiểu học Phúc Tiến	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
371	Trường Mầm non Sơn Hà	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2022
372	Trường tiểu học Nam Tiến A	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2022
373	Trường tiểu học Đại Thắng	DGD	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
374	Trường tiểu học Minh Tân A	DGD	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
375	Trường tiểu học Hồng Minh	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
376	Trường Mầm non Quang Lãng	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
377	Trường Mầm non Hoàng Long	DGD	0,60		0,60	Huyện Phú Xuyên	2022
378	Trường Tiểu học Bạch Hạ	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2024
379	Trường mầm non Châu Can B	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2025
380	Trường Tiểu học Châu Can	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
381	Quy hoạch trường mầm non Chuyên Mỹ	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2023
382	Trường tiểu học Chuyên Mỹ	DGD	0,95		0,95	Huyện Phú Xuyên	2021
383	Trường tiểu học xã Đại Xuyên	DGD	1,17		1,17	Huyện Phú Xuyên	2024
384	QH trường tiểu học Hồng Thái	DGD	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2022
385	Xây dựng trường mầm non Hồng Thái	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
386	Trường Mầm Non Khai Thái, điểm trường thôn Lập Phương	DGD	1,30		1,30	Huyện Phú Xuyên	2022
387	Trường mầm non trung tâm Khai Thái	DGD	0,18		0,18	Huyện Phú Xuyên	2023
388	Xây dựng trường tiểu học Nam Phong	DGD	1,21		1,21	Huyện Phú Xuyên	2022
389	Trường THCS Nam Phong	DGD	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
390	QH trường THCS Thôn Chanh Thôn (Nam Tiến A)	DGD	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2025
391	Trường MN Nam Tiến B	DGD	0,27		0,27	Huyện Phú Xuyên	2022
392	QH trường mầm non Nam Tiến A	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
393	Trường mầm non Phú Yên	DGD	0,71		0,71	Huyện Phú Xuyên	2021
394	Trường mầm non thôn Đồng Chằm	DGD	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2022
395	QH trường mầm non Sơn Hà khu trung tâm	DGD	1,40		1,40	Huyện Phú Xuyên	2022
396	Trường THPT Tân Dân	DGD	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
397	Mở rộng trường cấp 2 thôn Đại Nghiệp	DGD	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2022
398	Trường Mầm non Tri Thủy	DGD	0,94		0,94	Huyện Phú Xuyên	2024
399	Trường tiểu học Tri Thủy	DGD	0,60		0,60	Huyện Phú Xuyên	2021
400	Trường Trung học cơ sở xã Tri Thủy	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2021
401	Xây mới trường tiểu học xã Tri Trung	DGD	0,92		0,92	Huyện Phú Xuyên	2022
402	Trường THCS Tri Trung	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2024
403	Trường tiểu học thị trấn Phú Minh	DGD	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2022
404	Trường Mầm non Sao Mai	DGD	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2023
405	Trường Mầm Non thôn Thao chính	DGD	1,30		1,30	Huyện Phú Xuyên	2022
406	Trường tiểu học TT. Phú Xuyên	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2024
407	Trường Mầm non trung tâm thị trấn Phú Xuyên	DGD	1,67		1,67	Huyện Phú Xuyên	2022
408	Trường trung học cơ sở Văn Hoàng	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2021
409	Mở rộng trường mầm non	DGD	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2022
410	Trường Tiểu học Phú Yên	DGD	0,39		0,39	Huyện Phú Xuyên	2022
411	Trường THCS thị trấn Phú Xuyên	DGD	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
412	Cải tạo nâng cấp trường tiểu học Đông Yên A, điểm trường thôn Đông Thượng	DGD	0,70	0,51	0,19	Huyện Quốc Oai	2021-2025
413	Xây mới trường MN Đông Yên A, điểm trường thôn Đông Thượng	DGD	0,80	0,20	0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
414	Xây dựng THCS Đông Yên B	DGD	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
415	Xây dựng mầm non Đông Yên B	DGD	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
416	Xây dựng tiểu học Đông Yên B	DGD	1,08		1,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
417	Mở rộng trường mầm non thôn Yên Thái	DGD	0,33	0,30	0,03	Huyện Quốc Oai	2021-2025
418	Trường tiểu học Đông Xuân	DGD	0,45		0,45	Huyện Quốc Oai	2021-2025
419	Xây mới trường học trung tâm xã Đông Xuân (03 trường)	DGD	5,70		5,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
420	Cải tạo trường mầm non xã Đông Xuân (điểm trường thôn Đồng Bèn)	DGD	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
421	Mở rộng điểm trường mầm non Hòa Phú-Hòa Thạch	DGD	0,23	0,11	0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
422	Trường Mầm non Hòa Thạch	DGD	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
423	Mở rộng tiểu học Hòa Thạch A	DGD	1,80	1,13	0,67	Huyện Quốc Oai	2021-2025
424	Đất dự trữ giáo dục trường nghề	DGD	3,00		3,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
425	Đầu tư, nâng cấp xây dựng trường tiểu học Cấn Hữu (Giai đoạn 2)	DGD	2,10		2,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
426	Trường Mầm non Cấn Hữu (điểm trường thôn Đình Tú và Thái Thượng Khê), xã Cấn Hữu	DGD	0,52	0,10	0,42	Huyện Quốc Oai	2021-2025
427	Xây dựng trường MN Cấn Hữu, xã Cấn Hữu	DGD	1,80		1,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
428	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Cấn Hữu	DGD	1,40	0,90	0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
429	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Nghĩa Hương, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	0,84	0,20	0,64	Huyện Quốc Oai	2021-2025
430	Mở rộng trường Mầm non trung tâm xã Nghĩa Hương	DGD	0,77	0,17	0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
431	Khu Trung tâm giáo dục cộng đồng	DGD	0,24		0,24	Huyện Quốc Oai	2021-2025
432	Trường tiểu học Tuyết Nghĩa	DGD	1,40	0,48	0,92	Huyện Quốc Oai	2021-2025
433	Mầm non B xã Tuyết Nghĩa	DGD	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
434	Xây mới trường tiểu học Đồng Trước	DGD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
435	Mở rộng trường THCS xã Cộng Hòa	DGD	0,50	0,40	0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
436	Trường THCS Tân Phú, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	DGD	0,91		0,91	Huyện Quốc Oai	2021-2025
437	Nâng cấp trường MN Tân Phú	DGD	0,17		0,17	Huyện Quốc Oai	2021-2025
438	XD mới THCS - Đàm đuối	DGD	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
439	XD mới THPT Cao Bá Quát - Đàm Đuối	DGD	3,00		3,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
440	Mở rộng trường THCS Đại Thành	DGD	1,00	0,80	0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
441	Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học Đại Thành	DGD	1,09	0,46	0,63	Huyện Quốc Oai	2021-2025
442	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Đại Thành, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	1,22	0,62	0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
443	XD Trường phổ thông Nguyễn Trực (Đồng Quang)	DGD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
444	Nâng cấp, mở rộng trường tiểu học Đồng Quang A, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
445	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	0,26		0,26	Huyện Quốc Oai	2021-2025
446	Đầu tư, nâng cấp Trường Mầm non Liệp Tuyết (điểm trường trung tâm)	DGD	0,85	0,26	0,59	Huyện Quốc Oai	2021-2025
447	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Liệp Tuyết, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	0,40		0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
448	Nâng cấp, cải tạo trường THCS Liệp Tuyết, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
449	Xây mới trường tiểu học Ngọc Liệp B	DGD	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
450	Xây mới trường THCS Ngọc Liệp B	DGD	1,40		1,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
451	Mở rộng trường Tiểu học Ngọc Liệp	DGD	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
452	Mở rộng trường tiểu học thôn Ngọc Than - Ngọc Mỹ	DGD	2,50	1,10	1,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
453	Xây mới trường THCS Ngọc Mỹ (khu 03 trường)	DGD	1,40		1,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
454	Xây mới trường tiểu học Ngọc Mỹ (khu 03 trường)	DGD	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
455	Xây mới trường mầm non Ngọc Mỹ (khu 03 trường)	DGD	0,98		0,98	Huyện Quốc Oai	2021-2025
456	QH đất giáo dục khu TT xã	DGD	3,70		3,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
457	Mở rộng trường tiểu học Thạch Thán	DGD	1,50	0,40	1,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
458	Xây dựng trường mầm non xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
459	Trường mầm non huyện (chất lượng cao)	DGD	0,85		0,85	Huyện Quốc Oai	2021-2025
460	Trường tiểu học thị trấn Quốc Oai (trường chất lượng cao)	DGD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
461	XD trường THPT Quốc Oai	DGD	2,20		2,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
462	Trường mầm non thị trấn Quốc Oai B	DGD	0,40		0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
463	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS thị trấn Quốc Oai (hạng mục Nhà đa năng)	DGD	1,06	0,58	0,48	Huyện Quốc Oai	2021-2025
464	Mở rộng trường tiểu học Yên Sơn (Khu Quảng Yên)	DGD	1,32	0,38	0,94	Huyện Quốc Oai	2021-2025
465	Mở rộng trường THCS Yên Sơn	DGD	1,10	0,70	0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
466	Xây mới điểm trường mầm non thôn Quảng Yên	DGD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
467	Trường mầm non Phượng Cách	DGD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
468	Trường THCS Phượng Cách	DGD	0,92		0,92	Huyện Quốc Oai	2021-2025
469	Xây dựng trường tiểu học Phượng Cách, huyện Quốc Oai	DGD	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
470	XD trường Tiểu học cơ sở Sài Sơn B	DGD	1,60		1,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
471	Xây dựng mới trường Tiểu Học C Sài Sơn	DGD	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
472	Mầm non Sài Sơn B	DGD	0,51		0,51	Huyện Quốc Oai	2021-2025
473	Xây mới trường THCS Sài Sơn B	DGD	1,10		1,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
474	Xây dựng điểm lẻ mầm non A	DGD	0,13		0,13	Huyện Quốc Oai	2021-2025
475	Xây dựng nhà trẻ thôn 2- Phú Cát	DGD	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
476	Xây mới trường tiểu học Phú Cát B	DGD	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
477	Cải tạo trường TH Phú Cát A	DGD	0,27	0,13	0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
478	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Phú Cát (điểm trường Khu A, Khu C	DGD	0,60		0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
479	Mở rộng trường THCS xã Phú Cát	DGD	1,98	0,68	1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
480	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Phú Mãn	DGD	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
481	Mở rộng trường tiểu học Phú Mãn	DGD	1,20	0,70	0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
482	Mở rộng trường THCS Phú Mãn	DGD	1,31	0,80	0,51	Huyện Quốc Oai	2021-2025
483	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Xuân Giang	DGD	0,60		0,60	Huyện Sóc Sơn	2022
484	Xây dựng trường mầm non Kim Lũ (khu Xuân Dương)	DGD	1,20		1,20	Huyện Sóc Sơn	2022
485	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Trung Giã A	DGD	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
486	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Tiên Dược	DGD	1,00		1,00	Huyện Sóc Sơn	2022
487	Cải tạo, nâng cấp trường TH Minh Phú	DGD	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
488	Xây dựng Trường THCS Đông Xuân	DGD	1,80		1,80	Huyện Sóc Sơn	2022
489	Xây dựng, mở rộng trường THPT Kim Anh	DGD	1,00		1,00	Huyện Sóc Sơn	2022
490	Xây dựng trường mầm non Trung Giã B	DGD	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2022
491	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Minh Trí (khu trung tâm)	DGD	0,25		0,25	Huyện Sóc Sơn	2022
492	Cụm trường mầm non Đô Lương - Đa Hội xã Bắc Sơn	DGD	0,80		0,80	Huyện Sóc Sơn	2022
493	Xây dựng trường tiểu học Phú Cường khu B	DGD	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2022
494	Đầu tư xây dựng Trường THPT Lạc Long Quân	DGD	0,31			Huyện Sóc Sơn	2022
495	Trường tiểu học Tân Dân C	DGD	1,10		1,10	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
496	Trường THCS Mai Đình 1	DGD	2,43		2,35	Huyện Sóc Sơn	2023
497	Trường THCS Mai Đình 2	DGD	2,08		2,08	Huyện Sóc Sơn	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
498	Trường THCS Mai Đình 3	DGD	1,07		0,99	Huyện Sóc Sơn	2023
499	Trường tiểu học Mai Đình C	DGD	1,10		0,80	Huyện Sóc Sơn	2023
500	Trường THCS Phù Lỗ	DGD	1,28		1,18	Huyện Sóc Sơn	2023
501	Mở rộng trường mầm non Quang Tiến	DGD	0,60		0,60	Huyện Sóc Sơn	2023
502	Trường tiểu học Tiên Dược C	DGD	0,90	-	0,90	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
503	Trường mầm non Mai Đình C	DGD	1,20		0,63	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
504	Trường Tiểu học Phù Linh B	DGD	0,71		0,63	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
505	Trường mầm non Tân Hưng B	DGD	0,31		0,31	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
506	Trường tiểu học Tân Hưng B	DGD	0,89		0,81	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
507	Mở rộng trường mầm non 19/5	DGD	1,07	0,39	0,68	Huyện Thạch Thất	2021-2025
508	Xây dựng, mở rộng trường THCS Thạch Thất (Giai đoạn 2)	DGD	2,00	1,00	1,00	Huyện Thạch Thất	2022
509	Xây dựng mới trường mầm non Đại Đồng (Rộc Quýt)	DGD	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
510	Mở rộng khuôn viên, xây dựng khu giáo dục thể chất; cải tạo nhà lớp học trường THCS Đại Đồng	DGD	1,76	0,96	0,80	Huyện Thạch Thất	2022
511	Cải tạo, mở rộng trường THCS Cẩm Yên	DGD	0,79	0,44	0,35	Huyện Thạch Thất	2021-2022
512	Trường mầm non xã Cẩm Yên	DGD	0,51	0,45	0,06	Huyện Thạch Thất	2021-2022
513	Tiểu học Cẩm Yên -(trung tâm xã)	DGD	0,73	0,58	0,15	Huyện Thạch Thất	2021-2025
514	Xây dựng mới 20 phòng học, 9 phòng bộ môn, hiệu bộ, khu giáo dục thể chất, sân vườn, phụ trợ Trường THCS Đồng Trúc.	DGD	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2022
515	Mở rộng trường tiểu học xã Đồng Trúc	DGD	1,70	0,40	1,30	Huyện Thạch Thất	2025
516	Xây dựng trường mầm non Lại Thượng	DGD	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
517	Xây mới phòng học, phòng bộ môn. hiệu bộ, bếp, sân vườn, phụ trợ trường Mầm non Phú Kim	DGD	1,20		1,20	Huyện Thạch Thất	2021-2022
518	Xây điểm mới trường tiểu học Phú Kim	DGD	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2024-2025
519	Xây mới mầm non Phú Kim - sứ đồng Cầu	DGD	0,24	0,15	0,09	Huyện Thạch Thất	2021-2025
520	Xây dựng mới phòng học, bộ môn, hiệu bộ, khu thể chất, bếp, sân vườn, phụ trợ trường Tiểu học Kim Quan	DGD	1,57		1,57	Huyện Thạch Thất	2022
521	Xây dựng mới trường mầm non Kim Quan	DGD	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
522	Xây dựng trường liên cấp thành phố trên địa bàn huyện	DGD	8,00		8,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
523	Mở rộng khuôn viên, khu thể chất, bếp ăn, cải tạo nhà, lớp học, sân, vườn phụ trợ tiểu học Hương Ngải	DGD	1,63	0,90	0,73	Huyện Thạch Thất	2023-2024
524	Xây dựng mới trường mầm non trung tâm Hương Ngải	DGD	1,42		1,42	Huyện Thạch Thất	2021-2025
525	Xây dựng trường THPT Minh Hà	DGD	2,40		2,40	Huyện Thạch Thất	2021-2022
526	Xây dựng trường tiểu học Minh Hà B xã Canh Nậu (xây điểm mới)	DGD	1,20		1,20	Huyện Thạch Thất	2021-2022
527	Xây dựng mới phòng học, phòng bộ môn. hiệu bộ, bếp, sân vườn, phụ trợ trường THCS Minh Hà	DGD	0,80		0,80	Huyện Thạch Thất	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
528	Xây điểm mới mầm non Minh Hà (khu Ao Sen)	DGD	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
529	Mở rộng trường THCS Canh Nậu	DGD	1,74	1,07	0,67	Huyện Thạch Thất	2021-2025
530	Xây mới trường mầm non Canh Nậu	DGD	1,20		1,20	Huyện Thạch Thất	2021-2025
531	Xây mới mầm non Dị Nậu	DGD	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
532	Mở rộng trường THCS Dị Nậu	DGD	1,92	1,14	0,78	Huyện Thạch Thất	2021-2025
533	Trung tâm dạy nghề tư thực nhân đạo Minh Tâm	DGD	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
534	Mở rộng Tiểu học Thạch Xá	DGD	1,57	0,40	1,17	Huyện Thạch Thất	2021-2025
535	Xây dựng, mở rộng trường Mầm non trung tâm xã Thạch Xá	DGD	1,30	0,26	1,04	Huyện Thạch Thất	2022
536	Mở rộng THCS Thạch Xá thôn Yên	DGD	1,20	0,58	0,62	Huyện Thạch Thất	2021-2025
537	Xây mới phòng học, phòng bộ môn. hiệu bộ, bếp, sân vườn, phụ trợ trường Mầm non Chàng Sơn	DGD	1,70		1,70	Huyện Thạch Thất	2021-2022
538	Mở rộng tiểu học Chàng Sơn	DGD	1,55	0,97	0,58	Huyện Thạch Thất	2021-2025
539	Mở rộng THCS Chàng Sơn	DGD	1,57	0,68	0,89	Huyện Thạch Thất	2021-2025
540	Xây dựng, mở rộng trường THPT Phùng Khắc Khoan	DGD	1,23	0,60	0,63	Huyện Thạch Thất	2021-2022
541	Trường Mầm non trung tâm Bình Phú A	DGD	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2022
542	Mầm non Bình Phú B (cạnh trường tiểu học Bình Phú)	DGD	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
543	Mở rộng tiểu học Bình Phú A	DGD	1,22	0,49	0,73	Huyện Thạch Thất	2021-2025
544	Trường THCS Hữu Bằng	DGD	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2022
545	Xây dựng trường Tiểu học Hữu Bằng (xây điểm mới)	DGD	1,65		1,65	Huyện Thạch Thất	2022
546	Mở rộng trường mầm non xã Phùng Xá (Đồng Nương)	DGD	0,98	0,40	0,58	Huyện Thạch Thất	2021-2025
547	Trường THCS Phùng Xá; Tiểu học Phùng Xá (xây điểm mới)	DGD	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
548	Xây dựng Tiểu học Phùng Xá (xây điểm mới)	DGD	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
549	Xây mới phòng học, bộ môn. hiệu bộ, bếp, sân vườn, phụ trợ trường mầm non Cần Kiệm	DGD	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2023-2024
550	Xây mới tiểu học Cần Kiệm	DGD	1,10		1,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
551	Mở rộng THCS Cần Kiệm	DGD	1,40	0,80	0,60	Huyện Thạch Thất	2021-2025
552	Xây mới mầm non Bình Yên (thôn Sen Trì)	DGD	1,20		1,20	Huyện Thạch Thất	2021-2025
553	Di chuyển, xây dựng mới trường THPT Hai Bà Trưng huyện Thạch Thất	DGD	4,50		4,50	Huyện Thạch Thất	2022
554	Trường mầm non Tân Xã	DGD	0,35		0,35	Huyện Thạch Thất	2022
555	Trường mầm non trung tâm xã Hạ Bằng	DGD	1,20		1,20	Huyện Thạch Thất	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
556	Mở rộng DAXD Đại học quốc gia tại Hòa Lạc	DGD	26,62		10,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
557	Xây mới 12 phòng học, 2 bộ môn, hiệu bộ sân vườn, phụ trợ trường Mầm non Tiến Xuân (điểm thôn Chùa)	DGD	1,26	0,01	1,25	Huyện Thạch Thất	2021-2022
558	Xây dựng tiểu học A xã Tiến Xuân	DGD	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
559	Xây dựng, mở rộng trường mầm non Yên Bình (điểm thôn Thuồng)	DGD	1,21	0,36	0,85	Huyện Thạch Thất	2022
560	Mở rộng, Xây dựng mới phòng học, bộ môn, hiệu bộ, bếp, sân, vườn, phụ trợ mầm non Yên Bình (xây điểm mới)	DGD	1,50	0,33	1,17	Huyện Thạch Thất	2023-2024
561	Mở rộng trường tiểu học Yên Trung	DGD	1,48	0,97	0,51	Huyện Thạch Thất	2021-2025
562	Mở rộng trường mầm non xã Yên Trung	DGD	1,58	0,19	1,39	Huyện Thạch Thất	2021-2025
563	Xây dựng trường địa học Hoà Bình	DGD	39,16		39,16	Huyện Thạch Thất	2021-2025
564	Trường mầm non Xuân Dương (khu trung tâm)	DGD	1,20		1,20	Huyện Thanh Oai	2023
565	Mở rộng trường THCS Xuân Dương	DGD	1,03	0,40	0,63	Huyện Thanh Oai	2023
566	Nâng cấp, mở rộng Trường Mầm non Thanh Thùy (khu trung tâm)	DGD	0,77	0,26	0,51	Huyện Thanh Oai	2023
567	Mở rộng trường mầm non Thanh Thùy (điểm khu vực Tổ Ròng)	DGD	0,54	0,22	0,32	Huyện Thanh Oai	2023
568	Trường mầm non xã Thanh Mai (điểm thôn Mỹ Dương)	DGD	0,53		0,53	Huyện Thanh Oai	2023
569	Trường mầm non xã Thanh Mai (điểm thôn Mỹ Hạ)	DGD	0,36		0,36	Huyện Thanh Oai	2023
570	Trường mầm non xã Thanh cao (điểm thôn Thanh Thân)	DGD	0,73		0,73	Huyện Thanh Oai	2023
571	Trường Mầm non xã Tân Ước	DGD	0,96		0,96	Huyện Thanh Oai	2023
572	Mở rộng trường tiểu học xã Tân Ước	DGD	1,56	0,80	0,76	Huyện Thanh Oai	2023
573	Mở rộng trường THCS Tân Ước	DGD	1,19	0,58	0,61	Huyện Thanh Oai	2023
574	Trường THCS Phương Trung	DGD	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2023
575	Mở rộng trường THCS Liên Châu	DGD	1,50	0,85	0,65	Huyện Thanh Oai	2023
576	Cải tạo mở rộng trường mầm non xã Hồng Dương	DGD	0,75	0,35	0,40	Huyện Thanh Oai	2023
577	Mở rộng trường mầm non xã Dân Hòa (điểm thôn Vũ Lăng)	DGD	0,24	0,12	0,12	Huyện Thanh Oai	2023
578	Mở rộng trường mầm non xã Dân Hòa (điểm thôn Tiên Lữ)	DGD	0,67	0,07	0,60	Huyện Thanh Oai	2023
579	Trường Tiểu học xã Dân Hòa	DGD	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2023
580	Mở rộng trường THCS Dân Hòa	DGD	1,18	0,80	0,38	Huyện Thanh Oai	2023
581	Trường Mầm non xã Cao Dương (khu trung tâm)	DGD	1,21		1,21	Huyện Thanh Oai	2023
582	Mở rộng trường tiểu học xã Cao Dương	DGD	1,72	0,72	1,00	Huyện Thanh Oai	2023
583	Xây dựng mới trường mầm non Bình Minh I (điểm trung tâm)	DGD	0,88		0,56	Huyện Thanh Oai	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
584	Xây mới trường tiểu học Bình Minh A	DGD	1,50		1,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
585	Mở rộng trường tiểu học Bình Minh B (Điểm A)	DGD	0,48	0,38	0,10	Huyện Thanh Oai	2023
586	Trường THCS Bình Minh	DGD	1,73		1,73	Huyện Thanh Oai	2023
587	Trường mầm non xã Bích Hòa (khu trung tâm)	DGD	1,50		1,50	Huyện Thanh Oai	2023
588	Trường mầm non xã Cao Viên (điểm trường thôn Đồng)	DGD	0,70		0,70	Huyện Thanh Oai	2021-2022
589	Trường tiểu học Cao Viên I	DGD	1,50		1,50	Huyện Thanh Oai	2023
590	Trường tiểu học Cao Viên II (Khu B)	DGD	1,25		1,25	Huyện Thanh Oai	2023
591	Trường THCS Cao Viên	DGD	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2023
592	Trung tâm học tập cộng đồng xã Mỹ Hưng	DGD	0,15		0,15	Huyện Thanh Oai	2023
593	Trung tâm giáo dục cộng đồng xã Kim Thư	DGD	0,25		0,25	Huyện Thanh Oai	2023
594	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Dân Hoà	DGD	0,60	0,60	0,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
595	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Xuân Dương	DGD	2,23	0,40	1,83	Huyện Thanh Oai	2021-2022
596	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Thanh Thủy	DGD	1,31	0,48	0,83	Huyện Thanh Oai	2021-2022
597	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Thanh Mai	DGD	3,58	1,02	2,56	Huyện Thanh Oai	2021-2022
598	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Thanh Cao	DGD	2,73	1,80	0,93	Huyện Thanh Oai	2021-2022
599	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Tân Ước	DGD	3,71	1,38	2,33	Huyện Thanh Oai	2021-2022
600	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Tam Hưng	DGD	2,55	0,75	1,80	Huyện Thanh Oai	2021-2022
601	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Phương Trung	DGD	3,60	1,40	2,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
602	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Mỹ Hưng	DGD	0,55	0,45	0,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
603	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Liên Châu	DGD	3,74	0,97	2,77	Huyện Thanh Oai	2021-2022
604	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Kim An	DGD	1,73	0,89	0,84	Huyện Thanh Oai	2021-2022
605	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Hồng Dương	DGD	0,75	0,35	0,40	Huyện Thanh Oai	2021-2022
606	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Đỗ Động	DGD	7,10		7,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
607	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Dân Hoà	DGD	2,59	0,99	1,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
608	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Cao Dương	DGD	2,93	0,72	2,21	Huyện Thanh Oai	2021-2022
609	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Bình Minh	DGD	7,17	1,34	5,83	Huyện Thanh Oai	2021-2022
610	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Bích Hoà	DGD	1,50		1,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
611	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Cao Viên	DGD	5,45		5,45	Huyện Thanh Oai	2021-2022
612	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Cự Khê	DGD	3,50		3,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
613	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non thị trấn Kim Bài	DGD	3,24	0,94	2,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
614	Trường mầm non xã Kim Thư	DGD	2,10		2,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
615	Trường THPT Hồng Dương	DGD	2,50		2,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
616	Trường THPT Thanh Oai A	DGD	6,00		6,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
617	Trung tâm học tập cộng đồng	DGD	0,70		0,70	Huyện Thanh Oai	2021-2022
618	Quy hoạch đất giáo dục (bao gồm Đại học kiểm sát 8,0 ha)	DGD	19,00		19,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
619	Quy hoạch đất giáo dục	DGD	23,00		23,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
620	Quy hoạch đất giáo dục	DGD	7,58		7,58	Huyện Thanh Oai	2021-2022
621	Mở rộng trường Cao đẳng nghề	DGD	1,88	1,60	0,28	Huyện Thanh Oai	2021-2022
622	Trường Cao đẳng Việt Hàn	DGD	3,00		3,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
623	Trung tâm dạy nghề huyện Thanh Oai	DGD	2,70		2,70	Huyện Thanh Oai	2021-2022
624	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Thường Tín ở vị trí mới	DGD	1,80		1,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
625	Trường MN chất lượng cao TT Thường Tín	DGD	0,58		0,58	Huyện Thường Tín	2022-2025
626	Dự án mở rộng trường THCS Nguyễn Trãi A (đã huy động vốn ngoài ngân sách)	DGD	1,05	0,85	0,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
627	Trường mầm non Hoa Sen	DGD	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
628	Trường THPT tại xã Văn Phú	DGD	2,10		2,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
629	Trường tiểu học Ninh Sở, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGD	1,19		1,19	Huyện Thường Tín	2022-2025
630	Mở rộng Trường Mầm non trung tâm xã Ninh Sở	DGD	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
631	Trường tiểu học xã Nhị Khê	DGD	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
632	Trường THCS Hòa Bình	DGD	1,05	0,37	0,68	Huyện Thường Tín	2022-2025
633	Khu trung tâm trường Mầm non Hòa Bình	DGD	0,81		0,81	Huyện Thường Tín	2022-2025
634	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Văn Bình	DGD	1,26	0,86	0,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
635	Mở rộng trường tiểu học Hiền Giang	DGD	0,62	0,36	0,26	Huyện Thường Tín	2022-2025
636	Xây dựng trường tiểu học Văn Phú hạng mục: Nhà lớp học, khu hiệu bộ, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ khác	DGD	0,53		0,53	Huyện Thường Tín	2022-2025
637	Trường tiểu học Tự Nhiên	DGD	1,20		1,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
638	Mở rộng Trường tiểu học xã Tiền Phong	DGD	0,77	0,65	0,12	Huyện Thường Tín	2022-2025
639	Trường mầm non trung tâm xã Tiền Phong	DGD	1,40	0,38	1,02	Huyện Thường Tín	2022-2025
640	Trường MN trung tâm xã	DGD	1,15		1,15	Huyện Thường Tín	2022-2025
641	Mở rộng trường mầm non trung tâm xã Nguyễn Trãi	DGD	1,30	0,28	1,01	Huyện Thường Tín	2022-2025
642	Trường tiểu học Quất Động	DGD	1,00	0,69	0,31	Huyện Thường Tín	2022-2025
643	Cải tạo và mở rộng trường mầm non trung tâm xã Chương Dương	DGD	0,66	0,43	0,23	Huyện Thường Tín	2022-2025
644	Trường tiểu học Thắng Lợi	DGD	1,20		1,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
645	Trường Mầm non Dũng Tiến (GD2), hạng mục: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ khác	DGD	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
646	Cải tạo, nâng cấp trường MN Tô Hiệu, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGD	0,64	0,20	0,44	Huyện Thường Tín	2022-2025
647	Trường mầm non TT xã Tiền Phong	DGD	1,40		0,95	Huyện Thường Tín	2021
648	Trường mầm non trung tâm xã Nguyễn Trãi	DGD	0,57		0,57	Huyện Thường Tín	2021
649	Xây dựng Trường THPT Thường Tín	DGD	2,80		2,80	Huyện Thường Tín	2021
650	Xây dựng Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Thường Tín ở vị trí mới	DGD	1,80	1,80	1,80	Huyện Thường Tín	2021
651	Trường mầm non Thư Phú	DGD	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2021
652	Trường tiểu học Hiền Giang, huyện Thường Tín	DGD	0,22		0,22	Huyện Thường Tín	2021
653	Trường tiểu học Tự Nhiên, huyện Thường	DGD	1,00		1,00	Huyện Thường Tín	2021
654	Cải tạo, nâng cấp trường MN Chương Dương, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGD	0,23		0,23	Huyện Thường Tín	2021
655	Trường tiểu học Nhị Khê, hạng mục: Nhà đa năng và phụ trợ	DGD	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2021
656	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Quất Động, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGD	1,00		1,00	Huyện Thường Tín	2021
657	Trường tiểu học Vạn Điểm, huyện Thường Tín thành phố Hà Nội; Hạng mục: Nhà đa năng và phụ trợ	DGD	0,64	0,10	0,10	Huyện Thường Tín	2021
658	Trường mầm non Thắng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGD	0,65		0,65	Huyện Thường Tín	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
659	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGD	0,80	0,80	0,80	Huyện Thường Tín	2021
660	Trường mầm non Tân Minh, huyện Thường Tín	DGD	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022
661	Trường tiểu học Vân Tảo, huyện Thường Tín	DGD	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022
662	Trường tiểu học Chương Dương, huyện Thường Tín	DGD	1,30		1,30	Huyện Thường Tín	2022
663	Trường THCS Vạn Điểm, huyện Thường Tín	DGD	2,00		2,00	Huyện Thường Tín	2022
664	Xây dựng trường THCS Hà Hồi, huyện Thường Tín	DGD	1,20		1,20	Huyện Thường Tín	2022
665	Xây dựng Trường THCS Thư Phú, huyện Thường Tín ở vị trí mới	DGD	1,10		1,10	Huyện Thường Tín	2022
666	Trường Mầm non Thư Phú, huyện Thường Tín	DGD	0,64		0,64	Huyện Thường Tín	2022
667	Trường tiểu học Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín	DGD	0,45		0,45	Huyện Thường Tín	2022
668	Trường tiểu học Dũng Tiến, huyện Thường Tín	DGD	0,24		0,24	Huyện Thường Tín	2022
669	Trường THCS Hiền Giang, huyện Thường Tín	DGD	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022
670	Trường tiểu học Khánh Hà, huyện Thường Tín	DGD	0,52		0,52	Huyện Thường Tín	2022
671	Trường tiểu học Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	DGD	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2022
672	Trường THPT tại xã Văn Phú, huyện Thường Tín	DGD	3,00		3,00	Huyện Thường Tín	2022
673	Trường mầm non Liên Phương, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGD	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022
674	Trường THCS Hiền Giang, huyện Thường Tín	DGD	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
675	Trường tiểu học Vân Tảo, huyện Thường Tín	DGD	1,20		1,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
676	Trường tiểu học Khánh Hà, huyện Thường Tín	DGD	0,52		0,52	Huyện Thường Tín	2022-2025
677	Trường tiểu học Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	DGD	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2022-2025
678	Trường THPT tại xã Văn Phú, huyện Thường Tín	DGD	3,00		3,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
679	Trường mầm non Tân Minh, huyện Thường Tín	DGD	0,60		0,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
680	Trường mầm non Phương Tú	DGD	0,94	0,66	0,94	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
681	Trường Mầm non trung tâm xã Hòa Lâm	DGD	0,89		0,89	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
682	Trường mầm non tập trung xã Viên Nội	DGD	0,72		0,72	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
683	Trường Mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng	DGD	0,20	0,20	0,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
684	Trường mầm non trung tâm xã Phù Lưu	DGD	0,09		0,09	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
685	Trường mầm non trung tâm xã Kim Đường	DGD	0,92		0,92	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
686	Trường mầm non tập trung xã Đội Bình	DGD	1,10		1,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
687	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Tân Phương, thị trấn Vân Đình	DGD	0,61		0,61	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
688	Trường mầm non tập trung xã Sơn Công	DGD	0,72		0,72	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
689	Trường mầm non trung tâm xã Hồng Quang	DGD	0,80		0,80	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
690	Trường mầm non Quảng Phú Cầu huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	0,62		0,62	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
691	Trường mầm non trung tâm xã Hoa Sơn huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	0,80		0,80	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
692	Dự án trường tiểu học thị trấn Vân Đình	DGD	0,90	0,90	0,90	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
693	Xây mới trường tiểu học Phương Tú	DGD	0,95	0,80	0,95	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
694	Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng (Giai đoạn 2)	DGD	0,50	0,50	0,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
695	Xây dựng, cải tạo trường THPT Ứng Hòa A, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	1,00		1,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
696	Trường Mầm non trung tâm xã Viên An	DGD	0,95		0,95	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
697	Trường mầm non Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGD	0,95		0,95	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
698	Trường mầm non xã Trung Tú	DGD	1,00		1,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
699	Trường tiểu học Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGD	0,88	0,88	0,88	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
700	Trường mầm non trung tâm xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	1,00	1,00	1,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
701	Xây dựng mới Trường THCS thị trấn Vân Đình đạt chuẩn, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội.	DGD	1,35	1,35	1,35	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
702	Xây dựng Trường THCS Hoa Sơn chuẩn quốc gia.	DGD	0,20		0,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
703	Xây dựng Trường tiểu học Đại Cường đạt chuẩn quốc gia - Mức độ 2.	DGD	0,25		0,25	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
704	Xây dựng Trường THCS Đại Cường đạt chuẩn quốc gia - Mức độ 2.	DGD	0,15		0,15	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
705	Trường mầm non trung tâm xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGD	0,30		0,30	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
706	Xây dựng mới Trường mầm non thôn Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	0,75	0,75	0,75	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
707	Trường mầm non xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	DGD	0,95	0,63	0,95	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
708	Xây dựng trường Tiểu học Minh Đức đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội	DGD	0,41	0,41	0,41	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
709	Xây dựng mới trường mầm non trung tâm xã Hòa Nam đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	0,94	0,94	0,94	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
710	Xây dựng mới trường THCS Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	1,71		1,71	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
711	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hòa Nam đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD				Huyện Ứng Hòa	2022-2025
712	Xây dựng trường Tiểu học Quảng Phú Cầu đạt chuẩn Quốc gia - mức độ 2	DGD				Huyện Ứng Hòa	2022-2025
713	Trường mầm non trung tâm xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	1,10	1,10	1,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
714	Trường mầm non trung tâm xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hoà	DGD	0,59	-	-	Huyện Ứng Hòa	2022
715	Mầm non xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hoà	DGD	0,61	-	-	Huyện Ứng Hòa	2022
716	Trường mầm non tập trung xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa	DGD	0,89	-	-	Huyện Ứng Hòa	2022
717	Trường Tiểu học Phương Tú, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	DGD	0,52	-	-	Huyện Ứng Hòa	2022
718	Trường tiểu học Tảo Dương Văn, H, Ứng Hòa, Tp. Hà Nội	DGD	0,88	-	-	Huyện Ứng Hòa	2022
719	Trường mầm non xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa	DGD	0,99	-	-	Huyện Ứng Hòa	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
720	Trường mầm non trung tâm xã Trường Thịnh	DGD	0,21	-	-	Huyện Ứng Hòa	2025
721	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Lưu Hoàng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	1,42	-	-	Huyện Ứng Hòa	2025
722	Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao huyện Ứng Hòa (Giai đoạn 2)	DGD	2,60	-	-	Huyện Ứng Hòa	2025
723	Xây dựng mới trường THCS Viên Nội, huyện Ứng Hòa	DGD	1,70	-	-	Huyện Ứng Hòa	2023
724	Trường Mầm non thôn Thái Bình	DGD	0,81	-	-	Huyện Ứng Hòa	2023
725	Trường mầm non trung tâm xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	1,34	-	-	Huyện Ứng Hòa	2023
726	Xây dựng mới trường THCS thị trấn Vân Đình đạt chuẩn	DGD	1,36	-	-	Huyện Ứng Hòa	2023
727	Xây dựng trường Tiểu học Minh Đức, huyện Ứng Hòa	DGD	0,40	-	-	Huyện Ứng Hòa	2023
728	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hòa Nam huyện Ứng Hòa	DGD	0,57	-	-	Huyện Ứng Hòa	2023
729	Trường Mầm non trung tâm xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	0,21	-	-	Huyện Ứng Hòa	2023
730	Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu đạt chuẩn quốc gia- mức độ 2	DGD	0,68	-	-	Huyện Ứng Hòa	2023
731	Xây dựng Trường Mầm non số 8 tại địa điểm trung tâm mái ấm 19/5 phường Phúc Xá	DGD	0,06		0,06	Quận Ba Đình	2021-2025
732	Dự án xây dựng trường mầm non Kim Mã	DGD	0,29		0,29	Quận Ba Đình	2021-2025
733	Trường mầm non phường Cống Vị	DGD	0,15		0,15	Quận Ba Đình	2021-2025
734	Xây dựng trường Mầm non Liễu Giai	DGD	0,18		0,18	Quận Ba Đình	2021-2025
735	Dự án cải tạo nâng cấp xây dựng tổng thể trường THCS Mạc Đĩnh Chi	DGD	0,35			Quận Ba Đình	2021-2025
736	Dự án cải tạo xây dựng trường Cán bộ Đội Lê Duẩn (giai đoạn 2)	DGD	0,13			Quận Ba Đình	2021-2025
737	Trường THCS Biên Giang(giai đoạn 2), phường Biên Giang, quận Hà Đông	DGD	0,38		0,38	Quận Hà Đông	2021-2022
738	Mở rộng trường tiểu học Biên Giang	DGD	0,24		0,24	Quận Hà Đông	2021-2022
739	Trường mầm non kết hợp khu cây xanh thể thao trong khu đất dịch vụ phường Vạn Phúc LK6, LK7, LK10, LK11 (thuộc quy hoạch tỷ lệ 1/2000 trục đô thị phía Bắc), quận Hà Đông, Hà Nội	DGD	0,64	0,64	-	Quận Hà Đông	2021-2022
740	Xây dựng đơn nguyên 2 trường mầm non Hương Sen, phường Phú Lãm, quận Hà Đông	DGD	0,05	0,05	-	Quận Hà Đông	2025
741	Cải tạo, mở rộng quy mô trường MN Hoa Sen trên diện tích hiện tại của Trạm y tế phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	DGD	0,13	0,08	0,05	Quận Hà Đông	2025
742	Mở rộng, xây thêm đơn nguyên nhà lớp học chức năng, nhà đa năng, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	DGD	0,97	0,63	0,34	Quận Hà Đông	2023
743	Mở rộng, nâng cấp trường tiểu học Đồng Mai I, phường Đồng Mai, quận Hà Đông	DGD	1,26	0,55	0,71	Quận Hà Đông	2024
744	Trường Mầm Non Đồng Tâm	DGD	0,24		0,24	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
745	Mở rộng trung tâm dạy nghề GDTX	DGD	0,02		0,02	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
746	Cải tạo, mở rộng trường mầm non Vân Hồ	DGD	0,06		0,06	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
747	Trường THCS (trong dự án Lương Yên)	DGD	0,32		0,32	Quận Hai Bà Trưng	2021
748	Xây dựng Trường THCS	DGD	0,44		0,44	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
749	Mở rộng trường tiểu học Trung Hiền	DGD	0,20		0,20	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
750	Xây dựng trường mầm non tại khu đất Ao Vét Bùn I, II phường Trương Định	DGD	0,29		0,29	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
751	Xây dựng trường Tiểu học tại điểm đất 349 Minh Khai	DGD	0,33		0,33	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
752	Dự án tại khu đất Công ty vật liệu xây dựng Nam Thắng	DGD	0,68		0,68	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
753	Dự án tại điểm đất Công ty cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	DGD	0,21		0,21	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
754	Dự án tại điểm đất Công ty cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	DGD	0,09		0,09	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
755	Dự án tại khu đất công ty Thực phẩm Miền Bắc (sát nhập với công ty thực phẩm và dịch vụ tổng hợp)	DGD	0,61		0,61	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
756	Dự án tại khu đất Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	DGD	0,31		0,31	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
757	Dự án tại các khu đất sản xuất kinh doanh ngõ 325 Kim Ngưu	DGD	0,23		0,23	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
758	Dự án xây dựng trường THCS Lê Lợi	DGD	0,16		0,16	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
759	Xây dựng, cải tạo trường Mẫu giáo Quang Trung, quận Hoàn Kiếm	DGD	0,06		0,06	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
760	Xây dựng Trường tiểu học Võ Thị Sáu, quận Hoàn Kiếm	DGD	0,26		0,17	Quận Hoàn Kiếm	2022
761	Xây dựng trường mầm non Lý Thường Kiệt tại địa điểm 49 Phan Bội Châu, quận Hoàn Kiếm	DGD	0,01		0,00	Quận Hoàn Kiếm	2022
762	Xây dựng trường mầm non Mặt Trời Bé Thơ, quận Hoàn Kiếm	DGD	0,11			Quận Hoàn Kiếm	2022
763	GPMB tại 43F-47C Ngô Quyền và 36A Trần Hưng Đạo để xây dựng trường TH Võ Thị Sáu	DGD	0,12		0,12	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
764	Dự án xây dựng trường mầm non Lý Thường Kiệt	DGD	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
765	Dự án xây dựng trường học	DGD	0,13		0,13	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
766	Dự án mở rộng trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	DGD	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
767	Dự án xây dựng Trường học	DGD	0,03		0,03	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
768	Xây dựng trung tâm GDNN-GDTX Nguyễn Văn Tổ	DGD	0,07		0,07	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
769	Xây dựng trường THCS chất lượng cao số 9 Hai Bà Trưng	DGD	0,14		0,14	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
770	Xây dựng trường Mầm non Mặt trời bé thơ tại nhà gỗ số 7, 8 phường Chương Dương	DGD	0,15		0,15	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
771	Xây dựng cơ sở giáo dục tại ô quy hoạch A.6/NT Gia Thụy, phường Gia Thụy, quận Long Biên	DGD	0,30			Quận Long Biên	2022
772	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch A.4/THCS1, phường Ngọc Thụy	DGD	0,80			Quận Long Biên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
773	Xây dựng trường mầm non tại ô QH A.7/NT2 phường Ngọc Lâm	DGD	0,20			Quận Long Biên	2022
774	Xây dựng trường Tiểu học Ngọc Thụy 2 tại ô quy hoạch A8/TH	DGD	1,10			Quận Long Biên	2022
775	Cải tạo trường tiểu học Đức Giang	DGD	0,60			Quận Long Biên	2022
776	Hoàn chỉnh HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m phường Long Biên	DGD	4,97			Quận Long Biên	2022
777	Xây dựng trường mầm non tổ 8 phường Thạch Bàn tại ô QH G.6/NT4	DGD	0,50			Quận Long Biên	2022
778	Xây dựng trường mầm non tại ô quy hoạch B.1/NT3, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGD	0,65			Quận Long Biên	2022
779	Xây dựng trường Mầm non tại ô quy hoạch A.8/NT2 phường Ngọc Thụy	DGD	0,50			Quận Long Biên	2022
780	Xây dựng trường Mầm non tại ô quy hoạch A.4/NT1 phường Ngọc Thụy	DGD	0,50			Quận Long Biên	2022
781	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các ô đất thuộc khu quy hoạch C14 (gồm C14/NO4. C14/NO5. C14/NO6. C14/CC1. C14/CC2. C14/CX3. C14/TH1. C14/THCS1. C14/NT3) và các tuyến đường phụ cận phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Phúc Đồng, quận Long Biên	DGD	11,90			Quận Long Biên	2022
782	Xây dựng trường mầm non tại ô quy hoạch A.5/NT3, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGD	0,40			Quận Long Biên	2022
783	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Thạch Bàn, phường Thạch Bàn	DGD	1,30			Quận Long Biên	2022
784	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch A.8/THCS phường Ngọc Thụy	DGD	0,70			Quận Long Biên	2022
785	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch C.13/THCS phường Việt Hưng	DGD	1,00			Quận Long Biên	2022
786	Cải tạo, nâng cấp trung tâm giáo dục thường xuyên cơ sở 2, Phường Thạch Bàn	DGD	0,13			Quận Long Biên	2022
787	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch C.2/THCS phường Đức Giang	DGD	0,80			Quận Long Biên	2022
788	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch A.5/THCS phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGD	1,00			Quận Long Biên	2022
789	Xây dựng trường tiểu học tại ô quy hoạch B.1/TH1 phường Thượng Thanh	DGD	5,00			Quận Long Biên	2022
790	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Thạch Bàn A tại ô quy hoạch G.4/TH1, phường Thạch Bàn, quận Long Biên	DGD	0,10			Quận Long Biên	2022
791	Xây dựng trường tiểu học tại số 449 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên	DGD	0,25			Quận Long Biên	2022
792	Xây dựng Trường THPT chất lượng cao Mùa Xuân (SPRING SHCOOL)	DGD	3,89			Quận Long Biên	2022
793	Trường mầm non Hoa Thủy Tinh	DGD	0,21			Quận Long Biên	2022
794	Xây dựng trường mầm non tại ô quy hoạch C.7/NT, phường Phúc Lợi, quận Long Biên	DGD	0,45			Quận Long Biên	2022
795	Xây dựng trường tiểu học tại ô quy hoạch C.6/TH1 phường Giang Biên	DGD	1,00			Quận Long Biên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
796	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch B.1/THCS phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGD	1,20			Quận Long Biên	2022
797	Xây dựng trường THCS Cự Khối tại ô quy hoạch G.7/THCS phường Cự Khối, quận Long Biên	DGD	2,40			Quận Long Biên	2022
798	Xây dựng trường Tiểu học tại ô quy hoạch C2/TH, phường Đức Giang, quận Long Biên	DGD	1,45			Quận Long Biên	2022
799	Xây dựng trường mầm non tại ô QH A.2/NT1 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	DGD	0,75			Quận Long Biên	2022
800	Xây dựng THCS Đại Mỗ 2	DGD	1,88	1,78	0,10	Quận Nam Từ Liêm	2021
801	Đầu tư xây dựng Trường học quốc tế DETECH tại ô đất ký hiệu GS4-2 phường Đại Mỗ	DGD	0,70	0,70	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
802	Trung học cơ sở Vietschool Đại Mỗ tại ô đất ký hiệu GS 10-4, phường Đại Mỗ	DGD	1,80	1,80	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
803	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường tiểu học Quốc tế Emico	DGD	0,88		0,88	Quận Nam Từ Liêm	2021
804	Đầu tư xây dựng công trình Trường mầm non Quốc tế Emico	DGD	0,50		0,50	Quận Nam Từ Liêm	2021
805	Xây dựng trường mầm non Mễ Trì	DGD	0,42		0,42	Quận Nam Từ Liêm	2021
806	Xây dựng trường THPT Mỹ Đình	DGD	0,97		0,97	Quận Nam Từ Liêm	2021
807	Xây dựng trường mầm non phường Mỹ Đình 2	DGD	0,49	0,49	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
808	Xây dựng trường mầm non Phú Đô	DGD	0,97	0,97	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
809	Xây dựng trường mầm non Phương Canh 2	DGD	0,36	0,36	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
810	Xây dựng trường Tiểu học, THCS cơ sở tư thực Lê Quý Đôn	DGD	2,73	2,73	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
811	Xây dựng trường mầm non tư thực Việt Pháp	DGD	0,61	0,61	0,00	Quận Nam Từ Liêm	2021
812	Xây dựng Trường THCS Tây Mỗ 2	DGD	1,18	1,18	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
813	Xây dựng trường mầm non tại các ô đất có ký hiệu C3-NT1; F1-NT1; F2-NT1; F3-NT1; F4-NT1; F5-NT1; GS-TH1 (Khu ĐT Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	6,75		6,75	Quận Nam Từ Liêm	2023
814	Xây dựng công trình trường tiểu học tại các ô đất có ký hiệu C3-TH1; F1-TH1; F2-TH1; F3-TH1; F4-TH1; F5-TH1; GS-TH1;(Khu ĐT Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	9,00		9,00	Quận Nam Từ Liêm	2023
815	Xây dựng công trình trường THCS tại các ô đất có ký hiệu C3-THCS1; F1-THCS1; F2-THCS1; F3-THCS1; F4-THCS1; F5-THCS1; GS-THCS1 (Khu ĐT Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	8,29		8,29	Quận Nam Từ Liêm	2023
816	Xây dựng công trình trường PTTH tại các ô đất có ký hiệu F2-THPT1; F3-THPT1; GS-THPT1(Khu ĐT Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	4,66		4,66	Quận Nam Từ Liêm	2023
817	Xây dựng trường Tiểu học Đại Mỗ 3 (nằm trong KĐT Vin Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	0,78		0,78	Quận Nam Từ Liêm	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
818	Xây dựng trường Mầm non Tây Mỗ 3 (nằm trong KĐT Vin Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	0,77			Quận Nam Từ Liêm	2022
819	Xây dựng trường Tiểu học Tây Mỗ 3 (nằm trong KĐT Vin Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	1,16			Quận Nam Từ Liêm	2022
820	Trường Mầm non Xuân Phương	DGD	1,12	1,09	0,03	Quận Nam Từ Liêm	2021
821	Xây dựng trường tiểu học và trung học cơ sở Xuân Phương	DGD	1,77	1,77	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
822	Xây dựng trường mầm non Nam Từ Liêm	DGD	0,40	0,40	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
823	Xây dựng trường THCS Tây Mỗ 3	DGD	0,76		0,76	Quận Nam Từ Liêm	2023
824	Xây dựng Trường Mầm non Nhật Tân 2	DGD	0,73		0,73	Quận Tây Hồ	2021
825	Xây dựng trường THCS và trường Tiểu học Tứ Liên.	DGD	2,12		2,12	Quận Tây Hồ	2021
826	Xây dựng trường PTTH theo quy hoạch tại ô 2/THPT1, phường Nhật Tân	DGD	0,60		0,60	Quận Tây Hồ	2021
827	Xây dựng trường Tiểu học Thượng Thụy	DGD	0,20		0,20	Quận Tây Hồ	2021
828	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Chu Văn An (130 Thụy Khuê)	DGD	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021
829	Cải tạo, mở rộng trường THCS Xuân La	DGD	0,80		0,80	Quận Tây Hồ	2021
830	Cải tạo, sửa chữa trường THCS An Dương	DGD	0,51		0,51	Quận Tây Hồ	2021
831	Xây dựng Trường THCS tư thục Chia Khỏa Vàng	DGD	0,42		0,42	Quận Tây Hồ	2022
832	Xây dựng mới trường mầm non công lập tại phường Phương Liệt	DGD	0,31		0,31	Quận Thanh Xuân	2022
833	Quy hoạch trường TH cụm 3B (Công ty cổ phần VLXD và XNK Hồng Hà)	DGD	0,62			Quận Thanh Xuân	2025
834	Quy hoạch Trường tiểu học tại Công ty XNK thủy sản	DGD	0,52			Quận Thanh Xuân	2024
835	Quy hoạch Trường Mầm Non tại Công ty XNK thủy sản	DGD	0,34			Quận Thanh Xuân	2025
836	Quy hoạch Trường THCS tại Công ty XNK thủy sản	DGD	0,79			Quận Thanh Xuân	2025
837	Quy hoạch trường TH trong ô chức năng đô thị số Lô 01	DGD	0,68			Quận Thanh Xuân	2024
838	Quy hoạch trường TH tại Công ty Bóng đèn phích nước Rạng đông	DGD	1,90			Quận Thanh Xuân	2023
839	Đầu tư xây dựng mới trường Mầm non tại khu đất của công ty CP dệt mùa Đông	DGD	0,30			Quận Thanh Xuân	2022
840	Quy hoạch Trường TH tại Công ty cao su Sao Vàng	DGD	0,89			Quận Thanh Xuân	2025
841	Xây dựng trường mầm non công lập	DGD	0,32			Quận Thanh Xuân	2021
842	Quy hoạch trường Mầm non (phía Nam đường Tôn Thất Tùng kéo dài)	DGD	0,35			Quận Thanh Xuân	2024
843	Quy hoạch trường Mầm non tại Công ty Liên doanh xà phòng và Nhà máy thuốc lá Thăng Long	DGD	0,75			Quận Thanh Xuân	2023
844	Quy hoạch trường Tiểu học tại Công ty Liên doanh xà phòng và Nhà máy thuốc lá Thăng Long	DGD	0,92			Quận Thanh Xuân	2023
845	Quy hoạch trường Tiểu học tại Công ty Giấy Thượng Đình	DGD	0,57			Quận Thanh Xuân	2025
846	Xây dựng phòng học và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Sơn Đông, xã Sơn Đông	DGD	0,20	0,20		Thị xã Sơn Tây	2023
847	Xây dựng Trường THCS Cổ Đông	DGD	2,50		2,50	Thị xã Sơn Tây	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
848	Xây dựng trường mầm non Sơn Đông khu Tân Phú	DGD	1,20	1,32	0,12	Thị xã Sơn Tây	2024
849	Xây dựng trường THCS Sơn Đông	DGD	1,50	1,50	-	Thị xã Sơn Tây	2024
850	Xây dựng trường mầm non Trung Sơn Trầm	DGD	1,76	1,76	-	Thị xã Sơn Tây	2024
851	Xây dựng trường tiểu học Viên Sơn	DGD	1,60	1,60	-	Thị xã Sơn Tây	2024
852	Xây dựng trường trung học cơ sở Đường Lâm	DGD	1,50	1,50	-	Thị xã Sơn Tây	2024
853	Xây dựng trường mầm non Trung Hưng khu B	DGD	1,80	1,80	-	Thị xã Sơn Tây	2024
854	Xây dựng trường mầm non Đường Lâm	DGD	1,00	1,00	-	Thị xã Sơn Tây	2024
855	Xây dựng trường mầm non Xuân Khanh	DGD	1,44	1,44	-	Thị xã Sơn Tây	2025
856	Mở rộng và xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Trung Hưng	DGD	0,83	0,83	-	Thị xã Sơn Tây	2025
857	Mở rộng và xây dựng lớp học, nhà bộ môn trường THCS Trung Hưng	DGD	0,80	0,80	-	Thị xã Sơn Tây	2025
858	Xây dựng trường THCS Thanh Mỹ	DGD	1,46	1,46	-	Thị xã Sơn Tây	2025
859	Xây dựng trường mầm non Phú Thịnh khu B	DGD	1,00	1,00	-	Thị xã Sơn Tây	2025
860	Trường mầm non Hoàng Liệt (khu Bằng B)	DGD	0,34		0,34	Quận Hoàng Mai	2022
861	Xây dựng Trường THCS Định Công (ô D1/TH4)	DGD	0,97		0,97	Quận Hoàng Mai	2022
862	Trường mầm non Thanh Mai, phường Hoàng Văn Thụ	DGD	1,20		1,20	Quận Hoàng Mai	2021
863	Trường mầm non Vĩnh Hưng tại ô F2/NT3	DGD	0,28		0,28	Quận Hoàng Mai	2021
864	Trường tiểu học Vĩnh Hưng (ô F3/TH4)	DGD	1,01		1,01	Quận Hoàng Mai	2021
865	Trường mầm non Vĩnh Hưng (ô F3/NT3)	DGD	0,42		0,42	Quận Hoàng Mai	2021
866	Trường mầm non Định Công (ô D1/NT2)	DGD	0,73		0,73	Quận Hoàng Mai	2021
867	Trường tiểu học Định Công (ô D1/TH3)	DGD	0,75		0,75	Quận Hoàng Mai	2021
868	Trường mầm non Hoàng Liệt (ô F6/NT2)	DGD	0,21		0,02	Quận Hoàng Mai	2021
869	Dự án xây dựng trường THCS Mai Động	DGD	0,59		0,59	Quận Hoàng Mai	2021
870	Dự án xây dựng trường THCS Thịnh Liệt tại ô đất B4/TH3	DGD	0,72		0,72	Quận Hoàng Mai	2022
871	Dự án xây dựng trường Mầm non Thịnh Liệt tại ô đất B4/NT4	DGD	0,48		0,48	Quận Hoàng Mai	2022
872	Dự án xây dựng trường tiểu học Trần Phú tại ô đất H1/TH2	DGD	0,84		0,84	Quận Hoàng Mai	2022
873	Dự án xây dựng trường mầm non Trần Phú tại ô đất H1/NT3	DGD	0,75		0,75	Quận Hoàng Mai	2022
874	Dự án xây dựng trường mầm non Hoàng Liệt tại ô đất F6/NT1	DGD	0,29		0,29	Quận Hoàng Mai	2022
875	Dự án xây dựng trường tiểu học Lĩnh Nam tại ô đất ô đất G2/TH1	DGD	2,08		2,08	Quận Hoàng Mai	2022
876	Dự án xây dựng trường mầm non Lĩnh Nam tại ô đất G2/NT2	DGD	0,84		0,84	Quận Hoàng Mai	2022
877	Trường Tiểu học, THCS và THPT Phú Châu	DGD	0,71			Quận Hoàng Mai	2021
878	Trường Cao đẳng nghề Phú Châu	DGD	4,52			Quận Hoàng Mai	2021
879	Dự án đầu tư xây dựng các trường học còn lại (Tiểu học và Trung học phổ thông) tại Khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ	DGD	1,58			Quận Hoàng Mai	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
880	Dự án trường tiểu học Hoàng Liệt (ô F6/TH2)	DGD	1,31			Quận Hoàng Mai	2022
881	Dự án trường THCS Hoàng Liệt (ô F6/TH1)	DGD	1,68			Quận Hoàng Mai	2022
882	Dự án trường tiểu học Yên Sở (ô D3/TH2)	DGD	0,66			Quận Hoàng Mai	2022
883	Dự án trường THCS Yên Sở (ô D3/TH1)	DGD	0,58			Quận Hoàng Mai	2022
884	Cải tạo, nâng cấp trường MN Tây Sơn (thêm cơ sở tại 101 Nguyễn Lương Bằng)	DGD	0,02		0,02	Quận Đống Đa	2021-2025
885	Nghiên cứu xây dựng trường mầm non Tây Sơn tại điểm đất trường Tiểu học Be Văn Đàn (Trường TH Đế Văn Đàn chuyển sang 16 Hồ Đắc Di)	DGD	0,24	0,24		Quận Đống Đa	2021-2025
886	Nghiên cứu xây dựng trường Tiểu học tại khu đất 81-83 Hào Nam (theo Quy hoạch HI-3)	DGD	0,15		0,15	Quận Đống Đa	2021-2025
887	Nghiên cứu xây dựng trường mầm non tại khu đất Công ty Dược phẩm 170 Đề La Thành (theo Quy hoạch HI-3)	DGD	0,20		0,20	Quận Đống Đa	2021-2025
888	Nghiên cứu xây trường TH tại khu đất 100 Thái Thịnh (theo quy hoạch HI-3)	DGD	0,37		0,37	Quận Đống Đa	2021-2025
889	Nghiên cứu xây trường THCS tại khu đất 98 Thái Thịnh (theo quy hoạch HI-3)	DGD	0,34		0,34	Quận Đống Đa	2021-2025
890	Nghiên cứu xây dựng trường mầm non tại khu đất Quân đội giữ lại ngõ 14 Hồ Đắc Di (theo quy hoạch II1-3)	DGD	0,07		0,07	Quận Đống Đa	2021-2025
891	Nghiên cứu xây trường Mầm Non tại khu đất Công ty in Công đoàn VN, (theo quy hoạch HI-3)	DGD	0,16		0,16	Quận Đống Đa	2021-2025
892	Nghiên cứu xây trường Mầm non tại khu đất hợp tác xã Láng Thượng (theo quy hoạch 111-3)	DGD	0,37		0,37	Quận Đống Đa	2021-2025
893	Nghiên cứu xây trường Mầm Non tại khu đất hợp tác xã CN Trường Sơn (theo quy hoạch H1 -3)	DGD	0,10		0,10	Quận Đống Đa	2021-2025
894	Nghiên cứu xây dựng trường học tại khu đất hợp tác xã Cờ Đỏ (theo quy hoạch H1 -3)	DGD	0,13		0,13	Quận Đống Đa	2021-2025
906	Xây dựng trường THPT (A11; K7-1, PK H2-2)	DGD	0,54		0,54	Quận Cầu Giấy	2021
907	Xây dựng trường THCS (A11; K7-1, PK H2-2)	DGD	0,89		0,89	Quận Cầu Giấy	2021
908	Xây dựng trường MN (A11; K7-1, PK H2-2)	DGD	0,61		0,61	Quận Cầu Giấy	2021
909	Xây dựng trường tiểu học tại ô đất D27 Khu đô thị mới Cầu Giấy	DGD	0,42		0,42	Quận Cầu Giấy	2021
910	Xây dựng trường THCS tại ô đất D27 Khu đô thị mới Cầu Giấy	DGD	0,42		0,42	Quận Cầu Giấy	2021
911	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Mai Dịch	DGD	1,06		1,06	Quận Cầu Giấy	2021
912	Xây dựng trung tâm dạy nghề Hùng Vương	DGD	0,22		0,22	Quận Cầu Giấy	2021
913	Xây dựng trường THCS tại ô đất TH1 thuộc khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng	DGD	1,07		1,07	Quận Cầu Giấy	2023-2025
914	Xây dựng trường mầm non tại ô đất NT khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng	DGD	0,25		0,25	Quận Cầu Giấy	2023-2025
915	Cải tạo, mở rộng Trường THCS Lê Quý Đôn	DGD	0,81		0,81	Quận Cầu Giấy	2023-2025
916	Dự án: Xây dựng Trường mầm non HDC.	DGD	0,08		0,08	Quận Cầu Giấy	2023-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
917	Dự án Xây dựng phân hiệu 2, Trường Trung học Công nghiệp Quốc phòng	DGD	0,25		0,25	Quận Cầu Giấy	2023-2025
918	Dự án: Xây dựng Trường THCS, Trường mầm non, Khu cây xanh thể dục thể thao	DGD	0,27		0,27	Quận Cầu Giấy	2023-2025
919	Dự án: Xây dựng Trường THCS	DGD	0,38		0,38	Quận Cầu Giấy	2023-2025
920	Dự án: Xây dựng trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.	DGD	0,40		0,40	Quận Cầu Giấy	2023-2025
921	Dự án xây dựng trường Tiểu học Yên Hoà 2	DGD	0,54		0,54	Quận Cầu Giấy	2023-2025
922	Trả lại diện tích Trụ sở UBND quận Cầu Giấy tại số 36 đường Cầu Giấy	DGD	0,44		0,44	Quận Cầu Giấy	2023-2025
923	Trả lại diện tích Trụ sở Quận ủy Cầu Giấy tại ngõ 68 đường Cầu Giấy	DGD	0,32		0,32	Quận Cầu Giấy	2023-2025
924	Trả lại diện tích Trụ sở UBND quận Cầu Giấy tại ngõ 68 đường Cầu Giấy	DGD	0,24		0,24	Quận Cầu Giấy	2023-2025
925	Xây dựng trường TH tại lô đất cạnh công viên Hồ điều hoà Mai Dịch	DGD	0,81		0,81	Quận Cầu Giấy	2023-2025
926	Xây dựng trường THPT tại lô đất D34	DGD	2,54		2,54	Quận Cầu Giấy	2023-2025
927	Xây dựng trường MN tại ô đất HH, ĐTM Đông Nam Trần Duy Hưng	DGD	0,25		0,25	Quận Cầu Giấy	2023-2025
928	Cải tạo, mở rộng trường mầm non Phúc Hòa (điểm thôn Thanh Phần)	DGD	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2022
929	Mở rộng trường mầm non thị trấn Phúc Thọ	DGD	0,46		0,46	Huyện Phúc Thọ	2022
930	Mở rộng điểm trường mầm non xã Vân Nam - thôn Vĩnh Khang	DGD	0,19		0,19	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
931	Mở rộng trường mầm non Phúc Hòa (thôn Thụ Trai)	DGD	1,09		1,09	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
932	Mở rộng trường mầm non thôn Nội	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
933	Mở rộng trường mầm non thôn Táo	DGD	0,80		0,80	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
934	Mở rộng trường mầm non Vồng Xuyên A	DGD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
935	Xây dựng, mở rộng trường mầm non Thọ Lộc	DGD	1,25		1,25	Huyện Phúc Thọ	2022
936	Mở rộng, xây dựng, cải tạo, nâng cấp trường mầm non Vồng Xuyên B	DGD	1,10		1,10	Huyện Phúc Thọ	2022
937	Trường mầm non Long Xuyên (điểm thôn Triệu Xuyên)	DGD	1,20		1,20	Huyện Phúc Thọ	2021
938	Trường mầm non Ngọc Táo	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
939	Trường mầm non Phương Độ	DGD	0,32		0,32	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
940	Trường mầm non trung tâm Liên Hiệp	DGD	1,45		1,45	Huyện Phúc Thọ	2021
941	Trường mầm non trung tâm xã Tam Hiệp (khu sân vận động cũ xã Tam hiệp)	DGD	0,72		0,72	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
942	Trường mầm non trung tâm xã Vân Hà	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2022
943	Trường mầm non xã Phụng Thượng	DGD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2022
944	Trường mầm non Xuân Phú (điểm thôn Phú Châu GĐ 2)	DGD	0,70		0,70	Huyện Phúc Thọ	2022
945	Trường mần non Hiệp Thuận	DGD	1,15		1,15	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
946	Trường mầm non Trạch Mỹ Lộc	DGD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2022
947	Trường mầm non Hát Môn	DGD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
948	Trường mầm non Sen Chiểu	DGD	1,80		1,80	Huyện Phúc Thọ	2022
949	Trường mầm non Tam Hiệp B	DGD	1,11		1,11	Huyện Phúc Thọ	2022
950	Xây mới trường mầm non trung tâm	DGD	1,38		1,38	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
951	Mở rộng trường mầm non xã Vân Phúc	DGD	1,10		1,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
952	Mở rộng trường THCS	DGD	0,75		0,75	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
953	Mở rộng trường THCS Tam Thuấn	DGD	0,47		0,47	Huyện Phúc Thọ	2021
954	Mở rộng trường THCS Thanh Đa	DGD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2022
955	Mở rộng trường THCS xã Vân Hà	DGD	0,23		0,23	Huyện Phúc Thọ	2023-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
956	Mở rộng trường tiểu học Thanh Đa	DGD	0,53		0,53	Huyện Phúc Thọ	2022
957	Tiểu học Liên Hiệp	DGD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
958	Trường THCS Liên Hiệp	DGD	1,28		1,28	Huyện Phúc Thọ	2022
959	Trường THCS Thọ Lộc	DGD	1,60		1,60	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
960	Trường THCS xã Hiệp Thuận	DGD	1,80		1,80	Huyện Phúc Thọ	2021
961	Trường tiểu học Tam Hiệp B	DGD	1,12		1,12	Huyện Phúc Thọ	2022
962	Trường tiểu học Vông Xuyên B, xã Vông Xuyên	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2022
963	Trường THCS Tích Giang	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
964	Trường tiểu học Hát Môn	DGD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
965	Trường tiểu học Ngọc Tảo	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
966	Trường tiểu học xã Tam Thuận	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
967	Xây dựng, mở rộng trường THCS xã Phụng Thượng	DGD	0,40		0,40	Huyện Phúc Thọ	2022
968	Trường THCS Long Xuyên	DGD	1,16		1,16	Huyện Phúc Thọ	2022
969	Trường THCS Tam Hiệp B	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
970	Trường THCS xã Vân Phúc	DGD	1,04		1,04	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
971	Trường THCS Vông Xuyên B	DGD	2,05		2,05	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
972	XD tường mầm non trung tâm xã Thượng Cốc	DGD	0,58		0,58	Huyện Phúc Thọ	2021
973	Dự án trường mầm non và tiểu học tư thục Nam Hải tại phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm	DGD	1,98	1,98	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
B.12	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT					
1	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao các dân tộc huyện Ba Vì	DTT	5,00		5,00	Huyện Ba Vì	2021
2	Trung tâm TDTT huyện tại Chúc Sơn	DTT	7,00		7,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
3	Sân thể thao (MR+XM)	DTT	2,92		2,92	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
4	Trung tâm văn hóa thể thao	DTT	2,98		2,98	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
5	Đất thể thao các xã	DTT	61,71	-	61,71	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
6	Xây dựng sân thể thao thôn Phương Bán	DTT	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Cải tạo, mở rộng sân thể thao trung tâm	DTT	0,70		0,70	Huyện Chương Mỹ	2022
8	Sân thể thao Đồng Ké	DTT	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2022
9	Dự án Trung tâm văn hóa thể thao thị trấn Phùng (giai đoạn 1)	DTT	1,80		1,80	Huyện Đan Phượng	2022
10	Trung tâm văn hóa thể thao xã Liên Hà (giai đoạn 1)	DTT	1,04		1,04	Huyện Đan Phượng	2022
11	Trung tâm thể thao xã Phương Đình (giai đoạn 1)	DTT	1,10		1,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
12	Khu cây xanh, thể thao kết hợp điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng thôn Đại Đồng	DTT	1,44		1,44	Huyện Đông Anh	2021
13	Xây dựng khu cây xanh, điểm đỗ xe và sân thể thao thôn Lý Nhân, xã Dục Tú	DTT	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
14	Xây dựng sân thể thao thôn Phúc Hậu 1, xã Dục Tú	DTT	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
15	Xây dựng sân thể thao thôn Phúc Hậu 2, xã Dục Tú	DTT	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
16	Xây dựng sân bóng đá thôn Yên Hà, xã Hải Bối	DTT	0,80		0,80	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
17	Xây dựng trung tâm thể dục thể thao kết hợp bãi đỗ xe xã Kim Chung	DTT	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
18	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao khu nhà ở công nhân Kim Chung	DTT	0,46		0,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
19	Đầu tư xây dựng hạ tầng cây xanh số kết hợp sân thể thao các thôn: số 1 Đại Vĩ; số 1 thôn Hà Phong; số 2 thôn Hà Phong, xã Liên Hà	DTT	5,47		5,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
20	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao thôn Nguyên Khê	DTT	0,63		0,63	Huyện Đông Anh	2021-2025
21	Xây dựng khu cây xanh, thể dục thể thao xã Tàm Xá	DTT	0,21		0,21	Huyện Đông Anh	2021-2025
22	Đầu tư xây dựng khu Cây xanh, sân thể thao, bãi đỗ xe thôn Biều Khê, xã Thụy Lâm	DTT	2,10		2,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
23	Đầu tư xây dựng sân thể thao trước nhà văn hóa thôn Hương Trầm, xã Thụy L:âm	DTT	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
24	Đầu tư xây dựng khu Cây xanh, sân thể thao thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm	DTT	1,25		1,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
25	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	DTT	11,00		11,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
26	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Tiên Dương	DTT	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
27	Xây dựng khu cây xanh, thể dục thể thao phía đông thôn Lê Pháp	DTT	0,65		0,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
28	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đông Anh	DTT	33,82		33,82	Huyện Đông Anh	2021-2025
29	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao và khớp nối hạ tầng khu vực xóm Hậu xã Uy Nỗ	DTT	2,07		2,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
30	Xây dựng khu thể thao thôn Thiết Bình, xã Vân Hà	DTT	0,70		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
31	Xây dựng khu thể thao kết hợp cây xanh thôn Vân Diêm, xã Vân Hà	DTT	1,10		1,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
32	Mở mới sân vận động thể thao trung tâm xã	DTT	1,67		1,67	Huyện Đông Anh	2021-2025
33	Xây dựng nhà thi đấu thể thao đa năng xã Việt Hùng	DTT	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
34	Xây dựng Khu cây xanh, thể thao kết hợp bãi đỗ xe xóm bãi thôn Vồng La; phía Đông Bắc thôn Đại Độ, xã Vồng La	DTT	0,90		0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
35	Xây dựng sân bóng đá kết hợp khu vui chơi sinh hoạt cộng đồng thôn Sáp Mai xã Vồng La	DTT	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
36	Xây dựng Khu cây xanh thể dục thể thao thôn Đại Độ xã Vồng La, huyện Đông Anh	DTT	0,90		0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
37	Xây dựng trung tâm thể thao xã Xuân Canh	DTT	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
38	Khu chức năng đô thị sân golf	DTT	20,00		20,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
39	Mở mới sân thể thao thôn Đoài	DTT	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
40	GPMB phục vụ đấu giá các khu đất có chức năng TDTT theo quy hoạch trong trung tâm văn hóa - thể thao xã, thị trấn: Phú Thị, Dương Xá, Cổ Bi, Ninh Hiệp và thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	DTT	2,35			Huyện Gia Lâm	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
41	Xây dựng trung tâm thể thao xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm - Hạng mục: Bể bơi, đường chạy, sân bóng đá cỏ nhân tạo và các hạng mục phụ trợ	DTT				Huyện Gia Lâm	2024-2025
42	Xây dựng trung tâm thể thao xã Kim Lan	DTT	2,00		2,00	Huyện Gia Lâm	2024-2025
43	Công trình Sân chơi thể thao xã An Thượng	DTT	0,21			Huyện Hoài Đức	2022
44	Xây dựng Trung tâm thể thao xã Lại Yên	DTT	1,15			Huyện Hoài Đức	2022
45	Trung tâm Thể thao xã Minh Khai	DTT	1,80			Huyện Hoài Đức	2022
46	Sân vận động huyện Mỹ Đức	DTT	4,45			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
47	Sân vận động thị trấn Đại Nghĩa	DTT	1,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
48	Sân thể thao xã	DTT	1,08			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
49	Sân thể thao, thôn Khâm Lâm	DTT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
50	Sân thể thao xã	DTT	0,63			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
51	Mở rộng sân thể thao xã	DTT	0,78			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
52	Sân thể thao xã	DTT	1,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
53	Khu thể dục thể thao các thôn	DTT	1,87			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
54	Sân thể thao thôn Đặng	DTT	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
55	Sân thể thao thôn Lê Xá	DTT	0,12			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
56	Sân thể thao thôn Đức Thụ	DTT	0,18			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
57	Sân thể thao thôn Áng Thượng	DTT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
58	Sân thể thao thôn Áng Hạ	DTT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
59	Mở rộng sân vận động xã	DTT	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
60	Sân thể thao trung tâm xã	DTT	1,48			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
61	Sân thể thao xã	DTT	1,60			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
62	Khu thể dục thể thao các thôn	DTT	2,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
63	Sân thể thao xã	DTT	1,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
64	Sân thể thao xã	DTT	0,60			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
65	Sân thể thao xã	DTT	0,93			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
66	Sân thể thao thôn Hội Xá	DTT	0,60			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
67	Sân thể thao xã	DTT	1,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
68	Sân thể thao các thôn	DTT	1,77			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
69	Sân thể thao xã	DTT	0,56			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
70	Sân thể thao xã	DTT	1,16			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
71	Sân thể thao xã	DTT	1,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
72	Nhà thi đấu thể thao huyện Phú Xuyên	DTT	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2022
73	Sân thể thao trung tâm xã Bạch Hạ	DTT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2025
74	Dự án sân thể thao Cổ Trai	DTT	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2024
75	Sân vận động trung tâm xã Đông Yên	DTT	2,30		2,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
76	Sân vận động trung tâm xã Đông Xuân	DTT	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
77	Sân vận động trung tâm xã Hòa Thạch	DTT	1,32		1,32	Huyện Quốc Oai	2021-2025
78	Sân vận động trung tâm xã Cấn Hữu	DTT	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
79	Sân vận động trung tâm xã Nghĩa Hương	DTT	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
80	Sân vận động trung tâm xã Tuyết Nghĩa	DTT	2,00		2,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
81	Sân vận động trung tâm xã Cộng Hòa	DTT	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
82	Sân thể thao cụm dân cư số 5	DTT	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
83	Sân vận động trung tâm xã Tân Hòa -Thôn 2	DTT	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
84	Sân thể thao thôn Yên Mã-Yên Thái-Tân Hòa - Thôn 5	DTT	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
85	Sân thể thao thôn 4	DTT	0,25		0,25	Huyện Quốc Oai	2021-2025
86	Sân vận động xã Đại Thành	DTT	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
87	Xới vật Đồng Quang	DTT	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
88	Sân vận động trung tâm xã Đồng Quang	DTT	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
89	Sân thể thao thôn Đồng Lư-Đồng Quang	DTT	0,58		0,58	Huyện Quốc Oai	2021-2025
90	Sân thể thao thôn Yên Nội-Đồng Quang	DTT	0,79	0,25	0,54	Huyện Quốc Oai	2021-2025
91	Sân thể thao thôn Bái Nội-Liệp Tuyết	DTT	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
92	Sân vận động trung tâm xã Ngọc Liệp	DTT	1,07		1,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
93	Xây dựng sân TT thôn Đồng Bụt-Ngọc Liệp	DTT	0,25		0,25	Huyện Quốc Oai	2021-2025
94	Mở mới sân vận động thôn Ngọc Than- Ngọc Mỹ	DTT	0,85	0,70	0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
95	Xây dựng sân thể thao thôn Hoàng Xá	DTT	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
96	Sân vận động trung tâm xã Phụng Cách	DTT	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
97	Sân vận động trung tâm xã Sài Sơn	DTT	2,40		2,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
98	Sân thể thao thôn Khánh Tân-Sài Sơn	DTT	0,37		0,37	Huyện Quốc Oai	2021-2025
99	Sân thể thao thôn Phúc Đức-Sài Sơn	DTT	0,23		0,23	Huyện Quốc Oai	2021-2025
100	Sân thể thao thôn Năm Trại-Sài Sơn	DTT	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
101	Sân vận động xã Phú Mãn	DTT	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
102	Sân vận động, khu luyện tập và thi đấu, sân thể thao kết hợp	DTT	2,36		2,36	Huyện Quốc Oai	2021-2025
103	Sân vận động trung tâm xã Yên Sơn	DTT	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
104	Sân vận động huyện Thạch Thất	DTT	4,63	2,62	2,01	Huyện Thạch Thất	2021-2025
105	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Đại Đồng	DTT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
106	Sân thể thao 3 thôn; nhà văn hóa thôn Kinh Tạ	DTT	2,50	0,40	2,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
107	Sân vận động thể thao xã Đồng Trúc	DTT	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2022
108	Sân vận động thể thao khu vực Tam Cảnh-xã Đồng Trúc	DTT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
109	XD trung tâm thể thao xã Lại Thượng	DTT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
110	Sân thể thao thôn Ngũ Sơn xã Lại Thượng	DTT	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
111	Quy hoạch sân golf	DTT	150,00		150,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
112	XD sân thể thao chung 2 thôn (thôn 9,10,84) xã Kim Quan	DTT	0,90		0,90	Huyện Thạch Thất	2021-2025
113	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Kim Quan	DTT	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
114	Sân thể thao trung tâm xã (khu Thổ Cầu)	DTT	1,19		1,19	Huyện Thạch Thất	2021-2025
115	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Canh Nậu	DTT	4,00		4,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
116	XD sân thể thao trung tâm xã Dị Nậu	DTT	1,60		1,60	Huyện Thạch Thất	2021-2022
117	XD trung tâm thể thao xã Thạch Xá	DTT	1,86		1,86	Huyện Thạch Thất	2021-2025
118	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Chàng Sơn	DTT	2,20		2,20	Huyện Thạch Thất	2021-2025
119	Sân thể thao trung tâm xã Phùng Xá	DTT	1,20	0,25	0,95	Huyện Thạch Thất	2022
120	XD Sân Thể thao 3 thôn (Phú Lễ: 0,5ha; Phú Đa 2: 0,15ha; Yên Lạc 2: 0,3ha)	DTT	0,95		0,95	Huyện Thạch Thất	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
121	XD sân thể thao trung tâm xã Cần Kiệm	DTT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
122	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Bình Yên	DTT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2023-2024
123	Sân thể thao thôn Linh Sơn	DTT	0,26		0,26	Huyện Thạch Thất	2021-2025
124	Xây dựng Sân thể thao trung tâm xã Tân Xã	DTT	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2022
125	Mở rộng sân thể thao thôn 6	DTT	0,31	0,18	0,13	Huyện Thạch Thất	2021-2025
126	XD Sân thể thao, nhà văn hoá thôn 9	DTT	0,65		0,65	Huyện Thạch Thất	2021-2025
127	Sân thể thao thôn 2 xã Hạ Bằng	DTT	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
128	Mở rộng sân thể thao trung tâm xã Tiến Xuân	DTT	1,00	0,36	0,64	Huyện Thạch Thất	2021-2025
129	Xây dựng sân thể thao xã Yên Trung	DTT	0,99		0,99	Huyện Thạch Thất	2023-2024
130	Khu thể thao thanh thiếu niên xã Phú Kim	DTT	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
131	Xây dựng Sân thể thao trung tâm xã Phú Kim	DTT	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
132	Sân thể thao trung tâm xã Yên Bình	DTT	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
133	Sân thể thao và bể bơi các thôn xã Xuân Dương	DTT	0,97		0,97	Huyện Thanh Oai	2021-2022
134	Sân cỏ nhân tạo xã Xuân Dương	DTT	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
135	Sân thể thao trung tâm xã Thanh Văn	DTT	3,00		3,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
136	Khu thể thao vui chơi giải trí xã Thanh Thùy	DTT	2,60		2,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
137	Sân thể thao thôn Dư Dụ	DTT	1,40		1,40	Huyện Thanh Oai	2021-2022
138	Khu thể thao vui chơi giải trí xã Mỹ Hưng	DTT	2,20		2,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
139	Sân vận động xã Thanh Mai	DTT	1,50		1,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
140	Sân thể thao các thôn xóm của xã Thanh Cao	DTT	0,82			Huyện Thanh Oai	2021-2022
141	Sân thể thao thôn Quế Sơn xã Tân Ước	DTT	0,05		0,05	Huyện Thanh Oai	2021-2022
142	Sân vận động xã Tam Hưng	DTT	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
143	Sân thể thao các thôn, xóm trên địa bàn xã Tam Hưng	DTT	2,15			Huyện Thanh Oai	2021-2022
144	Sân vận động xã Phương Trung	DTT	0,60		0,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
145	Sân thể thao các thôn xã Phương Trung	DTT	1,15			Huyện Thanh Oai	2021-2022
146	Sân thể thao các thôn trên địa bàn xã Mỹ Hưng	DTT	1,90			Huyện Thanh Oai	2021-2022
147	Sân vận động xã Liên Châu	DTT	1,75		1,75	Huyện Thanh Oai	2021-2022
148	Sân thể thao các thôn xã Liên Châu	DTT	0,43		0,43	Huyện Thanh Oai	2021-2022
149	Sân vận động xã Kim Thư	DTT	1,07		1,07	Huyện Thanh Oai	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
150	Sân thể thao thôn xã Kim Thư	DTT	0,70		0,70	Huyện Thanh Oai	2021-2022
151	Sân vận động xã Kim An	DTT	0,85		0,85	Huyện Thanh Oai	2021-2022
152	Sân thể thao các thôn xã Kim An	DTT	0,45		0,45	Huyện Thanh Oai	2021-2022
153	Bể bơi xã Hồng Dương	DTT	0,38		0,38	Huyện Thanh Oai	2021-2022
154	Bể bơi Mạnh Kỳ	DTT	0,07		0,07	Huyện Thanh Oai	2021-2022
155	Sân vận động xã Hồng Dương	DTT	1,44		1,44	Huyện Thanh Oai	2021-2022
156	Sân thể thao các thôn xã Hồng Dương	DTT	1,94		1,94	Huyện Thanh Oai	2021-2022
157	Sân vận động xã Dân Hòa	DTT	1,38		1,38	Huyện Thanh Oai	2021-2022
158	Sân thể thao thôn An Khoái	DTT	0,16		0,16	Huyện Thanh Oai	2021-2022
159	Sân thể thao thôn Cự Đà, thôn Thượng xã Cự Khê	DTT	0,72		0,72	Huyện Thanh Oai	2021-2022
160	Sân thể thao các thôn xã Cao Viên	DTT	1,75		1,75	Huyện Thanh Oai	2021-2022
161	Sân vận động xã Cao Dương	DTT	1,50		1,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
162	Sân thể thao các thôn xã Cao Dương	DTT	0,80		0,80	Huyện Thanh Oai	2021-2022
163	Sân vận động xã Bình Minh	DTT	1,50		1,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
164	Sân thể thao các thôn xã Bình Minh	DTT	2,83		2,83	Huyện Thanh Oai	2021-2022
165	Sân vận động xã Bích Hòa	DTT	2,50		2,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
166	Bể bơi xã Bích Hòa	DTT	0,71		0,71	Huyện Thanh Oai	2021-2022
167	Sân golf	DTT	200,00		200,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
168	Trung tâm văn hóa thể thao Thường Tín	DTT	9,76	9,14	0,62	Huyện Thường Tín	2022-2025
169	Khu nhà vườn du lịch sinh thái và sân tập golf Vân Tảo	DTT	63,95	2,00	61,95	Huyện Thường Tín	2022-2025
170	Xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DTT	3,30	0,67	0,67	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
171	Sân vận động Hòa Nam	DTT	0,56		0,56	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
172	Sân vận động thôn Đình Xuyên	DTT	0,50	0,34	0,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
173	Xây dựng khu Trung tâm văn hóa- thể thao huyện Ứng Hòa giai đoạn 2	DTT	3,00	3,00	3,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
174	Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao huyện Ứng Hòa	DTT	0,67	-	-	Huyện Ứng Hòa	2022
175	Trung tâm TT đa năng	DTT	3,00		3,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
176	Bãi đỗ xe ngầm kết hợp dịch vụ thương mại tại Cung thể thao Quần Ngựa	DTT	1,78			Quận Ba Đình	2021-2025
177	Giải phóng mặt bằng thực hiện sân thể thao nhà hợp dân Trinh Lương, phường Phú Lương, quận Hà Đông. (Dự án thuộc 35 dự án tồn tại năm 2008 - dân sinh bức xúc).	DTT	0,78		0,78	Quận Hà Đông	2021
178	Trung tâm thể thao (trong dự án mở rộng Công viên tuổi trẻ)	DTT	0,92		0,92	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
179	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao phường Đại Mỗ	DTT	1,90	1,67	0,23	Quận Nam Từ Liêm	2023
180	Dự án giải phóng mặt bằng và xây dựng hàng rào bảo vệ Khu đất 3A1, 3A2 phường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm để bàn giao cho Bộ văn hóa thể thao và du lịch	DTT	11,87		11,87	Quận Nam Từ Liêm	2021
181	Xây dựng phân khu 1 - công viên cây xanh kết hợp một số công trình phụ trợ phục vụ giải đua xe công thức 1 tại phường Phú Đô	DTT	6,63	2,75	3,88	Quận Nam Từ Liêm	2021
182	Xây dựng trung tâm Thể dục thể thao Quận Nam Từ Liêm	DTT				Quận Nam Từ Liêm	2023
183	Xây dựng HTKT cụm công trình XH phường Mễ Trì (gồm: Trung tâm VH TT, trường mầm non, công an, đất XD các công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, cộng đồng, khu cây xanh, sân TDTT phục vụ cư dân khu vực)	DTT	1,75		1,75	Quận Nam Từ Liêm	2021
184	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao phường Mễ Trì	DTT	0,20		0,20	Quận Nam Từ Liêm	2024
185	XD sân vận động phường Bưởi (khu ao Nhà thờ An Thái)	DTT	0,18		0,18	Quận Tây Hồ	2021
186	Xây dựng trung tâm thể dục thể thao và chăm sóc sức khỏe cộng đồng quận Cầu Giấy	DTT	0,43		0,43	Quận Cầu Giấy	2023-2025
187	Sân thể thao trung tâm xã Tam Hiệp	DTT	1,51		1,51	Huyện Phúc Thọ	2022
188	Xây dựng TBA 100kv làng văn hóa	DNL	0,42		0,42	Huyện Ba Vì	2021
189	Xây dựng TBA 100kv Ba Vì 2	DNL	0,42		0,42	Huyện Ba Vì	2021
190	Đường dây 500KV tây Hà Nội - Thường Tín	DNL	2,20		2,20	Huyện Chương Mỹ	2022
191	Nâng khả năng tải đường dây 220kV Hòa Bình - Hà Đông	DNL	0,99		0,99	Huyện Chương Mỹ	2022
192	Trạm biến áp 110 kv Phú nghĩa và nhánh đường dây 110 kv	DNL	0,23		0,23	Huyện Chương Mỹ	2022
193	Trạm biến áp 110kV Chương Mỹ và Đường dây 110kV Thanh Oai -Chương Mỹ	DNL	1,08		1,08	Huyện Chương Mỹ	2022
194	Trạm biến áp 110KV và đường dây 110KV Thanh Oai - Chương Mỹ	DNL	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022
195	Công ty truyền tải điện 1 (Dự án xử lý khoảng cách pha Đất néo 18-33 đường dây 220KV Hòa Bình - Hà Đông1)	DNL	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
196	Ban QL phát triển điện lực Hà Nội	DNL	0,84		0,84	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
197	Công ty truyền tải điện 1 (Dự án xử lý khoảng cách pha Đất néo 18-33 đường dây 220KV Hòa Bình - Hà Đông1)	DNL	1,70		1,70	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
198	Đường dây 500kv Tây Hà Nội – Thường Tín	DNL	1,81		1,81	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
199	Trạm biến áp 110KV, trạm Chúc Sơn	DNL	0,45		0,45	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
200	Trạm biến thế	DNL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
201	Trạm biến áp 110KV, Trạm Miếu Môn xã Hoàng Văn Thụ	DNL	4,00		4,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
202	Trạm 220 KW Chương Mỹ	DNL	3,00		3,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
203	Xây dựng đường dây 110kV mạch kép và cải tạo trạm 110kV E1.17 Bắc Thăng Long để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện	DNL	0,24		0,24	Huyện Đông Anh	2021
204	Xây dựng biến áp điện ở 5 thôn trên địa bàn xã Liên Hà	DNL	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
205	Nâng cấp năng lực truyền tải đường dây 110kV Bắc Ninh - Đông Anh và nhánh rẽ Tiên Sơn	DNL	0,48		0,48	Huyện Đông Anh	2021
206	Hoàn thiện sơ đồ nhất thứ trạm biến áp 220kV Vân Trì, Bắc Ninh; Thay thế ngăn lộ 200 trạm biến áp Thái Bình.	DNL	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021
207	Trạm Đông Anh, xã Thụy Lâm	DNL	14,00		14,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
208	Cải tạo đường dây 110kV 176 Đông anh - Võ Cường - Yên Phong	DNL	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021
209	Cải tạo, nâng cấp khả năng tải đường dây 110kV 181 Đông Anh	DNL	0,56		0,56	Huyện Đông Anh	2021
210	Trạm 500KV Đông Anh và đầu nối	DNL	3,90		3,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
211	Xây dựng mới trạm 110Kv sân bay Nội Bài và đường dây 110Kv cấp điện cho trạm biến áp.	DNL	0,36		0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
212	Đường dây 110KV lộ 176 Đông Anh - Đình Trám	DNL	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
213	Đường dây 220kV Vân Trì - Sóc Sơn	DNL	0,04		0,04	Huyện Đông Anh	2021-2025
214	Trạm biến áp 110kV Nối cấp Đông Anh	DNL	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
215	Xây dựng đường dây 110kV mạch 2 Vân Trì - Quang Minh	DNL	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
216	Nhà trực vận hành Đội QLĐ9	DNL	0,02		0,02	Huyện Đông Anh	2021-2025
217	Trạm 220KV Đông Anh	DNL	5,30		5,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
218	Đường 220KV nhánh rẽ Đông Anh 3	DNL	4,00		4,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
219	Xây dựng mạch 2 đường dây 110kV Đông Anh - Vân Trì, đoạn qua khu sinh thái Đông Anh	DNL	0,16		0,16	Huyện Đông Anh	2021-2025
220	Xây dựng mạch 2 đường dây 110kV Đông Anh - Vân Trì và khôi phục ngăn lộ 112 tại TBA 110kV Đông Anh	DNL	0,26		0,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
221	Đường dây 110kV cấp điện cho TBA 110kV Mai Lâm	DNL	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
222	Xây dựng tuyến đường dây 110kV từ TBA 500/220kV Đông Anh đầu nối vào đường dây 110kV lộ 174 Đông Anh - Sóc Sơn	DNL	0,08		0,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
223	Xây dựng mới tuyến lộ và mạch vòng	DNL	2,06		2,06	Huyện Đông Anh	2021-2025
224	Dự án điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110 kV	DNL	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
225	Đường 220KV Vân Trì - Chèm (đoạn qua Đông Anh)	DNL	1,90		1,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
226	Dự án xây dựng công trình đường dây 550/220Kv Hiệp Hòa Đông Anh - Bắc Ninh 2 (đoạn qua Sóc Sơn)	DNL	2,82		2,82	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
227	Dự án trạm biến áp 220 kV và dự án trạm biến áp 500kV và đấu nối địa phận huyện Đông Anh	DNL	9,30		9,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
228	Dự án GPMB xây dựng đường dây 500/200 kV Hiệp Hòa-Đông Anh-Bắc Ninh 2	DNL	1,30		1,30	Huyện Đông Anh	2021
229	Trạm biến áp 110KV Đông Dư (Tây Nam Gia Lâm) và nhánh rẽ	DNL	1,00			Huyện Gia Lâm	2022
230	Xây dựng trạm biến áp 110kV Trâu Quỳ và nhánh rẽ	DNL	0,50			Huyện Gia Lâm	2022
231	Di chuyển tuyến đường ống xăng dầu phục vụ GPMB thực hiện các dự án trên địa bàn xã Phú Thị và xã Đặng Xá. huyện Gia Lâm	DNL	1,00			Huyện Gia Lâm	2022
232	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Quốc Oai đấu nối vào đường dây 110kV Bắc An Khánh - Nam An Khánh	DNL	1,60		1,60	Huyện Hoài Đức	2022
233	Cải tạo đường dây 110kv Hà Đông - Sơn Tây	DNL	0,50		0,50	Huyện Hoài Đức	2022
234	Xây dựng mới trạm 110kV Nam An Khánh	DNL	0,40		0,40	Huyện Hoài Đức	2022
235	Cải tạo đường dây 110kv lộ 182 Chèm - Phúc Thọ	DNL	0,55		0,55	Huyện Hoài Đức	2022
236	Xây dựng mới trạm biến áp 110KV Hoài Đức và nhánh rẽ	DNL	0,50		0,50	Huyện Hoài Đức	2022
237	Đường dây và trạm biến áp 110kV Kim Chung	DNL	0,70			Huyện Hoài Đức	2022
238	Trạm biến áp 220 kV Mê Linh và đấu nối đường dây 220kV Mê Linh - Bá Thiện	DNL	5,90			Huyện Mê Linh	2022
239	Trạm biến áp và đường dây Mê Linh 16, 17; Đại Thịnh 7; Chi Đông 12; Thạch Đà 15; Tam Đồng 4; Hoàng Kim 4, 5; Tiến Thắng 13, 14; Vạn Yên 3; Kim Hoa 3; Liên Mạc 10; Tiền Phong 16, 17; TBA và đường dây Gia Thượng 4, Gia Trung 6; TT Quang Minh; Trạm biến áp và đường dây Chăn Nuôi Tự Lập; Xây dựng mạch vòng nhánh Long Việt Lộ 474E1.23, TT Quang Minh; Xây dựng các mạch vòng liên thông đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện năm 2021, xã Mê Linh	DNL	2,50			Huyện Mê Linh	2022
240	Công trình lưới trung, hạ áp (chân cột điện)	DNL	1,06			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
241	Trạm biến áp thôn Hoàn	DNL	0,01			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
242	TBA Kênh 7 (chăn nuôi giết mổ)	DNL	0,01			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
243	TBA TB Thượng Lâm	DNL	0,01			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
244	TBA CN-TCN Thượng Lâm	DNL	0,01			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
245	Xây dựng mới 14 trạm biến áp	DNL	0,06			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
246	Xây dựng mới 06 trạm biến áp	DNL	0,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
247	Xây dựng mới 04 trạm biến áp	DNL	0,01			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
248	Xây dựng mới 5 trạm biến áp	DNL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
249	Xây dựng mới 05 trạm biến áp	DNL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
250	Xây dựng mới 03 trạm biến áp	DNL	0,04			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
251	Chân cột điện dẫn vào TBA 110 kv	DNL	0,18			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
252	Dự án Xây dựng mới trạm 110kV Mỹ Đức và nhánh rẽ	DNL	0,95			Huyện Mỹ Đức	2021
253	Xây dựng mới 12 trạm biến áp	DNL	0,06			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
254	Xây dựng mới 14 trạm biến áp	DNL	0,11			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
255	Xử lý khoảng cách pha đất, pha vách khoảng cột 85-86 và 87-88 đường dây 500KV Nho quan - Thường Tín	DNL	0,03			Huyện Mỹ Đức	2021
256	Xây dựng trạm biến áp	DNL	0,01			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
257	Xây dựng mới 02 trạm biến áp	DNL	0,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
258	Xây mới TBA 220 KV	DNL	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
259	Xây dựng mới 05 trạm biến áp	DNL	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
260	Xây dựng 01 lộ 22kV và 04 lộ 35kV xuất tuyến sau trạm 110kV Phú Xuyên cấp điện cho thị trấn Phú Xuyên, thị trấn Phú Minh, xã Nam Phong, Nam Triều, Văn Nhân, Phúc Tiến, Đại Xuyên, Châu Can, Khai Thái, Văn Từ, Sơn Hà, Quang Trung, Phú Yên và Khu công nghiệp Nam Hà Nội	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2022
261	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2023 trên địa bàn các xã (Tri Thủy, Bạch Hạ)	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2023
262	Xây dựng xuất tuyến khai thác tải lộ 378E1.58 sau Trạm biến áp 110kV Phú Xuyên “MBA T2”.	DNL	0,01		0,01	Huyện Phú Xuyên	2022
263	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2021 (Xã Đại Thắng; Văn Hoàng; Hoàng Long; Chuyên Mỹ; Văn Từ; Phúc Tiến; Phú Yên)	DNL	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2022
264	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2023 trên địa bàn các xã (Đại xuyên , Châu Can,)	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2023
265	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2025 trên địa bàn các xã Hoàng Long, Đại Thắng,	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2025
266	Xây dựng 01 lộ 22kV xuất tuyến sau trạm 110kV Phú Xuyên cấp điện cho xã: Hồng Minh, Tri Trung, Hoàng Long, Chuyên Mỹ.	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2022
267	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2025 trên địa bàn các xã ,Khai Thái, Hồng Thái	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2025
268	Xây dựng 01 lộ 22kV và 04 lộ 35kV xuất tuyến sau trạm 110kV Phú Xuyên cấp điện cho TT. Phú Xuyên, TT. Phú Minh, Nam Phong, Nam Triều, Nam Tiến, Phúc Tiến, Đại Xuyên, Châu Can, Khai Thái, Văn Từ, SOn Hà, Quang Trung, Phú Yên và KCN Nam Hà Nội	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2022
269	Đầu tư, cải tạo đường dây trung áp và trạm biến áp đã vận hành lâu năm trên các ĐDK 371, E10.4”	DNL	0,09		0,09	Huyện Phú Xuyên	2023
270	Nâng cao năng lực lưới điện hạ áp Huyện Phú Xuyên năm 2022 (Xã Nam Triều, Nam Phong, Sơn Hà, Văn Nhân, Minh Tân, Bạch Hạ, Tri Thủy, Khai Thái)	DNL	0,14		0,14	Huyện Phú Xuyên	2022
271	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2024 trên địa bàn các xã (Nam Triều, Nam Phong)	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2024
272	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2025 trên địa bàn các xã Nam Tiến, Sơn hà	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
273	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2022 (Thị trấn Phú Xuyên; Nam Phong, Nam Triều, Đại Thắng, Phụng Dực, Chuyên Mỹ, Hồng Thái, Quang Lăng, Phú Yên, Đại Xuyên, Tân Dân). 12TBA	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2022
274	Nâng cao năng lực lưới điện hạ áp Huyện Phú Xuyên năm 2022 (Xã Hoàng Long, Đại Thắng, Phụng Dực, Chuyên Mỹ, Phú Yên, Phúc Tiến, Tân Dân, Vân Từ).	DNL	0,14		0,14	Huyện Phú Xuyên	2022
275	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc lắp đặt xuất tuyến cáp ngầm 35kV & 22kV sau Trạm biến áp 110kV Phú Xuyên	DNL	0,21		0,21	Huyện Phú Xuyên	2022
276	Xây dựng xuất tuyến khai thác tải lộ 377 sau Trạm biến áp 110kV Phú Xuyên “MBA T2”.	DNL	0,03		0,03	Huyện Phú Xuyên	2022
277	Xây dựng 01 lộ 22kV xuất tuyến sau trạm biến áp 110kV Phú Xuyên cấp điện cho xã: Phụng Dực, Văn Hoàng, Đại Thắng, Tân Dân.	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2022
278	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2023 trên địa bàn các xã (Phụng Dực, Hồng Minh)	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2023
279	Xây dựng 02 lộ 35kV xuất tuyến sau trạm 110kV Phú Xuyên cấp điện cho TT Phú Minh và các xã: Tri Thủy, Quang Lăng, Minh Tân, Bạch Hạ, Phúc Tiến, Thụy Phú, Văn Nhân, Hồng Thái, Khai Thái.	DNL	0,01		0,01	Huyện Phú Xuyên	2022
280	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2024 trên địa bàn các xã Quang Lăng, Minh Tân,	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2024
281	Hạ áp các nhánh đường dây trung áp từ 35kV xuống 22kV thuộc lộ ĐDK 377E10.4 & xây dựng mạch vòng khép kín các nhánh dài hình tia	DNL	0,01		0,01	Huyện Phú Xuyên	2022
282	Đầu tư, cải tạo các nhánh đường dây trung áp và trạm biến áp đã vận hành lâu năm trên các ĐDK 371, 372, 373, 375, 377, 474, 475 E10.4”	DNL	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2022
283	Mở rộng trạm biến áp và xây dựng nhà quản lý điện tại khu cạnh Văn Phòng thôn Gia Phú	DNL	0,03		0,03	Huyện Phú Xuyên	2023
284	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2025 trên địa bàn các xã , Phúc tiến, Tân Dân)	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2025
285	Đầu tư, cải tạo đường dây trung áp và trạm biến áp đã vận hành lâu năm trên các ĐDK 372, E10.4”	DNL	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2024
286	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2024 trên địa bàn các xã , Tri Trung, Văn Hoàng,	DNL	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2024
287	Xây dựng 01 lộ 22kV và 04 lộ 35kV xuất tuyến sau trạm 110kV Phú Xuyên cấp điện cho TT Phú Xuyên, TT Phú Minh, các xã: Nam Phong, Nam Triều, Văn Nhân, Phúc Tiến, Đại Xuyên, Châu Can, Khai Thái, Vân Từ, Sơn Hà, Quang Trung, Phú Yên và Khu Công Nghiệp Nam Hà Nội.	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
288	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc lắp đặt xuất tuyến cáp ngầm 35kV & 2kV sau Trạm biến áp 110kV Phú Xuyên	DNL	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
289	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2021 (Thị trấn Phú Xuyên; Nam Triều; Quang Trung; Nam Phong; Sơn Hà; Bạch Hạ; Minh Tân; Hồng Thái; Tri Thủy; Nam Tiến)	DNL	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2022
290	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2023 trên địa bàn các xã (TT Phú Xuyên, TT Phú Minh)	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2023
291	Đầu tư, cải tạo đường dây trung áp và trạm biến áp đã vận hành lâu năm trên các ĐDK 377, E10.4"	DNL	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2025
292	Hạ áp nhánh Vân Từ, nhánh Thượng Yên từ 35kV xuống 22kV.	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2022
293	Xây dựng mới các Trạm biến áp huyện Phú Xuyên năm 2024 trên địa bàn các xã Vân Từ, phú Yên,	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2024
294	Xây dựng trạm biến áp Đông Yên	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
295	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2022 (Thị trấn Quốc Oai, xã Sài Sơn, Ngọc Liệp, Tuyết Nghĩa, Đông Yên, Đại Thành, Phú Cát)	DNL	0,18		0,18	Huyện Quốc Oai	2021-2025
296	Xây dựng 02 xuất tuyến 22kV phục vụ khai thác tải TBA 110kV Phú Cát và hạ áp từ 35kV xuống 22kV lộ 375E10.9	DNL	0,07		0,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
297	Cải tạo ĐDK 22kV nhánh Yên Thái 1, Yên Thái 2 lộ 478 E1.48. Xây dựng mạch liên thông từ TBA Yên Thái 2 lộ 478 E1.48 đến TBA Yên Thái 5 (Sau hạ áp lộ 375 E10.9)	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
298	Xây dựng mạch liên thông từ TBA Đông Yên 2 lộ 478 E1.48 đến TBA Trại Vàng 1 (Sau hạ áp 374 E10.9)	DNL	0,04		0,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
299	Cải tạo đường dây 22kV lộ 478E1.48	DNL	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
300	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2021 (TT Quốc Oai, Xã Ngọc Mỹ, Cấn Hữu, Phú Cát, Đông Xuân, Sài Sơn, Tân Phú)	DNL	0,07		0,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
301	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2022 (Xã Yên Sơn, Hòa Thạch, Phú Mãn, Đông Xuân)	DNL	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
302	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Đông Xuân	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
303	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2022 (Xã Ngọc Liệp, Liệp Tuyết, Cấn Hữu, Ngọc Mỹ, Đông Quang, Đông Xuân, Hòa Thạch, Phú Mãn)	DNL	0,09		0,09	Huyện Quốc Oai	2021-2025
304	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2024	DNL	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
305	Xây dựng mới các mạch liên thông 22kV khu vực xã Hòa Thạch	DNL	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
306	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2021	DNL	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
307	Cải tạo lưới điện hạ thế huyện Quốc Oai năm 2022 (xã Hòa Thạch: Thôn Hòa Trúc, Long Phú, Hòa Phú)	DNL	0,04		0,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
308	Xây dựng 02 xuất tuyến 22kV phục vụ khai thác tải TBA 110kV Phú Cát, tạo mạch liên thông với lộ 487E1.54 và lộ 472E1.54(C18)	DNL	0,07		0,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
309	Xây dựng 01 xuất tuyến 22kV phục vụ khai thác tải TBA 110kV Quốc Oai cấp điện cụm Công nghiệp Ngọc Mỹ - Thạch Thán và san tải lộ 478E1.48	DNL	0,09		0,09	Huyện Quốc Oai	2021-2025
310	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Cấn Hữu	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
311	Cải tạo ĐDK 22kV nhánh Nghĩa Hương 1, Nghĩa Hương 2 lộ 477 E1.48. nhánh Nghĩa Hương 3, Đồng chảy, Cấn thượng 1 lộ 478 E1.48, nhánh Quảng Yên 1 lộ 474 E1.28.	DNL	0,06		0,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025
312	Xây dựng mạch liên thông giữa lộ 480E1.28 với lộ 478E1.48	DNL	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
313	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Cộng Hòa	DNL	0,04		0,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
314	Hạ áp từ 35kV xuống 22kV lộ 370E1.48, xây dựng mạch liên thông và san tải cho lộ 479E1.48	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
315	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2023	DNL	0,06		0,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025
316	Xây Trạm điện (5 trạm)	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
317	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Đại Thành	DNL	0,06		0,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025
318	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2025	DNL	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
319	Cải tạo ĐDK 22kV nhánh Đồng Bụt 1, nhánh Bơm Liệp Mai lộ 480 E1.28. Xây dựng mạch liên thông từ TBA Ngọc Liệp 2 lộ 480 E1.28 và TBA Liệp Tuyết 7 lộ 477 E1.48	DNL	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
320	Mở mới 3 trạm biến áp phục vụ khu tiểu thủ công nghiệp	DNL	0,02		0,02	Huyện Quốc Oai	2021-2025
321	Mở mới 3 trạm biến áp phục vụ khu trang trại	DNL	0,02		0,02	Huyện Quốc Oai	2021-2025
322	Cải tạo ĐDK 22kV nhánh Ngọc Than lộ 477 E1.48, nhánh Ba Nhà lộ 479 E1.48	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
323	Xây dựng tuyến đường dây 110kV từ TBA 500/220kV Quốc Oai đấu nối vào đường dây 110kV Bắc An Khánh - Nam An Khánh	DNL	0,90		0,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
324	Xây dựng tuyến đường dây 220kV cấp điện cho trạm biến áp 220/110kV Hòa Lạc và các đường dây 110kV xuất tuyến	DNL	3,00		3,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
325	Xây dựng đường dây 22kV cấp điện khu đô thị CEO và khu đô thị Tuần Châu, tạo mạch liên thông giữa lộ 476E1.48 và lộ 475E1.48 phục vụ khai thác tải TBA 110kV Quốc Oai	DNL	0,19		0,19	Huyện Quốc Oai	2021-2025
326	Xây dựng 01 xuất tuyến 22kV phục vụ khai thác tải TBA 110kV Quốc Oai cấp điện các khu đô thị mới của huyện Quốc Oai giáp Đại lộ Thăng Long, tạo mạch liên thông với lộ 475E1.48	DNL	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
327	Cải tạo lưới điện hạ thế khu vực Hoàng Xá - Thị Trấn Quốc Oai	DNL	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
328	Hạ áp từ 35kV xuống 22kV đường trục lộ 372E1.28 và lộ 373E1.48, cải tạo và hạ áp nhánh TT Yên Sơn từ cột điểm đầu đến cột số 30	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
329	Cải tạo lưới điện hạ thế khu vực tổ dân phố Ngô Sài -- Thị Trấn Quốc Oai	DNL	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
330	Hiện đại hóa lưới điện hạ thế khu vực trung tâm Thị Trấn Quốc Oai	DNL	0,18		0,18	Huyện Quốc Oai	2021-2025
331	Cải tạo đường dây 22kV lộ 474+475E1.28	DNL	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
332	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Yên Sơn	DNL	0,04		0,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
333	Hạ áp từ 35kV xuống 22kV nhánh TT Yên Sơn từ cột 30 đến đo đếm gianh giới 32 Quyết Tiến (C23)	DNL	0,06		0,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025
334	Xây dựng trạm biến áp Phụng Cách	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
335	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Phụng Cách	DNL	0,04		0,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
336	Cải tạo lưới điện hạ thế thôn Năm Trại - xã Sài Sơn	DNL	0,03		0,03	Huyện Quốc Oai	2021-2025
337	Trạm biến áp 110kv Phú Cát và nhánh rẽ	DNL	0,60		0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
338	Xây dựng đo đếm ranh giới nhánh Gạch Đồng Trục lộ 487E1.54 và Xây dựng mới mạch liên thông 22kV giữa lộ 453E1.28 và lộ 471E1.28(C19-C27)	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
339	Xây dựng 02 xuất tuyến 22kV phục vụ khai thác tải TBA 110kV CNC 2 san tải lộ 487E1.54	DNL	0,01		0,01	Huyện Quốc Oai	2021-2025
340	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Phú Mãn	DNL	0,07		0,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
341	Xây dựng mới trạm 110 kV Sóc Sơn 2 và nhánh rẽ	DNL	0,42		0,42	Huyện Sóc Sơn	2022
342	Dự án mở rộng 02 ngăn lộ đường 11 OkV tại trạm TBA 220KV Sóc Sơn và đường dây 110 Kv đấu nối nhà máy điện rác Sóc Sơn	DNL	0,96		0,65	Huyện Sóc Sơn	2022
343	Lắp bổ sung MC 171,172,112 và cải tạo nhánh đường dây vào ụam biến áp 1 lOkV Nội Bài	DNL	0,05		0,05	Huyện Sóc Sơn	2022
344	Xây dựng mới trạm 1 lOkV Sóc Sơn 3	DNL	1,35		1,35	Huyện Sóc Sơn	2022
345	Cải tạo đường dây 110kV Hà Đông - Sơn Tây	DNL	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2022
346	Xây dựng tuyến đường dây 220KV cấp điện cho trạm biến áp 220KV/110KV Hòa Lạc và các đường dây 110KV xuất tuyến	DNL	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2022
347	Xây dựng mới trạm biến áp 110Kv Thạch Thất 2 và nhánh rẽ	DNL	0,58		0,58	Huyện Thạch Thất	2021-2022
348	Xây dựng mới trạm biến áp 220/110kv Hòa Lạc và phần nối cấp 110/220KV	DNL	3,50		3,50	Huyện Thạch Thất	2022
349	Trạm biến áp 110KV Phú Cát và nhánh rẽ (phần nhân rẽ 110kV cấp điện cho TBA 110kV Phú Cát)	DNL	0,02		0,02	Huyện Thạch Thất	2022
350	Xây dựng tuyến đường dây 110KV đi nối, đấu nối TBA 110KV Trung tâm phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc theo đúng Quyết định số 1177/QĐ-BXD ngày 20/11/2013 của Bộ Xây dựng về hạ tầng kỹ thuật chung (QGHN 02)	DNL	0,02		0,02	Huyện Thạch Thất	2021-2022
351	XD trạm biến áp 3 xã Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung	DNL	0,15		0,15	Huyện Thạch Thất	2021-2025
352	Xây dựng mới TBA 110kV Yên Bình và nhánh rẽ	DNL	2,52		2,52	Huyện Thạch Thất	2023
353	Xây mới TBA 118/79,230kv, cải tạo 21/18,340kv và xây mới đường dây 50km, cải tạo 20km trên địa bàn huyện Thạch Thất	DNL	3,80		3,80	Huyện Thạch Thất	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
354	Xây dựng tuyến đường dây 220kV cấp điện cho TBA 220kV/110kV Hòa Lạc và các đường dây 110kV xuất tuyến	DNL	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
355	Xây dựng mới TBA Phương Trung	DNL	0,01		0,01	Huyện Thanh Oai	2021-2022
356	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Hồng Dương và nhánh rẽ	DNL	0,91		0,91	Huyện Thanh Oai	2021-2022
357	Đường dây 220 kV Hà Đông-Phủ Lý	DNL			-	Huyện Thanh Oai	2022
358	Xây dựng tuyến đường dây 110kV Thường Tín - Thanh Oai	DNL			-	Huyện Thanh Oai	2022
359	Trạm biến áp 110kV Chương Mỹ và Đường dây 110kV Thanh Oai -Chương Mỹ	DNL			-	Huyện Thanh Oai	2022
360	Đường dây 500KV Tây Hà Nội - Thường Tín	DNL	1,60		1,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
361	Cải tạo nâng khả năng tải tuyến đường dây 110KV từ trạm biến áp 110KV Hà Đông đi trạm biến áp 110KV Vân Đình	DNL	0,45		0,45	Huyện Thanh Oai	2021-2022
362	Xây dựng mới TBA 110kV Thanh Hà và nhánh rẽ	DNL	0,20		0,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
363	Xây dựng mới các trạm biến áp, nâng cấp, cải tạo lưới điện trên địa bàn huyện Thanh Oai	DNL	3,00		3,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
364	Đường dây 500 kV Tây Hà Nội - Thường Tín	DNL	1,10		1,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
365	Đường dây 500 KV Nho Quan - Thường Tín mạch 2	DNL	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
366	Đường dây 110kV từ TBA 500kV Thường Tín - TBA E1.34 Quất Động - TBA E10.4 Tía	DNL	0,70		0,70	Huyện Thường Tín	2022-2025
367	Trạm biến áp 110KV Tô Hiệu đi Phú Xuyên và đường dây 110KV cấp điện	DNL	1,20	0,40	0,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
368	Cải tạo, nâng khả năng tải và treo dây mạch 2 từ TBA 110KV Thường Tín đi đường dây 110KV Mai Động, Hà Đông	DNL	0,22		0,22	Huyện Thường Tín	2022-2025
369	Nhà điều hành sản xuất công ty điện lực Thường Tín	DNL	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
370	Đường dây 110 KV từ TBA 500KV Thường Tín - TBA E1.34 Quất Động - TBA E10.4 Tía	DNL	0,70	0,70	0,70	Huyện Thường Tín	2021
371	Xây dựng mới trạm 110Kv và nhánh rẽ	DNL	0,20		0,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
372	Xây dựng mới ĐDK và TBA trên địa bàn huyện Ứng Hòa	DNL	0,09		0,09	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
373	Nâng cấp cải tạo lưới điện hạ thế huyện Ứng Hòa năm 2021	DNL	0,09		0,09	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
374	Nâng cấp cải tạo các nhánh lộ 375E10.2 379E10.2	DNL	0,09		0,09	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
375	Trạm biến áp 220kV Ứng Hòa và đường dây đầu nối trên địa bàn huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DNL	7,00		7,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
376	Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110KV từ trạm biến áp 110KV Hà Đông đi trạm biến áp 110KV Vân Đình	DNL	0,15		0,15	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
377	Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110KV từ trạm biến áp 110KV Vân Đình đi trạm biến áp 110KV Tía	DNL	0,27		0,27	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
378	Trạm biến áp 110 Kv KCN Khu Cháy, KCN Nhuệ Giang, trạm xã Đồng Tiến, xã An Phú, xã Phù Lưu Tế	DNL	1,66		1,66	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
379	Cải tạo, nâng cấp nhánh đường dây 35KV lộ 377E10.2 và xây dựng mạch vòng 375-377E10.2	DNL	0,05		0,05	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
380	Xây dựng mới Đ DK và TBA huyện Ứng Hòa đợt 3 năm 2016	DNL	0,05		0,05	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
381	Xây dựng mới 64 ĐDK và TBA các xã, thị trấn	DNL	0,26		0,26	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
382	Đường dây 500KV Nho Quan - Thường Tín(Mạch 2) và mở rộng các ngăn lộ tại trạm biến áp Nho Quan và Thường Tín	DNL	1,14		1,14	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
383	Xây dựng Trạm biến áp 110kV Bắc Thành Công và nhánh rẽ	DNL	0,40		0,40	Quận Ba Đình	2021-2025
384	Trạm biến áp 110kv Công viên Thủ Lệ	DNL	0,15		0,15	Quận Ba Đình	2021-2025
385	Khai thác tải Trung thế TBA 110kV Bắc Thành Công	DNL	2,70			Quận Ba Đình	2021-2025
386	Nâng tải khả năng đường dây 220kV Hoà Bình - Hà Đông	DNL	0,05		0,05	Quận Hà Đông	2022
387	Cải tạo Đường dây không 110KV Hà Đông - Sơn Tây (từ VT07 đến VT 15)	DNL	0,15		0,15	Quận Hà Đông	2021
388	Xây dựng trạm biến áp 110 KV Dương Nội & nhánh rẽ (Khu đô thị Nam Cường)	DNL	0,16		0,16	Quận Hà Đông	2021
389	Xây dựng trạm biến áp 110Kv Chương Mỹ và đường dây 110Kv Thanh Oai - Chương Mỹ	DNL	0,38		0,38	Quận Hà Đông	2021
390	Đường dây 220kv Hà Đông - Phú Lý	DNL	0,30		0,30	Quận Hà Đông	2021
391	Trạm biến áp 110kv Phú Lương & nhánh đường dây 110kv cấp điện cho trạm	DNL	0,40		0,40	Quận Hà Đông	2021
392	Xây dựng mới 02 lộ cáp ngầm 22KW sau TBA 110KVE1.43 (Mỗ Lao)	DNL	0,37		0,37	Quận Hà Đông	2021
393	Xây dựng mới trạm 110kV Tổ hợp Công Nghiệp Sài Đồng (Sài Đồng 2)	DNL	0,62			Quận Long Biên	2022
394	Trạm biến áp 110KV Đông Dư (Tây Nam Gia Lâm) và nhánh rẽ (phần đường dây 110KV nhánh rẽ)	DNL	0,40			Quận Long Biên	2022
395	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Ngọc Thụy và nhánh rẽ	DNL	0,30			Quận Long Biên	2022
396	Xây dựng mới trạm 110kV Phù Đổng (Gia Lâm 3) và nhánh rẽ (Phần đường dây 110kV)	DNL	0,20			Quận Long Biên	2022
397	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Mễ Trì và nhánh rẽ	DNL	0,42		0,42	Quận Nam Từ Liêm	2021
398	Xây dựng mới TBA 110kV Cầu Giấy	DNL	0,40		0,40	Quận Nam Từ Liêm	2021
399	Xây dựng mới trạm 220/110 kV Đại Mỗ và nhánh rẽ 220kV	DNL	0,67		0,67	Quận Nam Từ Liêm	2022
400	Công trình điện phục vụ Trạm biến áp 110kV Công viên Thủ Lệ và trạm 220kV Tây Hồ. Trạm 110kV Nhật Tân	DNL	0,03		0,03	Quận Tây Hồ	2021
401	Xây dựng mới lộ cáp ngầm 22kV sau TBA 110kV E1.5 (Thượng Đình) cấp điện cho phụ tải p.Hạ Đình, Thượng Đình, Nhân Chính	DNL	0,20		-	Quận Thanh Xuân	2022
402	Xây dựng mới lộ cáp ngầm 22kV sau TBA 110kV E1.5 (Thượng Đình) cấp điện cho phụ tải p.Khuong Trung, Khuong Mai	DNL	0,59		-	Quận Thanh Xuân	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
403	Cải tạo, nâng cao năng lực cấp điện lộ đường dây trung thế 22kV (Tuyến cáp từ TBA M78 đến TBA TT Phòng không 1)	DNL	0,11		-	Quận Thanh Xuân	2022
404	Cải tạo, nâng cao năng lực cấp điện lộ đường dây trung thế 22kV (Tuyến cáp từ TBA Cty CP Xây dựng số 12 đến TBA HTX Phương Đông)	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
405	Cải tạo, nâng cao năng lực cấp điện lộ đường dây trung thế 22kV (Tuyến cáp từ TBA Khương Mai 10 đến Hóa dầu QĐ MIPEC đến TBA Lê Trọng Tấn 6)	DNL	0,08		-	Quận Thanh Xuân	2022
406	Cải tạo, nâng cao năng lực cấp điện lộ đường dây trung thế 22kV (Hạ ngầm khoảng cột DDK từ cột 15 đến cột 16 Lộ 483 E1.5)	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
407	Nâng cấp, cải tạo TBA Thanh Xuân 9	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
408	Nâng cấp, cải tạo TBA Bến xe Nam Thanh Xuân	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
409	Nâng cấp, cải tạo TBA Kim Giang 3	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
410	Nâng cấp, cải tạo TBA Khương Trung 6	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
411	Nâng cấp, cải tạo TBA Phương Liệt 6	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
412	Xây mới TBA Phương Liệt 23	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
413	Xây mới TBA Thượng Đình 22	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
414	Xây mới TBA Khương Đình 20	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
415	Xây mới TBA Hạ Đình 16	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
416	Xây mới TBA Nhân Chính 37	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
417	Xây mới TBA Nhân Chính 28	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
418	Xây mới TBA Nhân Chính 15	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
419	Xây mới TBA Khương Mai 12	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
420	Xây mới TBA Khương Mai 13	DNL	0,03		-	Quận Thanh Xuân	2022
421	Nâng công suất TBA Hồ Mễ Trì	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
422	Nâng công suất TBA T2 Trung Hòa- Nhân Chính	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
423	Nâng công suất TBA Nhân Chính 4	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
424	Nâng công suất TBA Nhân Chính 1	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
425	Nâng công suất TBA Cột Thanh Xuân	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
426	Nâng công suất TBA Thượng Đình 5	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
427	Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Bến xe 4	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
428	Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Bến xe 2	DNL	0,02		-	Quận Thanh Xuân	2022
429	Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Xóm Hồng 2	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
430	Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Đá ốp lát	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
431	Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Cù Chính Lan 2	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
432	Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA T2 Phi trường	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
433	Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Chợ Xanh 1	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
434	Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Chợ Xanh 2	DNL	0,01		-	Quận Thanh Xuân	2022
435	Dự án mở rộng TBA 110kV Thượng Đình E1.5	DNL	0,27			Quận Thanh Xuân	2023
436	Xây dựng mới Trạm 110 kV Ba Vì (phần đường dây 110 kV Sơn Tây - Ba Vì)	DNL	0,20	-	0,20	Thị xã Sơn Tây	2022
437	Trạm 110kV Công viên Yên Sở và nhánh rẽ	DNL	0,43		0,43	Quận Hoàng Mai	2022
438	Trạm 110kV Lĩnh Nam và đường dây Mai Động - Lĩnh Nam	DNL	0,40		0,40	Quận Hoàng Mai	2022
439	Đường điện trục chính xã Phụng Thượng	DNL	0,05		0,05	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
B.13	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV					
1	Mở rộng điểm Bưu điện xã	DBV	0,06		0,06	Huyện Ba Vì	2021
2	Dự án Xây dựng hạ tầng, nhà trạm cho trạm dự phòng Đài tưởng mạng CP16 tại Hà Nội	DBV	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2022
3	Bưu điện xã Phúc Lâm	DBV	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
4	Bưu điện xã Bột Xuyên	DBV	0,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
5	Mở rộng Bưu điện xã Phù Lưu Tế	DBV	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
6	Bưu điện xã An Phú	DBV	0,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
7	QH mới bưu điện văn hóa xã	DBV	0,07		0,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
8	Điểm bưu điện văn hóa xã Cộng Hòa	DBV	0,03		0,03	Huyện Quốc Oai	2021-2025
9	Điểm bưu chính viễn thông Đồng Lư	DBV	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
10	Điểm bưu điện văn hóa xã Ngọc Mỹ	DBV	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
11	Bưu điện văn hóa xã Liên Châu	DBV	0,10		0,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
12	Bưu điện văn hoá xã Đỗ Động	DBV	0,02		0,02	Huyện Thanh Oai	2021-2022
13	Bưu điện văn hoá xã Cự Khê	DBV	0,02		0,02	Huyện Thanh Oai	2021-2022
14	Bưu điện văn hoá xã Thanh Mai	DBV	0,02		0,02	Huyện Thanh Oai	2021-2022
15	Trung tâm giao dịch và điều hành Viễn thông Quốc gia	DBV	1,91		1,91	Quận Cầu Giấy	2021
B.14	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
1	Mở rộng chùa Cổ Đô	TON	0,06		0,06	Huyện Ba Vì	2021
2	Mở rộng chùa Tân Phong	TON	0,50		0,50	Huyện Ba Vì	2021
3	Mở rộng Chùa Sùng Chân thôn Phú Xuyên	TON	0,30		0,30	Huyện Ba Vì	2021
4	Mở rộng chùa Mẫu, chùa Búi	TON	0,30		0,30	Huyện Ba Vì	2021
5	Mở rộng chùa Cổ Đô	TON	0,06		0,06	Huyện Ba Vì	2021
6	Mở rộng chùa Tân Phong	TON	0,50		0,50	Huyện Ba Vì	2021
7	Mở rộng Chùa Sùng Chân thôn Phú Xuyên	TON	0,30		0,30	Huyện Ba Vì	2021
8	Mở rộng chùa Mẫu, chùa Búi	TON	0,30		0,30	Huyện Ba Vì	2021
9	Xây dựng Nhà nguyện thôn Yên Kien	TON	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
10	Xây dựng chùa thôn Quyết Hạ	TON	0,56		0,56	Huyện Chương Mỹ	2022
11	Xây dựng chùa Rét, xã Tốt Động	TON	0,13		0,13	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Xây dựng Chùa Nội An	TON	0,26		0,26	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Nhà Nguyễn giáo họ Xuân Mai	TON	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
14	Nâng cấp, mở rộng chùa Bảo Phúc	TON	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2022
15	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Dục Tú (Tiên Cảnh Tự)	TON	0,26		0,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
16	HTKT trồng cây xanh Chùa Ngọc Lâm thôn Hà Lâm 3, xã Thụy Lâm	TON	0,52		0,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
17	Xây dựng chùa Tâm Linh thôn Đản Dị	TON	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
18	Trùng tu tôn tạo Trung tâm văn hóa tôn giáo thôn Hà Khê	TON	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
19	Tu bổ, tôn tạo chùa Báo Ân - Đình Quang Trung	TON	0,80			Huyện Gia Lâm	2022
20	Mở rộng khuôn viên Đình Trung Hậu Đoài	TON	0,03		0,03	Huyện Mê Linh	2022
21	Mở rộng chùa chùa Đại Bi	TON	0,72			Huyện Mỹ Đức	2021-2025
22	Mở rộng Chùa thôn Đông Bình	TON	0,09			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
23	Mở rộng Chùa Quán Âm thôn An Đà	TON	0,81			Huyện Mỹ Đức	2021
24	Chùa Dè thôn Hiền Lương	TON	0,30			Huyện Mỹ Đức	2021
25	Mở rộng nhà thờ thôn Vạn Thắng	TON	0,12			Huyện Mỹ Đức	2021
26	Mở rộng nhà thờ thôn Đông Mỹ	TON	0,09			Huyện Mỹ Đức	2023-2025
27	Mở rộng chùa Hòa Lạc	TON	0,23			Huyện Mỹ Đức	2023-2025
28	Mở rộng khuôn viên đình chùa thôn Cát Bi	TON	0,16		0,16	Huyện Phú Xuyên	2023
29	Mở rộng chùa Chanh Thôn	TON	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
30	Mở rộng chùa Viên Minh	TON	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2022
31	Mở rộng chùa Cao Mật Hạ	TON	0,35	0,17	0,18	Huyện Thanh Oai	2021-2022
32	Mở rộng chùa Thiên Phúc	TON	0,04		0,04	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
33	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Liên Phái	TON	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
34	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đền, đình, chùa Hai Bà Trưng	TON	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
35	GPMB, tu bổ tôn tạo và phát huy giá trị kiến trúc, nghệ thuật, thắng cảnh hồ Thiền Quang và di tích chùa Quang Hoa, Thiền Quang, Pháp Hoa,	TON	0,22		0,22	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
36	Tu bổ, tôn tạo Chùa Thái Cam	TON	0,10		0,10	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
37	Tu bổ, cải tạo xây dựng Thiền Viện Sùng Phúc (chùa Xuân Đỗ Thượng) tại phường Cự Khối	TON	0,57			Quận Long Biên	2022
38	GPMB di chuyển các hộ dân khỏi khu vực 1 di tích Chùa Tảo Sách	TON	0,05		0,05	Quận Tây Hồ	2021
39	Tu bổ, tôn tạo chùa Mật Dựng	TON	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021
40	Giải phóng mặt bằng và phục dựng chùa Đồng	TON	0,30		0,03	Quận Hoàng Mai	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
41	Giải phóng mặt bằng và tu bổ tôn tạo di tích chùa Sét khu vực I	TON	0,31		0,17	Quận Hoàng Mai	2021
42	GPMB, tu bổ tôn tạo di tích chùa Nam Dữ Hạ	TON	1,00		1,00	Quận Hoàng Mai	2022
43	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Láng	TON	1,70	1,65	0,05	Quận Đống Đa	2021-2025
44	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Quang Minh	TON	0,07	0,06	0,01	Quận Đống Đa	2021-2025
47	Tu bổ, tôn tạo chùa Duệ Tú	TON	0,28		0,28	Quận Cầu Giấy	2021
48	Chùa Nửa Phụng Thượng	TON	0,60		0,60	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
49	Mở rộng nhà thờ họ giáo Ân Phú	TON	0,08		0,08	Huyện Phúc Thọ	2021
50	Mở rộng chùa Cẩm Đình	TON	0,08		0,08	Huyện Phúc Thọ	2021
B.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
1	Mở rộng nghĩa trang liệt sỹ	NTD	0,05		0,05	Huyện Ba Vì	2021
2	Mở rộng nghĩa trang Vĩnh Hằng tại xã Vật Lại	NTD	40,00		40,00	Huyện Ba Vì	2021
3	Mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ	NTD	203,80		203,80	Huyện Ba Vì	2021
4	Nghĩa trang khu vực phía Nam, huyện Đan Phượng	NTD	4,20		4,20	Huyện Đan Phượng	2022
5	Dự án Cải tạo nghĩa trang nhân dân phố Phụng Trì, thị trấn Phùng	NTD	1,10		1,10	Huyện Đan Phượng	2022
6	Chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang nhân dân Con Cá, thị trấn Phùng	NTD	0,79	0,40	0,39	Huyện Đan Phượng	2024-2025
7	Chỉnh trang và xây dựng nhà lưu giữ tro cốt nghĩa trang nhân dân thôn Bá Dương Nội-Bá Thị, xã Hồng Hà	NTD	0,95			Huyện Đan Phượng	2024-2025
8	Chỉnh trang và xây dựng nhà lưu giữ tro cốt nghĩa trang nhân dân làng Tiên Tân-Vạn Thắng Lợi xã Hồng Hà	NTD	0,55			Huyện Đan Phượng	2024-2025
9	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Vân Diêm, xã Vân Hà	NTD	1,30		1,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
10	Cải tạo nâng cấp khu công viên cây xanh kết hợp nghĩa trang phục vụ tập kết mộ khi GPMB thực hiện dự án công viên văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí Kim Quy	NTD	1,80		1,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
11	Xây dựng HTKT khu nghĩa trang tập trung huyện Hoài Đức	NTD	22,00			Huyện Hoài Đức	2022
12	Xây dựng công viên tưởng niệm Thiên Đường Thanh Tước	NTD	2,18			Huyện Mê Linh	2022
13	Cải tạo cảnh quan môi trường, hành lang cây xanh cách ly nghĩa trang nghĩa trang Mạnh Chừ	NTD	0,41		0,41	Huyện Mê Linh	2023-2025
14	Cải tạo cảnh quan môi trường, hành lang cây xanh cách ly nghĩa trang nghĩa trang Chu Phan	NTD	0,31		0,31	Huyện Mê Linh	2023-2025
15	QH nghĩa trang nhân dân tập trung - thôn Hoàng Kim	NTD	4,00		4,00	Huyện Mê Linh	2023-2025
16	Cải tạo cảnh quan môi trường, hành lang cây xanh cách ly nghĩa trang nghĩa trang tập trung 1 (phía đông thôn Trung Xuân)	NTD	0,58		0,58	Huyện Mê Linh	2023-2025
17	Cải tạo cảnh quan môi trường, hành lang cây xanh cách ly nghĩa trang nghĩa trang tập trung 2 (phía nam xã)	NTD	2,80		2,80	Huyện Mê Linh	2023-2025
18	Cải tạo cảnh quan môi trường, hành lang cây xanh cách ly nghĩa trang nghĩa trang tập trung (khu đồng sau đình)	NTD	4,92		4,92	Huyện Mê Linh	2023-2025
19	Nhà tang lễ huyện	NTD	1,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
20	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Vườn Thánh	NTD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
21	Mở rộng nghĩa trang Đồng Sụ	NTD	0,50			Huyện Mỹ Đức	2021
22	Mở rộng nghĩa trang Đồng Hóa	NTD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
23	Mở rộng nghĩa trang đôi Hoàn	NTD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2021
24	Mở rộng nghĩa trang Cầu Bèn	NTD	0,11			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
25	Mở rộng nghĩa trang thôn Quýt	NTD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
26	Xây mới nghĩa trang liệt sĩ	NTD	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
27	Xây dựng nghĩa trang liệt sỹ xã Mỹ Thành	NTD	0,11			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
28	Mở rộng nghĩa trang thôn Vĩnh Xương Thượng	NTD	0,17			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
29	Mở rộng nghĩa trang thôn Vĩnh Lạc	NTD	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
30	Mở rộng nghĩa trang thôn Bột Xuyên	NTD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
31	Mở rộng nghĩa trang thôn Phúc Khê	NTD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
32	Mở rộng nghĩa trang thôn Phú Hữu	NTD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
33	Mở rộng nghĩa trang thôn Phú Văn	NTD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
34	Mở rộng nghĩa trang thôn Lê Xá	NTD	0,62			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
35	Xây dựng nghĩa trang tập trung của xã	NTD	3,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
36	Nghĩa trang liệt sỹ	NTD	0,05			Huyện Mỹ Đức	2021
37	Mở rộng nghĩa trang nhân dân	NTD	3,16			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
38	Mở rộng nghĩa trang thôn Hà Xá	NTD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
39	Nhà để xe tang Vạn Phúc	NTD	0,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
40	Mở rộng nghĩa trang Liệt sỹ	NTD	0,44			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
41	Mở rộng nghĩa trang Vạn Phúc	NTD	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
42	Mở rộng nghĩa trang Bệ Ngọc	NTD	0,70			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
43	Mở rộng nghĩa trang thôn Hội Xá	NTD	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
44	Mở rộng nghĩa trang thôn Yên Vỹ	NTD	1,12			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
45	Mở rộng nghĩa trang thôn Phú Yên	NTD	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
46	Công viên nghĩa trang Hương Sơn huyện Mỹ Đức	NTD	17,84			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
47	Mở rộng nghĩa trang thôn Hưng Nông	NTD	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
48	Mở rộng nghĩa trang thôn Viêm Khê	NTD	0,07			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
49	Mở rộng nghĩa trang liệt sỹ	NTD	0,09			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
50	Mở rộng nghĩa trang thôn Thọ	NTD	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
51	Mở rộng nghĩa trang thôn Ái	NTD	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
52	Xây dựng nghĩa trang thôn Đồi Dừng	NTD	3,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
53	Nâng cấp nghĩa trang Yên Thái, gò giữa	NTD	1,91	1,12	0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
54	Quy hoạch mới nghĩa trang Gò Buồm Việt Yên	NTD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
55	Nâng cấp mở rộng nghĩa trang Hòa Thạch	NTD	2,00	1,42	0,58	Huyện Quốc Oai	2021-2025
56	Nâng cấp nghĩa trang Cấn Hữu	NTD	4,01	3,75	0,26	Huyện Quốc Oai	2021-2025
57	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai	NTD	11,00		11,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
58	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Phụng Cách	NTD	0,35		0,35	Huyện Quốc Oai	2021-2025
59	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Sài Sơn (thôn Thụy Khuê, thôn Phúc Đức, thôn Khánh Tân; thôn Năm Trại; thôn Đa Phúc)	NTD	6,34	2,20	4,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
60	Xây dựng nghĩa trang xã Phù Linh, xã Hồng Kỳ phục vụ GPMB Sân gôn Quốc tế Sóc Sơn và khu dịch vụ bổ trợ	NTD	4,11		4,11	Huyện Sóc Sơn	2022
61	Xây dựng HTKT nghĩa trang Lai Sơn, xã Bắc Sơn	NTD	1,78		1,78	Huyện Sóc Sơn	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
62	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang thôn Mai Nội phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng tuyến đường nối đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp huyện Sóc Sơn	NTD	1,7		1,7	Huyện Sóc Sơn	2022
63	XD nghĩa trang tập trung cấp huyện	NTD	5,00		5,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
64	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn Liên Quan	NTD	3,00		3,00	Huyện Thạch Thất	2022
65	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Đại Đồng	NTD	3,90	1,90	2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
66	Cải tạo, nâng cấp mở rộng nghĩa trang nhân dân khu Minh Đức xã Đại Đồng	NTD	1,00	0,27	0,73	Huyện Thạch Thất	2021-2025
67	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Cẩm Bào xã Cẩm Yên	NTD	2,50		2,50	Huyện Thạch Thất	2025
68	Xây dựng, mở rộng nghĩa trang gò Thiều xóm Đông xã Đông Trú	NTD	2,50	1,60	0,90	Huyện Thạch Thất	2022-2023
69	Xây dựng nghĩa trang xã Lại Thượng (thôn lại thượng)	NTD	3,80		3,80	Huyện Thạch Thất	2025
70	XD nghĩa trang nhân dân xã Phú Kim	NTD	6,00		6,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
71	Xây dựng chỉnh trang nghĩa trang đồng Dược, đồng Bàu xã Kim Quan	NTD	3,06	0,36	2,70	Huyện Thạch Thất	2023-2024
72	Cải tạo, nâng cấp mở rộng nghĩa trang nhân dân khu Ba Gò xã Hương Ngải	NTD	1,85	1,23	0,62	Huyện Thạch Thất	2021-2025
73	Cải tạo, nâng cấp mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Hương Ngải	NTD	2,67	1,13	1,54	Huyện Thạch Thất	2022
74	Xây dựng nghĩa trang nhân dân đồng Chiềng xã Canh Nậu	NTD	4,00		4,00	Huyện Thạch Thất	2024-2025
75	Xây dựng nghĩa trang nhân dân xã Dị Nậu (Chỉ phí GPMB, nhà hậu phúc, đường trục chính)	NTD	4,90		4,90	Huyện Thạch Thất	2022
76	Xây dựng, cải tạo nghĩa trang nhân dân xã Thạch Xá khu vực Đồng Vỡ, TB09 xã Thạch Xá	NTD	4,30	3,76	0,54	Huyện Thạch Thất	2023-2024
77	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang xã Chàng Sơn (Chỉ phí GPMB, nhà hậu phúc, đường trục chính)	NTD	1,75	1,45	0,30	Huyện Thạch Thất	2022
78	Mở rộng nghĩa trang khu Đồng Mép xã Chàng Sơn	NTD	1,20	0,50	0,70	Huyện Thạch Thất	2025
79	Xây dựng, mở rộng nghĩa trang thôn Phú Ổ xã Bình Phú	NTD	2,90	0,50	2,40	Huyện Thạch Thất	2023-2024
80	Xây dựng, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Hữu Bằng (Giai đoạn 2 theo quy hoạch)	NTD	2,00	0,46	1,54	Huyện Thạch Thất	2024-2025
81	XD nghĩa trang nhân dân xã Phùng Xá	NTD	6,95	1,84	5,11	Huyện Thạch Thất	2023-2024
82	Nghĩa trang Yên Trung (Dự án NT quốc gia)	NTD	120,00		120,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
83	Dự án đầu tư công viên nghĩa trang huyện Thạch Thất	NTD	35,00	31,00	4,00	Huyện Thạch Thất	2022
84	Xây dựng nghĩa trang nhân dân xã Bình Yên	NTD	0,31	0,31	0,31	Huyện Thạch Thất	2022
85	Mở rộng nghĩa trang thôn Bạch Nao, Úc Lý xã Thanh Văn	NTD	2,20		2,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
86	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Tri Lễ-Phúc Thụy	NTD	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
87	Mở rộng nghĩa trang thôn Từ Châu, Châu Mai	NTD	1,39		1,39	Huyện Thanh Oai	2021-2022
88	Mở rộng nghĩa trang các thôn xã Hồng Dương	NTD	3,00		3,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
89	Mở rộng nghĩa trang các thôn xã Đỗ Động	NTD	2,30		2,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
90	Mở rộng nghĩa trang các thôn xã Dân Hoà	NTD	1,92		1,92	Huyện Thanh Oai	2021-2022
91	Mở rộng nghĩa trang các thôn xã Cự Khê	NTD	4,70		4,70	Huyện Thanh Oai	2021-2022
92	Mở rộng nghĩa trang thôn Thiên Đông	NTD	0,20		0,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
93	Xây mới nghĩa trang TT. Kim Bài	NTD	5,00		5,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
94	Mở rộng nghĩa trang các thôn xã Bình Minh	NTD	2,51	1,00	1,51	Huyện Thanh Oai	2021-2022
95	Nghĩa trang nhân dân cấp huyện	NTD	35,00		35,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
96	Cải tạo nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ xã Hòa Bình	NTD	0,03	0,03	0,03	Huyện Thường Tín	2021
97	Quy hoạch nghĩa trang tập trung huyện Ứng Hòa	NTD	10,00		10,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
98	Nhà tang lễ quận Thanh Xuân	NTD	2,30		2,30	Quận Thanh Xuân	2022
99	Nâng cấp, mở rộng nghĩa trang nhân dân khu A thôn Kỳ Úc thị trấn Phúc Thọ	NTD	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2022
100	Nâng cấp, mở rộng nghĩa trang nhân dân khu B thôn Kỳ Úc thị trấn Phúc Thọ	NTD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2022
101	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Hiệp Thuận	NTD	0,06		0,06	Huyện Phúc Thọ	2022
102	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Thụ Trai xã Phúc Hòa	NTD	0,65		0,65	Huyện Phúc Thọ	2022
103	Mở rộng nghĩa trang Linh Chiểu tại Đồng Đạt (xã Sen Chiểu cũ)	NTD	0,40		0,40	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
104	Mở rộng nghĩa trang nhân dân (xã Phương Độ cũ)	NTD	0,72		0,72	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
105	Mở rộng nghĩa trang thôn Điền Hòa Cát	NTD	0,77		0,77	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
106	Mở rộng nghĩa trang Tăng Non	NTD	0,24		0,24	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
107	Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang nhân dân thôn Bướm	NTD	1,05		1,05	Huyện Phúc Thọ	2022
108	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Tường Phiêu xã Tích Giang	NTD	1,35		1,35	Huyện Phúc Thọ	2022
109	Mở rộng nghĩa trang Cửa Đình	NTD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2022
110	Mở rộng nghĩa trang các thôn	NTD	0,60		0,60	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
111	Xây dựng nghĩa trang 2 thôn Cự Lục và Cẩm Đình	NTD	1,06		1,06	Huyện Phúc Thọ	2022
112	Xây dựng nghĩa trang nhân dân 2 thôn Phú Châu và Ân Phú	NTD	1,18		1,18	Huyện Phúc Thọ	2022
113	Cải tạo, chỉnh trang đảm bảo vệ sinh môi trường nghĩa trang thôn Đông Lai	NTD	0,56		0,56	Huyện Đan Phượng	2022
B.16	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					
1	Tu bổ, tôn tạo, phục hồi Khu di tích địa đạo Nam Hồng, huyện Đông Anh	DDT	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
2	Trùng tu tôn tạo di tích lịch sử Đền thờ trạng Bùng Phùng Khắc Khoan xã Phùng Xá	DDT	0,26	0,12	0,14	Huyện Thạch Thất	2021-2022
3	Mở rộng, cải tạo nhà lưu niệm Bác Hồ	DDT	0,13	0,04	0,09	Huyện Thạch Thất	2021-2025
4	Xây dựng khu lưu niệm anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi tại xã Nhị Khê	DDT	2,77	2,49	2,77	Huyện Thường Tín	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
5	Thu hồi đất khu nhà ở phía Nam sân cỏ Quảng trường Ba Đình (Khu trung tâm chính trị Ba Đình)	DDT	0,40		0,40	Quận Ba Đình	2021-2025
6	Chỉnh trang mặt bằng do Bộ Quốc Phòng và 02 hộ gia đình Lão thành Cách mạng bàn giao thuộc di tích Hoàng Thành Thăng Long	DDT	0,16		0,16	Quận Ba Đình	2021-2025
7	GPMB di chuyển hộ dân ra khỏi khuôn viên khu vực 1 di tích đền Đồng Cổ	DDT	0,15		0,15	Quận Tây Hồ	2021
8	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Gò Đống Thây	DDT	0,88		0,88	Quận Thanh Xuân	2022
9	Cải tạo di tích Gò Đống Thây	DDT	1.51			Quận Thanh Xuân	2022
10	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu di tích lịch sử đền Và (giai đoạn 1), hạng mục: Mở rộng sân đền, xây dựng quảng trường kết hợp bãi đỗ xe và dịch vụ	DDT	3,20	3,20	-	Thị xã Sơn Tây	2024
11	Tôn tạo, phụ dựng Đền thờ danh nhân Đốc Ngừ	DDT	0,90		0,90	Huyện Phúc Thọ	2022
12	Mở rộng đình Thanh Chiêu (xã Sen Chiêu cũ)	DDT	0,15		0,15	Huyện Phúc Thọ	2022
B.17	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
1	Mở rộng 2 bãi rác thôn la phẩm, thôn Vân Sa	DRA	0,05		0,05	Huyện Ba Vì	2021
2	Dự án khí hóa rác thải sinh hoạt thành điện năng, công suất 500 tấn/ ngày tại Khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn trên địa bàn thị xã Sơn Tây và huyện Ba Vì	DRA	6,50		6,50	Huyện Ba Vì	2021
3	Dự án xử lý rác thải thu hồi điện Xuân Sơn	DRA	2,97		2,97	Huyện Ba Vì	2021
4	Điểm tập kết rác thải của các xã, thị trấn	DRA	6,40		6,40	Huyện Chương Mỹ	2022
5	Nhà máy xử lý chất thải núi Thoong	DRA	10,40		10,40	Huyện Chương Mỹ	2022
6	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống nước thải Cụm Công nghiệp Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ	DRA	0,05		0,05	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Xây dựng điểm trung chuyển phế thải xây dựng tại khu rìa đê - khu xóm mới thôn Mai Châu, xã Đại Mạch	DRA	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
8	Xây dựng điểm trung chuyển phế thải xây dựng tại khu đất giáp Thanh Lan thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch	DRA	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
9	Xây dựng điểm tập kết phế thải xây dựng thôn Đình Tràng, xã Dục Tú	DRA	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
10	Xây dựng điểm tập kết phế thải xây dựng thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú	DRA	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
11	Xây dựng bãi rác sinh hoạt, bãi tập kết chất thải rắn XD tại phía Bắc nhà văn hóa đến giáp kênh Phương Trạch thôn Hải Bối, xã Hải Bối	DRA	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
12	Xây dựng bãi rác thải sinh hoạt khu cầu E thôn Cổ Điện, xã Hải Bối	DRA	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
13	Xây dựng khu tập kết rác thải sinh hoạt thôn Du Nội, xã Mai Lâm	DRA	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
14	Xây dựng điểm tập kết phế thải xây dựng thôn Thái Bình, xã Mai Lâm	DRA	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
15	Xây dựng điểm tập kết phế thải xây dựng thôn Mai Hiên, xã Mai Lâm	DRA	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
16	Xây dựng điểm tập kết rác thải sinh hoạt thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm	DRA	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
17	XD khu tập kết phế thải VLXD tại khu vực phía bắc thôn Cồ Dương	DRA	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
18	XD khu tập kết phế thải VLXD khu vực phía bắc thôn Lễ Pháp	DRA	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
19	XD khu tập kết phế thải VLXD tại xứ đồng phía tây xóm Bãi thôn Lương Nỗ	DRA	0,05		0,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
20	Xây dựng bãi tập kết rác thải sinh hoạt và bãi vật liệu, phế thải xây dựng tại khu xứ đồng Khản thôn Tiên Kha	DRA	0,37		0,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
21	Xây dựng bãi tập kết rác thải sinh hoạt khu vực đội 4 thôn Trung Oai	DRA	0,04		0,04	Huyện Đông Anh	2021-2025
22	Xây dựng bãi tập kết rác thải sinh hoạt vực xóm Còi thôn Trung Oai	DRA	0,04		0,04	Huyện Đông Anh	2021-2025
23	XD khu tập kết phế thải VLXD tại khu xứ đồng Dộc Con Phượng thôn Trung Oai	DRA	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
24	Xây dựng bãi tập kết chất thải rắn sinh hoạt và phế thải xây dựng tại khu xứ đồng Hàn Xi thôn Tuân Lễ (phía đông nam trạm BA 160 KV)	DRA	0,18		0,18	Huyện Đông Anh	2021-2025
25	Xây dựng khu tập kết và xử lý rác thải tại thôn Cồ Châu, xã Vân Hà	DRA	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
26	Xây dựng khu tập kết và xử lý rác thải tại thôn Hà Khê, xã Vân Hà	DRA	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
27	Xây dựng khu tập kết và xử lý rác thải tại thôn Thiết Bình xã Vân Hà	DRA	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
28	Xây dựng khu tập kết và xử lý rác thải tại thôn Thiết Ứng, xã Vân Hà	DRA	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
29	Xây dựng khu tập kết và xử lý rác thải tại thôn Vân Diêm, xã Vân Hà	DRA	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
30	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Hà Khê, xã Vân Hà	DRA	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
31	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Thiết Ứng, xã Vân Hà	DRA	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
32	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Lương Quán, xã Việt Hùng	DRA	0,07		0,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
33	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Gia Lộc, xã Việt Hùng	DRA	0,14		0,14	Huyện Đông Anh	2021-2025
34	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Trung, xã Việt Hùng	DRA	0,07		0,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
35	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Đoài, xã Việt Hùng	DRA	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
36	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Lỗ Giao, xã Việt Hùng	DRA	0,08		0,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
37	Xây dựng điểm tập kết rác thải tại khu đầu cầu thôn Vĩnh Thanh	DRA	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
38	XD Bãi tập kết phế thải vật liệu xây dựng; khu thu gom rác thải sinh hoạt xã Vĩng La, Huyện Đông Anh	DRA	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
39	Xây dựng điểm tập kết chất thải rắn thôn Vạn Lộc	DRA	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
40	Xây dựng điểm tập kết chất thải rắn thôn Văn Thượng	DRA	1,27		1,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
41	Trạm trung chuyển rác thải khu Rẻ Sen	DRA	0,11			Huyện Hoài Đức	2022
42	Điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt xã Minh Khai	DRA	0,26			Huyện Hoài Đức	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
43	Bãi tập kết rác tổ dân phố: Điểm X1, tổ dân phố số 1; Điểm X2, tổ dân phố số 2; Điểm X3, tổ dân phố số 3; Điểm X4, tổ dân phố số 8; Điểm X5, tổ dân phố số 4.	DRA	0,11		0,11	Huyện Mê Linh	2022
44	Dự án xây dựng bãi phế thải xây dựng tại xã Tiên Thắng, huyện Mê Linh (X11).	DRA	4,25			Huyện Mê Linh	2022
45	Xây dựng điểm thu gom tập kết rác thải thôn Xa Mạc, thôn Yên Mạc và thôn Bồng Mạc	DRA	0,45			Huyện Mê Linh	2022
46	Xây dựng 03 điểm thu gom, tập kết rác thải rắn : điểm Đồng Ngự thuộc thôn Thọ Lão và thôn Thanh Diêm; điểm Đồng Dộc Đường thuộc thôn Chu Trần, khu đầu giá và thôn Trung Hà; điểm đất bãi tại thôn Yên Thị, thôn Yên Giáp và thôn Kỳ Đồng, xã Tiên Thịnh, huyện Mê Linh.	DRA	0,12		0,12	Huyện Mê Linh	2022
47	QH điểm tập kết rác (đồng Xóm - thôn 1)	DRA	0,10		0,10	Huyện Mê Linh	2023-2025
48	QH điểm tập kết rác (Bãi trồng dâu - thôn 3+4)	DRA	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2023-2025
49	QH 7 điểm tập kết chung chuyển rác thải	DRA	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2023-2025
50	QH 3 điểm tập kết chung chuyển rác thải (thôn Hoàng Kim, Tây Xá)	DRA	0,11		0,11	Huyện Mê Linh	2023-2025
51	Điểm thu gom rác thải (phía Bắc thôn Đồng)	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2023-2025
52	Điểm thu gom rác thải tổ 1,2,3 thôn Gia Lạc	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2023-2025
53	Điểm thu gom rác thải tổ 9, 10 thôn Gia Lạc	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2023-2025
54	Điểm thu gom rác thải tổ 6,7 (thôn Gia Trung)	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2023-2025
55	Điểm tập kết rác tổ dân phố: Điểm X1, tổ DP số 1; Điểm X2, tổ DP số 2; Điểm X3, tổ DP số 3; Điểm X4, tổ DP số 8; Điểm X5, tổ DP số 4.	DRA	0,11		0,11	Huyện Mê Linh	2023-2025
56	QH điểm tập kết rác	DRA	0,03		0,03	Huyện Mê Linh	2023-2025
57	QH điểm tập kết rác (khu đồng Chuôm Bắc)	DRA	0,04		0,04	Huyện Mê Linh	2023-2025
58	Xây dựng điểm thu gom tập kết rác thải thôn Xa Mạc, thôn Yên Mạc và thôn Bồng Mạc	DRA	0,45		0,45	Huyện Mê Linh	2023-2025
59	QH điểm tập kết rác T.Bồng Mạc	DRA	0,03		0,03	Huyện Mê Linh	2023-2025
60	Điểm trung chuyển rác thải thôn Yên Thị	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2023-2025
61	Điểm trung chuyển rác thải thôn Yên Thị	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2023-2025
62	Điểm tập kết rác (phía đông nam thôn Trung Xuân)	DRA	0,52		0,52	Huyện Mê Linh	2023-2025
63	QH Trạm xử lý nước thải (đồng phía nam thôn Cẩm Vân)	DRA	0,06		0,06	Huyện Mê Linh	2023-2025
64	QH điểm tập trung rác - gần khu đất Dự án công ty Hùng Việt	DRA	0,55		0,55	Huyện Mê Linh	2023-2025
65	QH điểm tập trung rác - Khu đồng Ngang Trũng Dưới thôn Khê Ngoại	DRA	0,25		0,25	Huyện Mê Linh	2023-2025
66	Điểm rác thải tổ 4, 5	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2023-2025
67	Điểm rác thải tổ 11	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2023-2025
68	Điểm trung chuyển rác thải thôn Khê Ngoại II	DRA	0,10		0,10	Huyện Mê Linh	2023-2025
69	Điểm trung chuyển rác thải thôn Văn Quán I	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2023-2025
70	Điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt (07 điểm), xã Tiên Phong	DRA	0,21			Huyện Mê Linh	2023-2025
71	QH điểm tập kết rác (phía Bắc thôn Nam Cường)	DRA	0,08		0,08	Huyện Mê Linh	2023-2025
72	QH điểm tập kết rác (thôn Văn Lôi)	DRA	0,30		0,30	Huyện Mê Linh	2023-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
73	Bãi chụ chuyển rác xứ đồng trũng Phạm	DRA	0,04			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
74	Điểm tập kết chất thải rắn	DRA	0,03			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
75	Trạm xử lý nước thải thôn Hoàn	DRA	0,17			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
76	Trạm xử lý nước thải thôn Đồng Mít	DRA	0,16			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
77	Điểm trung chuyển rác thải khu vực Đồng Bàu	DRA	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
78	Trạm xử lý nước thải	DRA	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
79	Bãi rác chung chuyển	DRA	0,25			Huyện Mỹ Đức	2021
80	Điểm tập kết chất thải rắn	DRA	0,26			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
81	Bãi trung chuyển chất thải rắn	DRA	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
82	Khu xử lý nước thải sinh hoạt	DRA	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
83	QH điểm trung chuyển rác thải	DRA	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
84	QH khu tập kết bãi chất thải rắn	DRA	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
85	Mở rộng bãi Rác	DRA	0,25			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
86	Bãi chôn lấp chất thải thôn Tảo Khê	DRA	0,18			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
87	Điểm trung chuyển rác thải thôn Kinh Đào	DRA	0,43			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
88	Bãi chôn lấp chất thải thôn Đoan Nữ	DRA	0,58			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
89	Điểm tập kết chất thải rắn thôn Đoan Nữ	DRA	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
90	Điểm trung chuyển rác thải	DRA	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
91	Điểm tập kết chất thải rắn	DRA	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
92	Trạm xử lý nước thải Đức Thụ	DRA	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
93	Bãi trung chuyển rác xứ đồng Phú	DRA	0,23			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
94	Bãi xử lý chất thải rắn	DRA	0,48			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
95	Dự án xử lý nước thải Làng Nghề xã Phùng Xá	DRA	0,36			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
96	Bãi đổ chất thải rắn	DRA	0,25			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
97	Bãi trung chuyển rác thải	DRA	0,45			Huyện Mỹ Đức	2021
98	Bãi trung chuyển rác thải	DRA	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
99	Bãi tập kết rác thải rắn Vạn Phúc	DRA	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
100	Bãi tập kết rác thải rắn Kim Bôi	DRA	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
101	Điểm trung chuyển rác thải Vạn Phúc	DRA	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
102	Bãi trung chuyển rác	DRA	0,07			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
103	Điểm tập kết chất thải vật liệu xây dựng	DRA	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
104	Mở rộng bãi rác Mã Mê	DRA	0,18			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
105	Bãi rác Xó Mả	DRA	0,60			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
106	Quy hoạch mới điểm xử lý rác	DRA	1,38			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
107	Quy hoạch điểm tập kết rác	DRA	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
108	Quy hoạch mới điểm xử lý nước thải	DRA	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
109	Quy hoạch mới điểm xử lý nước thải	DRA	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
110	Quy hoạch mới điểm xử lý nước thải	DRA	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
111	Điểm trung chuyển rác thôn Đồng Bình	DRA	0,07			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
112	Điểm trung chuyển rác thôn Trung Hòa	DRA	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
113	Bãi tập kết chất thải rắn	DRA	0,65			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
114	Điểm tập kết rác thôn Vạn Thắng	DRA	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
115	Bãi xử lý chất thải rắn	DRA	1,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
116	Bãi tập kết rác thải thôn Vải Mới	DRA	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
117	Khu xử lý rác thải của huyện	DRA	11,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
118	Bãi rác thải	DRA	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
119	Bãi chôn lấp rác thải rắn	DRA	3,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
120	Bãi rác thải cụm Nam Hưng + Thanh Hà	DRA	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
121	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt công suất 500 tấn/ngày	DRA	20,00		20,00	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
122	QH bãi rác thôn Hòa Thượng	DRA	0,03		0,03	Huyện Phú Xuyên	2022
123	QH bãi rác thôn Tạ Xá và Văn Hội tại khu vực Lò Gạch (thôn Tạ Xá)	DRA	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2022
124	QH bãi rác thôn Thượng	DRA	0,05		0,05	Huyện Phú Xuyên	2022
125	QH bãi rác thôn Tân Độ	DRA	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2022
126	QH bãi rác tại thôn Mai Trang, Thần Quy	DRA	0,07		0,07	Huyện Phú Xuyên	2022
127	Điểm tập kết rác thôn Nam Quất	DRA	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2022
128	QH bãi rác tại thôn Khả Liễu	DRA	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2022
129	QH bãi rác thôn Đồng Tiến	DRA	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2022
130	Khu chứa rác thải tập trung xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai	DRA	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
131	Bãi tập kết rác Thăng Đầu	DRA	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
132	Bãi tập kết rác Bạch Thạch	DRA	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
133	Khu xử lý nước thải (thị trấn sinh thái)	DRA	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
134	Bãi rác Sài Sơn	DRA	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
135	Di dân vùng ảnh hưởng môi trường (bán kính 500m từ Khu XLCT Sóc Sơn) kết hợp trồng cây xanh tạo hành lang cách ly	DRA	396,41		322,41	Huyện Sóc Sơn	2022
136	Mở rộng Khu LHXCT Sóc Sơn giai đoạn II	DRA	73,73		0,73	Huyện Sóc Sơn	2022
137	Bồi thường hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch khu đất xen kẹt, cát xén tại các xã Nam Sơn, Bắc Sơn phục vụ triển khai khu LHXCT Sóc Sơn	DRA	13,22		0,10	Huyện Sóc Sơn	2022
138	Dự án thu hồi đất nhỏ lẻ, cất xén, xen kẹt nằm ngoài chỉ giới GPMB dự án xây dựng KLHXCT Sóc Sơn giai đoạn 11	DRA	1,59		1,09	Huyện Sóc Sơn	2022
139	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý tiêu thoát nước thải làng nghề xã Hương Ngải	DRA	2,40		2,40	Huyện Thạch Thất	2023-2025
140	Xây dựng, cải tạo điểm tập kết rác thải tạm thời các xã Đồng Trúc, Cẩm Yên, Phú Kim, khu Giang Núi Phùng xá,	DRA	2,95	0,43	2,52	Huyện Thạch Thất	2021-2025
141	Điểm tập kết rác thải rắn	DRA	10,00		10,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
142	Bãi tập kết rác thải tập trung các xã	DRA	2,19		2,19	Huyện Thanh Oai	2021-2022
143	Trạm xử lý nước thải	DRA	0,30		0,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
144	Điểm trung chuyển, tái chế chất thải rắn xây dựng bằng phương pháp nghiền	DRA	5,90		5,90	Huyện Thường Tín	2022-2025
145	Bãi phế thải thoát nước thải nước X16A	DRA	7,20		7,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
146	Bãi phế thải thoát nước tại xã Thống Nhất (X16C)	DRA	5,70		5,70	Huyện Thường Tín	2022-2025
147	Xây dựng điểm tập kết và trung chuyển rác thải sinh hoạt xã Liên Phương, Hà Hồi	DRA	2,10		2,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
148	Xây dựng Trạm xử lý nước thải Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DRA	0,14		0,14	Huyện Thường Tín	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
149	Trạm trung chuyển tạm thời và hệ thống tái chế chất thải rắn xây dựng bằng phương pháp nghiền tại xã Chương Dương, huyện Thường Tín	DRA	4,38		4,38	Huyện Thường Tín	2022
150	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cụm công nghiệp Vạn Điểm, huyện Thường Tín	DRA	0,05		0,05	Huyện Thường Tín	2021
151	Dự án đầu tư xây dựng trạm trung chuyển rác thải Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm	DRA	2,20		2,20	Quận Nam Từ Liêm	2021
152	Vùng ảnh hưởng môi trường bán kính 500 m của Khu xử lý chất thải Xuân Sơn	DRA	83,78	77,12	6,66	Thị xã Sơn Tây	2022
153	Xây dựng mở rộng hệ thống thu gom nước thải (giai đoạn 2) thuộc dự án Nhà máy xử lý nước thải hồ Tây theo hình thức hợp đồng BT	DRA	0,04		0,04	Quận Cầu Giấy	2023-2025
B.18	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH					
1	Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công số 2	DXH	1,10		1,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
2	Trung tâm bảo trợ xã hội số 2 Hà Nội	DXH	1,00		1,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
B.19	Đất chợ	DCH					
1	Mở rộng chợ Tiên Phong	DCH	0,15		0,15	Huyện Ba Vì	2021
2	Xây dựng chợ dân sinh nông sản, thực phẩm Hữu Văn	DCH	5,00		5,00	Huyện Chương Mỹ	2022
3	Chợ Phú Nam An	DCH	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
4	Chợ Liên Hà	DCH	0,16		0,16	Huyện Đan Phượng	2022
5	Chợ Trung Châu	DCH	0,22		0,22	Huyện Đan Phượng	2022
6	Chợ nguyên liệu Gỗ Vân Hà	DCH	4,87		4,87	Huyện Đông Anh	2021
7	Quy hoạch chợ Đại Mạch	DCH	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
8	Dự án Chợ dược liệu, công viên hồ điều hòa và dịch vụ	DCH	19,38			Huyện Gia Lâm	2022
9	Xây dựng chợ tạm tại khu Lò Gạch, thôn Kim Âu, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm (Giai đoạn 1)	DCH	2,36		2,36	Huyện Gia Lâm	2023-2024
10	Chợ đầu mối nông sản tổng hợp Mê Linh	DCH	23,37		23,37	Huyện Mê Linh	2022
11	Mở rộng chợ Tế Tiêu	DCH	1,76			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
12	Xây dựng chợ Ao Dừng	DCH	0,09			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
13	Xây dựng chợ xã Thượng Lâm	DCH	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
14	Xây dựng chợ xã Tuy Lai	DCH	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
15	Xây dựng Chợ trung tâm xã Phúc Lâm	DCH	2,16			Huyện Mỹ Đức	2021
16	Xây dựng chợ xã Mỹ Thành	DCH	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
17	Mở rộng chợ An Mỹ	DCH	0,14			Huyện Mỹ Đức	2021
18	Xây dựng chợ xã Hồng Sơn	DCH	0,36			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
19	Xây dựng chợ xã Phù Lưu Tế	DCH	0,67			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
20	Xây dựng chợ Vạn Phúc	DCH	0,21			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
21	Xây dựng chợ Kim Bôi	DCH	0,71			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
22	Xây dựng chợ xã Đốc Tín	DCH	0,21			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
23	Mở rộng chợ xã Hương Sơn	DCH	0,58			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
24	Xây dựng chợ xã An Tiến	DCH	0,63			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
25	Xây dựng chợ La Đồng	DCH	0,40			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
26	Xây dựng chợ đầu mối nông sản Hợp Thanh	DCH	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
27	Xây dựng chợ xã An Phú	DCH	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
28	Quy hoạch chợ đầu mối	DCH	33,45		33,45	Huyện Phú Xuyên	2022
29	Đấu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng chợ Đồng Quan	DCH	1,40		1,40	Huyện Phú Xuyên	2022
30	Xây dựng Chợ nông sản Hồng Thái	DCH	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2022
31	Xây dựng Chợ Sơn Hà	DCH	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
32	Xây dựng Chợ Cỏ Trai xã Đại Xuyên	DCH	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
33	Xây dựng Chợ Xuân La, Phượng Dực	DCH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
34	Xây dựng Chợ Đại Thắng	DCH	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
35	Xây dựng Chợ Tri Lễ, xã Quang Trung	DCH	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
36	Dự án cải tạo chợ Cỏ Trai	DCH	0,47		0,47	Huyện Phú Xuyên	2022
37	Xây chợ Đại Thắng	DCH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
38	Xây dựng chợ Duyên Yên	DCH	0,13		0,13	Huyện Phú Xuyên	2022
39	Xây dựng chợ Xuân La	DCH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021
40	Xây dựng chợ Đồng Quan	DCH	1,04		1,04	Huyện Phú Xuyên	2021
41	Xây dựng chợ đầu mối nông sản cấp vùng	DCH	12,00		12,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
42	Chợ đầu mối hàng nông nghiệp nông thôn (OCOP) thị trấn sinh thái	DCH	9,80		9,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
43	Xây dựng chợ Bạch Thạch-Hòa Thạch	DCH	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
44	Mở rộng chợ Long Phú-Hòa Thạch	DCH	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
45	Xây dựng chợ xã Tuyết Nghĩa	DCH	0,46		0,46	Huyện Quốc Oai	2021-2025
46	Xây dựng chợ xã Đại Thành	DCH	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
47	Xây dựng chợ Liệp Tuyết	DCH	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
48	Xây dựng chợ thôn Ngọc Than-Ngọc Mỹ	DCH	0,35		0,35	Huyện Quốc Oai	2021-2025
49	XD chợ xã Thạch Thán	DCH	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
50	Chợ Trung tâm xã Yên Sơn	DCH	0,28		0,28	Huyện Quốc Oai	2021-2025
51	Xây dựng chợ xã Phượng Cách	DCH	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
52	Chợ nông thôn xã Xuân Thu	DCH	0,30		0,30	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
53	Chợ nông thôn xã Nam Sơn	DCH	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
54	XD chợ nông thôn xã Cẩm Yên	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
55	Xây dựng, cải tạo, mở rộng điểm chợ nông thôn xã Đồng Trúc	DCH	0,19	0,06	0,13	Huyện Thạch Thất	2022-2023
56	Mở rộng, xây dựng chợ nông thôn xã Lại Thượng	DCH	0,37	0,08	0,29	Huyện Thạch Thất	2022
57	Dịch chuyển, xây dựng điểm chợ nông thôn xã Canh Nậu (theo quy hoạch NTM)	DCH	0,33		0,33	Huyện Thạch Thất	2023-2024
58	Dịch chuyển, xây dựng chợ Nông thôn xã Dị Nậu (theo quy hoạch NTM)	DCH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2022
59	Chợ Bình Phú	DCH	0,59		0,59	Huyện Thạch Thất	2023
60	Xây dựng điểm chợ Bùng xã Phùng Xá	DCH	0,68		0,68	Huyện Thạch Thất	2022
61	XD chợ Làng Vĩnh điểm Đồng Vàng	DCH	0,67		0,67	Huyện Thạch Thất	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
62	Xây dựng chợ nông thôn xã Cần Kiệm	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2024-2025
63	Xây dựng chợ Hòa Lạc xã Bình Yên	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2024-2025
64	Xây dựng điểm chợ nông thôn xã Tân Xã	DCH	0,41		0,41	Huyện Thạch Thất	2022-2023
65	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng điểm chợ Nông thôn xã Yên Trung	DCH	0,70	0,09	0,61	Huyện Thạch Thất	2024-2025
66	Mở rộng chợ xã Kim Quan	DCH	0,17	0,09	0,08	Huyện Thạch Thất	2021-2025
67	Xây dựng điểm chợ nông thôn xã Hữu Bằng	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
68	Xây dựng điểm chợ Hòa Lạc	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
69	Xây dựng chợ , bãi đỗ xe xã Đại đồng	DCH	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2021-2025
70	Xây dựng điểm chợ nông thôn xã Hạ Bằng	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
71	Xây dựng, mở rộng chợ trung tâm xã Thanh Cao	DCH	0,56		0,56	Huyện Thanh Oai	2021-2022
72	Chợ Bích Hoà dịch vụ thương mại	DCH	5,50			Huyện Thanh Oai	2021-2022
73	Chợ xã Thanh Cao	DCH	0,67		0,67	Huyện Thanh Oai	2021-2022
74	Chợ xã Tân Ước	DCH	1,10		1,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
75	Chợ xã Mỹ Hưng	DCH	0,30		0,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
76	Chợ xã Kim An	DCH	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
77	Chợ xã Hồng Dương	DCH	1,62		1,62	Huyện Thanh Oai	2021-2022
78	Chợ Văn Quán	DCH	0,30		0,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
79	Chợ dân sinh xã Cự Khê	DCH	0,70		0,70	Huyện Thanh Oai	2021-2022
80	Chợ xã Thanh Thùy	DCH	0,55		0,55	Huyện Thanh Oai	2021-2022
81	Chợ xã Cao Dương	DCH	0,69		0,69	Huyện Thanh Oai	2021-2022
82	Chợ xã Bình Minh	DCH	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
83	Chợ trung tâm xã Thanh Văn	DCH	0,63		0,63	Huyện Thanh Oai	2021-2022
84	Chợ Kệ xã Ninh Sở	DCH	0,85		0,85	Huyện Thường Tín	2022-2025
85	Chợ Trát Cầu, xã Tiền Phong	DCH	0,80		0,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
86	Đầu giá QSD đất để đầu tư xây dựng chợ Kệ, xã Ninh Sở	DCH	0,68		0,68	Huyện Thường Tín	2021
87	Đầu giá QSD đất để đầu tư xây dựng chợ Trát Cầu, xã Tiền Phong	DCH	0,77		0,77	Huyện Thường Tín	2021
88	Xây dựng mới chợ Hòa Lâm	DCH	1,00	1,00	1,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
89	Chợ Đức Hòa	DCH	0,30			Quận Long Biên	2022
90	Dự án chợ dân sinh phường Tây Mỗ	DCH	0,40	0,40	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
91	Chợ trung tâm Tây Mỗ	DCH	0,30		0,30	Quận Nam Từ Liêm	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
92	Xây dựng chợ dân sinh phường Xuân Phương	DCH	0,62		0,62	Quận Nam Từ Liêm	2021
93	Chợ dân sinh phường Hoàng Liet	DCH	0,49		0,49	Quận Hoàng Mai	2022
94	Xây dựng và quản lý khai thác chợ cá Yên Sở	DCH	0,58		0,58	Quận Hoàng Mai	2022
95	Chợ dân sinh Khuyến Lương	DCH	0,31			Quận Hoàng Mai	2022
96	Công trình xã hội hoá khu chợ thương mại thấp tầng (ô đất C3/CC1-1)	DCH	0,20		0,20	Quận Cầu Giấy	2023-2025
97	Đất công cộng đô thị	DCH	0,88		0,88	Quận Cầu Giấy	2023-2025
98	Chợ dân sinh phường Thịnh Liet (B4/CCDV3)	DCH	0,30		0,30	Quận Hoàng Mai	2021
B.20	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
1	Đầu giá cho thuê QSD đất để thực hiện dự án: "Trồng rừng,nâng cao tính đa dạng sinh học kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao và vui chơi giải trí Hồng Sơn Wonderland"	DDL	290,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
2	Khu an đường đường	DDL	549,90			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
B.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
1	Công trình: ĐTXD Nhà văn hóa thôn Lũng Kênh xã Đức Giang	DSH	0,22			Huyện Hoài Đức	2022
2	Xây dựng nhà hội họp cho tổ 1 thôn Nam Quất, sau khi chợ Nam Quất chuyển ra Thanh Quan B lấy từ diện tích của chợ Nam Quất cũ	DSH	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2024
3	Nhà văn hóa thôn Lộc Dư	DSH	0,06		0,06	Huyện Thường Tín	2021
4	Nhà văn hóa thôn Mai Sao	DSH	0,05		0,05	Huyện Thường Tín	2021
5	Nhà văn hóa thôn Thụy Ứng	DSH	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2021
6	Nhà văn hóa thôn Gia Khánh	DSH	0,07	0,07	0,07	Huyện Thường Tín	2021
7	Xây dựng NVH thôn Kỳ Dương, NVH khu dân cư số 2	DSH	0,60	0,60	0,60	Huyện Thường Tín	2021
8	Nhà văn hóa thôn Khê Hôi	DSH	0,15		0,15	Huyện Thường Tín	2021
9	Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng số 2 phường Phúc Xá	DSH	0,01		0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
10	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng và sân chơi tại khu đất Tổ 35 Cụm 5. xú đồng Phán Mai. ngõ 343 phố Đội Cấn. phường Liễu Giai	DSH	0,11		0,11	Quận Ba Đình	2021-2025
11	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng số 1 phường Ngọc Hà	DSH	0,03		0,03	Quận Ba Đình	2021-2025
12	Dự án xây dựng mới Nhà SHCĐ K80D phường Vĩnh Phúc (Ngõ 376 đường Bưởi)	DSH	0,02		0,02	Quận Ba Đình	2021-2025
13	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng địa bàn dân cư số 6.7.8.14 phường Vĩnh Phúc	DSH	0,03		0,03	Quận Ba Đình	2021-2025
14	Nhà họp dân tổ dân phố 6, Phường Phú La	DSH	0,04		0,04	Quận Hà Đông	2021
15	Hội trường họp dân khu dịch vụ II Văn Phú	DSH	0,02		0,02	Quận Hà Đông	2021
16	Nhà sinh hoạt khu dân cư số 1, 2	DSH	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
17	Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng và lát đá làm hè tại điểm đất xen kẹt còn lại sau giải phóng mặt bằng dự án đường Nguyễn Đình Chiểu kéo dài	DSH	0,02		0,02	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
18	Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố số 1	DSH	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
19	Xây dựng Nhà văn hóa tổ dân phố số 6, phường Thạch Bàn, quận Long Biên	DSH	0,05			Quận Long Biên	2022
20	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 1, 6 Mễ Trì Thượng, phường Mễ Trì	DSH	0,86		0,86	Quận Nam Từ Liêm	2021
21	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 3, Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì	DSH	0,08		0,08	Quận Nam Từ Liêm	2021
22	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 3, phường Phương Canh	DSH	0,33		0,33	Quận Nam Từ Liêm	2021
23	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 1 - Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2	DSH	0,03		0,03	Quận Nam Từ Liêm	2022
24	Xây dựng nhà văn hóa số 2 tổ dân phố Đình, phường Đại Mỗ	DSH	0,03		0,03	Quận Nam Từ Liêm	2024
25	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Giao Quang, phường Đại Mỗ	DSH	0,03		0,03	Quận Nam Từ Liêm	2024
26	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Liên Cơ, phường Đại Mỗ	DSH	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2024
27	Xây dựng nhà văn hóa và điểm vui chơi TDP số 5 Mễ Trì Hạ kết hợp chỉnh trang nghĩa trang khu vườn Cam, phường Mễ Trì	DSH	1,20		1,20	Quận Nam Từ Liêm	2024
28	Xây dựng Nhà văn hóa Thiếu nhi Quận Nam Từ Liêm	DSH	2,60		2,60	Quận Nam Từ Liêm	2024
29	Xây dựng nhà văn hóa số 1 phường Xuân Phương	DSH	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2024
30	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 1 phường Trung Văn	DSH	0,01		0,01	Quận Nam Từ Liêm	2024
31	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 11,12, 13,14 phường Mỹ Đình 2	DSH				Quận Nam Từ Liêm	2024
32	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 3 Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	DSH	0,08		0,08	Quận Nam Từ Liêm	2024
33	Xây dựng điểm vui chơi TDP số 3 trước cửa đình Thị Cẩm, P. Xuân Phương	DSH	0,50		0,50	Quận Nam Từ Liêm	2022
34	Xây dựng NVH TDP số 5,6 phường Phú Đô	DSH	0,20		0,20	Quận Nam Từ Liêm	2025
35	Xây dựng NVH TDP số 3 phường Xuân Phương	DSH	0,20		0,20	Quận Nam Từ Liêm	2025
36	Xây dựng NVH TDP Miêu Nha 4, Phường Tây Mỗ	DSH	0,20		0,20	Quận Nam Từ Liêm	2025
37	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 1,5,6,7,8,9 phường Cầu Diễn	DSH	0,19		-	Quận Nam Từ Liêm	2021
38	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 7,9,10,11, phường Trung Văn.	DSH	0,12		-	Quận Nam Từ Liêm	2021
39	Xây dựng NVH TDP số 3 phường Phương Canh	DSH	0,20		0,20	Quận Nam Từ Liêm	2025
40	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng nhà sinh hoạt khu dân cư số 10, địa chỉ ngõ 282 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê	DSH	0,01		0,01	Quận Tây Hồ	2021
41	Xây dựng nhà văn hóa phường Tứ Liên	DSH	1,50		1,50	Quận Tây Hồ	2022
42	Xây dựng nhà sinh hoạt khu dân cư số 7, 8 phường Thụy Khuê	DSH	0,01		0,01	Quận Tây Hồ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
43	Xây dựng, cải tạo sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng và một số sân chơi trên địa bàn các phường thuộc quận Tây Hồ	DSH	0,91		0,91	Quận Tây Hồ	2022
44	Trung tâm văn hóa và thể thao xã Đường Lâm	DSH	2,01	2,01	-	Thị xã Sơn Tây	2025
45	Trung tâm văn hóa và thể thao xã Xuân Sơn	DSH	2,43	2,43	-	Thị xã Sơn Tây	2025
46	Nhà hội họp khu dân cư số 5+7 phường Tương Mai	DSH	0,02		0,02	Quận Hoàng Mai	2021
47	Nhà hội họp khu dân cư số 5 phường Trần Phú	DSH	0,07		0,07	Quận Hoàng Mai	2022
48	Dự án xây dựng nhà hội họp khu dân cư số 5 phường Hoàng Văn Thụ	DSH	0,01		0,01	Quận Hoàng Mai	2022
49	Cải tạo sân chơi và xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư tập thể Đại học Ngoại Thương phường Láng Thượng	DSH	0,08	0,08		Quận Đống Đa	2021-2025
50	Quỹ đất xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,36		0,36	Quận Đống Đa	2021-2025
53	Xây dựng nhà văn hóa tổ 2 phường Dịch Vọng Hậu (tổ 1 mới)	DSH	0,02		0,02	Quận Cầu Giấy	2023-2025
54	Nhà họp, sân chơi tổ dân phố số 8 phường Quan Hoa	DSH	0,05		0,05	Quận Cầu Giấy	2023-2025
55	Nhà họp, sân chơi tổ dân phố số 18A Mai Dịch	DSH	0,01		0,01	Quận Cầu Giấy	2023-2025
B.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
1	Khu vui chơi, công viên cây xanh thôn đài hoa	DKV	2,80		2,80	Huyện Ba Vì	2021
2	Khu vui chơi các thôn	DKV	0,08		0,08	Huyện Ba Vì	2021
3	Khu vui chơi các thôn	DKV	0,16		0,16	Huyện Ba Vì	2021
4	Khuôn viên cây xanh tại khu trung tâm xã	DKV	2,30		2,30	Huyện Ba Vì	2021
5	Khuôn viên cây xanh tại khu trung tâm xã	DKV	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2021
6	Khuôn viên cây xanh tại khu trung tâm xã	DKV	0,40		0,40	Huyện Ba Vì	2021
7	Khuôn viên cây xanh tại khu trung tâm xã	DKV	0,60		0,60	Huyện Ba Vì	2021
8	Dự án Vườn hoa cây xanh trước cửa Trường Tiểu học Liên Trung	DKV	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2022
9	Dự án Vườn hoa, sân chơi cụm 5 xã Tân Hội	DKV	0,07		0,07	Huyện Đan Phượng	2022
10	Dự án Vườn hoa, sân chơi cụm 3, 4 xã Tân Hội	DKV	0,44		0,44	Huyện Đan Phượng	2022
11	Dự án Vườn hoa, sân chơi cụm 7, 8 xã Tân Hội	DKV	0,50		0,50	Huyện Đan Phượng	2022
12	Dự án Vườn hoa, sân chơi cụm 1, 2 xã Tân Hội	DKV	0,50		0,50	Huyện Đan Phượng	2022
13	Vườn hoa ngõ 62 phố Thụy Ứng, thị trấn Phùng	DKV	0,02		0,02	Huyện Đan Phượng	2022
14	Khu vui chơi thể thao kết hợp vườn hoa cây xanh Miền Đông xã Thượng Mỗ	DKV	0,37		0,37	Huyện Đan Phượng	2022
15	Vườn hoa trung tâm khu Cửa Liều, xã Hạ Mỗ	DKV	1,00		1,00	Huyện Đan Phượng	2022
16	Vườn hoa Sân chơi Hùng Đông, xã Đan Phượng	DKV	0,48		0,48	Huyện Đan Phượng	2022
17	Vườn hoa đấu giá khu Cây Sung Trong xã Song Phượng	DKV	0,36		0,36	Huyện Đan Phượng	2022
18	Sân chơi, vườn hoa thôn La Thạch	DKV	0,45		0,45	Huyện Đan Phượng	2022
19	Sân chơi, vườn hoa thôn La Thạch	DKV	3,30		3,30	Huyện Đan Phượng	2023-2024
20	Sân chơi, vườn hoa thôn Dịch Trong	DKV	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2023-2024

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
21	Vườn hoa cụm 1 xã Thọ Xuân	DKV	0,04		0,04	Huyện Đan Phượng	2023-2024
22	Vườn hoa cụm 2 xã Thọ Xuân	DKV	0,02		0,02	Huyện Đan Phượng	2023-2024
23	Vườn hoa cụm 3 xã Thọ Xuân	DKV	0,05		0,05	Huyện Đan Phượng	2023-2024
24	Vườn hoa kết hợp khu vui chơi thể thao thôn Chiến Thắng xã Thọ Xuân	DKV	0,56		0,56	Huyện Đan Phượng	2023-2024
25	Sân chơi, vườn hoa công cộng xã Hồng Hà	DKV				Huyện Đan Phượng	2023-2024
26	Sân chơi, vườn hoa khu Chăm Trong xã Hồng Hà	DKV	0,35		0,35	Huyện Đan Phượng	2023-2024
27	Sân chơi, vườn hoa thôn Bồng Lai xã Hồng Hà	DKV	0,25		0,25	Huyện Đan Phượng	2023-2024
28	Sân chơi, vườn hoa khu Chăm Ngoài xã Hồng Hà	DKV	0,53		0,53	Huyện Đan Phượng	2023-2024
29	Sân chơi, vườn hoa khu trạm bơm Tiên Tân xã Hồng Hà	DKV	0,39		0,39	Huyện Đan Phượng	2023-2024
30	Vườn hoa ven kênh Đan Hoài xã Liên Hà	DKV				Huyện Đan Phượng	2023-2024
31	Sân chơi, vườn hoa thôn Thượng Thôn xã Liên Hà	DKV	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2023-2024
32	Vườn hoa ven kênh Đan Hoài xã Liên Trung	DKV				Huyện Đan Phượng	2023-2024
33	Công viên cây xanh, sân chơi xã Liên Trung	DKV	0,35			Huyện Đan Phượng	2023-2024
34	Trung tâm sinh hoạt văn hóa, công viên phía nam xã Liên Trung	DKV	3,00		3,00	Huyện Đan Phượng	2023-2024
35	Sân chơi, vườn hoa thôn Đan Hội xã Tân Lập	DKV	0,01		0,01	Huyện Đan Phượng	2024-2025
36	Vườn hoa, sân chơi, ao môi trường xã Tân Lập	DKV	0,69		0,69	Huyện Đan Phượng	2024-2025
37	Sân chơi, vườn hoa khu tái định cư đường Hoàng Quốc Việt kéo dài xã Tân Lập	DKV	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
38	Khu vui chơi, cây xanh cụm 6 (đạn đường cầu kênh) xã Tân Lập	DKV	0,08		0,08	Huyện Đan Phượng	2024-2025
39	Hoàn thiện hạ tầng vườn hoa, sân chơi 2-3 xã Tân Lập	DKV	0,03		0,03	Huyện Đan Phượng	2024-2025
40	Sân chơi, vườn hoa cụm 1 xã Tân Lập	DKV	0,08		0,08	Huyện Đan Phượng	2024-2025
41	Sân chơi, vườn hoa cụm 13 xã Tân Lập	DKV	0,12		0,12	Huyện Đan Phượng	2024-2025
42	Vườn hoa, sân chơi cụm 4,5,6 xã Tân Lập	DKV	0,24		0,24	Huyện Đan Phượng	2024-2025
43	Vườn hoa, sân chơi cụm 5 xã Hạ Mỗ	DKV	0,33		0,33	Huyện Đan Phượng	2024-2025
44	Khu vui chơi, cây xanh cụm 1, 2 xã Hạ Mỗ	DKV	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2024-2025
45	Trồng cây xanh, vườn hoa, bãi đỗ xe, tiêu công viên phía Đông làng Mai Châu, xã Đại Mạch	DKV	1,90		1,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
46	Xây dựng các khu cây xanh, điểm đỗ xe: phía đông giáp quốc lộ 3 thôn Thạc Quả; phía Đông thôn Đồng Dầu; phía Bắc thôn Ngọc Lôi	DKV	0,48		0,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
47	Xây dựng khu cây xanh sinh thái, vui chơi giải trí tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh	DKV	175,00		175,00	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
48	Khu công viên cây xanh, bãi đỗ xe Cảnh trường TH và Mầm non thôn Cổ Điện; khuôn viên trước nhà Văn hóa thôn Cổ Điện, xã Hải Bối	DKV	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
49	Trồng cây xanh và kè ao khu Đồng Vườn thôn Yên Hà, xã Hải Bối	DKV	1,10		1,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
50	Khu đất cây xanh TDTT thuộc khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Bắc Thăng Long tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh	DKV	2,50		2,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
51	Xây dựng hạ tầng cải tạo, kè ao Cỏ kết hợp trồng cây xanh số 2 và tiểu công viên thôn Đại Vĩ, xã Liên Hà	DKV	2,54	1,90	0,64	Huyện Đông Anh	2021-2025
52	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cải tạo kè ao Trại kết hợp trồng cây xanh thôn Giao Tác, xã Liên Hà	DKV	1,14	0,86	0,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
53	Đầu tư xây dựng Hạ tầng cây xanh kết hợp tiểu công viên các thôn: số 1 Hà Lỗ, số 1 Hà Hương; số 1 Thù Lỗ; số 2 Châu Phong; số 3 thôn Lỗ Khê; số 2, 3 thôn Giao Tác; phía trước trường mầm non Hoa Mai thôn Giao Tác, xã Liên Hà	DKV	13,35		13,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
54	Xây dựng cây xanh sinh thái và hành lang tuyến điện ký hiệu III-C CL1	DKV	1,38		1,38	Huyện Đông Anh	2021
55	Xây dựng cây xanh sinh thái và hành lang tuyến điện ký hiệu VI-G CL2	DKV	1,29		1,29	Huyện Đông Anh	2021
56	Xây dựng công viên cây xanh thôn Đông xã Tàm Xá	DKV	0,18		0,18	Huyện Đông Anh	2021-2025
57	Đầu tư xây dựng khu Cây xanh các: khu giãn dân thôn Mạnh Tân; gần nhà văn hóa thôn Mạnh Tân; Biểu Khê; (Phía Tây) thôn Đào Thục; thôn Cổ Miếu; Hà Lâm 1, xã Thụy Lâm	DKV	3,29		3,29	Huyện Đông Anh	2021-2025
58	Xây dựng bãi đỗ xe tỉnh và công viên mini tại xứ Đồng Cao thôn Cổ Dương	DKV	0,02		0,02	Huyện Đông Anh	2021-2025
59	Xây dựng khu cây xanh, TDTT kết hợp công cộng đô thị	DKV	84,74		84,74	Huyện Đông Anh	2021-2025
60	Xây dựng khu công viên cây xanh, hồ điều hòa giáp phía Đông Bắc thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	DKV	27,00		27,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
61	Xây dựng công viên cây xanh phía đông nhà văn hoá thôn Lê Pháp	DKV	0,32		0,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
62	Xây dựng tiểu công viên và điểm vui chơi sinh hoạt cộng đồng tại thôn Đài Bi, xã Uy Nỗ	DKV	0,91		0,91	Huyện Đông Anh	2021
63	Xây dựng khu vui chơi, dải cây xanh khu Công Cổ, thôn Cổ Châu	DKV	0,05		0,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
64	Xây dựng điểm vui chơi công cộng kết hợp cây xanh sau làng thôn Thiết Ứng, xã Vân Hà	DKV	0,17		0,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
65	Xây dựng khu vui chơi công cộng thôn Vân Diêm, xã Vân Hà	DKV	0,39		0,39	Huyện Đông Anh	2021-2025
66	Xây dựng HTKT khu cây xanh phía Bắc xóm Đầm, xã Vân Nội, huyện Đông Anh	DKV	17,00		17,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
67	Trồng cây xanh Bãi Miếu, thôn Đông	DKV	0,70		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
68	Trồng cây xanh các khu: Cổng Hàu (ma lẻ), thôn Trung; Cổng Hậu, thôn Gia Lộc; Cổng Thượng, thôn Đoài	DKV	1,68		1,68	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
69	Xây dựng tiểu công viên thôn Lỗ Giao	DKV	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
70	Xây dựng tiểu công viên thôn Lương Quán	DKV	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
71	Trồng cây xanh kết hợp xây dựng khu vui chơi cụm 2 tại khu vực Giàng Đông, thôn Phương Trạch; cụm 1 tại khu vực Bờ Giếng, thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc	DKV	0,85		0,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
72	Trồng cây xanh, tiểu công viên phía Tây Nhà Văn Hóa thôn Vồng La; trước cửa nhà văn hóa thôn Vồng La, xã Vồng La, huyện Đông Anh	DKV	0,90		0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
73	Xây dựng khu cây xanh, TDTT, hồ điều hòa tại xã Uy Nỗ, Việt Hùng, Xuân Nộn, huyện Đông Anh	DKV	106,20		106,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
74	Xây dựng khu cây xanh, dịch vụ sinh thái, vui chơi giải trí Cầu Đồi, Thị trấn Đông Anh	DKV	15,88		15,88	Huyện Đông Anh	2021-2025
75	Xây dựng khu cây xanh sinh thái, vui chơi giải trí (công viên cảm giác mạnh) tại xã Việt Hùng, Liên Hà, Dục Tú, huyện Đông Anh	DKV	241,90		241,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
76	Xây dựng khu cây xanh, TDTT, hồ điều hòa tại xã Nguyễn Khê, Xuân Nộn, huyện Đông Anh	DKV	23,80		23,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
77	Xây dựng khu cây xanh, TDTT, hồ điều hòa tại xã Uy Nỗ, Việt Hùng, huyện Đông Anh	DKV	29,67		29,67	Huyện Đông Anh	2021-2025
78	Xây dựng công viên làng nghề truyền thống	DKV	4,44		4,44	Huyện Đông Anh	2021-2025
79	Dự án GPMB Công viên văn hóa Kim Quy	DKV	101,09		101,09	Huyện Đông Anh	2021
80	Xây dựng vườn hoa, sân chơi tại ô đất C10-2, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm	DKV	0,99			Huyện Gia Lâm	2022
81	Nạo vét, chỉnh trang khu vực ao đình làng Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	DKV	1,35			Huyện Gia Lâm	2022
82	Dự án công viên chuyên đề - Công viên du lịch văn hóa làng nghề tại xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	DKV	40,00			Huyện Gia Lâm	2022
83	Dự án đầu tư xây dựng khu công viên vui chơi giải trí chuyên đề, thuộc Quy hoạch phân khu N11	DKV	93,40			Huyện Gia Lâm	2022
84	Xây dựng vườn hoa, sân chơi thuộc ô quy hoạch 6-1 phân khu đô thị N9, xã Đình Xuyên, xã Dương Hà	DKV	3,78		3,78	Huyện Gia Lâm	2024-2025
85	Xây dựng khu công viên cây xanh Đầm Sen, xã Đình Xuyên	DKV	15,00		15,00	Huyện Gia Lâm	2024-2025
86	Xây dựng vườn hoa sân chơi, bãi đỗ xe tại thôn Kiều Kỵ, xã Kiều Kỵ	DKV	3,90		3,90	Huyện Gia Lâm	2024-2025
87	Xây dựng vườn hoa, cây xanh tổ dân phố Kiên Thành, TT Trâu Quỳ	DKV	1,80		1,80	Huyện Gia Lâm	2023-2024
88	Xây dựng hạ tầng khu công viên, vườn hoa, hồ nước phía trước Trụ sở Huyện ủy, HĐND-UBND huyện Gia Lâm (khu 31ha)	DKV	14,00		14,00	Huyện Gia Lâm	2024-2025
89	Xây dựng công viên, vườn hoa cây xanh tại khu vực đầm Nông, xã Đông Dư, đầm Cầu Vua, xã Đa Tốn	DKV	5,10		5,10	Huyện Gia Lâm	2024-2025
90	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khu Công viên đầm Dộc xã Đa Tốn	DKV	6,31		6,31	Huyện Gia Lâm	2024-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
91	GPMB, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật vườn hoa, hồ nước và khu đất đầu giá tại thôn Phù Đồng 3 và thôn Đồng Viên, xã Phù Đồng	DKV	2,82		2,82	Huyện Gia Lâm	2024-2025
92	Tạo mặt bằng, xây dựng HTKT khu công viên cây xanh tại khu đất C21	DKV	9,60		9,60	Huyện Gia Lâm	2024-2025
93	Tạo mặt bằng, xây dựng HTKT các khu đất dọc đường quy hoạch 22m	DKV	33,90		33,90	Huyện Gia Lâm	2024-2025
94	Xây dựng HTKT, tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng công trình công cộng phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất DT6, xã Đa Tốn	DKV	3,24		3,24	Huyện Gia Lâm	2023-2024
95	Xây dựng vườn hoa, sân chơi, cải tạo ao hồ tại vị trí N-KS3, N-KS8 thuộc địa bàn xã Kim Sơn	DKV	0,90		0,90	Huyện Gia Lâm	2023-2024
96	Xây dựng vườn hoa, sân chơi tại khu đất chợ Gióng và chợ Cửa Chùa, xã Phù Đồng	DKV	0,21		0,21	Huyện Gia Lâm	2023-2024
97	Nạo vét, chỉnh trang khu vực ao tổ dân phố Yên Hà giáp đường quy hoạch 28m Phan Đăng Lưu - Yên Thường	DKV	1,10			Huyện Gia Lâm	2023-2024
98	Nạo vét, chỉnh trang khu vực ao đình làng Vân, xã Yên Viên	DKV	1,35			Huyện Gia Lâm	2023-2024
99	Lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 khu vực ao Gò Vàng, xã Lệ Chi	DKV	3,97		3,97	Huyện Gia Lâm	2023-2024
100	Lập QH chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực hồ Thái Ninh, xã Kim Lan	DKV	9,50			Huyện Gia Lâm	2023-2024
101	San nền sơ bộ, tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng công trình công cộng phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất DT5, xã Đa Tốn	DKV	1,47		1,47	Huyện Gia Lâm	2024-2025
102	Khu vườn hoa, sân chơi cổng Đình thôn Lai Xá	DKV	0,47			Huyện Hoài Đức	2022
103	Khu cây xanh thể dục thể thao xã Đức Giang	DKV	2,00			Huyện Hoài Đức	2022
104	Khu sân chơi vườn hoa thôn Ngự Câu, thôn An Hạ xã An Thượng	DKV	0,26			Huyện Hoài Đức	2022
105	Công trình Cây xanh TDTT xã Tiền Yên	DKV	0,47			Huyện Hoài Đức	2022
106	Khu cây xanh thể dục thể thao xã La Phù	DKV	2,20			Huyện Hoài Đức	2022
107	Khu cây xanh thể dục thể thao xã Sơn Đồng	DKV	3,20			Huyện Hoài Đức	2022
108	Xây dựng vườn hoa, cây xanh và chỉnh trang khuôn viên Đền Rê Sen xã Đức Thượng	DKV	3,40			Huyện Hoài Đức	2022
109	Quảng trường UBND huyện mới	DKV	10,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
110	Xây mới Khu vui chơi CDC số 1A	DKV	0,18			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
111	Xây mới Khu vui chơi CDC số 3 - CDC số 8	DKV	0,08			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
112	Xây mới Khu vui chơi CDC số 5	DKV	0,16			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
113	Khu vui chơi - Khu ao cá Bác Hồ	DKV	1,40			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
114	Quy hoạch khu cây xanh	DKV	0,58			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
115	Khu vui chơi giải trí, giới thiệu sản phẩm làng nghề	DKV	0,80			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
116	Quy hoạch công viên tại chợ hiện tại làm du lịch sông Đáy	DKV	0,19			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
117	Công viên trung tâm	DKV	1,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
118	Khu vui chơi thôn Kim Bôi	DKV	0,14			Huyện Mỹ Đức	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
119	Vườn hoa đường công làng thôn Kim Bôi	DKV	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
120	QH điểm vui chơi giải trí , cây xanh tại tiểu học khu A	DKV	0,13		0,13	Huyện Phú Xuyên	2025
121	Khu công viên cây xanh xã Phượng Cách	DKV	3,76		3,76	Huyện Quốc Oai	2021-2025
122	Khu công viên cây xanh xã Sài Sơn	DKV	1,55		1,55	Huyện Quốc Oai	2021-2025
123	Cải tạo khu vui chơi TDP Ngõ Sào	DKV	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
124	Khu công viên cây xanh trên địa bàn các các	DKV	55,92		55,92	Huyện Thanh Oai	2021-2022
125	Vườn hoa Cao Bá Quát; Cây xanh vườn hoa phố Vôi; Vườn hoa, công viên Tiểu khu Phố Ga, Tiểu khu Nguyễn Du; Vườn hoa Trần Phú; Liên Hoa; Ngọc Lâm; Ngọc Liễu; Ngọc Trúc; Ngọc Xuân; Ngọc Hồng; Thụy Hiền; Quỳnh Hoa; Ngọc Nữ; Quế Hoa; Ngọc Phú, Vân Tiên,...	DKV	3,77		3,77	Huyện Thường Tín	2022-2025
126	Sân chơi ngoài trời tổ dân phố phố Ga	DKV	0,74	0,37	0,37	Huyện Thường Tín	2022-2025
127	Vườn hoa Quý Nương	DKV	1,40	1,40	-	Huyện Thường Tín	2022-2025
128	Dự án xây dựng công trình: Cây xanh, vườn hoa Phố Vôi	DKV	0,34		0,34	Huyện Thường Tín	2021
129	Vườn hoa, công viên Tiểu khu Phố Ga, Tiểu khu Nguyễn Du	DKV	0,71		0,71	Huyện Thường Tín	2021
130	Vườn hoa Cao Bá Quát	DKV	1,40		1,40	Huyện Thường Tín	2021
131	Xây dựng Vườn hoa Vân Tiên tại ô đất CX.01 tại khu K2 thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DKV	0,50	0,50	0,50	Huyện Thường Tín	2021
132	Vườn hoa Nguyễn Du (giai đoạn 2), thị trấn Thường Tín	DKV	1,08		1,08	Huyện Thường Tín	2022
133	Chỉnh trang vườn hoa Nguyễn Du, thị trấn Thường Tín	DKV	1,10		1,10	Huyện Thường Tín	2022
134	Vườn hoa Trần Phú, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DKV	1,08		0,18	Huyện Thường Tín	2022
135	Khu vui chơi giải trí và cây xanh thể dục thể thao xã Tô Hiệu	DKV	2,70		2,70	Huyện Thường Tín	2022
136	Xây dựng vườn hoa Quý Nương	DKV	1,40		1,40	Huyện Thường Tín	2021
137	Công viên, cây xanh và hồ cảnh quan	DKV	10,00		10,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
138	Dự án GPMB. lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao phục vụ nhân dân trong khu vực tại điểm đất ngõ 515 phố Hoàng Hoa Thám	DKV	0,05		0,05	Quận Ba Đình	2021-2025
139	Bãi đỗ xe ngầm kết hợp thương mại dịch vụ Công viên Thủ Lệ	DKV	1,65			Quận Ba Đình	2021-2025
140	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật sân, vườn, cây xanh	DKV	0,20		0,20	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
141	Hạ tầng kỹ thuật sân chơi TDTT địa bàn KDC số 2,3	DKV	0,04		0,04	Quận Hai Bà Trưng	2021
142	Vườn hoa, cây xanh	DKV	0,07		0,07	Quận Hai Bà Trưng	2022
143	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần thương mại Xi Măng	DKV	0,75		0,75	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
144	Dự án tại điểm đất Công ty cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	DKV	0,15		0,15	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
145	Dự án tại khu đất công ty Vải sợi Miền Bắc	DKV	0,41		0,41	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
146	Dự án tại khu đất Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	DKV	0,08		0,08	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
147	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần dệt 10/10	DKV	0,55		0,55	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
148	Xây dựng vườn hoa tại ô quy hoạch A.4/CX1 phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DKV	1,43			Quận Long Biên	2022
149	Xây dựng vườn hoa tại ô quy hoạch E.3/CX1 phường Bồ Đề	DKV	0,46			Quận Long Biên	2022
150	Xây dựng vườn hoa tại ô Quy hoạch A4/CX2 phường Ngọc Thụy	DKV	1,50			Quận Long Biên	2022
151	Đầu tư khu vui chơi giải trí chuyên đề thuộc quy hoạch phân khu N11	DKV	49,04			Quận Long Biên	2022
152	Đầu tư cải tạo nâng cấp công viên CV-02 Khu đô thị mới Việt Hưng, quận Long Biên (Đầu giá)	DKV	15,75			Quận Long Biên	2022
153	Xây dựng điểm vui chơi TDP số 3 trước cửa đình Thị Cẩm, P. Xuân Phương	DKV	0,50		0,50	Quận Nam Từ Liêm	2022
154	Xây dựng công viên sinh thái tại tổ 29, cụm Quảng Bá, phường Quảng An	DKV	1,30		1,30	Quận Tây Hồ	2022
155	Dự án Công viên Yên Sở (khu A)	DKV	0,06			Quận Hoàng Mai	2022
156	Công viên CV1 khu đô thị Cầu Giấy (phần diện tích 1.364,1 m2 giao GPMB bổ sung)	DKV	0,04		0,04	Quận Cầu Giấy	2021
157	Sân chơi tổ 8	DKV	0,02		0,02	Quận Cầu Giấy	2021
158	XD khu công viên hồ điều hoà thuộc khu đô thị Tây nam HN (phường Trung Hoà - Yên Hoà) - giai đoạn 2	DKV	0,97		0,97	Quận Cầu Giấy	2023-2025
159	Công viên Chu Văn An, huyện Thanh Trì (dự án 2 - công trình kiến trúc)	DKV	50,93		50,93	Huyện Thanh Trì	2023-2025
160	Công Viên CV1, quận Cầu Giấy và Nam Từ Liêm	DKV	27,80		27,80	Quận Cầu Giấy, Nam Từ Liêm	2023-2025
161	Công viên KhuĐT Tây Nam Hà Nội, quận Cầu Giấy	DKV	10,00		10,00	Quận Cầu Giấy	2023-2025
162	Công viên văn hóa Kim Quy, huyện Đông Anh	DKV	99,00		99,00	Huyện Đông Anh	2023-2025
163	Công viên hồ Phùng Khoang, quận Nam Từ Liêm	DKV	11,80		11,80	Quận Nam Từ Liêm	2023-2025
164	Công viên Văn hóa - Vui chơi giải trí, Thể thao quận Hà Đông	DKV	96,70		96,70	Quận Hà Đông	2023-2025
B.23	Đất ở tại nông thôn	ONT					
1	Khu Trạm điện, thôn Nhuận Trạch, xã Vạn Thắng	ONT	0,16		0,16	Huyện Ba Vì	2021
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất tại Điểm xen kẹt số 3 – Giáp đề Sông Hồng, thôn Phương Châu, xã Phú Phương	ONT	0,30		0,30	Huyện Ba Vì	2022
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất tại điểm xen kẹt số 5 – khu dân cư thôn Phương Châu, xã Phú Phương, huyện Ba Vì	ONT	0,10		0,10	Huyện Ba Vì	2022
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất tại điểm xen kẹt số 8, thôn Phương Châu, xã Phú Phương, huyện Ba Vì	ONT	0,10		0,10	Huyện Ba Vì	2022
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất tại điểm xen kẹt số 9, thôn Phương Châu, xã Phú Phương	ONT	0,10		0,10	Huyện Ba Vì	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm xen kẹt số 10, thôn Phương Châu, xã Phú Phương, huyện Ba Vì	ONT	0,10		0,10	Huyện Ba Vì	2022
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm xen kẹt số 14 thôn Phương Châu, xã Phú Phương, huyện Ba Vì	ONT	0,12		0,12	Huyện Ba Vì	2022
8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm xen kẹt số 15, thôn Phương Châu, xã Phú Phương, huyện Ba Vì	ONT	0,36		0,36	Huyện Ba Vì	2022
9	Khu Tái định cư mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ (điểm X5,X6 xã Phú Sơn)	ONT	27,00		27,00	Huyện Ba Vì	2021
10	Khu gia đình quân nhân trường TCHL cho nghiệp vụ thuộc xã Cẩm Lĩnh	ONT	1,65		1,65	Huyện Ba Vì	2021
11	Khu tái định cư (dự án mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ)	ONT	5,50		5,50	Huyện Ba Vì	2021
12	Khu giáp đường TL 415, thôn Lặt, Minh Quang	ONT	0,43		0,43	Huyện Ba Vì	2021
13	Chuyển mục đích sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	150,00		150,00	Huyện Ba Vì	2022
14	Đấu giá đất công ích	ONT	200,00		200,00	Huyện Ba Vì	2022
15	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	160,00		160,00	Huyện Chương Mỹ	2022
16	Đất dịch vụ giao cho các hộ có đất bị thu hồi Khu Công nghiệp Phú Nghĩa	ONT	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
17	Đấu giá đất xen kẹt trong khu dân cư tại các xứ đồng Bãi Sông, khu Góc Đề, Trường Cũ, Công thôn Trại Cốc, Giáp Cầu Đàm Mơ, giáp Mường Tươi Trần Phú, Sông Mới	ONT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2022
18	Đấu giá Khu ao thôn Hạ, xã Hồng Phong	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
19	Đấu giá Khu Bờ La Dưới, thôn Hạ, xã Hồng Phong	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
20	Đấu giá khu Đồng Triền	ONT	1,23		1,23	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
21	Đấu giá Khu đồng Vực, thôn Mới, xã Hồng Phong	ONT	0,84		0,84	Huyện Chương Mỹ	2022
22	Đấu giá Khu Góc Đề, thôn Trung	ONT	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
23	Đấu giá khu Khuy Trai Phụ Chính	ONT	0,64		0,64	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
24	Đấu giá Khu Lạch Đồng Giếng thôn Quyết Tiến	ONT	0,98		0,98	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
25	Đấu giá Khu Nhà Trẻ cũ xã Đông Sơn	ONT	0,54		0,54	Huyện Chương Mỹ	2022
26	Đấu giá khu nhà trẻ xã Văn Võ	ONT	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2022
27	Đấu giá khu Ủy ban cũ, trạm Ca Miếu Môn cũ	ONT	0,22		0,22	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
28	Đấu giá nhà hội đồng, xã Văn Võ	ONT	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
29	Đấu giá QSD đất	ONT	3,00		3,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
30	Đấu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư nông thôn Cao Sơn, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ	ONT	19,83		19,83	Huyện Chương Mỹ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
31	Đầu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư nông thôn Đầm Tiều, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ	ONT	2,30		2,30	Huyện Chương Mỹ	2022
32	Đầu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư nông thôn Đồng Trà, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ	ONT	4,95		4,95	Huyện Chương Mỹ	2022
33	Đầu giá QSD đất khu Cửa Đình thôn Đại Từ, xã Lam Điền	ONT	0,29		0,29	Huyện Chương Mỹ	2022
34	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
35	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
36	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
37	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
38	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
39	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
40	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
41	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
42	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
43	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
44	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
45	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
46	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
47	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
48	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
49	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
50	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
51	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
52	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
53	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
54	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
55	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
56	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
57	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
58	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
59	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
60	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
61	Đầu giá QSD đất khu Đầm, thôn Đồng Luân, xã Thượng Vực	ONT	0,36		0,36	Huyện Chương Mỹ	2022
62	Đầu giá QSD đất khu Đầm, thôn Đồng Luân, xã Thượng Vực	ONT	0,36		0,36	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
63	Đầu giá QSD đất khu dọc vườn tái định cư, xã Văn Võ	ONT	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
64	Đầu giá QSD đất khu sau Ranh Trung Vực Ngoài, xã Thượng Vực	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
65	Đầu giá QSD đất khu Trại Ôi, chùa Cát	ONT	0,29		0,29	Huyện Chương Mỹ	2022
66	Đầu giá QSD đất khu Trũng Hồ	ONT	0,48		0,48	Huyện Chương Mỹ	2022
67	Đầu giá QSDĐ khu Bới mét thôn Đông Cựu	ONT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
68	Đầu giá QSDĐ khu Cung bắc thôn Long Châu Sơn và khu nhà trẻ	ONT	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2022
69	Đầu giá QSDĐ khu Đồng Chương thôn Tiến Văn	ONT	0,45		0,45	Huyện Chương Mỹ	2022
70	Đầu giá QSDĐ khu Đồng Côi Phụ Chính	ONT	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022
71	Đầu giá QSDĐ khu Đồng Kênh	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
72	Đầu giá QSDĐ khu đồng Moi thôn Trung Cao	ONT	0,47		0,47	Huyện Chương Mỹ	2022
73	Đầu giá QSDĐ khu Nội Đàng thôn An Thượng	ONT	0,47		0,47	Huyện Chương Mỹ	2022
74	Đầu giá QSDĐ khu Rộc Đình thôn Đạo Ngạn	ONT	0,49		0,49	Huyện Chương Mỹ	2022
75	Đầu giá QSDĐ khu sân kho ngoài	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
76	Đầu giá QSDĐ khu sau trạm y tế Nhân Lý	ONT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
77	Đầu giá QSDĐ khu Trại tân bới mét thôn Yên Kiện	ONT	1,80		1,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
78	Khu đô thị trung tâm thương mại Gốt - Đông Sơn	ONT	14,20		14,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
79	Dự án nhà liền kề và chung cư Hồ Vực Ninh, Ninh Sơn, Chúc Sơn	ONT	3,60		3,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
80	Đầu giá QSDĐ khu trường mầm non thôn núi Sáo	ONT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
81	Đầu giá QSDĐ khu Vừng Gióng	ONT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
82	Đầu giá quyền sử dụng đất	ONT	4,00		4,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
83	Đầu giá quyền sử dụng đất	ONT	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
84	Đầu giá quyền sử dụng đất khu Đầm Tiều, thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa	ONT	6,53		6,53	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
85	Đầu giá quyền sử dụng đất khu dân mới (đất ở khoảng 3ha)	ONT	5,20		5,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
86	Đầu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Chiền	ONT	1,30		1,30	Huyện Chương Mỹ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
87	Đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu tái định cư sân golf hồ Văn Sơn, xã Hoàng Văn Thụ	ONT	1,60		1,60	Huyện Chương Mỹ	2022
88	Dự án đất tái định cư khu Đồng Tàu, xã Đông Phương Yên	ONT	4,92		4,92	Huyện Chương Mỹ	2022
89	Dự án đất tái định cư xã Đông Sơn, Thanh Bình	ONT	3,08		3,08	Huyện Chương Mỹ	2022
90	Dự án Tái định cư cầu Hòa Viên	ONT	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2022
91	Dự án xây dựng khu Tái định cư tại Khu Đồng Giải, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương	ONT	5,45		5,45	Huyện Chương Mỹ	2022
92	Khu đầu giá QSD đất khu cạnh trạm biển thể thôn Phú Bến 1 thuộc dự án xây dựng cơ sở hạ tầng 15 điểm đầu giá	ONT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
93	Khu đầu giá QSD đất ở dọc vườn cao thôn Văn La và khu Ao Vòng Trên, xã Văn Võ	ONT	0,29		0,29	Huyện Chương Mỹ	2022
94	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Bãi Hói, thôn Trung Tiến, xã Trần Phú	ONT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2022
95	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu chợ cóc thôn Tiến An và khu nhà văn hóa cũ xóm 4, xã Thủy Xuân Tiên	ONT	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
96	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Đất xen kẹt Đồi 3 và khu Nhà trẻ mẫu giáo cũ Đồi 2, xã Đông Phương Yên	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
97	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu dọc vườn cao thôn Văn La và khu ao vòng Trên, xã Văn Võ	ONT	0,29		0,29	Huyện Chương Mỹ	2022
98	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Dộc, thôn Đạo Ngạn, xã Hợp Đồng	ONT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2022
99	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu đồng Búi Trúc và khu Đồng Giải, xã Tiên Phương	ONT	0,73		0,73	Huyện Chương Mỹ	2022
100	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Đồng Đàm, thôn Đồng Luân (vị trí 2) và khu đồng Miếu (vị trí 1), xã Thượng Vực	ONT	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
101	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Đồng Ngô xóm Tiểu; Khu Đồng Ngô xóm Đường; Khu Lỗ Than 1; Khu nhà trẻ cũ; Khu trạm hạ thế cũ, xã Đại Yên	ONT	0,84		0,84	Huyện Chương Mỹ	2022
102	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Đồng Sắn, thôn Thanh Nê xã Thanh Bình	ONT	0,43		0,43	Huyện Chương Mỹ	2022
103	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Gò Găng thôn 2 xã Quảng Bị	ONT	0,22		0,22	Huyện Chương Mỹ	2022
104	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Mả Kem xã Hồng Phong	ONT	0,64		0,64	Huyện Chương Mỹ	2022
105	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Mả Kem xã Hồng Phong	ONT	0,64		0,64	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
106	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Rộc Lác xóm thượng; Khu Rộc Hạ xóm Gò Đậu, xã Phú Nghĩa	ONT	0,29		0,29	Huyện Chương Mỹ	2022
107	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu thung Rặng Ngái thôn 2 xã Quảng Bị	ONT	0,32		0,32	Huyện Chương Mỹ	2022
108	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Trại Mía thôn Đông Nam xã Nam Phương Tiến	ONT	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2022
109	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu trại ổi thôn Ứng Hòa, xã Lam Điền	ONT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
110	Xây dựng HTKT khu Đám mạ Cửa Trại, thôn Duyên Ứng, xã Lam Điền	ONT	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
111	Xây dựng HTKT Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu nhà tắm, thôn Đại Từ, xã Lam Điền	ONT	0,46		0,46	Huyện Chương Mỹ	2022
112	Xây dựng HTKT Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu trại Thượng thôn Phú Chính, xã Hòa Chính	ONT	0,17		0,17	Huyện Chương Mỹ	2022
113	Xây dựng HTKT Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất xen kẹt thôn Phú Chính (vị trí 1), xã Hòa Chính	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
114	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu Trê dê Từ La, khu xứ đồng Đăng Lạp, xứ đồng Cầu Si, xã Phú Nam An	ONT	0,68		0,68	Huyện Chương Mỹ	2022
115	Khu đấu giá QSD đất tại khu cạnh ao tưới, thôn Phú Cầu, xã Thụy Hương	ONT	0,07		0,07	Huyện Chương Mỹ	2022
116	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt đội 8, xã Quảng Bị	ONT	0,02		0,02	Huyện Chương Mỹ	2022
117	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt thôn Hòa Xá, xã Đồng Phú	ONT	0,01		0,01	Huyện Chương Mỹ	2022
118	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt thôn Thanh Nê, xã Thanh Bình	ONT	0,09		0,09	Huyện Chương Mỹ	2022
119	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt, thôn Chúc Đồng 2 (Vị trí 1.M3), xã Thụy Hương	ONT	0,06		0,06	Huyện Chương Mỹ	2022
120	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt, thôn Phú Bến (Vị trí 2.OT), xã Thụy Hương	ONT	0,02		0,02	Huyện Chương Mỹ	2022
121	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt, thôn Tân Mỹ (Vị trí 1.GC), xã Thụy Hương	ONT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
122	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt, thôn Trung Tiến (Vị trí 2.NT), xã Thụy Hương	ONT	0,05		0,05	Huyện Chương Mỹ	2022
123	Khu đấu giá QSD đất tại khu Đầu Vườn thôn Hạ Dục, xã Đồng Phú	ONT	0,02		0,02	Huyện Chương Mỹ	2022
124	Khu đấu giá QSD đất tại khu Sân kho Ngoài, xã Nam Phương Tiến	ONT	0,05		0,05	Huyện Chương Mỹ	2022
125	Khu đấu giá quyền sử dụng đất	ONT	1,51		1,51	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
126	Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất Ao Trai, thôn Dương Kê, xã Trần Phú	ONT	0,06		0,06	Huyện Chương Mỹ	2022
127	Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất xen kẹt thôn Ứng Hòa, xã Lam Điền	ONT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
128	Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất xen kẹt, thôn Cao Sơn, xã Tiên Phương	ONT	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2022
129	Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồi K6, thôn Xuân Thủy, xã Thủy Xuân Tiên	ONT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
130	Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Suối 1, Suối 2, Chuôm Re, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	ONT	4,27		4,27	Huyện Chương Mỹ	2022
131	Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Vĩ Sinh, thôn Xuân Trung, xã Thủy Xuân Tiên	ONT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
132	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Cỏ Ruối, thôn Tiến Ân, xã Thủy Xuân Tiên	ONT	1,36		1,36	Huyện Chương Mỹ	2022
133	Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu xen kẹt Vòng Dưới, thôn Cấp Tiến, xã Văn Võ	ONT	0,02		0,02	Huyện Chương Mỹ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
134	Tái định cư trường trung cấp cảnh sát	ONT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
135	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá Ao Vòng Dưới, xã Văn Võ	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
136	Xây dựng hạ tầng Kỹ thuật khu đấu giá Quyền sử dụng đất (đất nhỏ lẻ dưới 0.5 ha) của các xã	ONT	1,90		1,90	Huyện Chương Mỹ	2022
137	Xây dựng hạ tầng Kỹ thuật khu đấu giá Quyền sử dụng đất (đất nhỏ lẻ dưới 0.5 ha) của các xã	ONT	0,61		0,61	Huyện Chương Mỹ	2022
138	Xây dựng hạ tầng Kỹ thuật khu đấu giá Quyền sử dụng đất (đất nhỏ lẻ dưới 0.5 ha) của các xã	ONT	0,42		0,42	Huyện Chương Mỹ	2022
139	Xây dựng hạ tầng Kỹ thuật khu đấu giá Quyền sử dụng đất	ONT	4,00		4,00	Huyện Chương Mỹ	2022
140	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Rộc Thông, thôn Phú Nghĩa 2, xã Phú Nghĩa	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
141	Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Rộc Hương, thôn Nghĩa Hào, xã Phú Nghĩa	ONT	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
142	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở tại khu Đầm Tiều Trên, thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa	ONT	1,48		1,48	Huyện Chương Mỹ	2022
143	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Trà, thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa	ONT	4,95		4,95	Huyện Chương Mỹ	2022
144	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Trũng Kiêu, thôn Trại, xã Tốt Động	ONT	0,53		0,53	Huyện Chương Mỹ	2022
145	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Gàn, xóm Bến, xã Tốt Động	ONT	0,27		0,27	Huyện Chương Mỹ	2022
146	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Dọc Vườn, thôn 2-5, xã Văn Võ	ONT	0,27		0,27	Huyện Chương Mỹ	2022
147	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Ao Vạc, xóm 1, thôn Văn La, xã Văn Võ	ONT	0,27		0,27	Huyện Chương Mỹ	2022
148	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Lưới, thôn Yên Kiện, xã Đông Phương Yên	ONT	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
149	Xây dựng HTKT đấu giá	ONT	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2022
150	Xây dựng HTKT đấu giá (30ha)	ONT	20,00		10,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
151	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Rộc Đình thôn Đạo Ngạn	ONT	0,56		0,56	Huyện Chương Mỹ	2022
152	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở tại khu Gò Kiền, thôn Bài Trượng, xã Hoàng Diệu	ONT	0,22		0,22	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
153	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở tại khu Ao Đông, xã Tiên Phương	ONT	0,16		0,16	Huyện Chương Mỹ	2022
154	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở tại khu Lạch Đồng Năm thôn Quyết Tiến xã Hữu Văn	ONT	0,34		0,34	Huyện Chương Mỹ	2022
155	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở tại khu Trạm Biền áp thôn 2, xã Quảng Bị	ONT	1,19		1,19	Huyện Chương Mỹ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
156	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở tại xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	ONT	0,99		0,99	Huyện Chương Mỹ	2022
157	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Địa Vía (vị trí 1), xã Đại Yên	ONT	0,16		0,16	Huyện Chương Mỹ	2022
158	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Lèn Vẹt, thôn Quyết Hạ, xã Đông Sơn	ONT	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
159	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Mái Sau thôn Quyết Tiến, xã Hữu Văn	ONT	0,92		0,92	Huyện Chương Mỹ	2022
160	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Miếu 2, thôn Trung Vực Ngoài, xã Thượng Vực	ONT	0,24		0,24	Huyện Chương Mỹ	2022
161	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Miếu 3, Miếu 4 thôn Trung Vực Trong + Trung Vực Ngoài, xã Thượng Vực	ONT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2022
162	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Sân Than, xóm Nứa, xã Đại Yên	ONT	0,16		0,16	Huyện Chương Mỹ	2022
163	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu sau làng Đồi Chè, xã Thanh Bình	ONT	0,83		0,83	Huyện Chương Mỹ	2022
164	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Đồi Chính, thôn Trung Hoàng, xã Thanh Bình	ONT	2,59		2,59	Huyện Chương Mỹ	2022
165	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Đông Mòi, Tô Ác, xã Trung Hòa	ONT	2,42		2,42	Huyện Chương Mỹ	2022
166	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở tại khu Địa Vía (vị trí 2), xã Đại Yên	ONT	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
167	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Bốt điện, thôn Phương Bản (vị trí 1), xã Phụng Châu	ONT	0,36		0,36	Huyện Chương Mỹ	2022
168	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Cửa Vực, thôn Phương Bản, xã Phụng Châu	ONT	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
169	Xây dựng HTKT Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đám mạ, thôn Đồng Du, xã Hợp Đồng	ONT	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2022
170	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất xen kẹt thôn Lũng Vĩ, xã Đông Phương Yên	ONT	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2022
171	Xây dựng HTKT Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Chiền, xã Đồng Phú	ONT	1,28		1,28	Huyện Chương Mỹ	2022
172	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Ré, thôn Trại Hiền, xã Hoàng Diệu	ONT	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2022
173	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Gò Ngựa, thôn 2, xã Quảng Bị	ONT	0,31		0,31	Huyện Chương Mỹ	2022
174	Xây dựng HTKT Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Góc Sứa, thôn Nghè, xã Trần Phú	ONT	0,13		0,13	Huyện Chương Mỹ	2022
175	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Thùng Quán Bát Trên, xã Quảng Bị	ONT	0,08		0,08	Huyện Chương Mỹ	2022
176	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Vòng Trên, xóm Cấp Tiến, xã Văn Võ	ONT	0,13		0,13	Huyện Chương Mỹ	2022
177	Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Thùng Dộc Chợ Thôn 1; khu Thùng Nghĩa trang liệt sỹ Thôn 2, xã Quảng Bị	ONT	0,72		0,72	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
178	Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Gốc đề, Thôn Trung; khu Sông Mới, Thôn Yên Cốc, xã Hồng Phong	ONT	0,21		0,21	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
179	Khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt trong khu dân cư nông thôn tại xóm Đông, Thôn Phụ Chính; khu Hồ giữa; khu bên Trại Thượng, Thôn Phụ Chính, xã Hòa Chính	ONT	0,52		0,52	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
180	Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Ao Đèo, Thôn Lũng Vĩ; khu Ao Làng, Thôn Lũng Vĩ; khu Đồng Lưới, Thôn yên Kiện xã Đông Phương Yên	ONT	0,70		0,70	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
181	Khu đấu giá quyền sử dụng đất Thôn Lương Sơn; thôn Quyết Thượng, thôn Thanh Trì; thôn Đông; thôn Quyết Hạ xã Đông Sơn	ONT	2,82		2,82	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
182	Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Thủ kỳ, Cầu Si, Đăng Lạp, xã Phú Nam An	ONT	0,70		0,70	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
183	Khu xen kẹt dân cư Trệ đề xóm An Thái, thôn Phú Đức	ONT	0,28		0,28	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
184	Khu đấu giá quyền sử dụng đất thôn Cốc Thượng, thôn Làng Hạ, Trại Hạ xã Hoàng Diệu	ONT	0,73		0,73	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
185	Khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt liền kề Thôn Đồng Lê, xã Hợp Đồng	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
186	Khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt liền kề Thôn Thái Hòa, xã Hợp Đồng	ONT	0,05		0,05	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
187	Khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt liền kề khu dân cư giáp đất hộ ông Nguyễn Đình Tước Thôn Đạo Ngan, xã Hợp Đồng	ONT	0,02		0,02	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
188	Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu xứ đồng Quán Keo, TDP Tiên Trượng, Tân Bình, Xuân Mai, Tân Xuân, thị trấn Xuân Mai	ONT	3,52		3,52	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
189	Chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp sang đất ở	ONT	0,70		0,70	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
190	Chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp sang đất ở	ONT	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
191	Chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp sang đất ở	ONT	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
192	Chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp sang đất ở	ONT	1,20		1,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
193	Chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp sang đất ở	ONT	1,30		1,30	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
194	Chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp sang đất ở	ONT	1,50		1,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
195	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất ở khu Đồng Phụng cụm 5, cụm 6, xã Hạ Mỗ; khu Bút Chi; khu C Công Ngói; khu Ven Bốt Điện Bông Lai; khu Đề Nhị giai đoạn 2	ONT	2,14		2,14	Huyện Đan Phượng	2022
196	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất ở khu Đồng Phụng cụm 5, cụm 6 (giai đoạn 2), xã Hạ Mỗ; khu Đồng Sậy - Trầm Sau (giai đoạn 3), xã Đan Phượng; khu Đồng Sậy - Trầm Sau (giai đoạn 2), thị trấn Phùng; khu cụm 4 trục đường Đan Hoài, xã Liên Hà; khu Chăn Nuôi, xã Đồng Tháp	ONT	6,63		6,63	Huyện Đan Phượng	2022
197	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất ở khu Cây Sung Trong 4, xã Song Phượng	ONT	0,85		0,85	Huyện Đan Phượng	2022
198	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất ở khu Cây Sung Trong 5, xã Song Phượng	ONT	0,75		0,75	Huyện Đan Phượng	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
199	Xây dựng hạ tầng khu đấu giá quyền sử dụng đất X5 xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Xây dựng hạ tầng khu đấu giá quyền sử dụng đất ở khu đất ký hiệu A8 xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Xây dựng hạ tầng khu đấu giá quyền sử dụng đất ở khu trục đường N1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Xây dựng hạ tầng khu đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Đồng Súc, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng	ONT	29,50		29,50	Huyện Đan Phượng	2022
200	Xây dựng HTKT đấu giá quyền sử dụng đất ở khu X29, N19 xã Thượng Mỗ	ONT	2,73		2,73	Huyện Đan Phượng	2022
201	Xây dựng HTKT đấu giá quyền sử dụng đất ở khu X28, cụm 8 xã Thượng Mỗ	ONT	0,58		0,58	Huyện Đan Phượng	2022
202	Xây dựng HTKT đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Đồng Sậy giai đoạn 4,5,6 xã Đan Phượng	ONT	2,20		2,20	Huyện Đan Phượng	2022
203	Khu chức năng đô thị tại xã Tân Hội, xã Liên Trung, xã Tân Lập, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng - Green City	ONT	122,98		122,98	Huyện Đan Phượng	2022
204	Khu Đô thị Nhịp sống mới - NewStyle City thuộc khu Đô thị mới Tây Nam xã Tân Lập	ONT	42,30		42,30	Huyện Đan Phượng	2022
205	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất ở khu cụm 6 Lò Ngói, xã Hồng Hà	ONT	0,45		0,45	Huyện Đan Phượng	2022
206	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất ở khu Bá Nội, xã Hồng Hà	ONT	2,06		2,06	Huyện Đan Phượng	2022
207	Xây dựng HTKT khu tái định cư Vành đai 4 ở khu Vung, xã Hạ Mỗ	ONT	0,53		0,53	Huyện Đan Phượng	2022
208	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Hồ Gốc Vôi xã Liên Trung	ONT	0,44		0,44	Huyện Đan Phượng	2022
209	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất sản xuất kinh doanh dịch vụ phi nông nghiệp, đất dịch vụ sang đất ở	ONT	0,03		0,03	Huyện Đan Phượng	2022
210	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề đất ở, đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư	ONT	0,60		0,60	Huyện Đan Phượng	2022
211	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Đồng Sậy giai đoạn 4,5,6 xã Đan Phượng	ONT	2,20		2,20	Huyện Đan Phượng	2024-2025
212	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở điểm dân cư nông thôn xã Song Phượng	ONT	1,08		1,08	Huyện Đan Phượng	2024-2025
213	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Quây giai đoạn 2 xã Đồng Tháp	ONT	0,46		0,46	Huyện Đan Phượng	2024-2025
214	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu A Công Ngói, xã Đồng Tháp	ONT				Huyện Đan Phượng	2024-2025
215	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Cửa Thâm (giai đoạn 2) xã Thọ An	ONT	2,26		2,26	Huyện Đan Phượng	2024-2025
216	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Ven làng Bốt điện (giai đoạn 1), xã Hoàng Hà	ONT				Huyện Đan Phượng	2024-2025
217	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Ven làng cụm 3, xã Hoàng Hà	ONT	1,10		1,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
218	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu đất ký hiệu X13, xã Hạ Mỗ	ONT	3,28		3,28	Huyện Đan Phượng	2023-2024
219	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu đất ký hiệu X24, cụm 2 xã Hạ Mỗ	ONT	2,89		2,89	Huyện Đan Phượng	2023-2024
220	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở điểm dân cư nông thôn xã Thượng Mỗ	ONT	7,50		7,50	Huyện Đan Phượng	2023-2024

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
221	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại khu đất DD1, DD2, Đàm Cọ, xã Đông Dư, huyện Gia Lâm	ONT	0,44			Huyện Gia Lâm	2022
222	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá đất nhỏ kẹt thôn Vàng, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	ONT	1,07			Huyện Gia Lâm	2022
223	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại khu đất Tháp Vàng, thôn Trần Tảo, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	ONT	5,20			Huyện Gia Lâm	2022
224	Kè hồ, làm đường dạo chống lấn chiếm hồ Vực, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	ONT	6,67			Huyện Gia Lâm	2022
225	Dự án đất ở (đối ứng dự án đường Hà Nội - Hưng Yên)	ONT	63,00			Huyện Gia Lâm	2022
226	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kẹt tại vị trí A33, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	ONT	0,15			Huyện Gia Lâm	2022
227	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kẹt tại vị trí A38, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm	ONT	0,01			Huyện Gia Lâm	2022
228	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kẹt tại vị trí B61, B62, B63, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	ONT	0,13			Huyện Gia Lâm	2022
229	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kẹt tại vị trí C8, C57, C69, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	ONT	0,26			Huyện Gia Lâm	2022
230	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại các khu đất thuộc trục đường 179, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	ONT	2,20			Huyện Gia Lâm	2022
231	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kẹt thôn vàng, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	ONT	0,21			Huyện Gia Lâm	2022
232	GPMB, xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại xã Trung Mậu, huyện Gia Lâm	ONT	0,13			Huyện Gia Lâm	2022
233	GPMB, xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	ONT	0,07			Huyện Gia Lâm	2022
234	Giải phóng mặt bằng khu đấu giá quyền sử dụng đất X3, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	ONT	3,37			Huyện Gia Lâm	2022
235	Giải phóng mặt bằng khu đấu giá quyền sử dụng đất X4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường,	ONT	1,23			Huyện Gia Lâm	2022
236	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại khu đất YVTT, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	ONT	0,84			Huyện Gia Lâm	2022
237	GPMB, xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại xã Đông Dư, huyện Gia Lâm	ONT	0,04			Huyện Gia Lâm	2022
238	GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá QSD đất trên địa bàn các xã: Dương Quang, Dương Xá, Kim Lan, Yên Thường, huyện Gia Lâm	ONT	0,55			Huyện Gia Lâm	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
239	GPMB, xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại xã Lê Chi, huyện Gia Lâm	ONT	0,43			Huyện Gia Lâm	2022
240	GPMB tạo quỹ đất sạch thực hiện đấu giá QSD đất các ô đất không phải đầu tư hạ tầng trên địa bàn huyện Gia Lâm	ONT	1,37			Huyện Gia Lâm	2022
241	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ, kệt xã Dương Quang, huyện Gia Lâm	ONT	0,78			Huyện Gia Lâm	2022
242	Dự án: GPMB phục vụ đấu giá QSD đất tại vị trí PT10 xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	ONT	0,03			Huyện Gia Lâm	2022
243	Xây dựng Khu nhà ở cho Cán bộ chiến sỹ Cục A69 - Bộ Công An	ONT	7,40			Huyện Gia Lâm	2022
244	Dự án xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB dự án mở rộng Công ty điện Stanley Việt Nam	ONT	1,53			Huyện Gia Lâm	2022
245	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Yên Viên	ONT	26,00			Huyện Gia Lâm	2022
246	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt xã Lê Chi, kế hoạch 2012	ONT	0,37			Huyện Gia Lâm	2022
247	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt thôn Đồng Viên, xã Phù Đồng.	ONT	0,73			Huyện Gia Lâm	2022
248	Phương án đấu giá QSD đất để phục vụ công tác đấu giá QSD đất xen kệt tại khu đất khu TĐC xã Ninh Hiệp	ONT	0,08			Huyện Gia Lâm	2022
249	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ kệt xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	ONT	0,05			Huyện Gia Lâm	2022
250	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt xã Lê Chi, huyện Gia Lâm (vị trí X1 thôn Chi Đông, X8 thôn Kim Hồ)	ONT	0,20			Huyện Gia Lâm	2022
251	Cải tạo sửa chữa hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn Phù Dực, xã Phù Đồng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất.	ONT	0,03			Huyện Gia Lâm	2022
252	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ kệt xã Phù Đồng	ONT	0,21			Huyện Gia Lâm	2022
253	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ kệt xã Đông Dư (07 vị trí) (vị trí X7 thôn 3)	ONT	0,01			Huyện Gia Lâm	2022
254	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt thôn 4, xã Đông Dư	ONT	0,20			Huyện Gia Lâm	2022
255	06 thửa đất tại thôn Hoàng Long, xã Đặng Xá	ONT	0,07			Huyện Gia Lâm	2022
256	GPMB, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất PT1, PT2, PT3, PT4, PT5, PT6, PT7, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	ONT	3,53			Huyện Gia Lâm	2022
257	Dự án: GPMB, xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại vị trí N-PT4 và PT9 xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	ONT	0,90			Huyện Gia Lâm	2022
258	Dự án: Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại vị trí N-KS4, N-KS5, X1 trên địa bàn xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	ONT	0,60			Huyện Gia Lâm	2022
259	Dự án: GPMB phục vụ đấu giá QSD đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại các khu đất phù hợp với quy hoạch đất ở hiện trạng tại xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	ONT	3,10			Huyện Gia Lâm	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
260	Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng phục vụ đấu giá QSD đất các điểm trường mầm non không sử dụng đất tại các xã Phù Đồng, Đặng Xá, Lê Chi, Dương Quang, Văn Đức	ONT	0,62			Huyện Gia Lâm	2022
261	Dự án: Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại vị trí N-LC9, B23, B44 xã Lê Chi, huyện Gia Lâm	ONT	0,29			Huyện Gia Lâm	2022
262	Dự án: GPMB, XD HT khung theo quy hoạch khu đất KS3, xã Kim Sơn	ONT	1,12			Huyện Gia Lâm	2022
263	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ, kệt các xã: Kiều Kỵ, Đông Dư, huyện Gia Lâm	ONT	0,94			Huyện Gia Lâm	2022
264	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại các vị trí N-ĐT4, N-ĐT5 xã Đa Tốn; C32 xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	ONT	0,31			Huyện Gia Lâm	2022
265	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại vị trí C1, xã Kim Lan, huyện Gia Lâm	ONT	0,50			Huyện Gia Lâm	2022
266	Chuyển mục đích Đất vườn, ao (Đất trồng cây lâu năm; Đất trồng cây hàng năm và Đất nuôi trồng thủy sản) liền kề trong cùng thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đất nông nghiệp được giao nằm xen kệt trong khu dân cư	ONT	2,50			Huyện Gia Lâm	2022
267	Tạo mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá đất nhỏ, kệt tại các xã: Yên Thường, Phù Đồng, Dương Hà, Yên Viên	ONT	1,60		1,60	Huyện Gia Lâm	2023-2024
268	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất các ô đất dọc đường Cổ Bi	ONT	0,46		0,46	Huyện Gia Lâm	2023-2024
269	Xây dựng, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật các ô đất tại các xã Yên Thường, Yên Viên	ONT	2,05		2,05	Huyện Gia Lâm	2023-2024
270	GPMB, xây dựng đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch tại xã Đình Xuyên	ONT	6,53		6,53	Huyện Gia Lâm	2024-2025
271	GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu X1, xã Yên Thường	ONT	22,00		22,00	Huyện Gia Lâm	2024-2025
272	GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu X2, xã Yên Thường	ONT	7,60		7,60	Huyện Gia Lâm	2024-2025
273	GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu X3, xã Yên Thường	ONT	7,26		7,26	Huyện Gia Lâm	2024-2025
274	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất LC1 xã Lê Chi	ONT	7,53		7,53	Huyện Gia Lâm	2024-2025
275	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất LC2 xã Lê Chi	ONT	4,98		4,98	Huyện Gia Lâm	2024-2025
276	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất LC3 xã Lê Chi	ONT	7,44		7,44	Huyện Gia Lâm	2024-2025
277	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất LC4, LC5, LC6 xã Lê Chi	ONT	1,97		1,97	Huyện Gia Lâm	2024-2025
278	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung ô đất theo quy hoạch khu đất DQ2, DQ3 xã Dương Quang	ONT	3,63		3,63	Huyện Gia Lâm	2024-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
279	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung ô đất theo quy hoạch khu đất DQ4 xã Dương Quang	ONT	2,62		2,62	Huyện Gia Lâm	2024-2025
280	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất PT8 xã Phú Thị	ONT	4,83		4,83	Huyện Gia Lâm	2024-2025
281	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất KL1 xã Kim Lan	ONT	3,82		3,82	Huyện Gia Lâm	2024-2025
282	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất KL2 xã Kim Lan	ONT	4,01		4,01	Huyện Gia Lâm	2024-2025
283	Giải phóng mặt bằng khu đấu giá quyền sử dụng đất X3, X4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường	ONT	1,23		1,23	Huyện Gia Lâm	2024-2025
284	Xây dựng HTKT, tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất DT4, xã Đông Dư, Đa Tốn	ONT	3,32		3,32	Huyện Gia Lâm	2024-2025
285	Hạ tầng đấu giá QSD đất trên địa bàn xã Di Trạch (vị trí X7)	ONT	5,20			Huyện Hoài Đức	2022
286	Hạ tầng kỹ thuật để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Đông La - Khu Mã Trâu, thôn Đồng Nhân	ONT	2,36			Huyện Hoài Đức	2022
287	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Sơn Đồng - vị trí X1 (Khu Khóm Dâu và Đồng Cốc, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức)	ONT	5,20			Huyện Hoài Đức	2022
288	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng HTKT khu đất đấu giá, dịch vụ tại xã Vân Canh	ONT	7,18			Huyện Hoài Đức	2022
289	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất trên địa bàn xã Tiền Yên - Xứ đồng Lòng Khúc	ONT	3,00			Huyện Hoài Đức	2022
290	Hạ tầng kỹ thuật đấu giá QSD đất trên địa bàn xã Kim Chung - Khu X2 (Đống Sảnh)	ONT	0,30			Huyện Hoài Đức	2024
291	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất xã La Phù-Khu Trạm bơm	ONT	0,30			Huyện Hoài Đức	2022
292	Đấu giá QSDĐ ở xã Lại Yên - Vị trí X6 Sườn Trại	ONT	1,91			Huyện Hoài Đức	2022
293	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất ở trên địa bàn xã An Thượng (vị trí X2)	ONT	5,40			Huyện Hoài Đức	2022
294	Đấu giá xã Di Trạch - khu Cổ Bồng	ONT	0,02		0,02	Huyện Hoài Đức	2022
295	Đấu giá và tái định cư xã Lại Yên	ONT	0,04		0,04	Huyện Hoài Đức	2022
296	Tái định cư xã Kim Chung (Dự án: đường trục xã Kim Chung)	ONT	0,16		0,16	Huyện Hoài Đức	2022
297	Tái định cư xã Đức Thượng (Dự án: đường ĐH 02)	ONT	0,06		0,06	Huyện Hoài Đức	2022
298	Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô	ONT	17,50		17,50	Huyện Mê Linh	2022
299	Khu đô thị AIC	ONT	93,96		44,11	Huyện Mê Linh	2022
300	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	ONT	10,30			Huyện Mê Linh	2022
301	Khu đô thị Mê Linh	ONT	41,09		41,09	Huyện Mê Linh	2022
302	Khu đô thị Đại Thịnh	ONT	34,43		34,43	Huyện Mê Linh	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
303	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ giao đất tái định cư 31 hộ dân và kết hợp đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Mê Linh, huyện Mê Linh	ONT	0,92			Huyện Mê Linh	2022
304	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất xen kẹt, nhỏ lẻ (điểm X1,X2) thôn Khê Ngoại-Văn Quán, xã Văn Khê, huyện Mê Linh	ONT	0,34		0,10	Huyện Mê Linh	2022
305	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại (điểm X3) thôn Khê Ngoại, xã Văn Khê, huyện Mê Linh.	ONT	0,49			Huyện Mê Linh	2022
306	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại (điểm X7), thôn 2, X.Thạch Đà.	ONT	0,25		0,15	Huyện Mê Linh	2022
307	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại (điểm X4) thôn Phú Hữu, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	ONT	0,20		0,10	Huyện Mê Linh	2022
308	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Trước, xóm 4 thôn Xa Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh	ONT	7,56		2,70	Huyện Mê Linh	2022
309	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại (điểm X5,X14) T.Ngư Tiên - Lâm Hộ, X.Thanh Lâm	ONT	0,41		0,20	Huyện Mê Linh	2022
310	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X4 thôn Nam Cường, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	ONT	3,30		0,50	Huyện Mê Linh	2022
311	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Bạch Đa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	ONT	3,50		1,00	Huyện Mê Linh	2022
312	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X2 thôn Trung Hậu Đoài, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh,	ONT	0,71		0,71	Huyện Mê Linh	2022
313	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X2, thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	ONT	0,72		0,10	Huyện Mê Linh	2022
314	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X1, thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	ONT	0,59		0,01	Huyện Mê Linh	2022
315	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X5, thôn Trung Hậu Đông, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	ONT	1,40		1,40	Huyện Mê Linh	2022
316	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X7, thôn Nại Châu, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	ONT	2,46		2,46	Huyện Mê Linh	2022
317	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất tại khu Quán chợ, thôn Bồng Mạc, xã Liên Mạc	ONT	0,80		0,80	Huyện Mê Linh	2022
318	Xây dựng hạ tầng đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm VY - 01, thôn Yên Nội, xã Vạn Yên	ONT	0,84		0,84	Huyện Mê Linh	2022
319	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá QSD đất tại điểm X3, thôn Yên Nhân, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	ONT	3,40		3,40	Huyện Mê Linh	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
320	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X3, xứ đồng Làng Gàn, thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	ONT	3,92		3,92	Huyện Mê Linh	2022
321	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X1 đồng làng Gàn thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	ONT	3,44		3,44	Huyện Mê Linh	2022
322	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X1, thôn Đồng Cao, xã Tráng Việt	ONT	1,82		1,82	Huyện Mê Linh	2022
323	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X3 thôn Yên Thị, xã Tiến Thịnh	ONT	0,33		0,33	Huyện Mê Linh	2022
324	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm HK - 04, thôn Hoàng Xá, xã Hoàng Kim	ONT	3,09		3,09	Huyện Mê Linh	2022
325	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm DT - 01, xã Tiến Thắng	ONT	2,25		2,25	Huyện Mê Linh	2022
326	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt tại thôn 1 Hạ Lôi, xã Mê Linh	ONT	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2022
327	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất, kết hợp xây dựng nhà văn hóa tại thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	ONT	0,91		0,91	Huyện Mê Linh	2022
328	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X6, thôn Nại Châu, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	ONT	1,94		1,94	Huyện Mê Linh	2022
329	Khu nhà ở Làng Hoa Tiên Phong	ONT	40,40		0,36	Huyện Mê Linh	2022
330	Khu nhà ở Minh Giang Đầm Và tại xã Tiên Phong	ONT	7,55			Huyện Mê Linh	2022
331	Khu nhà ở cho người thu nhập thấp tại xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội	ONT	16,68			Huyện Mê Linh	2022
332	Giao đất cho hộ ông Lưu Văn Kính tại xã Tiên Phong do đổi đất để làm đường giao thông năm 1992	ONT	0,01			Huyện Mê Linh	2022
333	Khu nhà ở và văn phòng cho thuê TDK, tại xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	ONT	10,30			Huyện Mê Linh	2022
334	Khu nhà ở để bán và cho thuê Hà Phong	ONT	2,06			Huyện Mê Linh	2022
335	Khu nhà ở sinh thái VIT - Tiên Phong	ONT	11,23			Huyện Mê Linh	2022
336	Khu nhà ở cao cấp Ba Đình	ONT	17,23			Huyện Mê Linh	2022
337	Khu nhà ở Hoàng Vân	ONT	8,20			Huyện Mê Linh	2022
338	Khu nhà ở Minh Giang - Đầm Và (Giai đoạn 1)	ONT	26,44			Huyện Mê Linh	2022
339	Khu đất tái định cư phục vụ GPMB dự án mở rộng khuôn viên Đình làng Trung Hậu Đoài	ONT	0,03			Huyện Mê Linh	2022
340	Giao đất TĐC cho hộ ông Nguyễn Văn Hà khi nhà nước thu hồi đất xây dựng đường giao thông nông thôn tại xóm 18, thôn 4, xã Thạch Đà.	ONT	0,03			Huyện Mê Linh	2022
341	Xây dựng khu nhà ở cho cán bộ, chiến sỹ Tổng cục Cảnh sát - Bộ Công an tại xã Tiên Phong	ONT	5,75			Huyện Mê Linh	2022
342	Khu nhà ở Tiên Phong	ONT	2,60			Huyện Mê Linh	2022
343	Mở rộng Khu nhà ở Minh Giang Đầm Và tại xã Tiên Phong	ONT	16,78			Huyện Mê Linh	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
344	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá QSD đất tại thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh	ONT	10,60		10,60	Huyện Mê Linh	2023-2025
345	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất xen kẹt (điểm X7) thôn 2, xã Thạch Đà	ONT	0,24		0,24	Huyện Mê Linh	2023-2025
346	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất xen kẹt (điểm X4) thôn Phú Hữu, xã Thanh Lâm	ONT	0,19		0,19	Huyện Mê Linh	2023-2025
347	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất tại (điểm X5,X14) thôn Ngự Tiền - Lâm Hộ, xã Thanh Lâm	ONT	0,33		0,33	Huyện Mê Linh	2023-2025
348	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất tại điểm X2 thôn Trung Hậu Đoài, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh,	ONT	0,71		0,71	Huyện Mê Linh	2023-2025
349	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất khu Quán Chợ, thôn Bồng Mạc, xã Liên Mạc	ONT	0,84		0,84	Huyện Mê Linh	2023-2025
350	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất tại điểm X2, thôn Yên Thị, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	ONT	0,49		0,49	Huyện Mê Linh	2023-2025
351	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất tại X2 Đồng Bói và Bền, Văn Lôi, xã Tam Đồng.	ONT	1,12		1,12	Huyện Mê Linh	2023-2025
352	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất tại Khu Đồng Trước xóm 4, thôn Xa Mạc, xã Liên Mạc	ONT	7,56		7,56	Huyện Mê Linh	2023-2025
353	Xây dựng HTKT tại điểm X1 thôn Yên Vinh xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh phục vụ đấu giá QSD đất	ONT	0,72		0,72	Huyện Mê Linh	2023-2025
354	Xây dựng HTKT tại điểm X2 thôn Yên Vinh xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh phục vụ đấu giá QSD đất	ONT	0,72		0,72	Huyện Mê Linh	2023-2025
355	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất tại điểm X5 thôn Ngự Tiền, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	ONT	0,37	0,37		Huyện Mê Linh	2023-2025
356	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đất đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X1 thôn Phố Yên, xã Tiền Phong	ONT	0,31		0,31	Huyện Mê Linh	2023-2025
357	Xây dựng HTKT để giao đất cho 11 hộ gia đình thôn Yên Thị và kết hợp đấu giá QSD đất tại điểm TT-02, xã Tiến Thịnh	ONT	0,77		0,77	Huyện Mê Linh	2023-2025
358	Đấu giá QSDĐ thôn Phú Mỹ Gân Trường Mâm non, xóm 7, xã Tự Lập	ONT	1,91		1,91	Huyện Mê Linh	2023-2025
359	Đấu giá QSDĐ thôn Phú Mỹ khu ruộng phía nam thôn, xã Tự Lập	ONT	4,79		4,79	Huyện Mê Linh	2023-2025
360	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại điểm TL-03 (giai đoạn 1), thôn Yên Bái, xã Tự Lập	ONT	7,56		7,56	Huyện Mê Linh	2023-2025
361	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSDĐ nhỏ lẻ, xen kẹt tại khu ao Lò Gạch, thôn Phú Mỹ, xã Tự Lập (khu Đồng Khoai, dọc trục đường 308)	ONT	0,50	0,50		Huyện Mê Linh	2023-2025
362	XD HTKT để ĐGQSDĐ khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại (điểm X3) thôn Khê Ngoại, xã Văn Khê, huyện Mê Linh.	ONT	0,49		0,49	Huyện Mê Linh	2023-2025
363	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá QSD đất tại điểm X7, thôn Nại Châu, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	ONT	2,46		2,46	Huyện Mê Linh	2023-2025
364	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất tại điểm X1, thôn Đông Cao, xã Tráng Việt	ONT	1,20		1,20	Huyện Mê Linh	2023-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
365	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá QSD đất tại điểm X3 thôn Yên Nhân, xã Tiền Phong	ONT	3,40		3,40	Huyện Mê Linh	2023-2025
366	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá QSD đất tại điểm X5 thôn Trung Hậu Đông, xã Tiền Phong	ONT	1,40		1,40	Huyện Mê Linh	2023-2025
367	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X3 thôn Yên Thị, xã Tiến Thịnh	ONT	0,33		0,33	Huyện Mê Linh	2023-2025
368	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại điểm HK-04, thôn Hoàng Xá, xã Hoàng Kim	ONT	3,09		3,09	Huyện Mê Linh	2023-2025
369	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại điểm DT-01, xã Tiến Thắng	ONT	2,25		2,25	Huyện Mê Linh	2023-2025
370	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X1 thôn Vạn Phúc Xuyên, xã Vạn Yên	ONT	0,82		0,82	Huyện Mê Linh	2023-2025
371	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X2 thôn Vạn Phúc Xuyên, xã Vạn Yên	ONT	0,28		0,28	Huyện Mê Linh	2023-2025
372	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại điểm N-02, thôn 1, xã Thạch Đà	ONT	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2023-2025
373	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất xen kẹt tại thôn 1 Hạ Lôi, xã Mê Linh	ONT	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2023-2025
374	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm HL-02 (thôn Hạ Lôi) xã Mê Linh	ONT	0,62		0,62	Huyện Mê Linh	2023-2025
375	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá QSD đất tại điểm YB2 xã Tự Lập	ONT	7,30		7,30	Huyện Mê Linh	2023-2025
376	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất xen kẹt tại điểm NĐ1 thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh	ONT	0,75		0,75	Huyện Mê Linh	2023-2025
377	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất, kết hợp xây dựng nhà văn hóa tại thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	ONT	0,91		0,91	Huyện Mê Linh	2023-2025
378	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá QSD đất tại điểm X6, thôn Nại Châu, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	ONT	1,94		1,94	Huyện Mê Linh	2023-2025
379	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm TL-02, thôn Phú Mỹ, xã Tự Lập	ONT	4,04		4,04	Huyện Mê Linh	2023-2025
380	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm BT-01, thôn Bạch Trữ, xã Tiến Thắng	ONT	0,18		0,18	Huyện Mê Linh	2023-2025
381	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại thôn Phú Mỹ, xã Tự Lập	ONT	0,06	0,06		Huyện Mê Linh	2023-2025
382	Đấu giá QSDĐ thôn Phú Mỹ gần Trường Tiểu học khu A	ONT	0,90		0,90	Huyện Mê Linh	2023-2025
383	Chuyển đổi đất vườn ao liền kề trong cùng một thửa đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang đất ở.	ONT	8,64			Huyện Mê Linh	2022
384	Khu Đồng Sét	ONT	0,01			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
385	Khu Công Đồn+Nông Trường	ONT	8,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
386	Khu đầu Bút	ONT	0,03			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
387	Khu dưới đường 429 (cạnh trại lợn)	ONT	0,03			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
388	Vườn cây ông Ba thôn Thượng	ONT	0,02			Huyện Mỹ Đức	2021
389	Khu ao cá Bắc Hồ	ONT	0,10			Huyện Mỹ Đức	2021
390	Khu Mái Sau	ONT	0,65			Huyện Mỹ Đức	2021
391	Khu Đồng Dư	ONT	0,35			Huyện Mỹ Đức	2021
392	Khu Đồng Gi, Bò Và	ONT	1,25			Huyện Mỹ Đức	2021
393	Rộc cạn trên, Rộc cạn dưới, Đồng Dền, Chùa mẽ	ONT	2,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
394	Khu bờ Đông Ngoài	ONT	0,40			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
395	Khu Phân Viện Đa Khoa thôn PL Hạ	ONT	0,58			Huyện Mỹ Đức	2021
396	Khu Cửa làng Thôn Phù Yên	ONT	0,46			Huyện Mỹ Đức	2021
397	Khu vực ao Lò Gạch thôn Khâm Lâm	ONT	1,10			Huyện Mỹ Đức	2021
398	Khu Vãn Công thôn Phúc Lâm thượng	ONT	2,00			Huyện Mỹ Đức	2021
399	Khu xứ đồng Gùng thôn PL Trung	ONT	0,60			Huyện Mỹ Đức	2021
400	Khu xứ đồng cửa Kho thôn PL Trung	ONT	0,25			Huyện Mỹ Đức	2021
401	Khu Trạm bơm cũ	ONT	0,06			Huyện Mỹ Đức	2021
402	Khu Cửa làng thôn Phù Yên	ONT	0,34			Huyện Mỹ Đức	2021
403	Khu nhà văn hóa cũ thôn PL Hạ	ONT	0,03			Huyện Mỹ Đức	2021
404	Khu Nhà văn hóa cũ thôn Phù Yên	ONT	0,02			Huyện Mỹ Đức	2021
405	Khu Ao Bèo thôn Khâm Lâm	ONT	0,60			Huyện Mỹ Đức	2021
406	Khu Vực Bãi Chân Chim	ONT	0,15			Huyện Mỹ Đức	2021
407	Khu Ao Hăng thôn PL Trung	ONT	0,67			Huyện Mỹ Đức	2021
408	Khu Đồng Xương thôn Khâm Lâm	ONT	0,13			Huyện Mỹ Đức	2021
409	Khu nhà văn hóa cũ thôn PL thượng	ONT	0,03			Huyện Mỹ Đức	2021
410	Khu Xứ đồng Cừ thôn PL Trung	ONT	0,68			Huyện Mỹ Đức	2021
411	Khu Xứ đồng Bán thôn PL Hạ	ONT	0,05			Huyện Mỹ Đức	2021
412	Khu Cánh Vực thôn Phù Yên	ONT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2021
413	Khu Trại thấp, Trại cao	ONT	0,22			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
414	Khu Bãi Cát thôn Phúc Lâm thượng	ONT	0,03			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
415	Khu Thùng cống thôn Chân Chim	ONT	0,31			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
416	Khu Đồng vàng	ONT	2,80			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
417	Khu Đầu đổi, cửa dưới	ONT	3,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
418	Khu Chăn Nuôi	ONT	1,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
419	Khu NVH cũ thôn Chân Chim	ONT	0,01			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
420	Khu ruộng chiêm (Thôn Vĩnh Xương thượng)	ONT	0,28			Huyện Mỹ Đức	2021
421	Khu ruộng trại chăn nuôi (Thôn Vĩnh Xương thượng)	ONT	0,50			Huyện Mỹ Đức	2021
422	Khu Thanh Lan rặng gạo (Thôn Vĩnh Xương thượng)	ONT	0,30			Huyện Mỹ Đức	2021
423	Khu cửa chùa khoảnh 2 (Thôn Vĩnh Xương thượng)	ONT	0,97			Huyện Mỹ Đức	2021
424	Khu cửa chùa khoảnh 1	ONT	1,45			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
425	Khu ruộng dâu thượng	ONT	0,56			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
426	Khu ao ruộng chiêm	ONT	0,45			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
427	Khu ao cá đội 3	ONT	0,33			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
428	Khu ao xen kẹt đội 4	ONT	0,16			Huyện Mỹ Đức	2021
429	Khu trường mầm non cũ (Thôn Vĩnh Xương thượng)	ONT	0,16			Huyện Mỹ Đức	2021
430	Khu ao Cá Đồng Ranh (Thôn Vĩnh Lạc)	ONT	0,80			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
431	Khu ao Xa (Thôn Vĩnh Lạc)	ONT	0,08			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
432	Khu vườn trũng (Thôn Vĩnh Lạc)	ONT	0,17			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
433	Khu ao cá Đội 2 (Thôn Vĩnh Xương trung)	ONT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
434	Khu Đa Đôi	ONT	0,70			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
435	Khu xứ đồng Lò Gạch thôn Phú Vãn	ONT	0,73			Huyện Mỹ Đức	2021
436	Khu xứ đồng Cống Táo thôn Phúc Khê	ONT	0,34			Huyện Mỹ Đức	2021
437	Khu xứ đồng Gò Lá thôn Phú Hữu	ONT	0,10			Huyện Mỹ Đức	2021
438	Khu xứ đồng Dung dưới thôn Bột Xuyên	ONT	0,07			Huyện Mỹ Đức	2021
439	Khu xứ đồng Trai 1 thôn Mỹ Tiên	ONT	0,10			Huyện Mỹ Đức	2021
440	Khu xứ đồng Cửa Vông thôn Mỹ Tiên	ONT	0,25			Huyện Mỹ Đức	2021
441	Khu đồng Cửa Đình Hữu (ao ông Tuyên) thôn Phú Hữu	ONT	0,27			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
442	Khu xử đồng Đầm Bèo thôn Phúc Khê	ONT	0,28			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
443	Khu Trạm y tế cũ thôn Phú Hữu	ONT	0,09			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
444	Khu nhà văn hóa cũ thôn Mỹ Tiên	ONT	0,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
445	Khu đất trường mầm non cũ	ONT	0,16			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
446	Khu đất nhà văn hóa cũ thôn Phúc Khê	ONT	1,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
447	Khu Đường Dạ Trên thôn Lai Tảo	ONT	1,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
448	Khu Đường Dạ Dưới thôn Lai Tảo	ONT	1,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
449	Khu Cửa đình Bột Xuyên	ONT	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
450	Khu Đồng Lò Ngói thôn Lai Tảo	ONT	0,40			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
451	Khu Gò Hàm Tiến thôn Lai Tảo	ONT	1,60			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
452	Khu Ao cá thôn Lai Tảo	ONT	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
453	Khu Trai 2 thôn Phú Hữu	ONT	0,80			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
454	Khu Hoi Trâu thôn Phúc Khê	ONT	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
455	Khu Trạm y tế cũ	ONT	0,04			Huyện Mỹ Đức	2021
456	Khu Đồng Chùa, Kinh Đào	ONT	2,00			Huyện Mỹ Đức	2021
457	Khu Đồng Muôn, Đoàn Nữ	ONT	0,52			Huyện Mỹ Đức	2021
458	Khu Cửa Chùa, Đoàn Nữ	ONT	1,05			Huyện Mỹ Đức	2021
459	Khu Đồng Láng Nửa, Cánh buồm	ONT	0,66			Huyện Mỹ Đức	2021
460	Khu Dộc dưới, Tảo Khê	ONT	1,50			Huyện Mỹ Đức	2021
461	Khu trường MN hiện tại thôn Đoàn Nữ	ONT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
462	Khu ở Cửa Hàng (thôn Hạ Sở)	ONT	0,02			Huyện Mỹ Đức	2021
463	Khu Rãnh Chùa (thôn Vĩnh An)	ONT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2021
464	Khu Vệ Lãng (thôn Thượng)	ONT	1,22			Huyện Mỹ Đức	2021
465	Khu Đồng Đại (thôn Vĩnh An)	ONT	0,27			Huyện Mỹ Đức	2021
466	Khu Nê sau làng (thôn Thanh Lợi)	ONT	0,55			Huyện Mỹ Đức	2021
467	Khu Đồng Ai (thôn Đặng)	ONT	0,46			Huyện Mỹ Đức	2021
468	Khu đồng Hôi (thôn Đặng)	ONT	0,86			Huyện Mỹ Đức	2021
469	Khu ao đầu Chùa (thôn Trung)	ONT	0,40			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
470	Khu sân kho, thôn Lê Xá	ONT	0,09			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
471	Khu ao ông Tuyển, đội 4	ONT	0,10			Huyện Mỹ Đức	2021
472	Khu sân kho đội 1	ONT	0,04			Huyện Mỹ Đức	2021
473	Khu Hóc Ao Cống- Lê Xá	ONT	0,87			Huyện Mỹ Đức	2021
474	Khu Ao Cống Lê- Lê Xá	ONT	0,33			Huyện Mỹ Đức	2021
475	Khu Thôn Áng Thượng	ONT	0,82			Huyện Mỹ Đức	2021
476	Khu Nhà Văn hóa Lê Xá cũ thôn Lê Xá	ONT	0,06			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
477	Khu Ao Lò Gạch thôn Đức Thụ	ONT	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
478	Khu Ao Cỗ Ngựa thôn Lê Xá	ONT	0,28			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
479	Khu Ao Chèo Trên, thôn Lê Xá	ONT	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
480	Khu Đồng Ré	ONT	3,70			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
481	Khu Tam Thai, Rộc Thuê	ONT	7,70			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
482	Khu Ao Lò Gạch thôn Áng Hạ	ONT	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
483	Khu ao ông Nguyễn Văn Khanh (thôn Xuy Xá)	ONT	0,29			Huyện Mỹ Đức	2021
484	Khu ao ông Thường tới sát ao lò gạch (thôn Thượng)	ONT	0,29			Huyện Mỹ Đức	2021
485	Khu Trường Mầm non thôn Nghĩa (thôn Nghĩa)	ONT	0,05			Huyện Mỹ Đức	2021
486	Đất đấu giá khu Kho Hợp tác xã nông nghiệp	ONT	0,12			Huyện Mỹ Đức	2021
487	Khu đất xen kẹt khu dân cư thôn Nội	ONT	0,07			Huyện Mỹ Đức	2021
488	Khu đất xen kẹt khu dân cư thôn Thượng	ONT	0,08			Huyện Mỹ Đức	2021
489	Khu vực Ngõ Đồng, thôn Tân Độ	ONT	0,05			Huyện Mỹ Đức	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
490	Khu ao Nghĩa giáp ông Hai Soạn (thôn Nghĩa)	ONT	0,05			Huyện Mỹ Đức	2021
491	Khu Giáp chùa Độ (Xuy Xá)	ONT	4,48			Huyện Mỹ Đức	2021
492	Khu ao ông Thưởng thôn Đoài	ONT	0,23			Huyện Mỹ Đức	2021
493	Khu 1 thôn Nghĩa	ONT	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
494	Khu 2 trước nghĩa trang liệt sĩ	ONT	0,29			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
495	Khu 3, thôn Thượng	ONT	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
496	Khu Rộc Láng, Gò Cả	ONT	5,60			Huyện Mỹ Đức	2021
497	Khu Ao Cánh Mầu	ONT	0,09			Huyện Mỹ Đức	2021
498	Khu Ao đội 4	ONT	0,90			Huyện Mỹ Đức	2021
499	Khu Đầu Rùa	ONT	2,05			Huyện Mỹ Đức	2021
500	Khu Trại lợn cũ thôn Hạ	ONT	1,33			Huyện Mỹ Đức	2021
501	Khu Mã Đồng đầu thôn Hạ	ONT	1,10			Huyện Mỹ Đức	2021
502	Khu Đường Ngang	ONT	0,60			Huyện Mỹ Đức	2021
503	Khu Ao ông Bảo xóm Soi	ONT	0,09			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
504	Khu Mã Hủ	ONT	4,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
505	Khu sát nhà văn hóa mới thôn 7	ONT	0,07			Huyện Mỹ Đức	2021
506	Khu giáp nhà ông Dích	ONT	0,03			Huyện Mỹ Đức	2021
507	Khu Trạm Y tế cũ (thôn 5)	ONT	1,88			Huyện Mỹ Đức	2021
508	Khu sau nhà Ông Truân thôn 2 (thôn 5)	ONT	0,02			Huyện Mỹ Đức	2021
509	Khu mặt đường 424- Thôn 10	ONT	0,05			Huyện Mỹ Đức	2021
510	Khu mặt đường 424- Thôn 10	ONT	0,01			Huyện Mỹ Đức	2021
511	Khu mặt đường 424- Thôn 10	ONT	0,01			Huyện Mỹ Đức	2021
512	Khu gần trạm bơm (Thôn 10)	ONT	0,92			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
513	Khu cạnh đường Phát Lên Xuy Xá (Thôn 5)	ONT	0,03			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
514	Khu cạnh nhà ông Độ (Thôn 7)	ONT	0,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
515	Khu sát nhà ông Tham (thôn 4)	ONT	0,03			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
516	Khu sau nhà ông Thủy (thôn 10)	ONT	0,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
517	Khu sau trường cấp 2 (thôn 5)	ONT	0,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
518	Khu Ao nhà máy Thôn 6	ONT	0,04			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
519	Khu Thôn 4	ONT	0,03			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
520	Khu Đồng Gia , Hà Xá	ONT	4,25			Huyện Mỹ Đức	2021
521	Khu Ao Dục, Thượng Tiết	ONT	1,00			Huyện Mỹ Đức	2021
522	Khu trường tiểu học điểm Thượng Tiết	ONT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
523	Khu Đàng Cừ, Cổ Mèo Dâu	ONT	1,70			Huyện Mỹ Đức	2021
524	Khu trạm y tế cũ	ONT	0,08			Huyện Mỹ Đức	2021
525	Khu Ao Đàng Sông	ONT	1,30			Huyện Mỹ Đức	2021
526	Khu Bãi Sậy, Bãi Cao, Đường chợ, Cừ Ngoài, Đàng Cái	ONT	2,83			Huyện Mỹ Đức	2021
527	Khu Mỏ Phụng	ONT	0,56			Huyện Mỹ Đức	2021
528	Khu Đồng ngọ Hạ	ONT	5,05			Huyện Mỹ Đức	2021
529	Khu Đồng Láng	ONT	0,31			Huyện Mỹ Đức	2021
530	Khu Vườn Ghè	ONT	1,80			Huyện Mỹ Đức	2021
531	Khu Cửa Dò	ONT	2,50			Huyện Mỹ Đức	2021
532	Khu bờ sông đào xóm 8 thôn	ONT	0,28			Huyện Mỹ Đức	2021
533	Khu Lò Ngói - Đốc Tín	ONT	0,10			Huyện Mỹ Đức	2021
534	Khu Ba Bụi - Đốc Kính	ONT	0,08			Huyện Mỹ Đức	2021
535	Khu Văn Mai - Đốc Kính	ONT	0,30			Huyện Mỹ Đức	2021
536	Khu Sau trường Tiểu học (Xóm 3 - Đốc Tín)	ONT	0,06			Huyện Mỹ Đức	2021
537	Khu ao Tiên Mai	ONT	0,23			Huyện Mỹ Đức	2021
538	Khu Chăn nuôi	ONT	0,48			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
539	Khu đất xen kẹt trong khu dân cư	ONT	1,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
540	Khu xứ đồng Cây Nâu (thôn Đông Bình)	ONT	1,00			Huyện Mỹ Đức	2021
541	Khu ao cửa làng thôn Nông Khê	ONT	0,21			Huyện Mỹ Đức	2021
542	Khu ao cá thôn Nông Khê	ONT	0,03			Huyện Mỹ Đức	2021
543	Khu ao ươm thôn Trung Hòa	ONT	0,23			Huyện Mỹ Đức	2021
544	Khu Bàu Đàm thôn Trung Hòa	ONT	0,72			Huyện Mỹ Đức	2021
545	Khu ao ươm thôn An Duyệt	ONT	0,40			Huyện Mỹ Đức	2021
546	Khu Đồng Này thôn Đồng Bình	ONT	0,50			Huyện Mỹ Đức	2021
547	Khu ao ông Hán thôn Hiền Giáo 1 (ao sau ra)	ONT	0,64			Huyện Mỹ Đức	2021
548	Khu Đàm Ba Sào thôn Phú Duy	ONT	0,60			Huyện Mỹ Đức	2021
549	Khu Đầu Chùa Trong thôn Hòa Lạc	ONT	0,27			Huyện Mỹ Đức	2021
550	Khu Đàm Hồ Khê	ONT	1,28			Huyện Mỹ Đức	2021
551	Khu Ao Ông Khang thôn Hiền Giáo	ONT	0,59			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
552	Khu Ao Bãi, Quai Chèo, Quai Vạc thôn An Đà	ONT	1,56			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
553	Khu Ao Cá Béc Hồ thôn Hiền Lương	ONT	0,60			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
554	Khu nhà văn hóa thôn Hiền Lương Cũ	ONT	0,08			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
555	Khu Ao Ông Hán thôn Hiền Giáo 2 (ao sau ra)	ONT	1,45			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
556	Khu đấu giá điểm trường mầm non cũ khu Viêm Khê	ONT	0,23			Huyện Mỹ Đức	2021
557	Khu Nghĩa Trang Ngoài	ONT	0,24			Huyện Mỹ Đức	2021
558	Khu đấu giá khu Dương Hạ (Viêm Khê)	ONT	0,51			Huyện Mỹ Đức	2021
559	Khu đấu giá xứ đồng Bàu Sào +Gò Bàu (Phú La)	ONT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2021
560	Khu Cối Lim (Hạ Quất)	ONT	0,39			Huyện Mỹ Đức	2021
561	Khu Chuôm Chính, thôn Phú Liễn	ONT	0,27			Huyện Mỹ Đức	2021
562	Khu đấu giá điểm trường tiểu học Hợp Tiến A khu Phú La, Phú Liễn	ONT	0,23			Huyện Mỹ Đức	2021
563	Khu Đồng Quan + Trên Cờ (Thượng Quất)	ONT	1,40			Huyện Mỹ Đức	2021
564	Khu xứ đồng Khái Trong, Gò Ông Són (La Đồng)	ONT	1,09			Huyện Mỹ Đức	2021
565	Khu Đồng Trại	ONT	0,03			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
566	Khu đấu giá xứ đồng Ao Ải thôn Viêm Khê	ONT	1,38			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
567	Khu xứ đồng Cửa Làng (Phú Liễn)	ONT	0,60			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
568	Khu thôn Vải mới	ONT	0,48			Huyện Mỹ Đức	2021
569	Khu vườn táo thôn Vải	ONT	0,16			Huyện Mỹ Đức	2021
570	Khu đất đấu giá thôn Vân	ONT	0,46			Huyện Mỹ Đức	2021
571	Khu Kỵ Điền Ải	ONT	1,64			Huyện Mỹ Đức	2021
572	Khu Xứ đồng 50 (thôn Phú Hiền)	ONT	2,28			Huyện Mỹ Đức	2021
573	Khu vực giáp trường cấp I B	ONT	0,15			Huyện Mỹ Đức	2021
574	Khu Cửa Quán, Lọc Giồng (thôn Thọ)	ONT	0,84			Huyện Mỹ Đức	2021
575	Khu vực ao Cánh Hàn (thôn Thọ)	ONT	0,18			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
576	Khu Cửa Làng (thôn Vải Mới)	ONT	0,49			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
577	Phân trạm y tế (thôn Đồng Văn)	ONT	0,06			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
578	Đất ở mới khu trung tâm (Xứ đồng thôn Góc Báng)	ONT	2,34			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
579	Nhà văn hóa (thôn Đồi Dừng)	ONT	0,04			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
580	Nhà văn hóa (thôn Nam Hưng)	ONT	0,04			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
581	Khu Rặc Trúc (thôn Đồng Mít)	ONT	0,07			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
582	Khu Tai Cua (thôn Đồng Mít)	ONT	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
583	Khu Răng trường	ONT	0,60			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
584	Khu Đa Phương	ONT	0,49			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
585	Khu Cánh Vực	ONT	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
586	Khu Đồng Chùa, Kinh Đào	ONT	0,76			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
587	Khu tái định cư đường 419 (thôn Thượng)	ONT	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
588	Khu TĐC khu du lịch Quan Sơn (thôn Hạ Sờ)	ONT	45,32			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
589	Khu tái định cư Cỏ Long	ONT	8,65			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
590	Khu tái định cư Vườn Táo (Thôn Áng Hạ)	ONT	1,40			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
591	Khu Đường Ngang, thôn Hạ	ONT	0,70			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
592	Khu Sung San (thôn 8)	ONT	3,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
593	Khu đồng Huyện giáp đường 24m (gần NVH xã)	ONT	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
594	Khu Yên Vỹ - Đồng Làn	ONT	0,10			Huyện Mỹ Đức	2021
595	Khu Đầu mương xóm 9, xóm 10	ONT	0,07			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
596	Khu đồng Huyện giáp đường 24m (gần NVH xã), đồng Chàng	ONT	13,03			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
597	Khu đồng Mây và Đồng Cửa thôn Phú Yên	ONT	4,71			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
598	Khu Đồng Cao - Đồng Cửa thôn Tiên Mai	ONT	1,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
599	Khu Đồng Dớn - thôn Yên Vỹ	ONT	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
600	Khu Thôn Đông Bình	ONT	0,26			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
601	Khu Đồng Cao thôn An Đà	ONT	0,63			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
602	Khu Bầu Sào Đồng Thượng	ONT	0,55			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
603	Khu TĐC Cầu đập tràn Quan Sơn	ONT	0,19			Huyện Mỹ Đức	2021
604	Khu vực đồng Giồng thôn Vải	ONT	0,76			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
605	Đồng Đàm (dự án đề bao Đồng Chiêm)	ONT	0,26			Huyện Mỹ Đức	2021
606	Ao Ông Lâm (dự án đề bao Đồng Chiêm)	ONT	0,02			Huyện Mỹ Đức	2021
607	Ao cửa làng Ái Nàng (dự án cải tạo đề vùng 700)	ONT	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
608	Cửa Nhà văn hóa Phú Thanh (dự án cải tạo đề vùng 700)	ONT	0,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
609	Khu nhà ở & dịch vụ Thương Mại Yên Vỹ	ONT	27,40			Huyện Mỹ Đức	2022
610	Khu Cửa làng và Đồng Cao	ONT	15,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
611	Chuyển mục đích đất xen kẹt sang đất ở	ONT	0,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
612	Chuyển mục đích đất xen kẹt sang đất ở	ONT	1,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
613	Chuyển mục đích đất xen kẹt sang đất ở	ONT	0,06			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
614	Chuyển mục đích đất xen kẹt sang đất ở	ONT	0,02			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
615	Chuyển mục đích đất xen kẹt sang đất ở khu Đồng Bén	ONT	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
616	Chuyển mục đích đất xen kẹt sang đất ở khu Bó Thông	ONT	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
617	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang đất ở	ONT	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2022
618	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu bãi trại xóm cầu thôn Hòa Mỹ	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
619	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu đô thị Mỹ Hà	ONT	2,10		2,10	Huyện Phú Xuyên	2022
620	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu cống đằm, Mai Trang	ONT	0,07		0,07	Huyện Phú Xuyên	2022
621	Khu đấu giá QSD đất ở Phúc Xuyên	ONT	9,86		9,86	Huyện Phú Xuyên	2022
622	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Ao ông Bầy, thôn Giáp Ba	ONT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
623	Khu Bờ Giếng Trên, thôn Kiều Đông	ONT	1,02		1,02	Huyện Phú Xuyên	2022
624	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu lò cửa đình thôn Xuân La	ONT	0,49		0,49	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
625	Giao đất cho ông Nguyễn Thăng Long và bà Đinh Thị Nền	ONT	0,01		0,01	Huyện Phú Xuyên	2022
626	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dọc dưới thôn Giẽ Hạ	ONT	2,98		2,98	Huyện Phú Xuyên	2022
627	Đấu giá QSD đất ở tại khu Cụ Nguyễn, thôn Phong Triều, xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên	ONT	1,02		1,02	Huyện Phú Xuyên	2022
628	Đấu giá QSD đất ở tại khu ruộng Đồng Trâu, thôn An Mỹ, xã Đại Thắng	ONT	1,60		1,60	Huyện Phú Xuyên	2022
629	Khu ao Nhà văn hóa, thôn Thượng	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
630	Khu ruộng Cửa đình, thôn Phú Đôi, xã Đại Thắng	ONT	1,39		1,39	Huyện Phú Xuyên	2022
631	Khu Cửa Kho giáp sân thể thao, thôn Trãi	ONT	0,21		0,21	Huyện Phú Xuyên	2022
632	Khu Vạn Được 2, thôn Cỗ Trai	ONT	0,16		0,16	Huyện Phú Xuyên	2022
633	Khu Sau UBND huyện, tiểu khu Thao Chính- Tiểu khu Phú Mỹ, thị trấn Phú Xuyên	ONT	3,39		3,39	Huyện Phú Xuyên	2022
634	Khu Nam Chính, tiểu khu Thao Chính, thị trấn Phú Xuyên	ONT	10,80		10,80	Huyện Phú Xuyên	2022
635	Khu ao Hội Trường, thôn Kim Long Thượng, xã Hoàng Long	ONT	0,86		0,86	Huyện Phú Xuyên	2022
636	Khu ao Họ, thôn Hoàng Nguyên, xã Tri Thủy	ONT	0,11		0,11	Huyện Phú Xuyên	2022
637	Khu ao ông Hoạt, thôn Cầu Giẽ, xã Châu Can	ONT	0,87		0,87	Huyện Phú Xuyên	2022
638	khu Khoai vực, đường thanh niên, thôn Từ Thuận	ONT	1,60		1,60	Huyện Phú Xuyên	2022
639	Khu Phúc Tiến, thôn An Khoái, thôn Ứng Hòa, thôn Cỗ Ché	ONT	9,31		9,31	Huyện Phú Xuyên	2022
640	Khu Đồng Xép, thôn Thao Nội, xã Sơn Hà	ONT	7,40		7,40	Huyện Phú Xuyên	2022
641	Khu Đồng Thọ, thôn Bái Xuyên, xã Minh Tân	ONT	2,78		2,78	Huyện Phú Xuyên	2022
642	Khu Ách Trong, thôn Sào Hạ, xã Quang Lăng	ONT	0,97		0,97	Huyện Phú Xuyên	2022
643	Khu Làn Trại, thôn Thủy Trú	ONT	0,83		0,83	Huyện Phú Xuyên	2022
644	Khu ao Cổng Sơn- Khu Thùng Lò, thôn Hoàng Đông	ONT	0,83		0,83	Huyện Phú Xuyên	2022
645	Xây dựng HTKT khu tái định cư ven đường Truyền thống, thôn An Khoái	ONT	9,80		9,80	Huyện Phú Xuyên	2022
646	Khu Đấu giá quyền sử dụng đất, Khu tái định cư Khu Đồng Hồ Trong, thôn Phúc Lâm	ONT	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
647	Xây dựng HTKT tái định cư khu Đồng Bầy Mẫu, xã Tri Thủy phục vụ công tác GPMB dự án trên địa bàn huyện Phú Xuyên	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
648	Xây dựng HTKT tái định cư khu Đồng Bồn, xã Tri Thủy phục vụ công tác GPMB dự án trên địa bàn huyện Phú Xuyên	ONT	2,23		2,23	Huyện Phú Xuyên	2022
649	Cải tạo nâng khả năng tải tuyến đường dây 110kV từ trạm biến áp 110kV Vân Đình đi trạm biến áp 110kV Tía	ONT	0,29		0,29	Huyện Phú Xuyên	2022
650	Chuyển vị trí sử dụng đất của bà Đỗ Thái Hà, xã Minh Tân	ONT	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
651	Đầu giá QSD đất ở khu ao ông Bảy, thôn Giáp Ba, xã Bạch Hạ	ONT	0,19		0,19	Huyện Phú Xuyên	2022
652	Đầu giá QSD đất ở khu ao ông Phẩm, thôn Giáp Tư, xã Bạch Hạ	ONT	0,06		0,06	Huyện Phú Xuyên	2022
653	Đầu giá QSD đất ở khu Khu giáp trường mầm non An Bình, thôn An Bình	ONT	1,54		1,54	Huyện Phú Xuyên	2022
654	Đầu giá QSD đất ở khu Khu Làn Trại, thôn Thủy Trú	ONT	0,83		0,83	Huyện Phú Xuyên	2022
655	Đầu giá QSD đất ở khu Ngõ Bò, Giáp Tư	ONT	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2022
656	Đầu giá QSD đất ở khu khu Cửa Đình, Giáp Tư	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2023
657	Đầu giá QSD đất ở khu ao Phía Tây, thôn Giáp Tư	ONT	0,81		0,81	Huyện Phú Xuyên	2025
658	Đầu giá QSD đất ở khu ao Phía Tây, thôn Giáp Ba	ONT	0,49		0,49	Huyện Phú Xuyên	2022
659	Đầu giá QSD đất ở khu ao phía Đông, Giáp Ba	ONT	0,23		0,23	Huyện Phú Xuyên	2025
660	Khu Vòng Thượng, thôn Bài Lễ	ONT	0,42		0,42	Huyện Phú Xuyên	2022
661	Khu ao ông Hoạt, thôn Cầu Giẽ	ONT	0,90		0,90	Huyện Phú Xuyên	2022
662	Khu ông Khương, thôn Nghĩa Lập (Vườn Dậm)	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
663	Khu đồng Bài Lễ, thôn Bài Lễ	ONT	0,90		0,90	Huyện Phú Xuyên	2022
664	Khu chân Tre + Bờ Giếng, thôn Tư Can	ONT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2022
665	Khu Đình Đụn, thôn Quán	ONT	0,45		0,45	Huyện Phú Xuyên	2022
666	Đầu giá QSD đất ở khu Sau Làng, thôn Cổ Châu, xã Châu Can	ONT	0,57		0,57	Huyện Phú Xuyên	2022
667	Đầu giá QSD đất ở khu Sau Làng, thôn Nội, xã Châu Can	ONT	0,31		0,31	Huyện Phú Xuyên	2022
668	Khu ông Cao, thôn Lễ Thượng	ONT	0,05		0,05	Huyện Phú Xuyên	2022
669	Đầu giá QSD đất ở tại ao Nhà văn hóa, thôn Thượng, xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
670	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân tại xã Chuyên Mỹ	ONT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
671	Đầu giá đất ở Khu Làn Vương, thôn Trung	ONT	0,72		0,72	Huyện Phú Xuyên	2022
672	Đầu giá đất ở Khu Chồi Ngoài, thôn Đồng Vinh	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
673	Đầu giá đất ở Khu ao Làng 2, thôn Hạ	ONT	0,26		0,26	Huyện Phú Xuyên	2025
674	Đầu giá đất ở Khu Rãnh M, thôn Bối Khê	ONT	0,76		0,76	Huyện Phú Xuyên	2022
675	Đầu giá đất ở Khu Bãi Bông, thôn Trung	ONT	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2022
676	Đầu giá đất ở Khu Cửa Làng, thôn Mỹ Văn	ONT	1,67		1,67	Huyện Phú Xuyên	2025
677	Đầu giá QSD đất ở tại khu Đường Tròn, thôn Ngõ, xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên	ONT	0,99		0,99	Huyện Phú Xuyên	2021
678	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất Khu Rãnh Sen, thôn Bối Khê	ONT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
679	Đầu giá QSD đất ở khu ruộng Cửa đình, thôn Phú Đồi, xã Đại Thắng	ONT	1,39		1,39	Huyện Phú Xuyên	2022
680	Đầu giá QSD đất ở Khu ao Tam Bảo+ ao Trùng, thôn Tạ Xá	ONT	0,11		0,11	Huyện Phú Xuyên	2022
681	Đầu giá QSD đất ở Khu ao Thùng Đầu, thôn An Mỹ	ONT	0,42		0,42	Huyện Phú Xuyên	2025
682	Đầu giá QSD đất ở khu Ruộng sau Đồng, thôn Văn Hội	ONT	2,80		2,80	Huyện Phú Xuyên	2022
683	Đầu giá quyền sử dụng đất tại khu Đồng Trâu thôn An Mỹ	ONT	4,30		4,30	Huyện Phú Xuyên	2024
684	Đầu giá QSD đất ở khu Ruộng Đồng Trâu, thôn An Mỹ	ONT	1,60		1,60	Huyện Phú Xuyên	2021
685	Đầu giá QSD đất ở khu Ruộng sau Đồng, thôn Văn Hội	ONT	2,58		2,58	Huyện Phú Xuyên	2022
686	Điểm dân cư xã Đại Thắng	ONT	10,00		10,00	Huyện Phú Xuyên	2023
687	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư khu Kênh Kiều Đoài (phục vụ dự án đường nhánh nối Quốc Lộ 1A và Cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ)	ONT	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2022
688	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất Khu ao phía Tây đường sắt, thôn Kiều Đoài	ONT	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
689	Đầu giá quyền sử dụng đất khu Bờ Giếng trên, thôn Kiều Đông, xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
690	Đầu Giá quyền sử dụng đất khu Vạn Được 2, thôn Cỗ Trai, xã Đại Xuyên	ONT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
691	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu ao bà Kênh, thôn Kiều Đoài	ONT	1,53		1,53	Huyện Phú Xuyên	2022
692	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu ao cửa làng - Chiều trên, thôn Thái Lai	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2023
693	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu giáp đường Cao Tốc, thôn Cỗ Trai	ONT	1,70		1,70	Huyện Phú Xuyên	2023
694	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu Bà Hiệu, thôn Thường Xuyên	ONT	2,38		2,38	Huyện Phú Xuyên	2022
695	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu ao Lò Gạch thôn Kiều Đông	ONT	0,26		0,26	Huyện Phú Xuyên	2025
696	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu giáp Cao Tốc, thôn Thái Lai	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2025
697	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu sau Nhà văn hóa, thôn Đa Chắt	ONT	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2023
698	Khu ao Hội Trường - ao Họ, thôn Kim Long Thượng (giai đoạn 1)	ONT	0,60		0,60	Huyện Phú Xuyên	2022
699	Khu ao Công Sơn - Thùng Lò, thôn Hoàng Đông	ONT	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
700	Khu Đường Sen, thôn Cỗ Hoàng	ONT	1,54		1,54	Huyện Phú Xuyên	2023
701	Khu Ngưu Ngành - Vườn Xôi, Kim Long Nội - Kim Long Trung (giai đoạn 1)	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
702	Khu Thờ Dư - Tư Văn, Kim Long Thượng	ONT	1,33		1,33	Huyện Phú Xuyên	2023
703	Khu Sau Vữa - Cầu Đất, thôn Nhị Khê	ONT	1,06		1,06	Huyện Phú Xuyên	2023
704	Đầu giá QSD đất ở tại Khu ao chữ A, Đào Xá	ONT	0,52		0,52	Huyện Phú Xuyên	2022
705	Khu ao Chuôm To (thôn Thanh Xuyên)	ONT	1,40		1,40	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
706	Đầu giá QSD đất ở tại Khu Chuôm, thôn Nhị Khê, xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên	ONT	0,14		0,14	Huyện Phú Xuyên	2021
707	Đầu giá QSD đất ở tại Khu Phần Trăm, thôn Phù Bát	ONT	2,24		2,24	Huyện Phú Xuyên	2022
708	Đầu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu giáp Trinh Viên, thôn Tân độ	ONT	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2021
709	Khu Tây Đình Thượng, Lát Dương	ONT	0,43		0,43	Huyện Phú Xuyên	2022
710	Khu giáp trục phía Đông, thôn Duyên Yết	ONT	3,57		3,57	Huyện Phú Xuyên	2023
711	Khu chân mạ cửa ông Nhiều, thôn Duyên Trang	ONT	0,74		0,74	Huyện Phú Xuyên	2024
712	Khu Đất Sếp, thôn Vĩnh Hạ	ONT	1,60		1,60	Huyện Phú Xuyên	2022
713	Điểm dân cư xã Khai Thái	ONT	4,20		4,20	Huyện Phú Xuyên	2023
714	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất Khu cửa ông Ngợi thôn Vĩnh Trung	ONT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2022
715	Ao Phía Tây, thôn Lập Phương	ONT	0,31		0,31	Huyện Phú Xuyên	2022
716	Khu sau ông Chắp, thôn Vĩnh Trung	ONT	0,19		0,19	Huyện Phú Xuyên	2023
717	Ao ông San, thôn Vĩnh Thượng	ONT	0,06		0,06	Huyện Phú Xuyên	2022
718	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu Ngoài Đê, thôn Đồng Lạc	ONT	2,38		2,38	Huyện Phú Xuyên	2025
719	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu Cống Đàm, thôn Mai Trang, xã Minh Tân	ONT	0,07		0,07	Huyện Phú Xuyên	2021
720	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất Khu Ao Hè Thu, thôn Thành Lập 2	ONT	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2021
721	Chuyển mục đích sử dụng đất ở tại khu đồng đất sét	ONT	0,03		0,03	Huyện Phú Xuyên	2023
722	Đầu giá đất ở Khu Cửa Đình- Đồng Nữ, thôn Nội Hợp	ONT	2,03		2,03	Huyện Phú Xuyên	2022
723	Đầu giá đất ở Khu Đô thị Phú Mỹ- Nam Phú (phần đất xã Nam Phong)	ONT	0,90		0,90	Huyện Phú Xuyên	2022
724	Đầu giá đất ở Khu Tam Quan 2, Nam Phú	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2023
725	QH đất ở thôn Cát Bi tại xứ đồng Bà Đức	ONT	3,00		3,00	Huyện Phú Xuyên	2022
726	Khu ông Tài, thôn Đại Gia	ONT	1,16		1,16	Huyện Phú Xuyên	2022
727	Khu Dầu Chùa, thôn Chanh Thôn	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
728	Khu Sau Làng 1, thôn Nhân Vực	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
729	Khu đầu giá mẫu cửa hàng thôn Thụy Phú	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021
730	Khu Ao Lò, Thôn Nhân Vực	ONT	1,34		1,34	Huyện Phú Xuyên	2022
731	Mở rộng khu ở Chân Mạ Cửa Làng, Mầu Cửa Hàng khu dân cư Thụy Phú	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2023
732	Đầu giá QSD đất ở tại khu Cụ Nguyễn, thôn Phong Triều, xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên	ONT	1,02		1,02	Huyện Phú Xuyên	2021
733	Khu ao hộ Sinh, Thôn Phong Triều	ONT	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
734	Khu ao Bà Hòa 2, thôn Phong Triều	ONT	0,72		0,72	Huyện Phú Xuyên	2023
735	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu đồng soi trên Thôn Tư Sản	ONT	0,57		0,57	Huyện Phú Xuyên	2021
736	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu ải mạ sau trường TH Thôn Lưu Đông	ONT	0,75		0,75	Huyện Phú Xuyên	2021
737	Khu Cánh Sông, thôn Trình Viên	ONT	0,16		0,16	Huyện Phú Xuyên	2022
738	Khu Chăn Nuôi, thôn Đường La - thôn Phú Túc	ONT	1,57		1,57	Huyện Phú Xuyên	2022
739	Khu Sau Gia, thôn Phú Túc	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2025
740	Khu Giáp trường Mầm non Hoàng Xá, thôn Hoàng Xá	ONT	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2022
741	Khu Giáp đường trục Kinh Tế tỉnh Hà Tây cũ, thôn Trình Viên	ONT	7,60		7,60	Huyện Phú Xuyên	2025
742	Khu Sau Làng 2, thôn Giẽ Thượng	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2023
743	Khu Trục Đường xã, thôn Giẽ Hạ	ONT	0,97		0,97	Huyện Phú Xuyên	2022
744	Khu Vây Am. Thôn Thượng Yên	ONT	6,00		6,00	Huyện Phú Xuyên	2022
745	Khu Cánh Máy 2, thôn Thủy Phú	ONT	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2023
746	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dọc dưới thôn Giẽ Hạ	ONT	2,98		2,98	Huyện Phú Xuyên	2021
747	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư khu đầm Cửa Ga, thôn An Khoái (phục vụ xây dựng đường gom Cầu Giẽ - Phú Yên - Vân Từ tuyến phía Tây đường sắt).	ONT	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2022
748	Khu đấu giá đất ở khu Phúc Tiến	ONT	7,63		7,63	Huyện Phú Xuyên	2022
749	Đấu giá QSDĐ Khu ao Nổ To, thôn Khả Liễu	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
750	Đấu giá QSDĐ Khu giáp Mầm Non, thôn Cỗ Chế	ONT	1,30		1,30	Huyện Phú Xuyên	2022
751	Đấu giá QSDĐ Khu Đầm 3, thôn Ứng Hòa	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
752	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Thùng Nhèm, thôn An Khoái	ONT	0,60		0,60	Huyện Phú Xuyên	2021
753	Khu đấu giá quyền sử dụng đất Phúc Xuyên	ONT	9,80		9,80	Huyện Phú Xuyên	2022
754	Tái định cư các hộ bị thu hồi đất dự án đường điện 500kv, nhánh 2	ONT	0,03		0,03	Huyện Phú Xuyên	2022
755	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu Lò cửa đình thôn Xuân La	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
756	Khu Đồng ao Cả, Gốc Sy, Bờ ồ, Đồng Xép, thôn Xuân La	ONT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2022
757	khu ao bầu Tam Từ Cầu Cao, thôn Phượng Vũ	ONT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2022
758	Khu ao xóm Đông Hà, thôn Phượng Vũ	ONT	0,39		0,39	Huyện Phú Xuyên	2022
759	Chuyển mục đích sử dụng từ đất sản xuất kinh doanh sang đất ở	ONT	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2023
760	Khu ao Lò Gạch, thôn Xuân La	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2023
761	Khu ao bầu - Tam Từ Cầu Cao, thôn Phượng Vũ	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
762	Khu ao Cừ, thôn Phụng Vũ	ONT	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2024
763	Đầu giá quyền sử dụng đất ở khu Xứ đồng Đàm Nội, Tầm Hạ	ONT	0,45		0,45	Huyện Phú Xuyên	2025
764	Đầu giá quyền sử dụng đất ở tại Ngã tư Mễ đi chợ Chăm	ONT	0,24		0,24	Huyện Phú Xuyên	2021
765	Đầu giá QSD đất ở khu xứ đồng Ách Trong, Sảo Hạ	ONT	0,97		0,97	Huyện Phú Xuyên	2022
766	Đầu giá QSD đất ở khu ngã tư Mễ xứ đồng đường ngang thôn Mễ	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
767	Đầu giá quyền sử dụng đất ở khu Trà Dưới, thôn Tri Lễ	ONT	1,70		1,70	Huyện Phú Xuyên	2022
768	Đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Ao Cửa Nổ, thôn Văn Lãng	ONT	0,18		0,18	Huyện Phú Xuyên	2021
769	Đầu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Xép, thôn Thao Nội, xã Sơn Hà	ONT	5,90		5,90	Huyện Phú Xuyên	2022
770	Đầu giá quyền sử dụng đất khu sau trạm Y tế, thôn Sơn Thanh	ONT	0,95		0,95	Huyện Phú Xuyên	2023
771	Đầu giá quyền sử dụng đất khu Trục Đường Chợ, thôn Sơn Thanh	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
772	QH đất ở khu đường vào trường cấp 3, thôn Đại Nghiệp	ONT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
773	QH đất ở khu đồng Láng Đội 3, thôn Đồng Phố	ONT	1,40		1,40	Huyện Phú Xuyên	2025
774	QH đất ở Khu Trung Hộ xóm 3 giai đoạn 2, thôn Đồng Phố	ONT	0,16		0,16	Huyện Phú Xuyên	2023
775	QH đất ở Khu đồng Hàng đội 1, thôn Đồng Phố	ONT	0,98		0,98	Huyện Phú Xuyên	2022
776	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất Khu Thùng Lò Gạch, thôn Bái Đô	ONT	0,96		0,96	Huyện Phú Xuyên	2021
777	QH đất ở khu cánh Đồng Mây, thôn Tri Thủy	ONT	1,86		1,86	Huyện Phú Xuyên	2022
778	QH đất ở Khu ao Họ, thôn Hoàng Nguyên	ONT	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2022
779	QH đất ở khu ao Cạnh Chùa, thôn Nhân Sơn	ONT	0,17		0,17	Huyện Phú Xuyên	2022
780	QH đất ở Khu ao Bàng, thôn Nhân Sơn	ONT	0,58		0,58	Huyện Phú Xuyên	2022
781	QH đất ở Khu đất nhà văn hóa cũ, thôn Hoàng Nguyên	ONT	0,14		0,14	Huyện Phú Xuyên	2024
782	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Mèo, xã Tri Trung	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021
783	Khu đường Cà, thôn Tri Chi	ONT	3,50		3,50	Huyện Phú Xuyên	2022
784	Khu Đồng Khay, thôn Nội gđ 2	ONT	0,89		0,89	Huyện Phú Xuyên	2022
785	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu Khoai Vực đường Thanh Niên thôn Từ Thuận	ONT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2022
786	Đầu giá QSD đất ở khu Cửa Kho giáp Sân Vận động, Thôn Trãi, xã Văn Từ	ONT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
787	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất Khu đồng độc, thôn Chính Vân	ONT	0,45		0,45	Huyện Phú Xuyên	2022
788	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Mây, thôn Chính Vân	ONT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2023
789	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất Khu Sau Đồng và Đồng Go, thôn Chung Chăn	ONT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2023
790	Đầu giá quyền sử dụng đất khu phần Trăm, thôn Phù Bật, xã Hồng Minh	ONT	2,25		2,25	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
791	Đầu giá quyền sử dụng đất Khu ruộng Cửa đình, thôn Phú Đồi, xã Đại Thắng	ONT	1,39		1,39	Huyện Phú Xuyên	2022
792	Đầu giá quyền sử dụng đất khu Sau UBND huyện, tiểu khu Thao Chính- Tiểu khu Phú Mỹ, thị trấn Phú Xuyên	ONT	3,39		3,39	Huyện Phú Xuyên	2022
793	Đầu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Quan, TK Mỹ Lâm	ONT	8,15		8,15	Huyện Phú Xuyên	2022
794	Đầu giá quyền sử dụng đất khu Đường Cà, Tri Chi	ONT	3,46		3,46	Huyện Phú Xuyên	2022
795	Đầu giá quyền sử dụng đất Khu dân cư Tế Nông - Đồng Gừng	ONT	11,63		11,63	Huyện Phú Xuyên	2022
796	Khu dân cư nông thôn mới khu tái định cư xã Đông Yên	ONT	0,68		0,68	Huyện Quốc Oai	2021-2025
797	Khu dân cư nông thôn mới khu trung tâm xã Đông Xuân	ONT	2,00		2,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
798	Khu dân cư nông thôn mới ĐG18, ĐG09 xã Hòa Thạch	ONT	2,70		2,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
799	Khu dân cư nông thôn mới (Khu Cây Đa – Thôn Bạch Thạch) xã Hoà Thạch	ONT	0,90		0,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
800	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất tái định cư và đầu giá quyền sử dụng đất ở xã Hoà Thạch	ONT	0,90		0,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
801	Khu dân cư nông thôn mới xã Cấn Hữu (Khu xem kết XK2-CH và khu XK3-CH)	ONT	1,80		1,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
802	Khu dân cư nông thôn mới khu Man Trên, thôn Thế Trụ	ONT	1,87		1,87	Huyện Quốc Oai	2021-2025
803	Khu dân cư nông thôn mới ĐG05/2019 thôn Thế Trụ, xã Nghĩa Hương	ONT	2,47		2,47	Huyện Quốc Oai	2021-2025
804	Giao lại đất giãn cư cho 02 hộ năm 2012	ONT	0,02		0,02	Huyện Quốc Oai	2021-2025
805	Khu dân cư nông thôn mới khu đất dịch vụ xã Nghĩa Hương, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	ONT	3,63		3,63	Huyện Quốc Oai	2021-2025
806	Khu dân cư nông thôn mới ở xen kết xã Nghĩa Hương (XK1-NH, XK2-NH, XK3-NH, XK4-NH, XK5-NH, XK6-NH, XK7-NH, XK8-NH)	ONT	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
807	Khu dân cư nông thôn mới thôn Đồng Sơn, xã Tuyết Nghĩa (trường mầm non cũ),(ĐG09/2017).	ONT	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
808	Khu dân cư nông thôn mới thôn Cổ Hiền, xã Tuyết Nghĩa (ĐG30)	ONT	1,90		1,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
809	Khu dân cư nông thôn mới xã Tuyết Nghĩa (xen kết XK2-TN, XK3-TN, XK4-TN, XK5-TN, XK7-TN, XK8-TN, XK9-TN)	ONT	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
810	Khu dân cư nông thôn mới xã Cộng Hòa (khu tái định cư)	ONT	4,90		4,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
811	Khu dân cư nông thôn mới thôn Yên Quán, xã Tân Phú (ĐG31)	ONT	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
812	Khu dân cư nông thôn mới xã Tân Phú (xen kết XK1-TP, XK2-TP)	ONT	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
813	Khu dân cư nông thôn mới ĐG07/2018 xã Tân Hòa (Khu Sông Xương 2)	ONT	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
814	Khu dân cư nông thôn mới ĐG24 thôn Yên Nội, xã Đồng Quang	ONT	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
815	Khu dân cư nông thôn mới ĐG25 thôn Yên Nội, xã Đồng Quang	ONT	1,90		1,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
816	Khu dân cư nông thôn mới ĐG26 thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang	ONT	3,06		3,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
817	Khu dân cư nông thôn mới (đất xen kẹt xã Liệp Tuyết)	ONT	0,40		0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
818	Khu dân cư nông thôn mới xã Ngọc Liệp (ĐG12/2019)	ONT	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
819	Khu dân cư nông thôn mới (thôn Liệp Mai)	ONT	5,80		5,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
820	Khu dân cư nông thôn mới (thôn Ngọc Bài)	ONT	3,80		3,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
821	Khu dân cư nông thôn mới (thôn Ngọc Phúc)	ONT	1,70		1,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
822	Khu dân cư nông thôn mới (thôn Đồng Bụt)	ONT	3,60		3,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
823	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (ĐG TT01)	ONT	5,00		3,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
824	Đầu giá quyền sử dụng đất lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp nhà ở, văn phòng và dịch vụ thương mại ĐG 03/2019 xã Ngọc Mỹ	ONT	5,30		5,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
825	Khu dân cư nông thôn mới thôn Phú Mỹ, xã Ngọc Mỹ (ĐG06/2019)	ONT	5,00		1,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
826	Khu dân cư nông thôn mới xã Ngọc Mỹ (ĐG11/2019)	ONT	9,00		9,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
827	Khu dân cư nông thôn mới thôn Phú Mỹ, xã Ngọc Mỹ (ĐG04/2019, Khu Trại Cá - thôn Phú Mỹ)	ONT	0,77		0,77	Huyện Quốc Oai	2021-2025
828	Khu dân cư nông thôn mới ĐG20/2019 thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ	ONT	4,40		4,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
829	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (ĐG21.1/2019)	ONT	5,00		5,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
830	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (ĐG21.2/2019)	ONT	4,90		4,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
831	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (ĐG21.3/2019)	ONT	3,30		3,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
832	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (ĐG22/2019)	ONT	3,60		3,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
833	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (ĐG23/2019)	ONT	3,80		3,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
834	Khu dân cư nông thôn mới xen kẹt thôn Phú Mỹ, xã Ngọc Mỹ (giáp khu ĐG06/2019, xã Ngọc Mỹ)	ONT	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
835	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (giáp khu ĐGTT01 xã Ngọc Mỹ)	ONT	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
836	Khu dân cư nông thôn mới xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai (vị trí tiếp giáp trực đường Bắc Nam thị trấn Quốc Oai)	ONT	1,80		1,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
837	Khu dân cư nông thôn mới ĐG02/2019 thôn Sơn Trung, xã Yên Sơn	ONT	1,65		1,65	Huyện Quốc Oai	2021-2025
838	Khu dân cư nông thôn mới khu đất dịch vụ xã Yên Sơn	ONT	0,48		4,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
839	Khu dân cư nông thôn mới xã Phương Cách (khu vực giáp Monaco)	ONT	7,00		7,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
840	Khu dân cư nông thôn mới xã Sài Sơn (ĐG08/2019)	ONT	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
841	Khu dân cư nông thôn mới xã Sài Sơn (điểm 01 - thôn Khánh Tân - xã Sài Sơn)	ONT	1,70		1,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
842	Khu dân cư nông thôn mới (điểm 03 - thôn Thụy Khuê - xã Sài Sơn)	ONT	4,90		4,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
843	Khu dân cư nông thôn mới Sài Sơn (phục vụ GPMB dự án khu vui chơi giải trí Tuần Châu)	ONT	9,32		9,32	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
844	Khu dân cư nông thôn mới (ĐG03, ĐG05, ĐG 06 - Sài Sơn)	ONT	0,49		0,49	Huyện Quốc Oai	2021-2025
845	Khu dân cư nông thôn mới (dự án đất dịch vụ CEO, xã Sài Sơn)	ONT	1,45		1,45	Huyện Quốc Oai	2021-2025
846	Khu dân cư nông thôn mới xã Sài Sơn (xen kẹt XK3-SS, XK4-SS, XK5-SS)	ONT	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
847	Khu dân cư nông thôn mới thôn Khánh Tân, xã Sài Sơn (điểm đầu giá 02)	ONT	3,57	3,57	-	Huyện Quốc Oai	2021-2025
848	Khu dân cư nông thôn mới thôn Phúc Đức, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai (ĐG28, ĐG29, ĐG32)	ONT	15,00		15,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
849	Dự án khu đô thị mới tại lô đất N1+N3 thuộc khu đô thị Quốc Oai, huyện Quốc Oai	ONT	24,40		-	Huyện Quốc Oai	2021-2025
850	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất dịch vụ Sài Sơn (phục vụ GPMB dự án đầu tư khu đô thị mới tại Lô N1 + N3)	ONT	3,40		-	Huyện Quốc Oai	2021-2025
851	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung khu trung tâm tái định cư Vai Réo, xã Phú Cát	ONT	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
852	Khu dân cư nông thôn mới Gốc Sứa xã Phú Cát	ONT	0,03		0,03	Huyện Quốc Oai	2021-2025
853	Chuyển đất vườn, ao liền kề cùng thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở	ONT	63,00		63,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
854	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá quyền sử dụng đất số 1 tại thôn Hương Đình, xã Mai	ONT	1,80		0,34	Huyện Sóc Sơn	2022
855	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLC T Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLC T Sóc Sơn)	ONT	7,50		0,30	Huyện Sóc Sơn	2022
856	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Nam Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLC T Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLC T Sóc Sơn)	ONT	16,50		0,20	Huyện Sóc Sơn	2022
857	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất tại thôn Thanh Nhân, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn	ONT	1,30		1,30	Huyện Sóc Sơn	2022
858	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất tại thôn Tăng Long, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	ONT	0,75		0,75	Huyện Sóc Sơn	2022
859	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất tại khu Đầm Ngái 1, thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu	ONT	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
860	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá quyền sử dụng đất số 2 tại thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	3,20		1,60	Huyện Sóc Sơn	2022
861	ĐA XD HTKT khu TĐC thôn Đa Hội phục vụ GPMB dự án khu LHXLC T Sóc Sơn	ONT	5,00		0,14	Huyện Sóc Sơn	2022
862	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy hoạch dự án: Cải tạo. nâng cấp đường 131 đoạn Núi Đồi đi xã Tân Minh. Bắc Phú và đường khu tập thể 143-418 xã Bắc Phú	ONT	1,50		0,20	Huyện Sóc Sơn	2022
863	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Bắc Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng của khu LHXLC chất thải Sóc Sơn (phạm vi bán kính 500m)	ONT	7,80		7,80	Huyện Sóc Sơn	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
864	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt, nhỏ lẻ để đấu giá QSD đất tại Khu Đồng Sau, thôn Thạch Lỗi	ONT	0,42		0,41	Huyện Sóc Sơn	2022
865	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại Cửa Điện, thôn Phong Mỹ, xã Trung Giã	ONT	1,41		1,41	Huyện Sóc Sơn	2022
866	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB dự án khu du lịch sinh thái Sóc Sơn (khu 1, khu 2, khu 3) thôn Vệ Linh, Cộng Hoà, xã Phù Linh	ONT	5,60		4,01	Huyện Sóc Sơn	2022
867	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất phía Tây Bắc thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	0,80		0,80	Huyện Sóc Sơn	2022
868	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất phía Đông Nam thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	0,78		0,78	Huyện Sóc Sơn	2022
869	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Tân Thái, xã Hiền Ninh	ONT	0,68		0,68	Huyện Sóc Sơn	2022
870	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Hiền Lương, xã Hiền Ninh	ONT	1,69		1,69	Huyện Sóc Sơn	2022
871	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Xuân Dục, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn	ONT	0,58		0,58	Huyện Sóc Sơn	2022
872	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xóm Ninh Liệt, thôn 9 xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường KLHXL chất thải Sóc Sơn trong phạm vi bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLC T Sóc Sơn	ONT	9,50		9,50	Huyện Sóc Sơn	2022
873	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn	ONT	4,30		0,14	Huyện Sóc Sơn	2022
874	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt phục vụ đấu giá QSD đất tại xứ đồng Sau Làng, thôn Hoàng Dương, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn	ONT	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
875	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá QSD đất tại ven đê thôn Kim Hạ, xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn	ONT	1,00		1,00	Huyện Sóc Sơn	2022
876	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại Cửa Kho, thôn Bình An, xã Trung Giã	ONT	2,55		2,55	Huyện Sóc Sơn	2022
877	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại khu cầu Đá, thôn Bình An, xã Trung Giã	ONT	3,50		3,50	Huyện Sóc Sơn	2022
878	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại thôn Ấp Cút, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn	ONT	1,80		1,80	Huyện Sóc Sơn	2022
879	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại thôn Lạc Nông, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn	ONT	1,90		1,90	Huyện Sóc Sơn	2022
880	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại thôn Tiên Tào, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	ONT	2,10		2,10	Huyện Sóc Sơn	2022
881	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại thôn Ngõ Đạo, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	ONT	1,70		1,70	Huyện Sóc Sơn	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
882	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất tại thôn Xuân Bách, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn	ONT	17,80		17,80	Huyện Sóc Sơn	2022
883	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn	ONT	1,58		1,58	Huyện Sóc Sơn	2022
884	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn tại thôn Tăng Long, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	ONT	1,14		1,14	Huyện Sóc Sơn	2022
885	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn tại khu Cửa Chợ, thôn Ngõ Đạo, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	ONT	3,80		3,80	Huyện Sóc Sơn	2022
886	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	ONT	0,80		0,80	Huyện Sóc Sơn	2022
887	Giải quyết tồn tại giao đất giãn dân theo Kết luận 332/KL-TTTP của Thanh tra Chính phủ	ONT	0,17			Huyện Sóc Sơn	2022
888	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn, ao liền kề (cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản) trong cùng thửa đất ở sang đất ở;	ONT	4,46			Huyện Sóc Sơn	2022
889	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn, ao xen kẹt trong khu dân cư (không phải là đất công, đất nông nghiệp được giao năm xen kẹt trong khu dân cư theo khoản 3 Điều 17 quy định kèm theo Quyết định 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND TP)	ONT	15,38			Huyện Sóc Sơn	2022
890	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Khu nhà ở để bán cho cán bộ chiến sỹ Tổng cục Chính trị Công an nhân dân - Bộ Công an	ONT	4.79			Huyện Sóc Sơn	2022
891	Dự án xây dựng HTKT khu đất để đầu giá quyền sử dụng đất tại thôn Dtrợc Thượng, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn	ONT	3.27		3.27	Huyện Sóc Sơn	2022
892	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Tân Trung Chùa, xã Hiền Ninh	ONT	1,94		1.94	Huyện Sóc Sơn	2022
893	Chuyển mục đích sử dụng đất từ vườn, ao liên kề (cây lâu năm. nuôi trồng thủy sản) trong cùng thửa đất ở sang đất ở	ONT	26.31			Huyện Sóc Sơn	2022
894	Chuyển mục đích sử dụng đất từ vườn, ao xen kẹt trong khu dân cư (không phải là đất công, đất nông nghiệp được giao năm xen kẹt trong khu dân cư theo khoản 3 Điều 17 Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố)	ONT	19.7			Huyện Sóc Sơn	2022
895	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn	ONT	1,58		1,58	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
896	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá quyền sử dụng đất số 1 tại thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	1,80		1,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
897	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá quyền sử dụng đất số 2 tại thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	3,20		3,20	Huyện Sóc Sơn	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
898	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Nam Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCST Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCST Sóc Sơn)	ONT	16,50		16,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
899	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá tại Cống Cả, thôn Dược Thượng, xã Tiên Dược	ONT	0,30		0,30	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
900	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt, nhỏ lẻ để đầu giá QSD đất tại Khu Đồng Sau, thôn Thạch Lỗi	ONT	0,42		0,42	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
901	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất xen kẹt tại Khu Cửa áp, thôn Xuân Sơn	ONT	0,48		0,48	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
902	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt, nhỏ lẻ để đầu giá QSD đất tại Xứ đồng Gò Trai, thôn Đức Hậu, xã Đức Hoà	ONT	0,49		0,49	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
903	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Tân Thái, xã Hiền Ninh	ONT	0,70		0,70	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
904	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất phía Đông Nam thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	0,78		0,78	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
905	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất phía Tây Bắc thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	0,80		0,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
906	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đầu giá QSD đất tại ven đê thôn Kim Hạ, xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn	ONT	1,00		1,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
907	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại khu Dộc Sau Làng, thôn Hoàng Dương, xã Mai Đình	ONT	1,07		1,07	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
908	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại Cửa Điện, thôn Phong Mỹ, xã Trung Giã	ONT	1,53		1,53	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
909	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Hiền Lương, xã Hiền Ninh	ONT	1,69		1,69	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
910	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại thôn Ngô Đạo, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	ONT	1,70		1,70	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
911	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá quyền sử dụng đất tại thôn Ấp Cút, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn	ONT	1,80		1,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
912	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá quyền sử dụng đất tại thôn Lạc Nông, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn	ONT	1,90		1,90	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
913	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất tại thôn Tiên Tảo, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	ONT	2,10		2,10	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
914	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Tân Trung Chùa, xã Hiền Ninh	ONT	2,56		2,56	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
915	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất tại thôn Dược Thượng, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn	ONT	3,40		3,40	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
916	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn	ONT	4,30		4,30	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
917	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB dự án khu du lịch sinh thái Sóc Sơn (khu 1, khu 2, khu 3) thôn Vệ Linh, Cộng Hoà, xã Phù Linh	ONT	5,60		5,60	Huyện Sóc Sơn	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
918	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xóm Ninh Liệt, thôn 9 xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường KLHXL chất thải Sóc Sơn trong phạm vi bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLC T Sóc Sơn	ONT	9,50		9,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
919	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất tại thôn Xuân Bách, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn	ONT	17,80		17,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
920	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá đất xen kẹt tại các xã	ONT	0,47	-	2,34	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
921	XD HTKT Khu A5 GĐII	ONT	32,50	-	1,10	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
922	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt, nhỏ lẻ để đấu giá QSD đất tại Xứ đồng Cầu Lò, thôn Đức Hậu, xã Đức Hoà	ONT	0,49	-	0,49	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
923	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt phục vụ đấu giá QSD đất tại khu Thanh Luông, thôn Yên Tàng	ONT	0,10	-	1,60	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
924	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu Chuôm Bô, thôn Yên Tàng, xã Bắc Phú	ONT	2,10	-	0,10	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
925	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu Góc Mít, thôn Yên Tàng, xã Bắc Phú	ONT	1,20	-	2,10	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
926	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu gò Mái Chó, thôn Phú Tàng, xã Bắc Phú	ONT	0,90	-	1,20	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
927	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá QSD đất tại xã ven đê thôn Kim Hạ, xã Kim Lũ	ONT	1,00	-	1,18	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
928	XD HTKT khu đấu giá QSDĐ tại thôn 4, 5 (khu đất X1)	ONT	0,22		0,20	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
929	XD HTKT khu đấu giá QSDĐ tại thôn 4, 5 (khu đất X2)	ONT	0,05		0,05	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
930	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSDĐ tại khu Trường tiểu học Xuân Thu	ONT	0,91		0,87	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
931	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSDĐ tại khu Chợ Sỏi, Xuân Lai	ONT	0,35		0,34	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
932	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hồng Kỳ	ONT	5,76		5,63	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
933	Xây dựng HTKT đấu giá QSDĐ (thôn Ninh Kiêu)	ONT	2,31		2,31	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
934	Xây dựng HTKT đấu giá QSDĐ (thôn Xuân Ấp)	ONT	2,31		2,26	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
935	Xây dựng HTKT đấu giá QSDĐ (thôn Xuân Ấp, Xuân Lễ)	ONT	3,83		3,83	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
936	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn tại khu Cửa Chợ, thôn Ngõ Đạo, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	ONT	3,80		3,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
937	Xây dựng nhà ở cho cán bộ, chiến sỹ Tổng cục Chính trị Công an nhân dân	ONT	4,80		4,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
938	Dự án xây dựng HTKT khu đất xen kẹt phục vụ đấu giá QSD đất tại xứ đồng Dộc Sạm, thôn Lương Châu	ONT	0,45	-	1,30	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
939	Xây dựng HTKT đấu giá khu trung tâm xã Đại Đồng	ONT	3,50		3,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
940	Đấu giá QSD đất khu đầu làng xã Cẩm Yên	ONT	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
941	Đấu giá QSD đất tại khu đất ở mới xã Cẩm Yên	ONT	6,00		6,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
942	Khu đấu giá đất ở mới Đầu Làng	ONT	3,90		3,90	Huyện Thạch Thất	2021-2025
943	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất tại khu đất ở mới xã Đồng Trúc	ONT	4,50		4,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
944	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất thôn Trúc Động xã Đồng Trúc	ONT	1,60		1,60	Huyện Thạch Thất	2021-2025
945	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất thôn Lại Thượng, xã Lại Thượng	ONT	5,94		5,94	Huyện Thạch Thất	2025
946	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất thôn Lại Khánh	ONT	0,34		0,34	Huyện Thạch Thất	2021-2025
947	Khu tái định cư xã Lại Thượng	ONT	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
948	Đấu giá QSD đất thôn Ngũ Sơn	ONT	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
949	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu trung tâm xã Phú Kim	ONT	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2025
950	Đấu giá QSD đất khu dân cư thôn Bách Kim xã Phú Kim	ONT	1,80		1,80	Huyện Thạch Thất	2021-2025
951	Đấu giá QSD đất khu giáp TL420 thôn Thúy Lai xã Phú Kim	ONT	2,30		2,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
952	Đấu giá QSD đất khu đất ở mới xã Kim Quan	ONT	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2024
953	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu đô thị mới cầu Bến Nghé, xã Kim Quan	ONT	38,90		24,82	Huyện Thạch Thất	2023
954	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu trung tâm xã Kim Quan	ONT	8,00		8,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
955	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu trung tâm xã Hương Ngải	ONT	8,30		8,30	Huyện Thạch Thất	2021-2022
956	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất tại khu Đồng Ngà (GĐ 3) xã Hương Ngải	ONT	1,60		1,60	Huyện Thạch Thất	2021-2022
957	Khu đô thị xã Hương Ngải	ONT	57,00		10,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
958	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt để đấu giá quyền sử dụng đất tại đồng Quân Kép (ký hiệu X1*)	ONT	0,43		0,43	Huyện Thạch Thất	2021-2022
959	Giải phóng mặt bằng khu đấu giá QSD đất khu trung tâm xã Canh Nậu	ONT	6,50		6,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
960	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu Ao Sen xã Canh Nậu (X1)	ONT	5,40		5,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
961	Đấu giá QSD đất khu đồng Định xã Canh Nậu	ONT	5,90		5,90	Huyện Thạch Thất	2021-2025
962	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu đất ở mới xã Canh Nậu	ONT	0,90		0,90	Huyện Thạch Thất	2022
963	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Đồng Định xã Dị Nậu	ONT	2,90		2,90	Huyện Thạch Thất	2021-2022
964	Đấu giá QSD đất khu đất ở mới xã Dị Nậu	ONT	2,18		2,18	Huyện Thạch Thất	2021-2025
965	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSDĐ tại khu đất ở mới (X2) xã Thạch Xá	ONT	0,22		0,22	Huyện Thạch Thất	2021-2022
966	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu Đồng Bùi xã Thạch Xá	ONT	18,00		18,00	Huyện Thạch Thất	2023-2024
967	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu trung tâm xã Thạch Xá	ONT	3,00		3,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
968	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá Đồng Thông - Đồng bán xã Chàng Sơn	ONT	4,96		4,96	Huyện Thạch Thất	2021-2022
969	Đấu giá QSD đất Khu đất ở mới xã Bình Phú	ONT	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
970	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt để đầu giá QSD đất tại khu đầu cầu dưới xã Bình Phú (ký hiệu X7)	ONT	2,00		2,00	Huyện Thạch Thát	2021-2022
971	Xây dựng khu đầu giá đất tại Cống Cầu Tiên, xã Bình Phú	ONT	3,70		3,70	Huyện Thạch Thát	2021-2022
972	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất tại thôn Bình Xá xã Bình Phú (ký hiệu BP 01)	ONT	0,60		0,60	Huyện Thạch Thát	2021-2022
973	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất tại thôn Phú Hòa xã Bình Phú	ONT	1,30		1,30	Huyện Thạch Thát	2023
974	Đầu giá QSD đất khu trung tâm xã	ONT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thát	2021-2025
975	Khu dân cư mới xã Bình Phú	ONT	73,27			Huyện Thạch Thát	2021-2025
976	Khu đất đầu giá đồng Màu xã Hữu Bằng	ONT	4,80		4,80	Huyện Thạch Thát	2021-2025
977	Đầu giá đất Khu Đồng Bui, xã Hữu Bằng	ONT	5,00		5,00	Huyện Thạch Thát	2021-2025
978	Đầu giá đất khu đất ở mới, xã Hữu Bằng	ONT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thát	2021-2025
979	Giải phóng mặt bằng khu đất đầu giá QSD đất khu dân cư mới xã Hữu Bằng	ONT	11,00		11,00	Huyện Thạch Thát	2025
980	Đầu giá quyền sử dụng đất tại khu Ó Trong	ONT	0,90		0,90	Huyện Thạch Thát	2022
981	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất tại khu đất ở mới xã Phụng Xá	ONT	7,60		7,60	Huyện Thạch Thát	2022
982	Xây dựng HTKT và khu nhà ở tại xã Phụng Xá	ONT	22,28		22,28	Huyện Thạch Thát	2021-2022
983	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất tại khu đất ở mới xã Phụng Xá	ONT	0,50		0,50	Huyện Thạch Thát	2024
984	Giải phóng mặt bằng khu đất đầu giá QSD đất khu dân cư mới tại xã Phụng Xá	ONT	3,81		3,81	Huyện Thạch Thát	2021-2025
985	Đầu giá QSD đất xã Phụng Xá	ONT	1,60		1,60	Huyện Thạch Thát	2021-2025
986	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất tại thôn Phú Lễ xã Càn Kiệm	ONT	4,70		4,70	Huyện Thạch Thát	2024
987	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất tại khu trung tâm xã Càn Kiệm	ONT	1,80		1,80	Huyện Thạch Thát	2025
988	Giải phóng mặt bằng khu đất đầu giá QSD đất Tích Giang Càn Kiệm	ONT	23,00		5,81	Huyện Thạch Thát	2023
989	Giải phóng mặt bằng khu đất đầu giá QSD đất hai bên Sông Tích xã Càn Kiệm	ONT	24,00		24,00	Huyện Thạch Thát	2023
990	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất tại khu đất ở mới xã Tân Xã	ONT	3,42		3,42	Huyện Thạch Thát	2021-2022
991	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất tại khu đất ở mới (2 địa điểm) tại xã Tân Xã	ONT	3,45		3,45	Huyện Thạch Thát	2021-2025
992	Giải phóng mặt bằng khu đất đầu giá QSD đất khu trung tâm xã Tân Xã	ONT	26,00		26,00	Huyện Thạch Thát	2023
993	Giải phóng mặt bằng khu đất đầu giá QSD đất khu Đồi Mới xã Tân Xã (Thôn 6)	ONT	3,00		3,00	Huyện Thạch Thát	2021-2022
994	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ Sau Đình, Đồi Mới xã Tân Xã (phần bổ sung)	ONT	0,68		0,68	Huyện Thạch Thát	2021-2022
995	Giải phóng mặt bằng khu đất đầu giá QSD đất khu dân cư mới tại xã Hạ Bằng (Rậm Sắn; Khoang Re)	ONT	9,80		9,80	Huyện Thạch Thát	2021-2025
996	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đầu giá QSD đất tại thôn 3 xã Hạ Bằng	ONT	2,35		2,35	Huyện Thạch Thát	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
997	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ Đồng Vai - Vai Kê xã Hạ bằng phục vụ GPMB khu CNC Hòa Lạc	ONT	12,90		12,90	Huyện Thạch Thất	2021-2025
998	Xin thu hồi đất bổ sung dự án Khu dân dụng Bắc Phú Cát (phần mở rộng)	ONT	2,10	1,49	0,61	Huyện Thạch Thất	2022
999	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại khu Cửa Nâu (X6) xã Bình Yên	ONT	3,41		3,41	Huyện Thạch Thất	2022
1000	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất tại khu trung tâm xã Yên Trung	ONT	11,00		11,00	Huyện Thạch Thất	2023
1001	Khu đô thị sinh thái Lũng Xuân	ONT	199,80			Huyện Thạch Thất	2021-2025
1002	Khu đô thị sinh thái Việt Hà	ONT	98,00			Huyện Thạch Thất	2021-2025
1003	Đất ở khu đồng đang thôn Quan Nhân	ONT	4,70		4,70	Huyện Thanh Oai	2023
1004	Đất ở khu cát trong thôn Bạch Nao, khu Dọc kênh Y1-10A thôn Bạch Nao	ONT	1,68			Huyện Thanh Oai	2023
1005	Điểm dân cư 1 Ao Sen, Chuôm Lê, Đường Dẫn (thôn Rùa Hạ)	ONT	6,50		6,50	Huyện Thanh Oai	2023
1006	Điểm dân cư 2 đồng Bãi Láng (thôn Dư Dụ)	ONT	4,50		4,50	Huyện Thanh Oai	2023
1007	Đất ở khu Sau Đồng (thôn Rùa Hạ 1)	ONT	3,60		3,60	Huyện Thanh Oai	2023
1008	Đất ở khu Cửa Miếu, Sau Chùa, Đồng Đanh, Cửa Ao Trên, Cửa Ao Dưới, Ngõ Cuối, Vườn Ươm, Cửa Làng (Từ Am), Cửa Miếu (Từ Am) (thôn Rùa Thượng)	ONT	1,70		1,70	Huyện Thanh Oai	2023
1009	Đất ở khu Mã Lê, Vững Soi, Đầu Làng, Móc Rắn, khu Đầm Ba trạ, Đầm Vực, Sau Ao, Cửa Đầm, Cửa Bến, Mã Lâu, Mã Bồng (thôn Rùa Hạ)	ONT	0,80		0,80	Huyện Thanh Oai	2023
1010	Đất ở khu bóng, nê dòng, đồng thanh thôn My Dương	ONT	6,00		6,00	Huyện Thanh Oai	2023
1011	Đất ở khu nội độc, cổng đình thôn My Thượng	ONT	1,90		1,90	Huyện Thanh Oai	2023
1012	Đất ở khu độc trên thôn My Hạ	ONT	1,53		1,53	Huyện Thanh Oai	2023
1013	Đất ở khu độc giữa thôn My Hạ	ONT	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2023
1014	Đất ở khu độc dưới thôn My Hạ	ONT	2,17		2,17	Huyện Thanh Oai	2023
1015	Đất ở khu Đường Chợ Dưới thôn My Hạ	ONT	2,80		2,80	Huyện Thanh Oai	2023
1016	Đất ở mới khu cửa chùa, đồng cũ	ONT	1,28		1,28	Huyện Thanh Oai	2023
1017	Đất ở khu phần trăm cây đề thôn Tri Lễ	ONT	1,40		1,40	Huyện Thanh Oai	2023
1018	Đất ở thôn Tri Lễ	ONT	0,29		0,29	Huyện Thanh Oai	2023
1019	Đất ở mới khu Trại Chăn Nuôi, thôn Tân Ước (VT1)	ONT	1,55		1,55	Huyện Thanh Oai	2023
1020	Điểm dân cư mới khu Cung trong	ONT	4,30		4,30	Huyện Thanh Oai	2023
1021	Điểm dân cư mới khu Cổng Nghè, Cây Vải thôn Lê Dương	ONT	5,00		5,00	Huyện Thanh Oai	2023
1022	Điểm dân cư mới khu Mã Mái	ONT	4,50		4,50	Huyện Thanh Oai	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1023	Đất ở khu trường mầm non cũ thôn Văn Khê, Bộ đội thông tin thôn Đại Định, khu Sau Hàng thôn Song Khê, Khu Mã Muối thôn Đại Định	ONT	0,30		0,30	Huyện Thanh Oai	2023
1024	Điểm dân cư Ao Ươm (thôn Tân Dân 1; Tân Tiến)	ONT	1,10		1,10	Huyện Thanh Oai	2023
1025	Điểm dân cư Trầm Sen Dưới	ONT	7,20	2,00	5,20	Huyện Thanh Oai	2023
1026	Điểm dân cư Trầm Sen điểm 2	ONT	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2023
1027	Đất ở mới khu 5% thôn Đan Thảm	ONT	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2023
1028	Đất ở khu Mộc Vật, Mộc Bê, Mộc Dưới thôn Châu Mai	ONT	11,00		11,00	Huyện Thanh Oai	2023
1029	Đất ở khu Mộc trên, Mộc khuyếch, cửa chùa thôn Châu Mai	ONT	8,30		8,30	Huyện Thanh Oai	2023
1030	Đất ở khu cửa quán, đồng con, cổ ngựa thôn Từ Châu	ONT	9,00		9,00	Huyện Thanh Oai	2023
1031	Đất ở khu Dộc thôn Từ Châu	ONT	1,40		1,40	Huyện Thanh Oai	2023
1032	Đất ở khu bờ Giếng thôn Từ Châu	ONT	0,60		0,60	Huyện Thanh Oai	2023
1033	Điểm dân cư khu Gò Cát	ONT	4,60		4,60	Huyện Thanh Oai	2023
1034	Điểm dân cư khu Lang Tượng	ONT	6,50		6,50	Huyện Thanh Oai	2023
1035	Đất ở khu Đường Cái	ONT	1,70		1,70	Huyện Thanh Oai	2023
1036	Đất ở khu Cánh Đồng Huyện	ONT	1,80		1,80	Huyện Thanh Oai	2023
1037	Khu đấu giá QSD đất khu Gốc Quéo 1+2, thôn Ngọc Đình	ONT	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2023
1038	Đấu giá QSD đất ở tại khu Đường Cái, thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương	ONT	0,02		0,02	Huyện Thanh Oai	2023
1039	Đất ở mới khu Man Cổng 4, cổng 6, cổng 8, cổng 9, Man Cá	ONT	4,94		4,94	Huyện Thanh Oai	2023
1040	Đất ở mới khu Diền Thanh, Lò Ngói giáp nghĩa trang liệt sỹ	ONT	3,39		3,39	Huyện Thanh Oai	2023
1041	Đất ở mới khu Đồng Dầu thôn Thế Hiển	ONT	3,87		3,87	Huyện Thanh Oai	2023
1042	Đất ở mới khu địa trạm xá thôn Hoàng Văn Thụ	ONT	0,46		0,46	Huyện Thanh Oai	2023
1043	Đất ở mới khu phần trăm đồng găng thôn Phú Thọ	ONT	3,00		3,00	Huyện Thanh Oai	2023
1044	Đất tái định cư khu Bách Hộ - Cửa Đồng thôn Thượng	ONT	1,75		1,75	Huyện Thanh Oai	2023
1045	Đấu giá đất khu Sau Đồng thôn Thượng	ONT	0,60		0,60	Huyện Thanh Oai	2023
1046	Khu đất dịch vụ X6 tại thôn Hạ, Cầu, Mỹ, Thượng, Khúc Thủy	ONT	2,11		2,11	Huyện Thanh Oai	2023
1047	Đấu giá đất Đồng Đế thôn Cầu	ONT	1,56		1,56	Huyện Thanh Oai	2023
1048	Đất ở mới khu Rặng Sắn	ONT	6,40		6,40	Huyện Thanh Oai	2023
1049	Đất ở mới khu Đầm	ONT	2,30		2,30	Huyện Thanh Oai	2023
1050	Đất ở mới Khu Cây Trôi	ONT	3,89		3,89	Huyện Thanh Oai	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1051	Đất ở mới khu Sau Cầu thuộc đồng thôn Chùa, Cống Ngõ thôn Địa	ONT	1,86		1,86	Huyện Thanh Oai	2023
1052	Đất ở mới khu Chằm Cạn, Cầu Xi thôn Sinh Liên	ONT	9,39		9,39	Huyện Thanh Oai	2023
1053	Đất ở mới khu Ngõ Lý tại thôn Quyếch, thôn Sinh Liên và Đồng Cốc tại thôn Chùa	ONT	3,84		3,84	Huyện Thanh Oai	2023
1054	Đất ở mới Khu Ô 1,2 khu Mã Tre và 5,6 Man Điểm thôn Sinh Quả	ONT	1,30		1,30	Huyện Thanh Oai	2023
1055	Đất ở mới khu Sau Đồng Thanh Lương	ONT	8,50		8,50	Huyện Thanh Oai	2023
1056	Đất ở mới khu Đồng I thôn Mùi	ONT	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2023
1057	HTKT khu đất dịch vụ trên địa bàn xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai	ONT	4,91	4,91	4,91	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1058	GPMB đấu giá QSD đất khu Cung Trong thôn Đại Định xã Tam Hưng	ONT	4,30	4,30	4,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1059	Đấu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở thấp tầng tại xứ đồng Trầm Sen, xã Phương Trung, huyện Thanh Oai	ONT	1,90	1,90	1,90	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1060	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Đồng Đế thôn Cầu xã Cự Khê, huyện Thanh Oai	ONT	0,56		0,56	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1061	Đấu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở thấp tầng tại khu Trầm Sen, thôn Mã Kiều và thôn Tân Tiến xã Phương Trung giai đoạn II, huyện Thanh Oai.	ONT	4,70	4,70	4,70	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1062	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Địa Trạm Xá, xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai.	ONT	0,26	0,26	0,26	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1063	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Đồng Dầu, thôn Thê Hiền, xã Dân Hòa	ONT	3,87		3,87	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1064	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu vực Đàm, thôn Mục Xá, xã Cao Dương, huyện Thanh Oai	ONT	2,30	2,30	2,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1065	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Trại Chăn nuôi, thôn Ước Lễ, xã Tân Ước, huyện Thanh Oai	ONT	0,85	0,85	0,85	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1066	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Cửa Chùa, thôn Cao Mật Hạ, xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai	ONT	0,70	0,70	0,70	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1067	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Ngõ Lý thôn Sinh Liên, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai	ONT	1,60	1,60	1,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1068	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Man Cá, Man Cống, Mạ Man Trong thôn Văn Quán, xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai	ONT	4,90	4,90	4,90	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1069	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Điền Thanh, thôn Cự Thần, xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai	ONT	1,00	1,00	1,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1070	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Ao Ươm, thôn Tân Tiến và thôn Tân Dân 1 xã Phương Trung, huyện Thanh Oai	ONT	1,10	1,10	1,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1071	Đấu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở thấp tầng tại xã Kim Thư, huyện Thanh Oai	ONT	3,90	3,90	3,90	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1072	Đấu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở thấp tầng tại khu Bãi Láng và khu Cửa Chùa, thôn Dư Dụ xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai	ONT	4,50	4,50	4,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1073	Đầu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở thấp tầng tại khu Đồng Láng, thôn Gia Vinh, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai	ONT	2,63	2,63	2,63	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1074	Đầu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở thấp tầng khu Mộc Dưới, thôn Châu Mai, xã Liên Châu, huyện Thanh Oai	ONT	3,30			Huyện Thanh Oai	2021-2022
1075	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất khu Rặng Sắn giai đoạn 3 thôn Cáo Xá, xã Cao Dương, huyện Thanh oai	ONT	1,50			Huyện Thanh Oai	2021-2022
1076	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất khu Góc Quéo 1, thôn Ngọc Đình, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai	ONT	0,50			Huyện Thanh Oai	2021-2022
1077	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất khu Góc Quéo 2, thôn Ngọc Đình, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai	ONT	0,50			Huyện Thanh Oai	2021-2022
1078	Đầu giá QSD đất ở tại khu Đường Cái, thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai	ONT	0,02			Huyện Thanh Oai	2021-2022
1079	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất khu Đền Hồ, thôn Ngọc Liên, xã Kim An	ONT	0,04			Huyện Thanh Oai	2021-2022
1080	Khu dân cư nông thôn mới, đất ở xen kẹt xã Xuân Dương	ONT	7,42		7,42	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1081	Khu dân cư nông thôn mới, đất ở xen kẹt xã Thanh Văn	ONT	49,57		49,57	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1082	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Thanh Thủy	ONT	32,10		32,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1083	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Thanh Mai	ONT	20,38		20,38	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1084	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Thanh Cao	ONT	15,55		15,55	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1085	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Tân Ước	ONT	20,20		20,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1086	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Tam Hưng	ONT	44,60		44,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1087	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Phương Trung	ONT	20,62	2,00	18,62	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1088	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Mỹ Hưng	ONT	21,30		21,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1089	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Liên Châu	ONT	31,10		31,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1090	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Kim Thư	ONT	47,91		47,91	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1091	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Kim An	ONT	11,80		11,80	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1092	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Hồng Dương	ONT	46,06		46,06	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1093	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Đỗ Động	ONT	22,89		22,89	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1094	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Dân Hoà	ONT	38,92		38,92	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1095	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Cự Khê	ONT	12,62		12,62	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1096	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Cao Viên	ONT	14,74		14,74	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1097	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Cao Dương	ONT	56,22		56,22	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1098	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Bình Minh	ONT	47,46		47,46	Huyện Thanh Oai	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1099	Khu dân cư nông thôn mới, đất xen kẹt xã Bích Hoà	ONT	24,53	0,30	24,23	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1100	Chuyển đất vườn, ao liền kề cùng thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở	ONT	18,00		18,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1101	Đấu giá quyền sử dụng đất Khu biệt thự, liền kề Hồng Vân I, khu trung tâm xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	6,58		6,58	Huyện Thường Tín	2022-2025
1102	05 Khu tái định cư kết hợp đấu giá quyền sử dụng đất dọc Quốc 1A đoạn qua địa bàn huyện Thường Tín	ONT	10,04		10,04	Huyện Thường Tín	2022-2025
1103	Các khu tái định để thực hiện GPMB Dự án đường vành đai IV đoạn qua huyện Thường Tín	ONT	5,00		5,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1104	Các khu tái định để thực hiện GPMB Dự án mở rộng Quốc lộ 1A	ONT	15,00		15,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1105	Khu giới thiệu sản phẩm và nhà ở liền kề nông thôn	ONT	2,60		2,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
1106	Đất dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng, văn phòng và nhà ở	ONT	45,00		45,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1107	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại vị trí xã Vạn Điểm, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	6,58		6,58	Huyện Thường Tín	2021
1108	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại vị trí X6 khu đồng Mau Dưới thôn Thụy Ứng xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	0,80	0,80	0,80	Huyện Thường Tín	2021
1109	Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Ngân hàng (Văn Bình)	ONT	0,40	0,40	0,40	Huyện Thường Tín	2021
1110	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại vị trí Dọc Quan xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	0,10		0,10	Huyện Thường Tín	2021
1111	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở xen kẹt tại vị trí X9, X10, X12+13 khu Thủy lợi và khu tập thể 124 thôn Phúc Am, xã Duyên Thái	ONT	0,09		0,09	Huyện Thường Tín	2021
1112	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở thôn Một Thượng, xã Thắng Lợi	ONT	0,68		0,68	Huyện Thường Tín	2021
1113	Khu đấu giá thôn Nỗ Bạ, xã Vân Tảo (Giai đoạn 2)	ONT	0,81	0,64	0,81	Huyện Thường Tín	2021
1114	Khu Tái định cư phục vụ GPMB đầu tư xây dựng đường dây 500kv Tây Hà Nội, huyện Thường Tín.	ONT	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2021
1115	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất: Xóm 7 xã Liên Phương, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	ONT	1,06	0,88	1,06	Huyện Thường Tín	2021
1116	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất: Ao Vuông, thôn Từ Dương, xã Tô Hiệu	ONT	1,75		1,75	Huyện Thường Tín	2021
1117	Tái định cư phục vụ GPMB đầu tư xây dựng cầu Chiềng (Km8+255 đường tỉnh 427, huyện Thường Tín)	ONT	0,18		0,18	Huyện Thường Tín	2021
1118	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở xen kẹt tại vị trí X30, X31 thôn Duyên Trường, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	0,04		0,04	Huyện Thường Tín	2021
1119	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Vân Tảo, huyện Thường Tín (Giai đoạn 2)	ONT	7,50		7,50	Huyện Thường Tín	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1120	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu đất tam giác thôn Hà Vi, xã Lê Lợi	ONT	0,41	0,41	0,41	Huyện Thường Tín	2021
1121	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu Cửa Đình thôn Từ Văn, xã Lê Lợi	ONT	1,40	1,40	1,40	Huyện Thường Tín	2021
1122	GPMB tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất khu đô thị số 4 tại thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín TP. Hà Nội	ONT	1,28	1,28	1,28	Huyện Thường Tín	2021
1123	Đấu giá QSD đất khu biệt thự, liên kề Hồng Vân 1, khu trung tâm xã Hồng Vân	ONT	6,58		6,58	Huyện Thường Tín	2021
1124	Khu đô thị số 1 Nhị Khê thuộc khu C3-6	ONT	41,80		41,80	Huyện Thường Tín	2021
1125	Khu đô thị số 3 Nhị Khê thuộc khu C3-4	ONT	24,80		24,80	Huyện Thường Tín	2021
1126	Khu văn phòng, dịch vụ thương mại và nhà ở xã Minh Cường	ONT	7,98		7,98	Huyện Thường Tín	2021
1127	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	ONT	1,00			Huyện Thường Tín	2022-2025
1128	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Vân Tảo, huyện Thường Tín (Giai đoạn 1)	ONT	7,50		7,50	Huyện Thường Tín	2022
1129	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất Khu biệt thự liên kề Hồng Vân I, khu trung tâm xã Hồng Vân	ONT	6,58		6,58	Huyện Thường Tín	2022
1130	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất khu đô thị Khu đô thị 1A xã Nhị Khê	ONT	13,64	9,80	13,64	Huyện Thường Tín	2022
1131	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất khu đô thị Khu đô thị 3A xã Nhị Khê	ONT	8,74	8,74	8,74	Huyện Thường Tín	2022
1132	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất khu đô thị Khu đô thị 3B xã Nhị Khê	ONT	11,08	9,62	11,08	Huyện Thường Tín	2022
1133	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất một phần của ô quy hoạch ký hiệu C3-4 và C3-6 thuộc quy hoạch phân khu đô thị s5 tại xã Nhị Khê	ONT	17,50	9,78	17,50	Huyện Thường Tín	2022
1134	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở vị trí Goong Đông thôn Vạn Điểm, xã Vạn Điểm, huyện Thường Tín	ONT	9,00		9,00	Huyện Thường Tín	2022
1135	Xây dựng HTKT khu đấu giá Khu Đồi Kiển, xã Văn Bình	ONT	2,62	2,62	2,62	Huyện Thường Tín	2022
1136	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Khu đấu giá QSD đất xã Minh Cường	ONT	13,00	9,20	13,00	Huyện Thường Tín	2022
1137	Đấu giá QSD đất tại Xã Văn Tự (PX03-04)	ONT	9,00	4,20	9,00	Huyện Thường Tín	2022
1138	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất một phần của ô quy hoạch ký hiệu C3-6 thuộc quy hoạch phân khu đô thị s5 tại xã Nhị Khê	ONT	8,50	8,50	8,50	Huyện Thường Tín	2022
1139	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở xã Khánh Hà	ONT	2,70	2,00	2,70	Huyện Thường Tín	2022
1140	Đấu giá QSD đất ở tại thôn Hoàng Xá, xã Khánh Hà huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	0,47		0,47	Huyện Thường Tín	2022
1141	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Khu Đông Ken, thôn An Lăng	ONT	0,69		0,69	Huyện Thường Tín	2022
1142	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Vị trí 2, thôn Khoái Nội, xã Thắng Lợi	ONT	1,70		1,70	Huyện Thường Tín	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1143	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Khu Trại cá, thôn Ba Lăng, xã Dũng Tiến	ONT	1,32		1,32	Huyện Thường Tín	2022
1144	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Khu đất đấu giá Khu sau đình, thôn Ba Lăng, xã Dũng Tiến	ONT	0,90		0,90	Huyện Thường Tín	2022
1145	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở thôn Hà Vỹ xã Lê Lợi	ONT	0,52		0,52	Huyện Thường Tín	2022
1146	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở tại khu Ma Tràng, thôn Duyên Trường, xã Duyên Thái	ONT	1,38		1,38	Huyện Thường Tín	2022
1147	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở tại khu tập thể trại chăn nuôi thôn Kiều Thị, xã Thắng Lợi	ONT	0,15		0,15	Huyện Thường Tín	2022
1148	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở vị trí 1 thôn Khoái Nội, xã Thắng Lợi	ONT	0,22		0,22	Huyện Thường Tín	2022
1149	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Khu sau làng - Kiều Thị, xã Thắng Lợi	ONT	0,22	0,20	0,20	Huyện Thường Tín	2022
1150	Xây dựng HTKT khu đấu GQSD đất thôn Cỏ Chát, xã Dũng Tiến	ONT	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2022
1151	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Khu cửa điểm, thôn Duyên Trường, xã Duyên Thái	ONT	0,49		0,49	Huyện Thường Tín	2022
1152	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Khu Ma chan, xã Duyên Thái	ONT	0,15		0,15	Huyện Thường Tín	2022
1153	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Khu Nguyễn Văn Xóm 1 thôn Bạch Liên, xã Liên Phương	ONT	0,34		0,34	Huyện Thường Tín	2022
1154	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Khu Tiền đồng xã Liên Phương	ONT	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2022
1155	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Khu Ao trạm xã mở rộng, thôn Bạch Liên, xã Liên Phương	ONT	0,06		0,06	Huyện Thường Tín	2022
1156	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất Khu biệt thự liền kề Hồng Vân I, khu trung tâm xã Hồng Vân	ONT	6,58		6,58	Huyện Thường Tín	2022-2025
1157	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất Khu liền kề Duyên Thái I, xã Duyên Thái	ONT	2,55		2,55	Huyện Thường Tín	2022-2025
1158	Xây dựng hạ tầng 05 khu tái định cư phục vụ GPMB đường quốc lộ 1A đoạn từ Km189-Km193+300	ONT	30,00	30,00	30,00	Huyện Thường Tín	2022
1159	Xây dựng HTKT khu đấu giá khu Rau Xanh Vườn Kẹ, thôn Nội Xá, xã Vạn Thái	ONT	3,35	2,70	3,35	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1160	Đấu giá đất thôn Miêng Thượng, xã Hoa Sơn	ONT	0,03		0,03	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1161	Đầu tư xây dựng HTKT khu đấu giá khu Sông Mới, xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa	ONT	1,85		1,85	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1162	Xây dựng HTKT đấu giá quyền sử dụng đất khu xứ Đồng Độc Đình, thôn Vũ Ngoại, xã Liên Bát	ONT	1,90	1,90	1,90	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1163	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất khu Đồng Chi Tây, thôn Xuân Tinh, xã Đồng Tân	ONT	1,57	1,57	1,57	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1164	Xây dựng HTKT khu đấu giá Ao sau làng thôn Mạnh Tân, xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.	ONT	0,29		0,29	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1165	Đầu tư xây dựng HTKT Đấu giá QSD đất ở khu Công Ao thôn Từ Dương	ONT	1,20	1,20	1,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1166	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đất đầu giá thôn Quảng Nguyên giai đoạn 2	ONT	0,67		0,67	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1167	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đất đầu giá thôn Đạo Tú giai đoạn 2	ONT	0,61		0,61	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1168	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 1 thôn Từ Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,40	1,40	1,40	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1169	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 2 thôn Từ Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,30	1,30	1,30	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1170	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá khu Rọc Bạ, thôn Phú Lương Thượng, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,37		1,37	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1171	Xây dựng HTKT khu dân cư mới tại khu đồng Trước Dưới, thôn Đông Đình, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,68	1,68	1,68	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1172	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu đồng Trước Trên, thôn Đông Đình, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,47	1,47	1,47	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1173	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu A thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	4,65	3,24	4,65	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1174	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu B thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	4,45	3,04	4,45	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1175	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu đồng Hội Cao, thôn Giang Làng, xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,50	1,50	1,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1176	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Đoàn Xá, xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	2,50	2,50	2,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1177	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Phù Yên, xã Viên An, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,60	1,60	1,60	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1178	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Viên Ngoại, xã Viên An, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,30	1,30	1,30	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1179	Xây dựng HTKT đất đầu giá quyền sử dụng đất ở khu ao ông Sy thôn Quan Tự, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	0,18		0,18	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1180	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá khu ao xóm 1, thôn Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	0,39		0,39	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1181	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá khu sau làng thôn Nam Dương, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	0,90	0,90	0,90	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1182	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu Dộc Văn Chi, thôn Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	0,90	0,90	0,90	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1183	Xây dựng HTKT đất ở mới khu C thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	3,63	3,08	3,63	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1184	Xây dựng HTKT đất ở mới khu D thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	3,59	3,42	3,59	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1185	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá khu Rau Xanh Vườn Kẹ, thôn Nội Xá, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	ONT	3,35	-	-	Huyện Ứng Hòa	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1186	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất ở khu ao ông Sy, thôn Quan Tự, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	ONT	0,18	0,18	-	Huyện Ứng Hòa	2022
1187	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá đất ở khu Đồng Độc Đình, thôn Vũ Ngoại, xã Liên Bat	ONT	1,97	1,76	0,21	Huyện Ứng Hòa	2022
1188	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá khu Sông Mới xã Hòa Xá	ONT	1,85	1,83	0,02	Huyện Ứng Hòa	2022
1189	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá Khu sau làng thôn Nam Dương, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa	ONT	0,92	-	0,92	Huyện Ứng Hòa	2022
1190	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá đất LK01 thị trấn Vân Đình	ONT	1,51	-	-	Huyện Ứng Hòa	2022
1191	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá đất BT02 thị trấn Vân Đình	ONT	2,06	-	-	Huyện Ứng Hòa	2022
1192	Dự án xây dựng HTKT khu đất ở mới và tái định cư thị trấn Vân Đình (Khu Lò góm)	ONT	1,27	0,89	0,38	Huyện Ứng Hòa	2022
1193	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới - khu A, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	4,81	-	-	Huyện Ứng Hòa	2025
1194	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới - khu B, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	4,59	-	-	Huyện Ứng Hòa	2025
1195	Xây dựng HTKT khu đất ở mới - khu C, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	3,68	-	-	Huyện Ứng Hòa	2025
1196	Xây dựng HTKT khu đất ở mới - khu D, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	3,59	-	-	Huyện Ứng Hòa	2025
1197	Dự án xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB dự án xây dựng cầu Vĩnh Thịnh và một số dự án có thu hồi đất trên địa bàn xã Đường Lâm (Khu Tái định cư Độc Áp, xã Đường Lâm)	ONT	0,73	-	0,73	Thị xã Sơn Tây	2022
1198	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ thu hồi đất một số dự án trên địa bàn thị xã Sơn Tây	ONT	3,00	1,00	2,00	Thị xã Sơn Tây	2022
1199	Xây dựng HTKT khu đất ĐGQSDĐ khu Độc Vang, xã Đường Lâm	ONT	4,98	-	4,98	Thị xã Sơn Tây	2022
1200	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất khu Làng Cũ xã Kim Sơn	ONT	7,50	-	7,50	Thị xã Sơn Tây	2022
1201	Khu đất xen kẹt trường tiểu học Thanh Mỹ	ONT	0,06		0,06	Thị xã Sơn Tây	2022
1202	Xây dựng HTKT khu đất ĐGQSDĐ khu Đồng Cù xã Sơn Đông	ONT	3,64	2,08	1,56	Thị xã Sơn Tây	2022
1203	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ thu hồi đất một số dự án trên địa bàn thị xã Sơn Tây	ONT	2,27	2,67	0,40	Thị xã Sơn Tây	2022
1204	Khu đất xen kẹt Ca Cà, xã Sơn Đông	ONT	0,31	0,31	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1205	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất Đồng Cù, xã Sơn Đông	ONT	3,64	3,64	-	Thị xã Sơn Tây	2022
1206	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất khu Độc Vang, xã Đường Lâm	ONT	4,98	4,98	-	Thị xã Sơn Tây	2021
1207	Khu 1 Trường tiểu học, xã Thanh Mỹ	ONT	0,06	0,06	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1208	01 thửa đất khu Trần Áp thôn Tây Vĩ, xã Thanh Mỹ	ONT	0,01	0,01	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1209	Khu đồi Cùm thôn Yên Mỹ, xã Thanh Mỹ	ONT	0,06	0,06	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1210	Khu Bãi Sỏi thôn Thanh Tiến, xã Thanh Mỹ	ONT	0,17	0,17	-	Thị xã Sơn Tây	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1211	Khu Công trình thôn Tây Vị, xã Thanh Mỹ	ONT	0,29	0,29	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1212	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất khu Đồi Trường học, thôn Lòng Hồ, xã Kim Sơn	ONT	0,79	0,79	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1213	Xây dựng HTKT để đầu giá QSD đất khu nhà ở Đàm Hương (trước đây là Khu Mỏm Nhanh, xã Kim Sơn)	ONT	0,90	0,90	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1214	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất khu ven Quốc lộ 2C, xã Đường Lâm	ONT	4,00	4,00	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1215	Xây dựng HTKT để đầu giá QSD đất Khu nhà ở Đồng Mô Lakeside (trước đây là khu Đồng Sào, xã Cổ Đông)	ONT	4,98	4,98	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1216	Xây dựng HTKT khu TĐC An Sơn, xã Xuân Sơn (15 lô đất còn lại)	ONT	0,15	0,15	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1217	Xây dựng HTKT khu Đồi Tròn, xã Xuân Sơn (38 lô đất còn lại)	ONT	0,38	0,38	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1218	Xây dựng HTKT khu Đồi Thuyền, xã Xuân Sơn (22 lô đất còn lại)	ONT	0,22	0,22	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1219	Xây dựng HTKT khu đất thôn Xuân Khanh, xã Xuân Sơn (08 lô đất còn lại)	ONT	0,10	0,10	-	Thị xã Sơn Tây	2023
1220	Dự án: Xây dựng hạ tầng đầu giá khu Đồng Vỡ xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ	ONT	3,00		3,00	Huyện Phúc Thọ	2022
1221	Dự án xây dựng HTKT đầu giá Quyền sử dụng đất xen kẹt tại khu Đồng Sâu xã Liên Hiệp	ONT	1,47		1,47	Huyện Phúc Thọ	2021
1222	Xây dựng HTKT đầu giá Quyền sử dụng đất xen kẹt tại khu đồng Trường Yên, xã Long Xuyên	ONT	0,49		0,49	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
1223	Xây dựng HTKT khu đầu giá Quyền sử dụng đất xen kẹt tại khu Đồng Séo, xã Phúc Hòa	ONT	0,40		0,40	Huyện Phúc Thọ	2021
1224	Giải phóng mặt bằng đầu giá quyền sử dụng đất cả khu tại khu đồng Cá xã Phúc Hòa	ONT	4,50		4,50	Huyện Phúc Thọ	2022
1225	Xây dựng HTKT đầu giá khu X3 Man Rộm, xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ	ONT	3,26		3,26	Huyện Phúc Thọ	2021
1226	Đầu giá đất ở mới khu dốc Mỹ Giang	ONT	0,28		0,28	Huyện Phúc Thọ	2021
1227	Đầu giá quy hoạch sử dụng đất để xây dựng khu dân cư Công Nội xã Tam Hiệp	ONT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2022
1228	Đầu giá quy hoạch sử dụng đất để xây dựng khu dân cư Hậu Đồng xã Tam Hiệp	ONT	2,06		2,06	Huyện Phúc Thọ	2022
1229	Xây dựng HTKT đầu giá Đồng Vô xã Tam Hiệp	ONT	0,55		0,55	Huyện Phúc Thọ	2021
1230	Dự án xây dựng HTKT đầu giá Quyền sử dụng đất xen kẹt tại Đồng Bầu thôn Nội, xã Tam Thuận	ONT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2021
1231	Dự án xây dựng hạ tầng đầu giá khu Tờ Chi xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ	ONT	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
1232	Dự án xây dựng hạ tầng đầu giá khu Công Chợ (giai đoạn 2) xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ	ONT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2022
1233	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Dộc Tranh, Xã Trạch Mỹ Lộc	ONT	0,48		0,48	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
1234	Xây dựng HTKT đầu giá khu Dộc Tranh (Giai đoạn 2) xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ	ONT	2,65		2,65	Huyện Phúc Thọ	2022
1235	Đầu giá HTKT khu Đồng Dũng (Giai đoạn 1)	ONT	10,00		10,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1236	Đấu giá HTKT khu Đồng Dưng (Giai đoạn 2)	ONT	13,00		13,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
1237	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá khu Đồng Gạo, xã Thọ Lộc	ONT	10,00		10,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
1238	Dự án xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ	ONT	0,98		0,98	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
1239	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất Đồng Tre, Lỗ Giố, thôn Bảo Lộc	ONT	4,47		4,47	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
1240	Xây dựng HTKT đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt khu Hương Nam xã Xuân Phú	ONT	0,49		0,49	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
B.24	Đất ở tại đô thị	ODT					
1	Xây dựng nhà ở liên kề (Công ty HUDS)	ODT	6,59		6,59	Huyện Ba Vì	2021
2	Khu nhà ở ven chợ TT.Tây Đằng	ODT	9,20		9,20	Huyện Ba Vì	2021
3	Đấu giá đất khu Tắc Giang (đất ở khoảng 1,3 ha)	ODT	2,20		2,20	Huyện Chương Mỹ	2022
4	Đấu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư đô thị Đông Sơn – An Phú, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ	ODT	39,80		39,80	Huyện Chương Mỹ	2022
5	Đấu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư đô thị Tắc Giang, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ	ODT	7,60		7,60	Huyện Chương Mỹ	2022
6	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ODT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất dịch vụ tại thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2022
8	Dự án tái định cư đường Hồ Chí Minh, Khu Đồng Vai, thị trấn Xuân Mai	ODT	1,50		1,50	Huyện Chương Mỹ	2022
9	Dự án xây dựng khu Tái định cư tại Khu Đồng Tía, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,05		0,05	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Giao đất cho 03 hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện dự án xây dựng trụ sở Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện và nhà văn hóa Khu Yên Sơn thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,01		0,01	Huyện Chương Mỹ	2022
11	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu ao Sen xóm Chùa, xóm Nội; Khu ao Mẫu xóm Chùa; Khu nhà trẻ xóm Nội; Khu đồng Sen xóm Nội, thị trấn Chúc Sơn	ODT	1,85		1,85	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu Đồng Tía xóm Xá 1, khu Đồng Tía xóm Xá 2, thị trấn Chúc Sơn	ODT	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu Đồng Tía xóm Xá 1, khu Đồng Tía xóm Xá 2, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,99		0,99	Huyện Chương Mỹ	2022
14	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu vườn Chùa xóm Xá, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
15	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt (Vị trí 1) khu Tân Xuân, thị trấn Xuân Mai	ODT	0,09		0,09	Huyện Chương Mỹ	2022
16	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt (Vị trí 2) khu Tân Xuân, thị trấn Xuân Mai	ODT	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
17	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt (Vị trí 3) khu Tân Xuân, thị trấn Xuân Mai	ODT	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
18	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt khu Tân Bình, thị trấn Xuân Mai	ODT	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2022
19	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt khu Tiên Trượng, thị trấn Xuân Mai	ODT	0,01		0,01	Huyện Chương Mỹ	2022
20	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt khu Xuân Mai, thị trấn Xuân Mai	ODT	0,01		0,01	Huyện Chương Mỹ	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
21	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt xóm Nội, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,02		0,02	Huyện Chương Mỹ	2022
22	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt xóm Quán, thôn Giáp Ngõ, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,01		0,01	Huyện Chương Mỹ	2022
23	Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Khoang Bèo Tiên Trượng, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	ODT	1,90		1,90	Huyện Chương Mỹ	2022
24	Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Khoang Bèo Tiên Trượng, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	ODT	1,90		1,90	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
25	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng khu TĐC thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB dự án đường HCM)	ODT	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2022
26	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất ở tại khu đồng Tía, xóm Xá, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,49		0,49	Huyện Chương Mỹ	2022
27	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất ở tại khu đồng Tía, xóm Xá, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
28	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất ở tại khu đồng Tía, xóm Xá, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,49		0,49	Huyện Chương Mỹ	2022
29	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu sau nhà văn hóa, thôn Giáp Ngõ, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2022
30	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Tắc Giang, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
31	Xây dựng khu TĐC trên địa bàn khu Đồng Chằm, Đồng Vai, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ (Phục vụ công tác GPMB Quốc lộ 6 đoạn Ba La- Xuân Mai)	ODT	27,42		27,42	Huyện Chương Mỹ	2022
32	Chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp sang đất ở	ODT	6,50		6,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
33	Chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp sang đất ở	ODT	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
34	Xây dựng HTKT đấu giá quyền sử dụng đất ở khu X10 Thị trấn Phùng	ODT	1,23		1,23	Huyện Đan Phượng	2022
35	Khu đất SXKD dịch vụ, đất ở xã Tân Lập (khu pheo) (Đất cơ chế 10% và đất ở theo Quyết định 18 của UBND thành phố)	ODT	4,27		4,27	Huyện Đan Phượng	2022
36	Khu đô thị mới Tân Lập, huyện Đan Phượng	ODT	45,02		45,02	Huyện Đan Phượng	2022
37	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Đồng Súc, thị trấn Phùng	ODT	0,14		0,14	Huyện Đan Phượng	2023-2024
38	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu X10 thị trấn Phùng	ODT	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2024-2025
39	Xây dựng khu đấu giá QSD đất BH1 xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ODT	13,10		13,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
40	Xây dựng khu đấu giá QSD đất X1 Bắc Hồng (mở rộng), xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ODT	3,50		3,50	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
41	Xây dựng khu đầu giá QSD đất X2 Bắc Hồng (mở rộng), xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ODT	1,40		1,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
42	Xây dựng khu đầu giá QSD đất X3 Bắc Hồng (mở rộng), xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ODT	1,30		1,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
43	Xây dựng khu đầu giá QSD đất BH2 xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ODT	13,00		13,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
44	Xây dựng khu đầu giá QSD đất BH3 xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ODT	9,00		9,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
45	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Mai Châu, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh	ODT	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
46	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Hội Phú, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	ODT	7,50		7,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
47	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ xen kẹt phục vụ đầu giá QSD đất tại thôn Ngọc Lôi, xã Dục Tú, huyện Đông Anh	ODT	0,37		0,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
48	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại thôn Dục Tú 1, xã Dục Tú, huyện Đông Anh.	ODT	2,30		2,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
49	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất xã Dục Tú	ODT	14,77		14,77	Huyện Đông Anh	2021-2025
50	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại X1 thôn Cổ Diền, xã Hải Bối, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất.	ODT	0,98		0,98	Huyện Đông Anh	2021-2025
51	Xây dựng HTKT khu đất tại xư đồng Sậy, đồng Xăng thôn Hải Bối, xã Hải Bối, huyện Đông Anh để phục vụ đầu giá QSD đất.	ODT	3,80		3,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
52	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ công tác GPMB dự án: Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trách, huyện Đông Anh, Hà Nội.	ODT	0,70		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2023
53	Xây dựng HTKT khu đất X1 tại thôn Cổ Diền, xã Hải Bối, huyện Đông Anh để tổ chức đầu giá quyền sử dụng đất.	ODT	0,73		0,73	Huyện Đông Anh	2021-2025
54	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất X2 thôn Đồng Nhân xã Hải Bối huyện Đông Anh để đầu giá quyền sử dụng đất	ODT	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
55	Đầu tư xây dựng HTKT ngoài hàng rào 02 dự án thí điểm xây dựng nhà ở cho công nhân KCN Bắc Thăng Long	ODT	4,12		4,12	Huyện Đông Anh	2021
56	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Đông Nam thôn Bầu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	11,66		11,66	Huyện Đông Anh	2021-2025
57	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất phía Đông Bắc thôn Bầu, xã Kim Chung (ô QH IV.5.3)	ODT	14,30		14,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
58	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất phía Bắc thôn Bầu, xã Kim Chung (ô QH IV.5.3)	ODT	15,90		15,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
59	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật giao thông, thoát nước xã Kim Chung	ODT	4,60		4,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
60	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Đông thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	4,28		4,28	Huyện Đông Anh	2021-2023
61	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Tây thôn Hậu Dường, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	1,60		1,60	Huyện Đông Anh	2021-2023
62	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Nam thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	2,50		2,50	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
63	Hoàn thiện hạ tầng khu giãn dân và khu tái định cư xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	0,80		0,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
64	Khu đất công cộng hỗn hợp khu vực CC-01 thuộc khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Bắc Thăng Long tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	1,17		1,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
65	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt X4 thôn Đoài, xã Kim Nỗ phục vụ đấu giá QSD đất	ODT	0,46		0,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
66	Xây dựng HT khu đất xen kẹt X2 Thôn Bắc xã Kim Nỗ phục vụ đấu giá QSD đất	ODT	0,48		0,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
67	Dự án ĐTXD khu nhà ở tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	9,80		9,80	Huyện Đông Anh	2021
68	Xây dựng HTKT tại điểm X1, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ODT	1,70		1,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
69	Xây dựng HTKT tại điểm X10, xóm Trại, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất.	ODT	4,10		4,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
70	Xây dựng HTKT tại điểm X2, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ODT	4,20		4,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
71	Xây dựng HTKT tại điểm X3, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất.	ODT	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
72	Xây dựng HTKT tại điểm X4, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ODT	3,20		3,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
73	Xây dựng HTKT tại điểm X5, thôn Bắc, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất.	ODT	2,40		2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
74	Xây dựng HTKT tại điểm X7, thôn Đông, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất.	ODT	2,35		2,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
75	Xây dựng HT khu đất xen kẹt X1 Thôn Thọ Đa xã Kim Nỗ phục vụ đấu giá QSD đất	ODT	0,47		0,47	Huyện Đông Anh	2021
76	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất xã Liên Hà	ODT	27,00		27,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
77	Khu nhà ở thấp tầng tại các ô đất ký hiệu OM-02 và OM-03	ODT	6,06		6,06	Huyện Đông Anh	2021
78	Xây dựng HTKT khu đấu X2 thôn Giao Tác, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất.	ODT	0,95		0,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
79	Xây dựng HTKT khu đấu X5 thôn Châu Phong, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất;	ODT	2,80		2,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
80	Xây dựng HTKT khu đấu X6 thôn Hà Lỗ, xã Liên hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất;	ODT	2,50		2,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
81	Xây dựng HTKT khu đấu X7 thôn Lỗ Khê, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất;	ODT	3,70		3,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
82	Xây dựng HTKT khu đấu X8 thôn Hà Phong, xã Liên hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất;	ODT	1,30		1,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
83	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Hà Hương, xã Liên Hà, huyện Đông Anh	ODT	2,80		2,80	Huyện Đông Anh	2021-2023
84	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất thôn Mai Hiền, xã Mai Lâm;	ODT	3,10		3,10	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
85	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Đông thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	11,00		11,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
86	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Tây Nam Quốc lộ 3 cũ, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	13,60		13,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
87	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 6, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
88	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 7, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
89	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 9, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	0,31		0,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
90	Xây dựng HTKT tại khu đất X1 thôn Lê Xá, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới	ODT	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
91	Xây dựng HTKT tại khu đất X2 thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới	ODT	1,10		1,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
92	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 1, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	1,70		1,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
93	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 2, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	1,10		1,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
94	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 3, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
95	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 4, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	4,00		4,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
96	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 5, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
97	Khu nhà ở thương mại tại xã Nam Hồng	ODT	23,72		23,72	Huyện Đông Anh	2021
98	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Thôn Đoài 3, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh	ODT	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
99	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Thôn Đoài 2, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh	ODT	2,20		2,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
100	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Tây Nam thôn Vệ, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh	ODT	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
101	Xây dựng HTKT tại khu đất X1 thôn Địa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới	ODT	0,98		0,98	Huyện Đông Anh	2021-2025
102	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Đông thôn Nguyên Khê, huyện Đông Anh	ODT	5,40		5,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
103	Xây dựng HTKT khu đất X9 Cán Khê, xã Nguyên Khê để đấu giá QSD đất.	ODT	0,48		0,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
104	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Nguyên Khê 1 (khu vực xóm 6, thôn Nguyên Khê)	ODT	2,73		2,73	Huyện Đông Anh	2021-2025
105	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất Nguyên Khê 2 (Khu vực xóm 6 thôn Nguyên Khê)	ODT	10,80		10,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
106	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Khê Nũ, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	ODT	6,00		6,00	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
107	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Lâm Tiên, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	ODT	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
108	Tái định cư phục vụ GPMB cụm CN vừa và nhỏ Nguyên Khê-Nam thôn Cán Khê	ODT	3,50		3,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
109	Xây dựng HTKT khu đất tại thôn Đông, xã Tàm Xá, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất	ODT	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
110	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Ô đất 109m2 trục UB xã Tàm Xá, huyện Đông Anh	ODT	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
111	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá đất tại nền trạm y tế xã Tàm Xá cũ	ODT	0,09		0,09	Huyện Đông Anh	2021-2025
112	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ODT	8,10		8,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
113	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất xã Thụy Lâm 1	ODT	10,50		10,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
114	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất xã Thụy Lâm 2	ODT	11,50		11,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
115	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Hương Trầm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ODT	4,20		4,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
116	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Biều Khê, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ODT	6,00		6,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
117	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ODT	10,00		10,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
118	Xây dựng khu đầu giá QSD đất phía Bắc thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ODT	4,50		4,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
119	Xây dựng HTKT khu đất X7 Thôn Hà Lâm 2 xã Thụy Lâm phục vụ đầu giá QSD đất	ODT	0,23		0,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
120	Đầu tư xây dựng HTKT Khu dịch vụ-Đầu giá thôn Cổ miếu , xã Thụy Lâm	ODT	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
121	Đầu tư xây dựng GPMB và san nền sơ bộ khu đất xây dựng nhà ở để đầu giá quyền sử dụng đất phía Bắc đường 23B huyện Đông Anh	ODT	25,33		25,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
122	Lô đất I-A1 thuộc dự án Xây dựng HTKT khu đất xây dựng nhà ở để đầu giá quyền sử dụng đất phía Bắc đường 23B tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	0,53		0,53	Huyện Đông Anh	2021-2022
123	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất B1, phía Nam thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	4,97		4,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
124	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất phía Đông Nam thôn Cổ Dương xã Tiên Dương huyện Đông Anh	ODT	4,92		4,92	Huyện Đông Anh	2021-2025
125	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất phía Tây Bắc thôn Lễ Pháp xã Tiên Dương huyện Đông Anh	ODT	4,97		4,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
126	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất thôn Tuân Lễ, xã Tiên Dương	ODT	3,00		3,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
127	Thí điểm Khu nhà ở Xã hội tập trung tại xã Tiên Dương	ODT	42,62		42,62	Huyện Đông Anh	2021
128	XD HTKT khu đầu giá QSD đất A1, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	22,00		22,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
129	XD HTKT khu đầu giá QSD đất A2, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	10,80		10,80	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
130	XD HTKT khu đấu giá QSD đất B3, phía Đông Nam thôn Tiên Kha, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	16,80		16,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
131	XD HTKT khu đấu giá QSD đất B4, phía Tây Bắc thôn Tuấn Lê, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	18,70		18,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
132	XD HTKT khu đấu giá QSD đất phía Đông Nam thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	9,99		9,99	Huyện Đông Anh	2021-2025
133	XD HTKT khu đấu giá QSD đất A3, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	7,00		7,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
134	XD HTKT khu đấu giá QSD đất A4, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	16,50		16,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
135	Xây dựng Nhà ở cao tầng tại lô đất I-A2	ODT	1,45		1,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
136	Xây dựng HTKT khu đất X3 thôn Lương Nỗ xã Tiên Dương phục vụ đấu giá QSD đất	ODT	0,19		0,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
137	Xây dựng HTKT khu đất X5 thôn Trung Oai xã Tiên Dương phục vụ đấu giá QSD đất	ODT	0,38		0,38	Huyện Đông Anh	2021-2025
138	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất phía Tây đường Cổ Loa, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	16,35		16,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
139	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất phía Tây đường Dân Di, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	15,75		15,75	Huyện Đông Anh	2021-2025
140	XD HTKT khu đấu giá QSD đất A5, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	4,90		4,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
141	XD HTKT khu đấu giá QSD đất A7, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	9,07		9,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
142	Hoàn thiện HTKT khu đất X4, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	4,03		4,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
143	Hoàn thiện HTKT khu đất X6, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	1,95		1,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
144	Khu nhà ở - Dịch vụ thương mại	ODT	9,20		9,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
145	Trụ sở công ty và nhà ở Uy Nỗ	ODT	2,37		2,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
146	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất nhỏ lẻ xen kẹt để đấu giá Quyền sử dụng đất X2 thôn Đại Bi	ODT	0,37		0,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
147	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ xen kẹt để đấu giá QSD đất tại X4 thôn Hậu Oai, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	0,49		0,49	Huyện Đông Anh	2021
148	XD HTKT khu đấu giá QSD đất A8, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	14,69		14,69	Huyện Đông Anh	2021-2025
149	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất X1, X3 xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2022
150	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt để đấu giá QSD đất (Khu số 1) tại xóm Thượng, xã Uy Nỗ	ODT	0,04		0,04	Huyện Đông Anh	2021-2025
151	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt để đấu giá QSD đất (Khu số 2) tại xóm Thượng, xã Uy Nỗ	ODT	0,13		0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
152	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt để đấu giá QSD đất (Khu số 3) tại xóm Thượng, xã Uy Nỗ	ODT	0,42		0,42	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
153	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất xã Vân Hà 1	ODT	16,80		16,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
154	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất xã Vân Hà 2	ODT	12,70		12,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
155	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	7,64		7,64	Huyện Đông Anh	2021-2025
156	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Vân Diêm, xã Vân Hà	ODT	12,00		12,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
157	Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-15 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	2,90		2,90	Huyện Đông Anh	2021-2023
158	Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-16 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	3,00		3,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
159	Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-17 NO-19 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	4,20		4,20	Huyện Đông Anh	2021-2023
160	Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-20 và NO-21 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	3,10		3,10	Huyện Đông Anh	2021-2023
161	Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-22 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
162	Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-23 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	4,70		4,70	Huyện Đông Anh	2021-2023
163	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Thiết Bình, xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	12,00		12,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
164	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X7 thôn Đàm xã Vân Nội huyện Đông Anh	ODT	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
165	Tên đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư: Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây xóm Đàm, xã Vân Nội Tên giao nhiệm vụ CBĐT: Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Tây Nam xóm Đàm, xã Vân Nội, huyện Đông Anh	ODT	13,60		13,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
166	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Tây thôn Thổ Bảo, xã Vân Nội, huyện Đông Anh	ODT	14,89		14,89	Huyện Đông Anh	2021-2025
167	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Tây xóm Ba, xã Vân Nội, huyện Đông Anh	ODT	8,50		8,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
168	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Tây xóm Đông, xã Vân Nội, huyện Đông Anh	ODT	10,00		10,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
169	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X3 thôn Đàm, xã Vân Nội	ODT	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
170	Đất ở nông thôn có thu tiền sử dụng đất	ODT	1,19		1,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
171	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất xã Việt Hùng 1	ODT	11,50		11,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
172	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất xã Việt Hùng 2	ODT	4,95		4,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
173	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Trung, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	ODT	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2023
174	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Đông, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	ODT	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
175	Xây dựng khu đấu giá QSD đất VH1 xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	ODT	11,00		11,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
176	Xây dựng HTKT khu đất X4 khu Ma Lê thôn Trung Việt Hùng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất.	ODT	0,49		0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
177	Xây dựng công trình có chức năng nhà ở tại kho A, thôn Dục Nội, xã Việt Hùng	ODT	10,70		10,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
178	Đất giãn dân (tồn tại cũ toàn xã)	ODT	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
179	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Vông La 2, xã Vông La, huyện Đông Anh.	ODT	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
180	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại điểm X2 thôn Sáp Mai, xã Vông La, huyện Đông Anh	ODT	0,46		0,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
181	Dự án xin đầu giá QSD đất để làm nhà ở thôn Xuân Trạch (điểm X3)	ODT	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
182	Khu nhà ở tại 2 ô đất ký hiệu E2 thuộc ô quy hoạch VIII.2.4 và E5 thuộc ô quy hoạch VIII.2.7 phân khu N8	ODT	3,66		3,66	Huyện Đông Anh	2021-2025
183	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Xuân Canh	ODT	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021
184	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Vạn Lộc 1, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ODT	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
185	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Vạn Lộc 2, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ODT	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
186	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất xen kẹt điểm X10 thôn Xuân Canh, xã Xuân Canh	ODT	0,49		0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
187	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất xen kẹt điểm X11 thôn Xuân Trạch, xã Xuân Canh	ODT	0,49		0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
188	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá xen kẹt X10 thôn Xuân Canh	ODT	0,47		0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
189	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá xen kẹt X11 thôn Xuân Trạch	ODT	0,49		0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
190	Xây dựng HTKT kỹ thuật khu đất đầu giá đất xen kẹt ĐG1 tại thôn Vạn Lộc	ODT	1,40		1,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
191	Xây dựng HTKT kỹ thuật khu đất đầu giá đất xen kẹt ĐG2 tại thôn Vạn Lộc	ODT	2,20		2,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
192	Xây dựng HTKT kỹ thuật khu đất đầu giá đất xen kẹt ĐG3 tại thôn Văn Thượng	ODT	1,08		1,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
193	Xây dựng HTKT kỹ thuật khu đất đầu giá đất xen kẹt ĐG4 tại thôn Văn Thượng	ODT	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
194	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá đất xen kẹt tại ĐG5 thôn Văn Tinh, xã Xuân Canh	ODT	2,60		2,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
195	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá đất xen kẹt tại ĐG6 thôn Xuân Trạch, xã Xuân Canh	ODT	0,98		0,98	Huyện Đông Anh	2021-2025
196	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá đất xen kẹt tại ĐG7 thôn Xuân Trạch, xã Xuân Canh	ODT	0,95		0,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
197	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá đất xen kẹt tại ĐG8 thôn Xuân Trạch, xã Xuân Canh	ODT	3,80		3,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
198	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá đất xen kẹt tại ĐG9 thôn Xuân Trạch, xã Xuân Canh	ODT	1,05		1,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
199	Xây dựng khu đầu giá QSD đất XN3 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	6,00		6,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
200	Xây dựng khu đầu giá QSD đất X2 thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
201	Xây dựng khu đầu giá QSD đất XN1 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	6,00		6,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
202	Xây dựng khu đầu giá QSD đất XN2 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	6,00		6,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
203	Xây dựng khu đầu giá QSD đất XN4 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
204	Xây dựng khu đầu giá QSD đất XN5 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	7,00		7,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
205	Xây dựng khu đầu giá QSD đất XN6 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	4,00		4,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
206	Xây dựng khu đầu giá QSD đất XN8 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	2,50		2,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
207	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất X2 Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	20,15		20,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
208	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất xen kẹt tại khu đất X2 tại thôn Phù Liễn; X3 tại thôn Quan Âm xã Bắc Hồng; X1 thôn Lê Xá, X2 thôn Lê Xá, X2 thôn Thái Bình xã Mai Lâm; (điểm X3) tại thôn Đàm, xã Vân Nội; thôn Đường Yên, xã Xuân Nộn (điểm X4); thôn Đường Yên, xã Xuân Nộn (điểm X5); thôn Đình Trung, xã Xuân Nộn (điểm X7); thôn Xuân Nộn, xã Xuân Nộn (điểm X8); thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn (điểm X3); điểm X2, thôn Mai Châu	ODT	8,01		8,01	Huyện Đông Anh	2021
209	Các dự án đã có Quyết định giao đất, đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2021 để phục vụ đầu giá QSD đất: 1. Xây dựng HTKT khu đất X1 thôn Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB; 2. Xây dựng HTKT khu đất X2 thôn Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB; 3. Xây dựng HTKT khu đất X2 thôn Sơn Du, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB; 4. Xây dựng HTKT khu đất X3 thôn Khê Nữ, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB; 5. Xây dựng HTKT khu đất X2 tại thôn Đồng Nhân, xã Hải Bối để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB; 6. Xây dựng HTKT khu đất X4 xã Liên Hà, huyện Đông Anh phục vụ công tác tái định cư; 7. Xây dựng HTKT khu đất X4 xã Liên Hà, huyện Đông Anh phục vụ công tác tái định cư.	ODT	0,61		0,61	Huyện Đông Anh	2021
210	Xây dựng cơ sở HTKT phục vụ đầu giá QSD đất nhỏ lẻ xen kẹt tại các xã	ODT	18,55		18,55	Huyện Đông Anh	2021
211	Xây dựng cơ sở HTKT phục vụ đầu giá QSD nhỏ lẻ xen kẹt tại 32 khu đất tại các xã	ODT	11,00		11,00	Huyện Đông Anh	2021
212	Dự án: Xây dựng HTKT khu đất X1 xã Đông Hội và xã Mai Lâm huyện Đông Anh để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB	ODT	4,90		4,90	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
213	Xây dựng HTKT khu đất T3 tại xã Dục Tú và xã Mai Lâm, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ODT	18,00		18,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
214	Xây dựng khu nhà ở xã hội, nhà thu nhập thấp (5 dự án).	ODT	56,31		56,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
215	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt tại xã Nguyễn Khê, Vân Nội, Thụy Lâm; Xuân Canh	ODT	5,48		5,48	Huyện Đông Anh	2021
216	Xây dựng 2 tòa nhà cao tầng để xây dựng tổ hợp thương mại dịch vụ, văn phòng cho thuê tại ngã tư Biên thể thị trấn Đông Anh	ODT	0,07		0,07	Huyện Đông Anh	2021
217	Đất chuyển mục đích vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen kẹt sang đất ở tại các xã, thị trấn	ODT	22,00		22,00	Huyện Đông Anh	2021
218	Xây dựng cơ sở HTKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ lẻ xen kẹt tại các xã	ODT	2,81		2,81	Huyện Đông Anh	2021-2025
219	Khu nhà ở thấp tầng tại xã Dục Tú và xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	ODT	8,10		8,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
220	Xây dựng khu đô thị mới G2	ODT	37,10		37,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
221	Xây dựng khu đô thị mới G15	ODT	35,90		35,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
222	Xây dựng khu đô thị mới G14	ODT	44,51		44,51	Huyện Đông Anh	2021-2025
223	Xây dựng khu đô thị mới G5	ODT	46,00		46,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
224	Xây dựng khu đô thị mới G6	ODT	49,80		49,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
225	Xây dựng khu đô thị mới G9	ODT	49,90		49,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
226	Xây dựng khu đô thị mới G10	ODT	20,60		20,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
227	Khu chức năng đô thị tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	28,90		28,90	Huyện Đông Anh	2021
228	Xây dựng khu đô thị mới G12	ODT	39,70		39,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
229	Xây dựng khu đô thị mới G1	ODT	45,30		45,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
230	Xây dựng khu đô thị mới G17	ODT	20,60		20,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
231	Xây dựng khu đô thị mới G18	ODT	22,20		22,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
232	Xây dựng khu đô thị mới G19	ODT	30,33		30,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
233	Khu đô thị chức năng xã Nam Hồng	ODT	2,35		2,35	Huyện Đông Anh	2021
234	Khu đô thị tại xã Nam Hồng	ODT	4,06		4,06	Huyện Đông Anh	2021-2025
235	Khu chức năng đô thị H1	ODT	75,74		75,74	Huyện Đông Anh	2021-2025
236	Khu chức năng đô thị H2	ODT	36,13		36,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
237	Khu đô thị H3	ODT	70,99		70,99	Huyện Đông Anh	2021-2025
238	Khu đô thị H4	ODT	64,81		64,81	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
239	Khu đô thị H5	ODT	44,87		44,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
240	Khu đô thị H6	ODT	37,83		37,83	Huyện Đông Anh	2021-2025
241	Khu đô thị H7	ODT	39,05		39,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
242	Khu đô thị H8	ODT	42,42		42,42	Huyện Đông Anh	2021-2025
243	Khu đô thị H9	ODT	37,44		37,44	Huyện Đông Anh	2021-2025
244	Khu đô thị tại xã Tiên Dương	ODT	1,15		1,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
245	Khu đô thị tại xã Tiên Dương	ODT	0,56		0,56	Huyện Đông Anh	2021-2025
246	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất X7, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	2,55		2,55	Huyện Đông Anh	2021-2025
247	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất X5, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	3,80		3,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
248	Đất ở phát triển Thị tứ xã Vân Hà	ODT	19,37		19,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
249	Xây dựng khu đô thị mới G16	ODT	40,30		40,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
250	Khu đô thị biệt thự sinh thái và bãi đỗ xe	ODT	1,48		1,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
251	Xây dựng khu đô thị mới G13	ODT	44,20		44,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
252	Xây dựng khu đô thị mới G3	ODT	45,10		45,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
253	Xây dựng khu đô thị mới G4	ODT	34,80		34,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
254	Xây dựng khu đô thị mới G7	ODT	46,80		46,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
255	Xây dựng khu đô thị mới G8	ODT	46,60		46,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
256	Xây dựng khu đô thị mới G11	ODT	49,20		49,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
257	Khu đô thị mới các xã Xuân Canh, Đông Hội, Mai Lâm	ODT	265,32		265,32	Huyện Đông Anh	2021
258	Khu đô thị Uy Nỗ-TT Đông Anh	ODT	15,93		15,93	Huyện Đông Anh	2021-2025
259	Thành phố Thông Minh (Khu A)	ODT	271,50		271,50	Huyện Đông Anh	2021
260	Xây dựng khu đô thị Vân Nội - Tiên Dương (phía Đông đầm Vân Trì)	ODT	86,40		86,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
261	Xây dựng khu đô thị Tiên Dương - Vân Nội	ODT	150,80		150,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
262	Xây dựng khu chức năng đô thị Bắc Hồng-Nguyên Khê	ODT	111,90		111,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
263	Xây dựng khu đô thị Xuân Canh - Vĩnh Ngọc	ODT	118,90		118,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
264	Xây dựng HTKT Khu đất X2 Xóm Ngõ, thôn Khê Nữ, xã Nguyên Khê để đấu giá QSD đất.	ODT	0,47		0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
265	Xây dựng HTKT Khu đất X4 thôn Nguyên Khê , xã Nguyên Khê để đấu giá QSD đất.	ODT	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
266	Xây dựng HTKT Khu đất X5 thôn Nguyên Khê , xã Nguyên Khê để đấu giá QSD đất.	ODT	0,44		0,44	Huyện Đông Anh	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
267	Xây dựng HTKT Khu đất X6 thôn Nguyên Khê , xã Nguyên Khê để đấu giá QSD đất.	ODT	0,37		0,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
268	Dự án xây dựng HTKT khu đất xen kẹt tại X1 thôn Nhuế, xã Kim Chung để đấu giá QSD đất	ODT	0,48		0,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
269	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ xen kẹt để đấu giá QSD đất tại X1 thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	0,45		0,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
270	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu đô thị mới, chỉnh trang đô thị tại xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	ODT	13,80			Huyện Gia Lâm	2022
271	GPMB khu đấu giá quyền sử dụng đất X1 thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	ODT	7,70			Huyện Gia Lâm	2022
272	GPMB khu đấu giá quyền sử dụng đất X2 xã Đình Xuyên và xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	ODT	2,90			Huyện Gia Lâm	2022
273	GPMB khu đấu giá quyền sử dụng đất X5 thôn Quy Mông và thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	ODT	4,09			Huyện Gia Lâm	2022
274	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại khu đất PD1, PD2, PD3, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	ODT	4,02			Huyện Gia Lâm	2022
275	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại khu đất PD4, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	ODT	4,40			Huyện Gia Lâm	2022
276	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất KK1, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	ODT	3,30			Huyện Gia Lâm	2022
277	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất DT3, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	ODT	1,49			Huyện Gia Lâm	2022
278	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất KK. xã Kiêu Kỵ. huyện Gia Lâm	ODT	3,32			Huyện Gia Lâm	2022
279	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Gia Lâm (đợt 4)	ODT	3,00			Huyện Gia Lâm	2022
280	GPMB phục vụ đấu giá QSD đất để XD khu đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất DH1, xã Yên Viên, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	ODT	8,20			Huyện Gia Lâm	2022
281	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí X2B xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	ODT	8,54			Huyện Gia Lâm	2022
282	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất DH2 xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	ODT	19,60			Huyện Gia Lâm	2022
283	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí N-DX1 xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	ODT	1,26			Huyện Gia Lâm	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
284	Đất vườn, ao (Đất trồng cây lâu năm; Đất trồng cây hàng năm và Đất nuôi trồng thủy sản) xen kẹt trong khu dân cư đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đất nông nghiệp được giao nằm xen kẹt trong khu dân cư	ODT	4,00			Huyện Gia Lâm	2022
285	Khu đô thị An Khánh - An Thượng	ODT	30,28			Huyện Hoài Đức	2022
286	Khu đô thị mới Kim Chung - Di Trạch	ODT	138,17			Huyện Hoài Đức	2022
287	Khu ĐTM An Lạc Green Symphony (tên cũ Khu ĐTM thuộc khu đô thị Đại học Văn Canh)	ODT	57,05			Huyện Hoài Đức	2022
288	Xây dựng nhà ở Đại đội dự bị động viên và các hạng mục phụ trợ Ban Chỉ huy quân sự huyện Hoài Đức	ODT				Huyện Hoài Đức	2023-2024
289	Khu đô thị mới CEO Mê Linh	ODT	20,31		20,31	Huyện Mê Linh	2022
290	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ kết hợp đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh	ODT	12,00			Huyện Mê Linh	2022
291	Khu đô thị Vinalines	ODT	106,69			Huyện Mê Linh	2022
292	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại tổ dân phố số 2, TT.Chi Đông.	ODT	0,45		0,10	Huyện Mê Linh	2022
293	Hạ tầng đất dịch vụ thôn Giai Lạc (Nay là tổ dân phố 1,2,3), TT. Quang Minh, huyện Mê Linh.	ODT	10,01		10,01	Huyện Mê Linh	2022
294	Hạ tầng đất dịch vụ thôn Gia Trung, TT Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	7,20		7,20	Huyện Mê Linh	2022
295	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X4 TDP số 8, thị trấn Quang Minh	ODT	0,29		0,10	Huyện Mê Linh	2022
296	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại điểm X3 TDP số 7, thị trấn Quang Minh	ODT	0,36		0,36	Huyện Mê Linh	2022
297	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại tổ dân phố số 7, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh (khu vực xung quanh trường mầm non Quang Minh)	ODT	2,27		0,50	Huyện Mê Linh	2022
298	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X1, tổ dân phố số 2, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh	ODT	0,59		0,10	Huyện Mê Linh	2022
299	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Chu Trần, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	ODT	6,20		6,20	Huyện Mê Linh	2022
300	Hạ tầng đất dịch vụ thôn Gia Tân (Nay là tổ dân phố số 11) TT.Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	2,21		2,21	Huyện Mê Linh	2022
301	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để giao đất tái định cư và kết hợp đấu giá quyền sử dụng đất tại tổ dân phố số 11 (điểm QM-03, QM-05, QM-06) thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	0,31		0,31	Huyện Mê Linh	2022
302	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X2, tổ dân phố số 4, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	1,00		1,00	Huyện Mê Linh	2022
303	Khu đô thị mới An Thịnh	ODT	77,25		9,04	Huyện Mê Linh	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
304	Khu nhà ở ven sông Long Việt - Long Viet Riverside	ODT	4,33			Huyện Mê Linh	2022
305	Khu đô thị Cienco 5	ODT	49,95			Huyện Mê Linh	2022
306	Mở rộng khu đô thị Cienco 5	ODT	17,76			Huyện Mê Linh	2022
307	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ giao đất cho 15 hộ đổi đất lấy công trình và 02 hộ khu ao Trạm y tế Quang Minh (Công trình dân sinh bức xúc)	ODT	0,51			Huyện Mê Linh	2022
308	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt tại điểm X1, khu Giếng Chùa, tổ dân phố số 1, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	0,02			Huyện Mê Linh	2022
309	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X1, tổ dân phố số 2, thị trấn Chi Đông	ODT	0,59		0,59	Huyện Mê Linh	2023-2025
310	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại điểm X4 TDP số 8, thị trấn Quang Minh	ODT	0,29		0,29	Huyện Mê Linh	2023-2025
311	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại điểm X3 TDP số 7, thị trấn Quang Minh	ODT	0,36	0,15	0,21	Huyện Mê Linh	2023-2025
312	Đất chuyển đổi nông nghiệp xen kẹt, đất vườn ao liền kề trong khu dân cư sang đất ở của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện	ODT	0,34		0,34	Huyện Mê Linh	2023-2025
313	Hạ tầng đất dịch vụ thôn Gia Tân (Nay là tổ dân phố số 11) xã Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	1,80		1,80	Huyện Mê Linh	2023-2025
314	XD HTKT để ĐGQSDĐ nhỏ lẻ, xen kẹt tại tổ dân phố số 2, TT.Chi Đông.	ODT	0,45		0,45	Huyện Mê Linh	2023-2025
315	Xây dựng HTKT để giao đất dịch vụ và kết hợp đấu giá QSD đất tại TDP số 3 (điểm QM-04) TT Quang Minh huyện Mê Linh	ODT	0,35		0,35	Huyện Mê Linh	2023-2025
316	Xây dựng HTKT để giao đất TĐC và kết hợp đấu giá QSD đất tại TDP số 11 (điểm QM-03, QM-05, QM-06) TT Quang Minh	ODT	0,31		0,31	Huyện Mê Linh	2023-2025
317	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X2, TDP số 4, thị trấn Quang Minh	ODT	1,10		1,10	Huyện Mê Linh	2023-2025
318	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất tại tổ dân phố số 7, thị trấn Quang Minh (khu vực xung quanh trường mầm non Quang Minh)	ODT	2,60		2,60	Huyện Mê Linh	2023-2025
319	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm QM-01 tổ dân phố 4,5,6, thị trấn Quang Minh	ODT	3,44		3,44	Huyện Mê Linh	2023-2025
320	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm QM-02 (TDP số 8, Ấp Tre) thị trấn Quang Minh	ODT	0,50		0,50	Huyện Mê Linh	2023-2025
321	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm QM-01 (TDP số 8, Ấp Tre) thị trấn Quang Minh	ODT	7,80		7,80	Huyện Mê Linh	2023-2025
322	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để giao đất tái định cư và kết hợp đấu giá QSD đất tại tổ dân phố số 4,5 (điểm QM-02) thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	0,14		0,14	Huyện Mê Linh	2023-2025
323	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để giao đất dịch vụ và kết hợp đấu giá QSD đất tại tổ dân phố số 3 (điểm QM-04) thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	0,35		0,35	Huyện Mê Linh	2023-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
324	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá QSD đất tại tổ dân phố số 7, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh (khu vực xung quanh trường mầm non Quang Minh B)	ODT	2,27	1,77	0,50	Huyện Mê Linh	2023-2025
325	XD HTKT đề ĐGQSDĐ tại tổ dân phố số 3, TT.Chi Đông	ODT	1,69	1,69		Huyện Mê Linh	2023-2025
326	Dự án khu nhà ở Minh Đức tại xã Tiên Phong	ODT	17,22	17,22		Huyện Mê Linh	2023-2025
327	Khu mạ cú TDP Tế Tiêu	ODT	2,30			Huyện Mỹ Đức	2021
328	Khu Xứ đồng Bãi Vạc TDP Văn Giang	ODT	1,90			Huyện Mỹ Đức	2021
329	Khu Xứ đồng Đường Ngang trên TDP Văn Giang	ODT	2,96			Huyện Mỹ Đức	2021
330	Khu Xứ đồng Góc Nam	ODT	1,90			Huyện Mỹ Đức	2021
331	Khu Ao Đình, tổ dân phố Tế Tiêu	ODT	2,96			Huyện Mỹ Đức	2021
332	Khu mặt đường 424 (giáp nghĩa trang cũ Tế Tiêu) Công đề TDP Tế Tiêu	ODT	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
333	Khu đồng cửa kho, mạ cửa cầu - Tổ dân phố Thọ Sơn	ODT	3,80			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
334	Khu đồng Cửa Chợ - Tổ dân phố Tế Tiêu	ODT	4,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
335	Khu Đồng bãi cả (TDP Văn Giang)	ODT	0,68			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
336	Khu nhà ở An Phú Mỹ	ODT	9,32			Huyện Mỹ Đức	2021
337	Khu tổ dân phố Văn Giang	ODT	10,65			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
338	Khu tổ dân phố Thọ Sơn	ODT	30,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
339	Khu tổ dân phố Tế Tiêu	ODT	30,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
340	Khu giáp nhà máy nước - Tổ dân phố Tế Tiêu	ODT	0,48			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
341	Khu nhà văn hóa Văn Giang	ODT	0,13			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
342	Khu trường tiểu học Văn Giang	ODT	0,43			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
343	Khu Ngõ 31 Đường Đại Nghĩa (Thọ Sơn)	ODT	0,07			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
344	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu Đầm cụ Chánh Hậu, tiểu khu Phú Mỹ	ODT	0,03		0,03	Huyện Phú Xuyên	2022
345	Đấu giá quyền sử dụng đất khu sau UBND huyện Phú Xuyên, Tiểu khu Thao Chính, thị trấn Phú Xuyên	ODT	3,30		3,30	Huyện Phú Xuyên	2022
346	Đấu giá quyền sử dụng đất khu Nam Chính, Tiểu khu Thao Chính, thị trấn Phú Xuyên	ODT	11,70		11,70	Huyện Phú Xuyên	2022
347	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Đồng Quan, Tiểu khu Mỹ Lâm	ODT	9,60		9,60	Huyện Phú Xuyên	2022
348	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Tế Nông - Đồng Gừng Tiểu khu Mỹ Lâm	ODT	9,67		9,67	Huyện Phú Xuyên	2022
349	Vị trí đất ở cho hộ gia đình tại thị trấn Phú Xuyên (ông Lại Văn Chín) phục vụ việc bố trí đường vào công trình giáo dục tại thị trấn Phú Xuyên	ODT	0,01		0,01	Huyện Phú Xuyên	2022
350	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Ruộng Bà trường TK Đại Nam	ODT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021
351	Khu Đồng Thuyền, TK Phú Gia	ODT	7,68		7,68	Huyện Phú Xuyên	2025
352	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu Trại ông Ôn, TK Phú Gia giai đoạn 1	ODT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021
353	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu giáp trường Cơ Điện, TK Phú Thịnh	ODT	1,80		1,80	Huyện Phú Xuyên	2021
354	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang đất ở đô thị toàn huyện	ODT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021
355	Khu đô thị sinh thái và trung tâm thương mại Quốc Oai	ODT	26,80			Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
356	Khu dân cư đô thị mới ĐG05.1 thị trấn Quốc Oai	ODT	0,48		0,48	Huyện Quốc Oai	2021-2025
357	Khu dân cư đô thị mới ĐG05.2 Thị trấn	ODT	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
358	Khu dân cư đô thị mới ĐG03 thị trấn Quốc Oai	ODT	3,40		-	Huyện Quốc Oai	2021-2025
359	Khu dân cư đô thị mới ĐG06 - Thị trấn Quốc Oai	ODT	4,54		1,44	Huyện Quốc Oai	2021-2025
360	Khu dân cư mới đất ở xen kẹt thị trấn Quốc Oai	ODT	0,09		0,09	Huyện Quốc Oai	2021-2025
361	Khu dân cư đô thị mới ĐG02 Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai	ODT	4,30		-	Huyện Quốc Oai	2021-2025
362	Xây dựng hạ tầng khu đất dịch vụ thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	ODT	1,20	1,20	-	Huyện Quốc Oai	2021-2025
363	Khu dân cư đô thị mới khu đất Tái định cư thị trấn Quốc Oai	ODT	8,96		8,96	Huyện Quốc Oai	2021-2025
364	Dự án khu đô thị Monaco Garden	ODT	125,92		125,92	Huyện Quốc Oai	2021-2025
365	Khu đô thị và dịch vụ phía Tây Quốc Oai (Khu đô thị Hà Nội Westgate)	ODT	45,25		0,85	Huyện Quốc Oai	2021-2025
366	Khu biệt thự cao cấp, trung tâm thương mại tổng hợp Metropole	ODT	33,00		33,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
367	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại tổ 1, thị trấn Sóc Sơn	ODT	2,60		0,37	Huyện Sóc Sơn	2022
368	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt để đấu giá QSD đất tại khu sau Làng, tổ 2, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	ODT	1,44			Huyện Sóc Sơn	2022
369	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt để đấu giá QSD đất tại khu sau Làng, tổ 2, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	ODT	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
370	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất ở tại khu Đồng Cam Thị trấn Liên Quan (gồm 3 điểm , trước mặt trường PTHTT, khu sau sân vận động, khu cầu Đồng Mô đối diện chợ Săn)	ODT	3,98		3,98	Huyện Thạch Thất	2022
371	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá đất ở tại khu Trung tâm hành chính huyện	ODT	5,77		5,77	Huyện Thạch Thất	2021-2025
372	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất tại khu trung tâm thị trấn Liên Quan	ODT	4,00		4,00	Huyện Thạch Thất	2025
373	Xây dựng khu tái định cư thị trấn Liên Quan	ODT	3,82		3,82	Huyện Thạch Thất	2022
374	Giải phóng mặt bằng khu đấu giá QSD đất trạch Hành chính thị trấn Liên Quan	ODT	2,20		2,20	Huyện Thạch Thất	2021-2025
375	Đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện đầu tư nhà ở thấp tầng Khu K3, thị trấn Kim Bài (giai đoạn 2)	ODT	5,40	5,40	5,40	Huyện Thanh Oai	2021-2022
376	Đấu giá QSD đất khu K3 Thị trấn Kim bài giai đoạn 1, huyện Thanh Oai	ODT	6,30			Huyện Thanh Oai	2021-2022
377	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới Mỹ Hưng - Cienco 5	ODT	182,04			Huyện Thanh Oai	2021-2022
378	Khu dân cư mới tại thị trấn Kim Bài	ODT	24,30		24,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
379	Khu đô thị K3	ODT	50,53		50,53	Huyện Thanh Oai	2021-2022
380	Khu đô thị Thanh Hà	ODT	15,00		15,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
381	Khu đô thị Mỹ Hưng	ODT	172,00		172,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
382	Khu đô thị Mỹ Hưng	ODT	30,00		30,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
383	Khu đô thị Mỹ Hưng	ODT	16,00		16,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
384	Khu đô thị Nam Hà Nội	ODT	445,00		445,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
385	Khu đô thị mới xã Bích Hòa hai bên đường quy hoạch Hà Đông - Xuân Mai	ODT	50,00		50,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
386	Khu đô thị mới Cao Viên	ODT	46,00		46,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
387	Khu đô thị mới xã Cao Viên	ODT	105,00		105,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
388	Khu đô thị mới xã Thanh Mai	ODT	40,00		40,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
389	Khu đô thị mới xã Cự Khê	ODT	10,00		10,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
390	Khu đô thị mới Phương Trung	ODT	35,00		35,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
391	05 Khu tái định cư kết hợp đấu giá quyền sử dụng đất dọc Quốc 1A đoạn qua địa bàn huyện Thường Tín	ODT	5,80		5,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
392	Đô thị số 2: Dự án đấu giá QSD đất cả lô: OM01, OM02, OM03, OM11, OM 15, CX 08, CCDDT07 và các tuyến đường liên quan tại khu K2 thị trấn Thường Tín	ODT	2,15		2,15	Huyện Thường Tín	2022-2025
393	Đô thị số 3: Dự án đấu giá QSD đất cả lô: OM 04, OM 05, OM 06, và OM16 đến OM 20, CX06 và các tuyến đường liên quan tại khu K2 thị trấn Thường Tín	ODT	3,80		3,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
394	Đô thị số 4: Dự án đấu giá QSD đất cả lô OM 22, TH 02, MN01, MN 02. P và các tuyến đường liên quan tại khu K2 thị trấn Thường Tín	ODT	2,10		2,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
395	Đô thị số 5: Dự án đấu giá QSD đất cả lô OM 01, OM 02, OM04, OM05, OM06, OM 07, OM10, CX 01, CX 04, CX05, MN và các tuyến đường liên quan tại khu K1, K2 thị trấn Thường Tín	ODT	4,90		4,90	Huyện Thường Tín	2022-2025
396	Đô thị số 6: Dự án đấu giá QSD đất cả lô OM 09, đến OM 18, CX 06 đến CX 11 và các tuyến đường liên quan tại khu K1 thị trấn Thường Tín	ODT	4,90		4,90	Huyện Thường Tín	2022-2025
397	Đô thị số 7: Dự án đấu giá QSD đất cả lô OM 19, OM 21, OM 22, OM 23, OM31 và các tuyến đường liên quan tại khu K3 thị trấn Thường Tín	ODT	1,80		1,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
398	Khu chung cư cho người có thu nhập thấp	ODT	2,50		2,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
399	Đấu giá quyền sử dụng đất cả lô tại khu đất ký hiệu L.27 thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	ODT	3,26	3,26		Huyện Thường Tín	2022-2025
400	Đấu giá đất ở khu Đỗ Kiển	ODT	2,60	2,14	0,46	Huyện Thường Tín	2022-2025
401	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại vị trí Ngã Kéo thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ODT	0,55		0,55	Huyện Thường Tín	2022-2025
402	Khu đô thị 1a Nhị Khê	ODT	13,64		13,64	Huyện Thường Tín	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
403	Khu đô thị 3a Nhị Khê	ODT	8,74		8,74	Huyện Thường Tín	2022-2025
404	Khu đô thị 3b Nhị Khê	ODT	11,08		11,08	Huyện Thường Tín	2022-2025
405	Khu đấu giá QSD đất ở số 01: Tại xã Nhị Khê thuộc một phần ô quy hoạch có ký hiệu C3-6 của Khu đô thị S5.	ODT	8,50		8,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
406	Khu đấu giá QSD đất ở số 02: Tại xã Nhị Khê thuộc ô quy hoạch có ký hiệu C3 - 4 và C3-6 của Khu đô thị S5.	ODT	17,50		17,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
407	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất Khu liên kề Duyên Thái I, xã Duyên Thái	ODT	2,55		2,55	Huyện Thường Tín	2022-2025
408	Dự án đấu giá QSD đất tại xã Văn Tự - PX-03	ODT	13,20		13,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
409	Dự án đấu giá QSD đất tại xã Văn Tự - PX-04	ODT	16,40		16,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
410	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá xã Vạn Điểm, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ODT	6,58		6,58	Huyện Thường Tín	2022-2025
411	Dự án đấu giá QSD đất tại xã Minh Cường - PX -01	ODT	9,86		9,86	Huyện Thường Tín	2022-2025
412	Dự án đấu giá QSD đất tại xã Minh Cường - PX -02	ODT	4,60		4,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
413	Khu Văn phòng - Dịch vụ - Thương mại và nhà ở số 01 Vạn Điểm	ODT	11,00		11,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
414	Khu Văn phòng - Dịch vụ - Thương mại và nhà ở số 02 Vạn Điểm	ODT	16,20		16,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
415	Khu Văn phòng - Dịch vụ - Thương mại và nhà ở số 03 Vạn Điểm	ODT	9,00		9,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
416	Khu Văn phòng - Dịch vụ - Thương mại và nhà ở số 01 Minh Cường	ODT	7,98		7,98	Huyện Thường Tín	2022-2025
417	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất LK01 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	ODT	1,51	1,51	1,51	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
418	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất CC03 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	ODT	1,58		1,58	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
419	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất BT02 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	ODT	2,00	2,00	2,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
420	Xây dựng HTKT khu 1 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	1,96	1,96	1,96	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
421	Xây dựng HTKT khu 2 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	2,03	2,03	2,03	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
422	Xây dựng HTKT khu 3 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	2,16	2,16	2,16	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
423	Xây dựng HTKT khu đất ở mới và tái định cư thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	1,27	1,27	1,27	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
424	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất CC03 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	ODT	1,58	1,55		Huyện Ứng Hòa	2022-2025
425	Chuyển mục đích đất vườn ao liền kề trong khu dân cư sang đất ở	ODT	10,00		10,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
426	Đất ở mới (các điểm nhỏ lẻ xen kẹt trong khu dân cư)	ODT	3,71		3,71	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
427	Đất ở đô thị (Quy hoạch chung thị trấn Vân Đình; QH mở rộng thị trấn)	ODT	44,85	-	44,85	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
428	Thu hồi địa điểm nhà đất của Tổng công ty Thương mại Hà Nội để tổ chức bán đấu giá	ODT	0,01		0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
429	Thu hồi cơ sở nhà đất của Công ty TNHH MTV Điện ảnh Hà Nội giao TT Phát triển quỹ đất Hà Nội - Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, tổ chức bán đấu giá	ODT	0,07		0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
430	Cải tạo, xây dựng lại khu tập thể Viện tư liệu phim Việt Nam-The Boulevard	ODT	0,13			Quận Ba Đình	2021-2025
431	Dự án xây dựng văn phòng, căn hộ và biệt thự tại 16 Láng Hạ, phường Thành Công	ODT	0,82			Quận Ba Đình	2021-2025
432	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất các ô đất nhỏ lẻ xen kẹt trên địa bàn quận sang đất ở đô thị	ODT	1,50			Quận Ba Đình	2021-2025
433	Di chuyển các hộ dân nằm trong khu vực 1 di tích Đình Công Vị; Đình Giảng Võ; chùa Bát Tháp	ODT	0,35		-	Quận Ba Đình	2021-2025
434	Xây dựng HTKT đấu giá QSDĐ khu đất kẹt phường Liên Mạc	ODT	0,61		0,61	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
435	Khu nhà ở thấp tầng	ODT	2,49		2,49	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
436	Khu nhà ở thấp tầng	ODT	0,90		0,90	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
437	Khu nhà ở cao cấp và thương mại dịch vụ Tây Tựu	ODT	3,24		3,24	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
438	Khu nhà ở cao cấp kết hợp Dịch vụ thương mại Tây Tựu	ODT	3,71		3,71	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
439	Đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại Tây Tựu - Thăng Long	ODT	5,09		5,09	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
440	Tổ hợp nhà ở cao cấp và thương mại dịch vụ Thượng Cát	ODT	6,00		6,00	Quận Bắc Từ Liêm	2022
441	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất 0,4ha phường Thượng cát quận bắc từ liêm (vị trí 7)	ODT	0,40		0,40	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
442	Dự án xây dựng nhà ở trong ô quy hoạch G8-4 thuộc phân khu GS quy mô 7,8ha	ODT	7,80		7,80	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
443	Dự án xây dựng nhà ở trong ô quy hoạch B-1 thuộc phân khu S2 quy mô 4,6ha	ODT	4,60		4,60	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
444	Dự án xây dựng nhà ở trong ô quy hoạch GS1-1 thuộc phân khu GS quy mô 13,3ha	ODT	13,30		13,30	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
445	Chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	ODT	0,16		0,16	Quận Hà Đông	2022
446	Khu dân cư mới phường Vạn Phúc	ODT	18,81	18,77	0,04	Quận Hà Đông	2021-2022
447	Đấu giá khu đất Đồng Đanh, Đồng Cộc, Nhân Trạch, Phú Lương, quận Hà Đông.	ODT	5,74	5,63	0,11	Quận Hà Đông	2021-2023
448	Khu đấu giá QSDĐ khu Hà Trì 1(Ký hiệu X10) phường Hà Cầu, quận Hà Đông.	ODT	0,03		0,03	Quận Hà Đông	2021-2023
449	Đấu giá quyền sử dụng đất khu đất X1, X2, X3 TDP 16, phường Mộ Lao, quận Hà Đông.	ODT	0,19		0,19	Quận Hà Đông	2022
450	Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện HTKT để đấu giá QSDĐ khu đất TDP 4 phường Phúc La	ODT	0,01		0,01	Quận Hà Đông	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
451	Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện HTKT để đấu giá QSDĐ khu đất TDP 10 phường Phúc La	ODT	0,01		0,01	Quận Hà Đông	2023
452	Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện HTKT để đấu giá QSDĐ khu đất Lô N05 khu TTHC mới (còn lại 01 thửa)	ODT	0,01		0,01	Quận Hà Đông	2023
453	Đấu giá X7, P phường Dương Nội. Phần Còn lại	ODT	0,03		0,03	Quận Hà Đông	2022
454	Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện HTKT để đấu giá QSDĐ khu đất xen kẹt (tập thể 18/4), phường Mộ Lao.	ODT	0,01		0,01	Quận Hà Đông	2023
455	Dự án khu dân cư Ngõ Thì Nhậm (giai đoạn 2)	ODT	0,08		0,08	Quận Hà Đông	2022
456	ODT	ODT	0,06		0,06	Quận Hà Đông	2022
457	ODT	ODT	0,02		0,02	Quận Hà Đông	2022
458	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất Phú Lương 2	ODT	3,89	3,76	0,14	Quận Hà Đông	2023
459	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ thôn Mậu Lương (xứ đồng Ma Tre, Bò Đa, Hàng Bè). Phần thu hồi bổ sung	ODT	7,28		0,23	Quận Hà Đông	2021
460	Đấu giá đất khu đất thuộc xứ Đồng Bo. Đồng Chúc, Cửa Cầu, Đồng Men thôn Trinh Lương, phường Phú Lương. (Khu B) □	ODT	4,74		4,74	Quận Hà Đông	2021
461	Khu đấu giá khu tổ dân phố 11(ký hiệu X9), phường Yên Nghĩa (Thời gian Thực hiện Từ năm 2014. Năm 2020 đã đấu xong khu X8 còn lại khu X9 153 m2)	ODT	0,02		0,02	Quận Hà Đông	2021
462	Đấu giá khu đất xứ đồng Hạ Khâu, thôn Động Lâm □	ODT	5,07		5,07	Quận Hà Đông	2021
463	Khu đấu giá xứ đồng Sen - Đã thu hồi đất xong	ODT	0,24		0,24	Quận Hà Đông	2021
464	Khu đấu giá QSDĐ khu xứ đồng khu Dưọc(ký hiệu X7), phường Dương Nội (đã thu hồi xong 0,297 ha, trình đấu giá 0,006 ha còn lại)	ODT	0,01		0,01	Quận Hà Đông	2021
465	Khu đấu giá QSDĐ khu xứ Đồng Sau Chùa (ký hiệu X8), khu tổ dân phố 11(ký hiệu X9), phường Yên Nghĩa (đã thu hồi 0,42 ha, trình xin đấu giá 8 lô DT: 0,057 ha còn lại)	ODT	0,06		0,06	Quận Hà Đông	2021
466	Khu đô thị mới Văn Phú (ô HT01, P1, P2, X13, TT39, TT40)	ODT	0,74		0,74	Quận Hà Đông	2021
467	Khu đất ở Tái định cư cho dự án Mở rộng Nhà tang lễ Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108	ODT	0,10		0,10	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
468	Dự án tại khu đất Công ty vật liệu xây dựng Nam Thắng	ODT	0,44		0,44	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
469	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần XD và XNK	ODT	0,26		0,26	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
470	Dự án tại khu đất Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	ODT	1,35		1,35	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
471	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 7 Chương Dương	ODT	0,07	0,07		Quận Hoàn Kiếm	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
472	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 9 Chương Dương	ODT	0,05	0,05		Quận Hoàn Kiếm	2021
473	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 10 Chương Dương	ODT	0,06	0,06		Quận Hoàn Kiếm	2021
474	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 11 Chương Dương	ODT	0,07	0,07		Quận Hoàn Kiếm	2021
475	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 14 Chương Dương	ODT	0,06	0,06		Quận Hoàn Kiếm	2021
476	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 16 Chương Dương	ODT	0,09	0,09		Quận Hoàn Kiếm	2021
477	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 17 Chương Dương	ODT	0,04	0,04		Quận Hoàn Kiếm	2021
478	Dự án tại nhà gỗ số 1A phường Chương Dương	ODT	0,13		0,13	Quận Hoàn Kiếm	2022
479	Chuyển mục đích sử dụng đất của Hợp tác xã Phúc Tân (đất kinh doanh dịch vụ) sang đất ở cho 5 hộ dân tại ngõ 2 Cầu Đất	ODT	0,01			Quận Hoàn Kiếm	2022
480	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 1A phường Chương Dương	ODT	0,12	0,12		Quận Hoàn Kiếm	2021
481	GPMB nhà gỗ số 13 (phần diện tích xung quanh)	ODT	0,01	0,01		Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
482	GPMB phần diện tích lấn chiếm còn lại xung quanh 07 nhà gỗ nguy hiểm thuộc chỉ giới GPMB theo Quyết định số 300/QĐ-UB ngày 17/01/2006 của UBND Thành phố	ODT	0,79	0,79		Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
483	Xây dựng HTKT các ô quy hoạch G7/NO1, G7/NO2, G7/P1, G7/P2 (bao gồm tuyến đường liền kề) dọc tuyến đường từ đê sông Hồng đến đường gom cầu Thanh Trì-phường Thạch Bàn, Cự Khối, quận Long Biên (đầu giá xây dựng đất ở và bãi đỗ xe)	ODT	0,30			Quận Long Biên	2022
484	Xây dựng HTKT các ô đất thuộc khu quy hoạch C12, C13 và các tuyến đường phụ cận phục vụ công tác đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Phúc Đồng, Việt Hưng	ODT	19,40			Quận Long Biên	2022
485	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các ô đất B.3/NO1, B.3/NO4, B.5/NO1 và các tuyến đường phụ cận có mặt cắt ngang B=13,5m; B=11,5m phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Thượng Thanh, quận Long Biên	ODT	9,00			Quận Long Biên	2022
486	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch C.7/LX, D.5/LX5 tại phường Phúc Lợi, quận Long Biên	ODT	0,03			Quận Long Biên	2022
487	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.6/LX4, G.6/LX7 tại phường Thạch Bàn, quận Long Biên	ODT	0,07			Quận Long Biên	2022
488	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch C.15/CX1, C.15/LX1 tại phường Phúc Đồng, quận Long Biên	ODT	0,12			Quận Long Biên	2022
489	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các ô đất thuộc khu quy hoạch C14 (gồm C14/NO1, C14/NO2, C14/NO3, C14/CX1, C14/CX2, C14/NT1, C14/NT2) và các tuyến đường phụ cận phục vụ công tác đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Phúc Đồng	ODT	13,50			Quận Long Biên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
490	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô quy hoạch G.6-NO6, G.6-LX4, G.6-LX5 phường Thạch Bàn	ODT	0,05			Quận Long Biên	2022
491	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại ô quy hoạch A4-NO1 phường Ngọc Thụy, Thượng Thanh, quận Long Biên	ODT	5,00			Quận Long Biên	2022
492	Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, GPMB các ô quy hoạch B4/CL4, B4/CL3 và B4/NO1 phụ cận tuyến đường 40m, 17,5m, 13,5m phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất phường Thượng Thanh	ODT	2,50			Quận Long Biên	2022
493	Chỉnh trang và hoàn chỉnh hạ tầng đô thị các ô đất thuộc ô quy hoạch B.2/CCKO, B.2/NO4 , B.2/LX9 phụ cận đoạn đường quy hoạch 25m, 30m phường Thượng Thanh, quận Long Biên	ODT	2,31			Quận Long Biên	2022
494	Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất ký hiệu E.6/HT theo Quy hoạch chi tiết cải tạo và xây dựng mới khu nhà ở tỷ lệ 1/500 tại phường Long Biên	ODT	3,00			Quận Long Biên	2022
495	Xây dựng HTKT các ô quy hoạch A4-NO5, A4/HH1, A4/HH5 quận Long Biên (bao gồm các tuyến đường liên kề) phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất	ODT	13,52			Quận Long Biên	2022
496	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD phường Long Biên	ODT	8,40			Quận Long Biên	2022
497	Chỉnh trang HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch ký hiệu A.2/CC1, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	ODT	0,44			Quận Long Biên	2022
498	Xây dựng HTKT các ô quy hoạch A.4/NO4. A8/NO1. A8/NO2. A4/P3. A4/P4. A4/HH2. A4/HH3 phường Ngọc Thụy	ODT	4,26			Quận Long Biên	2022
499	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật các ô quy hoạch C.9/LX9. C.10/LX10. C.13/LX6. C.10/LX4. C.9/LX7 (vị trí 1). C.11/P1. C.9/LX7 (vị trí 2) phường Việt Hưng. quận Long Biên. Hà Nội	ODT	0,31			Quận Long Biên	2022
500	Ô đất LKS5-04 tổ 21 phường Thượng Thanh	ODT	0,02			Quận Long Biên	2022
501	Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất A.8/CC phường Ngọc Thụy. quận Long Biên	ODT	0,89			Quận Long Biên	2022
502	Khu nhà ở xã hội Thượng Thanh và đấu nối HTKT khu vực phường Thượng Thanh, quận Long Biên	ODT	6,04			Quận Long Biên	2022
503	Dự án khu đô thị hỗ trợ Khu công nghiệp Sài Đồng B	ODT	21,06			Quận Long Biên	2022
504	Khu đô thị Vinhomes Riverside 2	ODT	94,00			Quận Long Biên	2022
505	Khu nhà ở xã hội cao tầng Bao Ngọc thuộc ô NO2, khu G3	ODT	0,66			Quận Long Biên	2022
506	Dự án khu chức năng đô thị hai bên tuyến đường từ đê Ngọc Thụy đi khu đô thị mới Thượng Thanh, quận Long Biên	ODT	22,92			Quận Long Biên	2022
507	Dự án khu nhà ở Gia Quất phường Thượng Thanh	ODT	1,00			Quận Long Biên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
508	Xây dựng HTKT các ô quy hoạch A4-NO4, A8-NO1, A8-NO2, A4/HH2, A4/HH3 và các tuyến đường phụ cận phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất	ODT	4,26			Quận Long Biên	2022
509	Giải phóng mặt bằng, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật tại ô quy hoạch B.5/NO3, A.5/LX4, phường Thượng Thanh	ODT	0,25			Quận Long Biên	2022
510	Chỉnh trang HTKT các ô đất thuộc ô quy hoạch H.2/LX2, G.7/LX7, H.2/LX4, G.7/LX1 phụ cận tuyến đường quy hoạch 25m và đường hành lang chân đê Long Biên - Xuân Quan	ODT	0,10			Quận Long Biên	2022
511	Chỉnh trang HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch A.5/CKK01 và ô A.5/NO1 phụ cận tuyến đường quy hoạch 30m, 15,5m, phường Thượng Thanh	ODT	1,02			Quận Long Biên	2022
512	Nhà ở xã hội ở CT8 và CT9 Thạch Bàn tại lô đất CT8, CT9 phường Thạch Bàn	ODT	1,95			Quận Long Biên	2022
513	Đấu giá quyền sử dụng đất các ô TT1; TT2; BT2 (thuộc khu nhà ở Thạch Bàn Lakeside)	ODT	0,08			Quận Long Biên	2022
514	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD tại khu đất xen kẹt ĐG 1 tại phường Đại Mỗ	ODT	0,90		0,90	Quận Nam Từ Liêm	2021
515	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất ĐM3, phường Đại Mỗ	ODT	0,90		0,90	Quận Nam Từ Liêm	2021
516	Dự án xây dựng công trình HTKT và nhà ở trên diện tích 14,5 ha tại Khu chức năng đô thị Tây Nam đường 70, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	ODT	14,50		14,50	Quận Nam Từ Liêm	2021
517	Dự án khu nhà ở tại khu đất xen kẹt phường Đại Mỗ	ODT	1,10		1,10	Quận Nam Từ Liêm	2021
518	Dự án Nhà ở cho cán bộ cao cấp các cơ quan Đảng ở Trung ương	ODT	2,46		2,46	Quận Nam Từ Liêm	2021
519	Xây dựng khu nhà hỗn hợp Việt Hiến	ODT	0,77		0,77	Quận Nam Từ Liêm	2021
520	Dự án khu nhà ở xã hội Đại Mỗ	ODT	2,36	2,36	2,36	Quận Nam Từ Liêm	2021
521	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD tại khu đất xen kẹt ĐG 2 tại phường Đại Mỗ	ODT	0,97		0,97	Quận Nam Từ Liêm	2021
522	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD tại khu đất xen kẹt ĐM 2 tại phường Đại Mỗ	ODT	8,70	8,70	8,70	Quận Nam Từ Liêm	2021
523	Xây dựng nhà ở để bán tại phường Mễ Trì (7,5 ha)	ODT	7,58		7,58	Quận Nam Từ Liêm	2021
524	Dự án nhà ở thương mại Mễ Trì	ODT	0,12		0,12	Quận Nam Từ Liêm	2021
525	Tòa nhà hỗn hợp văn phòng và căn hộ Diamond Tower tại ô đất 6-E7, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì	ODT	0,65		0,65	Quận Nam Từ Liêm	2021
526	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất theo quy hoạch tại các ô A3/NO; A4/NO; A5/NO2 thuộc khu đô thị Nam Trung Yên	ODT	0,45		0,45	Quận Nam Từ Liêm	2021
527	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm	ODT	0,98		0,98	Quận Nam Từ Liêm	2021
528	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD xen kẹt ĐG1, phường Mỹ Đình 2	ODT	0,32		0,32	Quận Nam Từ Liêm	2021
529	Dự án tổ hợp thương mại và nhà ở để bán	ODT	0,23		0,23	Quận Nam Từ Liêm	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
530	Đầu tư xây dựng nhóm nhà ở Tây Nam Mễ Trì	ODT	5,75		5,75	Quận Nam Từ Liêm	2021
531	Xây dựng HTKT khu di dân Tái định cư cho các hộ gia đình do phải di chuyển để xây dựng mở rộng đường Láng Hòa Lạc (X1)	ODT	1,06		0,33	Quận Nam Từ Liêm	2023
532	Khu đất ở Xuân phương tại Phương Canh (Đất giãn dân)	ODT	1,39		1,39	Quận Nam Từ Liêm	2021
533	Dự án khu nhà ở và dịch vụ tại Hòe thị phường Phương Canh quận Nam Từ Liêm	ODT	1,70		1,70	Quận Nam Từ Liêm	2021
534	Đầu tư XD Nhà ở cho cán bộ chiến sỹ Tổng cục cảnh sát - Bộ công an	ODT	0,17		0,17	Quận Nam Từ Liêm	2021
535	Dự án khu đô thị theo quy hoạch phường Tây Mỗ	ODT	2,16		2,16	Quận Nam Từ Liêm	2021
536	Khu đô thị mới Tây Mỗ - Đại Mỗ - Vinhomes Park	ODT	209,32	100,00	113,56	Quận Nam Từ Liêm	2021
537	Dự án Nhà ở xã hội (tại ô đất HH2A thuộc dự án Nhóm nhà ở Đông Nam Đường Tố Hữu)	ODT	0,27		0,27	Quận Nam Từ Liêm	2021
538	Tòa nhà chung cư cao tầng F361 Phùng Khoang	ODT	0,43		0,43	Quận Nam Từ Liêm	2021
539	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại khu đất ĐG 4 tại phường Xuân Phương	ODT	1,50		1,50	Quận Nam Từ Liêm	2021
540	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất ĐG3, phường Xuân Phương	ODT	0,21		0,21	Quận Nam Từ Liêm	2021
541	Giải phóng mặt bằng, san nền sơ bộ khu đất 49,1 ha để chuẩn bị đấu giá quyền sử dụng đất tại khu đô thị mới Xuân Phương	ODT	15,88		15,88	Quận Nam Từ Liêm	2021
542	Xây dựng HTKT đấu giá QSDĐ tại xã Xuân Phương (nay là phường Xuân Phương)	ODT	10,60		10,60	Quận Nam Từ Liêm	2021
543	Đơn vị ở 1 khu đô thị tại phường Xuân Phương	ODT	31,43		31,43	Quận Nam Từ Liêm	2021
544	Xây dựng khu nhà ở thương mại hỗn hợp (dành một phần để bán cho cán bộ chiến sỹ thuộc Cục cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu C03 - Bộ Công an)	ODT	3,02	-	-	Quận Nam Từ Liêm	2022
545	Dự án tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng và nhà ở - MIC TOWER	ODT	2,53		-	Quận Nam Từ Liêm	2022
546	Khu nhà ở tại khu đất xen kẹt phường Đại Mỗ	ODT	1,09		-	Quận Nam Từ Liêm	2022
547	Dự án đầu tư khu nhà ở và dịch vụ	ODT	1,70		-	Quận Nam Từ Liêm	2022
548	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư trên địa bàn quận Nam Từ Liêm	ODT	3,00		3,00	Quận Nam Từ Liêm	2022
549	Xây dựng HTKT, chỉnh trang đô thị và đấu giá quyền sử dụng đất tại phố Phú Gia, phường Phú Thượng	ODT	0,30		0,30	Quận Tây Hồ	2021
550	Xây dựng HTKT, chỉnh trang đô thị và đấu giá ô quy hoạch 20/LX12, phường Quảng An, quận Tây Hồ	ODT	0,66		0,66	Quận Tây Hồ	2021
551	Xây dựng HTKT, chỉnh trang đô thị và đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm đất đường Võ Chí Công, phường Xuân La	ODT	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021
552	Dự án XD khu TĐC Xuân La phục vụ xây dựng khu đô thị mới Hồ Tây	ODT	2,50		2,50	Quận Tây Hồ	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
553	Xây dựng HTKT khu đấu giá đất tại điểm đất đường Võ Chí Công, phường Xuân La	ODT	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021
554	Dự án nhà ở, đất ở cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước tại 1C-106, Đặng Thai Mai, quận Tây Hồ	ODT	1,60		1,60	Quận Tây Hồ	2021
555	Dự án Trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây (giai đoạn 2)	ODT	186,38		37,79	Quận Tây Hồ	2021
556	Nhà ở thương mại phục vụ tái định cư theo cơ chế đặt hàng tại các ô đất ký hiệu CT4 khu đất tái định cư Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội	ODT	0,45		0,45	Quận Tây Hồ	2021
557	Dự án Xây dựng Khu đô thị Nam Thăng Long (một phần chưa GPMB của các giai đoạn)	ODT	301,85		52,00	Quận Tây Hồ	2021
558	Xây dựng HTKT khu đấu giá đất tại điểm đất khu đất công giáp đường dạo Hồ Tây (tổ 24, 25 cũ) tổ 8 phường Quảng An	ODT	0,02		0,02	Quận Tây Hồ	2021
559	Dự án khu nhà ở chung cư cao tầng - Westlake Residential - tại ô đất CHC1 khu D6, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ	ODT	0,39		0,39	Quận Tây Hồ	2021
560	Khu nhà ở phường Phú Thượng, quận Tây Hồ	ODT	1,13		1,13	Quận Tây Hồ	2021
561	Dự án xây dựng HTKT đấu giá ô quy hoạch 20/LX12, phường Quảng An, quận Tây Hồ	ODT	0,72		0,72	Quận Tây Hồ	2021
562	Xây dựng HTKT khu đấu giá đất tại điểm đất nông nghiệp tại phố Phú Gia đối diện nhà văn hoá và công an phường Phú Thượng	ODT	0,30		0,30	Quận Tây Hồ	2021
563	Dự án Khu phức hợp Capitaland - Hiền Đức Tây Hồ tại ô đất D7 Khu đấu giá (18,6ha)	ODT	0,90		0,90	Quận Tây Hồ	2021
564	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Yên Phụ, phường Bưởi	ODT	0,01		0,01	Quận Tây Hồ	2021
565	Chuyển mục đích sử dụng đất tại phường Quảng An	ODT	0,01		0,01	Quận Tây Hồ	2021
566	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn ao liền kề đất ở và đất vườn, ao, đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư.	ODT	0,20		0,20	Quận Tây Hồ	2021
567	Xây dựng HTKT khu đấu giá đất tại điểm đất khu đất công giáp đường dạo Hồ Tây (tổ 24, 25 cũ) tổ 8 phường Quảng An	ODT	0,02		0,02	Quận Tây Hồ	2022
568	Đấu giá Quyền sử dụng đất ở đối với 09 điểm đất công	ODT	0,07		0,07	Quận Tây Hồ	2022
569	Khu nhà ở phường Phú Thượng, quận Tây Hồ.	ODT	1,13		1,13	Quận Tây Hồ	2022
570	Xây dựng nhà TĐC X1 Phú Thượng	ODT	2,31		2,31	Quận Tây Hồ	2022
571	GPMB và san nền sơ bộ Khu đô thị Tây Nam Kim Giang	ODT	1,20		1,20	Quận Thanh Xuân	2022
572	Xây dựng Khu đô thị mới Phùng Khoang trên địa bàn phường Nhân Chính	ODT	0,58		0,58	Quận Thanh Xuân	2022
573	Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng và nhà ở	ODT	1,12		0,04	Quận Thanh Xuân	2022
574	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công trình quân sự của Quân chủng PK-KQ theo hình thức hợp đồng BT	ODT	3,29		3,29	Quận Thanh Xuân	2022
575	Đầu tư xây dựng công trình thuộc ô đất A12 - Nguyễn Xiển	ODT	1,50		-	Quận Thanh Xuân	2022
576	Tòa nhà hỗn hợp Vinaconex 1	ODT	0,25		-	Quận Thanh Xuân	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
577	Tòa nhà Dịch vụ thương mại, nhà trẻ và nhà ở cao tầng - VNT Hạ Đình	ODT	0,47		-	Quận Thanh Xuân	2022
578	Nhà ở kết hợp DVTM, VP cho thuê và khu nhà ở thấp tầng	ODT	0,22		-	Quận Thanh Xuân	2022
579	Trung tâm TM, VP làm việc và nhà ở để bán	ODT	0,32		-	Quận Thanh Xuân	2022
580	Khu đô thị mới Hạ Đình	ODT	1,30		0,74	Quận Thanh Xuân	2022
581	Xây dựng tòa nhà HH và VP cho thuê DV công cộng và nhà ở	ODT	0,16		0,03	Quận Thanh Xuân	2022
582	Nhà Chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại X1 Hạ Đình	ODT	0.35		0,03	Quận Thanh Xuân	2022
583	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề và đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quận theo quy định	ODT	0,03		-	Quận Thanh Xuân	2022
584	Quy hoạch đất ở trong khu chức năng đô thị (Lô 01)	ODT	1,70			Quận Thanh Xuân	2024
585	Quy hoạch đất ở đô thị trong khu hỗn hợp tại Công ty Bóng đèn phích nước Rạng đông	ODT	1,80			Quận Thanh Xuân	2023
586	Quy hoạch đất ở đô thị trong khu hỗn hợp tại Công ty thủy tinh Hà Nội	ODT	1,34			Quận Thanh Xuân	2022
587	Khu nhà ở hỗn hợp 107 Nguyễn Tuân VIHACOMPLEX	ODT	0,73			Quận Thanh Xuân	2021
588	Quy hoạch đất ở đô thị trong khu đô thị hỗn hợp tại Công ty cao su Sao Vàng	ODT	3,00			Quận Thanh Xuân	2023
589	Quy hoạch đất ở đô thị tại Công ty dược Mediplantex	ODT	0,23			Quận Thanh Xuân	2025
590	Quy hoạch đất ở đô thị tại Công ty nhựa Thăng Long	ODT	0,30			Quận Thanh Xuân	2022
591	Khu đô thị Tây Nam Kim Giang	ODT	1,30			Quận Thanh Xuân	2023
592	Quy hoạch đất ở đô thị khu TĐC Khương Đình 1	ODT	5,94			Quận Thanh Xuân	2025
593	Xây dựng văn phòng và nhà ở kết hợp	ODT	0,26			Quận Thanh Xuân	2021
594	Đầu tư xây dựng Tổ hợp đa chức năng	ODT	1,30			Quận Thanh Xuân	2021
595	Tổ hợp văn phòng, thương mại và nhà ở cao tầng	ODT	1,60			Quận Thanh Xuân	2022
596	Tòa nhà Trung tâm Thương mại và chung cư cao cấp (Ao cây dừa)	ODT	0,45			Quận Thanh Xuân	2023
597	Tòa nhà hỗn hợp văn phòng cho thuê, dịch vụ công cộng và nhà ở (khu tam giác ĐT)	ODT	0,26			Quận Thanh Xuân	2022
598	Quy hoạch đất ở đô thị tại công ty XNK thủy sản	ODT	2,20			Quận Thanh Xuân	2024
599	Dự án nhà ở CBCNV quận Thanh Xuân	ODT	0,19			Quận Thanh Xuân	2023
600	Khu chức năng đô thị tại 233, 233B và 235 Nguyễn Trãi	ODT	9,30			Quận Thanh Xuân	2021
601	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công trình quân sự của Quân chủng PK-KQ theo hình thức hợp đồng BT	ODT	5,62			Quận Thanh Xuân	2021
602	Quy hoạch đất ở tại khu đất Hợp tác xã DV-TM Cửu Long	ODT	0,18			Quận Thanh Xuân	2021
603	Khu nhà ở tại số 40 ngõ 183 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân	ODT	0,30			Quận Thanh Xuân	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
604	Tòa nhà hỗn hợp VP, DV thương mại, nhà ở	ODT	0,27			Quận Thanh Xuân	2021
605	Nhà ở kết hợp DVTM, VP cho thuê và khu nhà ở thấp tầng - Chelsea Tower	ODT	0,22			Quận Thanh Xuân	2021
606	Nhà Chung cư phục vụ GPMB tại X1 Hạ Đình	ODT	0,05			Quận Thanh Xuân	2022
607	Khu đô thị mới Phùng Khoang	ODT	0,59			Quận Thanh Xuân	2022
608	Quy hoạch đất ở tại Công ty Động Lực	ODT	0,30			Quận Thanh Xuân	2023
609	Khu Đô thị HUD-Son Tây	ODT	23,40	23,08	0,32	Thị xã Sơn Tây	2022
610	Xây dựng HTKT khu đấu giá xen kẹt Ngõ Lò Da, P.Ngô Quyền	ODT	0,10	-	0,10	Thị xã Sơn Tây	2022
611	Xây dựng HTKT khu đất ĐGQSDĐ khu đất xen kẹt TDP 2, phường Ngô Quyền.	ODT	0,06		0,06	Thị xã Sơn Tây	2022
612	Xây dựng HTKT khu đất ĐGQSDĐ Khoang Nội - Gò Miếu, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây	ODT	4,29		4,29	Thị xã Sơn Tây	2023
613	Xây dựng HTKT khu đất ĐGQSDĐ khu Vân Gội, Đồng Quân, phường Viên Sơn	ODT	4,37	4,37		Thị xã Sơn Tây	2022
614	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật một số khu đất xen kẹt để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Trung Hưng, Lê Lợi và xã Thanh Mỹ	ODT	0,09	0,09		Thị xã Sơn Tây	2022
615	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSDĐ khu đất khu Đồng Cửa Hàng, phường Xuân Khanh.	ODT	0,50	-	0,50	Thị xã Sơn Tây	2022
616	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Viên Sơn	ODT	4,80	4,80	-	Thị xã Sơn Tây	2023
617	Khu đất xen kẹt Tiền Huân, phường Viên Sơn	ODT	0,02	0,02	-	Thị xã Sơn Tây	2022
618	Khu đất xen kẹt TDP2, phường Ngô Quyền	ODT	0,05	0,05	-	Thị xã Sơn Tây	2023
619	Đất xen kẹt TDP1, TDP5 phường Trung Sơn Trầm	ODT	0,02	0,02	-	Thị xã Sơn Tây	2023
620	Khu Đồng Cửa Hàng, phường Xuân Khanh	ODT	0,37	0,37	-	Thị xã Sơn Tây	2023
621	Điểm đất đấu giá QSD đất đối diện vườn hoa (góc Đa ao Sãi) TDP Phú Nhi 1 và ngách 161, đường Phú Nhi, phường Phú Thịnh	ODT	0,22	0,22	-	Thị xã Sơn Tây	2023
622	Điểm đất xen kẹt ngõ Lò Da, phường Ngô Quyền	ODT	0,20	0,20	-	Thị xã Sơn Tây	2023
623	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất khu Vân Gội - Đồng Quân, phường Viên Sơn	ODT	4,37	4,37	-	Thị xã Sơn Tây	2022
624	07 ô đất TĐC-DV để đấu giá QSD đất thuộc dự án Khu đô thị HUD - Sơn Tây	ODT	1,22	1,22	-	Thị xã Sơn Tây	2023
625	22 thửa đất tại khu nhà ở Thuận Nghệ, phường Quang Trung	ODT	0,23	0,23	-	Thị xã Sơn Tây	2023
626	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất khu Gò Gội, phường Viên Sơn	ODT	4,99	4,99	-	Thị xã Sơn Tây	2023
627	Khu đất giáp trường cấp II Sơn Tây, phường Trung Hưng	ODT	0,03	0,03	-	Thị xã Sơn Tây	2023
628	Khu đất xen kẹt TDP3, phường Ngô Quyền	ODT	0,06	0,06	-	Thị xã Sơn Tây	2023
629	Các khu đất thuộc Sở hữu nhà nước theo phương án sắp xếp được cấp có thẩm quyền phê duyệt	ODT	0,08	0,08	-	Thị xã Sơn Tây	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
630	Trung tâm bán, giới thiệu sản phẩm, văn phòng làm việc và nhà ở tại ô đất A8/ODK1 thuộc khu đô thị mới Nam hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai	ODT	3,45		3,45	Quận Hoàng Mai	2022
631	Khu nhà ở gia đình quân đội	ODT	0,89		0,89	Quận Hoàng Mai	2022
632	Khu đô thị mới Đại Kim	ODT	2,27		2,27	Quận Hoàng Mai	2022
633	Khu đô thị mới Thịnh Liệt	ODT	35,16		35,16	Quận Hoàng Mai	2022
634	Dự án đầu tư xây dựng công trình tại ô đất ký hiệu 32 (A12)	ODT	2,24		2,24	Quận Hoàng Mai	2022
635	Dự án Khu chức năng hỗn hợp Trung tâm thương mại, văn phòng, dịch vụ công cộng kết hợp nhà ở, chợ và cây xanh	ODT	0,94		0,94	Quận Hoàng Mai	2022
636	Khu nhà ở kinh doanh tại ô đất ký hiệu C11/ODK6 thuộc khu Đàm Liễn, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	ODT	1,23		1,23	Quận Hoàng Mai	2022
637	GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật các ô đất để đấu giá quyền sử dụng đất trong Khu đô thị mới Nam hồ Linh Đàm (giai đoạn I)	ODT	4,30		4,30	Quận Hoàng Mai	2021
638	Bồi thường hỗ trợ và TĐC để GPMB, xây dựng HTKT khu đất XD nhà ở để đấu giá QSDĐ tại phường Yên Sở	ODT	4,30		4,30	Quận Hoàng Mai	2021
639	GPMB theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch và san nền xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xây dựng nhà ở tái định cư, nhà ở thu nhập thấp và đấu giá quyền sử dụng đất trong Khu chức năng đô thị Vĩnh Hưng - Thanh Trì	ODT	7,05		7,05	Quận Hoàng Mai	2021
640	Khu tái định cư và nhà ở thấp tầng tại ô đất ký hiệu B10/ODK3 (nay là B5/ODK1) thuộc phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	ODT	0,73		0,73	Quận Hoàng Mai	2021
641	Dự án đầu tư GPMB và san nền sơ bộ khu đô thị Tây Nam Kim Giang I phục vụ xây dựng quỹ nhà tái định cư.	ODT	12,73		0,20	Quận Hoàng Mai	2021
642	Xây dựng công trình HTKT khu nhà ở giãn dân Đàm Đào tại phường Thanh Trì	ODT	0,83		0,83	Quận Hoàng Mai	2021
643	Dự án GPMB, xây dựng HTKT và đấu giá QSDĐ ô đất C3/ODK3 và C3/ODK4 phường Yên Sở theo quy hoạch H2-4	ODT	3,03		3,03	Quận Hoàng Mai	2021
644	Dự án GPMB và xây dựng HTKT các ô đất để đấu giá QSD đất trong khu đô thị Nam hồ Linh Đàm giai đoạn II	ODT	6,08		6,08	Quận Hoàng Mai	2021
645	Đấu giá tại ô G1/ODK2 phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai	ODT	1,06		1,06	Quận Hoàng Mai	2022
646	Dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở giãn dân (102 suất giãn dân)	ODT	1,41		1,41	Quận Hoàng Mai	2021
647	Khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ	ODT	22,30		1,95	Quận Hoàng Mai	2021
648	Dự án Cải tạo xây dựng lại khu tập thể Dịch vụ vận tải đường sắt tại số 01 phố Định Công, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	ODT	0,15		0,15	Quận Hoàng Mai	2021

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
649	Tổ hợp nhà ở thương mại Hoàng Dương tại ô đất A7/DD1 và A7/DD2 thuộc thôn Bằng A, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai	ODT	1,68			Quận Hoàng Mai	2021
650	Khu hỗn hợp thương mại - nhà ở cao tầng tại ô đất C11/CCKV1 và C11/ODK1, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	ODT	1,69			Quận Hoàng Mai	2021
651	Dự án theo QH tại khu Đồng Quan, phường Thanh Trì (tại ô đất F1/CC2, F1/HH9, F1/TH4)	ODT	2,92			Quận Hoàng Mai	2022
652	Lập phương án đối với các ô đất xen kẹt còn lại chưa giao TĐC thuộc dự án vành đai 3 và cầu Thanh Trì	ODT	1,57			Quận Hoàng Mai	2021
653	GPMB và xây dựng hạ tầng ô đất đấu giá F1/ODK5, phường Vĩnh Hưng	ODT	0,24			Quận Hoàng Mai	2021
654	Dự án xây dựng Khu chung cư và dịch vụ công cộng TDC	ODT	2,69			Quận Hoàng Mai	2021
655	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu X2 phường Đại Kim	ODT	0,90			Quận Hoàng Mai	2021
656	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc Đại Kim mở rộng (11ha)	ODT	2,97			Quận Hoàng Mai	2022
657	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu đô thị mới Đại Kim – Định Công trên địa bàn phường Đại Kim, Định Công (24 ha)	ODT	0,04			Quận Hoàng Mai	2022
658	Dự án xây dựng nhà ở bán cho cán bộ, chiến sỹ công an quận Hoàng Mai	ODT	0,17			Quận Hoàng Mai	2022
659	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu xây dựng tập trung Định Công (Khu đô thị mới Đại Kim)	ODT	0,07			Quận Hoàng Mai	2022
660	Dự án đầu tư mở rộng khu ao Lò Ngói Ngà Kéo tạo quỹ nhà di dân GPMB và các nhu cầu khác của thành phố, các công trình công cộng và dịch vụ theo quy hoạch (Khu đô thị Vĩnh Hoàng)	ODT	0,29			Quận Hoàng Mai	2022
661	Đầu tư xây dựng Khu đô thị Tây Nam hồ Linh Đàm	ODT	1,82			Quận Hoàng Mai	2022
662	Xây dựng khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ	ODT	1,42			Quận Hoàng Mai	2022
663	Dự án xây dựng nhà ở cho Văn phòng Bộ công an	ODT	0,02			Quận Hoàng Mai	2022
664	Đấu giá tại ô G1/ODK3 phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai	ODT	0,23			Quận Hoàng Mai	2022
665	Đấu giá tại ô G1/ODK4 phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai	ODT	0,65			Quận Hoàng Mai	2022
666	Đấu giá tại ô G1/ODK5 phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai	ODT	0,33			Quận Hoàng Mai	2022
667	Tổ hợp thương mại, siêu thị, văn phòng, khách sạn, nhà ở bán tại số 411 Tam Trinh	ODT	1,41			Quận Hoàng Mai	2022
668	39 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn, ao liền kề đất ở và đất vườn, ao và đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	ODT	0,71			Quận Hoàng Mai	2022
669	Các trường hợp đất nhỏ lẻ, xen kẹt, vườn ao liền kề trong khu dân cư	ODT	0,10	0,10		Quận Đống Đa	2021-2025
670	Khu nhà ở cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại	ODT	0,98		0,98	Quận Đống Đa	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
671	Cải tạo chung cư L1, L2 khu Nam Thành Công tại 93 Láng Hạ	ODT	0,05	0,05		Quận Đống Đa	2021-2025
672	Dự án đầu tư xây dựng Văn phòng giao dịch và chung cư cao cấp	ODT	0,91			Quận Đống Đa	2021-2025
673	Cải tạo xây dựng lại chung cư 51 Huỳnh Thúc Kháng	ODT	0,12	0,12		Quận Đống Đa	2021-2025
674	Quỹ đẩy phát triển đất ở	ODT	3,00		3,00	Quận Đống Đa	2021-2025
675	Đấu giá cơ sở nhà đất tại 23 Thái Thịnh (đất thuộc sở hữu nhà nước)	ODT	0,18	0,18		Quận Đống Đa	2021-2025
683	GPMB tại lô A (thửa A1, A2) ô đất D2* Khu đô thị mới Cầu Giấy (Phục vụ Đấu giá quyền sử dụng đất)	ODT	0,02		0,02	Quận Cầu Giấy	2021
684	Khu nhà ở thấp tầng tại các ô đất TT-01-II, TT-02-III, TT-04-V	ODT	0,75		0,75	Quận Cầu Giấy	2021
685	Xây dựng khu đô thị mới Dịch Vọng: (Tuyến đường 17,5m; ô đất HH; NO11; NO5; CC2-CX; DDX5: phần hạ tầng còn lại)	ODT	22,49	16,57	5,92	Quận Cầu Giấy	2021
686	Đấu giá quyền sử dụng đất tại ô D23 (28 thửa =4583m2); Ô đất D18 (lô B10, DT 153m2 và lô B19, DT 159m2) Khu đô thị mới Cầu Giấy	ODT	0,49		0,49	Quận Cầu Giấy	2021
687	Đấu giá quyền sử dụng đất lô đất E thuộc ô đất D2* Khu đô thị mới Cầu Giấy	ODT	0,06		0,06	Quận Cầu Giấy	2021
688	Hỗn hợp văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở (Tổng diện tích 0,86 ha, trong đó Quận Tây Hồ 0,78 ha, Quận Cầu giấy 0,08 ha)	ODT	0,08		0,08	Quận Cầu Giấy	2021
689	Nhà ở TM bán cho các hộ xã viên Hợp tác xã Mai Dịch.	ODT	0,63		0,63	Quận Cầu Giấy	2021
690	Tòa nhà hỗn hợp Constrexim Complex (Lô đất ký hiệu A1-2 phần còn lại Khu đô thị Cầu Giấy)	ODT	2,55		2,55	Quận Cầu Giấy	2021
691	Khu nhà ở phục vụ tái định cư theo cơ chế đặt hàng và nhà ở thương mại	ODT	0,61		0,61	Quận Cầu Giấy	2021
692	Dự án nhà chung cư để bán cho CBVC trường ĐH Ngoại ngữ-ĐHQGHN và các đối tượng khác	ODT	0,29		0,29	Quận Cầu Giấy	2021
693	Dự án cải tạo , xây dựng nhà ở cao tầng A&B khu tập thể Nghĩa Đô	ODT	0,78		0,78	Quận Cầu Giấy	2021
694	Toà nhà hỗn hợp và khu nhà ở thấp tầng tại 02 lô đất có ký hiệu TT-03-IV và TT-01-IV	ODT	0,08		0,08	Quận Cầu Giấy	2021
695	Đấu giá quyền sử dụng đất đối với 33 thửa đất tại khu đất X3, X4 phường Mai Dịch	ODT	0,20		0,20	Quận Cầu Giấy	2021
696	Giao đất ở cho hộ ông Nguyễn Anh Tuấn - con liệt sỹ Nguyễn Văn Hường tại Khu nhà ở Chính sách và người có công quận Cầu Giấy	ODT	0,01		0,01	Quận Cầu Giấy	2021
697	Chuyển mục đích đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	ODT	0,40		0,40	Quận Cầu Giấy	2021
698	Dự án Khu phức hợp Trung tâm thương mại, văn phòng dịch vụ hội nghị và nhà ở để bán (diện tích còn lại)	ODT	0,19		0,19	Quận Cầu Giấy	2023-2025
699	Dự án: Xây dựng Tổ hợp nhà ở, trung tâm thương mại, siêu thị và văn phòng.	ODT	1,26		1,26	Quận Cầu Giấy	2023-2025
700	Dự án: đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phục vụ tái định cư	ODT	1,09		1,09	Quận Cầu Giấy	2023-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
701	Dự án: Xây dựng Tòa nhà hỗn hợp tầng long Royal plaza. CĐT: Công ty CP tòa nhà công nghệ thông tin - truyền thông Hà Nội.	ODT	0,39		0,39	Quận Cầu Giấy	2023-2025
702	Dự án: Xây dựng nhà ở thấp tầng (TT-05-VI).	ODT	0,05		0,05	Quận Cầu Giấy	2023-2025
703	Dự án: đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp thương mại và nhà ở tái định cư tại chỗ cho các hộ dân, nhà ở thương mại.	ODT	0,38		0,38	Quận Cầu Giấy	2023-2025
704	Dự án: Xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu.	ODT	16,42	1,30	15,12	Quận Cầu Giấy	2023-2025
705	Quy hoạch phân khu đô thị H2-2 tại phường Mai Dịch	ODT	9,69		9,69	Quận Cầu Giấy	2023-2025
706	Dự án: Xây dựng nhà ở thấp tầng.	ODT	0,61		0,61	Quận Cầu Giấy	2023-2025
707	Dự án: Đầu tư xây dựng Tòa nhà dịch vụ, văn phòng đào tạo chuyển giao CNTT viễn thông, nhà ở.	ODT	0,54		0,54	Quận Cầu Giấy	2023-2025
708	Dự án: Đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp dịch vụ công cộng và nhà ở tại lô đất ký hiệu N14 và N15 (trước đây ký hiệu là 5.1 NO và 5.5 NO) đường Lê Văn Lương	ODT	0,96		0,96	Quận Cầu Giấy	2023-2025
709	Xây dựng tòa nhà văn phòng và chung cư tại số 48 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa	ODT	0,29		0,29	Quận Cầu Giấy	2023-2025
710	XD Nhà ở cao tầng phục vụ TĐC tại ô đất 6.7-NO và 6.8- NO đường Lê Văn Lương	ODT	0,98		0,98	Quận Cầu Giấy	2023-2025
711	Xây dựng khu đô thị Nghĩa Đô - Dịch Vọng	ODT	4,86		4,86	Quận Cầu Giấy	2023-2025
712	Di dời trụ sở Công ty In Tài chính	ODT	0,52		0,52	Quận Cầu Giấy	2023-2025
713	Trả lại diện tích trường Mầm non Quan Hoa tại số 1 ngõ 59 phố Quan Hoa	ODT	0,02		0,02	Quận Cầu Giấy	2023-2025
714	Trả lại diện tích trường Mầm non Quan Hoa tại số 8 ngõ 92 đường Nguyễn Khánh Toàn	ODT	0,03		0,03	Quận Cầu Giấy	2023-2025
715	Trả lại diện tích Trụ sở UBND quận Cầu Giấy tại số 108 đường Cầu Giấy	ODT	0,06		0,06	Quận Cầu Giấy	2023-2025
716	Trả lại diện tích Trụ sở UBND quận Cầu Giấy tại số 8 Phạm Hùng	ODT	0,03		0,03	Quận Cầu Giấy	2023-2025
717	Trả lại diện tích Trụ sở UBND quận Cầu Giấy tại số 10 Phạm Hùng	ODT	0,06		0,06	Quận Cầu Giấy	2023-2025
718	Khu đô thị mới và thương mại dịch vụ hỗn hợp	ODT	40,00		40,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
719	Khu đô thị Gia Hòa	ODT	26,00		26,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
720	Khu đô thị thị trấn Phúc Thọ	ODT	40,00		40,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
721	Khu du lịch, nghỉ dưỡng, thể thao, giải trí kết hợp đô thị sinh thái	ODT	150,00		150,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
722	Khu đô thị mới Phụng Thượng	ODT	130,00		130,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
723	Khu đô thị mới Phúc Hòa	ODT	35,00		35,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
724	Khu đô thị mới Tam Hiệp	ODT	66,00		66,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
725	Khu đô thị mới và thương mại dịch vụ hỗn hợp	ODT	66,00		66,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
726	Khu đô thị sinh thái Phúc Thọ	ODT	60,00		60,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
727	Xây dựng khu nhà ở trung tâm thị trấn Phúc Thọ	ODT	5,87		5,87	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
728	Dự án xây dựng HTKT đấu giá Quyền sử dụng đất xen kẹt tại điểm X10 thị trấn Phúc Thọ	ODT	0,49		0,49	Huyện Phúc Thọ	2021
B.25	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
1	Tòa án nhân dân huyện Ba Vì	TSC	0,50		0,50	Huyện Ba Vì	2022
2	Xây dựng trụ sở phòng kinh tế và văn phòng ban chỉ huy phòng chống thiên tai và kho vật tư phục vụ công tác PCTT& TKCN huyện Ba vì	TSC	1,54		1,54	Huyện Ba Vì	2021
3	Dự án xây dựng trụ sở làm việc đội QLTT số 18 trực thuộc Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội	TSC	0,16		0,16	Huyện Ba Vì	2021
4	Xây dựng trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Vân Hòa	TSC	0,80		0,80	Huyện Ba Vì	2021
5	Xây dựng trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Khánh Thượng	TSC	0,80		0,80	Huyện Ba Vì	2021
6	Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ	TSC	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Trụ sở cơ quan tại đô thị mới Xuân Mai	TSC	3,43		3,43	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
8	Trụ sở cơ quan tại đô thị mới Xuân Mai	TSC	1,22		1,22	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
9	Trụ sở cơ quan tại đô thị mới Xuân Mai	TSC	2,22		2,22	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
10	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND - UBND xã Tiên Phương	TSC	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
11	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Nam Phương Tiến	TSC	0,72		0,72	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Xây dựng trụ sở HĐND - UBND thị trấn Xuân Mai	TSC	1,80		1,80	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Xây dựng trụ sở Viện kiểm soát nhân dân huyện Chương Mỹ	TSC	0,72		0,72	Huyện Chương Mỹ	2022
14	Cải tạo nâng cấp trụ sở Đảng ủy - HĐND-UBND xã Phú Nghĩa	TSC	0,75		0,75	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
15	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Thọ An	TSC	1,00		1,00	Huyện Đan Phượng	2022
16	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tân Lập	TSC	1,00		1,00	Huyện Đan Phượng	2022
17	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Đan Phượng	TSC	0,70		0,70	Huyện Đan Phượng	2022
18	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Đan Phượng	TSC	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2024-2025
19	Trụ sở ban chỉ huy quân sự TT Phùng	TSC	0,14		0,14	Huyện Đan Phượng	2024-2025
20	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Đồng Tháp	TSC	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2024-2025
21	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Hạ Mỗ	TSC	0,37		0,37	Huyện Đan Phượng	2024-2025
22	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Hồng Hà	TSC	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
23	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Liên Hà	TSC	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
24	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Liên Hồng	TSC	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
25	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Liên Trung	TSC	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
26	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Phương Đình	TSC	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
27	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Song Phượng	TSC	0,30		0,30	Huyện Đan Phượng	2024-2025
28	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Tân Hội	TSC	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
29	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Tân Lập	TSC	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
30	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Thọ An	TSC	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
31	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Thọ Xuân	TSC	0,11		0,11	Huyện Đan Phượng	2024-2025
32	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Thượng Mỗ	TSC	0,13		0,13	Huyện Đan Phượng	2024-2025
33	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Trung Châu	TSC	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
34	Cải tạo, xây dựng nhà hội trường, nhà làm việc, hạ tầng UBND xã Đông Hội	TSC	0,91	0,63	0,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
35	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Dục Tú	TSC	0,76		0,76	Huyện Đông Anh	2021-2025
36	Xây dựng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Tàm Xá	TSC	0,45		0,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
37	Xây dựng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Tiên Dương	TSC	1,37		1,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
38	Xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc nhà nước Đông Anh, Hà Nội	TSC	0,66		0,66	Huyện Đông Anh	2021-2025
39	Cải tạo, mở rộng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Uy Nỗ và hoàn thiện hạ tầng khu trung tâm xã Uy Nỗ	TSC	3,00		3,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
40	Xây dựng trung tâm hành chính huyện Đông Anh	TSC	4,97	3,20	1,77	Huyện Đông Anh	2021-2025
41	Xây dựng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Văn Hà, huyện Đông Anh	TSC	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
42	Hoàn thiện hạ tầng, xây dựng hội trường và nhà làm việc UBND xã Vồng La	TSC	0,53		0,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
43	Xây dựng trụ sở UBND xã Xuân Canh	TSC	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
44	Mở rộng trụ sở làm việc Chi cục thuế huyện Đông Anh	TSC	0,49		0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
45	Mở rộng Trung tâm bảo trợ Xã hội 1	TSC	1,30		1,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
46	Xây mới trụ sở UBND xã Đại Mạch	TSC	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
47	Xây dựng trụ sở huyện ủy, HĐND-UBND huyện Gia Lâm	TSC	4,38			Huyện Gia Lâm	2022
48	Xây dựng Trung tâm chính trị huyện Gia Lâm	TSC	1,00		1,00	Huyện Gia Lâm	2023-2024
49	Xây dựng bãi đỗ xe trong khu vực khuôn viên Huyện ủy, UBND huyện Hoài Đức	TSC	0,50			Huyện Hoài Đức	2022
50	Trụ sở làm việc Ban quân sự xã Tiền Yên	TSC	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023-2024
51	Xây dựng ban chỉ huy quân sự xã Kim Chung	TSC	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023-2024
52	Xây dựng ban chỉ huy quân sự xã Đức Giang	TSC	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023-2024
53	Trụ sở Đảng ủy - HĐND và UBND xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	TSC	1,41		0,96	Huyện Mê Linh	2022
54	Trụ sở mới hội trường Đảng ủy - HĐND – UBND và nhà truyền thống xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	TSC	1,37		1,37	Huyện Mê Linh	2022
55	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đại Thịnh	TSC	0,85		0,85	Huyện Mê Linh	2022
56	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tự Lập, huyện Mê Linh	TSC	1,31		1,31	Huyện Mê Linh	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
57	Mở rộng trụ sở UBND thị trấn Quang Minh	TSC	1,10		1,10	Huyện Mê Linh	2022
58	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đại Thịnh	TSC	1,10		1,10	Huyện Mê Linh	2023-2025
59	Xây dựng trụ sở mới, hội trường Đảng ủy - HĐND - UBND và nhà truyền thống xã Tiên Phong	TSC	1,37		1,37	Huyện Mê Linh	2023-2025
60	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	TSC	1,41		1,41	Huyện Mê Linh	2023-2025
61	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tự Lập, huyện Mê Linh	TSC	1,31		1,31	Huyện Mê Linh	2023-2025
62	Trụ sở mới UBND thị trấn Đại Nghĩa	TSC	0,76			Huyện Mỹ Đức	2021
63	QH chuyển sang đất trụ sở	TSC	0,36			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
64	Ban chỉ huy quân sự TT Đại Nghĩa	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
65	Đất trụ sở cơ quan mới	TSC	3,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
66	Xây mới trụ sở Quân sự	TSC	0,09			Huyện Mỹ Đức	2021
67	Mở rộng Trụ sở UBND	TSC	0,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
68	Xây mới Trụ sở quân sự	TSC	0,15			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
69	Xây mới Trụ sở HTX NN	TSC	0,29			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
70	Đất BCH quân sự xã	TSC	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
71	Hợp tác xã nông nghiệp	TSC	0,15			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
72	Trụ sở quân sự xã	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
73	Mở rộng UBND xã	TSC	0,19			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
74	Trụ sở HTX NN	TSC	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
75	Đất xây dựng trụ sở quân sự	TSC	0,07			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
76	QH mới trụ sở HĐND&UBND	TSC	0,94			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
77	QH mới trụ sở HTX NN	TSC	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
78	Xây mới Trụ sở quân sự	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
79	Mở rộng Trụ sở UBND xã	TSC	0,25			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
80	Trụ sở Quân sự xã	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
81	Trụ sở UBND xã	TSC	1,13			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
82	Trụ sở BCH quân sự xã	TSC	0,15			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
83	Trụ sở Quân sự xã	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
84	Khu Kho HTX NN	TSC	0,12			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
85	Trụ sở quân sự xã	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
86	Mở rộng trụ sở UBND xã	TSC	0,32			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
87	Xây dựng trụ sở Quân sự xã	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
88	Trụ sở HTX nông nghiệp	TSC	0,29			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
89	Trụ sở UBND xã	TSC	0,25			Huyện Mỹ Đức	2021
90	Trụ sở UBND huyện, Huyện ủy	TSC	4,27			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
91	Đất trụ sở BCH QS xã	TSC	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
92	Trụ sở HTX NN	TSC	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
93	Xây dựng trụ sở UBND xã	TSC	1,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
94	Ban chỉ huy quân sự	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
95	Trụ sở quân sự xã	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
96	Mở rộng thêm trụ sở HĐND-UBND xã	TSC	0,55			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
97	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đốc Tín	TSC	0,80			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
98	Trụ sở Quân sự xã	TSC	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
99	Trụ sở HTX nông nghiệp	TSC	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
100	Đất trụ sở Quân sự	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
101	Chuyển trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã	TSC	2,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
102	Xây dựng trụ sở HTX NN	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
103	Đất xây dựng trụ sở quân sự	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
104	Mở rộng trụ sở UBND xã	TSC	0,03			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
105	Trụ sở HTX NN	TSC	0,12			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
106	Trụ sở BCH Quân Sự xã An Tiến	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
107	Trụ sở Quân sự xã Hợp Tiến	TSC	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
108	Trụ sở Quân Sự xã Hợp Thanh	TSC	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
109	Trụ sở UBND xã Hợp Thanh	TSC	1,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
110	Đất trụ sở quân sự xã	TSC	0,10			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
111	Dự án xây dựng mới kho bạc nhà nước huyện Phú Xuyên	TSC	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
112	Dự án xây dựng quỹ tín dụng nhân TT Phú Xuyên	TSC	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
113	Dự án xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện	TSC	0,60		0,60	Huyện Phú Xuyên	2022
114	Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên	TSC	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2023
115	Mở rộng khuôn viên trụ sở UB thị trấn Phú Xuyên	TSC	0,16		0,16	Huyện Phú Xuyên	2022
116	Xây mới trụ sở Thi hành án huyện Phú Xuyên	TSC	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2023
117	QH mở rộng trụ sở UBND xã phía sau UBND xã	TSC	0,27		0,27	Huyện Phú Xuyên	2022
118	Xây dựng trụ sở cơ quan thi hành án dân sự	TSC	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
119	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Hòa Thạch	TSC	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
120	Xây dựng công trình hoàn trả Hội trường UBND xã Hoà Thạch	TSC	0,32		0,32	Huyện Quốc Oai	2021-2025
121	Mở rộng trụ sở UBND xã Cấn Hữu	TSC	0,66	0,57	0,09	Huyện Quốc Oai	2021-2025
122	Mở rộng UBND xã Cộng Hòa	TSC	0,35		0,35	Huyện Quốc Oai	2021-2025
123	Mở rộng UBND xã Tân Phú	TSC	0,27		0,27	Huyện Quốc Oai	2021-2025
124	Mở rộng UBND xã Đại Thành	TSC	1,90		1,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
125	Trụ sở UBND xã Thạch Thán	TSC	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
126	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	TSC	0,21		0,21	Huyện Quốc Oai	2021-2025
127	Xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Quốc Oai	TSC	0,54		0,54	Huyện Quốc Oai	2021-2025
128	Dự án xây dựng trụ sở làm việc đội QLTT số 22 trực thuộc Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội	TSC	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
129	DTXD trụ sở làm việc Kho bạc nhà nước Quốc Oai tại thị trấn Quốc Oai	TSC	0,14		0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
130	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Trung tâm chính trị hành chính và thể thao huyện Quốc Oai	TSC	10,61		10,61	Huyện Quốc Oai	2021-2025
131	Xây dựng trụ sở cơ quan Trung tâm chính trị hành chính và thể thao huyện Quốc Oai	TSC	10,00		10,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
132	Mở rộng trụ sở UBND xã Yên Sơn	TSC	0,50	0,34	0,16	Huyện Quốc Oai	2021-2025
133	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Sài Sơn	TSC	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
134	Quy hoạch khu trung tâm hành chính xã Phú Mãn	TSC	9,00		9,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
135	XD trụ sở quân sự xã Đông Yên	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
136	XD trụ sở quân sự xã Đông Xuân	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
137	XD trụ sở quân sự xã Hòa Thạch	TSC	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
138	Trụ sở quân sự xã Cấn Hữu	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
139	XD trụ sở quân sự xã Nghĩa Hương	TSC	0,14		0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
140	Trụ sở nhà làm việc quốc phòng xã Cộng Hòa	TSC	0,25		0,25	Huyện Quốc Oai	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
141	XD trụ sở quân sự xã Tân Phú	TSC	0,09		0,09	Huyện Quốc Oai	2021-2025
142	Xây dựng trụ sở quân sự xã Đại Thành	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
143	Xây dựng trụ sở quân sự xã Đồng Quang	TSC	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
144	Xây mới trụ sở quân sự Liệp Tuyết	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
145	Xây mới trụ sở quân sự xã Ngọc Liệp	TSC	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
146	Xây dựng trụ sở quân sự xã Ngọc Mỹ	TSC	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
147	Xây mới trụ sở quân sự xã Thạch Thán	TSC	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
148	Trụ sở, nhà làm việc quân sự thị trấn	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
149	Xây mới trụ sở quân sự xã Yên Sơn	TSC	0,13		0,13	Huyện Quốc Oai	2021-2025
150	Xây mới trụ sở quân sự xã Sài Sơn	TSC	0,14		0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
151	Xây mới trụ sở quân sự xã Phú Cát	TSC	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
152	Xây mới trụ sở quân sự xã Tân Hòa	TSC	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
153	Xây mới trụ sở quân sự xã Phú Mãn	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
154	Xây mới trụ sở quân sự xã Tuyết Nghĩa	TSC	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
155	Xây mới trụ sở quân sự xã Phụng Cách	TSC	0,22		0,22	Huyện Quốc Oai	2021-2025
156	Xây dựng trụ sở chi cục THSDS huyện Quốc Oai	TSC	0,58		0,58	Huyện Quốc Oai	2021-2025
157	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai	TSC	0,92		0,92	Huyện Quốc Oai	2021-2025
158	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát huyện Quốc Oai	TSC	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
159	Cài tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Phù Linh	TSC	0,3		0,30	Huyện Sóc Sơn	2022
160	Cài tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã 1 Hồng Kỳ	TSC	0,04		0,04	Huyện Sóc Sơn	2022
161	Mở rộng trụ sở UBND xã Bắc Phú	TSC	0,35		0,30	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
162	Xây dựng trụ sở UBND xã Kim Lũ	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
163	Xây dựng trụ sở UBND thị trấn Liên Quan	TSC	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2024-2025
164	Xây dựng trụ sở UBND xã Đại Đồng	TSC	1,32		1,32	Huyện Thạch Thất	2022
165	Xây dựng mới trụ sở xã Đồng Trúc	TSC	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2022
166	Xây dựng trụ sở UBND xã Lại Thượng	TSC	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
167	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Kim Quan	TSC	1,68		1,68	Huyện Thạch Thất	2021-2025
168	Quy hoạch trụ sở Tòa Án, Viện kiểm sát, Chi cục thi hành án	TSC	4,10		4,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
169	Mở rộng khuôn viên, xây dựng hội trường, cải tạo trụ sở UBND xã Hương Ngải	TSC	0,72	0,16	0,56	Huyện Thạch Thất	2023-2024
170	Mở rộng, cải tạo trụ sở UBND xã Cấn Kiệm	TSC	0,55	0,23	0,32	Huyện Thạch Thất	2025
171	Xây dựng trụ sở UBND xã Tân Xã	TSC	1,10		1,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
172	Đầu tư xây dựng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Tiên Xuân	TSC	1,15	0,25	0,90	Huyện Thạch Thất	2022
173	Mở rộng, xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Yên Bình	TSC	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2022
174	Mở rộng trụ sở UBND xã Thạch Xá	TSC	0,62	0,43	0,19	Huyện Thạch Thất	2021-2025
175	Xây mới trụ sở HĐND - UBND xã Phú Kim	TSC	1,25		1,25	Huyện Thạch Thất	2021-2025
176	Xây mới trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Yên Trung	TSC	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
177	Mở rộng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Thanh Cao	TSC	0,40	0,20	0,20	Huyện Thanh Oai	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
178	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Cao Viên	TSC	0,60		0,60	Huyện Thanh Oai	2023
179	Xây mới Trụ sở làm việc Đảng ủy- HĐND-UBND xã Bích Hòa	TSC	0,70		0,70	Huyện Thanh Oai	2023
180	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Kim Bài (nằm trong khu K3)	TSC	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2023
181	Xây dựng công trình trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Thanh Oai	TSC	0,35	0,35	0,35	Huyện Thanh Oai	2021-2022
182	Trụ sở Bảo hiểm xã hội	TSC	0,25		0,25	Huyện Thanh Oai	2021-2022
183	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Thanh Mai	TSC	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
184	Mở rộng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Liên Châu	TSC	0,10		0,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
185	Mở rộng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Đỗ Động	TSC	0,15		0,15	Huyện Thanh Oai	2021-2022
186	Mở rộng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Dân Hòa	TSC	0,28		0,28	Huyện Thanh Oai	2021-2022
187	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Cao Dương	TSC	1,50		1,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
188	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bình Minh	TSC	0,76		0,76	Huyện Thanh Oai	2021-2022
189	Trụ sở Ngân hàng chính sách xã hội	TSC	0,13		0,13	Huyện Thanh Oai	2021-2022
190	Kho bạc nhà nước Thanh Oai	TSC	0,35		0,35	Huyện Thanh Oai	2021-2022
191	Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai	TSC	0,30		0,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
192	Viện kiểm sát nhân dân huyện	TSC	0,30		0,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
193	Trụ ở làm việc ban chỉ huy quân sự các xã, thị trấn	TSC	2,17	0,29	1,88	Huyện Thanh Oai	2023-2025
194	Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín	TSC	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
195	Tòa án nhân dân huyện Thường Tín	TSC	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
196	Trụ sở Chi cục thi hành án	TSC	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
197	Trụ sở Chi cục thuế	TSC	0,36		0,36	Huyện Thường Tín	2022-2025
198	Trụ sở phòng Tài chính Kế hoạch	TSC	0,16		0,16	Huyện Thường Tín	2022-2025
199	Trụ sở Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Thường Tín	TSC	0,10		0,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
200	Trụ sở Đảng ủy HĐND - UBND thị trấn Thường Tín	TSC	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
201	Trụ sở ĐU-HĐND-UBND xã Nguyễn Trãi	TSC	0,95	0,35	0,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
202	Trụ sở ĐU-HĐND-UBND xã Chương Dương	TSC	0,60		0,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
203	Trụ sở UBND xã Hòa Bình (giai đoạn 1 cải tạo nâng cấp; Giai đoạn 2 mở rộng)	TSC	0,91	0,29	0,62	Huyện Thường Tín	2022-2025
204	Mở rộng trụ sở UBND xã Văn Bình	TSC	1,35	0,56	0,79	Huyện Thường Tín	2022-2025
205	Mở rộng trụ sở UBND xã Văn Tự	TSC	0,31		0,31	Huyện Thường Tín	2022-2025
206	Trụ sở đội Thanh tra giao thông	TSC	0,28		0,28	Huyện Thường Tín	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
207	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hồng Vân, huyện Thường Tín	TSC	0,75		0,75	Huyện Thường Tín	2021
208	Nhà làm việc UBND xã Hòa Bình	TSC	0,02		0,02	Huyện Thường Tín	2021
209	Cải tạo nâng cấp trụ sở Đảng ủy- HĐND-UBND xã Hòa Bình	TSC	0,37		0,37	Huyện Thường Tín	2021
210	Xây dựng trụ sở Đội thanh tra giao thông huyện Thường Tín	TSC	0,28		0,28	Huyện Thường Tín	2021
211	Trụ sở Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	TSC	0,10		0,10	Huyện Thường Tín	2022
212	Xây mới trụ sở UBND xã Đồng Tân	TSC	0,48	0,48	0,48	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
213	Xây mới trụ sở UBND xã Đồng Tân	TSC	0,72	0,72	0,72	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
214	Xây mới trụ sở UBND xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	TSC	0,75	-	-	Huyện Ứng Hòa	2025
215	Xây dựng Trụ sở ĐU-HĐND-UBND phường Đội Cấn và Trạm y tế phường Đội Cấn	TSC	0,16		0,16	Quận Ba Đình	2021-2025
216	Xây dựng Trụ sở ĐU-HĐND-UBND phường Ngọc Hà và mở rộng ngõ vào theo quy hoạch	TSC	0,20		0,20	Quận Ba Đình	2021-2025
217	Dự án xây dựng Bãi đỗ xe của Văn phòng Chính phủ (Bãi ngầm)	TSC	0,43			Quận Ba Đình	2021-2025
218	Xây dựng bổ sung phòng làm việc, phòng chức năng một cửa, phòng tiếp công dân trụ sở UBND phường Thụy Phương	TSC	0,30		0,30	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
219	Cải tạo, mở rộng trụ sở phường Minh Khai	TSC	0,68		0,68	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
220	Khu liên cơ quan Vân Hồ	TSC	0,74	0,74	0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
221	Trụ sở UBND phường Lê Đại Hành	TSC	0,02		0,02	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
222	Trụ sở UBND phường Minh Khai	TSC	0,04		0,04	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
223	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần thương mại Xi Măng	TSC	0,72		0,72	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
224	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận	TSC	0,03	0,03		Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
225	Xây dựng trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm	TSC	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
226	Trùng tu, tôn tạo trụ sở Tòa án nhân dân tối cao số 48-48A Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (GĐ2)	TSC	0,97		0,97	Quận Hoàn Kiếm	2022
227	Dự án xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm	TSC	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2022
228	Xây dựng trụ sở Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm	TSC	0,01		0,00	Quận Hoàn Kiếm	2022
229	Xây dựng trụ sở dân quân thường trực kết hợp nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư tại địa điểm 20/823 Hồng Hà, Chương Dương	TSC	0,01			Quận Hoàn Kiếm	2022
230	Trùng tu, tôn tạo trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tối cao số 48-48A Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (GĐ2)	TSC	0,97	0,97		Quận Hoàn Kiếm	2021
231	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Cửa Đông	TSC	0,02		0,02	Quận Hoàn Kiếm	2021
232	Hoán đổi địa điểm xây dựng trụ sở phường Hàng Trống	TSC	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
233	Dự án xây dựng trụ sở Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội và cụm kho vật chứng THADS thành phố Hà Nội và chi cục THADS quận Cầu Giấy	TSC	0,80		0,80	Quận Nam Từ Liêm	2021
234	Xây dựng trụ sở UBND phường Phú Đô	TSC	0,62		0,62	Quận Nam Từ Liêm	2021
235	Xây dựng trụ sở làm việc phường Phương Canh	TSC	0,40		0,40	Quận Nam Từ Liêm	2023
236	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND xã Đường Lâm	TSC	1,26	-	1,26	Thị xã Sơn Tây	2022
237	Dự án Giải phóng mặt bằng khu đất tại 138 ngõ Văn Chương và xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND & UBND phường Văn Chương	TSC	0,12	0,12		Quận Đống Đa	2021
238	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy, HDND - UBND phường Láng Thượng	TSC	0,08		0,08	Quận Đống Đa	2021
239	Dự án Cải tạo, mở rộng tại sở Cục thuế TP Hà Nội	TSC	0,31	0,31		Quận Đống Đa	2021
240	Trụ sở kho bạc nhà nước (mở rộng)	TSC	0,11		0,11	Quận Đống Đa	2021
245	Mở rộng nhà máy in tiền (Kho nguyên liệu đặc biệt và khối nhà phụ trợ)	TSC	0,26		0,26	Quận Cầu Giấy	2021
246	Xây dựng trụ sở Quận ủy, HĐND và UBND quận Cầu Giấy tại ô đất D22 Khu đô thị mới Cầu Giấy	TSC	2,10		2,10	Quận Cầu Giấy	2021
247	Xây dựng trụ sở tuân tra đăng ký tạm trú tại phố Trần Quốc Hoàn	TSC	0,01		0,01	Quận Cầu Giấy	2023-2025
248	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Yên Hòa	TSC	0,18		0,18	Quận Cầu Giấy	2023-2025
249	Đất trụ sở cơ quan, viện nghiên cứu, trường đào tạo	TSC	3,48		3,48	Quận Cầu Giấy	2023-2025
250	Trung tâm hành chính huyện (trụ sở các cơ quan)	TSC	3,70		3,70	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
251	Xây dựng trụ sở Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Phúc Thọ	TSC	0,23		0,23	Huyện Phúc Thọ	2022
252	Mở rộng cải tạo trụ sở ĐU - HĐND - UBND xã Phúc Hòa	TSC	0,35		0,35	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
253	Hội trường và Nhà khoi đoàn thể, công trình phụ trợ trụ sở ĐU-HĐND-UBND xã Vĩng Xuyên	TSC	1,52		1,52	Huyện Phúc Thọ	2022
254	Mở rộng nâng cấp trụ sở ĐU - HĐND - UBND xã Sen Phương	TSC	0,83		0,83	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
255	Trụ sở ĐU- HĐND - UBND xã Tích Giang	TSC	0,66		0,66	Huyện Phúc Thọ	2022
B.26	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
1	Hợp tác xã nông nghiệp	DTS	0,05		0,05	Huyện Ba Vì	2021
2	Hợp tác xã nông nghiệp	DTS	0,03		0,03	Huyện Ba Vì	2021
3	Hợp tác xã nông nghiệp (2 điểm)	DTS	0,08		0,08	Huyện Ba Vì	2021
4	Hợp tác xã	DTS	0,05		0,05	Huyện Ba Vì	2021
5	Hợp tác xã nông nghiệp	DTS	0,02		0,02	Huyện Ba Vì	2021
6	Hợp tác xã nông nghiệp (3 điểm)	DTS	0,15		0,15	Huyện Ba Vì	2021
7	Trung tâm Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm	DTS	2,80		2,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
8	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới đường bộ Hamatra ST	DTS	0,82			Huyện Mê Linh	2022
9	Nhà khách UBND huyện	DTS	0,36			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
10	Mở rộng trung tâm Nghiên cứu Vĩt Đại Xuyên	DTS	10,00		10,00	Huyện Phú Xuyên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
11	Dự án đầu tư XD Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Sóc Sơn	DTS	0,18		0,18	Huyện Sóc Sơn	2022
12	Dự án xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Sóc Sơn	DTS	0,21		0,21	Huyện Sóc Sơn	2022
13	Quỹ tín dụng xã Chàng Sơn	DTS	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2028
14	Trạm đăng kiểm	DTS	1,50		1,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
15	Trụ sở trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thanh Oai	DTS	0,16		0,16	Huyện Thanh Oai	2021-2022
16	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	DTS	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
17	Trụ sở Khuyến nông huyện	DTS	0,42		0,42	Huyện Thường Tín	2022-2025
18	Dự án đầu tư trụ sở cấp Đội của Quản lý thị trường Thành phố Hà Nội	DTS	0,29		0,29	Huyện Thường Tín	2022-2025
19	Dự án đầu tư trụ sở cấp Đội của Quản lý thị trường Thành phố Hà Nội	DTS	0,29	0,29	0,29	Huyện Thường Tín	2022
20	Ban chỉ huy quân sự các xã	DTS	1,20	-	1,20	Huyện Ứng Hòa	2023
21	Xây dựng trụ sở Hội liên hiệp phụ nữ quận	DTS	0,02		0,02	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
22	Xây dựng trụ sở dân quân thường trực kết hợp nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư phường Chương Dương	DTS	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
23	Chỉnh trang HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch A.4/CX1, A.4/CL1, A.5/LX5, A.4/P5 phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DTS	2,00			Quận Long Biên	2022
24	Xây dựng trụ sở Chi cục thuế quận Long Biên	DTS	0,36			Quận Long Biên	2022
25	Kho lưu trữ bảo hiểm của trung ương Đảng	DTS	3,30	3,30	-	Quận Nam Từ Liêm	2021
26	Phần còn lại ô đất 7A Khu liên hợp thể thao quốc gia	DTS	1,70		1,70	Quận Nam Từ Liêm	2021
27	Trụ sở Hội và các hiệp hội	DTS	0,34		0,34	Quận Cầu Giấy	2023-2025
B.27	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
1	Xây dựng Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội	DNG	2,34		2,34	Quận Cầu Giấy	2021
B.28	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
1	Trùng tu, tôn tạo, chống xuống cấp Khu vực Miệng ốc và Miếu thờ Loa Khẩu (cạnh sông Hoàng Giang cổ - khu vực chợ Sa), xã Cổ Loa	TIN	0,07		0,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Dục Tú, xã Dục Tú	TIN	0,34		0,34	Huyện Đông Anh	2021-2025
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đền (nghe) Ngọc Lôi, xã Dục Tú	TIN	0,26		0,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
4	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Đình Tràng, xã Dục Tú	TIN	0,43		0,43	Huyện Đông Anh	2021-2025
5	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú	TIN	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
6	Tu bổ, tôn tạo đình Lê Xá	TIN	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
7	Tu bổ, tôn tạo đình Lộc Hà	TIN	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
8	Quy hoạch đền thờ TS Lê Tuấn Mậu	TIN	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
9	Phục dựng đình thôn Do Hạ, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh	TIN	0,27		0,27	Huyện Mê Linh	2022
10	Đình trung TDP Tế Tiêu	TIN	0,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
11	Đình hạ TDP Tế Tiêu	TIN	0,35			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
12	Đình Thượng TDP Văn Giang	TIN	0,33			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
13	Đình thôn Nông Khê	TIN	0,11			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
14	Đền Mẫu thôn An Đà	TIN	0,13			Huyện Mỹ Đức	2021
15	Mở rộng Đền Vua Đình	TIN	0,11			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
16	Mở rộng đền thôn Vải Mới	TIN	0,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
17	Đình Bè	TIN	0,05		0,05	Huyện Phú Xuyên	2023
18	Mở rộng đền thờ Tổ nghề Khâm	TIN	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2022
19	Đình thôn Nam Phú	TIN	0,06		0,06	Huyện Phú Xuyên	2022
20	Quy hoạch đình Gia phú	TIN	0,12		0,12	Huyện Phú Xuyên	2022
21	Xây dựng lại đình Phú Mỹ	TIN	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2025
22	Xây dựng đình Mỹ Lâm	TIN	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2024
23	Đất tín ngưỡng (trường THCS hiện trạng, thôn Trung)	TIN	0,47		0,47	Huyện Thanh Oai	2021-2022
24	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Cát Triệu	TIN	0,06		0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
25	Tu bổ tôn tạo Đình An Trí	TIN	0,07		0,07	Quận Ba Đình	2021-2025
26	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Xuân Biều	TIN	0,06		0,06	Quận Ba Đình	2021-2025
27	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Châu Long	TIN	0,12		0,03	Quận Ba Đình	2021-2025
28	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hữu Tiệp	TIN	0,04		0,02	Quận Ba Đình	2021-2025
29	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Kim Mã Thượng	TIN	0,01		0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
30	Dự án đầu tư bồi thường hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch (GPMB phục vụ đầu tư, tu bổ, tôn tạo đình Hà Vĩ)	TIN	0,08	0,02	0,05	Quận Hoàn Kiếm	2021
31	GPMB đình, đền, chùa Vũ Thạch	TIN	0,21		0,21	Quận Hoàn Kiếm	2021
32	GPMB đình Trung Yên	TIN	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021
33	GPMB đình Thanh Hà	TIN	0,04		0,04	Quận Hoàn Kiếm	2021
34	GPMB đền Hòa Thần	TIN	0,05		0,05	Quận Hoàn Kiếm	2021
35	GPMB đền Phù Ủng	TIN	0,04		0,04	Quận Hoàn Kiếm	2021
36	Tu bổ, tôn tạo đền Sơn Hải	TIN	0,05		-	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
37	Tu bổ, tôn tạo đình Tiên Hạ	TIN	0,02		-	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
38	Tu bổ tôn tạo đình Trương Thị	TIN	0,09		0,09	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
39	Tu bổ, tôn tạo đình, đền Nghĩa Lập	TIN	0,04		0,04	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
40	GPMB Đình - Đền Thiên Tiên	TIN	0,02		0,02	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
41	Tu bổ, tôn tạo Đền Khánh Thụy	TIN	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
42	Tu bổ tôn tạo di tích đình Đại Mỗ	TIN	0,87		0,87	Quận Nam Từ Liêm	2021
43	Tu bổ, tôn tạo Đền Cổ Lê	TIN	0,03		0,03	Quận Tây Hồ	2021
44	Tu bổ, tôn tạo Đền Cổ Lê	TIN	0,03		0,00	Quận Tây Hồ	2022
45	Mở rộng khuôn viên đền thờ làng Ngô Quyền	TIN	1,36	1,36	-	Thị xã Sơn Tây	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
46	Mở rộng, tu bổ tôn tạo đình, đền Phùng Hưng	TIN	1,10	1,10	-	Thị xã Sơn Tây	2025
47	GPMB, tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hoàng Mai	TIN	0,27		0,04	Quận Hoàng Mai	2022
48	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Mai Dịch	TIN	0,07		0,07	Quận Cầu Giấy	2021
49	Cải tạo khuôn viên giếng thôn Cổ Ngõa, xã Phương Đình	TIN	0,01		0,01	Huyện Đan Phượng	2022
B.29	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
1	Dự án đầu tư Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích	SON	154,05		154,05	Huyện Ba Vì	2021
2	Cải tạo, nâng cấp và phát huy hiệu quả sông Hang (đoạn từ Cầu Kim Sơn đến Cầu Quan và nâng cấp đập Vị Thủy)	SON	5,50		5,50	Thị xã Sơn Tây	2023
B.30	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
1	Hồ Khánh Hà 1, 2	MNC	2,20		2,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
2	Hồ điều hòa phía Đông Bắc Vân Đình	MNC	9,70		9,70	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
3	Hồ điều hòa phía Đông Nam Vân Đình	MNC	5,90		5,90	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
4	Hồ điều hòa phía Tây Nam Vân Đình	MNC	16,50		16,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
5	Dự án cải tạo nâng cấp hồ Chùa chợ, tổ dân phố 7, phường Đồng Mai	MNC	0,25	0,23	0,02	Quận Hà Đông	2021
6	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tuyến mương và bãi đỗ xe tại ô quy hoạch C.11/P5, phường Việt Hưng, quận Long Biên	MNC	1,15			Quận Long Biên	2022
7	Đầu tư cải tạo môi trường Hồ Đầu Bàng theo phương thức xã hội hóa	MNC	5,00			Quận Long Biên	2022
8	Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống cống nối thông hồ Vực, hồ Đầu Bàng và hồ Tư Đình theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển Giao	MNC	3,10			Quận Long Biên	2022
B.31	Đất công trình công cộng khác	DCK					
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mục đích công cộng tại các điểm đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng sau GPMB dự án xây dựng tuyến đường vành đai II (phần dưới đất) đoạn từ cầu Mai Động đến Ngã Tư Vọng	DCK	0,05		0,05	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
2	Dự án GPMB và xây dựng tường rào chống lấn chiếm tại điểm đất đường Nguyễn Văn Huyền kéo dài trên địa bàn phường Xuân La	DCK	1,20		1,20	Quận Tây Hồ	2022
3	Vườn hoa cây xanh (A11; K7-1, PK H2-2)	DCK	0,74		0,74	Quận Cầu Giấy	2021
4	Làm thảm cỏ cây xanh tạo cảnh quan cho BV quốc tế Hoa Kỳ	DCK	0,24		0,24	Quận Cầu Giấy	2023-2025
5	Đất cây xanh khu đô thị	DCK	0,27		0,27	Quận Cầu Giấy	2023-2025
6	Xây dựng cơ sở 2 đài phát thanh và truyền hình Hà Nội	DSK	8,20	5,14	3,06	Quận Nam Từ Liêm	2021
7	Dự án Trung tâm sản xuất phim truyền hình	DSK	2,40		2,40	Quận Nam Từ Liêm	2021
B.32	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC					
1	Giao đất nông nghiệp cho 06 hộ gia đình hoàn thành trả nợ sản phẩm tại xã Tiền Phong	LUC	0,50			Huyện Mê Linh	2022
2,00	Đấu giá cho thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích. (Phương Trung 6,59 ha; Mỹ Hưng 3,45 ha; Đỗ Động 4,83 ha; Liên Châu 1,5 ha; Tân Ước 6,55 ha; Hồng Dương 33,02 ha)	LUC	55,94		-	Huyện Thanh Oai	2023

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
3	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Thư Phú	LUC	1,00			Huyện Thường Tín	2021
B.33	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1	Khu vườn ươm, sinh vật cảnh và cửa hàng giới thiệu sản phẩm nông nghiệp	HNK	1,16		1,16	Huyện Đông Anh	2021
2	Diện tích trồng cây xanh, làm vườn ươm	HNK	1,05		1,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
3	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Văn Bình	HNK	2,94			Huyện Thường Tín	2022
4	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Tân Minh	HNK	4,50			Huyện Thường Tín	2022
5	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Quất Động	HNK	3,00			Huyện Thường Tín	2022
6	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Văn Tảo	HNK	88,00			Huyện Thường Tín	2022
7	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Hồng Vân	HNK	1,15			Huyện Thường Tín	2022
8	Đấu giá quỹ đất công ích, đất bãi bồi ven sông	HNK	200,00		200,00	Huyện Đan Phượng	2022
9	Công nhận QSD đất, cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho các trường hợp được UBND thị trấn Phú Xuyên giao bổ sung trong quá trình thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa năm 2012-2013	HNK	3,22		3,22	Huyện Phú Xuyên	2022
B.34	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1	Chuyển sang đất cây lâu năm	CLN	45,05			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
2	Chuyển sang đất cây lâu năm	CLN	20,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
3	Chuyển sang đất cây lâu năm	CLN	15,92			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
4	Chuyển sang đất cây lâu năm	CLN	35,66			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
5	Chuyển sang đất cây lâu năm	CLN	37,07			Huyện Mỹ Đức	2021-2025
6	Chuyển sang đất cây lâu năm	CLN	3,20			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
7	Chuyển sang đất cây lâu năm	CLN	1,49			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
8	Chuyển sang đất cây lâu năm	CLN	4,40			Huyện Mỹ Đức	2021-2025
9	Chuyển sang đất cây lâu năm	CLN	9,18			Huyện Mỹ Đức	2021-2025
B.35	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1	Chuyển đổi sang NTTS	NTS	4,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
2	Chuyển đổi sang NTTS	NTS	4,31			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
3	Chuyển đổi sang NTTS	NTS	45,68			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
4	Chuyển đổi sang NTTS	NTS	12,29			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
5	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Tô Hiệu	NTS	17,00			Huyện Thường Tín	2022
B.36	Đất nông nghiệp khác	NKH					
1	Đất sản xuất nông nghiệp CNC	NKH	31,48			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
2	Đất sản xuất nông nghiệp CNC	NKH	158,26			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
3	Đất sản xuất nông nghiệp CNC	NKH	9,50			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
4	Đất sản xuất nông nghiệp CNC	NKH	37,70			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
5	Đất sản xuất nông nghiệp CNC	NKH	37,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
6	Đất sản xuất nông nghiệp CNC	NKH	30,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
7	Đất sản xuất nông nghiệp CNC	NKH	10,62			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
8	Khu chăn nuôi tập trung	NKH	14,25			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
9	Khu chăn nuôi tập trung (04 khu)	NKH	5,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
10	Quy hoạch VAC, trồng sen	NKH	12,00			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
11	Quy hoạch VAC khu Chuông Giành	NKH	0,82			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
12	Khu chăn nuôi tập trung (02 khu)	NKH	10,36			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
13	QH Khu chăn nuôi tập trung	NKH	7,63			Huyện Mỹ Đức	2022-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
14	QH Khu chăn nuôi tập trung (05 khu)	NKH	52,79			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
15	QH Khu chăn nuôi tập trung (05 khu)	NKH	32,30			Huyện Mỹ Đức	2022-2025
16	Mô hình trang trại tổng hợp	NKH	1,67			Huyện Thanh Oai	2021-2022
17	Dự án nông nghiệp công nghệ cao (trang trại chăn nuôi gia cầm liên kết theo chuỗi)	NKH	25,43			Huyện Thường Tín	2022
18	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	NKH	201,00		201,00	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
19	Chăn nuôi tập trung xứ đồng Độc Trai	NKH	2,52		2,52	Huyện Phúc Thọ	2021
B.37	Các dự án xác định khác						
1	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp tại khu Đồng Bã, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	DNN	6,75			Huyện Gia Lâm	2022
2	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp tại khu Chăn Nuôi, xã Kim Lan, huyện Gia Lâm	DNN	2,15			Huyện Gia Lâm	2022
3	Đấu giá quyền thuê đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp trên địa bàn 22 xã, thị trấn	DNN	220,00			Huyện Gia Lâm	2022
4	Đấu giá cho thuê quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích	NNP	100,00		100,00	Huyện Hoài Đức	2022
5	Đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 27/2020/QĐ - UBND ngày 18/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội	NNP	44,54			Huyện Mê Linh	2022
6	Cho hộ gia đình, cá nhân thuê đất nông nghiệp công ích, đất nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền của UBND huyện, UBND xã (đã bao gồm phần diện tích năm 2021 chuyển sang)	NNP	0,92			Huyện Sóc Sơn	2022
7	Cho các hộ gia đình, cá nhân thuê đất nông nghiệp công ích, nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền của UBND huyện, UBND xã	NNP	59,33			Huyện Sóc Sơn	2022
8	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa	NNP	147,81		147,81	Huyện Thanh Oai	2021-2022
9	Đất xây dựng đô thị trung tâm huyện	KDT	1.100	703,00	397,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
10	Điểm du lịch sinh thái tại bãi ven sông Hồng, xã Hồng Vân	KDL	50,00		50,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
11	Điểm du lịch sinh thái ven sông Hồng, xã Ninh Sở	KDL	50,00		50,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
12	Xây dựng HTKT và dải cây xanh cách ly giữa trường THPT Thường Tín với hệ thống đường giao thông huyện Thường Tín	DHT	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2021
13	Chỉnh trang đường dạo phía Bắc kênh T4 (đoạn từ đường Nguyễn Toàn đến đường Nguyễn Vĩnh Tích) huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DHT	0,31		0,31	Huyện Thường Tín	2022
14	Cho thuê đất nông nghiệp do UBND các xã thị trấn quản lý và sử dụng (đất công ích) trên địa bàn huyện Ứng Hòa	NNP	20,00			Huyện Ứng Hòa	2022-2025
15	Xây dựng công viên, hồ tại ô quy hoạch E.2/CXKO3 phường Bò Đề, quận Long Biên	DHT	1,30			Quận Long Biên	2022
16	Xây dựng công viên, hồ tại ô quy hoạch A.4/CXKO phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DHT	6,00			Quận Long Biên	2022

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
17	Xây dựng công viên, hồ tại ô quy hoạch G.4/CXK01 phường Thạch Bàn, quận Long Biên	DHT	14,00			Quận Long Biên	2022
18	Xây dựng công viên, hồ tại ô quy hoạch A.3/CXK0 phường Ngọc Thụy, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DHT	7,00			Quận Long Biên	2022
19	Giải phóng mặt bằng, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/CCK0. G.2/P1 phụ cận tuyến đường Cổ Linh. đường dẫn cầu Vĩnh Tuy phục vụ đấu giá QSD đất. phường Long Biên	DHT	1,35			Quận Long Biên	2022
20	Hoàn chỉnh HTKT, GPMB ô quy hoạch E.3/CCK01 phụ cận tuyến đường 40m, 22m phường Bồ Đề, quận Long Biên	DHT	1,20			Quận Long Biên	2022
21	Đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp công ích, đất bãi bồi, đất công khác để sử dụng vào mục đích nông nghiệp tại 9 phường trên địa bàn quận Long Biên	NNP	200,00			Quận Long Biên	2022
22	Xây dựng HTKT xung quanh Hồ Tây	DHT	25,49		25,49	Quận Tây Hồ	2021
23	Đấu giá quyền thuê đất sản xuất nông nghiệp	NNP	21,67		21,67	Quận Tây Hồ	2022
24	Dự án đấu giá cho thuê đất sản xuất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do UBND phường quản lý	NNP	7,25		7,25	Quận Tây Hồ	2021-2025
25	Đấu giá cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, thuộc quỹ đất nông nghiệp công ích UBND phường Nhật Tân quản lý	NNP	1,07		1,07	Quận Tây Hồ	2021-2025
2	Các công trình, dự án khác						
1	Nhu cầu Đất quốc phòng (89 dự án)	CQP	1060,4		1060,45	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
2	Nhu cầu Đất an ninh (93 dự án)	CAN	35,3		35,3003	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
3	Nhu cầu Đất khu công nghiệp (6 dự án)	SKK	543,95		543,95	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
4	Nhu cầu Đất cụm công nghiệp (9 dự án)	SKN	286,65		286,65	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
5	Nhu cầu Đất thương mại, dịch vụ (319 dự án)	TMD	2248,7		2248,7	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
6	Nhu cầu Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (73 dự án)	SKC	371,33		371,333	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
7	Nhu cầu Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (10 dự án)	SKS	360,06		360,06	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
8	Nhu cầu Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (27 dự án)	SKX	68,53		68,53	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
9	Nhu cầu Đất giao thông (557 dự án)	DGT	2649,6		2649,57	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
10	Nhu cầu Đất thủy lợi (70 dự án)	DTL	250,14		250,136	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
11	Nhu cầu Đất cơ sở văn hóa (278 dự án)	DVH	431,6		431,597	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
12	Nhu cầu Đất cơ sở y tế (65 dự án)	DYT	141,22		141,222	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
13	Nhu cầu Đất cơ sở giáo dục - đào tạo (354 dự án)	DGD	716,21		716,208	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
14	Nhu cầu Đất cơ sở thể dục - thể thao (157 dự án)	DTT	436		436,004	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
15	Nhu cầu Đất công trình năng lượng (50 dự án)	DNL	110,26		110,263	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
16	Nhu cầu Đất công trình bưu chính viễn thông (29 dự án)	DBV	1,27		1,27	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
17	Nhu cầu Đất cơ sở tôn giáo (61 dự án)	TON	47,315		47,3147	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
18	Nhu cầu Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (63 dự án)	NTD	151,34		151,345	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
19	Nhu cầu Đất có di tích lịch sử - văn hóa (31 dự án)	DDT	209,9		209,9	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
20	Nhu cầu Đất bãi thải, xử lý chất thải (92 dự án)	DRA	89,151		89,151	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
21	Nhu cầu Đất cơ sở nghiên cứu khoa học (2 dự án)	DKH	4,37		4,37	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
22	Nhu cầu Đất cơ sở dịch vụ về xã hội (3 dự án)	DXH	46,52		46,52	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
23	Nhu cầu Đất chợ (72 dự án)	DCH	120,95		120,948	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
24	Nhu cầu Đất danh lam thắng cảnh (6 dự án)	DDL	9192		9192	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
25	Nhu cầu Đất sinh hoạt cộng đồng (31 dự án)	DSH	1,6479		1,64792	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
26	Nhu cầu Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (132 dự án)	DKV	959,78		959,784	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
27	Nhu cầu Đất ở tại nông thôn (498 dự án)	ONT	3781,6		3781,56	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
28	Nhu cầu Đất ở tại đô thị (368 dự án)	ODT	7168,8		7168,83	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
29	Nhu cầu Đất xây dựng trụ sở cơ quan (129 dự án)	TSC	134,65		134,652	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
30	Nhu cầu Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (15 dự án)	DTS	4,7045		4,70448	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
31	Nhu cầu Đất cơ sở tín ngưỡng (43 dự án)	TIN	13,586		13,5859	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
32	Nhu cầu Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (3 dự án)	SON	102,21		102,21	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
33	Nhu cầu Đất có mặt nước chuyên dùng (8 dự án)	MNC	116,67		116,67	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
34	Nhu cầu Đất phi nông nghiệp khác (4 dự án)	PNK	342,01		342,01	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
35	Nhu cầu Đất công trình công cộng khác (1 dự án)	DCK	0		0	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
36	Nhu cầu Đất trồng cây hàng năm khác (18 dự án)	HNK	478,31		478,31	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
37	Nhu cầu Đất trồng cây lâu năm (52 dự án)	CLN	740,22		740,22	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
38	Nhu cầu Đất rừng sản xuất (2 dự án)	RSX	91,67		91,67	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
39	Nhu cầu Đất nuôi trồng thủy sản (39 dự án)	NTS	1689,5		1689,53	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
40	Nhu cầu Đất nông nghiệp khác (58 dự án)	NKH	1397,7		1397,71	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
41	Nhu cầu Đất nông nghiệp (16 dự án)	NNP	2094,9		2094,91	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
42	Nhu cầu Khu du lịch (9 dự án)	KDL	226,5		226,5	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025
43	Nhu cầu Đất trồng lúa nước còn lại (2 dự án)	LUK	146,75		146,75	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
44	Nhu cầu Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (6 dự án)	DHT	6,7		6,7	Các huyện, Thị xã, Quận	2021-2025